BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Lâm sinh (Silvicuture)
Tên chuyên ngành: Lâm sinh Mã ngành: 7620205
Trình độ đào tạo: Đại học Hình thức đào tạo: Chính quy

*Đắk Lắk, 2020*

www.ttn.edu.vn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN**

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

| | | |
|---|---|---|
| **Ngành đào tạo** | **:** | **Lâm sinh** |
| **Tên tiếng Anh** | **:** | **Silvicuture** |
| **Tên chuyên ngành** | **:** | **Lâm sinh** |
| **Mã ngành** | **:** | **7620205** |
| **Hệ đào tạo** | **:** | **Đại học** |
| **Hình thức đào tạo** | **:** | **Giáo dục chính quy** |

**ĐẮK LẮK, 2020**

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành tại Quyết định số 2638/QĐ-ĐHTN ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)*

Tên chương trình: Lâm sinh
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Lâm sinh. Mã ngành: 7620205
Hệ đạo tào: Chính quy
Loại hình đào tạo: Giáo dục chính quy

## 1. Mục tiêu đào tạo

### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cán bộ lâm nghiệp bậc đại học có khả năng quản lý và phát triển bền vững tài nguyên rừng, gắn với phát triển kinh tế xã hội vùng nông thôn. Có phẩm chất đạo đức tốt, có khả năng cộng tác cao trong công việc

### 1.2. Mục tiêu cụ thể

#### 1.2.1. Về kiến thức

M1. Trang bị kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và xã hội, kiến thức về lý luận chính trị, Nhà nước và pháp luật, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để đáp ứng yêu cầu công việc chuyên môn.

M2. Trang bị kiến thức cơ bản về kỹ năng mềm, khởi nghiệp để có ý tưởng khởi nghiệp, lập kế hoạch và triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp, qua đó thúc đẩy tinh thần dám nghĩ, dám làm trong việc chọn việc, chọn nghề, lập nghiệp.

M3. Có kiến thức cơ bản về ngoại ngữ, tin học để đáp ứng được các yêu cầu trong công việc chuyên môn.

M4. Kiến thức về hệ sinh thái rừng, sinh thái nhân văn và hệ thống quản lý tài nguyên rừng.

M5. Quản lý, tổ chức kinh doanh sử dụng rừng bền vững.

M6. Chính sách, luật lâm nghiệp, kinh tế thị trường

#### 1.2.2. Về kỹ năng, thái độ đạo đức nghề nghiệp

M7. Người học có năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

M8. Phân tích vấn đề, thiết kế các phương án công nghệ, nghiên cứu về quản lý rừng bền vững

M9. Giao tiếp, thúc đẩy trong các hoạt động quản lý tài nguyên rừng với các bên liên quan.

M10. Tổ chức thực hiện các phương án quản lý rừng bền vững.

M11. Tôn trọng, trung thực và phục vụ cộng đồng, sẵn sàng làm việc ở các địa bàn lâm nghiệp

M12. Có tinh thần hợp tác, học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm với các bên liên quan.

#### 1.2.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp có khả năng làm việc ở các vị trí sau:

M13. Các tổ chức, cơ quan quản lý nhà nước về nông lâm nghiệp.

M14. Các cơ quan sản xuất, các chương trình dự án phát triển nông lâm nghiệp.

M15. Các cơ sở đào tạo và nghiên cứu lâm nghiệp.

## 1. Chuẩn đầu ra

### *2.1. Kiến thức*

C1. Hiểu được những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và xã hội, kiến thức về lý luận chính trị, Nhà nước và pháp luật, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để đáp ứng yêu cầu công việc.

C2. Hiểu và trình bày được kiến thức tổng quan về công nghệ thông tin và ứng dụng để giải quyết các yêu cầu công việc chuyên môn ngành lâm nghiệp.

C3. Có kiến thức về tài nguyên rừng, hệ sinh thái rừng, đa dạng sinh học, rừng môi trường, cảnh quan rừng và tiếp cận cảnh quan.

C4. Có kiến thức về quản lý tài nguyên rừng bền vững, chứng chỉ rừng.

C5. Kiến thức bản địa, xã hội - nhân văn, chính sách, luật lâm nghiệp, kinh tế thị trường.

C6. Có kiến thức về hệ thống về kỹ thuật, công nghệ lâm nghiệp: Kỹ thuật lâm sinh, trồng rừng, chăm sóc, quản lý, điều tra, lâm sản ngoài gỗ, nông lâm kết hợp, chế biến gỗ.

C7. Có kiến thức về truyền thông trong phát triển lâm nghiệp bền vững.

### *2.2. Kỹ năng*

C8. Người học có năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

C9. Sử dụng các dụng cụ, trang thiết bị phục vụ ngành lâm nghiệp: Sử dụng bản đồ, các máy móc thiết bị đo đạc, GPS, đọc ảnh viễn thám, sử dụng công nghệ GIS để quản lý dữ liệu về tài nguyên rừng, thiết kế trồng rừng, điều tra, phân tích và tạo lập bản đồ, xử lý thống kê, để quản lý và theo dõi diễn biến tài nguyên rừng.

C10. Tham gia phân tích, xây dựng và thực hiện các ý tưởng khởi nghiệp; tổ chức thực hiện các kế hoạch, dự án lâm nghiệp và chuyển giao công nghệ.

C11. Vận dụng kỹ năng mềm trong giao tiếp, truyền thông thúc đẩy cộng đồng, làm việc nhóm để xử lý các tình huống, giải quyết những vấn đề về nghiên cứu, ứng dụng và sản xuất lâm nghiệp.

### *2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm*

C12. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc khác nhau, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

C13. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn ngành lâm nghiệp.

C14. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân.

C15. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực để thực hiện, giám sát, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn ngành lâm nghiệp.

## 2. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

| **Mục tiêu** | **Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Kiến thức** | | | | | | | **Kỹ năng** | | | | **Năng lực tự chủ và trách nhiệm** | | | |
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| M1 | X | | | | | | | | | | | | | | |
| M2 | | | | | | | | | | X | | | | | |
| M3 | | X | | | | | | | | | | | | | |

| Mục tiêu | Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Kiến thức | | | | | | | Kỹ năng | | | | Năng lực tự chủ và trách nhiệm | | | |
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| M4 | | | X | | | | | | | | | | | | |
| M5 | | | | X | | X | | | | | | | | | |
| M6 | | | | | X | | | | | | | | | | |
| M7 | | | | | | | | X | | | | | | | |
| M8 | | | | | | | | | X | X | | | | X | |
| M9 | | | | | | | X | | | | X | | | | |
| M10 | | | | | | | | | | | | | X | | |
| M11 | | | | | | | | | | | | X | | | |
| M12 | | | | | | | | | | | | X | X | | X |
| M13 | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| M14 | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| M15 | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X | X |

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 150 tín chỉ (TC)**

**4.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 39 TC**

*(Không tính Giáo dục thể chất; Giáo dục quốc phòng)*

- Lý luận Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 11 TC
- Khoa học xã hội: 2 TC (Tự chọn 2 trong 4 tín chỉ)
- Ngoại ngữ - Anh văn: 12 TC
- Toán – Khoa học tự nhiên – Công nghệ - Kinh tế: 14 TC

**4.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 111TC**

- Kiến thức cơ sở ngành: 43 TC
- Kiến thức ngành: 58 TC
- Khóa luận tốt nghiệp 10 TC

**4. Đối tượng tuyển sinh:**

- Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh
- Phương thức tuyển sinh: Theo đề án tuyển sinh của trường Đại học Tây Nguyên

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Áp dụng "Quy chế học vụ, Đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ", ban hành kèm theo Quyết định số 1676/QĐ-ĐHTN-ĐTĐH ngày 19/08/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên.

**6. Cách thức đánh giá**

Thực hiện theo "Quy chế học vụ, Đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ", ban hành kèm theo Quyết định số 1676/QĐ-ĐHTN-ĐTĐH ngày 19/08/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên.

**7. Nội dung chương trình**

**8.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 39 TC**

| Stt | Mã HP | Tên học phần | Tổng số TC | LT | TH | BB | TC | Mã HP học trước |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1. | ML211030 | Triết học Mác - Lênin | 3 | 3.0 | 0.0 | 3 | | |
| 2. | ML211031 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | 2 | 2.0 | 0.0 | 2 | | ML211030 |

| Stt | Mã HP | Tên học phần | Tổng số TC | LT | TH | BB | TC | Mã HP học trước |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 3. | ML211032 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | 2.0 | 0.0 | 2 | | ML211031 |
| 4. | ML211002 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | 1.5 | 0.5 | 2 | | ML211032 |
| 5. | ML211033 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 | 1.4 | 0.6 | 2 | | ML211002 |
| 6. | NL211702 | Pháp luật Việt Nam đại cương | 2 | 2.0 | 0.0 | | 2 | |
| 7. | SP211006 | Xã hội học đại cương | 2 | 2.0 | 0.0 | | | |
| 8. | FL211011 | Tiếng Anh 1 | 3 | 3.0 | 0.0 | 3 | | |
| 9. | FL211012 | Tiếng Anh 2 | 3 | 3.0 | 0.0 | 3 | | FL211011 |
| 10. | FL211013 | Tiếng Anh 3 | 3 | 3.0 | 0.0 | 3 | | FL211012 |
| 11. | FL211014 | Tiếng Anh 4 | 3 | 3.0 | 0.0 | 3 | | FL211013 |
| 12. | KC211027 | Tin học đại cương | 2 | 1.0 | 1.0 | 2 | | |
| 13. | KC211062 | Hóa học đại cương | 2 | 2.0 | 0.0 | 2 | | |
| 14. | KC211021 | Thực hành hóa học đại cương | 1 | 0.0 | 1.0 | 1 | | |
| 15. | KC211091 | Sinh học đại cương | 2 | 2.0 | 0.0 | 2 | | |
| 16. | KC211023 | Thực hành sinh học đại cương | 1 | 0.0 | 1.0 | 1 | | |
| 17. | KC211090 | Toán cao cấp cho Nông Lâm | 2 | 2.0 | 0.0 | 2 | | |
| 18. | KT212202 | Kỹ năng mềm | 2 | 2.0 | 0.0 | 2 | | |
| 19. | KT213007 | Khởi nghiệp | 2 | 1.5 | 0.5 | 2 | | |
| **Tổng cộng** | | | **39** | | | **37** | **2** | |

**8.2. Giáo dục thể chất: 3TC**

| Stt | Mã HP | Tên học phần | Tổng số TC | LT | TH | BB | TC | Mã HP học trước |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 20. | SP211032 | Thể dục cơ bản và điền kinh | 1 | | 1 | 1 | | |
| 21. | SP211033 | Bóng chuyền cơ bản | 1 | | 1 | | 1 | |
| 22. | SP211034 | Bơi lội cơ bản | 1 | | 1 | | | |
| 23. | SP211035 | Cầu lông cơ bản | 1 | | 1 | | | |
| 24. | SP211042 | Bóng bàn cơ bản | 1 | | 1 | | | |
| 25. | SP211036 | Thể dục nhịp điệu cơ bản | 1 | | 1 | | 1 | |
| 26. | SP211037 | Taekwondo cơ bản | 1 | | 1 | | | |
| 27. | SP211038 | Bóng đá cơ bản | 1 | | 1 | | | |
| 28. | SP211043 | Bóng rổ cơ bản | 1 | | 1 | | | |
| **Tổng** | | | **3** | | | **1** | **2** | |

Đối với sinh viên sức khỏe hạn chế thì học các học phần sau:

| Stt | Mã HP | Tên học phần | Tổng số TC | LT | TH | BB | TC | Mã HP học trước |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 29. | SP211039 | Cờ vua 1 | 1 | | 1 | 1 | | |
| 30. | SP211040 | Cờ vua 2 | 1 | | 1 | 1 | | |
| 31. | SP211041 | Cờ vua 3 | 1 | | 1 | 1 | | |

| Stt | Mã HP | Tên học phần | Tổng số TC | LT | TH | BB | TC | Mã HP học trước |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Tổng:** | | | **3** | | | **3** | **0** | |

**8.3. Kiến thức Giáo dục quốc phòng: 8 TC**

| Stt | Mã HP | Tên học phần | Tổng số TC | LT | TH | BB | TC | Mã HP học trước |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 32. | QP211011 | Đường lối QPAN của ĐCSVN | 3 | 3.0 | 0.0 | 3 | | |
| 33. | QP211006 | Công tác Quốc phòng – An ninh | 2 | 2.0 | 0.0 | 2 | | |
| 34. | QP211012 | Quân sự chung | 1 | 0.7 | 0.3 | 1 | | |
| 35. | QP211013 | Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật | 2 | 0.0 | 2.0 | 2 | | |
| **Tổng:** | | | **8** | **5.7** | **2.3** | **8** | **0** | |

**8.4. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 111 TC**

**8.4.1. Kiến thức cơ sở của ngành: 43 TC**

| Stt | Mã HP | Tên học phần | Tổng số TC | LT | TH | BB | TC | Mã HP học trước |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 36. | NL211711 | Sinh thái môi trường | 2 | 2.0 | 0.0 | 2 | | |
| 37. | NL212705 | Hóa sinh thực vật | 2 | 1.5 | 0.5 | 2 | | |
| 38. | NL212706 | Di truyền thực vật | 2 | 1.5 | 0.5 | 2 | | KC211091 |
| 39. | NL212777 | Khí tượng thủy văn rừng | 2 | 1.5 | 0.5 | 2 | | |
| 40. | NL212714 | Cây rừng | 3 | 2.5 | 0.5 | 3 | | NL212704 |
| 41. | NL212708 | Sinh lý thực vật | 3 | 2.5 | 0.5 | 3 | | NL212705<br>KC211091 |
| 42. | NL212704 | Sinh thái rừng | 2 | 1.5 | 0.5 | 2 | | NL211711 |
| 43. | NL212208 | Đất và Vi sinh vật đất rừng | 3 | 2.5 | 0.5 | 3 | | |
| 44. | NL213799 | Phân bón trong lâm nghiệp | 1 | 1.0 | 0.0 | 1 | | |
| 45. | NL212713 | Bản đồ và đo đạc lâm nghiệp | 2 | 1.5 | 0.5 | 2 | | |
| 46. | NL212737 | Công nghệ sinh học | 2 | 1.5 | 0.5 | 2 | | NL212705<br>KC211091 |
| 47. | NL212138 | Thống kê ứng dụng | 2 | 1.5 | 0.5 | 2 | | |
| 48. | NL212139 | Giống cây rừng | 2 | 1.5 | 0.5 | 2 | | NL212706 |
| 49. | NL213706 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 2 | 1.5 | 0.5 | 2 | | |
| 50. | NL211704 | Địa lý thực vật | 2 | 2.0 | 0.0 | 2 | | |
| 51. | NL213714 | Kỹ thuật lâm sinh | 2 | 1.5 | 0.5 | 2 | | |
| 52. | NL213717 | Điều tra rừng | 2 | 1.5 | 0.5 | 2 | | |
| 53. | NL213151 | Côn trùng rừng | 2 | 1.5 | 0.5 | 2 | | |
| 54. | NL213152 | Bệnh cây rừng | 2 | 1.5 | 0.5 | 2 | | |
| 55. | NL213753 | Lửa rừng | 1 | 1.0 | 0.0 | 1 | | |
| 56. | NL213229 | Viễn thám và GIS đại cương | 2 | 1.5 | 0.5 | 2.0 | | KC211027 |
| **Tổng cộng** | | | **43** | | | **43** | **0** | |

**8.4.2. Kiến thức ngành: 58 TC**

| Stt | Mã HP | Tên học phần | Tổng số TC | LT | TH | BB | TC | Mã HP học trước |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 57. | NL213206 | Ứng dụng Viễn thám và GIS trong quản lý tài nguyên rừng | 2 | 1.0 | 1.0 | 2 | | NL212713<br>NL213229 |
| 58. | NL213148 | Trồng rừng | 3 | 2.0 | 1.0 | 3 | | |
| 59. | NL213797 | Động vật rừng | 2 | 1.5 | 0.5 | 2 | | NL212714 |
| 60. | NL213789 | Bảo tồn đa dạng sinh học | 2 | 1.5 | 0.5 | 2 | | NL212714 |
| 61. | NL213160 | Luật và chính sách lâm nghiệp | 3 | 3.0 | 0.0 | 3 | | |
| 62. | NL213159 | Lâm nghiệp xã hội | 2 | 2.0 | 0.0 | 2 | | |
| 63. | NL213718 | Nông lâm kết hợp | 2 | 2.0 | 0.0 | 2 | | |
| 64. | NL213197 | Khuyến Nông lâm | 2 | 2.0 | 0.0 | 2 | | |
| 65. | NL213777 | Gỗ và công nghệ gỗ | 3 | 2.5 | 0.5 | 3 | | NL212708 |
| 66. | NL213222 | Lâm sản ngoài gỗ | 2 | 1.5 | 0.5 | 2 | | |
| 67. | NL213164 | Quy hoạch và điều chế rừng | 3 | 2.0 | 1.0 | 3 | | |
| 68. | NL213015 | Tin học thống kê trong lâm nghiệp | 2 | 1.0 | 1.0 | 2 | | |
| 69. | NL216127 | Sản lượng rừng | 2 | 1.5 | 0.5 | 2 | | NL213717 |
| 70. | NL213220 | Quản lý lưu vực | 2 | 2.0 | 0.0 | 2 | | NL213015<br>NL213206 |
| 71. | NL213219 | Dịch vụ sinh thái môi trường rừng | 2 | 1.5 | 0.5 | 2 | | |
| 72. | NL213760 | Tiếng Anh chuyên ngành | 3 | 3.0 | 0.0 | 3 | | |
| 73. | NL212205 | TTGT Đất và vi sinh vật đất rừng | 1 | 0.0 | 1.0 | 1 | | |
| 74. | NL213114 | TTGT Cây rừng, Kỹ thuật lâm sinh | 2 | 0.0 | 2.0 | 2 | | |
| 75. | NL213153 | TTGT Giống, Trồng rừng, Nông lâm kết hợp | 2 | 0.0 | 2.0 | 2 | | |
| 76. | NL213149 | TTGT Bảo tồn đa dạng sinh học, Động vật rừng | 2 | 0.0 | 2.0 | 2 | | |
| 77. | NL213173 | TTGT Côn trùng, bệnh cây, lửa rừng | 2 | 0.0 | 2.0 | 2 | | |
| 78. | NL213166 | TTGT Điều tra rừng, Quy hoạch và điều chế rừng | 2 | 0.0 | 2.0 | 2 | | |
| 79. | NL213167 | TTGT Bản đồ và viễn thám lâm nghiệp | 2 | 0.0 | 2.0 | 2 | | |
| 80. | NL213168 | TTGT Lâm nghiệp xã hội và Lâm sản ngoài gỗ | 2 | 0.0 | 2.0 | 2 | | |
| **Tổng cộng** | | | **52** | **30.0** | **22.0** | **52** | | |
| **Sinh viên chọn 6/10 tín chỉ** | | | | | | | | |
| 81. | NL216229 | Rừng và biến đổi khí hậu | 2 | 2.0 | 0.0 | | 6 | |
| 82. | NL216125 | Quản lý các dự án lâm nghiệp | 2 | 1.5 | 0.5 | | | |
| 83. | NL213200 | Nghiệp vụ hành chính lâm nghiệp | 2 | 2.0 | 0.0 | | | |

| Stt | Mã HP | Tên học phần | Tổng số TC | LT | TH | BB | TC | Mã HP học trước |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 84. | NL213163 | Kinh tế lâm nghiệp | 2 | 1.5 | 0.5 | | | |
| 85. | NL216231 | Sinh khối và carbon rừng | 2 | 1.5 | 0.5 | | | |

**8.4.3. Khoá luận, chuyên đề tốt nghiệp: 10 TC**

| Stt | Mã HP | Tên học phần | Tổng số TC | LT | TH | BB | TC | Mã HP học trước |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 86. | NL214121 | Khóa luận tốt nghiệp | 10 | 0 | 10 | 10 | | |
| 87. | NL215122 | Chuyên đề tốt nghiệp | 4 | 0 | 4 | 4 | 6 | |
| **Sinh viên làm chuyên đề tốt nghiệp chọn 6/10 tín chỉ** | | | | | | | | |
| 88. | NL213162 | Công trình lâm nghiệp | 2 | 1.5 | 0.5 | | 6 | |
| 89. | NL216144 | Lâm nghiệp đô thị | 2 | 1.5 | 0.5 | | | |
| 90. | NL216131 | Kiến thức sinh thái địa phương | 2 | 2.0 | 0.0 | | | |
| 91. | NL216292 | Khai thác gỗ tác động thấp | 2 | 1.5 | 0.5 | | | |
| 92. | NL213143 | Công cụ máy lâm nghiệp | 2 | 1.5 | 0.5 | | | |
| Tổng | | | 10 | | | | | |

**8. Kế hoạch giảng dạy**

| STT | Mã HP | Tên học phần | Tổng số TC | BB | TC |
|---|---|---|---|---|---|
| 1. | KT212202 | Kỹ năng mềm | 2 | 2 | |
| 2. | FL211011 | Tiếng Anh 1 | 3 | 3 | |
| 3. | KC211091 | Sinh học đại cương | 2 | 2 | |
| 4. | KC211023 | Thực hành Sinh học đại cương | 1 | 1 | |
| 5. | KC211062 | Hóa học đại cương | 2 | 2 | |
| 6. | KC211021 | Thực hành hóa học đại cương | 1 | 1 | |
| 7. | NL211704 | Địa lý thực vật | 2 | 2 | |
| 8. | SP211032 | Thể dục cơ bản và điền kinh | 1 | 1 | |
| 9. | SP211039 | Cờ vua 1 | 1 | | |
| ***Tổng kỳ 1*** | | | ***14*** | ***14*** | |
| 1. | ML211030 | Triết học Mác - Lênin | 3 | 3 | |
| 2. | KC211090 | Toán cao cấp cho Nông Lâm | 2 | 2 | |
| 3. | FL211012 | Tiếng Anh 2 | 3 | 3 | |
| 4. | NL211702 | Pháp luật Việt Nam đại cương | 2 | | 2 |
| 5. | SP211006 | Xã hội học đại cương | 2 | | |
| 6. | NL212705 | Hóa sinh thực vật | 2 | 2 | |
| 7. | NL211711 | Sinh thái môi trường | 2 | 2 | |
| 8. | NL212706 | Di truyền thực vật | 2 | 2 | |
| 9. | QP211011 | Đường lối QPAN của ĐCSVN | 3 | 3 | |
| 10. | QP211006 | Công tác Quốc phòng – An ninh | 2 | 2 | |
| 11. | QP211012 | Quân sự chung | 1 | 1 | |
| 12. | QP211013 | Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật | 2 | 2 | |
| 13. | SP211033 | Bóng chuyền cơ bản | 1 | | 1 |

| STT | Mã HP | Tên học phần | Tổng số TC | BB | TC |
|---|---|---|---|---|---|
| 14. | SP211034 | Bơi lội cơ bản | 1 | | |
| 15. | SP211035 | Cầu lông cơ bản | 1 | | |
| 16. | SP211042 | Bóng bàn cơ bản | 1 | | |
| 17. | SP211040 | Cờ vua 2 | 1 | | |
| | | ***Tổng kỳ 2*** | ***25*** | ***22*** | **3** |
| 1. | ML211031 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | 2 | 2 | |
| 2. | FL211013 | Tiếng Anh 3 | 3 | 3 | |
| 3. | KC211027 | Tin học đại cương | 2 | 2 | |
| 4. | NL212708 | Sinh lý thực vật | 3 | 3 | |
| 5. | NL212777 | Khí tượng thủy văn rừng | 2 | 2 | |
| 6. | NL212704 | Sinh thái rừng | 2 | 2 | |
| 7. | NL212208 | Đất và Vi sinh vật đất rừng | 3 | 3 | |
| 8. | NL213799 | Phân bón trong lâm nghiệp | 1 | 1 | |
| 9. | NL212205 | TTGT Đất và Vi sinh vật đất rừng | 1 | 1 | |
| 10. | SP211036 | Thể dục nhịp điệu cơ bản | 1 | | |
| 11. | SP211037 | Taekwondo cơ bản | 1 | | |
| 12. | SP211038 | Bóng đá cơ bản | 1 | | |
| 13. | SP211043 | Bóng rổ cơ bản | 1 | | 1 |
| 14. | SP211041 | Cờ vua 3 | 1 | | |
| | | ***Tổng kỳ 3*** | ***20*** | ***19*** | ***1*** |
| 1. | ML211032 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | 2 | |
| 2. | FL211014 | Tiếng Anh 4 | 3 | 3 | |
| 3. | NL212713 | Bản đồ và đo đạc lâm nghiệp | 2 | 2 | |
| 4. | NL213229 | Viễn thám và GIS đại cương | 2 | 2 | |
| 5. | NL213167 | TTGT Bản đồ và viễn thám lâm nghiệp | 2 | 2 | |
| 6. | NL212737 | Công nghệ sinh học | 2 | 2 | |
| 7. | NL212714 | Cây rừng | 3 | 3 | |
| 8. | NL213714 | Kỹ thuật lâm sinh | 2 | 2 | |
| 9. | NL213114 | TTGT Cây rừng, Kỹ thuật lâm sinh | 2 | 2 | |
| | | ***Tổng kỳ 4*** | ***20*** | ***20*** | ***0*** |
| 1. | ML211002 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | 2 | |
| 2. | NL213753 | Lửa rừng | 1 | 1 | |
| 3. | NL213151 | Côn trùng rừng | 2 | 2 | |
| 4. | NL213152 | Bệnh cây rừng | 2 | 2 | |
| 5. | NL213173 | TTGT Côn trùng, bệnh cây, lửa rừng | 2 | 2 | |
| 6. | NL213797 | Động vật rừng | 2 | 2 | |
| 7. | NL213789 | Bảo tồn đa dạng sinh học | 2 | 2 | |
| 8. | NL213149 | TTGT Bảo tồn đa dạng sinh học, Động vật rừng | 2 | 2 | |
| 9. | KT213007 | Khởi nghiệp | 2 | 2 | |
| | | ***Tổng kỳ 5*** | ***17*** | ***17*** | ***0*** |
| 1. | NL213706 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 2 | 2 | |
| 2. | ML211033 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 | 2 | |
| 3. | NL213159 | Lâm nghiệp xã hội | 2 | 2 | |
| 4. | NL213222 | Lâm sản ngoài gỗ | 2 | 2 | |

| STT | Mã HP | Tên học phần | Tổng số TC | BB | TC |
|---|---|---|---|---|---|
| 5. | NL213168 | TTGT Lâm nghiệp xã hội và Lâm sản ngoài gỗ | 2 | 2 | |
| 6. | NL213160 | Luật và chính sách lâm nghiệp | 3 | 3 | |
| 7. | NL212138 | Thống kê ứng dụng | 2 | 2 | |
| 8. | NL213015 | Tin học thống kê trong lâm nghiệp | 2 | 2 | |
| ***Tổng kỳ 6*** | | | ***17*** | ***17*** | ***0*** |
| 1. | NL213219 | Dịch vụ sinh thái môi trường rừng | 2 | 2 | |
| 2. | NL213206 | Ứng dụng Viễn thám và GIS trong quản lý tài nguyên rừng | 2 | 2 | |
| 3. | NL212139 | Giống cây rừng | 2 | 2 | |
| 4. | NL213148 | Trồng rừng | 3 | 3 | |
| 5. | NL213718 | Nông lâm kết hợp | 2 | 2 | |
| 6. | NL213153 | TTGT Giống, Trồng rừng, Nông lâm kết hợp | 2 | 2 | |
| ***Sinh viên chọn 6/10 tín chỉ sau:*** | | | | | |
| 7. | NL216229 | Rừng và biến đổi khí hậu | 2 | | 6 |
| 8. | NL216125 | Quản lý các dự án lâm nghiệp | 2 | | |
| 9. | NL213163 | Kinh tế lâm nghiệp | 2 | | |
| 10. | NL213200 | Nghiệp vụ hành chính lâm nghiệp | 2 | | |
| 11. | NL216231 | Sinh khối và carbon rừng | 2 | | |
| ***Tổng kỳ 7*** | | | ***19*** | ***13*** | ***6*** |
| 1. | NL213760 | Tiếng Anh chuyên ngành | 3 | 3 | |
| 2. | NL213220 | Quản lý lưu vực | 2 | 2 | |
| 3. | NL213164 | Quy hoạch và điều chế rừng | 3 | 3 | |
| 4. | NL213777 | Gỗ và công nghệ gỗ | 3 | 3 | |
| 5. | NL213197 | Khuyến Nông Lâm | 2 | 2 | |
| 6. | NL213166 | TTGT Điều tra rừng, Quy hoạch và điều chế rừng | 2 | 2 | |
| 7. | NL213717 | Điều tra rừng | 2 | 2 | |
| ***Tổng học kỳ 8*** | | | ***17*** | ***17*** | ***0*** |
| 1. | NL216127 | Sản lượng rừng | 2 | 2 | |
| 2. | NL214121 | Khóa luận tốt nghiệp | 10 | | 10 |
| 3. | NL215122 | Chuyên đề tốt nghiệp | 4 | | 4 |
| ***Sinh viên làm chuyên đề chọn 6/10 TC*** | | | | | |
| Tự chọn | NL213162 | Công trình lâm nghiệp | 2 | | 6 |
| | NL216131 | Kiến thức sinh thái địa phương | 2 | | |
| | NL216292 | Khai thác gỗ tác động thấp | 2 | | |
| | NL213143 | Công cụ máy lâm nghiệp | 2 | | |
| | NL216144 | Lâm nghiệp đô thị | 2 | | |
| ***Tổng học kỳ 9*** | | | ***12*** | ***02*** | ***10*** |

**9. Ma trận quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

| TT | Tên học phần | Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| 1 | Triết học Mác – Lênin | 3 | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Kinh tế chính trị Mác – Lênin | 3 | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 3 | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 3 | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 3 | | | | | | | | | | | | | | |
| 6 | Xã hội học đại cương | 3 | | | | | | | | | | | | | | |
| 7 | Pháp luật Việt Nam ĐC | 3 | | | | | | | | | | | | | | |
| 9 | Tiếng Anh 1 | | | | | | | | 3 | | | | | | | |
| 11 | Tiếng Anh 2 | | | | | | | | 3 | | | | | | | |
| 12 | Tiếng Anh 3 | | | | | | | | 3 | | | | | | | |
| 13 | Tiếng Anh 4 | | | | | | | | 3 | | | | | | | |
| 14 | Tin học đại cương | | 3 | | | | | | | | | | | | | |
| 15 | Hóa học đại cương | 3 | | | | | | | | | | | | | | |
| 16 | Thực hành hoá học đại cương | 3 | | | | | | | | | | | | | | |
| 17 | Sinh học đại cương | 3 | | | | | | | | | | | | | | |
| 18 | Thực hành Sinh học đại cương | 3 | | | | | | | | | | | | | | |
| 19 | Toán cao cấp cho Nông Lâm | 3 | | | | | | | | | | | | | | |
| 20 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 3 | | | | | | | | | | 3 | | | 2 | 3 |
| 21 | Sinh thái môi trường | | | 3 | | | | | | | | | | | | |
| 22 | Địa lý thực vật | | | 3 | | | 2 | | | | | 1 | | | 1 | 1 |
| 23 | Thể dục cơ bản và điền kinh | 3 | | | | | | | | | | | | | | |
| 24 | Bóng chuyền cơ bản | 3 | | | | | | | | | | | | | | |
| 25 | Bơi lội cơ bản | 3 | | | | | | | | | | | | | | |
| 26 | Cầu lông cơ bản | 3 | | | | | | | | | | | | | | |
| 27 | Bóng bàn cơ bản | 3 | | | | | | | | | | | | | | |
| 28 | Thể dục nhịp điệu cơ bản | 3 | | | | | | | | | | | | | | |
| 29 | Taekwondo cơ bản | 3 | | | | | | | | | | | | | | |
| 30 | Bóng đá cơ bản | 3 | | | | | | | | | | | | | | |
| 31 | Bóng rổ cơ bản | 3 | | | | | | | | | | | | | | |
| 32 | Cờ vua 1 | 3 | | | | | | | | | | | | | | |

| TT | Tên học phần | Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| 33 | Cờ vua 2 | 3 | | | | | | | | | | | | | | |
| 34 | Cờ vua 3 | 3 | | | | | | | | | | | | | | |
| 35 | Đường lối QPAN của ĐCSVN | 3 | | | | | | | | | | | | | | |
| 36 | Công tác Quốc phòng – An ninh | 3 | | | | | | | | | | | | | | |
| 37 | Quân sự chung | 3 | | | | | | | | | | | | | | |
| 38 | Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật | 3 | | | | | | | | | | | | | | |
| 39 | Hóa sinh thực vật | 3 | | | | | | | | | | | | | | |
| 40 | Di truyền thực vật | 3 | | | | | | | | | | | | | | |
| 41 | Khí tượng thủy văn rừng | | | 3 | | | | | | | | | | | | |
| 42 | Cây rừng | | | 3 | | | | | | | | | | | | |
| 43 | Sinh lý thực vật | 3 | | | | | | | | | | | | | | |
| 44 | Sinh thái rừng | | | 3 | | | | | | | | | | | | |
| 45 | Đất & vi sinh vật đất rừng | | | 3 | | | 2 | | | | | | | | | |
| 46 | Phân bón trong lâm nghiệp | | | 3 | | | 2 | | | | | | | | | |
| 47 | Bản đồ và đo đạc lâm nghiệp | | | | | | 3 | | | 3 | | | | | | |
| 48 | Công nghệ sinh học | | | | | | 3 | | | | | | | | | |
| 49 | Thống kê ứng dụng | | | | | | | | | 3 | | | | | | |
| 50 | Giống cây rừng | | | | | | 3 | | | 3 | | | | | | |
| 51 | Kỹ thuật lâm sinh | | | | | | 3 | | | 3 | | | | 1 | | 2 |
| 52 | Viễn thám và GIS đại cương | | | | | | 2 | | | 3 | | 2 | | 2 | | |
| 53 | Ứng dụng Viễn thám và GIS trong quản lý TNR | | | | | | 3 | | | 3 | | 2 | | 2 | | |
| 54 | Điều tra rừng | | | | | | | | | 3 | | | | | | |
| 55 | Trồng rừng | | | | | | 3 | | | 3 | | | | | | |
| 56 | Côn trùng rừng | | | | | | | | | 3 | | | | | | |
| 57 | Bệnh cây rừng | | | | | | | | | 3 | | | | | | |
| 58 | Động vật rừng | | | | | | | | | 3 | | | | | | |
| 59 | Bảo tồn đa dạng sinh học | | | 3 | | | | | | 3 | | | | | | |
| 60 | Luật và chính sách lâm nghiệp | 2 | | | | 3 | | | | | | | | | | |
| 61 | Lâm nghiệp xã hội | 2 | | | | 3 | | | | | | | | | | |
| 62 | Lửa rừng | | | 2 | | | 3 | | | 2 | | | | | | |
| 63 | Nông lâm kết hợp | | | | | | 3 | | | 2 | | | | | | |

| TT | Tên học phần | Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| 64 | Khuyến Nông lâm | 2 | | | | 3 | | 3 | | | | 3 | | | | |
| 65 | Gỗ và công nghệ gỗ | | | | | | 3 | | | | | | | | | |
| 66 | Lâm sản ngoài gỗ | | | 2 | 3 | | | | | | | | | | | |
| 67 | Quy hoạch và điều chế rừng | | | 3 | | | | | | 3 | | | | | | |
| 68 | Tin học thống kê trong lâm nghiệp | | 3 | | | | | | | 3 | | | | | | |
| 69 | Sản lượng rừng | | | | | | 2 | | | 2 | | | | | | |
| 70 | TTGT Đất & vi sinh vật rừng | | | | 2 | | | | | 2 | | | | | | |
| 71 | TTGT Cây rừng, Kỹ thuật lâm sinh | | | | | | 3 | | | 3 | | | | | | |
| 72 | TTGT Giống, Trồng rừng, Nông lâm kết hợp | | | | | | 3 | | | 3 | | | | | | |
| 73 | TTGT Bảo tồn đa dạng sinh học, Động vật rừng | | | 2 | 2 | | | | | | | | | | | |
| 74 | TTGT Côn trùng, bệnh cây, lửa rừng | | | 2 | 2 | | | | | | | | | | | |
| 75 | TTGT Điều tra rừng, Quy hoạch và điều chế rừng | | | | | | 3 | | | 3 | | | | | | |
| 76 | Rừng và biến đổi khí hậu | | | 2 | 2 | | | | | 3 | | | | | | |
| 77 | Sinh khối và carbon rừng | | | 2 | 2 | | | | | 3 | | | | | | |
| 78 | Quản lý các dự án lâm nghiệp | | | 2 | 2 | 2 | | | | | | | | | | |
| 79 | Công trình lâm nghiệp | | | | | | 3 | | | | | | | | | |
| 80 | Kinh tế lâm nghiệp | | | | | 3 | | | | | | | | | | |
| 81 | Lâm nghiệp đô thị | | | 3 | | | | | | | | | | | | |
| 82 | Kiến thức sinh thái địa phương | 1 | | | | 3 | | 3 | | | | | | | | |
| 83 | Nghiệp vụ hành chính lâm nghiệp | 1 | | | | 3 | | | | | | | | | | |
| 84 | Quản lý lưu vực | | | 2 | 3 | | | | | 2 | | | | | | |
| 85 | Dịch vụ sinh thái môi trường rừng | | | 2 | 3 | | | | | 2 | | | | | | |
| 86 | Khai thác gỗ tác động thấp | | | 2 | 2 | | | | | | | | | | | |
| 87 | Công cụ máy lâm nghiệp | | | | | | 3 | | | 3 | | | | | | |
| 88 | Khởi nghiệp | | | | | 3 | | 3 | | | 2 | 2 | 2 | | | 2 |
| 89 | Kỹ năng mềm | | | | | 3 | | 3 | | | 2 | 2 | 2 | | 2 | 2 |
| 90 | Tiếng Anh chuyên ngành | | | | | | | | 3 | | | | | | | |
| 91 | TTGT Lâm nghiệp xã hội và Lâm sản ngoài gỗ | | | | | 3 | 3 | | | | 3 | 2 | 2 | | | 3 |
| 92 | TTGT Bản đồ và viễn thám lâm nghiệp | | 3 | | | 3 | | | | 3 | 2 | | 2 | | 2 | 3 |

**Ghi chú:** Mức độ đóng góp của các học phần với chuẩn đầu ra được mã hóa như sau:

1 = đóng góp mức thấp 2 = đóng góp mức trung bình 3 = đóng góp mức cao Để trống = không đóng góp.

# 11. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH LÂM SINH
## CHUYÊN NGÀNH: LÂM SINH (150 tín chỉ)

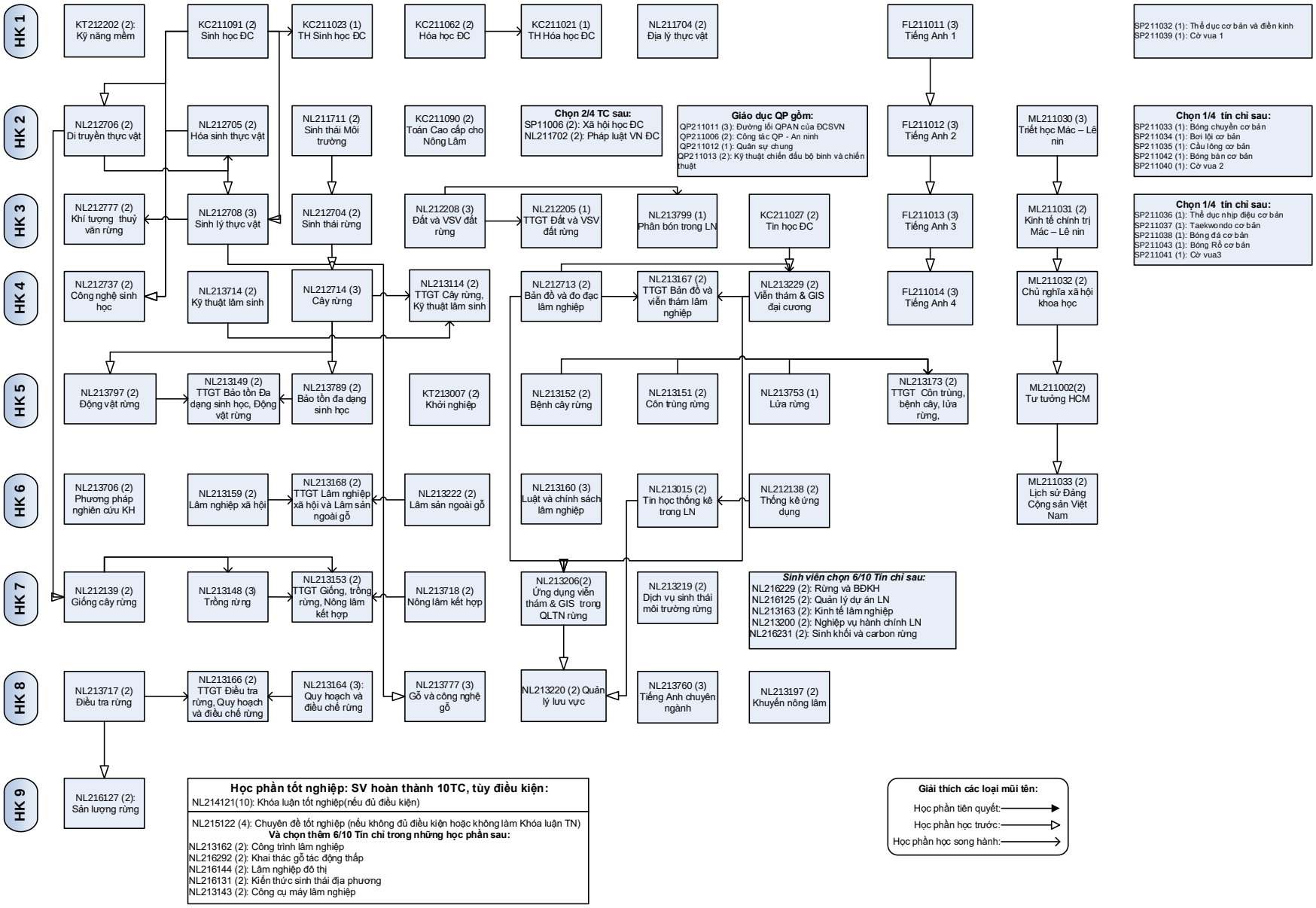

**12. Cở sở vật chất**

***12. 1. Phòng học, thực hành và các loại thiết bị, máy móc hiện có:***

| TT | Tên loại | Đơn vị tính | Số lượng/ diện tích | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | **Phòng học lý thuyết:** | | | |
| | Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ | phòng | 1/1095 | |
| | Phòng học từ 100 chỗ đến 200 chỗ | phòng | 3/1114 | |
| | Phòng học từ 50 chỗ đến 100 chỗ | phòng | 112/6889 | |
| | Phòng học dưới 50 chỗ | phòng | 3/120 | |
| 2 | Phòng máy vi tính | phòng | 16/874.9 | |
| | Số lượng máy tính | bộ | >800 | |
| 3 | Phòng học đa năng/ngoại ngữ | phòng | 4/323.1 | |
| 4 | Phòng học thực hành, thí nghiệm | phòng | 88 | |

***12.2. Cơ sở thực hành, thực tập (Đơn vị tính: xưởng, vườn, trạm, trại, sân bãi, …)***

| TT | Cơ sở thực hành, thực tập | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Khu nhà thí nghiệm khoa Nông lâm nghiệp | Cơ sở | 1 | |
| 2 | Viện Công nghệ Sinh học và Môi trường | Cơ sở | 1 | |
| 3 | Trại thực nghiệm | Cơ sở | 1 | |

***12.3. Thư viện và học liệu (giáo trình, sách, tài liệu tham khảo, phần mềm máy tính...)***

+ Thư viện: 01.

+ Thống kê về học liệu (sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

| TT | Khối ngành đào tạo | Số lượng |
|---|---|---|
| 1 | Khối ngành I | 59.071 |
| 2 | Khối ngành II | 0 |
| 3 | Khối ngành III | 19.597 |
| 4 | Khối ngành IV | 4.915 |
| 5 | Khối ngành V | 19.781 |
| 6 | Khối ngành VI | 10.819 |
| 7 | Khối ngành VII | 19.799 |
| 8 | Các môn chung | 12.137 |

**13. Danh sách giảng viên cơ hữu**

| TT | Họ và tên giảng viên | Năm sinh | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành | Học phần giảng dạy | Đơn vị công tác |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1. | Nguyễn Thị Hải Yến | 1978 | Thạc sĩ | Triết học | Triết học Mác - Lênin | Khoa Lý luận chính trị |
| | Đặng Nguyên Hà | 1981 | Tiến sĩ | Triết học | | |
| | Phạm Phương Anh | 1984 | Thạc sĩ | Triết học | | |
| | Nguyễn Đình Huấn | 1982 | Thạc sĩ | Triết học | | |
| | Lê Thị Hồng Hạnh | 1990 | Thạc sĩ | Triết học | | |
| | Phạm Thị Tâm | 1991 | Cử nhân | Triết học | | |
| 2. | Vũ Thị Việt Anh | 1977 | Thạc sĩ | Kinh tế chính trị | Kinh tế chính trị Mac - Lênin | Khoa Lý luận chính trị |
| | Nguyễn Thị Thu Nguyên | 1984 | Tiến sĩ | Quản lý kinh tế | | |
| | Trương Văn Thủy | 1991 | Thạc sĩ | Kinh tế chính trị | | |
| | Nguyễn Quang Dương | 1984 | Cử nhân | Kinh tế chính trị | | |
| 3. | Nguyễn Bảo Lâm | 1986 | Thạc sĩ | Triết học | Chủ nghĩa xã hội khoa học | Khoa Lý luận chính trị |
| | Nguyễn Đình Huấn | 1982 | Thạc sĩ | Triết học | | |
| 4. | Nguyễn Minh Hải | 1978 | Tiến sĩ | Tư tưởng HCM | Tư tưởng Hồ Chí Minh | Khoa Lý luận chính trị |
| | Lại Thị Ngọc Hạnh | 1984 | Thạc sĩ | Tư tưởng HCM | | |
| | Nguyễn Thị Khuyên | 1982 | Thạc sĩ | Lý luận và phương pháp dạy học LLCT | | |
| 5. | Nguyễn Thị Tĩnh | 1976 | Tiến sĩ | Lịch sử Đảng | Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam | Khoa Lý luận chính trị |
| | Nguyễn Khắc Trinh | 1978 | Tiến sĩ | Lịch sử Đảng | | |
| 6. | Phan Thúy An | 1986 | Thạc sĩ | Luật kinh tế | Pháp luật Việt Nam đại cương | Khoa Kinh tế<br>Phòng Thanh tra và Pháp chế |
| | Đỗ Thị Bông | 1986 | Thạc sĩ | Luật dân sự và tố tụng dân sự | | |
| | Nguyễn Thị Tuyền | 1988 | Thạc sĩ | Luật kinh tế | | |
| | Đặng Thị Nhung | 1986 | Thạc sĩ | Luật dân sự và tố tụng dân sự | | |
| | Trịnh Thị Thủy | 1985 | Thạc sĩ | Luật kinh tế | | |
| | Nguyễn Trường Tam | 1979 | Thạc sĩ | Luật dân sự và tố tụng dân sự | | |
| | Bùi Thị Thu Dung | 1987 | Thạc sĩ | Luật | | |
| 7. | Trương Thị Hiền | 1977 | Tiến sĩ | Xã hội học | Xã hội học đại cương | Khoa Sư Phạm |

| TT | Họ và tên giảng viên | Năm sinh | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành | Học phần giảng dạy | Đơn vị công tác |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Phạm Trọng Lượng | 1976 | Tiến sĩ | Dân tộc học | | |
| 8. | Lê Đức Niêm | 1972 | Tiến sĩ | Kinh tế | Khởi nghiệp | Khoa Kinh tế |
| | Nguyễn Ngọc Thắng | 1967 | Tiến sĩ | Kinh tế nông nghiệp | | |
| | Nguyễn Văn Đạt | 1977 | Tiến sĩ | Quản trị kinh doanh | | |
| | Nguyễn Thị Hải Yến | 1979 | Tiến sĩ | Kinh tế nông nghiệp | | |
| | Đỗ Thị Nga | 1977 | Tiến sĩ | Kinh tế nông nghiệp | | |
| | Huỳnh Thị Nga | 1978 | Thạc sĩ | Kinh tế nông nghiệp | | |
| 9. | Hà Thị Thanh Trang | 1994 | Cử nhân | Điều dưỡng | Kỹ năng mềm | Khoa Y Dược |
| | Vũ Nhật Phương | 1986 | Thạc sĩ | Chính sách công | | Khoa Kinh tế |
| | Thái Thị Hoài An | 1975 | Tiến sĩ | Lý luận văn học | | Khoa Sư phạm |
| | Lại Thị Ngọc Hạnh | 1984 | Thạc sĩ | Tư tưởng HCM | | Khoa Lý luận chính trị |
| | Lương Huỳnh Viết Thắng | 1983 | Thạc sĩ | Thú y | | Khoa CNTY |
| | Nguyễn Phương Đại Nguyễn | 1979 | Tiến sĩ | Sinh thái | | Khoa KHTN & CN |
| | Hồ Ngọc Đoan Thư | 1976 | Thạc sĩ | Tiếng Anh | | Khoa Ngoại ngữ |
| | Cao Thị Hoài | 1986 | Thạc sĩ | Lâm nghiệp | | Khoa NLN |
| 10. | Nguyễn Lệ Hằng | 1972 | Thạc sĩ | Tiếng Anh | Tiếng Anh 1<br>Tiếng Anh 2<br>Tiếng Anh 3<br>Tiếng Anh 4 | Khoa Ngoại ngữ |
| | Nguyễn Thị Kim Phượng | 1977 | Thạc sĩ | Tiếng Anh | | |
| | Ngô Văn Thông | 1961 | Thạc sĩ | Tiếng Anh | | |
| | Hồ Ngọc Đoan Thư | 1977 | Thạc sĩ | SP Tiếng Anh | | |
| | Trần Lê Thanh Tú | 1987 | Thạc sĩ | Tiếng Anh | | |
| | Trần Ngọc Anh | 1988 | Thạc sĩ | Tiếng Anh | | |
| | Phạm Thị Thanh Huệ | 1992 | Cử nhân | Tiếng Anh | | |
| | Bùi Thị Tịnh | 1976 | Thạc sĩ | Tiếng Anh | | |
| | Hoàng Thị Xuân | 1969 | Thạc sĩ | Tiếng Anh | | |
| | Thân Thị Hiền Giang | 1976 | Thạc sĩ | Tiếng Anh | | |
| | Y Cour B'Krông | 1987 | Thạc sĩ | SP Tiếng Anh | | |
| | Đoàn Thị Dung | 1988 | Thạc sĩ | Tiếng Anh | | |
| | Hà Lê Hồng Hoa | 1989 | Thạc sĩ | Tiếng Anh | | |
| | Tống Thị Lan Chi | 1979 | Thạc sĩ | Tiếng Anh | | |

| TT | Họ và tên giảng viên | Năm sinh | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành | Học phần giảng dạy | Đơn vị công tác |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Nguyễn Thị Tường Như | 1976 | Thạc sĩ | Tiếng Anh | | |
| | Cù Thị Ngọc Hoa | 1985 | Thạc sĩ | Tiếng Anh | | |
| | Hoàng Thị Hồng Nhung | 1987 | Thạc sĩ | SP Tiếng Anh | | |
| | Nguyễn Thị Mỹ Liên | 1972 | Thạc sĩ | Tiếng Anh | | |
| | Ngô Hà Thanh | 1992 | Cử nhân | Tiếng Anh | | |
| | Lê Thị Hồng Vân | 1973 | Thạc sĩ | Tiếng Anh | | |
| | Hoàng Khánh Bảo | 1978 | Thạc sĩ | Tiếng Anh | | |
| | Nguyễn Thiện Khoa | 1991 | Thạc sĩ | SP Tiếng Anh | | |
| 11. | Ngô Đình Quốc | 1958 | Tiến sĩ | Toán giải tích | Toán Cao cấp cho nông lâm | Khoa Khoa học tự nhiên và Công nghệ |
| | Nguyễn Ngọc Huề | 1970 | Thạc sĩ | Toán học | | |
| | Nguyễn Thị Ngọc Bích | 1984 | Thạc sĩ | Toán giải tích | | |
| | Đinh Thị Xinh | 1984 | Thạc sĩ | Toán học | | |
| | Nguyễn Thị Phương Đông | 1988 | Thạc sĩ | Toán_SP | | |
| | Hruđa Niê | 1988 | Thạc sĩ | Toán - Tin_SP | | |
| 12. | Nguyễn Văn Sĩ | 1960 | Thạc sĩ | Công nghệ máy tính | Tin học đại cương | Khoa Khoa học tự nhiên và Công nghệ |
| | Nguyễn Thị Như | 1979 | Thạc sĩ | Tin học | | |
| | Nguyễn Đức Thắng | 1989 | Thạc sĩ | Khoa học máy tính | | |
| | Nguyễn Quốc Cường | 1985 | Thạc sĩ | Tin học | | |
| | Trần Xuân Thắng | 1991 | Cử nhân | Công nghệ thông tin | | |
| | Trương Thị Hương Giang | 1884 | Thạc sĩ | Khoa học máy tính | | |
| | Phan Thị Đài Trang | 1985 | Thạc sĩ | Toán –Tin | | |
| | Trương Hải | 1971 | Thạc sĩ | Công nghệ phần mềm | | |
| | Phạm Văn Thuận | 1978 | Thạc sĩ | Tin học | | |
| | Hồ Thị Phượng | 1980 | Thạc sĩ | Khoa học máy tính | | |
| | Vũ Anh Tuấn | 1985 | Thạc sĩ | Khoa học máy tính | | |
| | Nguyễn Ngọc Tự | 1978 | Tiến sĩ | Toán giải tích | | |
| 13. | Phan Thị Thu Hà | 1990 | Thạc sĩ | Hóa vô cơ | Hóa học đại cương<br>Thực hành hóa học đại cương | Khoa Khoa học tự nhiên và Công nghệ |
| | Ninh Thị Minh Giang | 1990 | Thạc sĩ | Hóa vô cơ | | |

| TT | Họ và tên giảng viên | Năm sinh | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành | Học phần giảng dạy | Đơn vị công tác |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Phạm Thị Bé | 1985 | Thạc sĩ | Hóa lí thuyết & Hóa lí | | |
| | Đặng Thị Thùy My | 1988 | Thạc sĩ | Phương pháp dạy học hóa học | | |
| | Phan Tứ Quý | 1981 | Tiến sĩ | Hóa lí thuyết & Hóa lí | | |
| | Ngũ Trường Nhân | 1981 | Tiến sĩ | Hóa hữu cơ - Hóa hợp chất thiên nhiên | | |
| | Đinh Thị Xuân Thảo | 1983 | Thạc sĩ | Phương pháp dạy học hóa học | | |
| 14. | Nguyễn Thị Thu | 1967 | Thạc sĩ | Di truyền | Sinh học đại cương<br>Thực hành sinh học đại cương | Khoa Khoa học tự nhiên và Công nghệ |
| | Nguyễn Phương Đại Nguyên | 1979 | PGS.TS | Sinh học | | |
| | Bùi Thị Quỳnh Hoa | 1981 | Thạc sĩ | Động vật học | | |
| | Trương Bá Phong | 1983 | Thạc sĩ | Động vật học | | |
| | Nguyễn Thị Thủy | 1984 | Thạc sĩ | Sinh học | | |
| | Phạm Thị Phương | 1987 | Thạc sĩ | Di truyền | | |
| | Trần Thị Thanh Thảo | 1988 | Thạc sĩ | Lí luận và phương pháp dạy học sinh học | | |
| | Vũ Bích Thủy | 1992 | Cử nhân | Sinh học thực nghiệm | | |
| | Trần Thị Kim Thi | 1992 | Thạc sĩ | Sinh học thực nghiệm | | |
| | Nguyễn Hữu Kiên | 1992 | Thạc sĩ | Sinh học thực nghiệm | | |
| 15. | Lê Tử Trường | 1967 | Tiến sĩ | Giáo dục thể chất | Thể dục cơ bản và Điền kinh | Khoa Sư phạm |
| | Nguyễn Thiện Tín | 1983 | Thạc sĩ | Giáo dục thể chất | | |
| | Chu Vương Thìn | 1988 | Thạc sĩ | Giáo dục thể chất | | |
| 16. | Vũ Đình Công | 1988 | Thạc sĩ | Giáo dục thể chất | Cờ vua 1 | Khoa Sư phạm |
| | Lê Tử Trường | 1967 | Thạc sĩ | Giáo dục thể chất | | |
| 17. | Nguyễn Thiện Tín | 1983 | Thạc sĩ | Giáo dục thể chất | Bóng chuyền cơ bản | Khoa Sư phạm |
| | Chu Vương Thìn | 1988 | Thạc sĩ | Giáo dục thể chất | | |

| TT | Họ và tên giảng viên | Năm sinh | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành | Học phần giảng dạy | Đơn vị công tác |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Trần Văn Hưng | 1979 | Thạc sĩ | Giáo dục thể chất | | |
| 18. | Chu Vương Thìn | 1988 | Thạc sĩ | Giáo dục thể chất | Bơi lội cơ bản | Khoa Sư phạm |
| | Trần Văn Hưng | 1979 | Thạc sĩ | Giáo dục thể chất | | |
| 19. | Bùi Thị Thủy | 1985 | Thạc sĩ | Giáo dục thể chất | Cầu lông cơ bản | Khoa Sư phạm |
| | Lê Tử Trường | 1967 | Tiến sĩ | Giáo dục thể chất | | |
| | Vũ Đình Công | 1988 | Thạc sĩ | Giáo dục thể chất | | |
| 20. | Phạm Xuân Trí | 1987 | Thạc sĩ | Giáo dục thể chất | Bóng bàn cơ bản | Khoa Sư phạm |
| | Lê Tử Trường | 1967 | Tiến sĩ | Giáo dục thể chất | | |
| 21. | Vũ Đình Công | 1988 | Thạc sĩ | Giáo dục thể chất | Cờ vua 2 | Khoa Sư phạm |
| | Lê Tử Trường | 1967 | Tiến sĩ | Giáo dục thể chất | | |
| 22. | Trần Thị Thu | 1980 | Thạc sĩ | Giáo dục thể chất | Thể dục nhịp điệu cơ bản | Khoa Sư phạm |
| | Lê Tử Trường | 1967 | Tiến sĩ | Giáo dục thể chất | | |
| 23. | Y Rubi Bkrong | 1988 | Thạc sĩ | Giáo dục thể chất | Teakwondo cơ bản | Khoa Sư phạm |
| | Trần Văn Hưng | 1979 | Thạc sĩ | Giáo dục thể chất | | |
| 24. | Trần Văn Hưng | 1979 | Thạc sĩ | Giáo dục thể chất | Bóng đá cơ bản | Khoa Sư phạm |
| | Chu Vương Thìn | 1988 | Thạc sĩ | Giáo dục thể chất | | |
| 25. | Đỗ Thị Thùy Linh | 1987 | Thạc sĩ | Giáo dục thể chất | Bóng rổ cơ bản | Khoa Sư phạm |
| | Nguyễn Thiện Tín | 1983 | Thạc sĩ | Giáo dục thể chất | | |
| 26. | Vũ Đình Công | 1988 | Thạc sĩ | Giáo dục thể chất | Cờ vua 3 | Khoa Sư phạm |
| | Lê Tử Trường | 1967 | Tiến sĩ | Giáo dục thể chất | | |
| 27. | Nguyễn Văn Mười | 1972 | Cử nhân | KH Quân sự | Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam | Trung tâm Giáo dục quốc phòng và An ninh |
| | Lê Viết Quỳnh | 1972 | Cử nhân | Xây dựng Đảng | | |
| | Đậu Đình Tác | 1966 | Cử nhân | Quản lý hành chính nhà nước | | |
| | Nguyễn Tiến Chương | 1967 | Cử nhân | KH Quân sự | | |
| | Lê Văn Đoài | 1985 | Cử nhân | Lịch sử | | |
| | Trần Quốc Yên | 1978 | Cử nhân | Tâm lý giáo dục | | |
| | Trần Văn Hùng | 1980 | Cử nhân | - | | |
| 28. | Nguyễn Văn Mười | 1972 | Cử nhân | KH Quân sự | Công tác quốc phòng và an ninh | Trung tâm Giáo dục quốc phòng và An ninh |
| | Lê Viết Quỳnh | 1972 | Cử nhân | Xây dựng Đảng | | |

| TT | Họ và tên giảng viên | Năm sinh | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành | Học phần giảng dạy | Đơn vị công tác |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Đậu Đình Tác | 1966 | Cử nhân | Quản lý hành chính nhà nước | | |
| | Nguyễn Tiến Chương | 1967 | Cử nhân | KH Quân sự | | |
| | Lê Văn Đoài | 1985 | Cử nhân | Lịch sử | | |
| | Trần Quốc Yên | 1978 | Cử nhân | Tâm lý giáo dục | | |
| | Trần Văn Hùng | 1980 | Cử nhân | - | | |
| 29. | Doãn Anh Tuấn | 1968 | Cử nhân | Tổ chức, chỉ huy kỹ thuật | Quân sự chung | Trung tâm Giáo dục quốc phòng và An ninh |
| | Nguyễn Trọng Hằng | 1968 | Cử nhân | - | | |
| | Nguyễn Việt Hồng | 1975 | Cử nhân | - | | |
| | Phạm Huy Tựa | 1978 | Thạc sĩ | Quản lý giáo dục | | |
| | Khúc Đình Tân | 1981 | Cử nhân | Thể dục thể thao | | |
| 30. | Doãn Anh Tuấn | 1968 | Cử nhân | Tổ chức, chỉ huy kỹ thuật | Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật | Trung tâm Giáo dục quốc phòng và An ninh |
| | Nguyễn Trọng Hằng | 1968 | Cử nhân | - | | |
| | Nguyễn Việt Hồng | 1975 | Cử nhân | - | | |
| | Phạm Huy Tựa | 1978 | Thạc sĩ | Quản lý giáo dục | | |
| | Khúc Đình Tân | 1981 | Cử nhân | Thể dục thể thao | | |
| 31. | Cao Thị Lý | 1967 | Tiến sĩ | Lâm nghiệp | Quản lý dự án Lâm nghiệp | Khoa Nông Lâm nghiệp |
| | | | | | Động vật rừng | |
| | | | | | Bảo tồn đa dạng sinh học | |
| 32. | Hồ Đình Bảo | 1983 | Thạc sĩ | Quản lý rừng và bảo tồn | Quản lý lưu vực | Khoa Nông Lâm nghiệp |
| | | | | | Dịch vụ sinh thái môi trường rừng | |
| | | | | | TTGT Đa dạng sinh học, Động vật rừng | |
| 33. | Lê Đình Nam | 1965 | Thạc sĩ | Lâm nghiệp | Điều tra rừng | Khoa Nông Lâm nghiệp |
| | | | | | Thống kê ứng dụng | |
| 34. | Nguyễn Thị Thanh Hương | 1967 | PGS.TS | Lâm nghiệp | Viễn thám và GIS đại cương | Khoa Nông Lâm nghiệp |

| TT | Họ và tên giảng viên | Năm sinh | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành | Học phần giảng dạy | Đơn vị công tác |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Ứng dụng Viễn thám và GIS trong Quản lý tài nguyên rừng | |
| | | | | | Bản đồ và Đo đạc lâm nghiệp | |
| | | | | | Rừng và biến đổi khí hậu | |
| | | | | | TTGT Bản đồ và viễn thám lâm nghiệp | |
| 35. | Phạm Đoàn Phú Quốc | 1984 | Thạc sĩ | Lâm nghiệp | Tin học thống kê trong lâm nghiệp | Khoa Nông Lâm nghiệp |
| 36. | Phan Thị Hằng | 1985 | Thạc sĩ | Lâm nghiệp | Địa lý thực vật | Khoa Nông Lâm nghiệp |
| | | | | | Sinh thái rừng | |
| 37. | Võ Hùng | 1963 | Tiến sĩ | Lâm nghiệp | Phương pháp nghiên cứu khoa học | Khoa Nông Lâm nghiệp |
| | | | | | Kỹ thuật lâm sinh | |
| | | | | | TTGT Cây rừng, kỹ thuật lâm sinh | |
| 38. | Trần Trung Dũng | 1961 | PGS.TS | Nông nghiệp | Sinh thái môi trường | Khoa KHTN & CN |
| 39. | Nguyễn Ngọc Hữu | 1982 | Tiến sĩ | Hóa sinh | Hóa sinh thực vật | Khoa Nông Lâm nghiệp |
| 40. | Huỳnh Văn Quốc | 1965 | Thạc sĩ | Nông nghiệp | Di truyền thực vật | Phòng QLCL |
| 41. | Nguyễn Thanh Bình | 1961 | Thạc sĩ | Nông nghiệp | Khí tượng thủy văn rừng | Khoa Nông Lâm nghiệp |
| 42. | Nguyễn Đức Định | 1965 | Thạc sĩ | Lâm nghiệp | Cây rừng | Khoa Nông Lâm nghiệp |
| | | | | | TTGT Cây rừng, kỹ thuật lâm sinh | |
| | | | | | Lâm sản ngoài gỗ | |
| | | | | | Lâm nghiệp đô thị | |
| 43. | Triệu Thị Lắng | 1985 | Thạc sĩ | Lâm nghiệp | Sinh lý thực vật | Khoa Nông Lâm nghiệp |
| 44. | Nguyễn Hải Đăng | 1987 | Thạc sĩ | Lâm nghiệp | Đất và vi sinh vật đất rừng | Khoa Nông Lâm nghiệp |
| | | | | | Phân bón lâm nghiệp | |
| | | | | | TTGT Đất và vi sinh vật đất rừng | |

| TT | Họ và tên giảng viên | Năm sinh | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành | Học phần giảng dạy | Đơn vị công tác |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 45. | Trần Đình Thế | 1963 | Thạc sĩ | Lâm nghiệp | Giống cây rừng<br>Luật và chính sách lâm nghiệp<br>Nghiệp vụ hành chính lâm nghiệp<br>TTGT Giống cây rừng, trồng rừng và NLKH | Khoa Nông Lâm nghiệp |
| 46. | Trần Trọng Bắc | 1963 | Thạc sĩ | Công nghiệp rừng | Gỗ và công nghệ gỗ | Khoa Nông Lâm nghiệp |
| 47. | Nguyễn Thanh Tân | 1968 | Tiến sĩ | Điều tra rừng | Sản lượng rừng<br>Công cụ và máy lâm nghiệp | Phòng Thanh tra & pháp chế |
| 48. | Lê Nguyễn Tiểu Ngọc | 1984 | Tiến sĩ | Sinh học | Công nghệ sinh học | Khoa Nông Lâm nghiệp |
| 49. | Trần Thị Lệ Trà | 1988 | Thạc sĩ | Lâm nghiệp | Côn trùng rừng | Khoa Nông Lâm nghiệp |
| 50. | Chung Như Anh | 1985 | Thạc sĩ | Lâm nghiệp | Bệnh cây rừng | Khoa Nông Lâm nghiệp |
| 51. | Ngô Đăng Duyên | 1964 | Thạc sĩ | Lâm nghiệp | Lửa rừng<br>TTGT Côn trùng, bệnh cây, lửa rừng | Khoa Nông Lâm nghiệp |
| 52. | Ngô Thế Sơn | 1985 | Thạc sĩ | Lâm nghiệp | Lâm nghiệp xã hội<br>TTGT Lâm nghiệp xã hội và Lâm sản ngoài gỗ | Khoa Nông Lâm nghiệp |
| 53. | Bùi Ngọc Tân | 1981 | Thạc sĩ | Kinh tế | Kinh tế lâm nghiệp | Khoa kinh tế |
| 54. | Nguyễn Thị Tình | 1987 | Thạc sĩ | Lâm nghiệp | Sinh khối và carbon rừng<br>Quy hoạch và điều chế rừng<br>TTGT Điều tra rừng, Quy hoạch và điều chế rừng | Khoa Nông Lâm nghiệp |
| 55. | Trần Thị Xuân Phấn | 1988 | Thạc sĩ | Lâm nghiệp | Trồng rừng | Khoa Nông Lâm nghiệp |
| 56. | Cao Thị Hoài | 1986 | Thạc sĩ | Lâm nghiệp | Khuyến nông lâm<br>Kiến thức sinh thái địa phương<br>Kỹ năng mềm | Khoa Nông Lâm nghiệp |
| 57. | Đặng Thành Nhân | 1965 | Tiến sĩ | Lâm nghiệp | Nông lâm kết hợp | Khoa Nông Lâm nghiệp |
| 58. | Đào Xuân Thu | 1963 | Tiến sĩ | Công nghiệp rừng | Khai thác gỗ tác động thấp<br>Công trình lâm nghiệp | Phòng Đào tạo SĐH |

| TT | Họ và tên giảng viên | Năm sinh | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành | Học phần giảng dạy | Đơn vị công tác |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 59. | Nguyễn Thị Thanh Hương | 1967 | PGS.TS | Lâm nghiệp | Tiếng Anh chuyên ngành | Khoa Nông Lâm nghiệp |
| | Hồ Đình Bảo | 1983 | Thạc sĩ | Quản lý rừng và bảo tồn | | |
| | Trần Thị Xuân Phấn | 1988 | Thạc sĩ | Lâm nghiệp | | |

**14. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

**15. Đề cương chi tiết các học phần**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN**
**Mã học phần:** ML211030

## 1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ:03; Số tín chỉ lý thuyết:03;
Loại môn học: Bắt buộc
Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1. | Nguyễn Thị Hải Yến | 0914069347 | nguyenthihaiyen@ttn.edu.vn |
| 2. | Đặng Nguyên Hà | 0901441142 | dnha@ttn.edu.vn |
| 3. | Phạm Phương Anh | 0914250184 | phuonganhtn84@yahoo.com |
| 4. | Nguyễn Đình Huấn | 0914483777 | ndhuan@ttn.edu.vn |
| 5. | Lê Thị Hồng Hạnh | 0935882303 | lthhanh@ttn.edu.vn |
| 6. | Phạm Thị Tâm | 0944535491 | pttam@ttn.edu.vn |

## 2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Triết học Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, mang tính bắt buộc. Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin, và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế-xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

## 3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

*3.1. Mục tiêu học phần:*

**MT1**: Cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin.
**MT2**. Xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác.
**MT3**. Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác-Lênin.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

**H1.** Người học có những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin
**H2**. Người học có thể vận dụng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật vào giải quyết những vấn đề của nhận thức và hoạt động thực tiễn.
**H3.** Người học hiểu được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác-Lênin.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| Chuẩn đầu ra học phần | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H2 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H3 | x | | | | | | | | | | | | | | |

## 4. Cấu trúc học phần

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội**<br>**1. 1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học** | 5 tiết | [1] Chương 1. |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 1.1.1. Khái lược về triết học<br>1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học<br>1.1.3. Biện chứng và siêu hình<br>**1.2. Triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội**<br>1.2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác- Lênin<br>1.2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác – Lênin<br>1.2.3. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay | | |
| 2 | **Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng**<br>**2.1. Vật chất và ý thức**<br>2.1.1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất<br>2.1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức<br>2.1.3.Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức<br>**2.2. Phép biện chứng duy vật**<br>2.2.1. Hai loại hình biện chứng và PBC duy vật<br>2.2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật<br>**2.3. Lý luận nhận thức**<br>2.3.1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng<br>2.3.2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức<br>2.2.3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức<br>2.3.4. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức<br>2.3.5. Tính chât của chân lý | 20 tiết | [1] Chương 2. |
| 3 | **Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử**<br>**3.1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội**<br>**3**.1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội<br>3.1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất<br>3.1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội<br>3.1.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên<br>**3.2. Giai cấp và dân tộc**<br>3.2.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp<br>3.2.2. Dân tộc<br>3.2.3. Mối quan hệ giai cấp – dân tộc – nhân loại<br>**3.3. Nhà nước và cách mạng xã hội**<br>**3**.3.1. Nhà nước<br>3.3.2. Cách mạng xã hội<br>**3.4. Ý thức xã hội**<br>3.4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội<br>3.4.2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội<br>**3.5. Triết học về con người**<br>3.5.1. Khái niệm con người và bản chất con người | 20 tiết | [1]Chương 3 |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 3.5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người<br>3.5.3. Quan điểm của triết học Mác-Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội; về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử<br>3.5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam | | |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 1/5 | **Chương 1. Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội**<br>**1. 1.Triết học và vấn đề cơ bản của triết học**<br>1.1.1. Khái lược về triết học<br>1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học<br>1.1.3.Biện chứng và siêu hình<br>**1.2. Triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội**<br>1.2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác-Lênin<br>1.2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác – Lênin<br>1.2.3. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, …<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: Phân tích **vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội**<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | - Các bài đánh giá:<br>+ Báo cáo thảo luận của nhóm<br>+ Các câu hỏi cho cá nhân<br>- Hình thức đánh giá:<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp<br>+Vấn đáp trước lớp |
| 2;3;4;5;6/20 | **Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng**<br>**2.1. Vật chất và ý thức**<br>2.1.1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất<br>2.1.2.Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức<br>2.1.3.Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:** thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập …<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** | - Các bài đánh giá:<br>+ Báo cáo thảo luận của nhóm<br>+ Các câu hỏi cho cá nhân<br>- Hình thức đánh giá: |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | **2.2.Phép biện chứng duy vật**<br>2.2.1. Hai loại hình biện chứng và PBC duy vật<br>2.2.2.Nội dung của phép biện chứng duy vật<br>**2.3. Lý luận nhận thức**<br>2.3.1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng<br>2.3.2.Nguồn gốc, bản chất của nhận thức<br>2.2.3.Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức<br>2.3.4. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức<br>2.3.5. Tính chât của chân lý | | - Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: Phân tích mối quan hệ giữa vật chất và ý thức. Vận dụng mối quan hệ trong hoạt động thực tiễn<br><br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | + Báo cáo của nhóm trước lớp<br>+ Vấn đáp trước lớp<br>+ Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email |
| 7;8;9;10;11;12/20 | **Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử**<br>**3.1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội**<br>3.1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội<br>3.1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất<br>3.1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội<br>3.1.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên<br>**3.2. Giai cấp và dân tộc**<br>3.2.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp<br>3.2.2. Dân tộc<br>3.2.3. Mối quan hệ giai cấp – dân tộc – nhân loại<br>**3.3. Nhà nước và cách** | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:** thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập …<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: Đặc trưng cơ bản của nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, | - Các bài đánh giá:<br>+ Báo cáo thảo luận của nhóm<br>+ Các câu hỏi cho cá nhân<br>- Hình thức đánh giá:<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp<br>+ Vấn đáp trước lớp<br>+ Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | **mạng xã hội**<br>3.3.1. Nhà nước<br>3.3.2. Cách mạng xã hội<br>**3.4. Ý thức xã hội**<br>3.4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội<br>3.4.2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội<br>**3.5. Triết học về con người**<br>3.5.1. Khái niệm con người và bản chất con người<br>3.5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người<br>3.5.3. Quan điểm của triết học Mác-Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội; về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử<br>3.5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam | | chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin (dùng cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên ngành Lý luận chính trị)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà Nội.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

**7. Nhiệm vụ của sinh viên**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các nội dung được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành*

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận*

*7.4. Phần khác (nếu có):*

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

*8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%*

*8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận*

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3 | 33,3% |
| 2 | Bài tập cá nhân (kiểm tra) | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | H1<br>H2<br>H3 | 33,3% |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H1<br>H2<br>H3 | 33<br>,3% |
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

*8.3. Thi kết thúc học phần*

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Thi tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm. | H1<br>H2<br>H3 | 70% |

*Ngày tháng năm 2020*

**Trưởng khoa** **Trưởng Bộ môn** **Người biên soạn**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN**
**Mã học phần:** ML211031

## 1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 2
Loại môn học: Bắt buộc
Học phần học trước: Triết học Mác - Lênin
Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1. | Vũ Thị Việt Anh | 0917984411 | vtvanh@ttn.edu.vn |
| 2. | Nguyễn Thị Thu Nguyên | 0914409756 | nguyenthithunguyen@ttn.edu.vn |
| 3. | Trương Văn Thủy | 0913913544 | truongvanthuy@ttn.edu.vn |
| 4. | Nguyễn Quang Dương | 0946122285 | nqduong@ttn.edu.vn |

## 2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức Lý luận chính trị và được học sau học phần Triết học Mác - Lênin . Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về kinh tế hàng hóa, thị trường; những tri thức kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Từ đó, người học hiểu được cơ sở khách quan của các chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế; vấn đề công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế cũng như những vấn đề kinh tế chính trị của Việt Nam hiện nay.

## 3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1: Cung cấp cho người học những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, tính liên thông, tăng cường tích hợp và giảm tải những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với người học không chuyên lý luận chính trị.

MT2: Trang bị cho người học khả năng tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.

MT3: Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với người học.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Người học hiểu được những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Hệ thống những kiến thức được trang bị đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, tính liên thông, tăng cường tích hợp và giảm tải những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với người học không chuyên lý luận chính trị.

H2. Người học có khả năng tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.

H3. Người học có lập trường tư tưởng vững vàng, hình thành ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin, tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H2 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H3 | x | | | | | | | | | | | | | | |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin**<br>1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin.<br>1.2. Đối tượng, mục đích và phương pháp nghiên cứu của KTCT Mác-Lênin.<br>1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của KTCT Mác-Lênin.<br>1.2.2. Mục đích nghiên cứu của KTCT Mác - Lênin<br>1.2.3. Phương pháp nghiên cứu của KTCT Mác-Lênin.<br>1.3. Chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin.<br>1.3.1. Chức năng nhận thức.<br>1.3.2. Chức năng thực tiễn.<br>1.3.3. Chức năng tư tưởng.<br>1.3.4. Chức năng phương pháp luận. | LT: 3 tiết | [1]<br>Chương 1 |
| 2 | **Chương 2. Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường**<br>2.1. Lý luận của C. Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa.<br>2.1.1. Sản xuất hàng hóa.<br>2.1.2. Hàng hóa.<br>2.1.3. Tiền.<br>2.1.4. Dịch vụ và quan hệ trao đổi trong trường hợp một số yếu tố khác hàng hóa thông thường ở điều kiện ngày nay.<br>2.2. Thị trường và nền kinh tế thị trường.<br>2.2.1. Khái niệm, phân loại và vai trò của thị trường.<br>2.2.2. Nền kinh tế thị trường và một số quy luật chủ yếu của nền kinh tế thị trường<br>2.3. Vai trò của một số chủ thể tham gia thị trường<br>2.3.1. Người sản xuất<br>2.3.2. Người tiêu dùng<br>2.3.3. Các chủ thể trung gian trong thị trường<br>2.3.4. Nhà nước | LT: 5 tiết | [1]<br>Chương 2 |
| 3 | **Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường**<br>3.1. Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư.<br>3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư<br>3.1.2. Bản chất của giá trị thặng dư<br>3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa<br>3.2. Tích lũy tư bản. | LT: 8 tiết | [1]<br>Chương 3 |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.<br>3.3.1. Lợi nhuận.<br>3.3.2. Lợi tức.<br>3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa | | |
| 4 | **Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường**<br>4.1. Cạnh tranh ở cấp độ độc quyền trong nền kinh tế thị trường.<br>4.1.1. Độc quyền, độc quyền nhà nước và tác động của độc quyền<br>4.1.2. Quan hệ cạnh tranh ở trạng thái độc quyền<br>4.2. Lý luận của V.I.Lênin về đặc điểm kinh tế của độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa<br>4.2.1. Lý luận của V.I.Lênin về đặc điểm kinh tế độc quyền trong nền kinh tế thị trường.<br>4.2.2. Lý luận của V.I.Lênin về đặc điểm kinh tế của độc quyền nhà nước<br>4.3. Biểu hiện mới của độc quyền, độc quyền nhà nước trong điều kiện ngày nay; vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản<br>4.3.1. Biểu hiện mới của độc quyền<br>4.3.2. Biểu hiện mới của độc quyền nhà nước<br>4.3.3. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản | LT: 4 tiết | [1]<br>Chương 4 |
| 5 | **Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam**<br>5.1. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.<br>5.1.1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam<br>5.1.2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam<br>5.1.3. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam<br>5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.<br>5.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam<br>5.2.2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam<br>5.3. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.<br>5.3.1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế<br>5.3.2. Vai trò nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích | LT: 5 tiết | [1]<br>Chương 5 |
| 6 | **Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam**<br>6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam.<br>6.1.1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa<br>6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện địa hóa ở Việt Nam<br>6.1.3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư | LT: 5 tiết | [1]<br>Chương 6 |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.<br>6.2.1. Khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế<br>6.2.2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam<br>6.2.3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam | | |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 1/3 | **Chương 1. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin**<br>1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin.<br>1.2. Đối tượng, mục đích và phương pháp nghiên cứu của KTCT Mác-Lênin.<br>1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của KTCT Mác-Lênin.<br>1.2.2. Mục đích nghiên cứu của KTCT Mác - Lênin<br>1.2.3. Phương pháp nghiên cứu của KTCT Mác-Lênin.<br>1.3. Chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin.<br>1.3.1. Chức năng nhận thức.<br>1.3.2. Chức năng thực tiễn.<br>1.3.3. Chức năng tư tưởng.<br>1.3.4. Chức năng phương pháp luận. | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:** thuyết trình, gợi mở-vấn đáp, ôn tập …<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Làm việc nhóm<br>- Thực hiện các bài tập cá nhân<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | - Các bài đánh giá:<br>+ Báo cáo thảo luận của nhóm<br>+ Các câu hỏi cho cá nhân<br>- Hình thức đánh giá:<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp<br>+ Vấn đáp trước lớp |
| 1;2/5 | **Chương 2. Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường**<br>2.1. Lý luận của C. Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa.<br>2.1.1. Sản xuất hàng hóa.<br>2.1.2. Hàng hóa.<br>2.1.3. Tiền.<br>2.1.4. Dịch vụ và quan hệ trao đổi trong trường hợp một số yếu tố khác hàng hóa thông thường ở điều kiện ngày nay.<br>2.2. Thị trường và nền kinh tế | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:** thuyết trình, gợi mở-vấn đáp, ôn tập …<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Làm việc nhóm<br>- Thực hiện các bài tập cá nhân | - Các bài đánh giá:<br>+ Báo cáo thảo luận của nhóm<br>+ Các câu hỏi cho cá nhân<br>- Hình thức đánh giá:<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp<br>+ Vấn đáp trước lớp |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | thị trường.<br>2.2.1. Khái niệm, phân loại và vai trò của thị trường.<br>2.2.2. Nền kinh tế thị trường và một số quy luật chủ yếu của nền kinh tế thị trường<br>2.3. Vai trò của một số chủ thể tham gia thị trường<br>2.3.1. Người sản xuất<br>2.3.2. Người tiêu dùng<br>2.3.3. Các chủ thể trung gian trong thị trường<br>2.3.4. Nhà nước | | **Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | + Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email |
| 3;4/8 | **Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường**<br>3.1. Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư.<br>3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư<br>3.1.2. Bản chất của giá trị thặng dư<br>3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa<br>3.2. Tích lũy tư bản.<br>3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.<br>3.3.1. Lợi nhuận.<br>3.3.2. Lợi tức.<br>3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:** thuyết trình, gợi mở-vấn đáp, ôn tập …<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Làm việc nhóm<br>- Thực hiện các bài tập cá nhân<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | - Các bài đánh giá:<br>+ Báo cáo thảo luận của nhóm<br>+ Các câu hỏi cho cá nhân<br>- Hình thức đánh giá:<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp<br>+ Vấn đáp trước lớp<br>+ Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email |
| 5/4 | **Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường**<br>4.1. Cạnh tranh ở cấp độ độc quyền trong nền kinh tế thị trường.<br>4.1.1. Độc quyền, độc quyền nhà nước và tác động của độc quyền<br>4.1.2. Quan hệ cạnh tranh ở trạng thái độc quyền<br>4.2. Lý luận của V.I.Lênin về | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:** thuyết trình, gợi mở-vấn đáp, ôn tập …<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Làm việc nhóm<br>- Thực hiện các bài tập cá nhân | - Các bài đánh giá:<br>+ Báo cáo thảo luận của nhóm<br>+ Các câu hỏi cho cá nhân<br>- Hình thức đánh giá:<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp<br>+ Vấn đáp trước lớp |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | đặc điểm kinh tế của độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa<br>4.2.1. Lý luận của V.I.Lênin về đặc điểm kinh tế độc quyền trong nền kinh tế thị trường.<br>4.2.2. Lý luận của V.I.Lênin về đặc điểm kinh tế của độc quyền nhà nước<br>4.3. Biểu hiện mới của độc quyền, độc quyền nhà nước trong điều kiện ngày nay; vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản<br>4.3.1. Biểu hiện mới của độc quyền<br>4.3.2. Biểu hiện mới của độc quyền nhà nước<br>4.3.3. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản | | **Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | + Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email |
| 6;7/5 | **Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam**<br>5.1. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.<br>5.1.1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam<br>5.1.2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam<br>5.1.3. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam<br>5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.<br>5.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam<br>5.2.2. Nội dung hoàn thiện thể | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:** thuyết trình, gợi mở-vấn đáp, ôn tập …<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Làm việc nhóm<br>- Thực hiện các bài tập cá nhân<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | - Các bài đánh giá:<br>+ Báo cáo thảo luận của nhóm<br>+ Các câu hỏi cho cá nhân<br>- Hình thức đánh giá:<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp<br>+ Vấn đáp trước lớp<br>+ Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam<br>5.3. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.<br>5.3.1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế<br>5.3.2. Vai trò nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích | | | |
| 7;8/5 | **Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam**<br>6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam.<br>6.1.1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa<br>6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện địa hóa ở Việt Nam<br>6.1.3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư<br>6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.<br>6.2.1. Khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế<br>6.2.2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam<br>6.2.3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:** thuyết trình, gợi mở-vấn đáp, ôn tập …<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Làm việc nhóm<br>- Thực hiện các bài tập cá nhân<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | - Các bài đánh giá:<br>+ Báo cáo thảo luận của nhóm<br>+ Các câu hỏi cho cá nhân<br>- Hình thức đánh giá:<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp<br>+ Vấn đáp trước lớp<br>+ Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (dùng cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên ngành Lý luận chính trị)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

**7. Nhiệm vụ của sinh viên**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Đọc giáo trình, chuẩn bị nội dung thảo luận, câu hỏi
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành*
*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận*
*7.4. Phần khác (nếu có):*
*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

*8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%*

*8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận*

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3 | 33,33% |
| 2 | Bài tập cá nhân (kiểm tra) | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | H1<br>H2<br>H3 | 33,33% |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H1<br>H2<br>H3 | 33,33% |
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

*8.3. Thi kết thúc học phần*

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên | Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm tùy quy định từng năm | H1<br>H2<br>H3 | 70% |

*Ngày tháng năm 2020*

**Trưởng khoa** **Trưởng Bộ môn** **Người biên soạn**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC**
**Mã học phần:** ML211032

## 1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 2TC; Số tín chỉ lý thuyết: 2
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần:
Học phần học trước: Kinh tế chính trị Mác-Lênin
Học phần tiên quyết:
Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1. | Nguyễn Bảo Lâm | 0905232423 | nblam@ttn.edu.vn |
| 2. | Nguyễn Đình Huấn | 0914483777 | ndhuan@ttn.edu.vn |

## 2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học.

## 3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1. Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin.

MT2. Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học và việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

MT3. Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Kiến thức: sinh viên có những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời, các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học. Trên cơ sở đó tạo điều kiện để sinh viên nghiên cứu các phạm trù tiếp theo của chủ nghĩa xã hội khoa học

H2. Kỹ năng: sinh viên có cái nhìn tổng quan về cấu trúc, hệ thống các phạm trù của môn chủ nghĩa xã hội khoa học; có khả năng so sánh được đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học với các khoa học xã hội khác; bước đầu có thể có tư duy, phương pháp tiếp cận và phân tích những hiện thực nẩy sinh trong thực tiễn cộng cuộc xây dựng, đổi mới và phát triển đất nước.

H3. Thái độ: sinh viên có thái độ tích cực với việc học tập các môn lý luận chính trị; có niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; tin tưởng vào sự thành công của công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| Chuẩn đầu ra học phần | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H2 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H3 | x | | | | | | | | | | | | | | |

**4. Cấu trúc học phần**

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học**<br>1.1.Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học<br>1.1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học<br>1.1.2 Vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen<br>1.2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học.<br>1.2.1 C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học.<br>1.2.2 V.I.Lênin vận dụng và phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới.<br>1.2.3 Sự vận dụng và phát triển sáng tạo Chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi V.I.Lênin qua đời.<br>1.3 Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học.<br>1.3.1 Đối tượng nghiên cứu.<br>1.3.2 Phương pháp nghiên cứu.<br>1.3.3 Ý nghĩa | LT: 3 tiết<br>BT: 1 tiết | [1] chương 1 |
| 2 | **Chương 2. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.**<br>2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về GCCN và sứ mệnh lịch sử thế giới của GCCN.<br>2.1.1. Khái niệm và đặc điểm của GCCN.<br>2.1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của GCCN.<br>2.1.3. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của GCCN.<br>2.2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN hiện nay.<br>2.2.1. Giai cấp công nhân hiện nay.<br>2.2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN thế giới hiện nay.<br>2.3 Sứ mệnh lịch sử của GCCN Việt Nam<br>2.3.1. Đặc điểm GCCN Việt Nam.<br>2.3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của GCCN thế giới hiện nay.<br>2.3.3. Phương hướng và giải pháp chủ yếu để xây dựng GCCN Việt Nam hiện nay. | LT: 5tiết<br>BT: 1 tiết | [1] chương 2 |
| 3 | **Chương 3. Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.**<br>3.1. Chủ nghĩa xã hội.<br>3.1.1. Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.<br>3.1.2. Điều kiện ra đời của Chủ nghĩa xã hội.<br>3.1.3. Những đặc trưng cơ bản của Chủ nghĩa xã hội.<br>3.2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.<br>3.2.1 Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.<br>3.2.2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.<br>3.3 Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. | LT: 4tiết<br>BT: 1 tiết | [1] chương 3 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | 3.3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.<br>3.3.2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. | | |
| 4 | **Chương 4. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa.**<br>4.1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa.<br>4.1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ.<br>4.1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa.<br>4.2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa.<br>4.2.1. Sự ra đời, bản chất chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa.<br>4.2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa.<br>4.3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.<br>4.3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.<br>4.3.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.<br>4.3.3. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. | LT: 3tiết<br>BT: 1 tiết | [1] chương 4 |
| 5 | **Chương 5. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.**<br>5.1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.<br>5.1.1. Khái niệm, vị trí của cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội.<br>5.1.2. Sự biến đổi có tính quy luật trong cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.<br>5.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.<br>5.3. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.<br>5.3.1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.<br>5.3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. | LT: 3tiết<br>BT: 1 tiết | [1] chương 5 |
| 6 | **Chương 6. Vấn đề dân tộc và tôn giáo thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.**<br>6.1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.<br>6.1.1. Chủ nghĩa Mác-Lênin về dân tộc.<br>6.1.2. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam.<br>6.2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.<br>6.2.1. Chủ nghĩa Mác-Lênin về tôn giáo<br>6.2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, nhà nước ta hiện nay.<br>6.3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam.<br>6.3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam.<br>6.3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay. | LT: 3tiết<br>BT: 1 tiết | [1] chương 6 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | |
| 7 | **Chương 7. Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.**<br>7.1. Khái niệm, vị trí, chức năng của gia đình.<br>7.1.1. Khái niệm.<br>7.1.2. Vị trí.<br>7.1.3. Chức năng.<br>7.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.<br>7.2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội.<br>7.2.2. Cơ sở chính trị - xã hội.<br>7.2.3. Cơ sở văn hóa.<br>7.2.4. Chế độ hôn nhân văn hóa.<br>7.3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.<br>7.3.1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.<br>7.3.2. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. | LT: 2 tiết<br>BT: 1 tiết | [1] chương 7 |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 1/4 | **Chương 1. Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học**<br>1.1.Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học<br>1.1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học<br>1.1.2 Vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen<br>1.2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học.<br>1.2.1 C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học.<br>1.2.2 V.I.Lênin vận dụng và phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới.<br>1.2.3 Sự vận dụng và phát triển sáng tạo Chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi V.I.Lênin qua đời.<br>1.3 Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học.<br>1.3.1 Đối tượng nghiên cứu. | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>Nghe giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, đặt câu hỏi<br>**Địa điểm học:** -<br>Giảng đường | - Bài kiểm tra<br>- Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Băng bài viết nộp tại lớp. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 1.3.2 Phương pháp nghiên cứu.<br>1.3.3 Ý nghĩa | | | |
| 2,3/5 | **Chương 2. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.**<br>2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về GCCN và sứ mệnh lịch sử thế giới của GCCN.<br>2.1.1. Khái niệm và đặc điểm của GCCN.<br>2.1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của GCCN.<br>2.1.3. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của GCCN.<br>2.2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN hiện nay.<br>2.2.1. Giai cấp công nhân hiện nay.<br>2.2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN thế giới hiện nay.<br>2.3 Sứ mệnh lịch sử của GCCN Việt Nam<br>2.3.1. Đặc điểm GCCN Việt Nam.<br>2.3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của GCCN thế giới hiện nay.<br>2.3.3. Phương hướng và giải pháp chủ yếu để xây dựng GCCN Việt Nam hiện nay. | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | - Bài kiểm tra<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp. |
| 3,4/4 | **Chương 3. Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.**<br>3.1. Chủ nghĩa xã hội.<br>3.1.1. Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.<br>3.1.2. Điều kiện ra đời của Chủ nghĩa xã hội.<br>3.1.3. Những đặc trưng cơ bản của Chủ nghĩa xã hội. | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu | - Bài kiểm tra<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 3.2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.<br>3.2.1 Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.<br>3.2.2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.<br>3.3 Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.<br>3.3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.<br>3.3.2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. | | Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | |
| 4,5/4 | **Chương 4. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa.**<br>4.1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa.<br>4.1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ.<br>4.1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa.<br>4.2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa.<br>4.2.1. Sự ra đời, bản chất chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa.<br>4.2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa.<br>4.3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.<br>4.3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.<br>4.3.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.<br>4.3.3. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | -Bài kiểm tra<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 5,6/4 | **Chương 5. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.**<br>5.1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.<br>5.1.1. Khái niệm, vị trí của cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội.<br>5.1.2. Sự biến đổi có tính quy luật trong cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.<br>5.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.<br>5.3. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.<br>5.3.1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.<br>5.3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình<br>**dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm hoc:** -<br>Giảng đường | -Bài kiểm tra<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Băng bài viết nộp tại lớp. |
| 6,7/4 | **Chương 6. Vấn đề dân tộc và tôn giáo thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.**<br>6.1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.<br>6.1.1. Chủ nghĩa Mác-Lênin về dân tộc.<br>6.1.2. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam.<br>6.2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.<br>6.2.1. Chủ nghĩa Mác-Lênin về tôn giáo<br>6.2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, nhà nước ta hiện nay.<br>6.3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam. | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** -<br>Giảng đường | -Bài kiểm tra<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Băng bài viết nộp tại lớp. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 6.3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam.<br>6.3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay. | | | |
| 7,8/3 | **Chương 7. Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.**<br>7.1. Khái niệm, vị trí, chức năng của gia đình.<br>7.1.1. Khái niệm.<br>7.1.2. Vị trí.<br>7.1.3. Chức năng.<br>7.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.<br>7.2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội.<br>7.2.2. Cơ sở chính trị - xã hội.<br>7.2.3. Cơ sở văn hóa.<br>7.2.4. Chế độ hôn nhân văn hóa.<br>7.3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.<br>7.3.1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.<br>7.3.2. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | -Bài kiểm tra<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp. |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Bộ GD&ĐT(2020). Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, NXBCTQG

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)*

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;

*7.4. Phần khác (nếu có):* Ví dụ như tham quan thực tế

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

*8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70*

(Trọng số điểm bộ phận <=30%; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

*8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận*

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3 | 33.3% |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | H1<br>H2<br>H3 | 0% |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H1<br>H2<br>H3 | 33.3% |
| 4 | Tiểu luận/Thí nghiệm, thực hành | Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3 | 0% |
| | | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra. | | |
| 5 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm. | H1<br>H2<br>H3 | 33.3% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

*8.3. Thi kết thúc học phần*

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Thi tự luận | H1<br>H2<br>H3 | 70% |

*Ngày tháng năm 2020*

**Trưởng khoa** **Trưởng Bộ môn** **Người biên soạn**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**
**Mã học phần: ML211002**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 1,5; Số tín chỉ thực hành: 0,5
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần:
Học phần học song hành:
Học phần học trước: Chủ nghĩa xã hội khoa học
Học phần tiên quyết:
Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1. | TS. Nguyễn Minh Hải | 0987504608 | nmhai@ttn.edu.vn |
| 2. | ThS. Lại Thị Ngọc Hạnh | 0984949906 | ltnhanh@ttn.edu.vn |
| 3. | ThS. Nguyễn Thị Khuyên | 0946097279 | ntkhuyen@ttn.edu.vn |

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương của chương trình đào tạo các ngành đại học, cao đẳng. Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, đạo đức, con người.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1. Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam.

MT2. Rèn luyện cho người học năng lực tư duy độc lập, phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống.

MT3. Hình thành cho người học niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Hiểu được kiến thức cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh.

H2. Có khả năng tư duy độc lập, biết phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống.

H3. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, có ý thức trách nhiệm trong học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H2 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H3 | x | | | | | | | | | | | | | | |

**4. Cấu trúc học phần**

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học tư tưởng Hồ Chí Minh**<br>1.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh<br>1.2. Đối tượng nghiên cứu môn học tư tưởng Hồ Chí Minh<br>1.3. Phương pháp nghiên cứu<br>1.3.1. Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh<br>1.3.2. Một số phương pháp cụ thể<br>1.4. Ý nghĩa của việc học tập môn học tư tưởng Hồ Chí Minh<br>1.4.1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận<br>1.4.2. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước<br>1.4.3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác | LT: 2 tiết | [1] Chương 1,<br>[2] Chương I |
| 2 | **Chương 2. Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh**<br>2.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh<br>2.1.1. Cơ sở thực tiễn<br>2.1.2. Cơ sở lý luận<br>2.1.3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh<br>2.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh<br>2.2.1. Thời kỳ trước ngày 5-6-1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và có chí hướng tìm con đường cứu nước mới<br>2.2.2. Thời kỳ từ giữa năm 1911 đến cuối năm 1920: Dần dần hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản<br>2.2.3. Thời kỳ từ cuối năm 1920 đến đầu năm 1930: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam<br>2.2.4. Thời kỳ từ đầu năm 1930 đến đầu năm 1941: Vượt qua thử thách, giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng đúng đắn, sáng tạo<br>2.4.5. Thời kỳ từ đầu năm 1941 đến tháng 9-1969: tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta<br>2.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với dân tộc và thời đại<br>2.3.1. Đối với dân tộc Việt Nam<br>2.3.2. Đối với sự phát triển của nhân loại | LT: 2,5tiết<br>TL: 3 tiết | [1] Chương 2,<br>[2] Chương II |
| 3 | **Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội**<br>3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc<br>3.1.1. Vấn đề độc lập dân tộc<br>3.1.2. Cách mạng giải phóng dân tộc<br>3.2. Tư tưởng Hồ Chi Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | LT: 6 tiết<br>TL: 3 tiết | [1] Chương 3,<br>[2] Chương III |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 3.2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội<br>3.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam<br>3.2.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam<br>3.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội<br>3.3.1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề cho chủ nghĩa xã hội<br>3.3.2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để đảm bảo nền độc lập dân tộc vững chắc<br>3.3.3. Điều kiện để bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội<br>3.4. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với xây dựng chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay<br>3.4.1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định<br>3.4.2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa<br>3.4.3. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị<br>3.3.4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống và "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ | | |
| 4 | **Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân**<br>4.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam<br>4.1.1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam<br>4.1.2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh<br>4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân<br>4.2.1. Nhà nước dân chủ<br>4.2.2. Nhà nước pháp quyền<br>4.2.3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh<br>4.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước<br>4.3.1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh<br>4.3.2. Xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân | LT: 6 tiết<br>TL: 3 tiết | [1] Chương 4,<br>[2] Chương IV |
| 5 | **Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế**<br>5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc<br>5.1.1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc<br>5.1.2. Lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc<br>5.1.3. Điều kiện xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc<br>5.1.4. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc - Mặt trận dân tộc thống nhất<br>5.1.5. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc<br>5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế | LT: 3 tiết<br>TL: 3 tiết | [1] Chương 5,<br>[2] Chương V |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 5.2.1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế<br>5.2.2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức<br>5.2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế<br>5.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay<br>5.3.1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng<br>5.3.2. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí dưới sự lãnh đạo của Đảng<br>5.3.3. Đại đoàn kết dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế | | |
| 6 | **Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người**<br>6.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa<br>6.1.1. Một số nhận thức chung về văn hóa và mối quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác<br>6.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa<br>6.1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới<br>6.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức<br>6.2.1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò và sức mạnh của đạo đức cách mạng<br>6.2.2. Quan điểm Hồ Chí Minh về những chuẩn mực đạo đức cách mạng<br>6.2.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng<br>6.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người<br>6.3.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người<br>6.3.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người<br>6.3.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người<br>6.4. Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh<br>6.4.1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người<br>6.4.2. Xây dựng đạo đức cách mạng | LT: 3 tiết<br>TL: 3 tiết | [1] Chương 6,<br>[2] Chương VI |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 1/2 | **Chương 1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học tư tưởng Hồ Chí Minh**<br>1.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh<br>1.2. Đối tượng nghiên cứu môn học tư tưởng Hồ Chí Minh<br>1.3. Phương pháp nghiên cứu | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP nêu vấn đề,<br>PP đàm thoại<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày. | Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 1.3.1. Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh<br>1.3.2. Một số phương pháp cụ thể<br>1.4. Ý nghĩa của việc học tập môn học tư tưởng Hồ Chí Minh<br>1.4.1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận<br>1.4.2. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước<br>1.4.3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác | | - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,…<br>**Địa điểm học:**<br>Giảng đường | |
| 2/4<br>3/1,5 | **Chương 2. Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh**<br>**Nội dung:**<br>2.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh<br>2.1.1. Cơ sở thực tiễn<br>2.1.2. Cơ sở lý luận<br>2.1.3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh<br>2.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh<br>2.2.1. Thời kỳ trước ngày 5-6-1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và có chí hướng tìm con đường cứu nước mới<br>2.2.2. Thời kỳ từ giữa năm 1911 đến cuối năm 1920: Dần dần hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản<br>2.2.3. Thời kỳ từ cuối năm 1920 đến đầu năm 1930: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam<br>2.2.4. Thời kỳ từ đầu năm 1930 đến đầu năm 1941: Vượt qua | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP nêu vấn đề,<br>PP thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>- GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời.<br>- Thảo luận nhóm<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,…<br>- Làm việc theo nhóm<br>**Địa điểm học:**<br>Giảng đường | - Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên<br>- Báo cáo của nhóm trước lớp. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | thử thách, giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng đúng đắn, sáng tạo<br>2.4.5. Thời kỳ từ đầu năm 1941 đến tháng 9-1969: tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta<br>2.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với vấn đề dân tộc và thời đại<br>2.3.1. Đối với dân tộc Việt Nam<br>2.3.2. Đối với sự phát triển của nhân loại | | | |
| 3/2<br>4/4<br>5/3 | **Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội**<br>3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc<br>3.1.1. Vấn đề độc lập dân tộc<br>3.1.2. Cách mạng giải phóng dân tộc<br>3.2. Tư tưởng Hồ Chi Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam<br>3.2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội<br>3.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam<br>3.2.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP nêu vấn đề,<br>PP thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>- GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời.<br>- Thảo luận nhóm<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,…<br>- Làm việc theo nhóm<br>**Địa điểm học:**<br>Giảng đường | - Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên<br>- Báo cáo của nhóm trước lớp. |
| | **Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội**<br>3.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP nêu vấn đề,<br>PP thảo luận nhóm | - Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên<br>- Báo cáo của nhóm trước lớp. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 3.3.1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề cho chủ nghĩa xã hội<br>3.3.2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để đảm bảo nền độc lập dân tộc vững chắc<br>3.3.3. Điều kiện để bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội<br>3.4. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với xây dựng chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay<br>3.4.1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định<br>3.4.2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa<br>3.4.3. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị<br>3.3.4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống và "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ | | **Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>- GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời.<br>- Thảo luận nhóm<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,…<br>- Làm việc theo nhóm<br>**Địa điểm học:**<br>Giảng đường | |
| 5/1<br>6/4<br>7/4 | **Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân**<br>4.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam<br>4.1.1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam<br>4.1.2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh<br>4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân<br>4.2.1. Nhà nước dân chủ | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP nêu vấn đề,<br>PP thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>- GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời.<br>- Thảo luận nhóm<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu, | - Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên<br>- Báo cáo của nhóm trước lớp. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | | ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,…<br>- Làm việc theo nhóm<br>**Địa điểm học:**<br>Giảng đường | |
| 7/4 | **Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân**<br>4.2.2. Nhà nước pháp quyền<br>4.2.3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh<br>4.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước<br>4.3.1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh<br>4.3.2. Xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP nêu vấn đề,<br>PP thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>- GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời.<br>- Thảo luận nhóm<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu,<br>ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,…<br>- Làm việc theo nhóm<br>**Địa điểm học:**<br>Giảng đường | - Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên<br>- Báo cáo của nhóm trước lớp. |
| 8/4<br>9/2 | **Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế**<br>5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc<br>5.1.1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc<br>5.1.2. Lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc<br>5.1.3. Điều kiện xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc<br>5.1.4. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc - Mặt trận dân tộc thống nhất | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP nêu vấn đề.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>- GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời.<br>- Làm bài kiểm tra 1 tiết | - Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên<br>- Bài kiểm tra viết. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 5.1.5. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc<br>5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế<br>5.2.1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế<br>5.2.2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức<br>5.2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế<br>5.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay<br>5.3.1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng<br>5.3.2. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí dưới sự lãnh đạo của Đảng<br>5.3.3. Đại đoàn kết dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế | | **Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,…<br>- Làm bài kiểm tra 1 tiết.<br>**Địa điểm học:**<br>Giảng đường | |
| 9/2<br>10/4 | **Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người**<br>6.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa<br>6.1.1. Một số nhận thức chung về văn hóa và mối quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác<br>6.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa<br>6.1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới<br>6.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức<br>6.2.1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò và sức mạnh của đạo đức cách mạng | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP nêu vấn đề,<br>PP thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>- GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời.<br>- Thảo luận nhóm<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,… | - Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên<br>- Báo cáo của nhóm trước lớp. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 6.2.2. Quan điểm Hồ Chí Minh về những chuẩn mực đạo đức cách mạng<br>6.2.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng<br>6.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người<br>6.3.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người<br>6.3.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người<br>6.3.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người<br>6.4. Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh<br>6.4.1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người<br>6.4.2. Xây dựng đạo đức cách mạng | | - Làm việc theo nhóm<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2] Đoàn Sỹ Tuấn, Nguyễn Minh Hải, Trần Trọng Đạo (2020), *Hướng dẫn học và ôn tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Đại học Huế.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Đọc giáo trình, chuẩn bị thảo luận.
- Hoàn thành các bài thảo luận nhóm được giao.

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)*

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

*7.4. Phần khác (nếu có)*

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

*8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%.*

*8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận*

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các | H3 | 33,33% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| | | động trong giờ học của sinh viên | giờ lên lớp, việc tham gia xây dựng bài trên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | | |
| 2 | Đánh giá thảo luận | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.<br>Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H1<br>H2 | 33,33% |
| 3 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận/trắc nghiệm | H1<br>H2 | 33,33% |
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

*8.3. Thi kết thúc học phần*

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm | H1<br>H2 | 70% |

*Ngày 01 tháng 7 năm 2020*

**Trưởng khoa** **Trưởng Bộ môn** **Người biên soạn**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**
**Mã học phần:** ML211033

## 1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 1.4. Số tín chỉ thảo luận: 0.6
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần:
Học phần học song hành:
Học phần học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh
Học phần tiên quyết:
Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1. | Nguyễn Thị Tĩnh | 091 446 1976 | nttinh@ttn.edu.vn |
| 2. | Nguyễn Khắc Trinh | 0983 133 145 | nktrinh@ttn.edu.vn |

## 2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

## 3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1: Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu; tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).

MT2: Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

MT3: Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1: Hiểu được những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu; tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).

H2: Có ý thức tôn trọng sự thật khách quan, lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

H3: Hiểu được phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học, vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H2 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H3 | x | | | | | | | | | | | | | | |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập**<br>I. Đối tượng nghiên cứu của môn học<br>1. Đối tượng nghiên cứu<br>2. Phạm vi nghiên cứu<br>II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học<br>1. Chức năng<br>2. Nhiệm vụ<br>III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học<br>1. Phương pháp luận<br>2. Các phương pháp cụ thể | LT: 2 | [1]<br>Chương mở đầu |
| 2 | Chương I: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)<br>1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng<br>1.1.1. Bối cảnh lịch sử<br>1.1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành tập Đảng<br>1.1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng<br>1.1.4. Ý nghĩa lịch sử của sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam<br>1.2. Lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)<br>1.2.1. Phong trào cách mạng (1930-1935) và khôi phục phong trào (1932-1935)<br>1.2.2. Phong trào dân chủ (1936-1939)<br>1.2.3. Phong trào giải phóng dân tộc (1939-1945)<br>1.2.4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945 | LT: 5<br>TL: 2 | [1]<br>Chương I |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 3 | Chương II: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975)<br>2.1. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)<br>2.1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)<br>2.1.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện (1946-1950)<br>2.1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi từ 1951 đến 1954<br>2.1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ<br>2.2. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)<br>2.2.1. Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954-1965<br>2.2.2. Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965-1975<br>2.2.3. Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) | LT: 7<br>TL: 2 | [1]<br>Chương II |
| 4 | Chương III: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2020)<br>3.1. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)<br>3.1.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tồ quốc (1975-1981)<br>3.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế (1982-1986)<br>3.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2020)<br>3.2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội (1986-1996)<br>3.2.2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1996-2020)<br>3.3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới<br>3.3.1. Thành tựu<br>3.3.2. Kinh nghiệm | LT: 7<br>TL: 2 | [1]<br>Chương III |
| 5 | **Chương IV: Tổng kết lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng**<br>4.1. Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam<br>4.1.1. Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.<br>4.1.2. Thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc,<br>4.1.3. Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.<br>4.2. Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng<br>4.2.1. Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội<br>4.2.2. Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân | TL: 3 | [1]<br>Chương IV |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 4.2.3. Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết<br>4.2.4. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế<br>4.2.5. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam | | |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 1/2 | **Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập**<br>I. Đối tượng nghiên cứu của môn học<br>1. Đối tượng nghiên cứu<br>2. Phạm vi nghiên cứu<br>II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học<br>1. Chức năng<br>2. Nhiệm vụ<br>III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học<br>1. Phương pháp luận<br>2. Các phương pháp cụ thể | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:** thuyết trình, gợi mở-vấn đáp, ôn tập …<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:** Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | - Bài đánh giá: Các câu hỏi của sinh viên.<br>- Hình thức đánh giá: Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 1,2,3/<br>5-4 | Chương I: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)<br>1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng<br>1.1.1. Bối cảnh lịch sử<br>1.1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành tập Đảng<br>1.1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng<br>1.1.4. Ý nghĩa lịch sử của sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam<br>1.2. Lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)<br>1.2.1. Phong trào cách mạng 1930-1935 và khôi phục phong trào 1932-1935<br>1.2.2. Phong trào dân chủ 1936-1939<br>1.2.3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945<br>1.2.4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945 | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:** thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập …<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm:<br>+ Vai trò của Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện thành lập Đảng.<br>+ Quá trình tạo và chớp thời cơ làm nên thành công của cách mạng tháng Tám năm 1945.<br>**Yêu cầu sinh viên:** Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | - Các bài đánh giá:<br>+ Báo cáo của nhóm<br>+ Bài tập cá nhân<br>+ Các câu hỏi của sinh viên<br>- Hình thức đánh giá:<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp<br>+ Bài tập cá nhân làm tại lớp<br>+ Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email |
| 3,4,5,6/<br>7-4 | Chương II: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975)<br>2.1. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)<br>2.1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)<br>2.1.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện (1946-1950)<br>2.1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:** thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập …<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm:<br>+ Phương châm tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng. | - Các bài đánh giá:<br>+ Báo cáo của nhóm<br>+ Bài tập cá nhân<br>+ Các câu hỏi của sinh viên<br>- Hình thức đánh giá:<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp<br>+ Bài tập cá nhân làm tại lớp |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi từ 1951 đến 1954<br>2.1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ<br>2.2. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)<br>2.2.1. Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954-1965<br>2.2.2. Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965-1975<br>2.2.3. Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) | | + Vai trò của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>**Yêu cầu sinh viên:** Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | + Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email |
| 6,7,8,9/ 7-4 | Chương III: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2020)<br>3.1. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)<br>3.1.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1981)<br>3.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế (1982-1986)<br>3.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2020)<br>3.2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội (1986-1996)<br>3.2.2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:** thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập …<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: Ý nghĩa của đường lối đổi mới. Liên hệ với địa phương.<br>**Yêu cầu sinh viên:** Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | - Các bài đánh giá:<br>+ Báo cáo của nhóm<br>+ Bài tập cá nhân<br>+ Các câu hỏi của sinh viên<br>- Hình thức đánh giá:<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp<br>+ Bài tập cá nhân làm tại lớp<br>+ Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1996-2020)<br>3.3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới<br>3.3.1. Thành tựu<br>3.3.2. Kinh nghiệm | | | |
| 10,11/6 | **Chương IV: Tổng kết lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng**<br>4.1. Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam<br>4.1.1. Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.<br>4.1.2. Thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc,<br>4.1.3. Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.<br>4.2. Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng<br>4.2.1. Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội<br>4.2.2. Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân<br>4.2.3. Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết<br>4.2.4. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế<br>4.2.5. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:** thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập …<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Xem phim tư liệu<br>- Thảo luận nhóm: Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam<br>**Yêu cầu sinh viên:** Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | - Bài đánh giá: Báo cáo của nhóm<br>- Hình thức đánh giá: Báo cáo của nhóm trước lớp |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (dùng cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên ngành Lý luận chính trị)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà Nội.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

**7. Nhiệm vụ của sinh viên**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*
- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Đọc giáo trình, chuẩn bị nội dung thảo luận, câu hỏi.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)*
*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*
*7.4. Phần khác (nếu có):*
*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

*8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30; Trọng số thi kết thúc học phần: 70*

*8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận*

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3 | 33,33% |
| 2 | Bài tập cá nhân (kiểm tra) | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | H1<br>H2<br>H3 | 33,33% |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H1<br>H2<br>H3 | 33,33% |
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

*8.3. Thi kết thúc học phần*

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm | H1<br>H2<br>H3 | 70% |

*Ngày tháng năm 2020*

**Trưởng khoa** **Trưởng Bộ môn** **Người biên soạn**

TS. Nguyễn Khắc Trinh

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG**
**Mã học phần: SP211006**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**
Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thực hành: 0
Loại môn học: Tự chọn
Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1. | Trương Thị Hiền | 0905091558 | truongthihien.xhh@gmail.com |
| 2. | Phạm Trọng Lượng | 0915855887 | luonganthro@gmail.com |

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**
Xã hội học đại cương là học phần thuộc khối kiến thức khoa học xã hội trong nội dung kiến thức giáo dục đại cương. Học phần này gồm có các nội dung cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về tri thức xã hội học, bao gồm: đối tượng, nhiệm vụ, chức năng nghiên cứu xã hội học; đặc trưng trong tiếp cận xã hội học; lịch sử hình thành xã hội học và một số mô hình lí thuyết; một số chủ đề nghiên cứu của xã hội học: cơ cấu xã hội; hành động xã hội và tướng tác xã hội; cá nhân và xã hội; bất bình đẳng và phân tầng xã hội, sự điều tiết của xã hội, chuyển biến xã hội; phương pháp nghiên cứu xã hội học.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**
*3.1. Mục tiêu học phần*
MT1: Sinh viên hiểu được bối cảnh ra đời xã hội học qua đó phân biệt đối tượng nghiên cứu cách tiếp cận xã hội học với với các khoa khoa học xã hội khác.
MT2: Sinh viên có được tư duy, trí tưởng tưởng xã hội học.
MT3: Sinh viên có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin.
MT4: Sinh viên có kĩ năng vận dụng kiến thức xã hội học vào việc nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan.
*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*
H1: Phân tích được đặc trưng trong tiếp cận xã hội học
H2: Biết bối cảnh ra đời của xã hội học.
H3: Mô tả những biểu hiện trong thực tế của một trong số các khái niệm cơ bản trong xã hội học như: vị thế xã hội, vai trò xã hội, thiết chế xã hội, bất bình đẳng, hành động xã hội, tương tác xã hội, kiểm soát và lệch chuẩn xã hội, chuyển biến xã hội.
H4: Vận dụng tri thức xã hội học để giải thích một số sự kiện, hiện tượng xảy ra trong đời sống xã hội.
H5: Áp dụng lối tiếp cận xã hội học trong công việc và cuộc sống.
*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| Chuẩn đầu ra học phần | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H2 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H3 | x | | | | | | | | | | | | | | |

**4. Cấu trúc học phần**

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 1 | Chương 1. Đối tượng, nhiệm vụ, chức năng nghiên cứu của xã hội học | 4 tiết | [1]; [2]; [3]; [5]; [6] |
| 2 | Chương 2. Sự ra đời của xã hội học và một số mô hình lí thuyết xã hội học | 4 tiết | [1]; [2]; [3] |
| 3 | Chương 3. Cơ cấu xã hội | 4 tiết | [1]; [2]; [3] |
| 4 | Chương 4. Hành động xã hội và tương tác xã hội | 2 tiết | [1]; [2]; [3] |
| 5 | Chương 5. Cá nhân và xã hội | 2 tiết | [1]; [2]; [3]; [5]; [6] |
| 6 | Chương 6. Sự điều tiết của xã hội | 4 tiết | [1]; [2]; [3] |
| 7 | Chương 7. Bất bình đẳng và phân tầng xã hội | 4 tiết | [1]; [2]; [3] |
| 8 | Chương 8. Chuyển biến xã hội | 2 tiết | [1]; [2]; [3] |
| 9 | Chương 9. Phương pháp nghiên cứu xã hội học | 2 tiết<br>2 tiết | [1]; [2]; [3]; [4]; [7] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | CĐR học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 1/4 | **Chương 1. Đối tượng, nhiệm vụ, chức năng nghiên cứu của xã hội học**<br>1.1. Khái niệm xã hội học<br>1.2. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học<br>1.3. Đặc trưng trong tiếp cận xã hội học<br>1.4. Mối quan hệ giữa xã hội học với một số khoa học khác<br>1.5. Chức năng nghiên cứu của xã hội học<br>1.6. Nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học<br>1.7. Lợi ích của việc học xã hội học | H1<br>H5 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Thuyết trình<br>- Thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: Các điều kiện xã hội đã có những ảnh hưởng như thế nào tới xu hướng hành động và quan điểm của cá nhân?<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép<br>- Báo cáo<br>- Đặt câu hỏi<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | - Bài đánh giá: Báo cáo nhóm<br>-Hình thức đánh giá của từng bài: Báo cáo của nhóm trước lớp |
| 1/4 | **Chương 2. Sự ra đời của xã hội học và một số mô hình lí thuyết xã hội học**<br><br>2.1. Sự ra đời của xã hội học<br>2.2. Một số mô hình lí thuyết xã hội học | H2 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Thuyết trình<br>- Vấn đáp<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép | - Bài đánh giá: Câu trả lời của sinh viên<br>-Hình thức đánh giá của |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | CĐR học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | | - Báo cáo<br>- Đặt câu hỏi<br>- Trả lời câu hỏi<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | từng bài: Trả lời câu hỏi trước lớp |
| 1/4 | **Chương 3. Cơ cấu xã hội**<br>3.1. Vị thế xã hội<br>3.2. Vai trò xã hội<br>3.3. Nhóm xã hội<br>3.4. Tổ chức xã hội<br>3.5. Thiết chế xã hội | H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Thuyết trình<br>- Thảo luận<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>-Thảo luận nhóm: (1) Các cá nhân sống và giao tiếp với nhau chủ yếu thông qua việc thực hiện các vai trò của mình; (2) Những xung đột trong một tổ chức cũng có khi bắt nguồn từ những khác biệt về cá tính giữa người này với người khác, nhưng thông thường vẫn là do những va chạm giữa các vai trò trong thiết chế xã hội?<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép<br>- Báo cáo<br>- Đặt câu hỏi<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | - Bài đánh giá: Báo cáo nhóm<br>-Hình thức đánh giá của từng bài: Báo cáo của nhóm trước lớp |
| 1/2 | **Chương 4. Hành động xã hội và tương tác xã hội**<br>4.1. Hành động xã hội<br>4.2. Tương tác xã hội | H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Thuyết trình<br>- Thảo luận<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: Giả sử bạn muốn lí giải về một lối ứng xử hoặc xu hướng hành động nào đó, hãy vận dụng các cách lí giải về hành động xã hội để đưa ra lối lí giải của mình.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép<br>- Báo cáo<br>- Đặt câu hỏi<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | - Bài đánh giá: Báo cáo nhóm<br>-Hình thức đánh giá của từng bài: Báo cáo của nhóm trước lớp |
| 1/2 | **Chương 5. Cá nhân và xã hội**<br>5.1. Con người xã hội<br>5.2. Xã hội hóa cá nhân | H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Thuyết trình<br>- Thảo luận<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày | - Bài đánh giá: Báo cáo nhóm<br>-Hình thức đánh |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | CĐR học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | | - Thảo luận nhóm: Đọc thêm các thông tin liên quan "người rừng" và cho biết ý kiến của mình về tầm quan trọng của khía cạnh giáo dục xã hội lên nhân cách của cá nhân.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép<br>- Báo cáo<br>- Đặt câu hỏi<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | giá của từng bài: Báo cáo của nhóm trước lớp |
| 1/4 | **Chương 6. Sự điều tiết của xã hội**<br>6.1. Giá trị xã hội<br>6.2. Chuẩn mực xã hội và lệch lạc xã hội<br>6.3. Nghi lễ và biểu tượng | H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Thuyết trình<br>- Thảo luận<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: Một số hiện tượng loạn chuẩn trong xã hội hiện nay và giải thích hiện tượng theo lối nhìn xã hội học.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép<br>- Báo cáo<br>- Đặt câu hỏi<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | - Bài đánh giá: Báo cáo nhóm<br>-Hình thức đánh giá của từng bài: Báo cáo của nhóm trước lớp |
| 1/4 | **Chương 7. Bất bình đẳng và phân tầng xã hội**<br>7.1. Bất bình đẳng xã hội<br>7.2. Phân tầng xã hội<br>7.3. Di động xã hội<br>7.4. Một số lí thuyết về bất bình đẳng và phân tầng xã hội | H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Thuyết trình<br>- Thảo luận<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: Những yếu tố nào ảnh hưởng tới khả năng di động xã hội của cá nhân?<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép<br>- Báo cáo<br>- Đặt câu hỏi<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | - Bài đánh giá: Báo cáo nhóm<br>-Hình thức đánh giá của từng bài: Báo cáo của nhóm trước lớp |
| 1/2 | **Chương 8. Chuyển biến xã hội**<br>8.1. Khái niệm<br>8.2. Một số lưu ý khi nghiên cứu chuyển biến xã hội | H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Thuyết trình<br>- Thảo luận<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: Quá trình hiện đại hóa xã hội là gì? Quá trình hiện đại hóa có dẫn | - Bài đánh giá: Báo cáo nhóm<br>-Hình thức đánh giá của |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | CĐR học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 8.3. Một số quan điểm xã hội học về chuyển biến xã hội<br>8.4. Một số yếu tố ảnh hưởng tới chuyển biến xã hội | | tới những chuyển biến xã hội mà bạn quan sát được tại cộng đồng mà bạn đang sinh sống không? Hãy mô tả về những chuyển biến đó.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép<br>- Báo cáo<br>- Đặt câu hỏi<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | từng bài: Báo cáo của nhóm trước lớp |
| 1/2<br>1/2 | **Chương 9. Phương pháp nghiên cứu xã hội học**<br>9.1. Lập chương trình và kế hoạch nghiên cứu<br>9.2. Các kĩ thuật thu thập thông tin<br>*9.2.1. Phân tích tài liệu*<br>*9.2.2. Quan sát*<br>*9.2.3. Phỏng vấn*<br>*9.2.4. Bảng hỏi*<br>9.3. Xử lý thông tin trong điều tra xã hội học | H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Thuyết trình<br>- Thảo luận<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Bài tập nhóm **Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép<br>- Báo cáo<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | - Bài đánh giá: Báo cáo nhóm<br>-Hình thức đánh giá của từng bài: Nộp báo cáo trong buổi học |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Trương Thị Hiền (2020), *Giáo trình xã hội học đại cương*, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.

[2] Nguyễn Xuân Nghĩa (2010), *Xã hội học*, Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh.

[3] Trần Hữu Quang (2019), *Xã hội học nhập môn*, Nxb Khoa học Xã hội.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[4] Nguyễn Xuân Nghĩa (2010), *Phương pháp và kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội*, Nxb Phương Đông.

[5] P. Berger, T. Luckmann (1966), *Sự kiến tạo xã hội về thực tại. Khảo luận về xã hội học nhận thức* (1966), Trần Hữu Quang chủ biên dịch thuật, giới thiệu và chú giải, 2015), Nxb Tri thức, Hà Nội.

[6] Peter l. Berger, *Lời mời đến với xã hội học: một góc nhìn nhân văn*, Phạm Văn Bích (dịch, 2017), Nxb Tri thức.

[7] Trương Thị Hiền (2017), *Luật tục Ê đê - Một nền tư pháp hòa giải, những giá trị xã hội và sự biến đổi*, Nxb Khoa học xã hội.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành:* Không có
*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận:* Không có
*7.4. Phần khác:* Không có
*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 20 %; *Trọng số thi kết thúc học phần:* 80 %.**

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5 | 10% |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, việc trả lời trên lớp của sinh viên | H4<br>H5 | 10% |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H3<br>H4 | 30% |
| 4 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Kiểm tra trắc nghiệm | H1<br>H2<br>H3 | 50% |
| Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | | | | 100% |

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên. | Thi tự luận | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5 | 80% |

*Ngày 08 tháng 5 năm 2020*

| Trưởng khoa | Trưởng Bộ môn | Người biên soạn |
|---|---|---|
| PGS. TS. Nguyễn Thanh Hưng | ThS. Vũ trọng Hào | TS. Trương Thị Hiền |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: PHÁP LUẬT VIỆT NAM ĐẠI CƯƠNG**
**Mã học phần: NL211702**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0
Loại môn học: Tự chọn
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học song hành: Không
Học phần học trước: Không
Học phần tiên quyết: Không
Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1. | Phan Thúy An | 0973300803 | ptan@ttn.edu.vn |
| 2. | Đỗ Thị Bông | 0962223979 | dtbong@ttn.edu.vn |
| 3. | Bùi Thị Thu Dung | 0353030033 | bttdung@ttn.edu.vn |
| 4. | Đặng Thị Nhung | 0982915979 | dtnhung@ttn.edu.vn |
| 5. | Nguyễn Trường Tam | 0919667686 | nttam@ttn.edu.vn |
| 6. | Trịnh Thị Thủy | 0972344322 | ttthuy@ttn.edu.vn |
| 7. | Nguyễn Thị Tuyền | 0968010188 | nttuyen@ttn.edu.vn |

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Pháp luật Việt Nam đại cương trang bị cho sinh viên các ngành những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; về các ngành luật quan trọng, nền tảng trong hệ thống pháp luật Việt Nam và vận dụng kiến thức đã học xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật trong học tập, công việc và đời sống.

Các nội dung cụ thể bao gồm:
- Những vấn đề cơ bản về nhà nước;
- Những vấn đề cơ bản về pháp luật;
- Quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật;
- Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý;
- Một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Hiến pháp, Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Phòng, chống tham nhũng…

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1: Có kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật;

MT2: Hiểu được các khái niệm pháp lý: Quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý;

MT3: Có kiến thức cơ bản về các ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam;

MT4: Có kỹ năng tư duy logic, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện và vận dụng kiến thức pháp luật để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn học tập, công việc và đời sống;

MT5: Rèn luyện tác phong sống và làm việc theo pháp luật.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1: Phân tích được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật;

H2: Có khả năng hiểu được các khái niệm pháp lý: Quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý;

H3: Nắm vững kiến thức về các ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam;

H4: Phát triển được kỹ năng tư duy logic, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện và vận dụng kiến thức pháp luật để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn học tập, công việc và đời sống;

H5: Có tinh thần thượng tôn pháp luật.

*3.3.* ***Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo***

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H2 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H3 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H4 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H5 | x | | | | | | | | | | | | | | |

**4. Cấu trúc học phần**

| **STT** | **Tên chương** | **Số tiết** | **Tài liệu tự học** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC**<br>1.1. Nguồn gốc nhà nước<br>1.1.1. Một số học thuyết phi Macxit về nguồn gốc nhà nước<br>1.1.2. Học thuyết Mác-Lênin về nguồn gốc nhà nước<br>1.2. Những đặc trưng cơ bản của nhà nước<br>1.3 Bản chất nhà nước<br>1.3.1. Tính giai cấp của nhà nước<br>1.3.2. Tính xã hội của nhà nước<br>1.4. Chức năng của nhà nước<br>1.4.1. Chức năng đối nội<br>1.4.2. Chức năng đối ngoại<br>1.5. Bộ máy nhà nước<br>1.6. Hình thức và kiểu nhà nước<br>1.6.1. Hình thức nhà nước<br>1.6.2. Kiểu nhà nước<br>***Thảo luận (TL)***: Những đặc trưng cơ bản của nhà nước. | LT: 02 tiết<br>TL: 01 tiết | [1] Chương 2, 3, 4, 5, 6; [2] Chương 1; [3]; [8]; [9]; [10] |
| 2 | **Chương 2. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT**<br>2.1. Nguồn gốc pháp luật<br>2.2. Khái niệm và đặc trưng cơ bản của pháp luật<br>2.3. Bản chất của pháp luật<br>2.2.1. Tính giai cấp của pháp luật<br>2.2.2. Tính xã hội của pháp luật<br>2.4. Các mối quan hệ cơ bản của pháp luật<br>2.4.1. Mối quan hệ giữa pháp luật với kinh tế<br>2.4.2. Mối quan hệ giữa pháp luật với chính trị<br>2.4.3. Mối quan hệ giữa pháp luật với Nhà nước<br>2.4.4. Mối quan hệ giữa pháp luật với các quy phạm xã hội khác<br>2.5. Hình thức pháp luật và kiểu pháp luật<br>2.5.1. Hình thức pháp luật<br>2.5.2. Kiểu pháp luật<br>***Thảo luận (TL)***: Các mối quan hệ cơ bản của pháp luật. | LT: 02 tiết<br>TL: 01 tiết | [1] Chương 10, 12, 13; [2] Chương 1. |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 3 | **Chương 3. QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ QUAN HỆ PHÁP LUẬT**<br>3.1. Quy phạm pháp luật<br>3.1.1. Khái niệm quy phạm pháp luật<br>3.1.2. Đặc điểm quy phạm pháp luật<br>3.1.3. Cấu trúc của quy phạm pháp luật<br>3.2. Quan hệ pháp luật<br>3.2.1. Khái niệm quan hệ pháp luật<br>3.2.2. Đặc điểm của quan hệ pháp luật<br>3.2.3. Thành phần của quan hệ pháp luật<br>3.3. Sự kiện pháp lý<br>3.3.1. Khái niệm sự kiện pháp lý<br>3.3.2. Phân loại sự kiện pháp lý<br>Thuyết trình (TT): Quan hệ pháp luật. | LT: 01 tiết<br>TT: 01 tiết | [1] Chương 14, 17; [2] Chương 2. |
| 4 | **Chương 4. THỰC HIỆN PHÁP LUẬT, VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ**<br>4.1. Thực hiện pháp luật<br>4.1.1. Khái niệm thực hiện pháp luật<br>4.1.2. Các hình thức thực hiện pháp luật<br>4.2. Vi phạm pháp luật<br>4.2.1. Khái niệm vi phạm pháp luật<br>4.2.2. Dấu hiệu vi phạm pháp luật<br>4.2.3. Cấu thành vi phạm pháp luật<br>4.2.4. Phân loại vi phạm pháp luật<br>4.3. Trách nhiệm pháp lý<br>4.3.1. Khái niệm trách nhiệm pháp lý<br>4.3.2. Đặc điểm trách nhiệm pháp lý<br>4.3.3. Phân loại trách nhiệm pháp lý<br>***Thuyết trình (TT)***: 1. Các hình thức thực hiện pháp luật; 2. Vi phạm pháp luật | LT: 02 tiết<br>TT: 02 tiết | [1] Chương 18, 19; [2] Chương 3. |
| 5 | **Chương 5. LUẬT HIẾN PHÁP VÀ LUẬT HÀNH CHÍNH**<br>5.1. Luật Hiến pháp<br>5.1.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Hiến pháp<br>5.1.2. Hiến pháp – Luật cơ bản của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam<br>5.1.3. Nội dung cơ bản của Hiến pháp 2013<br>5.1.4. Tổ chức bộ máy và các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam<br>5.2. Luật Hành chính<br>5.2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Hành chính<br>5.2.2. Quan hệ pháp luật Hành chính<br>5.2.3. Vi phạm hành chính<br>5.2.4. Xử phạt vi phạm hành chính<br>***Thuyết trình (TT)****:* Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam | LT: 03 tiết<br>TT: 01 tiết | [2] Chương 4, 5; [3];[8]; [9]; [10]; [11]; []; [] |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 6 | **Chương 6. LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỐ TỤNG HÌNH SỰ**<br>6.1. Luật Hình sự<br>6.1.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật Hình sự<br>6.1.2. Các nguyên tắc của Luật Hình sự<br>6.1.3. Tội phạm<br>6.1.4. Cấu thành tội phạm<br>6.1.5. Hình phạt và các biện pháp tư pháp<br>6.2. Luật Tố tụng hình sự<br>6.2.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật Tố tụng hình sự<br>6.2.2. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng<br>6.2.3. Các giai đoạn tố tụng hình sự<br>***Thuyết trình (TT)**:* Tội phạm và cấu thành tội phạm | LT: 03 tiết<br>TT: 01 tiết | [2] Chương 6;<br>[4]; [5]; [9]; [10]; |
| 7 | **Chương 7. LUẬT DÂN SỰ VÀ TỐ TỤNG DÂN SỰ**<br>7.1. Luật Dân sự<br>7.1.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Dân sự<br>7.1.2. Quyền sở hữu<br>7.1.3. Giao dịch dân sự<br>7.1.4. Thừa kế<br>7.2. Luật Tố tụng dân sự<br>7.2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Tố tụng dân sự<br>7.2.2. Khái niệm vụ việc dân sự<br>7.2.3. Chủ thể của Luật Tố tụng dân sự<br>7.2.4. Thủ tục giải quyết vụ việc dân sự<br>***Thuyết trình (TT)**:* Thừa kế. | LT: 03 tiết<br>TT: 01 tiết | [2] Chương 7; [6]; [7];[14] |
| 8 | **Chương 8. LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH**<br>8.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của Luật Hôn nhân và Gia đình<br>8.1.2 Khái niệm Luật Hôn nhân và Gia đình<br>8.1.2. Đối tượng điều chỉnh<br>8.1.3. Phương pháp điều chỉnh<br>8.2 Kết hôn và các điều kiện kết hôn<br>8.2.1. Kết hôn<br>8.2.2. Các điều kiện kết hôn<br>8.3. Đăng ký kết hôn<br>8.4. Hủy kết hôn trái pháp luật<br>8.5. Ly hôn<br>8.5.1. Khái niệm ly hôn<br>8.5.2. Căn cứ ly hôn<br>8.5.3. Các trường hợp ly hôn theo Luật Hôn nhân và Gia đình<br>8.5.4. Hậu quả pháp lý của việc ly hôn<br>***Thuyết trình (TT)**:* Kết hôn và các điều kiện kết hôn | LT: 01 tiết<br>TT: 01 tiết | [12] |
| 9 | **Chương 9. LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**<br>1.1.9.1. Khái niệm tham nhũng | LT: 02 tiết | [13] |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | 9.2. Đặc điểm của hành vi tham nhũng<br>9.3. Các hành vi tham nhũng<br>1.2.9.4. Nguyên nhân và tác hại của tham nhũng<br>9.5. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng | | |
| 10 | **Ôn tập và kiểm tra** | 02 tiết | |
| | **Tổng cộng: 30 tiết** | | |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra HP | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Buổi thứ nhất (04 tiết) | **Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC**<br>1.1. Nguồn gốc nhà nước<br>1.1.1. Một số học thuyết phi Macxit về nguồn gốc Nhà nước<br>1.1.2. Học thuyết Mác-Lênin về nguồn gốc Nhà nước<br>1.2. Những đặc trưng cơ bản của nhà nước<br>1.3 Bản chất nhà nước<br>1.3.1. Tính giai cấp của nhà nước<br>1.3.2. Tính xã hội của nhà nước<br>1.4. Chức năng của nhà nước<br>1.4.1. Chức năng đối nội<br>1.4.2. Chức năng đối ngoại<br>1.5. Bộ máy nhà nước<br>1.6. Hình thức và kiểu nhà nước<br>1.6.1. Hình thức nhà nước<br>1.6.2. Kiểu nhà nước<br>***Thảo luận (TL)***: Những đặc trưng cơ bản của nhà nước<br>**Chương 2. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT**<br>2.1. Nguồn gốc của pháp luật<br>2.2. Khái niệm và đặc trưng cơ bản của pháp luật | H1<br>H2<br>H4 | **Phương pháp dạy học:** PP thuyết trình (GV); PP gợi mở-vấn đáp; PP thảo luận nhóm.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** GV thuyết trình; Thảo luận nhóm trên lớp (trình bày kết quả thảo luận).<br>**Yêu cầu sinh viên:** Đọc tài liệu trước buổi học.<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | **Đánh giá**: Chuyên cần; Bài thảo luận của nhóm.<br>**Hình thức đánh giá**: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài thảo luận của nhóm. |
| Buổi thứ 2 (04 tiết) | **Chương 2. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT (Tiếp theo)**<br>2.3. Bản chất của pháp luật<br>2.2.1. Tính giai cấp của pháp luật<br>2.2.2. Tính xã hội của pháp luật<br>2.4 Các mối quan hệ cơ bản của pháp luật<br>2.4.1. Mối quan hệ giữa pháp luật với kinh tế | H1<br>H2<br>H4 | **Phương pháp dạy học:** PP thuyết trình (GV và SV thuyết trình); PP gợi mở-vấn đáp; PP thảo luận nhóm.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** GV thuyết trình; SV thuyết trình; Thảo luận nhóm trên lớp (trình bày kết quả thảo luận). | **Đánh giá**: Chuyên cần; Bài thuyết trình của nhóm; Bài thảo luận của nhóm.<br>**Hình thức đánh giá**: Điểm danh; Kỹ năng |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra HP | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 2.4.2. Mối quan hệ giữa pháp luật với chính trị<br>2.4.3. Mối quan hệ giữa pháp luật với Nhà nước<br>2.4.4. Mối quan hệ giữa pháp luật với các quy phạm xã hội khác<br>2.5. Hình thức pháp luật và kiểu pháp luật<br>2.5.1. Hình thức pháp luật<br>2.5.2. Kiểu pháp luật<br>***Thảo luận (TL)***: Các mối quan hệ cơ bản của pháp luật<br>**Chương 3.** QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ QUAN HỆ PHÁP LUẬT<br>1.3.3.1. Quy phạm pháp luật<br>3.1.1. Khái niệm quy phạm pháp luật<br>3.1.2. Đặc điểm quy phạm pháp luật<br>3.1.3. Cấu trúc của quy phạm pháp luật<br>1.4.3.2. Quan hệ pháp luật<br>3.2.1. Khái niệm quan hệ pháp luật<br>3.2.2. Đặc điểm của quan hệ pháp luật<br>3.2.3. Thành phần của quan hệ pháp luật<br>1.5.3.3. Sự kiện pháp lý<br>3.3.1. Khái niệm sự kiện pháp lý<br>3.3.2. Phân loại sự kiện pháp lý<br>***Thuyết trình (TT)***: Quan hệ pháp luật | | **Yêu cầu sinh viên:** Đọc tài liệu trước buổi học; Chuẩn bị bài thuyết trình (ppt) theo phân công.<br>**Địa điểm học:** Giảng đường. | trình bày; Chất lượng bài trình bày; Chất lượng bài thảo luận của nhóm. |
| Buổi thứ 3 (04 tiết) | **Chương 4. THỰC HIỆN PHÁP LUẬT, VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ**<br>4.1. Thực hiện pháp luật<br>4.1.1. Khái niệm thực hiện pháp luật<br>4.1.2 Các hình thức thực hiện pháp luật<br>4.2. Vi phạm pháp luật<br>4.2.1. Khái niệm vi phạm pháp luật | H2<br>H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học:** PP thuyết trình (GV và SV); PP gợi mở-vấn đáp; PP thảo luận nhóm.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** GV thuyết trình; SV thuyết trình; Thảo luận nhóm trên lớp (trình bày kết quả thảo luận); Phản biện giữa SV-SV; SV trả lời câu hỏi của GV. | **Đánh giá**: Chuyên cần; Bài thuyết trình của nhóm; Bài thảo luận nhóm<br>**Hình thức đánh giá**: Điểm danh; Kỹ năng |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra HP | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 4.2.2. Dấu hiệu vi phạm pháp luật<br>4.2.3. Cấu thành vi phạm pháp luật<br>4.2.4. Phân loại vi phạm pháp luật<br>4.3. Trách nhiệm pháp lý<br>4.3.1. Khái niệm trách nhiệm pháp lý<br>4.3.2. Đặc điểm trách nhiệm pháp lý<br>4.3.3. Phân loại trách nhiệm pháp lý<br>***Thuyết trình (TT)***: 1. Các hình thức thực hiện pháp luật; 2. Vi phạm pháp luật | | **Yêu cầu sinh viên:** Đọc tài liệu trước buổi học, Chuẩn bị bài thuyết trình (ppt) theo phân công.<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện. |
| Buổi thứ 4 (04 tiết) | **Chương 5. LUẬT HIẾN PHÁP VÀ LUẬT HÀNH CHÍNH**<br>5.1. Luật Hiến pháp<br>5.1.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Hiến pháp<br>5.1.2. Hiến pháp - Luật cơ bản của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam<br>5.1.3. Nội dung cơ bản của Hiến pháp 2013<br>5.1.4. Tổ chức bộ máy và các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam<br>5.2. Luật Hành chính<br>5.2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Hành chính<br>5.2.2. Quan hệ pháp luật Hành chính<br>5.2.3. Vi phạm hành chính<br>5.2.4. Xử phạt vi phạm hành chính<br>***Thuyết trình (TT)***: Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. | H3<br>H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học:** PP thuyết trình (GV và SV); PP gợi mở-vấn đáp; PP thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** GV thuyết trình; SV thuyết trình; Thảo luận nhóm trên lớp (trình bày kết quả thảo luận); Phản biện giữa SV-SV; SV trả lời câu hỏi của GV<br>**Yêu cầu sinh viên:** Đọc tài liệu trước buổi học, Chuẩn bị bài thuyết trình (ppt) theo phân công<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | **Đánh giá**: Chuyên cần; Bài thuyết trình của nhóm; Bài thảo luận nhóm<br>**Hình thức đánh giá**: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện |
| Buổi thứ 5 (04 tiết) | **Chương 6. LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỐ TỤNG HÌNH SỰ**<br>6.1. Luật Hình sự | H3<br>H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học:** PP thuyết trình (GV và SV); PP gợi mở-vấn đáp; PP thảo luận nhóm. | **Đánh giá**: Chuyên cần; Bài thuyết trình của nhóm; Bài |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra HP | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 6.1.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật Hình sự<br>6.1.2. Các nguyên tắc của Luật Hình sự<br>6.1.3. Tội phạm<br>6.1.4. Cấu thành tội phạm<br>6.1.5. Hình phạt và các biện pháp tư pháp<br>6.2. Luật Tố tụng hình sự<br>6.2.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật Tố tụng hình sự<br>6.2.2. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng<br>6.2.3. Các giai đoạn tố tụng hình sự<br>***Thuyết trình (TT)***: Tội phạm và cấu thành tội phạm | | **Hình thức tổ chức dạy học:** GV thuyết trình; SV thuyết trình; Thảo luận nhóm trên lớp (trình bày kết quả thảo luận); Phản biện giữa SV-SV; SV trả lời câu hỏi của GV.<br>**Yêu cầu sinh viên:** Đọc tài liệu trước buổi học, Chuẩn bị bài thuyết trình (ppt) theo phân công.<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | thảo luận nhóm<br>**Hình thức đánh giá**: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện. |
| Buổi thứ 6 (04 tiết) | **Chương 7. LUẬT DÂN SỰ VÀ TỐ TỤNG DÂN SỰ**<br>7.1. Luật Dân sự<br>7.1.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Dân sự<br>7.1.2. Quyền sở hữu<br>7.1.3. Giao dịch dân sự<br>7.1.4. Thừa kế<br>7.2. Luật Tố tụng dân sự<br>7.2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Tố tụng dân sự<br>7.2.2. Khái niệm vụ việc dân sự<br>7.2.3. Chủ thể của Luật Tố tụng dân sự<br>7.2.4. Thủ tục giải quyết vụ việc dân sự<br>***Thuyết trình (TT)***: Thừa kế | H3<br>H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học:** PP thuyết trình (GV và SV); PP gợi mở-vấn đáp; PP thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** GV thuyết trình; SV thuyết trình; Phản biện giữa SV-SV; SV trả lời câu hỏi của GV; Làm BT cá nhân<br>**Yêu cầu sinh viên:** Đọc tài liệu trước buổi học, Chuẩn bị bài giảng (ppt) theo sự phân công.<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | **Đánh giá**: Chuyên cần; Bài thuyết trình của nhóm.<br>**Hình thức đánh giá**: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện. |
| Buổi thứ 7 (04 tiết) | **Chương 8. LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH**<br>8.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của Luật Hôn nhân và Gia đình | H3<br>H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học:** PP thuyết trình (GV và SV); PP gợi mở-vấn đáp; PP thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** GV thuyết trình; SV | **Đánh giá**: Chuyên cần; Bài thuyết trình của nhóm. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra HP | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 8.1.2. Khái niệm Luật Hôn nhân và Gia đình<br>8.1.2. Đối tượng điều chỉnh<br>8.1.3. Phương pháp điều chỉnh<br>8.2 Kết hôn và các điều kiện kết hôn<br>8.2.1. Kết hôn<br>8.2.2. Các điều kiện kết hôn<br>8.3. Đăng ký kết hôn<br>8.4. Hủy kết hôn trái pháp luật<br>8.5. Ly hôn<br>8.5.1. Khái niệm ly hôn<br>8.5.2. Căn cứ ly hôn<br>8.5.3. Các trường hợp ly hôn theo Luật Hôn nhân và Gia đình<br>8.5.4. Hậu quả pháp lý của việc ly hôn<br>***Thuyết trình (TT)***: Kết hôn và các điều kiện kết hôn<br>**Chương 9. LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**<br>1.6.9.1. Khái niệm tham nhũng<br>9.2. Đặc điểm của hành vi tham nhũng<br>9.3. Các hành vi tham nhũng<br>1.7.9.3. Nguyên nhân và tác hại của tham nhũng<br>9.4. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng | | thuyết trình; Phản biện giữa SV-SV; SV trả lời câu hỏi của GV.<br>**Yêu cầu sinh viên:** Đọc tài liệu trước buổi học, Chuẩn bị bài giảng (ppt) theo sự phân công.<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | **Hình thức đánh giá**: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện. |
| Buổi thứ 8 (02 tiết) | Ôn tập (01 tiết)<br>Kiểm tra (01 tiết) | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:** Giảng viên thuyết trình; Sinh viên đặt câu hỏi.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** GV tóm tắt lại toàn bộ nội dung đã học; giải đáp thắc mắc của sinh viên.<br>**Yêu cầu sinh viên:** Ôn tập toàn bộ nội dung đã học của các buổi trước; chuẩn bị câu hỏi.<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | **Đánh giá**: Chuyên cần; Bài kiểm tra cá nhân.<br>**Hình thức đánh giá**: Điểm danh; Chấm điểm bài kiểm tra cá nhân. |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình học phần***

[1]. Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb Công an nhân dân.

[2]. Lê Minh Toàn (2019), *Pháp luật đại cương*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

***6.2. Danh mục tài liệu tham khảo***

[3]. Quốc hội (2013), *ngày 28 tháng 11 năm 2013 Hiến pháp*, Hà Nội;

[4]. Quốc hội (2015), *Luật số 100/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 Bộ luật Hình sự 2015; Luật số 12/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 Sửa đổi, một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13*, Hà Nội;

[5]. Quốc hội (2015), *Luật số 101/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 Bộ luật Tố tụng hình sự*, Hà Nội;

[6]. Quốc hội (2015), *Luật số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 Bộ luật Dân sự 2015*, Hà Nội;

[7]. Quốc hội (2015), *Luật số 92/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 Bộ luật Tố tụng dân sự*, Hà Nội;

[8]. Quốc hội (2015), *Luật số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2015 Luật Tổ chức chính quyền địa phương,* Hà Nội;

[9]. Quốc hội (2014), *Luật số 62/2014/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2014 Luật Tổ chức Toà án nhân dân*, Hà Nội;

[10]. Quốc hội (2014), *Luật số 63/2014/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2014 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân*, Hà Nội;

[11]. Quốc hội (2012), *Luật số 15/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012 Luật Xử lý vi phạm hành chính*, Hà Nội;

[12]. Quốc hội (2014), *Luật số 52/2014/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2014 Luật Hôn nhân và Gia đình,* Hà Nội;

[13]. Quốc hội (2018), *Luật số 36/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 Luật Phòng, chống tham nhũng,* Hà Nội;

[14]. Quốc hội (2008), *Luật số 26/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008 Luật Thi hành án dân sự; Luật số 64/2014/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự*, Hà Nội;

[15]. Quốc hội (2015), *Luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*, Hà Nội.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

***7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận***

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

***7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu***

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3 | 30% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | **Đánh giá thông qua:**<br>- Điểm danh;<br>- Mức độ chuẩn bị bài trước buổi học. | | |
| 2 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | **Đánh giá thông qua:**<br>- Chất lượng bài trình bày;<br>- Kỹ năng trình bày;<br>- Kỹ năng phản biện;<br>- Kỹ năng làm việc nhóm;<br>- Mức độ tham gia thảo luận trên lớp. | H1<br>H2<br>H3 | 30% |
| 3 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | **Đánh giá thông qua:**<br>Kiểm tra tự luận | H1<br>H2<br>H3 | 40% |
| 4 | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | | | 100% |

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Thi tự luận | H1<br>H2<br>H3 | 70% |

*Ngày 30 tháng 4 năm 2020*

| Trưởng Khoa (biên soạn) | Phó Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| | **Trịnh Thị Thủy** | **Phan Thúy An** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: TIẾNG ANH 1**
**Mã học phần: FL211011**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**
Tổng số tín chỉ: 3; Số tín chỉ lý thuyết: 3; Số tín chỉ thực hành: 0
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần:
Học phần học song hành: Không
Học phần học trước: Không
Học phần tiên quyết: Không
Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Lệ Hằng | 0946878282 | nlhang@ttn.edu.vn |
| 2 | Nguyễn Thị Kim Phượng | 0914072766 | ntkphuong@ttn.edu.vn |
| 3 | Ngô Văn Thông | 0343065978 | nvthong@ttn.edu.vn |
| 4 | Hồ Ngọc Đoan | 0914248778 | hndthu@ttn.edu.vn |
| 5 | Trần Lê Thanh Tú | 0905721183 | tlttu@ttn.edu.vn |
| 6 | Trần Ngọc Anh | 0984998485 | ngocanh@ttn.edu.vn |
| 7 | Phạm Thị Thanh Huệ | 0986222257 | ptthue@ttn.edu.vn |
| 8 | Bùi Thị Tịnh | 0983146976 | bttinh@ttn.edu.vn |
| 9 | Hoàng Thị Xuân | 0914087037 | htxuan@ttn.edu.vn |
| 10 | Thân Thị Hiền Giang | 0917297676 | thanthihiengiang@ttn.edu.vn |
| 11 | Y Cour B'Krông | 0914407690 | ycuorbkrong@ttn.edu.vn |
| 12 | Đoàn Thị Dung | 0934479479 | doandung@ttn.edu.vn |
| 13 | Hà Lê Hồng Hoa | 0947978779 | hlhhoa@ttn.edu.vn |
| 14 | Tống Thị Lan Chi | 0985404444 | ttlchi@ttn.edu.vn |
| 15 | Nguyễn Thị Tường Như | 0914407989 | nttnhu@ttn.edu.vn |
| 16 | Cù Thị Ngọc Hoa | 0905421084 | ttnhoa@ttn.edu.vn |
| 17 | Hoàng Thị Hồng Nhung | 0914540808 | hthnhung@ttn.edu.vn |
| 18 | Nguyễn Thị Mỹ Liên | 0914111080 | ntmlien@ttn.edu.vn |
| 19 | Ngô Hà Thanh | 0946566207 | hathanhngo92@gmail.com |
| 20 | Lê Thị Hồng Vân | 0935356067 | lthvan@ttn.edu.vn |
| 21 | Hoàng Khánh Bảo | 0903519558 | hkbao@ttn.edu.vn |
| 22 | Nguyễn Thiện Khoa | 0946926879 | thienkhoa@ttn.edu.vn |

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Tiếng Anh 1 là học phần đầu tiên trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ trường đại học Tây Nguyên.

Học phần tiếng Anh 1 giúp sinh viên tích lũy từ vựng và các cấu trúc tiếng Anh, đồng thời phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày, được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về các nước trên thế giới, địa điểm du lịch, các hoạt động hàng ngày, gia đình, tính cách con người, đồ ăn và thức uống, công việc, đồ vật trong nhà và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu); từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở các học phần tiếng Anh 2, 3, 4 sau này.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

*Học phần tiếng Anh 1 sẽ:*

MT1. trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh về các nước trên thế giới, địa điểm du lịch, các hoạt động hàng ngày, gia đình, tính cách con người, đồ ăn và thức uống, công việc và đồ vật trong nhà.

MT2. trang bị cho người học ngữ pháp tiếng Anh về sở hữu cách, trạng từ chỉ tần suất, động từ khiếm khuyết *can*, đại từ tân ngữ, cấu trúc *there is / there are* và *there was / there were*, mạo từ *a* và *an*, định lượng từ, thì hiện tại đơn, thì quá khứ đơn; cách phát âm các âm khó, âm đuôi *_ed* của động từ có quy tắc, cách nối âm, cách nhấn trọng âm từ và nhấn trọng âm trong câu.

MT3. cung cấp cho người học một số bài đọc và bài nghe về văn hóa, đời sống, con người của các nước nói tiếng Anh;

MT4. trang bị cho người học các kỹ năng nghe lấy thông tin từ các giao dịch được diễn đạt chậm và rõ ràng, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác về những vấn đề đơn giản và ngắn gọn, kỹ năng đọc hiểu những văn bản ngắn và đơn giản, kỹ năng viết mệnh đề và các câu đơn giản có sử dụng liên từ.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

Sau khi học xong học phần tiếng Anh 1, người học:

H1. có đủ vốn từ để diễn đạt những nhu cầu giao tiếp cơ bản và để xử lý những nhu cầu tối giản; có thể sử dụng chính xác một số cấu trúc đơn giản để thể hiện được rõ ràng ý mình muốn truyền đạt;

H2. có khả năng nghe hiểu được các nhóm từ và từ vựng thường dùng về những chủ đề liên quan trực tiếp đến bản thân; nghe hiểu được ý chính trong các thông báo ngắn, đơn giản và rõ ràng;

H3. có khả năng giao tiếp được trong các tình huống quen thuộc, đơn giản hằng ngày về bản thân, gia đình, nhà trường, nơi sinh sống;

H4. có khả năng hiểu các cụm từ và các từ ngữ thường gặp về các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến bản thân (ví dụ: các thông tin về cá nhân và gia đình, mua sắm, địa lý địa phương, việc làm), hiểu ý chính của các văn bản ngắn gọn, rõ ràng;

H5. có khả năng viết tin nhắn đơn giản, ngắn gọn thuộc phạm vi nhu cầu cấp thiết hay viết một lá thư cá nhân rất đơn giản.

H6. có nhận thức đúng về học phần, chăm chú nghe giảng và tích cực phát biểu ở lớp, có thái độ nghiêm túc khi tham gia thảo luận, có tinh thần tự học tập và nghiên cứu ở nhà, có tinh thần hợp tác làm việc nhóm hiệu quả, có ý thức kỷ luật và tham gia đầy đủ số tiết học.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | | | | | | x | | | | | | | |
| H2 | | | | | | | | x | | | | | | | |
| H3 | | | | | | | | x | | | | | | | |
| H4 | | | | | | | | x | | | | | | | |
| H5 | | | | | | | | x | | | | | | | |
| H6 | | | | | | | | x | | | | | | | |

**4. Cấu trúc học phần**

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 1 | **Unit 1: Welcome**<br>1.1. Nice to meet you<br>1.2. Travel Flight<br>1.3. Can I have a coffee?<br>1.4. Family Towers | Lý thuyết: 4 tiết<br>Luyện tập: 3 tiết | [1] trang 8 – 16<br>[2], [3], [4], [5] |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 2 | **Unit 2: Lifestyle**<br>2.1. Join us!<br>2.2. High Flyers<br>2.3. What time does it start?<br>2.4. A visit to Panama | Lý thuyết: 4 tiết<br>Luyện tập: 3 tiết | [1] trang 17 - 26<br>[2], [3], [4], [5] |
| 3 | **Unit 3: People**<br>3.1. Big happy family<br>3.2. Real friends?<br>3.3. Are you free?<br>3.4. Diwali Celebrations | Lý thuyết: 4 tiết<br>Luyện tập: 3 tiết | [1] trang 27 - 36<br>[2], [3], [4], [5] |
| 4 | **Unit 4: Places**<br>4.1. A place to stay<br>4.2. Around town<br>4.3. Can I help you?<br>4.4. Favorite places | Lý thuyết: 5 tiết<br>Luyện tập: 3 tiết | [1] trang 37 - 46<br>[2], [3], [4], [5] |
| 5 | **Unit 5: Food**<br>5.1. My fridge<br>5.2. A lifetime in numbers<br>5.3. Are you ready to order?<br>5.4. Beach barbecue | Lý thuyết: 5 tiết<br>Luyện tập: 3 tiết | [1] trang 47 - 56<br>[2], [3], [4], [5] |
| 6 | **Unit 6: The past**<br>6.1. In the past<br>6.2. Time twins<br>6.3. What did you do?<br>6.4. Nelson Mandela | Lý thuyết: 5 tiết<br>Luyện tập: 3 tiết | [1] trang 57 - 66<br>[2], [3], [4], [5] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Buổi 1+2<br>Số tiết: 7 | **Unit 1: Welcome**<br>*1.1. Nice to meet you*<br>1.1.1. Grammar: Present simple: be<br>1.1.2. Vocabulary: countries and nationalities<br>1.1.3. Pronunciation: word stress<br>1.1.4. Listening: listen to people introduce themselves<br>1.1.5. Speaking: introduce yourself and others<br>1.1.6. Writing: improve your use of capital letters<br>*1.2. Travel Flight*<br>1.2.1. Grammar: this, that, these, those, possessives<br>1.2.2. Vocabulary: objects | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5<br>H6 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Thuyết trình<br>- Thảo luận<br>- Gợi mở - vấn đáp<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: countries, nationalities, objects, tourist places | - Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation)<br>- Hình thức đánh giá: Bằng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 1.2.3. Pronunciation: word stress: this, that, these, those<br>1.2.4. Reading: read about the traveling flight<br>1.2.5. Speaking: indentify objects<br>*1.3. Can I have a coffee?*<br>1.3.1. Grammar: making requests<br>1.3.2. Vocabulary: tourist places<br>1.3.3. Pronunciation: polite intonation, sentence stress<br>1.3.4. Listening: understand people in tourist situations<br>1.3.5. Speaking: check into a hotel<br>*1.4. Family Towers*<br>1.4.1. Listening: watch an extract from a sitcom about a hotel<br>1.4.2. Writing: complete a registration form at a hotel | | **Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép<br>- Thảo luận nhóm<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | |
| Buổi 3 + 4<br>Số tiết: 7 | **Unit 2: Lifestyle**<br>*2.1. Join us!*<br>2.1.1. Grammar: Present simple: I/ You/ We / They<br>2.1.2. Vocabulary: activities<br>2.1.3. Pronunciation: linking: do you<br>2.1.4. Reading: read about local groups<br>2.1.5. Speaking: talk about activities and groups<br>2.1.6. Writing: link sentences with *and, but* and *or*<br>*2.2. High Flyers*<br>2.2.1. Grammar: Present simple: he/ she/ it<br>2.2.2. Vocabulary: daily routines and jobs<br>2.2.3. Pronunciation: third person ‘s’<br>2.2.4. Listening: listen to people talk about their daily routines<br>2.2.5. Speaking: talk about your daily routines and people’s jobs<br>*2.3. What time does it start?*<br>2.3.1. Grammar: asking for information | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5<br>H6 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Thuyết trình<br>- Thảo luận<br>- Gợi mở - vấn đáp<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: present simple, daily routines, jobs, places<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép<br>- Thảo luận nhóm<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | - Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation)<br>- Hình thức đánh giá: Bằng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 2.3.2. Vocabulary: the time<br>2.3.3. Pronunciation: sentence stress, polite intonation<br>2.3.4. Reading: read leaflets about San Francisco<br>2.3.5. Listening: listen to people at a tourist information center<br>2.3.6. Speaking: ask questions at a tourist information center<br>*2.4. A visit to Panama*<br>2.4.1. Listening: watch an extract from a programme about living with tribes<br>2.4.2. Speaking: talk about good guests and bad guests<br>2.4.3. Writing: write an email asking a friend for a place to stay | | | |
| Buổi 5 + 6<br>Số tiết: 7 | **Unit 3: People**<br>*3.1. Big happy family*<br>3.1.1. Grammar: have / has got<br>3.1.2. Vocabulary: family<br>3.1.3. Pronunciation: sentence stress<br>3.1.4. Reading: read about a usual family<br>3.1.5. Speaking: talk about family<br>*3.2. Real friends?*<br>3.2.1. Grammar: adverbs of frequency<br>3.2.2. Vocabulary: personality<br>3.2.3. Pronunciation: word stress<br>3.2.4. Listening: listen to people talk about their friends<br>3.2.5. Speaking: describe someone you know and say why you like them<br>3.2.6. Writing: improve your use of apostrophe ‘s / write about your family and friends<br>*3.3. Are you free?*<br>3.3.1. Grammar: making arrangement<br>3.3.2. Vocabulary: time expressions | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5<br>H6 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Thuyết trình<br>- Thảo luận<br>- Gợi mở - vấn đáp<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: adverbs of frequency, family, personality, time expression<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép<br>- Thảo luận nhóm<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | - Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation)<br>- Hình thức đánh giá: Bằng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 3.3.3. Pronunciation: intonation to show interest<br>3.3.4. Reading: read leaflets about San Francisco<br>3.3.5. Listening: learn to show interest when you listen<br>3.3.6. Speaking: make arrangements to meet friends<br>*3.4. Diwali Celebrations*<br>3.4.1. Listening: watch an extract from a BBC programme showing traditions of Diwali<br>3.4.2. Speaking: talk about a special occasion<br>3.4.3. Writing: write a description of a special event | | | |
| Buổi 7 + 8<br>Số tiết: 8 | **Unit 4: Places**<br>*4.1. A place to stay*<br>4.1.1. Grammar: there is / there are<br>4.1.2. Vocabulary: rooms and furniture, prepositions<br>4.1.3. Pronunciation: word stress, weak forms: there's a, there are<br>4.1.4. Reading: read about two places in Malta<br>4.1.5. Listening: listen to a woman describing her apartment<br>4.1.6. Speaking: describe a room in your home<br>4.1.7. Writing: improve your use of commas, write a description of your home<br>*4.2. Around town*<br>4.2.1. Grammar: '*can'* for possibility<br>4.2.2. Vocabulary: places in towns, prepositions<br>4.2.3. Pronunciation: word stress, weak forms: *can / can't*<br>4.2.4. Reading: read about some unusual places in town<br>4.2.5. Speaking: talk about things you can do in your town<br>*4.3. Can I help you?* | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5<br>H6 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Thuyết trình<br>- Thảo luận<br>- Gợi mở - vấn đáp<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: can, rooms, furniture, shopping<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép<br>- Thảo luận nhóm<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | - Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation)<br>- Hình thức đánh giá: Bằng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 4.3.1. Grammar: shopping<br>4.3.2. Vocabulary: things to buy<br>4.3.3. Pronunciation: polite intonation<br>4.3.4. Listening: understand conversations in shops<br>4.3.5. Speaking: have a conversation in a shop<br>*4.4. Favorite places*<br>4.4.1. Listening: watch an extract from a documentary about some amazing places<br>4.4.2. Speaking: talk about a favorite place<br>4.4.3. Writing: write a blog about your favorite place | | | |
| Buổi 9 + 10<br>Số tiết: 8 | **Unit 5: Food**<br>*5.1. My fridge*<br>5.1.1. Grammar: countable and uncountable noun<br>5.1.2. Vocabulary: food and drink<br>5.1.3. Pronunciation: weak forms: a, an, some, any<br>5.1.4. Reading: read about a photographer's project<br>5.1.5. Listening: listen to a photographer talk about food<br>5.1.6. Speaking: talk about your eating and drinking habit<br>*5.2. A lifetime in numbers*<br>5.2.1. Grammar: how much / how many, quantifiers<br>5.2.2. Vocabulary: containers<br>5.2.3. Pronunciation: number<br>5.2.4. Reading: read about eating and drinking habits<br>5.2.5. Speaking: conduct a class food survey<br>5.2.6. Writing: use paragraphs to write a short report about your class<br>*5.3. Are you ready to order?*<br>5.3.1. Grammar: ordering in a restaurant | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5<br>H6 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Thuyết trình<br>- Thảo luận<br>- Gợi mở - vấn đáp<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: countable and uncountable noun, food, drink, how much / how many, quantifiers, restaurant words<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép<br>- Thảo luận nhóm<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | - Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation)<br>- Hình thức đánh giá: Bằng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 5.3.2. Vocabulary: restaurant words<br>5.3.3. Pronunciation: polite intonation, linking<br>5.3.4. Reading: read a menu<br>5.3.5. Listening: listen to people ordering in a restaurant, learn to understand fast speed<br>5.3.6. Speaking: order a meal in a restaurant<br>*5.4. Beach barbecue*<br>5.4.1. Listening: watch an extract from a cookery programme with a famous chef<br>5.4.2. Speaking: describe your favorite special dish<br>5.4.3. Writing: write an email with a recipe | | | |
| Buổi 11 + 12 Số tiết: 8 | **Unit 6: The past**<br>*6.1. In the past*<br>6.1.1. Grammar: was / were<br>6.1.2. Vocabulary: dates and time phrases<br>6.1.3. Pronunciation: weak forms: was / were<br>6.1.4. Listening: hear interesting facts about famous people's lives<br>6.1.5. Speaking: describe your favorite childhood things<br>*6.2. Time twins*<br>6.2.1. Grammar: past simple<br>6.2.2. Vocabulary: life story collocations<br>6.2.3. Pronunciation: past simple verbs: -ed ending<br>6.2.4. Reading: read about time twins<br>6.2.5. Speaking: talk about past events in your life<br>6.2.6. Writing: link sentences with *because* and *so*, write your life story in 100 words<br>*6.3. What did you do?*<br>6.3.1. Grammar: asking follow-up questions | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5<br>H6 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Thuyết trình<br>- Thảo luận<br>- Gợi mở - vấn đáp<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: past simple, dates, time phrases, life story collocations<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép<br>- Thảo luận nhóm<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | - Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation)<br>- Hình thức đánh giá: Bằng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 6.3.2. Vocabulary: activities<br>6.3.3. Pronunciation: linking: did you<br>6.3.4. Listening: listen to people talking about their weekends<br>6.3.5. Speaking: talk about how your weekend was<br>*6.4. Nelson Mandela*<br>6.4.1. Listening: watch an extract from a documentary about a great leader<br>6.4.2. Speaking: interview a special person<br>6.4.3. Writing: write a profile about a special person | | | |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Frances Eales, Steve Oakes (2019). *Speak Out Students' Book, Elementary, 2nd edition*, Pearson.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2] Frances Eales, Steve Oakes (2019). *Speak Out Workbook, Elementary, 2nd edition*, Pearson.

[3] Jonathan Marks (2007). *English Pronunciation in Use Elementary*. Cambridge: Cambridge University Press.

[4] Patricia Wilcox Peterson (2003). *Developing Writing - Writing Skills Practice Book for EFL: Beginning / Intermediate Level*. United State Department of State.

[5] English.com/activate: MyEnglishlab

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao

*7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua việc tham gia lớp học, việc hoàn thành các nhiệm vụ tự học của sinh viên | H5<br>H6 | 30% |
| 2 | Bài tập cá nhân/ nhóm | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập | Phương pháp đánh giá thông qua mức độ hoàn thành các | H1<br>H2<br>H3 | 30% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| | | của sinh viên do giảng viên đề ra. | nhiệm vụ trên lớp của sinh viên | H4 | |
| 3 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận. | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5<br>H6 | 40% |
| Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | | | | 100% |

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần |
|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Thi trắc nghiệm và tự luận trên máy tính, vấn đáp. | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5 |

*Ngày 23 tháng 07 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| **Nguyễn Thị Kim Phượng** | **Bùi Thị Tịnh** | **Hoàng Thị Hồng Nhung** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: TIẾNG ANH 2**
**Mã học phần: FL211012**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 3; Số tín chỉ lý thuyết: 3; Số tín chỉ thực hành: 0
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần:
Học phần học song hành: không
Học phần học trước: Tiếng Anh 1
Học phần tiên quyết: không
Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Lệ Hằng | 0946878282 | nlhang@ttn.edu.vn |
| 2 | Nguyễn Thị Kim Phượng | 0914072766 | ntkphuong@ttn.edu.vn |
| 3 | Ngô Văn Thông | 0343065978 | nvthong@ttn.edu.vn |
| 4 | Hồ Ngọc Đoan | 0914248778 | hndthu@ttn.edu.vn |
| 5 | Trần Lê Thanh Tú | 0905721183 | tlttu@ttn.edu.vn |
| 6 | Trần Ngọc Anh | 0984998485 | ngocanh@ttn.edu.vn |
| 7 | Phạm Thị Thanh Huệ | 0986222257 | ptthue@ttn.edu.vn |
| 8 | Bùi Thị Tịnh | 0983146976 | bttinh@ttn.edu.vn |
| 9 | Hoàng Thị Xuân | 0914087037 | htxuan@ttn.edu.vn |
| 10 | Thân Thị Hiền Giang | 0917297676 | thanthihiengiang@ttn.edu.vn |
| 11 | Y Cour B'Krông | 0914407690 | ycuorbkrong@ttn.edu.vn |
| 12 | Đoàn Thị Dung | 0934479479 | doandung@ttn.edu.vn |
| 13 | Hà Lê Hồng Hoa | 0947978779 | hlhhoa@ttn.edu.vn |
| 14 | Tống Thị Lan Chi | 0985404444 | ttlchi@ttn.edu.vn |
| 15 | Nguyễn Thị Tường Như | 0914407989 | nttnhu@ttn.edu.vn |
| 16 | Cù Thị Ngọc Hoa | 0905421084 | ttnhoa@ttn.edu.vn |
| 17 | Hoàng Thị Hồng Nhung | 0914540808 | hthnhung@ttn.edu.vn |
| 18 | Nguyễn Thị Mỹ Liên | 0914111080 | ntmlien@ttn.edu.vn |
| 19 | Ngô Hà Thanh | 0946566207 | hathanhngo92@gmail.com |
| 20 | Lê Thị Hồng Vân | 0935356067 | lthvan@ttn.edu.vn |
| 21 | Hoàng Khánh Bảo | 0903519558 | hkbao@ttn.edu.vn |
| 22 | Nguyễn Thiện Khoa | 0946926879 | thienkhoa@ttn.edu.vn |

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Tiếng Anh 2 là học phần thứ hai trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và phát âm, lồng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường Đại học Tây Nguyên.

Học phần tiếng Anh 2 giới thiệu và hướng dẫn thực hành các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên có kiến thức về những phong cách giao tiếp khác nhau, từ đó có thể phát triển bốn kỹ năng tiếng ở cấp độ cao hơn.

Ngoài ra, học phần tiếng Anh 2 còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

*Học phần tiếng Anh 2 sẽ trang bị cho người học kiến thức về:*

MT 1. từ vựng tiếng Anh với các chủ đề như hoạt động trong kì nghỉ, ngoại hình, thể loại phim, phương tiện giao thông, kế hoạch, sức khỏe và trải nghiệm.

MT 2. các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, tương lai *going to*, tương lai đơn, so sánh tính từ và trạng từ, các trạng từ, các mạo từ; ngữ âm tiếng Anh: các âm cơ bản, một số âm khó, dấu nhấn từ, dấu nhấn câu, ngữ điệu, nối âm, và cách đọc phiên âm của từ vựng trong từ điển.

MT 3. kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói tiếng Anh.

MT 4. bốn kỹ năng tiếng: như kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng nói độc thoại và nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng viết sản sinh.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

*Sau khi học xong học phần tiếng Anh 2, người học có khả năng:*

H1. thu nhận và sử dụng được vốn từ vựng về các chủ đề cơ bản, liên quan đến đời sống hằng ngày như hoạt động trong kì nghỉ, ngoại hình, thể loại phim, phương tiện giao thông, kế hoạch, sức khỏe và trải nghiệm; sử dụng tương đối chính xác ngữ pháp và cấu trúc tiếng Anh ở trình độ cơ bản khi viết và nói.

H2. nói được một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề liên quan đến bản thân với phát âm rõ ràng, tương đối chính xác; giao tiếp khá tự nhiên, có ngữ điệu.

H3. nghe hiểu và theo dõi được dàn ý của các bài nói ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc nếu được diễn đạt theo giọng chuẩn, rõ ràng.

H4. đọc hiểu được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản như thư từ, tờ thông tin và các bài báo ngắn mô tả sự kiện.

H5. viết được những bài đơn giản, có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc và cụ thể như bản thân, gia đình, công việc, học tập.

*Sau khi học xong học phần tiếng Anh 2, người học:*

H6. có nhận thức đúng về học phần tiếng Anh 2, có thái độ tích cực, nghiêm túckhi tham gia học tập trên lớp, hăng hái khi thảo luận và phát biểu, phát huy tinh thần tự học ở nhà và tự nghiên cứu thêm khi cần thiết. Người học có tinh thần hợp tác khi làm việc nhóm, có đạo đức tốt và ý thức kỷ luật cao.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | | | | | | x | | | | | | | |
| H2 | | | | | | | | x | | | | | | | |
| H3 | | | | | | | | x | | | | | | | |
| H4 | | | | | | | | x | | | | | | | |
| H5 | | | | | | | | x | | | | | | | |
| H6 | | | | | | | | x | | | | | | | |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Unit 1: Holidays**<br>1.1. Travel partners<br>1.2. The longest bike ride<br>1.3. Can you tell me the way?<br>1.4. Hong Kong | Lý thuyết: 4 tiết<br>Luyện tập: 3 tiết | [1] trang 67 - 76<br>[2], [3], [4] |
| 2 | **Unit 2: Now** | Lý thuyết: 4 tiết | [1] trang 77 - 86 |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 2.1. Having a great time<br>2.2. What a difference!<br>2.3. What do you recommend?<br>2.4. Changing Trends | Luyện tập: 3 tiết | [2], [3], [4] |
| 3 | **Unit 3: Transport**<br>3.1. Citybikes<br>3.2. Free ride<br>3.3. Sorry I'm late<br>3.4. Airport | Lý thuyết: 4 tiết<br>Luyện tập: 3 tiết | [1] trang 87 - 96<br>[2], [3], [4] |
| 4 | **Unit 4: Plans**<br>4.1. Life's a lottery<br>4.2. Survive<br>4.3. Let's do something<br>4.4. Wild Weather | Lý thuyết: 4 tiết<br>Luyện tập: 4 tiết | [1] trang 97 - 105<br>[2], [3], [4] |
| 5 | **Unit 5: Health**<br>5.1. I don't feel well<br>5.2. One thing at a time<br>5.3. Help!<br>5.4. Fat or Sugar? | Lý thuyết: 4 tiết<br>Luyện tập: 4 tiết | [1] trang 107 - 116<br>[2], [3], [4] |
| 6 | **Unit 6: Experiences**<br>6.1. Great experiences<br>6.2. Afraid of nothing<br>6.3. Hello, I've got a problem<br>6.4. Shark Therapy | LT: 4 tiết<br>BT: 4 tiết | [1] trang 117 - 125<br>[2], [3], [4] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | CĐR học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Buổi<br>1 + 2<br>Số tiết 7 | **Unit 1: Holidays**<br>*1.1. Travel partners*<br>1.1.1. Grammar: comparatives<br>1.1.2. Vocabulary: travel adjectives<br>1.1.3. Pronunciation: word stress, sentence stress<br>1.1.4. Reading: read a quiz about travel<br>1.1.5. Listening: listen to people talk about how they like to travel<br>1.1.6. Speaking: talk about holidays<br>*1.2. The longest bike ride*<br>1.2.1. Grammar: superlative<br>1.2.2. Vocabulary: places<br>1.2.3. Pronunciation: weak form: *the*<br>1.2.4. Reading: read an article about a bike tour across Asia | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5 | - Phương pháp dạy học:thuyết trình, gợi mở - vấn đáp, thảo luận<br>- Hình thức tổ chức dạy học:<br>+ Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>+ Thảo luận nhóm về chủ đề: travel adjectives, comparatives, superlative, giving directions<br>- Yêu cầu sinh viên:<br>+ Đọc tài liệu | - Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation)<br>- Hình thức đánh giá: Bằng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | CĐR học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 1.2.5. Listening: listen to a conversation with a traveler<br>1.2.6. Speaking: plan and talk about a long journey<br>1.2.7. Writing: check and correct information about a holiday<br>*1.3. Can you tell me the way?*<br>1.3.1. Grammar: giving directions<br>1.3.2. Vocabulary: places<br>1.3.3. Pronunciation: sentence stress: correcting<br>1.3.4. Reading: read about Liverpool<br>1.3.5. Listening: understand directions<br>1.3.6. Speaking: give directions<br>*1.4. Hong Kong*<br>1.4.1. Listening: watch an extract from a travel show about Hong Kong<br>1.4.2. Speaking: describe part of a town/ city you know<br>1.4.3. Writing: write a short travel article about a town/ city | | + Ghi chép<br>+ Chuẩn bị báo cáo<br>+ Hoàn thành bài viết và bài thu âm<br>-Địa điểm học: Giảng đường | |
| Buổi 3 + 4<br>Số tiết: 7 | **Unit 2: Now**<br>*2.1. Having a great time*<br>2.1.1. Grammar: Present continuous<br>2.1.2. Vocabulary: verbs + prepositions<br>2.1.3. Pronunciation: weak form: prepositions and article<br>2.1.4. Reading: read research about language people use on social networking sites<br>2.1.5. Speaking: talk about what people are doing<br>2.1.6. Writing: improve your use of pronouns, write comments on a photo<br>*2.2. What a difference!*<br>2.2.1. Grammar: Present simple and continuous<br>2.2.2. Vocabulary: appearance<br>2.2.3. Pronunciation: intonation in questions<br>2.2.4. Listening: listen to people talk about actors<br>2.2.5. Speaking: talk about what you wear<br>*2.3. What do you recommend?* | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5 | - Phương pháp dạy học:thuyết trình, gợi mở - vấn đáp, thảo luận<br>- Hình thức tổ chức dạy học:<br>+ Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>+ Thảo luận nhóm về chủ đề: Present continuous, present simple, appearance, types of film, recommending,<br>- Yêu cầu sinh viên:<br>+ Đọc tài liệu<br>+ Ghi chép<br>+ Chuẩn bị báo cáo<br>+ Hoàn thành bài viết và bài thu âm<br>-Địa điểm học: Giảng đường | - Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation)<br>- Hình thức đánh giá: Bằng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | CĐR học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 2.3.1. Grammar: recommending<br>2.3.2. Vocabulary: types of film<br>2.3.3. Pronunciation: word stress, linking<br>2.3.4. Reading: read a questionnaire about films<br>2.3.5. Listening: listen to conversations about films<br>2.3.6. Speaking: ask for and give recommendations<br>*2.4. Changing Trends*<br>2.4.1. Listening: watch an extract from a BBC programme about shopping trends<br>2.4.2. Speaking: talk about a survey on trends<br>2.4.3. Writing: write a summary of a survey | | | |
| Buổi<br>5 + 6<br>Số tiết 7 | **Unit 3: Transport**<br>*3.1. Citybikes*<br>3.1.1. Grammar: can / can't, have to / don't have to<br>3.1.2. Vocabulary: adjectives<br>3.1.3. Pronunciation: word stress, weak sound /ə/<br>3.1.4. Reading: read an article about Mexico City's EcoBici<br>3.1.5. Speaking: talk about transport in different cities<br>*3.2. Free ride*<br>3.2.1. Grammar: articles: a/ an, the, no article<br>3.2.2. Vocabulary: transport collocations<br>3.2.3. Pronunciation: weak form: a, an, the<br>3.2.4. Reading: read about transport in different places<br>3.2.5. Listening: listen to a man talk about travelling for free<br>3.2.6. Speaking: talk about types of transport<br>*3.3. Sorry I'm late*<br>3.3.1. Grammar: apologizing<br>3.3.2. Vocabulary: excuses | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5 | - Phương pháp dạy học:thuyết trình, gợi mở - vấn đáp, thảo luận<br>- Hình thức tổ chức dạy học:<br>+ Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>+ Thảo luận nhóm về chủ đề: can / can't, have to / don't have to, transport collocations, apologizing, excuses, adjectives<br>- Yêu cầu sinh viên:<br>+ Đọc tài liệu<br>+ Ghi chép<br>+ Chuẩn bị báo cáo<br>+ Hoàn thành bài viết và bài thu âm<br>-Địa điểm học: Giảng đường | - Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation)<br>- Hình thức đánh giá: Bằng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | CĐR học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 3.3.3. Pronunciation: intonation in apologies<br>3.3.4. Reading: read excuses for being late<br>3.3.5. Listening: learn to a woman talk about her problems getting to work<br>3.3.6. Speaking: apologize for being late<br>3.3.7. Writing: write a story using linkers<br>*3.4. Airport*<br>3.4.1. Listening: watch an extract from a documentary about a day at Heathrow airport<br>3.4.2. Speaking: deal with problems when flying<br>3.4.3. Writing: write a website entry about problems when flying | | | |
| Buổi<br>7 + 8<br>Số tiết 8 | **Unit 4: Plans**<br>*4.1. Life's a lottery*<br>4.1.1. Grammar: be going to, would like to<br>4.1.2. Vocabulary: plans<br>4.1.3. Pronunciation: weak forms: going to, would<br>4.1.4. Reading: read about a lottery winner<br>4.1.5. Listening: listen to a radio interview with a lottery winners<br>4.1.6. Speaking: talk about your future plans/ wishes<br>*4.2. Survive*<br>4.2.1. Grammar: will, might (not), won't<br>4.2.2. Vocabulary: phrases with get<br>4.2.3. Pronunciation: contractions<br>4.2.4. Reading: read an article about nature's danger<br>4.2.5. Speaking: make predictions about situations<br>4.2.6. Writing: improve you use of linker and write a short story<br>*4.3. Let's do something*<br>4.3.1. Grammar: making suggestions<br>4.3.2. Vocabulary: art and culture<br>4.3.3. Pronunciation: intonation: sounding positive | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5 | - Phương pháp dạy học:thuyết trình, gợi mở - vấn đáp, thảo luận<br>- Hình thức tổ chức dạy học:<br>+ Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>+ Thảo luận nhóm về chủ đề: be going to, would like to, plans, will, might (not), won't, phrases with get, making suggestions, art and culture<br>- Yêu cầu sinh viên:<br>+ Đọc tài liệu<br>+ Ghi chép<br>+ Chuẩn bị báo cáo<br>+ Hoàn thành bài viết và bài thu âm<br>-Địa điểm học: Giảng đường | - Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation)<br>- Hình thức đánh giá: Bằng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | CĐR học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 4.3.4. Speaking: make and respond to suggestions for a day out<br>*4.4. Wild Weather*<br>4.4.1. Listening: watch an extract from a documentary about the wettest place in Europe<br>4.4.2. Speaking: describe unusual weather<br>4.4.3. Writing: write a message forum notice about your city | | | |
| Buổi 9 + 10<br>Số tiết 8 | **Unit 5: Health**<br>*5.1. I don't feel well*<br>5.1.1. Grammar: should / shouldn't<br>5.1.2. Vocabulary: the body, health<br>5.1.3. Pronunciation: sentence stress, weak forms: should<br>5.1.4. Listening: listen to a radio programme about colds and flu<br>5.1.5. Speaking: talk about what to do when you don't feel well<br>*5.2. On thing at a time*<br>5.2.1. Grammar: adverbs<br>5.2.2. Vocabulary: communication<br>5.2.3. Pronunciation: sentence stress, adverbs<br>5.2.4. Reading: read an article about multi - tasking<br>5.2.5. Speaking: talk about ways of reducing stress<br>5.2.6. Writing: make your stories more interesting with adverbs<br>*5.3. Help!*<br>5.3.1. Grammar: offering to help<br>5.3.2. Vocabulary: verbs of movement<br>5.3.3. Pronunciation: intonation in offers<br>5.3.4. Reading: read about helpful cities<br>5.3.5. Listening: listen to situations where people offer to help<br>5.3.6. Speaking: offer to help someone<br>*5.4. Fat or Sugar?*<br>5.4.1. Listening: watch an extract from a documentary about fat and sugar<br>5.4.2. Speaking: talk about diets | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5 | - Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở - vấn đáp, thảo luận<br>- Hình thức tổ chức dạy học:<br>+ Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>+ Thảo luận nhóm về chủ đề: should / shouldn't, the body, health, adverbs, communication, offering to help, verbs of movement<br>- Yêu cầu sinh viên:<br>+ Đọc tài liệu<br>+ Ghi chép<br>+ Chuẩn bị báo cáo<br>+ Hoàn thành bài viết và bài thu âm<br>-Địa điểm học: Giảng đường | - Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation)<br>- Hình thức đánh giá: Bằng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | CĐR học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 5.4.3. Writing: write some advice for a health forum | | | |
| Buổi 11 + 12 Số tiết 8 | **Unit 6: Experiences**<br>*6.1. Great experiences*<br>6.1.1. Grammar: present prefect<br>6.1.2. Vocabulary: experiences<br>6.1.3. Pronunciation: sentence stress: present prefect<br>6.1.4. Listening: listen to people talk about their experiences<br>6.1.5. Speaking: ask and answer questions about life experiences<br>6.1.6. Writing: write an email using linkers<br>*6.2. Afraid of nothing*<br>6.2.1. Grammar: present prefect and past simple<br>6.2.2. Vocabulary: prepositions<br>6.2.3. Pronunciation: irregular past participles<br>6.2.4. Reading: read about a dangerous job<br>6.2.5. Speaking: describe how you feel about different situations<br>*6.3. Hello, I've got a problem*<br>6.3.1. Grammar: telephoning<br>6.3.2. Vocabulary: telephoning expressions<br>6.3.3. Pronunciation: sentence stress<br>6.3.4. Listening: listen to phone conversations<br>6.3.5. Speaking: make telephone calls and say telephone numbers<br>*6.4. Shark Therapy*<br>6.4.1. Listening: watch an extract from a documentary about sharks<br>6.4.2. Speaking: talk about an exciting or frightening experience<br>6.4.3. Writing: write a story about an exciting or frightening experience | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5 | - Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở - vấn đáp, thảo luận<br>- Hình thức tổ chức dạy học:<br>+ Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>+ Thảo luận nhóm về chủ đề: present prefect, experiences, prepositions, telephoning, telephoning expressions<br>- Yêu cầu sinh viên:<br>+ Đọc tài liệu<br>+ Ghi chép<br>+ Chuẩn bị báo cáo<br>+ Hoàn thành bài viết và bài thu âm<br>-Địa điểm học: Giảng đường | - Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation)<br>- Hình thức đánh giá: Bằng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Frances Eales, Stve Oakes (2019). *Speak Out Students' Book, Elementary, 2nd edition*, Pearson.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2] Frances Eales, Stve Oakes (2019). *Speak Out Workbook, Elementary, 2nd edition*, Pearson. [3] Annette Capel and Wendy Sharp (2005). *Objective KET*, Cambridge University Press.
[4] English.com/activate: MyEnglishlab

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao

*7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

*8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%*

*8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận*

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua việc tham gia lớp học, việc hoàn thành các nhiệm vụ tự học của sinh viên | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 30% |
| 2 | Bài tập cá nhân/ nhóm | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua mức độ hoàn thành các nhiệm vụ trên lớp của sinh viên | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 30% |
| 3 | Bài kiểm trađịnh kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Đánh giá thông qua kiểm tra tự luận. | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5 | 40% |
| **Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận** | | | | | **100%** |

*8.3. Thi kết thúc học phần*

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần |
|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: thi tự luận và vấn đáp. | H1; H2<br>H3; H4<br>H5 |

*Ngày 23 tháng 7 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|

**Nguyễn Thị Kim Phượng** **Bùi Thị Tịnh** **Nguyễn Thị Tường Như**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: TIẾNG ANH 3**
**Mã học phần: FL211013**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 3; Số tín chỉ lý thuyết: 3; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: không

Học phần học trước: Tiếng Anh 2

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Lệ Hằng | 0946878282 | nlhang@ttn.edu.vn |
| 2 | Nguyễn Thị Kim Phượng | 0914072766 | ntkphuong@ttn.edu.vn |
| 3 | Ngô Văn Thông | 0343065978 | nvthong@ttn.edu.vn |
| 4 | Hồ Ngọc Đoan | 0914248778 | hndthu@ttn.edu.vn |
| 5 | Trần Lê Thanh Tú | 0905721183 | tlttu@ttn.edu.vn |
| 6 | Trần Ngọc Anh | 0984998485 | ngocanh@ttn.edu.vn |
| 7 | Phạm Thị Thanh Huệ | 0986222257 | ptthue@ttn.edu.vn |
| 8 | Bùi Thị Tịnh | 0983146976 | bttinh@ttn.edu.vn |
| 9 | Hoàng Thị Xuân | 0914087037 | htxuan@ttn.edu.vn |
| 10 | Thân Thị Hiền Giang | 0917297676 | thanthihiengiang@ttn.edu.vn |
| 11 | Y Cour B'Krông | 0914407690 | ycuorbkrong@ttn.edu.vn |
| 12 | Đoàn Thị Dung | 0934479479 | doandung@ttn.edu.vn |
| 13 | Hà Lê Hồng Hoa | 0947978779 | hlhhoa@ttn.edu.vn |
| 14 | Tống Thị Lan Chi | 0985404444 | ttlchi@ttn.edu.vn |
| 15 | Nguyễn Thị Tường Như | 0914407989 | nttnhu@ttn.edu.vn |
| 16 | Cù Thị Ngọc Hoa | 0905421084 | ttnhoa@ttn.edu.vn |
| 17 | Hoàng Thị Hồng Nhung | 0914540808 | hthnhung@ttn.edu.vn |
| 18 | Nguyễn Thị Mỹ Liên | 0914111080 | ntmlien@ttn.edu.vn |
| 19 | Ngô Hà Thanh | 0946566207 | hathanhngo92@gmail.com |
| 20 | Lê Thị Hồng Vân | 0935356067 | lthvan@ttn.edu.vn |
| 21 | Hoàng Khánh Bảo | 0903519558 | hkbao@ttn.edu.vn |
| 22 | Nguyễn Thiện Khoa | 0946926879 | thienkhoa@ttn.edu.vn |

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Tiếng Anh 3 là học phần thứ ba trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên.

Học phần tiếng Anh 3 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả đơn giản về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình đơn giản, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết các bài luận đơn giản, ngắn gọn… bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn.

Ngoài ra, học phần tiếng Anh 3 còn giúp sinh viên tích tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

*Học phần tiếng Anh 3 sẽ trang bị cho người học*

MT1. từ vựng tiếng Anh với các chủ đề như cuộc sống, các mối quan hệ, công việc, danh lam thắng cảnh, giáo dục, cách học ngoại ngữ, du lịch, sức khỏe và các loại bệnh tật.

MT2. các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như các cấu trúc câu hỏi, cấu trúc động từ, động từ khiếm khuyết, trạng từ chỉ tần xuất, thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn; cách phát âm các âm khó, cách nối âm, cách nhấn từ, nhấn câu, ngữ điệu trong câu hỏi, ngữ điệu thể hiện sự chắc chắn và không chắc chắn, ngữ điệu thể hiện sự quan tâm

MT3. kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói Tiếng Anh.

MT4. bốn kỹ năng tiếng như nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin và lập luận, kỹ năng viết sản sinh và viết tương tác.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

*Sau khi học xong học phần tiếng Anh 3, người học có khả năng:*

H1. thu nhận và sử dụng được vốn từ vựng về cuộc sống, các mối quan hệ, công việc, danh lam thắng cảnh, giáo dục, cách học ngoại ngữ, du lịch, sức khỏe và các loại bệnh tật.

H2. nghe hiểu được ý chính của các hội thoại về các chủ đề quen thuộc và nghe hiểu được các chỉ dẫn chi tiết (ví dụ như các hướng dẫn về giao thông).

H3. nói được các vấn đề quen thuộc, mô tả được gia đình hoặc những hoạt động trong cuộc sống thường ngày hoặc thói quen hằng ngày, diễn đạt được điều mình thích hay không thích, cung cấp được thông tin cụ thể được yêu cầu trong buổi phỏng vấn.

H4. đọc hiểu được các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc.

H5. viết được các bài đơn giản, có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc, và viết kể lại một câu chuyện

*Sau khi học xong học phần tiếng Anh 3, người học*

H6. có nhận thức đúng về học phần tiếng Anh 3, có thái độ tích cực, nghiêm túc khi học trên lớp, tích cực thảo luận và phát biểu khi tham gia học tập trên lớp, tự học ở nhà và tự nghiên cứu. Người học có tinh thần hợp tác làm việc nhóm hiệu quả, có đạo đức tôt và có ý thức kỷ luật cao.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | | | | | | x | | | | | | | |
| H2 | | | | | | | | x | | | | | | | |
| H3 | | | | | | | | x | | | | | | | |
| H4 | | | | | | | | x | | | | | | | |
| H5 | | | | | | | | x | | | | | | | |
| H6 | | | | | | | | x | | | | | | | |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Unit 1: Life**<br>1.1. Feeling good?<br>1.2. True love<br>1.3. Nice day, isn't it<br>1.4. Someone Special | Lý thuyết: 4 tiết<br>Luyện tập: 3 tiết | [2] trang 7-16<br>[2], [3], [4], [5] |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 2 | **Unit 2: Work**<br>2.1. The company<br>2.2. A risky business<br>2.3. I like working outside<br>2.4. Dream Commuters | Lý thuyết: 4 tiết<br>Luyện tập: 3 tiết | [1] trang 17 - 26<br>[2], [3], [4], [5] |
| 3 | **Unit 3: Time Out**<br>3.1.Free in New York City<br>3.2. Relax!<br>3.3. Can I take a message?<br>3.4. Rio De Janerio | Lý thuyết: 4 tiết<br>Luyện tập: 3 tiết | [1] trang 27 - 36<br>[2], [3], [4], [5] |
| 4 | **Unit 4: Great minds**<br>4.1. Hidden talent<br>4.2. Schools of thought<br>4.3. What should I do?<br>4.4. Inventions | Lý thuyết: 4 tiết<br>Luyện tập: 4 tiết | [1] trang 37 - 46<br>[2], [3], [4], [5] |
| 5 | **Unit 5: Travel**<br>5.1. Fantastic film strips<br>5.2. Travel tips<br>5.3. You can't miss it<br>5.3.6. Speaking: ask for and give directions<br>5.4. Full Circle | Lý thuyết: 4 tiết<br>Luyện tập: 4 tiết | [1] trang 47 - 56<br>[2], [3], [4], [5] |
| 6 | **Unit 6: Keeping fit**<br>6.1. Great experiences<br>6.2. The future of food<br>6.3. How are you feeling?<br>6.4. Monitor Me | Lý thuyết: 4 tiết<br>Luyện tập: 4 tiết | [1] trang 57 - 66<br>[2], [3], [4], [5] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Buổi 1+2<br>Số tiết: 7 | **Unit 1: Life**<br>*1.1. Feeling good?*<br>1.1.1. Grammar: question forms<br>1.1.2. Vocabulary: free time<br>1.1.3. Pronunciation: stressed words<br>1.1.4. Reading: understand an article about the secrets of happiness<br>1.1.5. Speaking: ask and answer questions about holidays and weekends<br>*1.2. True love*<br>1.2.1. Grammar: past simple<br>1.2.2. Vocabulary: relationships | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: free time, past simple, relationships<br>**Yêu cầu sinh viên:** | - Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation)<br>- Hình thức đánh giá: Bằng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 1.2.3. Pronunciation: past simple verbs: ed-endings<br>1.2.4. Listening: listen to stories about offers of marrigage<br>1.2.5. Speaking: ask and answer personal questions<br>1.2.6. Writing: write about important year in your life, improve your use of linking words<br>*1.3. Nice day, isn't it*<br>1.3.1. Grammar: making conversation<br>1.3.2. Vocabulary: conversation topics<br>1.3.3. Pronunciation: linking<br>1.3.4. Listening: understand routine exchanges<br>1.3.5. Speaking: making conversation<br>*1.4. Someone Special*<br>1.4.1. Listening: watch an extract from a sitcom about a woman called Miranda<br>1.4.2. Speaking: talk about important people in your life<br>1.4.3. Writing: write about your best friend | | - Đọc tài liệu<br>- Ghi chép<br>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận<br>- Chuẩn bị thảo luận<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | |
| Buổi 3+4<br>Số tiết: 7 | **Unit 2: Work**<br>*2.1. The company*<br>2.1.1. Grammar: Present simple and continuous<br>2.1.2. Vocabulary: work<br>2.1.3. Pronunciation: word stress<br>2.1.4. Listening: listen to interviews about jobs<br>2.1.5. Speaking: talk about what motivates you at work<br>2.1.6. Writing: write an email about work experience<br>*2.2. A risky business*<br>2.2.1. Grammar: advebs of frequency<br>2.2.2. Vocabulary: jobs<br>2.2.3. Pronunciation: stressed syllables | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: present simple and continuous, work, jobs, advebs of frequency, work / life balance | - Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation)<br>- Hình thức đánh giá: Bằng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 2.2.4. Reading: read a newspaper article about dangerous jobs<br>2.2.5. Speaking: talk about dangerous jobs<br>*2.3. I like working outside*<br>2.3.1. Grammar: espressing likes / dislikes<br>2.3.2. Vocabulary: types of work<br>2.3.3. Pronunciation: intonation: sound interested<br>2.3.4. Listening: listen to a man talking about his job<br>2.3.5. Speaking: talk about your perfect job<br>*2.4. Dream Commuters*<br>2.4.1. Reading: read the results of a survey about work / life balance<br>2.4.2. Listening: watch an extract from a BBC documetary about commuting<br>2.4.3. Speaking: describe your work / life balance<br>2.4.4. Writing: write a web comment about work / life balance | | **Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép<br>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận<br>- Chuẩn bị thảo luận<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | |
| Buổi 5+6<br>Số tiết: 7 | **Unit 3: Time Out**<br>*3.1.Free in New York City*<br>3.1.1. Grammar: present continuous, be going to for future<br>3.1.2. Vocabulary: time out<br>3.1.3. Pronunciation: fast speech: going to<br>3.1.4. Listening: listen to a radio programme about going out in New York<br>3.1.5. Speaking: talk about your future plans<br>3.1.6. Writing: write an email invitation<br>*3.2. Relax!*<br>3.2.1. Grammar: questions without auxilaries<br>3.2.2. Vocabulary: places to visit<br>3.2.3. Pronunciation: stress in compound nouns | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: present continuous, be going to for future, time out, questions without auxiliaries, places to visit, making a phone call<br>**Yêu cầu sinh viên:** | - Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation)<br>- Hình thức đánh giá: Bằng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 3.2.4. Reading: read about how people spend their free time around the world<br>3.2.5. Speaking: discuss how you spend your free time<br>*3.3. Can I take a message?*<br>3.3.1. Grammar: making a phone call<br>3.3.2. Vocabulary: collocations<br>3.3.3. Pronunciation: linking: can<br>3.3.4. Listening: understand some problem phone calls<br>3.3.5. Speaking: make and receive phone calls<br>3.3.7. Writing: write a story using linkers<br>*3.4. Rio De Janerio*<br>3.4.1. Listening: watch an extract from a BBC travel programme about visiting Rio De Janerio<br>3.4.2. Speaking: plan a perfect day out<br>3.4.3. Writing: write an invitation for a day out | | - Đọc tài liệu<br>- Ghi chép<br>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận<br>- Chuẩn bị thảo luận<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | |
| Buổi 7+8<br>Số tiết: 8 | **Unit 4: Great minds**<br>*4.1. Hidden talent*<br>4.1.1. Grammar: present perfect: ever / never<br>4.1.2. Vocabulary: make and do<br>4.1.3. Pronunciation: weak form: have<br>4.1.4. Listening: listen to someone describing how he used his hidden talent<br>4.1.5. Speaking: talk about hidden talents<br>4.1.6. Writing: Check your work and correct mistakes<br>*4.2. Schools of thought*<br>4.2.1. Grammar: can, have to, must<br>4.2.2. Vocabulary: education<br>4.2.3. Pronunciation: weak form: have to | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: present perfect, make and do, hidden talents, can, have to, must, education, giving advice<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép | - Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation)<br>- Hình thức đánh giá: Bằng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 4.2.4. Reading: read an article about different schools<br>4.2.5. Speaking: talk about rules in schools<br>*4.3. What should I do?*<br>4.3.1. Grammar: giving advice<br>4.3.2. Vocabulary: language learning<br>4.3.3. Pronunciation: silent letters<br>4.3.4. Reading: read replies to a website message<br>4.3.4. Speaking: give advice and make suggestions for language learners<br>*4.4. Inventions*<br>4.4.1. Listening: watch an extract from a documentary about the development that have changed the world<br>4.4.2. Speaking: talk about inventions<br>4.4.3. Writing: write a forum post about invention | | - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận<br>- Chuẩn bị thảo luận<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | |
| Buổi 9+10<br>Số tiết: 8 | **Unit 5: Travel**<br>*5.1. Fantastic film strips*<br>5.1.1. Grammar: past simple and past continuous<br>5.1.2. Vocabulary: transport<br>5.1.3. Pronunciation: weak forms: was / were<br>5.1.4. Reading: read about amazing journeys in film<br>5.1.5. Speaking: tell a anecdote<br>*5.2. Travel tips*<br>5.2.1. Grammar: verb patterns<br>5.2.2. Vocabulary: travel items<br>5.2.3. Pronunciation: stressed syllables<br>5.2.4. Listening: understand travel advice<br>5.2.5. Speaking: discuss travel<br>5.2.6. Writing: write an email describing a trip or a weekend away<br>*5.3. You can't miss it* | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: past simple and past continuous, transport, verb patterns, travel items, asking for / giving directions, tourism<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu | - Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation)<br>- Hình thức đánh giá: Bằng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 5.3.1. Grammar: asking for / giving directions<br>5.3.2. Vocabulary: tourism<br>5.3.3. Pronunciation: intonation questions<br>5.3.4. Reading: read a text about a man who works in three countries evey day<br>5.3.6. Speaking: ask for and give directions<br>*5.4. Full Circle*<br>5.4.1. Listening: watch an extract from a BBC travel programme<br>5.4.2. Speaking: present ideas for an award<br>5.4.3. Writing: write an application for an award | | - Ghi chép<br>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận<br>- Chuẩn bị thảo luận<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | |
| Buổi 11+12<br>Số tiết: 8 | **Unit 6: Keeping fit**<br>*6.1. Great experiences*<br>6.1.1. Grammar: present prefect: since / for<br>6.1.2. Vocabulary: health<br>6.1.3. Pronunciation: sentence stress<br>6.1.4. Reading: identify specific information in an article about types of exercise<br>6.1.5. Speaking: talk about your lifestyle<br>*6.2. The future of food*<br>6.2.1. Grammar: may, might, will<br>6.2.2. Vocabulary: food<br>6.2.3. Pronunciation: intonation: certainty / uncertainty<br>6.2.4. Listening: listen to a radio interview with a food expert<br>6.2.5. Speaking: discuss food preferences<br>6.2.6. Writing: write about food<br>*6.3. How are you feeling?*<br>6.3.1. Grammar: seeing the doctor<br>6.3.2. Vocabulary: illness<br>6.3.3. Pronunciation: difficult words: spelling versus pronunciation | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: present prefect: since / for, health, may, might, will, food, food preferences, illness<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép<br>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận<br>- Chuẩn bị thảo luận<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | - Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation)<br>- Hình thức đánh giá: Bằng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 6.3.4. Listening: listen to conversations between a doctor and her patients<br>6.3.5. Speaking: explain health problems<br>*6.4. Monitor Me*<br>6.4.1. Listening: watch an extract from a BBC documentary about health<br>6.4.2. Speaking: talk about health habbits<br>6.4.3. Writing: write a blog post about health advice | | | |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Frances Eales, Stve Oakes (2019). *Speak Out Students' Book, Pre-intermediate, 2nd edition*, Pearson.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2] Frances Eales, Stve Oakes (2019). *Speak Out workbook, Pre-intermediate, 2nd edition*, Pearson.

[3] Louise Hashemi and Barbara Thomas (2017). Objective Pet, Cambridge University Press.

[4] Sue Ireland and Joanna Kosta (2015). Pet Direct, Cambridge University Press.

[5] English.com/activate: MyEnglishlab

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao

*7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua việc tham gia lớp học, việc hoàn thành các nhiệm vụ tự học của sinh viên. | H6 | 30% |
| 2 | Bài tập cá nhân/ nhóm | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua mức độ hoàn thành các nhiệm vụ trên lớp của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5 | 30% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận. | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5 | 40% |
| **Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận** | | | | | **100%** |

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần |
|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: vấn đáp và trắc nghiệm trên máy tính. | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5 |

*Ngày 23 tháng 7 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| **Nguyễn Thị Kim Phượng** | **Bùi Thị Tịnh** | **Bùi Thị Tịnh** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: TIẾNG ANH 4**
**Mã học phần: FL211014**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 3; Số tín chỉ lý thuyết: 3; Số tín chỉ thực hành: 0
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần:
Học phần học song hành: không
Học phần học trước: Tiếng Anh 3
Học phần tiên quyết: không
Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Lệ Hằng | 0946878282 | nlhang@ttn.edu.vn |
| 2 | Nguyễn Thị Kim Phượng | 0914072766 | ntkphuong@ttn.edu.vn |
| 3 | Ngô Văn Thông | 0343065978 | nvthong@ttn.edu.vn |
| 4 | Hồ Ngọc Đoan | 0914248778 | hndthu@ttn.edu.vn |
| 5 | Trần Lê Thanh Tú | 0905721183 | tlttu@ttn.edu.vn |
| 6 | Trần Ngọc Anh | 0984998485 | ngocanh@ttn.edu.vn |
| 7 | Phạm Thị Thanh Huệ | 0986222257 | ptthue@ttn.edu.vn |
| 8 | Bùi Thị Tịnh | 0983146976 | bttinh@ttn.edu.vn |
| 9 | Hoàng Thị Xuân | 0914087037 | htxuan@ttn.edu.vn |
| 10 | Thân Thị Hiền Giang | 0917297676 | thanthihiengiang@ttn.edu.vn |
| 11 | Y Cour B'Krông | 0914407690 | ycuorbkrong@ttn.edu.vn |
| 12 | Đoàn Thị Dung | 0934479479 | doandung@ttn.edu.vn |
| 13 | Hà Lê Hồng Hoa | 0947978779 | hlhhoa@ttn.edu.vn |
| 14 | Tống Thị Lan Chi | 0985404444 | ttlchi@ttn.edu.vn |
| 15 | Nguyễn Thị Tường Như | 0914407989 | nttnhu@ttn.edu.vn |
| 16 | Cù Thị Ngọc Hoa | 0905421084 | ttnhoa@ttn.edu.vn |
| 17 | Hoàng Thị Hồng Nhung | 0914540808 | hthnhung@ttn.edu.vn |
| 18 | Nguyễn Thị Mỹ Liên | 0914111080 | ntmlien@ttn.edu.vn |
| 19 | Ngô Hà Thanh | 0946566207 | hathanhngo92@gmail.com |
| 20 | Lê Thị Hồng Vân | 0935356067 | lthvan@ttn.edu.vn |
| 21 | Hoàng Khánh Bảo | 0903519558 | hkbao@ttn.edu.vn |
| 22 | Nguyễn Thiện Khoa | 0946926879 | thienkhoa@ttn.edu.vn |

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Tiếng Anh 4 là học phần cuối cùng trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và lồng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên.

Học phần tiếng Anh 4 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại, độc thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả tranh về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết thư tín và các bài luận bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn.

Ngoài ra, học phần tiếng Anh 4 còn giúp sinh viên tích tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

*Học phần tiếng Anh 4 sẽ trang bị cho người học:*

MT1. từ vựng tiếng Anh về sự thay đổi, các tiện nghi, tiền tệ, mua sắm, môi trường tự nhiên, động vật, tội phạm, các vấn đề ở thành phố lớn, công nghệ, phương tiện liên lạc, cảm giác, sự nổi tiếng.

MT2. ngữ pháp tiếng Anh về các cấu trúc động từ, mệnh đề chỉ mục đích, nguyên nhân và kết quả, mệnh đề quan hệ, các cấu trúc so sánh, câu điều kiện loại 1 và loại 2, thì quá khứ đơn, thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ hoàn thành, thể chủ động và bị động, câu trần thuật, các mẫu câu chỉ sự đồng ý….để thực hiện các bài tập về hoàn thành câu sao cho ý nghĩa không thay đổi so với câu cho sẵn.

MT3. các kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát; nghe hội thoại giữa những người bản ngữ; nghe, theo dõi và hiểu được dàn ý các bài nói ngắn, các bài giảng hay bài nói chuyện về đề tài quen thuộc; có thể hiểu được ý chính trong các bản tin, nội dung phỏng vấn có hình ảnh minh hoạ.

MT4. kỹ năng nói về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập, việc làm của bản thân; có thể tranh luận, củng cố quan điểm cụ thể bằng cách đưa ra những ưu, khuyết điểm của mỗi lựa chọn từ đó chọn sự vật/ sự việc phù hợp nhất; có thể miêu tả tranh cho sẵn về các chủ đề trong đời sống xã hội, học tập, việc làm.

MT5: các chiến lược đọc hiểu để lấy thông tin cụ thể trong các văn bản hàng ngày như bảng tin, quảng cáo, thực đơn, thời gian biểu, biển báo, thư từ

MT6: các kỹ năng viết để có thể viết thư cá nhân, viết các ghi chú nhằm cung cấp thông tin cá nhân; trình bày suy nghĩ về những chủ đề liên quan để hỏi hoặc truyền đạt những thông tin đơn giản (cảm ơn, xin lỗi, lấy thông tin, cung cấp thông tin,…) và có thể viết về bài luận đơn giản liên quan đến chủ đề quen thuộc, mối quân tâm cá nhân.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

*Sau khi học xong học phần tiếng Anh 4, người học có khả năng:*

H1. thu nhận và sử dụng được vốn từ vựng tiếng Anh về sách, các ấn phẩm, các phòng trong nhà, các tính từ miêu tả người, các tính từ miêu tả nông thôn, thành thị, đồ ăn, thức uống, thiên nhiên, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, thể thao, sức khoẻ, bệnh tật, giải trí, và các loại ngôn ngữ; sử dụng chính xác ngữ pháp và cấu trúc tiếng Anh ở trình độ trung cấp khi viết và nói.

H2. nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát, nghe hội thoại giữa những người bản ngữ, nghe, theo dõi và hiểu được dàn ý các bài nói ngắn, các bài giảng hay bài nói chuyện về đề tài quen thuộc, có thể hiểu được ý chính trong các bản tin, nội dung phỏng vấn có hình ảnh minh hoạ.

H3. nói được về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập, việc làm của bản thân; có thể tranh luận, củng cố quan điểm cụ thể bằng cách đưa ra những ưu, khuyết điểm của mỗi lựa chọn từ đó chọn sự vật/ sự việc phù hợp nhất; có thể miêu tả tranh cho sẵn về các chủ đề trong đời sống xã hội, học tập, việc làm,…

H4. viết được các bức thư cá nhân, các ghi chú và các bài luận đơn giản liên quan đến chủ đề quen thuộc, mối quân tâm cá nhân.

*Sau khi học xong học phần tiếng Anh 4, người học:*

H5. vận dụng được bốn kỹ năng tiếng Anh trong giao tiếp hằng ngày.

H6. có nhận thức đúng về học phần tiếng Anh 4, có thái độ tích cực, nghiêm túc khi học trên lớp, tích cực thảo luận và phát biểu khi tham gia học tập trên lớp, tự học ở nhà và tự nghiên cứu. Người học có tinh thần hợp tác làm việc nhóm hiệu quả, có đạo đức tôt và có ý thức kỷ luật cao.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | | | | | | x | | | | | | | |
| H2 | | | | | | | | x | | | | | | | |
| H3 | | | | | | | | x | | | | | | | |
| H4 | | | | | | | | x | | | | | | | |
| H5 | | | | | | | | x | | | | | | | |
| H6 | | | | | | | | x | | | | | | | |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Unit 1: Changes**<br>1.1. Living the dream<br>1.2. The great impostor<br>1.3. Can you tell me?<br>1.4. A Greek Adventure | Lý thuyết: 4 tiết<br>Luyện tập: 3 tiết | [3] trang 67 -76<br>[2], [3], [4], [5] |
| 2 | **Unit 2: Money**<br>2.1. Treasure hunt<br>2.2. Pay me more!<br>2.3. I'm just looking<br>2.4. soleRebels | Lý thuyết: 4 tiết<br>Luyện tập: 3 tiết | [1] trang 77 - 86<br>[2], [3], [4], [5] |
| 3 | **Unit 3: Nature**<br>3.1.Green Living<br>3.2. Into the wild<br>3.3. It could be because …….<br>3.4. The Northern Lights | Lý thuyết: 4 tiết<br>Luyện tập: 3 tiết | [1] trang 87 -96<br>[2], [3], [4], [5] |
| 4 | **Unit 4: Society**<br>4.1. Top cities<br>4.2. Crime and punishment<br>4.3. There's a problem<br>4.4. Mary's Meals | Lý thuyết: 4 tiết<br>Luyện tập: 4 tiết | [1] trang 97 -106<br>[2], [3], [4], [5] |
| 5 | **Unit 5: Technology**<br>5.1. Keeping in touch<br>5.2. Make a difference<br>5.3. I totally disagree<br>5.4. Is TV bad for kids? | Lý thuyết: 4 tiết<br>Luyện tập: 4 tiết | [1] trang 107 -116<br>[2], [3], [4], [5] |
| 6 | **Unit 6: Fame**<br>6.1. Caught on film<br>6.2. A lucky break<br>6.3. What can I do for you?<br>6.4. Billion Dollar Man | Lý thuyết: 4 tiết<br>Luyện tập: 4 tiết | [1] trang 117 -126<br>[2], [3], [4], [5] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Buổi 1+2:<br>Số tiết: 7 | **Unit 1: Changes**<br>*1.1. Living the dream*<br>1.1.1. Grammar: used to<br>1.1.2. Vocabulary: verbs + preposition<br>1.1.3. Pronunciation: weak forms: used to<br>1.1.4. Reading: read about living the dream<br>1.1.5. Listening: listen to a radio programme about a woman who changed her life<br>1.1.6. Speaking: talk about how your life has changed<br>1.1.7. Writing: use paragraphs to write about a decision that changed your life<br>*1.2. The great impostor*<br>1.2.1. Grammar: purpose, cause and result<br>1.2.2. Vocabulary: collocations<br>1.2.3. Pronunciation: rhythm in complex sentences<br>1.2.4. Reading: read and predict information in a story<br>1.2.5. Speaking: talk about why people tell lies<br>*1.3. Can you tell me?*<br>1.3.1. Grammar: finding out information<br>1.3.2. Vocabulary: facilities<br>1.3.3. Pronunciation: intonation, checking information<br>1.3.4. Reading: read about studying abroad<br>1.3.5. Listening: understand short, predictable conversations<br>1.3.6. Speaking: learn to check and confirm information<br>*1.4. A Greek Adventure*<br>1.4.1. Listening: watch an extract from the beginning of a BBC film about a family that moves to Greece | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: used to, verbs + preposition, purpose, cause and result, collocations, finding out information, facilities<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép<br>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận<br>- Chuẩn bị thảo luận<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | - Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation)<br>- Hình thức đánh giá: Bằng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 1.4.2. Speaking: talk about new experience<br>1.4.3. Writing: write a blog/ diary | | | |
| Buổi 3+4:<br>Số tiết: 7 | **Unit 2: Money**<br>*2.1. Treasure hunt*<br>2.1.1. Grammar: relative clauses<br>2.1.2. Vocabulary: money<br>2.1.3. Pronunciation: pronouncing the letter 's'<br>2.1.4. Reading: read the story of a treasure hunt<br>2.1.5. Speaking: talk about a project that people should invest in<br>*2.2. Pay me more!*<br>2.2.1. Grammar: too much, too many, enough, very<br>2.2.2. Vocabulary: multi-word verbs<br>2.2.3. Pronunciation: multi-word verb stress<br>2.2.4. Listening: listen to a discussion about salaries<br>2.2.5. Speaking: talk about why you should earn more<br>2.2.6. Writing: write an opinion piece<br>*2.3. I'm just looking*<br>2.3.1. Grammar: buying things<br>2.3.2. Vocabulary: shopping<br>2.3.3. Pronunciation: weak forms: do you/ can't<br>2.3.4. Reading: read the questionnaire about shopping<br>2.3.5. Listening: listen to conversations in shops<br>2.3.6. Speaking: describe items, go shopping<br>*2.4. soleRebels*<br>2.4.1. Listening: watch an extract from BBC news about an Ethiopian business<br>2.4.2. Speaking: present a money – making idea<br>2.4.3. Writing: write a competition entry for a business investment | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: relative clauses, money, too much, too many, enough, very, multi-word verbs, shopping, buying things<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép<br>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận<br>- Chuẩn bị thảo luận<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | - Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation)<br>- Hình thức đánh giá: Bằng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Buổi 5+6:<br>Số tiết: 7 | **Unit 3: Nature**<br>*3.1.Green Living*<br>3.1.1. Grammar: comparative and superlative<br>3.1.2. Vocabulary: nature<br>3.1.3. Pronunciation: stressed syllables<br>3.1.4. Reading: read about great green ideas<br>3.1.5. Listening: listen to a radio programme about green ideas<br>3.1.6. Speaking: talk about green issues<br>3.1.6. Writing: write about your views on the environment<br>*3.2. Into the wild*<br>3.2.1. Grammar: articles<br>3.2.2. Vocabulary: the outdoors<br>3.2.3. Pronunciation: word stress, weak forms: a, the<br>3.2.4. Reading: understand an article about an experience in the wild<br>3.2.5. Speaking: give your views on life in the city or in the country<br>*3.3. It could be because …….*<br>3.3.1. Grammar: making guesses<br>3.3.2. Vocabulary: animals<br>3.3.3. Pronunciation: silent letters<br>3.3.4. Listening: listen to people discussing quiz questions<br>3.3.5. Speaking: talk about different animals<br>*3.4. The Northern Lights*<br>3.4.1. Listening: watch an extract from a BBC documentary about the Northern Lights<br>3.4.2. Speaking: talk about amazing places<br>3.4.3. Writing: write a travel blog | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: comparative and superlative, nature, articles, the outdoors, making guesses, animals<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép<br>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận<br>- Chuẩn bị thảo luận<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | - Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation)<br>- Hình thức đánh giá: Bằng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm |
| Buổi 7+8:<br>Số tiết: 8 | **Unit 4: Society**<br>*4.1. Top cities*<br>4.1.1. Grammar: uses of like<br>4.1.2. Vocabulary: describing a city<br>4.1.3. Pronunciation: sentence stress | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở | - Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 4.1.4. Reading: read about the best cities for young people<br>4.1.5. Listening: listen to conversations about different cities<br>4.1.6. Speaking: discuss quality of different places<br>4.1.7. Writing: use formal expressions to write an email<br>*4.2. Crime and punishment*<br>4.2.1. Grammar: present / past passsive<br>4.2.2. Vocabulary: crime and punishment<br>4.2.3. Pronunciation: weak forms: was / were<br>4.2.4. Reading: read an article about crime and punishment<br>4.2.5. Speaking: discuss alternative punishments to fit the crimes<br>*4.3. There's a problem*<br>4.3.1. Grammar: complaining<br>4.3.2. Vocabulary: problems<br>4.3.3. Pronunciation: sentence stress<br>4.3.4. Listening: listen to people complaining<br>4.3.4. Speaking: talk about problems in a school<br>*4.4. Mary's Meals*<br>4.4.1. Listening: watch an extract from a BBC documentary about an internet sensation<br>4.4.2. Speaking: talk about an important issue<br>4.4.3. Writing: write about an issue | | **Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: uses of like, describing a city, present / past passive, crime and punishment, complaining, problems<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép<br>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận<br>- Chuẩn bị thảo luận<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | listening and pronunciation)<br>- Hình thức đánh giá: Bằng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm |
| Buổi 9+10: Số tiết: 8 | **Unit 5: Technology**<br>*5.1. Keeping in touch*<br>5.1.1. Grammar: present perfect<br>5.1.2. Vocabulary: communication<br>5.1.3. Pronunciation: sentence stress<br>5.1.4. Listening: listen to people talking about how they keep in touch<br>5.1.5. Speaking: talk about things you've done / would like to do<br>5.1.6. Writing: improve your use of pronouns | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày | - Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation)<br>- Hình thức đánh giá: Bằng bài làm trên giấy nộp tại lớp |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | *5.2. Make a difference*<br>5.2.1. Grammar: real conditionals + when<br>5.2.2. Vocabulary: feelings<br>5.2.3. Pronunciation: weak forms: will<br>5.2.4. Reading: read an ariticle about social media<br>5.2.5. Speaking: talk about future consequences<br>*5.3. I totally disagree*<br>5.3.1. Grammar: giving opinions<br>5.3.2. Vocabulary: internet terms<br>5.3.3. Pronunciation: polite intonation<br>5.3.4. Reading: read about wasting time<br>5.3.6. Listening: listen to a discussion about the internet<br>5.3.7. Speaking: give your opinion<br>*5.4. Is TV bad for kids?*<br>5.4.1. Listening: watch an extract from a BBC documentary about giving up television<br>5.4.2. Speaking: talk about technology you couldn't live without<br>5.4.3. Writing: write a web comment about technology | | - Thảo luận nhóm: present perfect, communication, real conditionals + when, feelings, giving opinions, internet terms<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép<br>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận<br>- Chuẩn bị thảo luận<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | và bài tập tự học trên phần mềm |
| Buổi 11+12: Số tiết: 8 | **Unit 6: Fame**<br>*6.1. Caught on film*<br>6.1.1. Grammar: reported speech<br>6.1.2. Vocabulary: film<br>6.1.3. Pronunciation: contrastive stress<br>6.1.4. Reading: read a magazine article about writing a blockbuster<br>6.1.5. Speaking: talk about your favorite film<br>*6.2. A lucky break*<br>6.2.1. Grammar: hypothetical conditionals present / future<br>6.2.2. Vocabulary: suffixes<br>6.2.3. Pronunciation: word stress<br>6.2.4. Reading: read a magazine article about internet fame | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: reported speech, film, hypothetical conditionals present / future, | - Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation)<br>- Hình thức đánh giá: Bằng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 6.2.5. Listening: listen to people talking about fame<br>6.2.6. Speaking: talk about being famous<br>6.2.7. Writing: write about a famous person<br>*6.3. What can I do for you?*<br>6.3.1. Grammar: requests and offers<br>6.3.2. Vocabulary: collocations<br>6.3.3. Pronunciation: polite intonation: requests<br>6.3.4. Reading: read a text about concierges<br>6.3.5. Listening: listen to people making requests<br>6.3.6. Speaking: make requests and offers<br>*6.4. Billion Dollar Man*<br>6.4.1. Listening: watch an extract from a BBC documentary about Lewis Hamilton<br>6.4.2. Speaking: talk about your ambitions<br>6.4.3. Writing: write about your childhood ambitions | | suffixes, requests and offers, collocations<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép<br>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận<br>- Chuẩn bị thảo luận<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Frances Eales, Stve Oakes (2019). *Speak Out Students' Book, Pre-intermediate, 2nd edition*, Pearson.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2] Frances Eales, Stve Oakes (2019). *Speak Out workbook, Pre-intermediate, 2nd edition*, Pearson.

[3] Cambridge ESOL, (2013), *Preliminary English Test 2, 5th edition*, Cambridge University Press

[4] Cambridge ESOL, (2013), *Preliminary English Test 3, 5th edition*, Cambridge University Press

[5] English.com/activate: MyEnglishlab

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:*** **30;** ***Trọng số thi kết thúc học phần: 70***

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua việc tham gia lớp học, việc hoàn thành các nhiệm vụ tự học của sinh viên | H5<br>H6 | 30% |
| 2 | Bài tập cá nhân/ nhóm | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua mức độ hoàn thành các nhiệm vụ trên lớp của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 30% |
| 3 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 40% |
| Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | | | | 100% |

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần |
|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Thi tự luận trên máy tính và thi vấn đáp | H1<br>H2<br>H3<br>H4 |

Ngày 23 tháng 7 năm 2020

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| **Nguyễn Thị Kim Phượng** | **Bùi Thị Tịnh** | **Cù Thị Ngọc Hoa** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG**
**Mã học phần: KC211027**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 01; Số tín chỉ thực hành: 01
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần:
Học phần học song hành: Không
Học phần học trước: Không
Học phần tiên quyết: Không
Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1. | Nguyễn Văn Sĩ | 0947697569 | nvsy@ttn.edu.vn |
| 2. | Nguyễn Thị Như | 0906200625 | ntnhu@ttn.edu.vn |
| 3. | Nguyễn Đức Thắng | 0983507907 | ndthang@ttn.edu.vn |
| 4. | Trần Xuân Thắng | 01694031657 | txthang@ttn.edu.vn |
| 5. | Phan Thị Đài Trang | 0943087474 | ptdtrang@ttn.edu.vn |
| 6. | Trương Hải | 0949354649 | truonghai.dhtn@gmail.com |
| 7. | Nguyễn Quốc Cường | 0973303109 | nguyenquoccuong@ttn.edu.vn |
| 8. | Trương Thị Hương Giang | 0942509609 | tthgiang@ttn.edu.vn |
| 9. | Hồ Thị Phượng | 09772576675 | hophuongdhtn@gmail.com |
| 10. | Vũ Anh Tuấn | 0983717389 | toibantang@gmail.com |

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần này thuộc nhóm Kiến thức giáo dục đại cương, giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất, hệ đại học của tất cả các chuyên ngành.

Học phần Tin học Đại cương hướng dẫn sinh viên đạt được các kiến thức tổng quan về máy tính và quản lí thông tin; vận dụng các kiến thức cơ bản về tin học văn phòng để giải quyết các yêu cầu công việc. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm thông dụng trong công tác văn phòng như: soạn thảo văn bản với Microsoft Word, tính toán và phân tích dữ liệu nâng cao với Microsoft Excel, thiết kế và xây dựng bài trình chiếu với Microsoft PowerPoint. Bên cạnh đó, học phần bổ trợ sinh viên kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả vào học tập và cuộc sống.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

Học phần này trang bị cho sinh viên:

- MT1. Kiến thức tổng quan về tin học, quản lí thông tin, các thành phần cơ bản của máy vi tính.
- MT2. Kiến thức cơ bản về xử lý văn bản, bảng tính điện tử và thực hiện bài báo cáo.
- MT3. Khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các yêu cầu trong học tập và cuộc sống.
- MT4. Rèn luyện cho sinh viên những kiến thức và kĩ năng về trình bày, soạn thảo văn bản, tính toán cơ bản với bảng tính, thiết kế và trình diễn bài báo cáo.
- MT5. Kỹ năng tự học và rèn luyện để nâng cao kiến thức. Có kỹ năng giao tiếp, thảo luận và làm việc nhóm.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Diễn giải được các kiến thức tổng quan về thông tin, các đơn vị đo lường thông tin, biểu diễn thông tin trong máy tính điện tử, cách hệ điều hành quản lý thông tin trong máy tính thông qua các đối tượng cơ bản như tập tin, thư mục, ổ đĩa và đường dẫn. Phân biệt sự khác nhau giữa Hệ điều hành và các phần mềm ứng dụng

H2. Phân biệt, diễn giải được các chức năng của các phím lệnh trong phần mềm soạn thảo văn bản MS. Word, các hàm xử lý bảng tính và phân tích dữ liệu trong MS Excel, các công cụ trong xây dựng bài thuyết trịnh sử dụng MS. PowerPoint.

H3. Vận dụng kiến thức về soạn thảo văn bản để xây dựng các văn bản, công văn, tờ trình, báo cáo nghiên cứu khoa học với MS Word.

H4. Vận dụng kiến thức về kiểu dữ liệu và các hàm để xây dựng bảng tính và phân tích dữ liệu với bảng tính điện tử MS Excel.

H5. Vận dụng kiến thức về bài báo cáo để xây dựng được bài thuyết trình và phương pháp thuyết trình hiệu quả với MS PowerPoint.

H6. Rèn luyện kỹ năng làm việc chính xác, cẩn thận, theo phong cách công nghiệp, hệ thống.

H7. Có kỹ năng đọc và hiểu tài liệu hướng dẫn của kỳ thi vô địch tin học văn phòng MOS

H8. Có tư duy độc lập, khả năng tìm tòi kiến thức mới và thích ứng với môi trường làm việc nhóm để giúp nhau hiểu biết sâu sắc hơn các vấn đề liên quan đến môn học.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | x | | | | | | | | | | | | | |
| H2 | | x | | | | | | | | | | | | | |
| H3 | | x | | | | | | | | | | | | | |
| H4 | | x | | | | | | | | | | | | | |
| H5 | | x | | | | | | | | | | | | | |
| H6 | | x | | | | | | | | | | | | | |
| H7 | | x | | | | | | | | | | | | | |
| H8 | | x | | | | | | | | | | | | | |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. Đại cương về Tin học**<br>1.1. Thông tin và biểu diễn thông tin<br>1.1.1. Khái niệm thông tin<br>1.1.2. Đơn vị đo thông tin<br>1.1.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính<br>1.2. Cấu trúc tổng quát của máy tính điện tử<br>1.2.1. Cấu trúc của một hệ thống máy tính<br>1.2.2. Phần cứng (Hardware)<br>1.2.3. Bộ nhớ<br>1.2.4. Bộ xử lý trung tâm (CPU)<br>1.2.5. Các thiết bị nhập xuất<br>1.2.6. Các thiết bị lưu trữ<br>1.3. Quản lý thông tin trong máy vi tính<br>1.3.1. Hệ điều hành<br>1.3.2. Phần mềm (Software) | LT: 2 Tiết<br>TH: 4 Tiết | [1] Chương 1,2<br>[2] Chương 1 |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 1.3.3. Tập tin (File) và thư mục (Folder)<br>1.3.4. Ổ đĩa (Drive) và đường dẫn (Patch)<br>1.3.5. Màn hình nền (Desktop) của Windows | | |
| 2 | **Chương 2. Soạn thảo văn bản với Microsoft Word**<br>2.1. Tổng quan về soạn thảo văn bản<br>2.1.1. Các khái niệm cơ bản<br>2.1.2. Gõ Tiếng Việt trong Windows<br>2.1.3. Các quy tắc trong soạn thảo văn bản<br>2.1.4. Giới thiệu về MS Word<br>2.1.5. Các thao tác với tập tin văn bản<br>2.2. Các thao tác cơ bản trong MS. Word<br>2.2.1. Xác lập môi trường soạn thảo văn bản<br>2.2.2. Nhập, điều chỉnh và định dạng văn bản<br>2.2.3. Chèn các đối tượng vào văn bản<br>2.2.4. Tìm kiếm và thay thế trong văn bản<br>2.2.5. Thiết lập trang in và in ấn trong Word<br>2.3. Các kỹ thuật soạn thảo văn bản nâng cao<br>2.3.1. Thiết lập phong cách trình bày văn bản (Style)<br>2.3.2. Thao tác với Header và Footer<br>2.3.3. Mục lục tự động<br>2.3.4. Danh mục hình ảnh và bảng biểu<br>2.3.5. Chỉ mục đa cấp (Multilevel List)<br>2.3.6. Trộn thư (Mail Merge)<br>2.3.7. Biểu đồ và vẽ biểu đồ | LT: 4 Tiết<br>TH: 8 Tiết | [1] Chương 4<br>[2] Chương 2<br>[3] Chapter 1-5 |
| 3 | **Chương 3. Xử lý và phân tích bảng tính với Microsoft Excel**<br>3.1. Giới thiệu về MS. Excel<br>3.1.1. Các khái niệm cơ bản<br>3.1.2. Cấu trúc của một workbook<br>3.1.3. Các kiểu dữ liệu và cách nhập<br>3.1.4. Phân biệt các loại địa chỉ<br>3.1.5. Các thông báo lỗi thường gặp<br>3.2. Các thao tác cơ bản trong MS. Excel<br>3.2.1. Xử lý trên vùng<br>3.2.2. Thao tác trên cột và hàng<br>3.2.3. Định dạng bảng tính<br>3.2.4. Thao tác trên tập tin<br>3.3. Làm việc với hàm trong MS. Excel<br>3.3.1. Giới thiệu về hàm và cách sử dụng<br>3.3.2. Các hàm thông dụng<br>3.3.3. Các hàm thống kê cơ bản<br>3.3.4. Phân tích dữ liệu với Pivot Table<br>3.3.5. Biểu đồ và vẽ biểu đồ<br>3.3.6. Sắp xếp dữ liệu<br>3.3.7. Trích lọc dữ liệu<br>3.4. Định dạng và in ấn trong MS. Excel<br>3.4.1. Định dạng trang in | LT: 5 Tiết<br>TH: 10 Tiết | [1] Chương 5<br>[2] Chương 3<br>[4] Chapter 1-5 |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 3.4.2. Chèn số trang<br>3.4.3. Xem trước và in bảng tính | | |
| 4. | **Chương 4. Xây dựng bài thuyết trình với Microsoft PowerPoint**<br>4.1. Giới thiệu về MS. PowerPoint<br>4.1.1. Bối cảnh sử dụng trình chiếu<br>4.1.2. Chuẩn bị cho bài thuyết trình<br>4.1.3. Màn hình làm việc của MS. PowerPoint<br>4.1.4. Thiết kế nội dung và hình thức bài trình bày<br>4.2. Xây dựng bài thuyết trình với MS. PowerPoint<br>4.2.1. Slide Master<br>4.2.2. Sử dụng Slide Templates<br>4.2.3. Thao tác, chỉnh sửa trên Slide<br>4.2.4. Chèn các đối tượng trên Slide<br>4.2.5. Hiệu ứng hoạt hình của đối tượng (Animations)<br>4.2.6. Hiệu ứng chuyển Slide (Transitions)<br>4.2.7. Liên kết (Hyperlink) và Nút lệnh (Action Buttons)<br>4.3. Trình diễn bài thuyết trình với MS. PowerPoint<br>4.3.1. Tùy biến, hiệu chỉnh bài thuyết trình<br>4.3.2. Chuẩn bị và trình chiếu bài thuyết trình<br>4.3.3. Định dạng và in bài thuyết trình | LT: 4 Tiết<br>TH: 8 Tiết | [1] Chương 6<br>[5] Chapter 1-5 |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học /số tiết | Nội dung | CĐR học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Tiết 1 – 6 | **Chương 1. Đại cương về Tin học**<br>1.1. Thông tin và biểu diễn thông tin<br>1.1.1. Khái niệm thông tin<br>1.1.2. Đơn vị đo thông tin<br>1.1.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính<br>1.2. Cấu trúc tổng quát của máy tính điện tử<br>1.2.1. Cấu trúc của một hệ thống máy tính<br>1.2.2. Phần cứng (Hardware)<br>1.2.3. Bộ nhớ<br>1.2.4. Bộ xử lý trung tâm (CPU)<br>1.2.5. Các thiết bị nhập xuất<br>1.2.6. Các thiết bị lưu trữ<br>1.3. Quản lý thông tin trong máy vi tính<br>1.3.1. Hệ điều hành<br>1.3.2. Phần mềm (Software) | H1, H2 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Đặt câu hỏi, nhắc lại các kiến thức nền tảng về tin học đã biết.<br>- Thảo luận nhóm: sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu? Các đơn vị đo thông tin trong máy vi tính, cách chuyển đổi giữa các đơn vị đo thông tin.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu [1], [2].<br>- Ghi chép | - Phân biệt thông tin, dữ liệu, các đơn vị đo thông tin; Các thành phần chính của máy vi tính; cách tổ chức, quản lý thông tin trong máy vi tính.<br>- Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm khách quan trên hệ |

| Buổi học /số tiết | Nội dung | CĐR học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 1.3.3. Tập tin (File) và thư mục (Folder)<br>1.3.4. Ổ đĩa (Drive) và đường dẫn (Patch)<br>1.3.5. Màn hình nền (Desktop) của Windows | | - Chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời, thảo luận nhóm.<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | thống Moodle. |
| Tiết 7 – 18 | **Chương 2. Soạn thảo văn bản với Microsoft Word**<br>2.1. Tổng quan về soạn thảo văn bản<br>2.1.1. Các khái niệm cơ bản<br>2.1.2. Gõ Tiếng Việt trong Windows<br>2.1.3. Các quy tắc trong soạn thảo văn bản<br>2.1.4. Giới thiệu về MS Word<br>2.1.5. Các thao tác với tập tin văn bản<br>2.2. Các thao tác cơ bản trong MS. Word<br>2.2.1. Xác lập môi trường soạn thảo văn bản<br>2.2.2. Nhập, điều chỉnh và định dạng văn bản<br>2.2.3. Chèn các đối tượng vào văn bản<br>2.2.4. Tìm kiếm và thay thế trong văn bản<br>2.2.5. Thiết lập trang in và in ấn trong Word<br>2.3. Các kỹ thuật soạn thảo văn bản nâng cao<br>2.3.1. Thiết lập phong cách trình bày văn bản (Style)<br>2.3.2. Thao tác với Header và Footer<br>2.3.3. Mục lục tự động<br>2.3.4. Danh mục hình ảnh và bảng biểu<br>2.3.5. Chỉ mục đa cấp (Multilevel List)<br>2.3.6. Trộn thư (Mail Merge)<br>2.3.7. Biểu đồ và vẽ biểu đồ | H3, H4, H7, H8 | **Phương pháp dạy học:** PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP giải quyết vấn đề, PP học theo tình huống, bài tập ở nhà.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Đặt câu hỏi, nhắc lại các kiến thức về soạn thảo văn bản sử dụng MS. Word đã học.<br>- Đưa ra các tình huống soạn thảo văn bản thường gặp để sinh viên suy luận, ứng dụng các kiến thức đã học để giải quyết.<br>- Thảo luận nhóm: Sự khác nhau giữa các phiên bản MS. Word? Các quy tắc soạn thảo văn bản.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu [1], [2], [3]<br>- Ghi chép<br>- Giải quyết các tình huống được đưa ra.<br>- Chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời, thảo luận nhóm.<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | - Tạo lập, soạn thảo và căn chỉnh văn bản theo mẫu.<br>- Hình thức đánh giá: nộp file văn bản lên Google Docs. |
| Tiết 19 – 33 | **Chương 3. Xử lý và phân tích bảng tính với Microsoft Excel** | H3, H5, H7, H8 | **Phương pháp dạy học:** | - Tạo lập, nhập dữ |

| Buổi học /số tiết | Nội dung | CĐR học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 3.1. Giới thiệu về MS. Excel<br>3.1.1. Các khái niệm cơ bản<br>3.1.2. Cấu trúc của một workbook<br>3.1.3. Các kiểu dữ liệu và cách nhập<br>3.1.4. Phân biệt các loại địa chỉ<br>3.1.5. Các thông báo lỗi thường gặp<br>3.2. Các thao tác cơ bản trong MS. Excel<br>3.2.1. Xử lý trên vùng<br>3.2.2. Thao tác trên cột và hàng<br>3.2.3. Định dạng bảng tính<br>3.2.4. Thao tác trên tập tin<br>3.3. Làm việc với hàm trong MS. Excel<br>3.3.1. Giới thiệu về hàm và cách sử dụng<br>3.3.2. Các hàm thông dụng<br>3.3.3. Các hàm thống kê cơ bản<br>3.3.4. Phân tích dữ liệu với Pivot Table<br>3.3.5. Biểu đồ và vẽ biểu đồ<br>3.3.6. Sắp xếp dữ liệu<br>3.3.7. Trích lọc dữ liệu<br>3.4. Định dạng và in ấn trong MS. Excel<br>3.4.1. Định dạng trang in<br>3.4.2. Chèn số trang<br>3.4.3. Xem trước và in bảng tính | | PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP giải quyết vấn đề, PP học theo tình huống, bài tập ở nhà.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Đặt câu hỏi, nhắc lại các kiến thức về xử lý bảng tính sử dụng MS. Excel đã học.<br>- Đưa ra các tình huống để sinh viên suy luận, giải quyết, ứng dụng và phối hợp các hàm đã học để giải quyết các bài toán phức tạp.<br>- Thảo luận nhóm: Sự khác nhau giữa các phiên bản MS. Excel? Các kiểu dữ liệu cơ bản, sự khác nhau giữa chúng.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu [1], [2], [4]<br>- Ghi chép<br>- Giải quyết các tình huống được đưa ra.<br>- Chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời, thảo luận nhóm.<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | liệu, xử lý và phân tích bảng tính theo yêu cầu cho trước.<br>- Hình thức đánh giá: Hoàn thành file bài tập thực hành MS. Excel trên Google Sheets, gửi file mềm qua email. |
| Tiết 34 – 45 | **Chương 4. Xây dựng bài thuyết trình với Microsoft PowerPoint**<br>4.1. Giới thiệu về MS. PowerPoint<br>4.1.1. Bối cảnh sử dụng trình chiếu<br>4.1.2. Chuẩn bị cho bài thuyết trình<br>4.1.3. Màn hình làm việc của MS. PowerPoint<br>4.1.4. Thiết kế nội dung và hình thức bài trình bày | H3, H6, H7, H8 | **Phương pháp dạy học:** PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP giải quyết vấn đề, PP học theo tình huống, bài tập ở nhà.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** | - (1) Tạo lập, xây dựng bài thuyết trình và hiệu chỉnh theo mẫu cho trước.<br>- (2) Xây dựng, thiết |

| Buổi học /số tiết | Nội dung | CĐR học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 4.2. Xây dựng bài thuyết trình với MS. PowerPoint<br>4.2.1. Slide Master<br>4.2.2. Sử dụng Slide Templates<br>4.2.3. Thao tác, chỉnh sửa trên Slide<br>4.2.4. Chèn các đối tượng trên Slide<br>4.2.5. Hiệu ứng hoạt hình của đối tượng (Animations)<br>4.2.6. Hiệu ứng chuyển Slide (Transitions)<br>4.2.7. Liên kết (Hyperlink) và Nút lệnh (Action Buttons)<br>4.3. Trình diễn bài thuyết trình với MS. PowerPoint<br>4.3.1. Tùy biến, hiệu chỉnh bài thuyết trình<br>4.3.2. Chuẩn bị và trình chiếu bài thuyết trình<br>4.3.3. Định dạng và in bài thuyết trình | | - Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Đặt câu hỏi, đưa ra các tình huống để sinh viên suy luận và ứng dụng các kiến thức đã học để giải quyết.<br>- Thảo luận nhóm: Sự khác nhau giữa các phiên bản MS. PowerPoint? Các yếu tố cấu thành một bài trình chiếu đẹp, cuốn hút và truyền tải đầy đủ nội dung.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu [1], [5]<br>- Ghi chép<br>- Giải quyết các tình huống được đưa ra.<br>- Chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời, thảo luận nhóm.<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | kế, sáng tạo bài thuyết trình dựa trên văn bản, báo cáo hoàn chỉnh.<br>- Hình thức đánh giá: nộp file mềm bài thuyết trình qua email (1,2); trình diễn, thuyết trình nội dung trước lớp (2). |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Hoàng Thị Thanh Hà (2014). Giáo trình Tin học đại cương, NXB Thông tin Truyền thông.

[2] Nguyễn Đức Thắng (2015). Bài giảng Tin học đại cương, Thư viện Trường Đại học Tây Nguyên.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[3] Joan E. Lambert (2016). MOS 2016 Study Guide for Microsoft Word, Pearson Education.

[4] Joan E. Lambert (2016). MOS 2016 Study Guide for Microsoft Excel, Pearson Education.

[5] Joan E. Lambert (2016). MOS 2016 Study Guide for Microsoft PowerPoint, Pearson Education.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao trên lớp, trong sách thực hành.

*7.2. Phần thực hành*

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 1 | **Bài 1: Thực hành Soạn thảo văn bản**<br>1.1. Khởi động máy tính và thao tác trên cửa sổ (Windows)<br>1.2. Sử dụng Explorer để quản lý thư mục (Folder) và tập tin (File) | TH: 4 tiết | [1] Chương 4<br>[2] Chương 2 |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 1.3. Sử dụng chức năng tìm kiếm tập tin và thư mục<br>1.4. Sử dụng chương trình hỗ trợ soạn thảo Tiếng Việt: Unikey<br>1.5. Khởi động ứng dụng Word và thực hiện các thao tác cơ bản như: lưu văn bản, tạo văn bản mới, mở văn bản có sẵn,…<br>1.6. Xác lập môi trường soạn thảo trong văn bản.<br>1.7. Nhập điều chỉnh và định dạng văn bản: định dạng trang in định dạng ký tự, định dạng đoạn.<br>1.8. Sử dụng tab stop<br>1.9. Chia cột báo và chữ thụt đầu đoạn | | [3] Phần 1: Bài tập Word |
| 2 | **Bài 2: Thực hành soạn thảo văn bản (tiếp theo)**<br>2.1. Sử dụng bảng biểu.<br>2.1. Chèn các đối tượng trong văn bản.<br>2.3.Tìm kiếm và thay thế trong văn bản<br>2.4. Thiết lập trang in và in ấn trong Word<br>2.5. Thiết lập phong cách trình bày văn bản (Style)<br>2.6. Thao tác với Header và Footer<br>2.7. Mục lục tự động<br>2.8. Danh mục hình ảnh và bảng biểu<br>2.9. Chỉ mục đa cấp (Multilevel List)<br>2.10. Trộn thư (Mail Merge)<br>2.11. Biểu đồ và vẽ biểu đồ | TH: 4 tiết | [1] Chương 4<br>[2] Chương 2<br>[3] Phần 1: Bài tập Word |
| 3 | **Bài 3. Thực hành xử lý và phân tích bảng tính với Microsoft Excel**<br>3.1. Khởi động ứng dụng Excel và thực hiện các thao tác cơ bản như: lưu bảng tính, tạo mới, mở bảng tính có sẵn,…<br>3.2. Soạn thảo và định dạng bảng tính<br>3.3. Thao tác cơ bản trên bảng tính<br>3.4. Nhóm hàm thông dụng. | TH: 4 tiết | [1] Chương 5<br>[2] Chương 3<br>[3] Phần 2: Bài tập Excel |
| 4 | **Bài 4. Thực hành xử lý và phân tích bảng tính với Microsoft Excel (tiếp theo)**<br>4.1.Nhóm hàm logic<br>4.1. Nhóm hàm tra cứu<br>4.2. Nhóm hàm thống kê cơ bản | TH: 4 tiết | [1] Chương 5<br>[2] Chương 3<br>[3] Phần 2: Bài tập Excel |
| 5 | **Bài 5. Thực hành xử lý và phân tích bảng tính với Microsoft Excel (tiếp theo)**<br>5.1. Phân tích dữ liệu với Pivot Table<br>5.2. Biểu đồ và vẽ biểu đồ<br>5.3. Sắp xếp dữ liệu | TH: 4 tiết | [1] Chương 5<br>[2] Chương 3<br>[3] Phần 2: Bài tập Excel |
| 6 | **Bài 6. Thực hành xử lý và phân tích bảng tính với Microsoft Excel (tiếp theo)**<br>6.1. Trích lọc dữ liệu<br>6.2. Định dạng trang in<br>6.3. Chèn số trang<br>6.4. Xem trước và in bảng tính | TH: 4 tiết | [1] Chương 5<br>[2] Chương 3<br>[3] Phần 2: Bài tập Excel |
| 7 | **Bài 7. Xây dựng bài thuyết trình với Microsoft PowerPoint**<br>7.1. Khởi động ứng dụng PowerPoint; thực hiện các thao tác cơ bản như: lưu, tao mới, mở bản thuyết trình có sẵn. | TH: 4 tiết | [1] Chương 6<br>[3] Phần 3: Bài tập PowerPoint |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 7.2. Các thao tác tạo mới, chỉnh sửa trên slide<br>7.3. Slide Master<br>7.4. Sử dụng Slide Templates<br>7.5.Chèn các đối tượng trên slide, liên kết (Hyperlink) và nút lệnh (Action Buttons)<br>7.6. Hiệu ứng hoạt hình của đối tượng (Animations)<br>7.7. Hiệu ứng chuyển Slide (Transitions)<br>7.8. Tùy biến, hiệu chỉnh bài thuyết trình<br>7.9. Chuẩn bị và trình chiếu bài thuyết trình<br>7.10. Định dạng và in bài thuyết trình. | | [5] Chapter 1-5 |
| 8 | **Bài 8. Ôn tập và kiểm tra**<br>Ôn tập và thực hiện bài kiểm tra tổng hợp. | TH: 2 tiết | |

*7.3. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

- Sinh viên tìm kiếm và thực hiện các bài thi trắc nghiệm về chuẩn công nghệ công tin cơ bản
- Sinh viên nghiên cứu tài liệu, nội dung bài học trước khi đến lớp

| TT | Nội dung | Số tiết | Nhiệm vụ của sinh viên |
|---|---|---|---|
| 1 | Đại cương về Tin học | 18 | Nghiên cứu trước tài liệu:<br>[1] Chương 1,2<br>[2] Chương 1 |
| 2 | Soạn thảo văn bản với MS. Word | 36 | Nghiên cứu trước tài liệu:<br>[1] Chương 4<br>[2] Chương 2<br>[3] Chapter 1-5 |
| 3 | Xử lý và phân tích bảng tính với MS. Excel | 45 | Nghiên cứu trước tài liệu:<br>[1] Chương 5<br>[2] Chương 3<br>[4] Chapter 1-5 |
| 4 | Chương 4. Xây dựng bài thuyết trình với MS. PowerPoint | 36 | Nghiên cứu trước tài liệu:<br>[1] Chương 6<br>[5] Chapter 1-5 |

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

*8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30% ; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%*

*8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận*

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1, H2, H3, H8 | 20% |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ | Phương pháp đánh giá thông qua việc hoàn thành bài tập cá nhân của sinh viên, chữa bài tập trên lớp của sinh viên. | H4, H5, H6, H7 | 20% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| | | học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | | | |
| 3 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá:<br>Thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm.<br>Thông qua bài kiểm tra thực hành – thực hiện bài báo cáo trên word, excel và powerpoint | H1, H2, H3, H4, H5, H6, H7 | 60% |
| Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | | | | 100% |

*8.3. Thi kết thúc học phần*

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào khả năng ghi nhớ, hiểu biết và vận dụng các lý thuyết đã học để giải quyết vấn đề của sinh viên. | 1. Phương pháp đánh giá: Thi trắc nghiệm khách quan trên hệ thống Moodle.<br>2. Thực hiện bài kiểm tra thực hành báo cáo trên máy tính | H1, H2, H3. | 40%<br>60% |

*Ngày 7 tháng 5 năm 2020*

| Trưởng khoa | Trưởng Bộ môn | Người biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Nguyễn Văn Bồng | ThS. Nguyễn Thị Như | ThS. Nguyễn Đức Thắng |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: HOÁ HỌC ĐẠI CƯƠNG**
**Mã học phần: KC211062**

## 1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lí thuyết: 2; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: không

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên giảng viên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1 | ThS. Phan Thị Thu Hà | 0988478309 | pttha@ttn.edu.vn |
| 2 | ThS. Ninh Thị Minh Giang | 0963387174 | ntmgiang@ttn.edu.vn |
| 3 | ThS.Phạm Thị Bé | 0978980047 | ptbe@ttn.edu.vn |
| 4 | ThS. Đặng Thị Thùy My | 0935731177 | dttmy@ttn.edu.vn |
| 5 | TS. Phan Tứ Quý | 0932567400 | phantuquy@ttn.edu.vn |
| 6 | TS. Ngũ Trường Nhân | 0902856011 | ntnhan@ttn.edu.vn |
| 7 | ThS. Đinh Thị Xuân Thảo | 0909002011 | dtxthao@ttn.edu.vn |

## 2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về cấu tạo nguyên tử, làm sáng tỏ bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học, trang bị cho sinh viên các kiến thức về liên kết hóa học và cấu tạo phân tử giúp sinh viên hiểu rõ được các quá trình hóa học như: nhiệt động lực học ứng dụng trong hóa học, động học các phản ứng hóa học, mối liên quan giữa phản ứng hóa học và dòng điện từ đó đưa ra các ứng dụng thực tế của nó. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về tính chất hóa học đặc trưng và những ứng dụng trong đời sống của các hợp chất vô cơ và hữu cơ quan trọng làm cơ sở để sinh viên có thể học tiếp các học phần chuyên ngành có liên quan đến hóa học.

## 3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1. Trang bị cho sinh viên kiến thức về cấu tạo nguyên tử, làm sáng tỏ bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học, trang bị cho sinh viên các kiến thức về liên kết hóa học và cấu tạo phân tử, các quá trình hóa học, các tính chất hóa học quan trọng của hợp chất vô cơ, hữu cơ.

MT2. Rèn luyện cho sinh viên kĩ năng vận dụng được kiến thức lí thuyết để giải quyết các bài toán hóa học, đồng thời giải thích được các hiện tượng thực tiễn liên quan đến môn học.

MT3. Bồi dưỡng và hình thành cho sinh viên thế giới quan khoa học; phát triển năng lực tự nghiên cứu và làm việc nhóm; có tinh thần trách nhiệm, thái độ chuyên cần, nghiêm túc và tập trung trong học tập

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Trình bày được các cấu tử chính của nguyên tử, lịch sử phát hiện các hạt cơ bản trong nguyên tử và lịch sử phát triển của bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học, nguyên lý và quy tắc sắp xếp electron trong nguyên tử nhiều electron.

H2. Phân tích được quan điểm của cơ học lượng tử về liên kết hoá học và phân biệt được các loại lai hoá.

H3. Trình bày được nội dung, công thức toán học của nguyên lí thứ nhất và thứ 2 của nhiệt động lực học và vận dụng giải các bài toán hóa học tính hiệu ứng nhiệt của phản ứng dựa vào sinh nhiệt và thiêu nhiệt của các chất tham gia và sản phẩm.

H4. Trình bày được các khái niệm cơ bản về động hoá học như tốc độ phản ứng hoá học, các yếu tố ảnh hưởng của các yếu tố đến tốc độ phản ứng hoá học như nồng độ, nhiệt độ, chất xúc tác; các khái niệm về cân bằng hóa học và nguyên lí chuyển dịch cân bằng.

H5. Trình bày được khái niệm chất điện li, đặc điểm điện li của một số loại hợp chất, pH của dung dịch.

H6. Trình bày được sự biến đổi hoá năng thành điện năng và ngược lại, nêu được cấu tạo của pin điện hóa và các ứng dụng của các nguyên tố Galvani. Phân biệt được các loại điện cực và vận dụng tính thế điện cực của các dung dịch và suất điện động của các loại pin điện hoá.

H7. Nêu được các tính chất hóa học quan trọng của hợp chất vô cơ và ứng dụng của nó trong thực tiễn.

H8. Trình bày được cơ sở lý thuyết các phản ứng hóa học hữu cơ và các tính chất hóa học quan trọng và ứng dụng của của hợp chất hữu cơ trong thực tiễn.

H9. Có kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng thuyết trình, bảo vệ và phản biện ý kiến trước đám đông.

H10. Chuyên cần, có năng lực tự học, chủ động và tích cực trong việc học tập.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H2 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H3 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H4 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H5 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H6 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H7 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H8 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H9 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H10 | x | | | | | | | | | | | | | | |

**4. Cấu trúc học phần**

| **Tuần** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. Cấu tạo nguyên tử và liên kết hoá học**<br>1.1. Các cấu tử chính của nguyên tử<br>1.2. Mẫu nguyên tử theo cơ học cổ điển<br>1.3. Mẫu nguyên tử theo cơ học lượng tử<br>1.4. Định luật tuần hoàn và bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học<br>1.5. Các loại liên kết hóa học | LT: 4 tiết<br>BT: 1 tiết | [1] Chương 1,2<br>[3] Chương 1,2<br>[4] Chương 1,2 |
| 2 | **Chương 2. Nhiệt động lực học và động học các phản ứng hóa học**<br>2.1. Nguyên lý I của nhiệt động lực học hóa học<br>2.2. Nguyên lí II của nhiệt động lực học hóa học<br>2.3. Khái niệm về động hóa học<br>2.4. Ảnh hưởng của nồng độ đến tốc độ phản ứng<br>2.5. Ảnh hưởng của nhiệt độ đến tốc độ phản ứng<br>2.6. Ảnh hưởng của chất xúc tác đến tốc độ phản ứng | LT: 4 tiết<br>BT: 1 tiết | [1] Chương 3,4<br>[3] Chương 3,4,5<br>[4] Chương 3,5 |
| 3 | **Chương 3: Dung dịch chất điện li và điện hóa học** | LT: 3 tiết | [1] Chương 5,6 |

| Tuần | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 3.1. Dung dịch chất điện li<br>3.2. Sự biến đổi hóa năng thành điện năng<br>3.3. Sự biến đổi điện năng thành hóa năng | BT: 1 tiết | [3] Chương 5,6<br>[4] Chương 4,6 |
| 4 | **Chương 4: Hợp chất vô cơ**<br>4.1. Phân loại và tính chất cơ bản của các nguyên tố<br>4.2. Hợp chất hydrua<br>4.3. Hợp chất oxit và hydroxit | LT: 3 tiết<br>BT: 1 tiết | [2] Chương 1,2,3<br>[5], [6] |
| 5 | **Chương 5: Một số vấn đề lý thuyết cơ bản trong hóa hữu cơ**<br>5.1. Cấu tạo và đặc điểm của carbon<br>5.2. Đồng phân<br>5.3. Các hiệu ứng chuyển dịch electron<br>5.4. Cơ chế các loại phản ứng trong hợp chất hữu cơ | LT: 2 tiết<br>BT: 1 tiết | [2] Chương 4<br>[7], [9], [10] |
| 6 | **Chương 6: Hidrocacbon**<br>6.1. Định nghĩa – Phân loại<br>6.2. Tính chất hóa học<br>6.3. Ứng dụng – Điều chế | LT: 3 tiết<br>BT: 1 tiết | [2] Chương 5<br>[7], [9] |
| 7 | **Chương 7: Hợp chất có nhóm chức**<br>7.1. Định nghĩa – Phân loại<br>7.2. Tính chất hóa học<br>7.3. Ứng dụng – điều chế | LT: 4 tiết<br>BT: 1 tiết | [2] Chương 6-12<br>[8]; [9] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 1-5 | **Chương 1. Cấu tạo nguyên tử và liên kết hoá học**<br>1.1. Các cấu tử chính của nguyên tử<br>1.2. Mẫu nguyên tử theo cơ học cổ điển<br>1.3. Mẫu nguyên tử theo cơ học lượng tử<br>1.4. Định luật tuần hoàn và bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học<br>1.5. Các loại liên kết hóa học | H1, H2, H9, H10 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm nhỏ về những câu hỏi GV đặt ra<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu từ trước ở nhà về nội dung trước mỗi buổi học.<br>- Ghi chép, thảo luận nhóm nhỏ trên lớp khi GV đặt câu hỏi.<br>**Địa điểm học:**<br>Giảng đường | + Vấn đáp<br>+ Bài kiểm tra<br>+ Bài viết nộp tại lớp |
| 6-10 | **Chương 2. Nhiệt động lực học và động học các phản ứng hóa học**<br>2.1. Nguyên lý I của nhiệt động lực học hóa học | H3, H4, H9, H10 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** | + Vấn đáp<br>+ Bài kiểm tra |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 2.2. Nguyên lí II của nhiệt động lực học hóa học<br>2.3. Khái niệm về động hóa học<br>2.4. Ảnh hưởng của nồng độ đến tốc độ phản ứng<br>2.5. Ảnh hưởng của nhiệt độ đến tốc độ phản ứng<br>2.6. Ảnh hưởng của chất xúc tác đến tốc độ phản ứng | | - Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm nhỏ về những câu hỏi GV đặt ra<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu từ trước ở nhà về nội dung trước mỗi buổi học.<br>- Ghi chép, thảo luận nhóm nhỏ trên lớp khi GV đặt câu hỏi.<br>**Địa điểm học:**<br>Giảng đường | + Bài viết nộp tại lớp |
| 11-14 | **Chương 3: Dung dịch chất điện li và điện hóa học**<br>3.1. Dung dịch chất điện li<br>3.2. Sự biến đổi hóa năng thành điện năng<br>3.3. Sự biến đổi điện năng thành hóa năng | H5, H7, H9, H10 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm nhỏ về những câu hỏi GV đặt ra<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu từ trước ở nhà về nội dung trước mỗi buổi học.<br>- Ghi chép, thảo luận nhóm nhỏ trên lớp khi GV đặt câu hỏi.<br>**Địa điểm học:**<br>Giảng đường | + Vấn đáp<br>+ Bài kiểm tra<br>+ Bài viết nộp tại lớp |
| 15-18 | **Chương 4: Hợp chất vô cơ**<br>4.1. Phân loại và tính chất cơ bản của các nguyên tố<br>4.2. Hợp chất hydrua<br>4.3. Hợp chất oxit và hydroxit | H7, H9, H10 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm nhỏ về những câu hỏi GV đặt ra<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu từ trước ở nhà về nội dung trước mỗi buổi học. | + Vấn đáp<br>+ Bài kiểm tra<br>+ Bài viết nộp tại lớp |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | | - Ghi chép, thảo luận nhóm nhỏ trên lớp khi GV đặt câu hỏi.<br>**Địa điểm học:**<br>Giảng đường | |
| 19-21 | **Chương 5: Một số vấn đề lý thuyết cơ bản trong hóa hữu cơ**<br>5.1. Cấu tạo và đặc điểm của carbon<br>5.2. Đồng phân<br>5.3. Các hiệu ứng chuyển dịch electron<br>5.4. Cơ chế các loại phản ứng trong hợp chất hữu cơ | H8, H9, H10 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm nhỏ về những câu hỏi GV đặt ra<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu từ trước ở nhà về nội dung trước mỗi buổi học.<br>- Ghi chép, thảo luận nhóm nhỏ trên lớp khi GV đặt câu hỏi.<br>**Địa điểm học:**<br>Giảng đường | + Vấn đáp<br>+ Bài kiểm tra<br>+ Bài viết nộp tại lớp |
| 22-25 | **Chương 6: Hidrocacbon**<br>6.1. Định nghĩa – Phân loại<br>6.2. Tính chất hóa học<br>6.3. Ứng dụng – Điều chế | H8, H9, H10 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm nhỏ về những câu hỏi GV đặt ra<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu từ trước ở nhà về nội dung trước mỗi buổi học.<br>- Ghi chép, thảo luận nhóm nhỏ trên lớp khi GV đặt câu hỏi.<br>**Địa điểm học:**<br>Giảng đường | + Vấn đáp<br>+ Bài kiểm tra<br>+ Bài viết nộp tại lớp |
| 26-30 | **Chương 7: Hợp chất có nhóm chức**<br>7.1. Định nghĩa – Phân loại<br>7.2. Tính chất hóa học | H8, H9, H10 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp. | + Vấn đáp<br>+ Bài kiểm tra |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 7.3. Ứng dụng – điều chế | | **Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm nhỏ về những câu hỏi GV đặt ra<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu từ trước ở nhà về nội dung trước mỗi buổi học.<br>- Ghi chép, thảo luận nhóm nhỏ trên lớp khi GV đặt câu hỏi.<br>**Địa điểm học:**<br>Giảng đường | + Bài viết nộp tại lớp |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1]. Lê Trọng Hải, Đinh Thị Xuân Thảo, Phạm Thị Bé (2015), *Hóa học đại cương 1*, Giáo trình nội bộ trường Đại học Tây Nguyên.

[2]. Phan Văn Đức Lợi, Lê Văn Cơ, Ngũ Trường Nhân (2015), Hóa học đại cương 2, Giáo trình nội bộ trường Đại học Tây Nguyên.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[3]. Nguyễn Văn Tấu, Dương Văn Đảm, Hoàng Hà, Nguyễn Tiến Quý (2003), *Giáo trình hóa học đại cương, tập 1*, NXB Giáo dục.

[4]. Hoàng Nhâm (2006), *Hóa học vô cơ, tập 1*, NXB Giáo dục.

[5]. Hoàng Nhâm (2002). *Hóa vô cơ – Tập 2*, NXB Giáo dục.

[6]. Hoàng Nhâm (2002). *Hóa vô cơ – Tập 3*, NXB Giáo dục.

[7]. Đỗ Đình Rãng, (2007). *Hóa Học Hữu Cơ – Tập 2*, NXB Giáo dục.

[8]. Đỗ Đình Rãng, (2007). *Hóa Học Hữu Cơ – Tập 3*, NXB Giáo dục.

[9]. Nguyễn Hữu Đĩnh, Đỗ Đình Rãng (2007). *Hóa Học Hữu Cơ –Tập 1*, NXB Giáo dục.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lí thuyết, bài tập, thảo luận*

- Không được vắng quá 30% tổng thời lượng của học phần.
- Xem trước nội dung bài học.
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

*8.1. Trọng số điểm bộ phận:* ***20%***; *Trọng số thi kết thúc học phần:* ***80%***

*8.2. Thành phần, mục đích và tỉ lệ điểm bộ phận*

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỉ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| **1** | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh | H9, H10 | 20% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỉ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | | |
| **2** | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | H1-H8 | 20% |
| **5** | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kĩ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kĩ năng tái hiện kiến thức, kĩ năng vận dụng tri thức, kĩ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm. | H1-H8 | 60% |
| | | | Tổng tỉ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

*8.3. Thi kết thúc học phần*

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỉ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kĩ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Thi tự luận. | H1-H10 | 100% |

*Ngày … tháng …. năm 2020*

**Trưởng khoa** **Trưởng Bộ môn** **Người biên soạn**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: THỰC HÀNH HÓA HỌC ĐẠI CƯƠNG**
**Mã học phần: KC211021**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Hóa học đại cương

Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên giảng viên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1 | ThS. Phan Thị Thu Hà | 0988478309 | pttha@ttn.edu.vn |
| 2 | ThS. Ninh Thị Minh Giang | 0963387174 | ntmgiang@ttn.edu.vn |
| 3 | ThS.Phạm Thị Bé | 0978980047 | ptbe@ttn.edu.vn |
| 4 | ThS. Đặng Thị Thùy My | 0935731177 | dttmy@ttn.edu.vn |
| 5 | TS. Phan Tứ Quý | 0932567400 | phantuquy@ttn.edu.vn |
| 6 | TS. Ngũ Trường Nhân | 0902856011 | ntnhan@ttn.edu.vn |
| 7 | ThS. Đinh Thị Xuân Thảo | 0909002011 | dtxthao@ttn.edu.vn |
| 8 | ThS. Đàm Thị Bích Hạnh | 0384661389 | dtbhanh@ttn.edu.vn |
| 9 | ThS. Phạm Thị Huyền Thoa | 0982176565 | pththoa@ttn.edu.vn |

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kỹ thuật phòng thí nghiệm, kỹ năng sử dụng và bảo quản hóa chất, cách tiến hành một bài thí nghiệm, trên cơ sở các bài thí nghiệm như tốc độ phản ứng, sự chuyển dịch cân bằng, dung dịch chất điện li, pin điện hóa, điện phân, khảo sát tính chất của các đơn chất và hợp chất vô cơ, khảo sát tính chất của các hợp chất hữu cơ,… nhằm khắc sâu thêm phần lí thuyết hoá học đại cương, tạo điều kiện để sinh viên các ngành khoa Nông Lâm Nghiệp như bảo vệ thực vật, công nghệ sau thu hoạch, quản lý tài nguyên rừng và môi trường, lâm sinh, thú y, … rèn luyện các thao tác làm việc trong phòng thí nghiệm và làm tiền đề cho việc thực tập các môn chuyên ngành sau này.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1. Rèn luyện cho sinh viên khả năng quan sát và giải thích hiện tượng dựa vào kiến thức đã học.

MT2. Đào tạo cho sinh viên có kỹ năng về kỹ thuật phòng thí nghiệm hóa học, kỹ năng sử dụng hiệu quả và an toàn thiết bị phòng thí nghiệm.

MT3. Đào tạo sinh viên có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập, khả năng tự học, tự nghiên cứu, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời.

MT4. Rèn luyện cho sinh viên có ý thức kỷ luật khi làm việc trong phòng thí nghiệm và trong quá trình sử dụng, bảo quản hóa chất.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Vận dụng được các kiến thức về hóa học trong các học phần hóa đại cương để giải thích được các hiện tượng xảy ra trong các thí nghiệm hóa học.

H2. Có kỹ năng cơ bản về các sử dụng các dụng cụ, thiết bị trong phòng thí nghiệm, cách sử dụng và bảo quản hóa chất, cách phòng xử lý sự cố xảy ra trong khi tiến hành thí nghiệm.

H3. Có khả năng tự học, tự nghiên cứu.

H4. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| Chuẩn đầu ra học phần | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | | | | | | | | | | |
| H2 | x | | | | | | | | | | | | | |
| H3 | x | | | | | | | | | | | | | |
| H4 | x | | | | | | | | | | | | | |

**4. Cấu trúc học phần**

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 1 | **BÀI 1. KỸ THUẬT PHÒNG THÍ NGHIỆM**<br>1.1. Kỹ thuật sử dụng dụng cụ thí nghiệm hoá học<br>1.2. Kỹ thuật sử dụng hóa chất thí nghiệm<br>1.3. Quy tắc an toàn trong phòng thí nghiệm<br>1.4. Cách cứu chữa khi gặp tai nạn và những phương pháp cấp cứu đầu tiên | TH: 3 tiết | [1] Bài 1<br>[2] Bài 1 |
| 2 | **Bài 2. TỐC ĐỘ PHẢN ỨNG HÓA HỌC**<br>**TN 1.** Ảnh hưởng của nồng độ chất phản ứng đến tốc độ phản ứng trong hệ đồng thể<br>**TN 2.** Ảnh hưởng của nhiệt độ đến tốc độ phản ứng<br>**TN 3.** Ảnh hưởng của diện tích tiếp xúc đến tốc độ phản ứng<br>**TN 4.** Ảnh hưởng của chất xúc tác đến tốc độ phản ứng | TH: 4 tiết | [1] Bài 2<br>[2] Bài 15 |
| 3 | **BÀI 3. CÂN BẰNG HOÁ HỌC**<br>**TN 1.** Phản ứng một chiều<br>**TN 2.** Ảnh hưởng của nồng độ đến cân bằng hóa học<br>**TN 3.** Ảnh hưởng của nhiệt độ đến cân bằng hóa học<br>**TN 4.** Ảnh hưởng của môi trường đến sự chuyển dịch cân bằng hoá học | TH: 3 tiết | [1] Bài 3<br>[2] Bài 14 |
| 4 | **BÀI 4. DUNG DỊCH CHẤT ĐIỆN LI – PIN ĐIỆN HÓA – ĐIỆN PHÂN**<br>TN 1. Khảo sát khả năng dẫn điện của các chất<br>TN 2. Xác định màu của chất chỉ thị acid – base<br>TN 3. Xác định pH của dung dịch<br>TN 4. Pin điện hóa Zn – Cu<br>TN 5. Điện phân dung dịch CuSO4 với các điện cực trơ (graphit) | TH: 4 tiết | [1] Bài 4<br>[2] Bài 18, 19, 23 |
| 5 | **BÀI 5. KHẢO SÁT TÍNH CHẤT CỦA HỢP CHẤT VÔ CƠ**<br>**TN 1.** Khảo sát tính chất của $NH_3$ và ion $NH_4^+$<br>**TN 2.** Khảo sát tính chất của axit sunfuric<br>**TN 3.** Khảo sát tính chất của NaOH<br>**TN 4.** Tính chất của Al và $Al^{3+}$<br>**TN 5**. Tính chất của Fe, $Fe^{2+}$, $Fe^{3+}$ | TH: 4 tiết | [1] Bài 5<br>[3] Bài 4, 6, 9, 11, 14. |
| 6 | **BÀI 6. KHẢO SÁT TÍNH CHẤT CỦA HIDROCACBON**<br>**TN 1.** Khảo sát tính chất của hidrocarbon no<br>**TN 2.** Khảo sát tính chất của hidrocarbon không no<br>**TN 3**. Khảo sát tính chất của hidrocacbon thơm | TH: 4 tiết | [1] Bài 6 |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 7 | **BÀI 7. KHẢO SÁT TÍNH CHẤT CỦA DẪN XUẤT ALCOHOL – ALDEHYDE - KETONE**<br>A. Khảo sát tính chất của alcohol<br>**TN 1.** Phản ứng với Na kim loại<br>**TN 2.** Phản ứng ester hóa<br>**TN 3.** Phản ứng oxy hóa không hoàn toàn<br>**TN 4.** Phản ứng đặc trưng của polyalcohol<br>B. Khảo sát tính chất của adehyde – ketone<br>TN 5. Phản ứng với Natribisulfite (NaHSO3)<br>TN 6. Phản ứng với thuốc thử Tollen's<br>TN 7. Phản ứng với thuốc thử Fehling | TH: 4 tiết | [1] Bài 7 |
| 8 | **BÀI 8. KHẢO SÁT TÍNH CHẤT CỦA ACID CARBOXYLIC – AMINE – AMINO ACID**<br>I. Khảo sát tính chất của acid carboxylic<br>TN 1. Tính acid của acid carboxylic<br>TN 2. Phản ứng tạo kết tủa của acid oxalic với dung dịch CaCl2<br>II. Khảo sát tính chất của amine – amino acid<br>TN 3. Tính base của methylamine<br>TN 4. Tính chất của aniline<br>TN 5. Khảo sát tính chất của amino acid | TH: 4 tiết | [1] Bài 8 |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Tiết 1 - 3 | **BÀI 1. KỸ THUẬT PHÒNG THÍ NGHIỆM**<br>1.1. Kỹ thuật sử dụng dụng cụ thí nghiệm hoá học<br>1.2. Kỹ thuật sử dụng hóa chất thí nghiệm<br>1.3. Quy tắc an toàn trong phòng thí nghiệm<br>**1.4. Cách cứu chữa khi gặp tai nạn và những phương pháp cấp cứu đầu tiên** | H2<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP thuyết trình.<br>- PP đàm thoại.<br>- PP tự đọc, tự nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>- Thực hành sử dụng một số dụng cụ, thiết bị trong phòng thí nghiệm.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu thực hành và lí thuyết liên quan trước.<br>- Sử dụng các dụng cụ thí nghiệm đúng kĩ thuật.<br>**Địa điểm học:** Phòng thí nghiệm. | - Liệt kê các bài đánh giá liên quan<br>- Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Kỹ thuật sử dụng một số dụng cụ cơ bản như pipet, ống nghiệm, kẹp ống nghiệm, …<br>+ Báo cáo tường trình. |
| Tiết 4 - 7 | **Bài 2. TỐC ĐỘ PHẢN ỨNG HÓA HỌC** | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP đàm thoại. | - Liệt kê các bài đánh giá liên quan |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | **TN 1.** Ảnh hưởng của nồng độ chất phản ứng đến tốc độ phản ứng trong hệ đồng thể<br>**TN 2.** Ảnh hưởng của nhiệt độ đến tốc độ phản ứng<br>**TN 3.** Ảnh hưởng của diện tích tiếp xúc đến tốc độ phản ứng<br>**TN 4.** Ảnh hưởng của chất xúc tác đến tốc độ phản ứng | H4 | - PP tự đọc, tự nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>- Thực hành các thí nghiệm khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu thực hành và lí thuyết liên quan trước.<br>- Sử dụng các dụng cụ thí nghiệm đúng kĩ thuật.<br>**Địa điểm học:** Phòng thí nghiệm. | - Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Vấn đáp<br>+ Kỹ thuật tiến hành các thí nghiệm.<br>+ Báo cáo tường trình. |
| Tiết 8 - 10 | **BÀI 3. CÂN BẰNG HOÁ HỌC**<br>**TN 1.** Phản ứng một chiều<br>**TN 2.** Ảnh hưởng của nồng độ đến cân bằng hóa học<br>**TN 3.** Ảnh hưởng của nhiệt độ đến cân bằng hóa học<br>TN 4. **Ảnh hưởng của môi trường đến sự chuyển dịch cân bằng hoá học** | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP đàm thoại.<br>- PP tự đọc, tự nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>- Thực hành các thí nghiệm khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu thực hành và lí thuyết liên quan trước.<br>- Sử dụng các dụng cụ thí nghiệm đúng kĩ thuật.<br>**Địa điểm học:** Phòng thí nghiệm. | - Liệt kê các bài đánh giá liên quan<br>- Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Vấn đáp<br>+ Kỹ thuật tiến hành các thí nghiệm.<br>+ Báo cáo tường trình. |
| Tiết 11 - 14 | **BÀI 4. DUNG DỊCH CHẤT ĐIỆN LI –** | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP đàm thoại.<br>- PP tự đọc, tự nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>- Thực hành các thí nghiệm khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu thực hành và lí thuyết liên quan trước. | - Liệt kê các bài đánh giá liên quan<br>- Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Vấn đáp<br>+ Kỹ thuật tiến hành các thí nghiệm.<br>+ Báo cáo tường trình. |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | **PIN ĐIỆN HÓA – ĐIỆN PHÂN**<br>TN 1. Khảo sát khả năng dẫn điện của các chất<br>TN 2. Xác định màu của chất chỉ thị acid – base<br>TN 3. Xác định pH của dung dịch<br>TN 4. Pin điện hóa Zn – Cu<br>TN 5. Điện phân dung dịch CuSO4 với các điện cực trơ (graphit) | | - Sử dụng các dụng cụ thí nghiệm đúng kĩ thuật.<br>**Địa điểm học:** Phòng thí nghiệm. | |
| Tiết 15 - 18 | **BÀI 5. KHẢO SÁT TÍNH CHẤT CỦA HỢP CHẤT VÔ CƠ**<br>**TN 1.** Khảo sát tính chất của $NH_3$ và ion $NH_4^+$<br>**TN 2.** Khảo sát tính chất của axit sunfuric<br>**TN 3.** Khảo sát tính chất của NaOH<br>**TN 4.** Tính chất của Al và $Al^{3+}$<br>**TN 5**. Tính chất của Fe, $Fe^{2+}$, $Fe^{3+}$ | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP đàm thoại.<br>- PP tự đọc, tự nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>- Thực hành các thí nghiệm khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu thực hành và lí thuyết liên quan trước.<br>- Sử dụng các dụng cụ thí nghiệm đúng kĩ thuật.<br>**Địa điểm học:** Phòng thí nghiệm. | - Liệt kê các bài đánh giá liên quan<br>- Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Vấn đáp<br>+ Kỹ thuật tiến hành các thí nghiệm.<br>+ Báo cáo tường trình. |
| Tiết 19 - 22 | **BÀI 6. KHẢO SÁT TÍNH CHẤT CỦA HIDROCACBON**<br>**TN 1.** Khảo sát tính chất của hidrocarbon no<br>**TN 2.** Khảo sát tính chất của hidrocarbon không no<br>**TN 3**. Khảo sát tính chất của hidrocacbon thơm | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP đàm thoại.<br>- PP tự đọc, tự nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>- Thực hành các thí nghiệm khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu thực hành và lí thuyết liên quan trước. | - Liệt kê các bài đánh giá liên quan<br>- Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Vấn đáp<br>+ Kỹ thuật tiến hành các thí nghiệm.<br>+ Báo cáo tường trình. |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | | - Sử dụng các dụng cụ thí nghiệm đúng kĩ thuật.<br>**Địa điểm học:** Phòng thí nghiệm. | |
| Tiết 23 - 26 | **BÀI 7. KHẢO SÁT TÍNH CHẤT CỦA DẪN XUẤT ALCOHOL – ALDEHYDE - KETONE**<br>A. Khảo sát tính chất của alcohol<br>**TN 1.** Phản ứng với Na kim loại<br>**TN 2.** Phản ứng ester hóa<br>**TN 3.** Phản ứng oxy hóa không hoàn toàn<br>**TN 4.** Phản ứng đặc trưng của polyalcohol<br>B. Khảo sát tính chất của adehyde – ketone<br>TN 5. Phản ứng với Natribisulfite (NaHSO3)<br>TN 6. Phản ứng với thuốc thử Tollen's<br>**TN 7. Phản ứng với thuốc thử Fehling** | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP đàm thoại.<br>- PP tự đọc, tự nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>- Thực hành các thí nghiệm khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu thực hành và lí thuyết liên quan trước.<br>- Sử dụng các dụng cụ thí nghiệm đúng kĩ thuật.<br>**Địa điểm học:** Phòng thí nghiệm. | - Liệt kê các bài đánh giá liên quan<br>- Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Vấn đáp<br>+ Kỹ thuật tiến hành các thí nghiệm.<br>+ Báo cáo tường trình. |
| Tiết 27 - 30 | **BÀI 8. KHẢO SÁT TÍNH CHẤT CỦA ACID CARBOXYLIC –** | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP đàm thoại.<br>- PP tự đọc, tự nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>- Thực hành các thí nghiệm khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu thực hành và lí thuyết liên quan trước.<br>- Sử dụng các dụng cụ thí nghiệm đúng kĩ thuật. | - Liệt kê các bài đánh giá liên quan<br>- Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Vấn đáp<br>+ Kỹ thuật tiến hành các thí nghiệm.<br>+ Báo cáo tường trình. |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | **AMINE – AMINO ACID**<br>I. Khảo sát tính chất của acid carboxylic<br>TN 1. Tính acid của acid carboxylic<br>TN 2. Phản ứng tạo kết tủa của acid oxalic với dung dịch CaCl2<br>II. Khảo sát tính chất của amine – amino acid<br>TN 3. Tính base của methylamine<br>TN 4. Tính chất của aniline<br>**TN 5. Khảo sát tính chất của amino acid** | | **Địa điểm học:** Phòng thí nghiệm. | |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1]. Đinh Thị Xuân Thảo (2017). Giáo trình *Thực hành hoá học đại cương*, Trường Đại học Tây Nguyên.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2]. Hà Thị Ngọc Loan (2004). *Hóa học đại cương 3: Thực hành trong phòng thí nghiệm*, NXB Đại học Sư phạm.

[3]. Nguyễn Thế Ngôn (2007). *Thực hành hóa học vô cơ*, NXB Đại học Sư phạm.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần thí nghiệm, thực hành*

- Xem lại lí thuyết liên quan và đọc trước các bài thí nghiệm trước khi đi thực hành.
- Tham gia đầy đủ các buổi thực hành.
- Sử dụng các dụng cụ, thiết bị thí nghiệm đúng kĩ thuật, đảm bảo an toàn khi làm việc trong phòng thí nghiệm.

*7.2. Phần viết tường trình thí nghiệm*

- Viết tường trình thí nghiệm sau mỗi bài thực hành theo mẫu cho sẵn.
- Trong các bài tường trình cần mô tả rõ hiện tượng quan sát được qua thực tế tiến hành thí nghiệm và vận dụng được lí thuyết liên quan để giải thích những hiện tượng xảy ra.

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H3<br>H4 | 20% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 2 | Thí nghiệm, thực hành | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra, thông qua báo cáo tường trình thí nghiệm | H2<br>H3<br>H4 | 80% |
| | | | Tổng | | 100% |

*Ngày 02 tháng 11 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: SINH HỌC ĐẠI CƯƠNG**
**Mã học phần: KC211091**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 2 TC (Lý thuyết: 22,5 tiết; Thảo luận/Semina: 15 tiết)

Loại môn học: bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học song hành: không có

Học phần học trước: không có

Học phần tiên quyết: không có

Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1. | Nguyễn Thị Thu | 0905418109 | thu.daihoctaynguyen@gmail.com |
| 2. | Nguyễn Phương Đại Nguyên | 0914032103 | nguyendhtn@gmail.com |
| 3. | Bùi Thị Quỳnh Hoa | 0912858774 | quynhhoadhtn@gmail.com |
| 4. | Trương Bá Phong | 0995204082 | baphongdhtn@gmail.com |
| 5. | Nguyễn Thị Thủy | 0907754747 | pthuydhtn@gmail.com |
| 6. | Phạm Thị Phương | 0964535998 | phamthiphuongtnu@gmail.com |
| 7. | Trần Thị Thanh Thảo | 0972004424 | thanhthaotnu@gmail.com |
| 8. | Vũ Bích Thủy | 0985852041 | bichthuycnsh10@gmail.com |
| 9. | Trần Thị Kim Thi | 0377064299 | kimthi0612@gmail.com |
| 10. | Nguyễn Hữu Kiên | 0388345725 | huukienbmt@gmail.com |

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Sinh học đại cương là học phần bao gồm những kiến thức khái quát nhất về Sinh học; cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các đặc trưng của cơ thể sống; cấu trúc và chức năng của các mô, các cơ quan, các hệ cơ quan trong cơ thể sinh vật đa bào; cơ sở vật chất và cơ chế của di truyền, biến dị ở cấp độ phân tử và cấp độ tế bào; các qui luật di truyền qua nhân, qua tế bào chất và di truyền quần thể; các loại biến dị và vai trò của các biến dị đối với tiến hóa và chọn giống; các nhân tố sinh thái trong môi trường sống của sinh vật; các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật, quần xã sinh vật, hệ sinh thái và các loại diễn thế sinh thái. Rèn luyện cho người học các kỹ năng cơ bản làm việc trong phòng thí nghiệm.

Các kiến thức của học phần có liên quan đến kiến thức của nhiều môn học khác, như: Tế bào học, Di truyền học, Di truyền y học, Di truyền người và quần thể, Sinh học thực vật, Thực vật học, Hình thái – Giải phẫu thực vật, Phân loại học thực vật, Sinh lý học thực vật, Giải phẫu – Sinh lý người và động vật, Tiến hóa và đa dạng sinh học, Khoa học môi trường, Sinh học phát triển, Hóa sinh, Vi sinh, Lý sinh…Vì thế các kiến thức của học phần là cơ sở để giải thích một số hiện tượng Sinh học trong tự nhiên và đời sống, làm cơ sở cho việc lĩnh hội kiến thức của các học phần có liên quan trong chương trình đào tạo của các ngành: Y học, Sư phạm Sinh học, Sinh học, Công nghệ sinh học, Lâm Sinh, Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Quản lý tài nguyên rừng và môi trường, Thú y, Chăn nuôi - Thú y…

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1. Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các hoạt động sống trong cơ thể sinh vật; cấu trúc, chức năng của tế bào, các mô, các cơ quan, các hệ cơ quan trong cơ thể Động – Thực vật để thấy được vai trò của các hoạt động sống đối với sự tồn tại, phát triển của cơ thể sinh vật và

làm cơ sở cho việc lĩnh hội kiến thức của các học phần chuyên sâu về Tế bào, Động vật, Thực vật, Vi sinh vật.

MT2. Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở vật chất và cơ chế của Di truyền – Biến dị ở cấp độ phân tử và cấp độ tế bào; các loại biến dị và các qui luật di truyền để thấy được vai trò của Di truyền – Biến dị đối với tiến hóa và chọn giống; là cơ sở để lĩnh hội các kiến thức của học phần Di truyền học, Sinh học phân tử, Giải bài tập sinh học, Chọn giống Động - Thực vật, Công nghệ sinh học, Di truyền y học.

MT3. Trang bị cho người học các kiến thức khái quát về các nhân tố sinh thái, quần thể sinh vật, quần xã sinh vật và diễn thế sinh thái để thấy được vai trò của các nhân tố sinh thái đối với đa dạng sinh học và cân bằng sinh thái; là cơ sở cho việc lĩnh hội các kiến thức các kiến thức của Sinh thái học và Khoa học môi trường.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Trình bày được đặc điểm, vai trò của trao đổi chất và năng lượng, sinh trưởng, phát triển, sinh sản, cảm ứng đối với sự tồn tại và phát triển của sinh vật; đặc điểm của các quá trình trao đổi chất và năng lượng cơ bản ở cấp độ tế bào và cấp độ cơ thể; cấu trúc, chức năng của tế bào, các mô, các cơ quan, các hệ cơ quan trong cơ thể Động – Thực vật; cấu trúc, chức năng của DNA, RNA, protein, nhiễn sắc thể; đặc điểm, diễn biến, kết quả và ý nghĩa của các quá trình: tái bản DNA, phiên mã, dịch mã, nguyên phân, giảm phân và phân đôi tế bào.

H2. Nêu được nội dung, điều kiện nghiệm đúng và ý nghĩa của các qui luật di truyền qua nhân, qua tế bào chất; đặc điểm của các loại biến dị, các nhân tố sinh thái.

H3. Phân tích được vai trò của Di truyền – Biến dị đối với tiến hóa và chọn giống, vai trò của các nhân tố sinh thái đối với sự tồn tại và phát triển của cơ thể, quần thể sinh vật, quần xã sinh vật và diễn thế sinh thái. Phân biệt được tế bào prokaryote với tế bào eukaryote, diễn thế nguyên sinh với diễn thế thứ sinh.

H4. Vận dụng các kiến thức của học phần để phân tích, giải thích, lĩnh hội các kiến thức của những học phần có liên quan trong chương trình học.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H2 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H3 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H4 | x | | | | | | | | | | | | | | |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. Các đặc trưng cơ bản của sự sống**<br>1.1. Các mức độ tổ chức cơ thể của sự sống<br>1.1.1. Các cơ thể sống chưa có cấu tạo tế bào<br>1.1.2. Các cơ thể sống đơn bào<br>1.1.3. Các cơ thể sống đa bào<br>1.2. Sự trao đổi chất và năng lượng ở có thể sinh vật<br>1.2.1. Vai trò của trao đổi chất và năng lượng đối với các hoạt động sống của cơ thể<br>1.2.2. Sự trao đổi chất qua màng tế bào<br>1.2.3. Sự trao đổi chất ở thực vật và động vật<br>1.2.4. Sự chuyển hóa năng lượng | LT: 2,0 tiết<br>TL/Semina: 2,0 tiết | [2] chương 1 |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 1.3. Sự sinh trưởng và phát triển của cơ thể sinh vật<br>1.3.1. Sự sinh trưởng của sinh vật<br>1.3.2. Sự phát triển của sinh vật<br>1.4. Sự sinh sản của sinh vật<br>1.4.1. Sinh sản vô tính<br>1.4.2. Sinh sản hữu tính<br>1.5. Tính cảm ứng của sinh vật<br>1.5.1. Khái niệm<br>1.5.2. Tính cảm ứng ở thực vật<br>1.5.2. Tính cảm ứng ở động vật | | |
| 2 | **Chương 2. Sinh học tế bào và sinh học cơ thể**<br>2.1. Sinh học tế bào<br>2.1.1. Thành phần hóa học của tế bào<br>2.1.2. Cấu trúc tế bào<br>2.2. Sinh học cơ thể thực vật<br>2.2.1. Các loại mô của cơ thể thực vật<br>2.2.2. Cơ quan sinh dưỡng của cơ thể thực vật<br>2.2.3. Cơ quan sinh sản của thực vật Hạt kín<br>2.2.4. Các quá trình dinh dưỡng thực vật<br>2.3. Sinh học cơ thể động vật<br>2.3.1. Các loại mô của cơ thể động vật<br>2.3.2. Các hệ cơ quan của cơ thể động vật | LT: 3,5 tiết<br>TL/Semina: 2,0 tiết | [1] phần 1, phần 2, phần 6, phần 7<br>[2] chương 2<br>[3], [4], [5]. |
| 3 | **Chương 3. Trao đổi chất và năng lượng**<br>3.1. Các quá trình dị hóa<br>3.1.1. Khái niệm, đặc điểm<br>3.1.2. Phân giải gluxit<br>3.1.3. Phân giải lipit<br>3.1.4. Phân giải protein<br>3.2. Các quá trình đồng hóa<br>3.2.1. Quang hợp<br>3.2.2. Quang hô hấp<br>3.2.3. Sinh tổng hợp lipit<br>3.2.4. Sinh tổng hợp protein | LT: 3,5 tiết<br>TL/Semina: 3,0 tiết | [1] phần 2<br>[2] chương 3<br>[3], [4] |
| 4 | **Chương 4. Cơ sở của hiện tượng di truyền – biến dị**<br>4.1. DNA<br>4.1.1. Cấu trúc của DNA<br>4.1.2. Chức năng của DNA<br>4.1.3. Cơ chế tự nhân đôi của DNA<br>4.2. RNA<br>4.2.1. Cấu trúc và chức năng của các loại RNA trong tế bào<br>4.2.2. Quá trình phiên mã<br>4.3. Quá trình dịch mã<br>4.3.1. Mối quan hệ giữa DNA – RNA – Protein<br>4.3.2. Quá trình sinh tổng hợp protein<br>4.3.3. Sự điều hòa sinh tổng hợp protein | LT: 3,0 tiết<br>TL/Semina : 2,0 tiết | [1] phần 1, phần 3<br>[2] chương 4<br>[3] |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 5 | **Chương 5. Cơ sở tế bào của hiện tượng di truyền – biến dị**<br>5.1. Nhiễm sắc thể<br>5.1.1. Hình thái, số lượng và các loại nhiễm sắc thể<br>5.1.2. Cấu trúc của nhiễm sắc thể<br>5.2. Cơ chế ổn định bộ nhiễm sắc thể của loài<br>5.2.1. Chu kỳ tế bào<br>5.2.2. Sự phân chia tế bào | LT: 3,0 tiết<br>TL/Semina: 2,0 tiết | [1] phần 2, phần 3<br>[2] chương 5<br>[3] |
| 6 | **Chương 6. Tính qui luật của hiện tượng di truyền**<br>6.1. Các qui luật di truyền trong nhân<br>6.1.1. Các qui luật di truyền của Menden<br>6.1.2. Các qui luật di truyền không theo Menden<br>6.2. Di truyền ngoài nhân<br>6.2.1. Đặc điểm của sự di truyền ngoài nhân<br>6.2.2. Đặc điểm của gen ngoài nhiễm sắc thể | LT: 3,0 tiết<br>TL/Semina: 2,0 tiết | [1] phần 3<br>[2] chương 6 |
| 7 | **Chương 7. Các hiện tượng biến dị**<br>7.1. Khái niệm biến dị<br>7.2. Phân loại biến dị<br>7.2.1. Biến dị không di truyền (thường biến)<br>7.2.2. Biến dị di truyền | LT: 2,0 tiết<br>TL/Semina: 1,0 tiết | [2] chương 7 |
| 8 | **Chương 8. Sinh thái học**<br>**Nội dung:**<br>8.1. Các nhân tố sinh thái<br>8.1.1. Ánh sáng<br>8.1.2. Nhiệt độ<br>8.2. Quần thể sinh vật<br>8.2.1. Khái niệm và phân loại quần thể<br>8.2.2. Các đặc trưng cơ bản của quần thể<br>8.3. Quần xã sinh vật<br>8.3.1. Khái niệm<br>8.3.2. Các đặc trưng cơ bản của quần xã<br>8.4. Hệ sinh thái<br>8.4.1. Định nghĩa hệ sinh thái<br>8.4.2. Cấu trúc của hệ sinh thái<br>8.4.3. Diễn thế sinh thái | LT: 1,5 tiết<br>TL/Semina: 1,0 tiết | [1] phần 8<br>[2] chương 8 |
| 9 | **Kiểm tra** | 1,0 tiết | |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Tiết 1 - 10 | **Chương 1. Các đặc trưng cơ bản của sự sống**<br>1.1. Các mức độ tổ chức cơ thể của sự sống | H1<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP thuyết trình<br>- PP hỏi - đáp<br>- PP giải thích – minh họa | - Trả lời câu hỏi.<br>- Điểm danh |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 1.1.1. Các cơ thể sống chưa có cấu tạo tế bào<br>1.1.2. Các cơ thể sống đơn bào<br>1.1.3. Các cơ thể sống đa bào<br>1.2. Sự trao đổi chất và năng lượng ở có thể sinh vật<br>1.2.1. Vai trò của trao đổi chất và năng lượng đối với các hoạt động sống của cơ thể<br>1.2.2. Sự trao đổi chất qua màng tế bào<br>1.2.3. Sự trao đổi chất ở thực vật và động vật<br>1.2.4. Sự chuyển hóa năng lượng<br>1.3. Sự sinh trưởng và phát triển của cơ thể sinh vật<br>1.3.1. Sự sinh trưởng của sinh vật<br>1.3.2. Sự phát triển của sinh vật<br>1.4. Sự sinh sản của sinh vật<br>1.4.1. Sinh sản vô tính<br>1.4.2. Sinh sản hữu tính<br>1.5. Tính cảm ứng của sinh vật<br>1.5.1. Khái niệm<br>1.5.2. Tính cảm ứng ở thực vật<br>1.5.2. Tính cảm ứng ở động vật | | - PP thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Dự giảng trên giảng đường.<br>- Thảo luận nhóm/Semina: xu hướng tiến hóa và các đặc điểm tiến hóa trong tổ chức cơ thể của sinh vật<br>- Thực hành: cấu tạo, cách sử dụng và bảo quản kính hiển vi.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu học tập trước khi dự giảng<br>- Ghi chép<br>- Chuẩn bị câu hỏi<br>- Tham gia thảo luận nhóm/ semina; làm báo cáo TL/Semina<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường (cho các tiết lý thuyết và semina) | - Trả lời câu hỏi<br>- Báo cáo trả lời nội dung thảo luận nhóm. |
| Tiết 11 – 36 | **Chương 2. Sinh học tế bào và sinh học cơ thể**<br>2.1. Sinh học tế bào<br>2.1.1. Thành phần hóa học của tế bào<br>2.1.2. Cấu trúc tế bào<br>2.2. Sinh học cơ thể thực vật<br>2.2.1. Các loại mô của cơ thể thực vật<br>2.2.2. Cơ quan sinh dưỡng của cơ thể thực vật | H1<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP thuyết trình<br>- PP hỏi - đáp<br>- PP giải thích – minh họa<br>- PP trực quan<br>- PP thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Dự giảng trên giảng đường. | - Điểm danh<br>- Trả lời câu hỏi.<br>- Báo cáo trả lời nội dung thảo luận nhóm/semina |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 2.2.3. Cơ quan sinh sản của thực vật Hạt kín<br>2.2.4. Các quá trình dinh dưỡng thực vật<br>2.3. Sinh học cơ thể động vật<br>2.3.1. Các loại mô của cơ thể động vật<br>2.3.2. Các hệ cơ quan của cơ thể động vật | | - Thảo luận nhóm/Semina: những điểm giống và khác nhau trong cấu trúc giữa TB prokaryote với TB eukaryote; những đặc điểm tiến hóa của cơ quan sinh dưỡng, cơ quan sinh sản ở thực vật và của các hệ cơ quan trong cơ thể động vật<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu học tập trước khi dự giảng<br>- Ghi chép<br>- Chuẩn bị câu hỏi<br>- Tham gia thảo luận nhóm/semina, làm báo cáo thảo luận nhóm/semina.<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường (cho các tiết học lý thuyết, thảo luận/semina) | |
| Tiết 37 – 42 | **Chương 3. Trao đổi chất và năng lượng**<br>3.1. Các quá trình dị hóa<br>3.1.1. Khái niệm, đặc điểm<br>3.1.2. Phân giải gluxit<br>3.1.3. Phân giải lipit<br>3.1.4. Phân giải protein<br>3.2. Các quá trình đồng hóa<br>3.2.1. Quang hợp<br>3.2.2. Quang hô hấp<br>3.2.3. Sinh tổng hợp lipit<br>3.2.4. Sinh tổng hợp protein | H1<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP thuyết trình<br>- PP giải thích – minh họa<br>- PP thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Dự giảng trên giảng đường.<br>- Thảo luận nhóm/Semina: đặc điểm, vai trò của đồng hóa, dị hóa; so sánh các quá trình quanng hợp ở thực vật C3, thực vật C4 và thực vật CAM<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu học tập trước khi dự giảng<br>- Ghi chép<br>- Tham gia thảo luận nhóm/semina, làm báo cáo thảo luận nhóm/semina<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | - Điểm danh<br>- Báo cáo trả lời nội dung thảo luận nhóm/semina. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Tiết 43 - 47 | **Chương 4. Cơ sở của hiện tượng di truyền – biến dị**<br>4.1. DNA<br>4.1.1. Cấu trúc của DNA<br>4.1.2. Chức năng của DNA<br>4.1.3. Cơ chế tự nhân đôi của DNA<br>4.2. RNA<br>4.2.1. Cấu trúc và chức năng của các loại RNA trong tế bào<br>4.2.2. Quá trình phiên mã<br>4.3. Quá trình dịch mã<br>4.3.1. Mối quan hệ giữa DNA – RNA – Protein<br>4.3.2. Quá trình sinh tổng hợp protein<br>4.3.3. Sự điều hòa sinh tổng hợp protein | H1<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP thuyết trình<br>- PP hỏi - đáp<br>- PP giải thích – minh họa<br>- PP thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Dự giảng trên giảng đường.<br>- Thảo luận nhóm/Semina: những điểm giống và khác nhau trong cấu trúc giữa DNA với RNA ; đặc điểm và ý nghĩa của của các quá trình nhân đôi DNA, phiên mã, dịch mã<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu học tập trước khi dự giảng<br>- Ghi chép<br>- Chuẩn bị câu hỏi<br>- Tham gia thảo luận nhóm/semina, làm báo cáo thảo luận nhóm/semina<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | - Điểm danh<br>- Trả lời câu hỏi.<br>- Báo cáo trả lời nội dung thảo luận nhóm/Semina. |
| Tiết 48 – 55 | **Chương 5. Cơ sở tế bào của hiện tượng di truyền – biến dị**<br>**5.1. Nhiễm sắc thể**<br>5.1.1. Hình thái, số lượng và các loại nhiễm sắc thể<br>5.1.2. Cấu trúc của nhiễm sắc thể<br>5.2. Cơ chế ổn định bộ nhiễm sắc thể của loài<br>5.2.1. Chu kỳ tế bào<br>5.2.2. Sự phân chia tế bào | H1<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP thuyết trình<br>- PP hỏi - đáp<br>- PP giải thích – minh họa<br>- PP trực quan<br>- PP thảo luận nhóm nghiệm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Dự giảng trên giảng đường.<br>- Thảo luận nhóm/Semina: ý nghĩa của nguyên phân, giảm phân đối với sự tồn tại và phát triển của sinh vật<br>**Yêu cầu sinh viên:** | - Điểm danh<br>- Trả lời câu hỏi.<br>- Báo cáo trả lời nội dung thảo luận nhóm/semina |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | | - Đọc tài liệu học tập trước khi dự giảng<br>- Ghi chép<br>- Chuẩn bị câu hỏi<br>- Tham gia thảo luận nhóm/semina, làm báo cáo thảo luận nhóm/semina<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường (cho các tiết học lý thuyết và thảo luận, semina) | |
| Tiết 56 – 60,5 | **Chương 6. Tính qui luật của hiện tượng di truyền**<br>6.1. Các qui luật di truyền trong nhân<br>6.1.1. Các qui luật di truyền của Menden<br>6.1.2. Các qui luật di truyền không theo Menden<br>6.2. Di truyền ngoài nhân<br>6.2.1. Đặc điểm của sự di truyền ngoài nhân<br>6.2.2. Đặc điểm của gen ngoài nhiễm sắc thể | H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP thuyết trình<br>- PP hỏi - đáp<br>- PP giải thích – minh họa<br>- PP thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Dự giảng trên giảng đường.<br>- Thảo luận nhóm/semina: những điểm khác nhau giữa di truyền qua nhân và di truyền qua tế bào chất<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu học tập trước khi dự giảng<br>- Ghi chép<br>- Chuẩn bị câu hỏi<br>- Tham gia thảo luận nhóm/semina, làm báo cáo thảo luận nhóm/semina<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | - Điểm danh<br>- Trả lời câu hỏi.<br>- Báo cáo trả lời nội dung thảo luận nhóm/semina. |
| Tiết 61 – 64 | **Chương 7. Các hiện tượng biến dị**<br>7.1. Khái niệm biến dị<br>7.2. Phân loại biến dị<br>7.2.1. Biến dị không di truyền (thường biến)<br>7.2.2. Biến dị di truyền | H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP thuyết trình<br>- PP hỏi - đáp<br>- PP giải thích – minh họa<br>- PP thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Dự giảng trên giảng đường. | - Điểm danh<br>- Trả lời câu hỏi.<br>- Báo cáo trả lời nội dung thảo luận nhóm/semina. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | | - Thảo luận nhóm/semina: vai trò của biến dị trong tiến hóa và chọn giống<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép<br>- Chuẩn bị câu hỏi<br>- Tham gia thảo luận nhóm/semina, làm báo cáo thảo luận/semina<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | |
| Tiết 65 - 67 | **Chương 8. Sinh thái học**<br>**Nội dung:**<br>8.1. Các nhân tố sinh thái<br>8.1.1. Ánh sáng<br>8.1.2. Nhiệt độ<br>8.2. Quần thể sinh vật<br>8.2.1. Khái niệm và phân loại quần thể<br>8.2.2. Các đặc trưng cơ bản của quần thể<br>8.3. Quần xã sinh vật<br>8.3.1. Khái niệm<br>8.3.2. Các đặc trưng cơ bản của quần xã<br>8.4. Hệ sinh thái<br>8.4.1. Định nghĩa hệ sinh thái<br>8.4.2. Cấu trúc của hệ sinh thái<br>8.4.3. Diễn thế sinh thái | H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP thuyết trình<br>- PP hỏi - đáp<br>- PP giải thích – minh họa<br>- PP thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Dự giảng trên giảng đường.<br>- Thảo luận nhóm/semina: các đặc trung của quần thể, quần xã; đặc điểm, nguyên nhân của các loại diễn thế sinh thái.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu học tập trước khi dự giảng<br>- Ghi chép<br>-Chuản bị câu hỏi<br>- Tham gia thảo luận nhóm/semina, làm báo cáo thảo luận/semina<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | - Điểm danh<br>- Trả lời câu hỏi.<br>- Báo cáo trả lời nội dung thảo luận nhóm |
| Tiết 68 | **Kiểm tra** | H1, H2, H3 | **Địa điểm:**<br>giảng đường | Kết quả bài kiểm tra |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] N. A. Campbell, J. B. Reece, L. A. Urry, M. L. Cain, S. A. Wasserman, P. V. Minorsky, R. B. Jackson. Dịch giả: Nhiều dịch giả (2008). Sinh học, NXB. Pearson Benjamin Cummings - Hoa Kỳ

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2] Bộ môn Sinh học, đại học Tây Nguyên (2018). Bài giảng Sinh học đại cương, tài liệu lưu hành nội bộ.

[3]. Hoàng Đức Cự (1997), Sinh học đại cương, tập 1: Sinh học phân tử - tế bào, NXB ĐHQG Hà Nội.

[4] Hoàng Đức Cự (1997), Sinh học đại cương, tập 2: Sinh học cơ thể thực vât, NXB ĐHQG Hà Nội.

[5] Trịnh Hữu Hằng (1998), Sinh học cơ thể động vật, NXB ĐHQG Hà Nội.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)*

*** Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần**

+ Cấu tạo, cách sử dụng và bảo quản kính hiển vi

+ Kỹ thuật làm tiêu bản tạm thời

+ Quan sát hình dạng, cấu trúc của tế bào động vật, tế bào thực vật

+ Quan sát sự vận chuyển vật chất qua màng tế bào

+ Quan sát hình thái, cấu tạo giải phẫu đại diện của các lớp: Cá, Lưỡng cư, Chim và Thú.

+ Quan sát sự biến đổi hình thái của nhiễm sắc thể trong nguyên phân.

+ Quan sát sự biến đổi hình thái của nhiễm sắc thể trong giảm phân.

*** Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.**

+ Thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các nội qui, qui định tại phòng thí nghiệm.

+ Dự đủ tất cả các bài thực hành.

+ Sử dụng và bảo quản thành thạo kính hiển vi.

+ Thành thạo các kỹ năng làm tiêu bản tạm thời; làm được tiêu bản tạm thời để quan sát hình dạng tế bào, các bào quan, sự vận chuyển vật chất qua màng tế bào.

+ Quan sát được các mẫu vật trên tiêu bản trên kính hiển vi.

+ Giải phẫu và quan sát được các nội quan trong các mẫu vật đại diện cho các Lớp: Cá, Lưỡng cư, Chim và thú.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

*7.4. Phần khác (nếu có):*

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

(Trọng số điểm bộ phận <=30%; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3 | 25% |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài | | 0% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| | | thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | | |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H1<br>H2<br>H3 | 25% |
| 4 | Thí nghiệm, thực hành | Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên. | | |
| | | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra. | | |
| 5 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, | H1<br>H2<br>H3 | 50% |
| Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | | | | 100% |

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Thi tự luận | H1<br>H2<br>H3 | 100% |

*Ngày 02 tháng 8 năm 2020*

**Trưởng khoa (biên soạn)** **Trưởng Bộ môn (biên soạn)** **Người biên soạn**

Nguyễn Thị Thu

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: THỰC HÀNH SINH HỌC ĐẠI CƯƠNG**
**Mã học phần:** KC211023

## 1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 0; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01TC (30 tiết)
Loại môn học: bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học song hành: Sinh học đại cương
Học phần học trước: không có
Học phần tiên quyết: không có
Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1. | Nguyễn Thị Thu | 0905418109 | thu.daihoctaynguyen@gmail.com |
| 2. | Nguyễn Phương Đại Nguyên | 0914032103 | nguyendhtn@gmail.com |
| 3. | Bùi Thị Quỳnh Hoa | 0912858774 | quynhhoadhtn@gmail.com |
| 4. | Trương Bá Phong | 0995204082 | baphongdhtn@gmail.com |
| 5. | Nguyễn Thị Thủy | 0907754747 | pthuydhtn@gmail.com |
| 6. | Phạm Thị Phương | 0964535998 | phamthiphuongtnu@gmail.com |
| 7. | Trần Thị Thanh Thảo | 0972004424 | thanhthaotnu@gmail.com |
| 8. | Vũ Bích Thủy | 0985852041 | bichthuycnsh10@gmail.com |
| 9. | Trần Thị Kim Thi | 0377064299 | kimthi0612@gmail.com |
| 10. | Nguyễn Hữu Kiên | 0388345725 | huukienbmt@gmail.com |

## 2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho người học: các nguyên tắc và các kỹ năng làm việc trong phòng thí nghiệm Sinh học; nguyên tắc sử dụng và bảo quản các trang thiết bị trong phòng thí nghiệm; kỹ năng làm tiêu bản hiển vi tạm thời để quan sát hình thái, cấu trúc của một số loại tế bào và bào quan trong tế bào; quan sát sự vận chuyển vật chất qua màng tế bào. Rèn luyện cho người học các kỹ năng quan sát tiêu bản hiển vi và vẽ hình sinh học; kỹ năng giải phẫu cơ thể động vật để quan sát hình thái và phân tích cấu trúc, chức năng của các nội quan.

Các kỹ năng được rèn luyện trong học phần này là những kỹ năng cơ bản, cần thiết và quan trọng khi làm việc trong phòng thí nghiệm Sinh học; đồng thời còn có ý nghĩa củng cố, khắc sâu các kiến thức lý thuyết có liên quan trong học phần Sinh học đại cương; là cơ sở cho việc rèn luyện các kỹ năng thực hành của nhiều học phần khác có liên quan trong chương trình học.

## 3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1. Rèn luyện cho người học những nguyên tắc, kỹ năng làm việc trong phòng thí nghiệm Sinh học: nội qui làm việc trong phòng thí nghiệm, nguyên tắc giữ vệ sinh – an toàn trong phòng thí nghiệm; nguyên tắc về sử dụng, bảo quản các dụng cụ, trang thiết bị, hóa chất trong phòng thí nghiệm Sinh học.

MT2. Rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng và bảo quản kính hiển vi, kỹ năng quan sát các tiêu bản hiển vi và vẽ hình Sinh học.

MT3. Rèn luyện cho người học các kỹ năng làm tiêu bản hiển vi tạm thời để quan sát hình thái, cấu trúc của các loại tế bào và một số bào quan trong tế bào, quan sát sự vận chuyển vật chất qua màng tế bào và sự biến đổi hình thái của nhiễm sắc thể qua các kỳ của các quá trình phân bào.

MT4. Rèn luyện cho người học kỹ năng giải phẫu động vật và kỹ năng quan sát, phân tích hình thái, cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong cơ thể động vật; qua đó phân tích mối quan hệ giữa các cơ quan trong cơ thể và mối quan hệ giữa cấu trúc với chức năng của các cơ quan.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Tuân thủ nghiêm túc các nội qui làm việc trong phòng thí nghiệm Sinh học, các nguyên tắc về giữ vệ sinh – an toàn trong phòng thí nghiệm; các nguyên tắc sử dụng và bảo quản các trang thiết bị, dụng cụ, hóa chất trong phòng thí nghiệm.

H2. Sử dụng thành thạo kính hiển vi để quan sát các mẫu vật trên tiêu bản hiển vi tạm thời và tiêu bản hiển vi cố định; bảo quản kính hiển vi đúng kỹ thuật.

H3. Làm được các tiêu bản tạm thời để quan sát hình thái, cấu trúc của tế bào thực vật, tế bào động vật và một số bào quan trong tế bào; quan sát sự vận chuyển vật chất qua màng tế bào; quan sát được sự biến đổi hình thái của nhiễm sắc thể trong nguyên phân và giảm phân.

H4. Thực hiện giải phẫu đúng kỹ thuật các đại diện của các lớp: Cá, Lưỡng cư, Bò sát, chim và Thú. Quan sát được hình thái, cấu trúc nội quan của các đại diện thuộc các lớp: Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim và Thú. Phân tích được mối quan hệ giữa cấu trúc với chức năng của các cơ quan trong cơ thể động vật và mối quan hệ phụ thuộc, thống nhất giữa các cơ quan trong cơ thể.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H2 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H3 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H4 | x | | | | | | | | | | | | | | |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Bài 1. Nguyên tắc làm việc trong phòng thí nghiệm Sinh học**<br>1.1. Nội qui làm việc trong phòng thí nghiệm Sinh học<br>1.2. Nguyên tắc giữ vệ sinh – an toàn trong phòng thí nghiệm Sinh học<br>1.3. Nguyên tắc sử dụng, bảo quản các trang thiết bị, dụng cụ và hóa chất trong phòng thí nghiệm Sinh học | TH: 2,0 tiết | [1] bài 1 |
| 2 | **Bài 2. Cấu tạo, cách sử dụng và bảo quản kính hiển vi quang học**<br>2.1. Cấu tạo của kính hiển vi quang học<br>2.2. Cách sử dụng kính hiển vi quang học<br>2.3. Cách bảo quản kính hiển vi quang học | TH: 3,0 tiết | [1] Bài 2,<br>[2] chương 1 |
| 3 | **Bài 3. Kỹ thuật làm tiêu bản hiển vi tạm thời**<br>**Quan sát hình thái – cấu trúc tế bào thực vật và một số bào quan trong tế bào**<br>3.1. Kỹ thuật làm tiêu bản hiển vi tạm thời và cách vẽ hình quan sát được từ tiêu bản hiển vi<br>3.2. Làm tiêu bản hiển vi tạm thời để quan sát tế bào biểu bì vảy hành và tế bào khí khổng<br>3.2. Làm tiêu bản hiển vi tạm thời để quan sát bột lạp và sắc lạp | TH: 5,0 tiết | [1] Bài 3<br>[2] chương 4 |
| 4 | **Bài 4. Quan sát hình thái, cấu trúc của tế bào động vật và sự vận chuyển vật chất qua màng tế bào** | TH: 5,0 tiết | [1] Bài 4<br>[2] chương 4 |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 4.1. Quan sát hình thái, cấu trúc của tế bào niêm mạc miệng và tế bào thần kinh tủy sống chó trên tiêu bản hiển vi cố định<br>4.2. Làm tiêu bản hiển vi tạm thời để quan sát hiện tượng co nguyên sinh và hiện tượng phản co nguyên sinh ở tế bào thực vật | | |
| 5 | **Bài 5. Quan sát sự biến đổi hình thái của nhiễm sắc thể trong nguyên phân và giảm phân**<br>5.1. Quan sát sự biến đổi hình thái của nhiễm sắc thể qua các kỳ của nguyên phân trên tiêu bản hiển vi cố định<br>5.1. Quan sát sự biến đổi hình thái của nhiễm sắc thể qua các kỳ của giảm phân trên tiêu bản hiển vi cố định | TH: 5,0 tiết | [1] Bài 5<br>[2] chương 5 |
| 6 | **Bài 6. Quan sát hình thái ngoài – Giải phẫu và quan sát hình thái, cấu trúc các nội quan của lớp Cá**<br>6.1. Quan sát hình thái ngoài của cá Lóc đồng<br>6.2. Kỹ thuật giải phẫu cá Lóc đồng<br>6.3. Quan sát hình thái, cấu trúc của cơ quan hô hấp, cơ quan tiêu hóa, cơ quan bài tiết và cơ quan sinh sản của cá Lóc đồng<br>6.4. Phân tích mối quan hệ giữa cấu trúc với chức năng của các cơ quan và mối quan hệ giữa các các cơ quan trong cơ thể của Cá | TH: 2,0 tiết | [1] Bài 6<br>[3] Bài 5 |
| 7 | **Bài 7. Quan sát hình thái ngoài – Giải phẫu và quan sát hình thái, cấu trúc các nội quan của lớp Lưỡng cư**<br>7.1. Quan sát hình thái ngoài của Ếch đồng<br>7.2. Kỹ thuật giải phẫu Ếch đồng<br>7.3. Quan sát hình thái, cấu trúc của cơ quan hô hấp, cơ quan tiêu hóa, cơ quan bài tiết và cơ quan sinh sản của Ếch đồng<br>7.4. Phân tích mối quan hệ giữa cấu trúc với chức năng của các cơ quan và mối quan hệ giữa các các cơ quan trong cơ thể của Lưỡng cư | TH: 2,0 tiết | [1] Bài 7<br>[3] Bài 8 |
| 8 | **Bài 8. Quan sát hình thái ngoài – Giải phẫu và quan sát hình thái, cấu trúc các nội quan của lớp Bò sát**<br>8.1. Quan sát hình thái ngoài của Thạch sùng/ Kỳ nhông<br>8.2. Kỹ thuật giải phẫu Bò sát<br>8.3. Quan sát hình thái, cấu trúc của cơ quan hô hấp, cơ quan tiêu hóa, cơ quan bài tiết và cơ quan sinh sản của Bò sát<br>8.4. Phân tích mối quan hệ giữa cấu trúc với chức năng của các cơ quan và mối quan hệ giữa các các cơ quan trong cơ thể của Bò sát | TH: 2,0 tiết | [1] Bài 8<br>[3] Bài 11 |
| 9 | **Bài 9. Quan sát hình thái ngoài – Giải phẫu và quan sát hình thái, cấu trúc các nội quan của lớp Chim**<br>9.1. Quan sát hình thái ngoài của Gà nhà<br>9.2. Kỹ thuật giải phẫu Chim<br>9.3. Quan sát hình thái, cấu trúc của cơ quan hô hấp, cơ quan tiêu hóa, cơ quan bài tiết và cơ quan sinh sản của Chim | TH: 2,0 tiết | [1] Bài 9<br>[3] Bài 15 |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 9.4. Phân tích mối quan hệ giữa cấu trúc với chức năng của các cơ quan và mối quan hệ giữa các các cơ quan trong cơ thể của Chim | | |
| 10 | **Bài 10. Quan sát hình thái ngoài – Giải phẫu và quan sát hình thái, cấu trúc các nội quan của lớp Thú**<br>10.1. Quan sát hình thái ngoài của Chó nhà/ Thỏ<br>10.2. Kỹ thuật giải phẫu Chó nhà/ Thỏ<br>10.3. Quan sát hình thái, cấu trúc của cơ quan hô hấp, cơ quan tiêu hóa, cơ quan bài tiết và cơ quan sinh sản của Chó nhà/ Thỏ<br>10.4. Phân tích mối quan hệ giữa cấu trúc với chức năng của các cơ quan và mối quan hệ giữa các các cơ quan trong cơ thể của Chó nhà/ Thỏ | TH: 2,0 tiết | [1] Bài 10<br>[3] Bài 18 |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Tiết 1 - 2 | **Bài 1. Nguyên tắc làm việc trong phòng thí nghiệm Sinh học**<br>1.1. Nội qui làm việc trong phòng thí nghiệm Sinh học<br>1.2. Nguyên tắc giữ vệ sinh – an toàn trong phòng thí nghiệm Sinh học<br>1.3. Nguyên tắc sử dụng, bảo quản các trang thiết bị, dụng cụ và hóa chất trong phòng thí nghiệm Sinh học | H1 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP thuyết trình<br>- PP giải thích – minh họa<br>- PP thực hành<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Dự giảng và thực hành trên phòng thí nghiệm<br>- Thảo luận nhóm/Semina: các nguyên tắc giữ vệ sinh – an toàn trong phòng thí nghiệm<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu học tập trước khi dự giảng<br>- Ghi chép<br>- Tham gia thảo luận nhóm/ semina<br>- Dự đủ số tiết học thực hành<br>**Địa điểm học:**<br>- Phòng thí nghiệm | - Điểm danh<br>- Trả lời câu hỏi<br>- Ý thức tham gia thảo luận nhóm. |
| Tiết 3 – 5 | **Bài 2. Cấu tạo, cách sử dụng và bảo quản kính hiển vi quang học**<br>2.1. Cấu tạo của kính hiển vi quang học<br>2.2. Cách sử dụng kính hiển vi quang học | H1<br>H2 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP sinh viên tự học với tài liệu học tập<br>- PP trực quan<br>- PP giải thích – minh họa<br>- PP thực hành thí nghiệm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Tự học trước ở nhà<br>- Dự giảng trên phòng thí nghiệm | - Điểm danh<br>- Kết quả bài thực hành. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 2.3. Cách bảo quản kính hiển vi quang học | | - Thực hành: nhận biết các bộ phận cấu trúc của kính hiển vi quang học; rèn luyện cách sử dụng và bảo quản kính hiển vi quang học.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu học tập trước khi dự giảng và thực hành trên phòng thí nghiệm<br>- Sử dụng được kính hiển vi quang học<br>- Dự đủ số tiết học thực hành<br>**Địa điểm học:**<br>- Phòng thí nghiệm | |
| Tiết 6 – 10 | **Bài 3. Kỹ thuật làm tiêu bản hiển vi tạm thời**<br>**Quan sát hình thái – cấu trúc tế bào thực vật và một số bào quan trong tế bào**<br>3.1. Kỹ thuật làm tiêu bản hiển vi tạm thời và cách vẽ hình quan sát được từ tiêu bản hiển vi<br>3.2. Làm tiêu bản hiển vi tạm thời để quan sát tế bào biểu bì vảy hành và tế bào khí khổng<br>3.2. Làm tiêu bản hiển vi tạm thời để quan sát bột lạp và sắc lạp | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP sinh viên tự học với tài liệu học tập<br>- PP trực quan<br>- PP thực hành thí nghiệm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Tự học trước ở nhà<br>- Dự giảng trên phòng thí nghiệm<br>- Thực hành: Rèn luyện kỹ năng làm tiêu bản tạm thời và vẽ hình tiêu bản hiển vi.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu học tập trước khi dự giảng và thực hành trên phòng thí nghiệm<br>- Làm được các tiêu bản hiển vi tạm thời để quan sát: tế bào biểu bì vảy hành, tế bào khí khổng, bột lạp và sắc lạp.<br>- Vẽ hình các tế bào và các bào quan quan sát được.<br>- Dự đủ số tiết học thực hành<br>**Địa điểm học:**<br>- Phòng thí nghiệm | - Điểm danh<br>- Kết quả bài thực hành. |
| Tiết 11 - 15 | **Bài 4. Quan sát hình thái, cấu trúc của tế bào động vật và sự vận chuyển vật chất qua màng tế bào**<br>4.1. Quan sát hình thái, cấu trúc của tế bào niêm mạc | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP sinh viên tự học với tài liệu học tập<br>- PP trực quan<br>- PP thực hành thí nghiệm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Tự học trước ở nhà<br>- Dự giảng trên phòng thí nghiệm | - Điểm danh<br>- Kết quả bài thực hành. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | miệng và tế bào thần kinh tủy sống chó trên tiêu bản hiển vi cố định<br>4.2. Làm tiêu bản hiển vi tạm thời để quan sát hiện tượng co nguyên sinh và hiện tượng phản co nguyên sinh ở tế bào thực vật | | - Thực hành: quan sát hình thái, cấu trúc tế bào niêm mạc miệng và tế bào thần kinh tủy sống chó trên tiêu bản hiển vi cố định có sẵn. Làm tiêu bản hiển vi tạm thời để quan sát hiện tượng co nguyên sinh và hiện tượng phản co nguyên sinh của tế bào biểu bì vảy hành.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu học tập trước khi dự giảng và thực hành trên phòng thí nghiệm.<br>- Quan sát và vẽ được hình thái, cấu trúc của tế bào niêm mạc miệng và tế bào thần kinh tủy sống chó.<br>- Làm được tiêu bản để quan sát và vẽ tế bào biểu bì vảy hành trải qua quá trình co nguyên sinh và phản co nguyên sinh.<br>- Dự đủ số tiết học thực hành<br>**Địa điểm học:**<br>- Phòng thí nghiệm | |
| Tiết 16 – 20 | **Bài 5. Quan sát sự biến đổi hình thái của nhiễm sắc thể trong nguyên phân và giảm phân**<br>5.1. Quan sát sự biến đổi hình thái của nhiễm sắc thể qua các kỳ của nguyên phân trên tiêu bản hiển vi cố định<br>5.1. Quan sát sự biến đổi hình thái của nhiễm sắc thể qua các kỳ của giảm phân trên tiêu bản hiển vi cố định | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP sinh viên tự học với tài liệu học tập<br>- PP trực quan<br>- PP thực hành thí nghiệm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Tự học trước ở nhà<br>- Dự giảng trên phòng thí nghiệm<br>- Thực hành: quan sát và vẽ minh họa sự biến đổi hình thái của nhiễm sắc thể qua các kỳ của nguyên phân và giảm phân trên tiêu bản hiển vi cố định có sẵn.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu học tập trước khi dự giảng và thực hành trên phòng thí nghiệm.<br>- Quan sát được và vẽ minh họa được các biến đổi hình thái của nhiễm sắc thể trong các kỳ của nguyên phân, giảm phân.<br>- Dự đủ số tiết học thực hành<br>**Địa điểm học:** | - Điểm danh<br>- Kết quả bài thực hành. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | | - Phòng thí nghiệm | |
| Tiết 21 – 22 | **Bài 6. Quan sát hình thái ngoài – Giải phẫu và quan sát hình thái, cấu trúc các nội quan của lớp Cá**<br>6.1. Quan sát hình thái ngoài của cá Lóc đồng<br>6.2. Kỹ thuật giải phẫu cá Lóc đồng<br>6.3. Quan sát hình thái, cấu trúc của cơ quan hô hấp, cơ quan tiêu hóa, cơ quan bài tiết và cơ quan sinh sản của cá Lóc đồng<br>6.4. Phân tích mối quan hệ giữa cấu trúc với chức năng của các cơ quan và mối quan hệ giữa các các cơ quan trong cơ thể của Cá | H1<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP sinh viên tự học với tài liệu học tập<br>- PP trực quan<br>- PP giải thích – minh họa<br>- PP thực hành thí nghiệm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Tự học trước ở nhà<br>- Dự giảng trên phòng thí nghiệm<br>- Thực hành: quan sát hình thái ngoài của cá Lóc. Giải phẫu và quan sát các nội quan của cá Lóc. Phân tích mối quan hệ giữa các cơ quan trong cơ thể và mối quan hệ giữa cấu trúc với chức năng của các cơ quan.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu học tập trước khi dự giảng và thực hành trên phòng thí nghiệm.<br>- Quan sát được hình thái ngoài của cá Lóc. - Giải phẫu và quan sát được hình thái, cấu trúc các nội quan của cá Lóc.<br>- Phân tích được mối quan hệ giữa các cơ quan trong cơ thể và mối quan hệ giữa cấu trúc với chức năng của các cơ quan.<br>- Dự đủ số tiết học thực hành<br>**Địa điểm học:**<br>- Phòng thí nghiệm | - Điểm danh<br>- Kết quả bài thực hành. |
| Tiết 23 – 24 | **Bài 7. Quan sát hình thái ngoài – Giải phẫu và quan sát hình thái, cấu trúc các nội quan của lớp Lưỡng cư**<br>7.1. Quan sát hình thái ngoài của Ếch đồng<br>7.2. Kỹ thuật giải phẫu Ếch đồng<br>7.3. Quan sát hình thái, cấu trúc của cơ quan hô hấp, | H1<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP sinh viên tự học với tài liệu học tập<br>- PP trực quan<br>- PP giải thích – minh họa<br>- PP thực hành thí nghiệm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Tự học trước ở nhà<br>- Dự giảng trên phòng thí nghiệm<br>- Thực hành: quan sát hình thái ngoài của Ếch đồng. Giải phẫu và quan sát các nội quan của Ếch đồng. Phân tích mối quan hệ giữa | - Điểm danh<br>- Kết quả bài thực hành. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | cơ quan tiêu hóa, cơ quan bài tiết và cơ quan sinh sản của Ếch đồng<br>7.4. Phân tích mối quan hệ giữa cấu trúc với chức năng của các cơ quan và mối quan hệ giữa các các cơ quan trong cơ thể của Lưỡng cư | | các cơ quan trong cơ thể và mối quan hệ giữa cấu trúc với chức năng của các cơ quan.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu học tập trước khi dự giảng và thực hành trên phòng thí nghiệm.<br>- Quan sát được hình thái ngoài của Ếch đồng.<br>- Giải phẫu và quan sát được hình thái, cấu trúc các nội quan của Ếch đồng.<br>- Phân tích được mối quan hệ giữa các cơ quan trong cơ thể và mối quan hệ giữa cấu trúc với chức năng của các cơ quan.<br>- Dự đủ số tiết học thực hành<br>**Địa điểm học:**<br>- Phòng thí nghiệm | |
| Tiết 25 - 26 | **Bài 8. Quan sát hình thái ngoài – Giải phẫu và quan sát hình thái, cấu trúc các nội quan của lớp Bò sát**<br>8.1. Quan sát hình thái ngoài của Thạch sùng/ Kỳ nhông<br>8.2. Kỹ thuật giải phẫu Bò sát<br>8.3. Quan sát hình thái, cấu trúc của cơ quan hô hấp, cơ quan tiêu hóa, cơ quan bài tiết và cơ quan sinh sản của Bò sát<br>8.4. Phân tích mối quan hệ giữa cấu trúc với chức năng của các cơ quan và mối quan hệ giữa các các cơ quan | H1<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP sinh viên tự học với tài liệu học tập<br>- PP trực quan<br>- PP giải thích – minh họa<br>- PP thực hành thí nghiệm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Tự học trước ở nhà<br>- Dự giảng trên phòng thí nghiệm<br>- Thực hành: quan sát hình thái ngoài của Bò sát. Giải phẫu và quan sát các nội quan của Bò sát. Phân tích mối quan hệ giữa các cơ quan trong cơ thể và mối quan hệ giữa cấu trúc với chức năng của các cơ quan.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu học tập trước khi dự giảng và thực hành trên phòng thí nghiệm.<br>- Quan sát được hình thái ngoài của Bò sát.<br>- Giải phẫu và quan sát được hình thái, cấu trúc các nội quan của Bò sát. | - Điểm danh<br>- Kết quả bài thực hành. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | trong cơ thể của Bò sát | | - Phân tích được mối quan hệ giữa các cơ quan trong cơ thể và mối quan hệ giữa cấu trúc với chức năng của các cơ quan.<br>- Dự đủ số tiết học thực hành<br>**Địa điểm học:**<br>- Phòng thí nghiệm | |
| Tiết 27 - 28 | **Bài 9. Quan sát hình thái ngoài – Giải phẫu và quan sát hình thái, cấu trúc các nội quan của lớp Chim**<br>9.1. Quan sát hình thái ngoài của Gà nhà<br>9.2. Kỹ thuật giải phẫu Chim<br>9.3. Quan sát hình thái, cấu trúc của cơ quan hô hấp, cơ quan tiêu hóa, cơ quan bài tiết và cơ quan sinh sản của Chim<br>9.4. Phân tích mối quan hệ giữa cấu trúc với chức năng của các cơ quan và mối quan hệ giữa các các cơ quan trong cơ thể của Chim | H1<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP sinh viên tự học với tài liệu học tập<br>- PP trực quan<br>- PP giải thích – minh họa<br>- PP thực hành thí nghiệm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Tự học trước ở nhà<br>- Dự giảng trên phòng thí nghiệm<br>- Thực hành: quan sát hình thái ngoài của Gà nhà. Giải phẫu và quan sát các nội quan của Gà nhà. Phân tích mối quan hệ giữa các cơ quan trong cơ thể và mối quan hệ giữa cấu trúc với chức năng của các cơ quan.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu học tập trước khi dự giảng và thực hành trên phòng thí nghiệm.<br>- Quan sát được hình thái ngoài của Gà nhà. - Giải phẫu và quan sát được hình thái, cấu trúc - Kết quả bài thực hành.<br>các nội quan của Gà nhà.<br>- Phân tích được mối quan hệ giữa các cơ quan trong cơ thể và mối quan hệ giữa cấu trúc với chức năng của các cơ quan.<br>- Dự đủ số tiết học thực hành<br>**Địa điểm học:**<br>- Phòng thí nghiệm | - Điểm danh<br>- Kết quả bài thực hành. |
| Tiết 29 - 30 | **Bài 10. Quan sát hình thái ngoài – Giải phẫu và quan sát hình thái, cấu trúc các nội quan của lớp Thú** | H1<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP sinh viên tự học với tài liệu học tập<br>- PP trực quan<br>- PP giải thích – minh họa<br>- PP thực hành thí nghiệm | - Điểm danh<br>- Kết quả bài thực hành. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 10.1. Quan sát hình thái ngoài của Chó nhà/ Thỏ<br>10.2. Kỹ thuật giải phẫu Chó nhà/ Thỏ<br>10.3. Quan sát hình thái, cấu trúc của cơ quan hô hấp, cơ quan tiêu hóa, cơ quan bài tiết và cơ quan sinh sản của Chó nhà/ Thỏ<br>10.4. Phân tích mối quan hệ giữa cấu trúc với chức năng của các cơ quan và mối quan hệ giữa các các cơ quan trong cơ thể của Chó nhà/ Thỏ | | **Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Tự học trước ở nhà<br>- Dự giảng trên phòng thí nghiệm<br>- Thực hành: quan sát hình thái ngoài của Chó nhà/ Thỏ. Giải phẫu và quan sát các nội quan của Chó nhà/ Thỏ. Phân tích mối quan hệ giữa các cơ quan trong cơ thể và mối quan hệ giữa cấu trúc với chức năng của các cơ quan.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu học tập trước khi dự giảng và thực hành trên phòng thí nghiệm.<br>- Quan sát được hình thái ngoài của Chó nhà/ Thỏ.<br>- Giải phẫu và quan sát được hình thái, cấu trúc các nội quan của Chó nhà/ Thỏ.<br>- Phân tích được mối quan hệ giữa các cơ quan trong cơ thể và mối quan hệ giữa cấu trúc với chức năng của các cơ quan.<br>- Dự đủ số tiết học thực hành<br>**Địa điểm học:**<br>- Phòng thí nghiệm | |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Bộ môn Sinh học, đại học Tây Nguyên (2020). Bài giảng Thực hành Sinh học đại cương, tài liệu lưu hành nội bộ.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2] Trần Công Khánh (1980). Thực tập Hình thái giải phẫu học thực vật, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp.

[3]. Trần Hồng Việt, Nguyễn Hữu Dực, Lê Nguyên Ngật (2004). Thực hành động vật có xương sống, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị bài trước khi tới lớp
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)*

*** Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần**

+ Nguyên tắc làm việc trong phòng thí nghiệm Sinh học

+ Cấu tạo, cách sử dụng và bảo quản kính hiển vi

+ Kỹ thuật làm tiêu bản tạm thời
+ Quan sát hình dạng, cấu trúc của tế bào động vật, tế bào thực vật
+ Quan sát sự vận chuyển vật chất qua màng tế bào
+ Quan sát hình thái, cấu tạo giải phẫu đại diện của các lớp: Cá, Lưỡng cư, Chim và Thú.
+ Quan sát sự biến đổi hình thái của nhiễm sắc thể trong nguyên phân.
+ Quan sát sự biến đổi hình thái của nhiễm sắc thể trong giảm phân.

*** Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.**

+ Thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các nội qui, qui định tại phòng thí nghiệm.
+ Dự đủ tất cả các bài thực hành.
+ Sử dụng và bảo quản thành thạo kính hiển vi.
+ Thành thạo các kỹ năng làm tiêu bản tạm thời; làm được tiêu bản tạm thời để quan sát hình dạng tế bào, các bào quan, sự vận chuyển vật chất qua màng tế bào.
+ Quan sát được các mẫu vật trên tiêu bản trên kính hiển vi.
+ Giải phẫu và quan sát được các nội quan trong các mẫu vật đại diện cho các Lớp: Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim và thú.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

*7.4. Phần khác (nếu có):*

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | | |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | | |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | | |
| 4 | Thí nghiệm, thực hành | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 100% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 5 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, | | |
| | | | | | 100% |

*Ngày 05 tháng 8 năm 2020*

**Trưởng khoa (biên soạn)** | **Trưởng Bộ môn (biên soạn)** | **Người biên soạn**

Nguyễn Thị Thu

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: TOÁN CAO CẤP CHO NÔNG LÂM**
**Mã học phần: KC211090**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thực hành: 0
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học song hành: Không
Học phần học trước: Không
Học phần tiên quyết: Không
Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1. | TS. Ngô Đình Quốc | 0914009248 | quocdhtn@gmail.com |
| 2. | ThS. Nguyễn Ngọc Huề | 0914021612 | nguyenngochue2009@gmail.com |
| 3. | ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích | 0983048837 | ngocbich.dhtn@gmail.com |
| 4. | ThS. Đinh Thị Xinh | 0979085045 | dinhthixinh@ttn.edu.vn |
| 5. | CN. Nguyễn Thị Phương Đông | 0985271545 | phuongdong_bmt88@yahoo.com |
| 6. | ThS. Hruđa Niê | 01678942806 | rudadhtn89@gmail.com |

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Toán cao cấp cho nông lâm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về phép tính vi tích phân của hàm một biến số, ma trận, định thức và hệ phương trình tuyến tính, hàm số nhiều biến số, lý thuyết chuỗi và phương trình vi phân,... Học phần này được thực hiện cho sinh viên năm nhất. Thông qua việc học Toán cao cấp cho nông lâm sinh viên có thể soi sáng và cũng cố được kiến thức cơ bản đã học ở trung học phổ thông như: giới hạn, liên tục, phép tính vi tích phân của hàm số một biến số; rèn luyện cho sinh viên năng lực tính toán và biết vận dụng các kiến thức đã học một cách linh hoạt khi tính toán và xử lí số liệu trong công việc. Hơn nữa, nắm vững học phần này sinh viên có khả năng mô hình hóa toán học các bài toán thực tế đơn giản, có thể áp dụng các kiến thức này để giải quyết một số bài toán thực tiễn và học tiếp các học phần chuyên ngành có liên quan.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phép tính vi tích phân của hàm một biến số và hàm số nhiều biến số để sinh viên có thể hiểu một số ứng dụng của chúng trong thực tiễn;

MT2. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ma trận, định thức và hệ phương trình tuyến tính để sinh viên có thể tính toán thành thục và biết vận dụng các kiến thức đã học một cách linh hoạt khi tính toán và xử lí số liệu;

MT3. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương trình vi phân để sinh viên có thể hiểu một số ứng dụng trong thực tiễn và có thể mô hình hóa toán học một số bài toán thực tế đơn giản.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Hiểu được các khái niệm, tính chất về phép tính vi tích phân của hàm một biến số, hàm nhiều biến, ma trận, định thức và hệ phương trình tuyến tính, phương trình vi phân cấp 1, cấp 2;

H2. Vận dụng được các kiến thức về phép tính vi tích phân của hàm một biến số, hàm nhiều biến vào học tập các học phần khác có liên quan;

H3. Vận dụng được các tính chất của ma trận, định thức và hệ phương trình tuyến tính, phương trình vi phân vào học tập các học phần khác có liên quan;

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H2 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H3 | x | | | | | | | | | | | | | | |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. Hàm số một biến**<br>1.1. Giới hạn hàm số, tính liên tục của hàm số một biến<br>1.1.1 Định nghĩa và tính chất<br>1.1.2. Các định lý về giới hạn<br>1.1.3. Quy tắc tính giới hạn<br>1.1.4. Vô cùng bé, vô cùng lớn và ứng dụng<br><br>1.1.5. Hàm số liên tục.<br>1.2.Tính khả vi của hàm một biến số<br>1.2.1. Đạo hàm và vi phân cấp một<br>1.2.2. Đạo hàm và vi phân cấp cao<br>1.3. Tích phân bất định<br>1.3.1. Nguyên hàm và tích phân bất định<br>1.3.2. Các phương pháp tính tích phân bất định<br>1.3.3.Tích phân của một số lớp hàm<br>1.4. Tích phân xác định<br>1.4.1. Định nghĩa và tính chất<br>1.4.2. Các phương pháp tính tích phân xác định<br>1.4.3. Ứng dụng của tích phân xác định | LT: 3<br>BT: 1<br><br><br><br><br><br><br>LT: 2<br>BT: 1<br>TL:1 | [1][2],[3], [5], [7] |
| 2 | **Chương 2. Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính**<br>2.1. Ma trận và các tính chất cơ bản<br>2.1.1. Khái niệm và các phép toán trên ma trận<br>2.1.2. Các phép biến đổi sơ cấp trên ma trận<br>2.2. Định thức<br>2.3. Ma trận nghịch đảo, hạng của ma trận<br><br>2.4. Hệ phương trình tuyến tính<br>2.4.1. Khái niệm hệ phương trình tuyến tính<br>2.4.2. Các phương pháp giải hệ phương trình tuyến tính | <br><br>LT: 2<br>BT: 2<br><br><br><br>LT: 2<br>BT: 2 | [1],[2],[5],[6] |
| 3 | **Chương 3: Hàm số nhiều biến**<br>4.1. Giới hạn và tính liên tục<br>4.1.1. Khái niệm hàm nhiều biến, hàm điểm<br>4.1.2. Giới hạn và tính liên tục của hàm nhiều biến<br>4.2. Hàm nhiều biến khả vi<br>4.2.1. Đạo hàm riêng và vi phân toàn phần | <br>LT: 3<br>BT: 1 | [1], [2], [8] |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 4.2.2. Đạo hàm của hàm số hợp<br>4.2.3. Đạo hàm riêng và vi phân cấp cao<br>4.3. Cực trị của hàm nhiều biến<br>niệm cực trị<br>ng pháp tìm cực trị<br><br>4.4. Tích phân bội<br>4.4.1. Định nghĩa và tính chất<br>4.4.2. Một số phương pháp tính tích phân hai lớp | LT: 2<br>BT: 1<br><br><br>LT:2 | |
| 4 | **Chương 4: Phương trình vi phân**<br>5.1. Phương trình vi phân cấp 1<br>5.1.1. Khái niệm phương trình vi phân cấp 1<br>5.1.2. Một số loại phương trình vi phân cấp một và cách giải<br><br>5.2. Phương trình vi phân cấp hai<br>5.3.1. Khái niệm phương trình vi phân cấp 2<br>5.3.2. Phương trình vi phân cấp 2 tuyến tính có hệ số hằng số. | LT: 2<br>BT: 1<br><br><br>LT: 1<br>BT: 1 | [1], [4] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 1-4<br><br><br><br><br><br>1-4 | **Chương 1. Hàm số một biến**<br>1.1. Giới hạn hàm số, tính liên tục của hàm số một biến<br>1.1.1 Định nghĩa và tính chất<br>1.1.2. Các định lý về giới hạn<br>1.1.3. Quy tắc tính giới hạn<br>1.1.4. Vô cùng bé, vô cùng lớn và ứng dụng<br><br>1.1.5. Hàm số liên tục.<br>1.2.Tính khả vi của hàm một biến số<br>1.2.1. Đạo hàm và vi phân cấp một<br>1.2.2. Đạo hàm và vi phân cấp cao<br>1.3. Tích phân bất định<br>1.3.1. Nguyên hàm và tích phân bất định<br>1.3.2. Các phương pháp tính tích phân bất định<br>1.3.3.Tích phân của một số lớp hàm | H1<br>H2 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập,…<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- lên bảng giải bài tập<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Lên bảng giải bài tập<br>- Trả lời câu hỏi giảng viên<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường. | - Bằng bài viết nộp tại lớp<br>+ trả lời câu hỏi trực tiếp của giảng viên. |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 1.4. Tích phân xác định<br>1.4.1. Định nghĩa và tính chất<br>1.4.2. Các phương pháp tính tích phân xác định<br>1.4.3. Ứng dụng của tích phân xác định | | | |
| 1-4<br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br>1-4 | **Chương 2. Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính**<br>2.1. Ma trận và các tính chất cơ bản<br>2.1.1. Khái niệm và các phép toán trên ma trận<br>2.1.2. Các phép biến đổi sơ cấp trên ma trận<br>2.2. Định thức<br>2.3. Ma trận nghịch đảo, hạng của ma trận<br><br>2.4. Hệ phương trình tuyến tính<br>2.4.1. Khái niệm hệ phương trình tuyến tính<br>2.4.2. Các phương pháp giải hệ phương trình tuyến tính | H1<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập,…<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- lên bảng giải bài tập<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Lên bảng giải bài tập<br>- Trả lời câu hỏi giảng viên<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường. | - Bằng bài viết nộp tại lớp<br>+ trả lời câu hỏi trực tiếp của giảng viên. |
| 1-4<br><br><br><br><br><br><br><br><br>1-3<br><br><br><br><br><br><br><br><br>1-2 | **Chương 3: Hàm số nhiều biến**<br>4.1. Giới hạn và tính liên tục<br>4.1.1. Khái niệm hàm nhiều biến, hàm điểm<br>4.1.2. Giới hạn và tính liên tục của hàm nhiều biến<br>4.2. Hàm nhiều biến khả vi<br>4.2.1. Đạo hàm riêng và vi phân toàn phần<br><br>4.2.2. Đạo hàm của hàm số hợp<br>4.2.3. Đạo hàm riêng và vi phân cấp cao<br>4.3. Cực trị của hàm nhiều biến<br>niệm cực trị<br>ng pháp tìm cực trị<br><br>4.4. Tích phân bội<br>4.4.1. Định nghĩa và tính chất | H1<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập,…<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- lên bảng giải bài tập<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Lên bảng giải bài tập<br>- Trả lời câu hỏi giảng viên<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường. | - Bằng bài viết nộp tại lớp<br>+ trả lời câu hỏi trực tiếp của giảng viên. |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 4.4.2. Một số phương pháp tính tích phân hai lớp | | | |
| 1-3<br><br><br><br><br>1-2 | **Chương 4: Phương trình vi phân**<br>5.1. Phương trình vi phân cấp 1<br>5.1.1. Khái niệm phương trình vi phân cấp 1<br>5.1.2. Một số loại phương trình vi phân cấp một và cách giải<br><br>5.2. Phương trình vi phân cấp hai<br>5.3.2. Phương trình vi phân cấp 2 tuyến tính có hệ số hằng số. | | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập,…<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- lên bảng giải bài tập<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Lên bảng giải bài tập<br>- Trả lời câu hỏi giảng viên<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường. | - Bằng bài viết nộp tại lớp<br>+ trả lời câu hỏi trực tiếp của giảng viên. |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Ngô Đình Quốc, Đinh Thị Xinh, Nguyễn Ngọc Huề (2014). *Giáo trình toán B.* Giáo trình nội bộ trường Đại học Tây Nguyên.

*6.2. Tài liệu tham khảo*

[2]. P.E Đankô, A.G. Popôp, T.La.Côgiepnhicôva (1996). *Bài tập toán học cao cấp* phần 1, Nxb Giáo dục (Hoàng Đức Nguyên dịch).

[3].G.M. Fichtengon (1972), *cơ sở giải tích toán học*, tập 2, Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp.

[4]. Nguyễn Văn Mậu, Đặng Huy Ruận, Nguyễn Thủy Thanh (2002), Lý thuyết chuỗi và phương trình vi phân, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.

[5] Lê Viết Ngư, Phan Văn Danh (1996). *Toán học cao cấp (Phần I, II).* Nxb Giáo dục.

[6] Nguyễn Đinh Trí, *Toán học cao cấp tập 1,* NXB Giáo dục.

[7] Nguyễn Đinh Trí, *Toán học cao cấp tập 2,* NXB Giáo dục.

[8] Nguyễn Đinh Trí, *Toán học cao cấp tập 3,* NXB Giáo dục.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2.. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1 | 20% |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | H1<br>H2<br>H3 | 30% |
| 3 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm. | H1<br>H2<br>H3 | 50% |
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Thi tự luận | H1<br>H2<br>H3 | 100% |

*Ngày … tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| | | Nguyễn Thị Ngọc Bích |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: KỸ NĂNG MỀM**
**Mã học phần: KT212202**

## 1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 00

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần

Học phần học song hành: Không

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1. | Hà Thị Thanh Trang | 0359178527 | hathithanhtrang@gmail.com |
| 2. | Vũ Nhật Phương | 0934773738 | vnphuong@ttn.edu.vn |
| 3. | Thái Thị Hoài An | 0905861975 | thaiandhtn@gmail.com |
| 4. | Lại Thị Ngọc Hạnh | 0984949906 | hanh84dhtn@gmail.com |
| 5. | Lương Huỳnh Việt Thắng | 0973364646 | vietthang.taynguyenuni@gmail.com |
| 6. | Nguyễn Phương Đại Nguyên | 0914032103 | npdnguyen@ttn.edu.vn |
| 7. | Hồ Ngọc Đoan Thư | 0914248778 | hongocdoanthu@gmail.com |
| 8. | Cao Thị Hoài | 0984486838 | caohoai.tnu@gmail.com |
| 9. | Trương Thị Hiền | 0905091558 | tthien@ttn.edu.vn |

## 2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần kỹ năng mềm được xếp là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo đại học của tất cả các ngành tại Trường Đại học Tây Nguyên. Học phần này có vị trí quan trọng trong việc hình thành cho sinh viên những kỹ năng mềm cơ bản để thích ứng với xu thế phát triển chung của thời đại. Học phần bao gồm kiến thức về các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác lập mục tiêu và làm việc nhóm, kỹ năng tư duy tích cực và sáng và kỹ năng tổ chức công việc và quản lí thời gian. Từ những kiến thức được cung cấp, sinh viên sẽ hình thành và vận dụng được một cách linh hoạt những kỹ năng mềm này vào trong thực tiễn học tập và cuộc sống, giúp sinh viên trở nên năng động hơn, góp phần đáp ứng được yêu cầu của các đơn vị sử dụng lao động. Với những kiến thức và kỹ năng mềm được rèn luyện trong học phần, sinh viên còn có thể vận dụng sáng tạo nhằm hỗ trợ cho việc học tập các học phần khác trong chương trình đào tạo của ngành.

## 3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

### *3.1. Mục tiêu học phần*

M1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một kỹ năng mềm thiết yếu.

M2: Phát triển, thực hành các kỹ năng mềm phục vụ cho việc thực hiện công việc và phát triển bản thân, đóng góp vào sự phát triển của tổ quốc và xã hội

### *3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1: Biết xây dựng chiến lược giao tiếp hiệu quả cho bản thân;

H2: Vận dụng thành thạo kĩ năng giao tiếp với các đối tượng giao tiếp khác nhau.

H3: Biết hình thành và điều hành nhóm làm việc hiệu quả khi thực hiện các mục tiêu chung của nhóm.

H4: Biết cách vân dụng các kỹ năng cần thiết để xử lý các vấn đề xẩy ra trong quá trình làm việc nhóm.

H5: Xác định được các rào cản hạn chế khả năng sáng tạo và cách thức vượt qua các rào cản.

H6: Áp dụng các kỹ thuật thường dùng trong sáng tạo vào học tập và cuộc sống.

H7: Sử dụng các công cụ quản lí thời gian để tối ưu hóa việc tổ chức, sắp xếp kế hoạch nhằm đạt được ước mơ, mục tiêu cá nhân.

H8: Vận dụng kỹ năng tổ chức công việc và quản lí thời gian trong việc xây dựng kế hoạch học tập chủ động của sinh viên.

***3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo***

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | | | x | | x | | | x | x | x | | x | x |
| H2 | | | | | x | | x | | | x | | | | | |
| H3 | | | | | x | | x | | | | | | | | |
| H4 | | | | | x | | x | | | | | | | | |
| H5 | | | | | x | | | | | | | | | | |
| H6 | | | | | x | | | | | | | | | | |
| H7 | | | | | x | | | | | | | | | | |
| H8 | | | | | x | | | | | | | | | | |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. Kỹ năng giao tiếp hiệu quả**<br>***1.1. Định nghĩa giao tiếp và văn hóa giao tiếp***<br>1.1.1. Định nghĩa giao tiếp<br>1.1.2. Văn hóa giao tiếp<br>***1.2. Các loại hình giao tiếp***<br>1.2.1. Giao tiếp bằng lời<br>1.2.2. Giao tiếp không lời<br>1.2.3. Giao tiếp thông qua các phương tiện hỗ trợ<br>1.2.4. Giao tiếp bằng chữ viết<br>***1.3. Các nguyên tắc trong giao tiếp***<br>***1.4. Cách giao tiếp hiệu quả***<br>***1.5. Nghệ thuật lắng nghe***<br>1.5.1. Vai trò của lắng nghe<br>1.5.2. Cải thiện kỹ năng lắng nghe<br>***1.6. Giao tiếp và ứng xử***<br>***1.7. Giao tiếp với những đối tượng khác nhau***<br>1.7.1. Cập trên<br>1.7.2. Cấp dưới<br>1.7.3. Đồng nghiệp | LT: 6 tiết<br>BT: 1 tiết | Chương 1 bài giảng và tài liệu tham khảo<br>[2-3]<br>[2-5] |
| 2 | **Chương 2. Kỹ năng xác lập mục tiêu và làm việc nhóm**<br>***2.1. Khái quát chung về mục tiêu và làm việc nhóm***<br>2.1.1. Khái quát chung về làm việc nhóm Cấu trúc nhóm làm việc<br>2.1.1.1.Các hình thức nhóm làm việc<br>2.1.1.2.Đặc điểm nhóm làm việc hiệu quả<br>2.1.1.3.Các giai đoạn hình thành nhóm làm việc<br>2.1.2.Khái quát về mục tiêu<br>2.1.2.1.Định nghĩa mục tiêu<br>2.1.2.2.Nguyên tắc xác lập mục tiêu | LT: 3 tiết<br>BT: 5 tiết | Chương 2 bài giảng và tài liệu tham khảo<br>[2-1]<br>[2-6] |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | ***2.2. Một số kỹ năng trong làm việc nhóm***<br>2.2.1.Kỹ năng truyền thông trong nhóm<br>2.2.2.Kỹ năng họp nhóm<br>2.2.3.Kỹ năng biết chấp nhận người khác<br>2.2.4. Kỹ năng thích nghi và hợp tác<br>2.2.5.Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn<br>2.2.6.Kỹ năng ra quyết định<br>2.2.7.Kỹ năng xây dựng tinh thần nhóm | | |
| | **Chương 3: Kỹ năng tư duy tích cực và sáng tạo**<br>***3.1. Khái niệm và tầm quan trọng của sáng tạo***<br>3.1.1. Khái niệm sáng tạo<br>3.1.2. Tầm quan trọng của sáng tạo<br>***3.2. Các cấp độ sáng tạo***<br>3.2.1. Sử dụng ngay ý tưởng có sẵn<br>3.2.2. Lựa chọn ý tưởng tối ưu trong những ý tưởng có sẵn<br>3.2.3. Cải tiến ý tưởng có sẵn<br>3.2.4. Đưa ra ý tưởng mới<br>3.2.5. Đưa ra nguyên lí hoạt động mới tạo hệ thống mới<br>***3.3. Rào cản hạn chế sự sáng tạo***<br>3.3.1. Các rào cản<br>3.3.2. Cách thức vượt qua các rào cản<br>***3.4. Đặc điểm người giàu tính sáng tạo***<br>3.4.1. Cởi mở<br>3.4.2. Giàu trí tưởng tượng<br>3.4.3. Luôn đặt câu hỏi<br>3.4.4. Thách thức ý kiến cũ<br>3.4.5. Kết nối các ý tưởng rời rạc<br>3.4.6. Tìm giải pháp mới<br>***3.5. Các kỹ thuật thường dùng trong sáng tạo***<br>3.5.1. Động não<br>3.5.2 Sáu chiếc mũ tư duy<br>3.5.3. Bản đồ tư duy<br>3.5.4. Kỹ thuật gán ghép ngẫu nhiên<br>3.5.5. What if | LT: 3 tiết<br>BT: 5 tiết | Chương 3 bài giảng và tài liệu tham khảo<br>[2-4]<br>[2-8] |
| … | ***Chương 4.*** **Kĩ năng tổ chức công việc và quản lí thời gian**<br>***4.1. Ước mơ và mục tiêu***<br>4.1.1. Ước mơ<br>4.1.2. Mục tiêu<br>4.1.3. Yếu tố thời gian<br>4.1.3.1. Tầm quan trong của thời gian<br>4.1.3.2. Kẻ “móc túi” thời gian<br>***4.2. Công cụ quản lí thời gian***<br>4.2.1. Ma trận quản lý thời gian<br>4.2.2. Lịch tuần cá nhân<br>4.2.3. Lập kế hoạch học tập chủ động | LT: 3 tiết<br>BT: 4 tiết | Chương 4 bài giảng và tài liệu tham khảo<br>[2-2]<br>[2-7] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Số tiết: 7 tiết | **Chương 1. Kỹ năng giao tiếp hiệu quả**<br>***1.1. Định nghĩa giao tiếp và văn hóa giao tiếp***<br>1.1.1. Định nghĩa giao tiếp<br>1.1.2. Văn hóa giao tiếp<br>***1.2. Các loại hình giao tiếp***<br>1.2.1. Giao tiếp bằng lời<br>1.2.2. Giao tiếp không lời<br>1.2.3. Giao tiếp thông qua các phương tiện hỗ trợ<br>1.2.4. Giao tiếp bằng chữ viết<br>***1.3. Các nguyên tắc trong giao tiếp***<br>***1.4. Cách giao tiếp hiệu quả***<br>***1.5. Nghệ thuật lắng nghe***<br>1.5.1. Vai trò của lắng nghe<br>1.5.2. Cải thiện kỹ năng lắng nghe<br>***1.6. Giao tiếp và ứng xử***<br>***1.7. Giao tiếp với những đối tượng khác nhau***<br>1.7.1. Cấp trên<br>1.7.2. Cấp dưới<br>1.7.3. Đồng nghiệp | H1<br>H2 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: Chia sẻ những khó khăn và vướng mắc trong giao tiếp.<br>- Thực hành: Bài tập tình huống giao tiếp, ngôn ngữ hình thể.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | Tham gia thực hành trên lớp<br>Trình bày của sinh viên (nhóm) trước lớp. |
| Số tiết: 8 tiết | **Chương 2. Kỹ năng xác lập mục tiêu và làm việc nhóm**<br>**Nội dung:**<br>2.1. Khái quát chung về mục tiêu và làm việc nhóm<br>2.1.1. Khái quát chung về làm việc nhóm Cấu trúc nhóm làm việc<br>2.1.1.1.Các hình thức nhóm làm việc<br>2.1.1.2. Đặc điểm nhóm làm việc hiệu quả<br>2.1.1.3. Các giai đoạn hình thành nhóm làm việc<br>2.1.2. Khái quát về mục tiêu<br>2.1.2.1. Định nghĩa mục tiêu<br>2.1.2.2. Nguyên tắc xác lập mục tiêu<br>2.2. **Một số kỹ năng trong làm việc nhóm** | H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP Warm up, PP gợi mở, tổ chức các trò chơi, thực hành.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Warm up: Giới thiệu và làm quen bằng cách tự giới thiệu về bản thân thông qua lá bài.<br>- Phương pháp gợi mở từ: Cây kỳ vọng, xem phim rạp xiếc bươm bướm<br>- Tổ chức trò chơi: Hoạt động vẽ tranh, hoạt động lạc trên biển, hoạt động truyền tin, 6 chiếc mũ tư duy. | - Liệt kê các bài đánh giá liên quan: Tham gia các trò chơi và tham gia thực hành.<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng kết quả tham gia |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 2.2.1.Kỹ năng truyền thông trong nhóm<br>2.2.2. Kỹ năng họp nhóm<br>2.2.3. Kỹ năng biết chấp nhận người khác<br>2.2.4. Kỹ năng thích nghi và hợp tác<br>2.2.5. Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn<br>2.2.6 .Kỹ năng ra quyết định<br>2.2.7. Kỹ năng xây dựng tinh thần nhóm | | - Thực hành: lạc trên đảo hoang để tìm ra người thích hợp làm vai trò nhóm trưởng.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu, tham gia các hoạt động, tích cực tìm hiểu ý nghĩa.<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | của các thành viên tại lớp<br>+ Kết quả thực hành trước lớp.<br>+ Trình bày của sinh viên (nhóm) trước lớp. |
| Số tiết: 7 tiết | **Chương 3: Kỹ năng tư duy tích cực và sáng tạo**<br>**Nội dung**<br>3.1. Khái niệm và tầm quan trọng của sáng tạo<br>3.1. Khái niệm sáng tạo<br>3.2. Tầm quan trọng của sáng tạo<br>3.2. Các cấp độ sáng tạo<br>3.2.1. Sử dụng ngay ý tưởng có sẵn<br>3.2.2. Lựa chọn ý tưởng tối ưu trong những ý tưởng có sẵn<br>3.2.3. Cải tiến ý tưởng có sẵn<br>3.2.4. Đưa ra ý tưởng mới<br>3.2.5. Đưa ra nguyên lí hoạt động mới tạo hệ thống mới<br>3.3. Rào cản hạn chế sự sáng tạo<br>3.3.1. Các rào cản<br>3.3.1.1. Tư duy theo lối mòn<br>3.3.1.2. Ngại vượt qua khuôn thước định sẵn<br>3.3.1.3. Sợ sự chế giễu<br>3.3.2. Cách thức vượt qua các rào cản<br>3.3.2.1. Điều chỉnh quá trình tư duy<br>3.3.2.2. Thách thức điều đã định<br>3.3.2.3. Phớt lờ sự chế diễu<br>3.4. Đặc điểm người giàu tính sáng tạo<br>3.4.1. Cởi mở<br>3.4.2. Giàu trí tưởng tượng<br>3.4.3. Luôn đặt câu hỏi<br>3.4.4. Thách thức ý kiến cũ | H5<br>H6 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP gợi mở, tổ chức các trò chơi, thảo luận nhóm thực hành.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Dạy học thông qua các hoạt động, trò chơi hoặc các hoạt động có tính thực hành theo nội dung bài học và tùy vào chuyên ngành đào tạo<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu, tham gia các hoạt động, tích cực tìm hiểu ý nghĩa.<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | -Liệt kê các bài đánh giá liên quan: Tham gia các trò chơi và tham gia thực hành.<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng kết quả tham gia của các thành viên tại lớp<br>+ Kết quả thực hành trước lớp. |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 3.4.5. Kết nối các ý tưởng rời rạc<br>3.4.6. Tìm giải pháp mới<br>3.5. Các kỹ thuật thường dùng trong sáng tạo<br>3.5.1. Động não<br>3.5.2 Sáu chiếc mũ tư duy<br>3.5.3. Bản đồ tư duy<br>3.5.4. Kỹ thuật gán ghép ngẫu nhiên<br>3.5.5. What if | | | |
| Số tiết: 7 tiết | **Chương 4. *Kĩ năng tổ chức công việc và quản lí thời gian***<br>4.1. Ước mơ và mục tiêu<br>4.1.1. Ước mơ<br>4.1.2. Mục tiêu<br>4.1.3. Yếu tố thời gian<br>4.1.3.1. Tầm quan trong của thời gian<br>4.1.3.2. Kẻ "móc túi" thời gian<br>4.2. Công cụ quản lí thời gian<br>4.2.1. Ma trận quản lý thời gian<br>4.2.2. Lịch tuần cá nhân<br>4.2.3. Lập kế hoạch học tập chủ động | H7<br>H8 | **Phương pháp dạy học:** PP thuyết trình, PP Warm up, PP gợi mở, tổ chức các trò chơi, thực hành.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Warm up: Giới thiệu và làm quen bằng cách trả lời các câu hỏi liên quan đến ước mơ và mục tiêu, hỏi nhanh đáp nhanh.<br>- Phương pháp gợi mở từ: hoạt động xây tháp, xem clip về 5 cụ già người Đài Loan.<br>- Tổ chức trò chơi: Trò chơi với số 30, đặt lịch hẹn hò, trò chơi tử thần, trò chơi nào ta cùng thắng, thí nghiệm đá – sỏi – cát – nước<br>- Thực hành: xây dựng ước mơ và phiên dịch ước mơ sang mục tiêu, ma trận quản lý thời gian, xây dựng lịch tuần cá nhân, xây dựng kế hoạch học tập chủ động<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu, tham gia các hoạt động, tích cực tìm hiểu ý nghĩa.<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | -Liệt kê các bài đánh giá liên quan: Tham gia các trò chơi và tham gia thực hành.<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng kết quả tham gia của các thành viên tại lớp<br>+ Kết quả thực hành trước lớp. |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). Tên tài liệu, nhà xuất bản.

(Sách, giáo trình chính trong giảng dạy và học tập thường chiếm 50% nội dung sử dụng trở lên)

Nguyễn Phương Đại Nguyên, Vũ Nhật Phương, Thái Thị Hoài An, Lưu Huỳnh Việt Thắng, Hồ Ngọc Đoan Thư, Lại Thị Ngọc Hạnh, Cao Thị Hoài, Hà Thị Thanh Trang, Trương Thị Hiền (2020) - Bài giảng Kỹ năng mềm – Trường Đại học Tây Nguyên

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2-1]. John Maxwell (2018). 17 Nguyên tắc vàng trong làm việc nhóm, Nhà xuất bản Lao động xã hội.

[2-2]. Leander Kahney**,** (2014), Kiểm Soát Thời Gian – Chu Toàn Mọi Việc, NXB lao động xã hội

[2-3]. Leil Lowndes (2014), Nghệ Thuật Giao Tiếp Để Thành Công, Nhà xuất bản Lao động xã hội.

[2-4]. Michael J.Gelb (Tái bản 2018), Tư duy như Leonardo da Vinci, NXB Lao động.

[2-5]. Nannette Rundle Carroll (2014). Nghệ Thuật Giải Quyết Các Vấn Đề Trong Giao Tiếp, Nhà xuất bản Lao động xã hội.

[2-6]. Robert Bolton & Dorothy Grover Bolton (2008). 4 phong cách làm việc, Nhà xuất bản Lao động xã hội.

[2-7]. S. J. Scott, (Tái bản 2018), Ngay bây giờ hoặc không bao giờ - 23 thói quen chống lại sự trì hoãn, NXB Lao động

[2-8]. Takashi Ishii, (2017), Tư duy một phút – ý tưởng nằm ở lối đi khác biệt, NXB Lao động.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị bài tập, tình huống thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thực hành:*

- Tham gia đầy đủ, tích cực các bài tập thực hành của học phần;
- Thực hiện đầy đủ các hoạt động trên lớp theo yêu cầu giảng viên.

*7.3. Phần bài tập lớn:* Các bài tập lớn liên quan xử lí tình huống trong giao tiếp, trong làm việc nhóm, trong phát triển khả năng tư duy sáng tạo và trong việc quản lí thời gian.

*7.4. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:*** 0%**; *Trọng số thi kết thúc học phần: 100%***

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm kết thúc học phần***

Điểm kết thúc học phần đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Điểm học phần là điểm trung bình cộng của 4 bài tập lớn sau khi học xong 4 chương do 4 giảng viên đảm nhiệm.

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi học xong kĩ năng giao tiếp | Bài tập lớn | H1<br>H2 | 25% |
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi học xong kĩ năng xác lập mục tiêu và làm việc nhóm | Bài tập lớn | H3<br>H4 | 25% |
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi học xong kĩ năng tư duy tích cực và sáng tạo | Bài tập lớn | H5<br>H6 | 25% |
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi học xong kĩ năng tổ chức công việc và quản lí thời gian | Bài tập lớn | H7<br>H8 | 25% |

*Ngày tháng năm 2020*

**Nhóm nghiên cứu phát triển kĩ năng**

**TM. Nhóm biên soạn**

**TS. Trương Thị Hiền**

**TS. Thái Thị Hoài An**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: KHỞI NGHIỆP**
**Mã học phần: KT213007**

## 1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1,5; Số tín chỉ thực hành: 0,5
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần: Không có
Giảng viên giảng dạy:

| TT | HỌ VÀ TÊN | ĐIỆN THOẠI | EMAIL |
|---|---|---|---|
| 1 | PGS.TS. Lê Đức Niêm | 0964061111 | ldniem@ttn.edu.vn |
| 2 | TS. Nguyễn Ngọc Thắng | 0935500000 | nnthang@ttn.edu.vn |
| 3 | TS. Nguyễn Văn Đạt | 0914144384 | nvdat@ttn.edu.vn |
| 4 | TS. Nguyễn Thị Hải Yến | 0919356677 | nthyen@ttn.edu.vn |
| 5 | TS. Đỗ Thị Nga | 0914056482 | dothinga@ttn.edu.vn |
| 6 | ThS. Huỳnh Thị Nga | 0989411179 | htnga@ttn.edu.vn |

## 2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Khởi nghiệp là học phần bắt buộc của sinh viên khối ngành Kinh tế. Học phần cung cấp những kiến thức nhằm giúp người học biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một doanh nghiệp mới. Học phần cũng đồng thời trang bị những kỹ năng để người học có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh. Ngoài ra học phần còn nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp. Đây là học phần sử dụng kiến thức tổng hợp từ nhiều môn như Quản trị điều hành, Quản trị tài chính, Quản trị marketing... tuy nhiên học phần được thiết kế gọn nhẹ, có phần kiến thức cơ bản để sinh viên các ngành khác có thể học tập học phần này.

## 3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

### 3.1. Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần này, người học:

MT1: Có kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, các hình thức khởi nghiệp, hiểu rõ về tố chất và tinh thần cần có của doanh nhân.

MT2: Hiểu được cách thức tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp và sơ bộ cụ thể hoá ý tưởng đó.

MT3: Nắm rõ cách xây dựng bản kế hoạch khởi nghiệp, hiểu rõ về cách thức tổ chức các nguồn lực cho kế hoạch khởi nghiệp.

MT4: Lựa chọn và triển khai được kế hoạch kinh doanh, tổ chức và thực hiện các hoạt động chính của quá trình kinh doanh.

### 3.2. Chuẩn đầu ra học phần:

H1: Trau dồi các tố chất của doanh nhân từ đó có thái độ tích cực, chủ động xác định mục tiêu, sứ mệnh khởi nghiệp đúng đắn.

H2: Áp dụng các phương pháp để tìm ra ý tưởng khởi nghiệp, lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý, tìm kiếm người hợp tác, đối tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp

H3: Vận dụng các phương pháp quản trị để điều hành hoạt động khởi nghiệp hiệu quả.

H4: Tinh thần khởi nghiệp chủ động và sáng tạo trong khuôn khổ luật pháp và các quy định của chính quyền trung ương và địa phương

H5: Kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, kỹ năng tư duy độc lập và sáng tạo.

**3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

| Chuẩn đầu ra học phần | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | | | x | | x | | | x | x | x | | x | x |
| H2 | | | | | x | | x | | | x | x | x | | x | x |
| H3 | | | | | x | | x | | | x | x | x | | x | x |
| H4 | | | | | x | | x | | | x | x | x | | x | x |
| H5 | | | | | x | | x | | | x | x | x | | x | x |

**4. Cấu trúc học phần:**

| STT | Chương | Số tiết | Tài liệu tự học |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1: Khái quát về khởi nghiệp:**<br>1.1 Khởi nghiệp - hiện tượng kinh tế và xã hội<br>1.2 Tố chất doanh nhân<br>1.3 Tinh thần doanh nhân<br>1.4 Các hình thức khởi nghiệp | LT: 2<br>TH: 2 | [1] chương 1 |
| 2 | **Chương 2: Ý tưởng khởi nghiệp**<br>2.1 Các phương pháp tìm ý tưởng khởi nghiệp<br>2.2 Từ ý tưởng đến cơ hội kinh doanh<br>2.3 Giới thiệu ý tưởng khởi nghiệp<br>2.4 Tìm cộng sự<br>2.5 Tìm nguồn tài chính<br>2.6 Thăm dò thị trường | LT: 4<br>TH: 4 | [1] chương 2 |
| 3 | **Chương 3: Phương án khởi nghiệp**<br>3.1 Cấu trúc của bản kế hoạch<br>3.2 Phân tích kết quả nghiên cứu thị trường<br>3.3 Phân tích nguồn lực<br>3.4 Lựa chọn hình thức khởi nghiệp<br>3.5 Lựa chọn kỹ thuật và công nghệ<br>3.6 Dự toán vốn đầu tư<br>3.7 Kế hoạch tổ chức vận hành | LT: 8<br>TH: 4 | [1] chương 3 |
| 4 | **Chương 4: Khởi nghiệp**<br>**(Triển khai hoạt động kinh doanh)**<br>4.1 Lựa chọn chiến lược kinh doanh<br>4.2 Chiến lược marketing<br>4.3 Vận hành sản xuất sản phẩm/cung ứng dịch vụ<br>4.4 Tổ chức bán hàng<br>4.5 Đánh giá kế hoạch khởi nghiệp<br>4.6 Điều chỉnh kế hoạch khởi nghiệp | LT: 8,5<br>TH: 5 | [1] chương 4, chương 5 |
| | **Tổng cộng** | 37,5 | |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Buổi thứ nhất (4 tiết) | **Chương 1: Khái quát về khởi nghiệp:**<br>1.1 Khởi nghiệp - hiện tượng kinh tế và xã hội<br>1.2 Tố chất doanh nhân<br>1.3 Tinh thần doanh nhân<br>1.4 Các hình thức khởi nghiệp | H1<br>H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận trên lớp, PP thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng<br>- Thảo luận nhóm<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thảo luận và trình bày.<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | **Đánh giá**:<br>Chuyên cần<br>Bài thuyết trình của nhóm<br>**Hình thức đánh giá**: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện. |
| Buổi thứ 2 (4 tiết) | **Chương 2: Ý tưởng khởi nghiệp**<br>2.1 Các phương pháp tìm ý tưởng khởi nghiệp<br>2.2 Từ ý tưởng đến cơ hội kinh doanh<br>2.3 Giới thiệu ý tưởng khởi nghiệp | H2<br>H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thảo luận và trình bày.<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | **Đánh giá**:<br>Chuyên cần<br>Bài thuyết trình của nhóm<br>**Hình thức đánh giá**: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện. |
| Buổi thứ 3 (4 tiết) | **Chương 2: Ý tưởng khởi nghiệp (tt)**<br>2.4 Tìm cộng sự<br>2.5 Tìm nguồn tài chính<br>2.6 Thăm dò thị trường | H2<br>H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thảo luận và trình bày. | **Đánh giá**:<br>Chuyên cần<br>Bài thuyết trình của nhóm<br>**Hình thức đánh giá**: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | | **Địa điểm học:** Giảng đường | |
| Buổi thứ 4<br>(4 tiết) | **Chương 3: Phương án khởi nghiệp**<br>3.1 Cấu trúc của bản kế hoạch<br>3.2 Phân tích kết quả nghiên cứu thị trường<br>3.3 Phân tích nguồn lực | H1<br>H2<br>H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thảo luận và trình bày.<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | **Đánh giá**:<br>Chuyên cần<br>Bài thuyết trình của nhóm<br>**Hình thức đánh giá**: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện. |
| Buổi thứ 5<br>(4 tiết) | **Chương 3: Phương án khởi nghiệp (tt)**<br>3.4 Lựa chọn hình thức khởi nghiệp<br>3.5 Lựa chọn kỹ thuật và công nghệ<br>3.6 Dự toán vốn đầu tư<br>3.7 Kế hoạch tổ chức vận hành | H1<br>H2<br>H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thảo luận và trình bày.<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | **Đánh giá**:<br>Chuyên cần<br>Bài thuyết trình của nhóm<br>**Hình thức đánh giá**: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện. |
| Buổi thứ 6<br>(4 tiết) | **Thảo luận, thuyết trình nhóm** | H1<br>H2<br>H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP nêu vấn đề, PP thảo luận trên lớp.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Thảo luận nhóm<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thảo luận và trình bày.<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | **Đánh giá**:<br>Chuyên cần<br>Bảng câu hỏi<br>Kết quả khảo sát<br>Bài thuyết trình của nhóm<br>**Hình thức đánh giá**: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Buổi thứ 7<br>(4 tiết) | **Chương 4: Khởi nghiệp**<br>**(Triển khai hoạt động kinh doanh)**<br>4.1 Lựa chọn chiến lược kinh doanh<br>4.2 Chiến lược marketing | H3<br>H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thảo luận và trình bày.<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | **Đánh giá**:<br>Chuyên cần<br>**Hình thức đánh giá**: Điểm danh; Mức độ tham gia phản biện. |
| Buổi thứ 8<br>(4 tiết) | **Chương 4: Khởi nghiệp (tt)**<br>4.3 Vận hành sản xuất sản phẩm/cung ứng dịch vụ<br>4.4 Tổ chức bán hàng | H3<br>H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thảo luận và trình bày.<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | **Đánh giá**:<br>Chuyên cần<br>Bài thuyết trình của nhóm<br>**Hình thức đánh giá**: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện. |
| Buổi thứ 9<br>(4 tiết) | **Chương 4: Khởi nghiệp (tt)**<br>4.5 Đánh giá kế hoạch khởi nghiệp<br>4.6 Điều chỉnh kế hoạch khởi nghiệp | H3<br>H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thảo luận và trình bày.<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | **Đánh giá**:<br>Chuyên cần<br>Bài thuyết trình của nhóm<br>**Hình thức đánh giá**: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Buổi thứ 10<br>(1,5 tiết) | **Kiểm tra** | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | | |

**6. Tài liệu học tập:**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Nguyễn Ngọc Huyền (2011), *Khởi sự kinh doanh và tái lập doanh nghiệp*, NXB ĐH KTQD (tài liệu chính).

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2] Lưu Đan Thọ (2016), *Lập kế hoạch và khởi sự kinh doanh*, NXB Tài chính, 2016.

[3] Eric Ries (2011), *Khởi nghiệp tinh gọn* (the lean startup), NXBthe Crown Publishing Group.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị bài giảng và nội dung thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

*8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%; *Trọng số Đề án startup thu hoạch: 70%*

*8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận*

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Đánh giá thông qua:<br>- Điểm danh;<br>- Mức độ chuẩn bị bài trước buổi học;<br>- Mức độ tham gia thảo luận và phản biện trên lớp | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5 | 10% |
| 2 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Đánh giá thông qua:<br>- Chất lượng bài trình bày;<br>- Kỹ năng trình bày;<br>- Kỹ năng phản biện;<br>- Kỹ năng làm việc nhóm | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5 | 50% |
| 3 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện | Đánh giá thông qua:<br>Kiểm tra tự luận | H2<br>H3<br>H4 | 20% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| | | kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | | | |
| 4 | Trắc nghiệm ngắn | Kiểm tra mức độ nhớ các kiến thức căn bản | 3 bài trắc nghiệm ngắn, mỗi bài 10 phút | | 20% |

**8.3. Đề án startup thu hoạch**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Thuyết trình đề án | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5 | 100% |

*Ngày … tháng … năm 20…*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| | | Nguyễn Ngọc Thắng |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: THỂ DỤC CƠ BẢN VÀ ĐIỀN KINH**
**Mã học phần: SP211032**

## 1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

*Tổng số tín chỉ*: 01; *Số tín chỉ lí thuyết*: 0; *Số tín chỉ thực hành*: 01
*Loại Học phần học*: Điều kiện
*Các yêu cầu đối với học phần*:
*Học phần học song hành*: Không.
*Học phần học trước*: Không.
*Học phần tiên quyết*: Không.
Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1. | Lê Tử Trường | 0985582920 | tutruong67@yahoo.com.vn |
| 2. | Nguyễn Thiện Tín | 0985859510 | nguyenthientin@yahoo.com |
| 3. | Chu Vương Thìn | 0975930600 | vuongthindk@gmai.com |

## 2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Thể dục cơ bản và Điền kinh là học phần bắt buộc cho sinh viên trong chương trình đào tạo hệ Đại học của Trường Đại học Tây Nguyên.

Học phần trang bị cho sinh viên các tư thế, động tác cơ bản Thể dục cơ bản và Điền kinh.

## 3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1. Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản điền kinh, biết vận dụng các bài tập thể dục để duy trì và phát triển thể chất.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Biết thực hiện cơ bản kĩ thuật điền kinh, biết vận dụng các bài tập thể dục để nâng cao sức khỏe.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | | | | | | | | | | | |

## 4. Cấu trúc học phần

| *TT* | *Nội dung* | *Số tiết* | *Tài liệu học tập* |
|---|---|---|---|
| *1* | Chương 1.Bài tập phát triển chung.<br>1.1. Kĩ thuật từng động tác<br>1.1.1. Mô tả chung<br>1.1.2. Yêu cầu tối thiểu<br>1.1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật từng động tác | LT: 0 tiết<br>BT:15 tiết | [1] chương 3. |
| *2* | Chương 2. Điền kinh cơ bản.<br>2.1. Kĩ thuật các động tác cơ bản của điền kinh<br>2.1.1. Mô tả chung<br>2.1.2. Yêu cầu tối thiểu<br>2.1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật của từng động tác<br>2.2. Kĩ thuật tư thế của từng động tác<br>2.2.1. Mô tả chung | LT: 0 tiết<br>BT: 15 tiết | [2] chương 2 |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 2.2.2. Yêu cầu tối thiểu<br>2.2.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật | | |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | CĐR học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 5/3 | Chương 1.<br>1. Bài tập phát triển chung. (10 động tác)<br>1. Kĩ thuật từng động tác<br>1.1. Mô tả chung<br>1.2. Yêu cầu tối thiểu khi thực hiện động tác, bài tập, tư thế đúng<br>1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật từng động tác<br>1.4. phân chia bài tập cho sinh viên học | H1Thực hiện được bài tập thể dục phát triển chung với tư thế đúng | *Phương pháp dạy học:* Phương pháp Giảng giải, phương pháp trực quang.<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện.<br>- Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc.<br>*Địa điểm học*: Sân vận động (SVĐ). | *Hình thức đánh giá:* Bài kiểm tra thực hành kĩ thuật di chuyển<br>*Hình thức đánh giá của từng bài:*<br>+ Bằng thực hành trực tiếp trên Sân vận động |
| 5/3 | Chương 2. Điền kinh cơ bản.<br>2.1. Kĩ thuật các động tác cơ bản của điền kinh<br>2.1.1. Mô tả chung<br>2.1.2. Yêu cầu tối thiểu<br>2.1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật của từng động tác<br>2.2. Kĩ thuật tư thế của từng động tác<br>2.2.1. Mô tả chung<br>2.2.2. Yêu cầu tối thiểu<br>2.2.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật | H1Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của Học phần điền kinh. | *Phương pháp dạy học*: Phương pháp Giảng giải, phương pháp trực quang.<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện<br>- Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc<br>*Địa điểm học*: Sân vận động. | *Hình thức đánh giá của từng bài*:<br>- Bài kiểm tra thực hành kĩ thuật di chuyển<br>- Bằng thực hành trực tiếp trên Sân vận động. |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Nguyễn Xuân Sinh, Lê Văn Lẫm, Trần Phúc Phong, Trương Anh Tuấn (2009), *Thể dục - Sách giáo khoa dùng cho sinh viên đại học thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[2]. Trường Đại học thể dục thể thao I (2008), *Sách giáo khoa điền kinh*, Nxb TDTT, Hà Nội.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[3]. Phạm Đình Bẩm (2010), *Tâm lí học trong thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[4]. Vũ Đào Hùng (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[5]. Vũ Đức Thu, Trương Anh Tuấn (2009), *Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb, ĐHSP, Hà Nội.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên**

*7.1. Phần lí thuyết, bài tập, thảo luận*

Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành*: Có.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận*: Không.

*7.4. Phần khác (nếu có):* Không.

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

*8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%

*8.2. Thành phần, mục đích và Tỉ lệ điểm bộ phận*

| *TT* | *Thành phần* | *Mục đích* | *Phương thức kiểm tra, đánh giá* | *CĐR học phần* | *Tỉ lệ* |
|---|---|---|---|---|---|
| *1* | *Đánh giá chuyên cần* | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ tập ở lớp, ở nhà của sinh viên. | | 25% |
| *2* | *Bài kiểm tra thực hành* | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua bài thực hành trên lớp của sinh viên. | H1 | 25% |
| *3* | *Kiểm tra định kỳ* | Đánh giá hiểu nội dung Học phần học trên lớp, khả năng hoàn thành các động tác kĩ thuật Học phần học của từng sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua bài kiểm tra của từng sinh viên cuối Học phần học. | H1 | 50% |
| | | | Tổng Tỉ lệ thành phần của điểm bộ phận. | | 100% |

*8.3. Thi kết thúc học phần*

| *Mục đích* | *Phương pháp kiểm tra đánh giá* | *CĐR học phần* | *Tỉ lệ* |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về kĩ năng, thực hành các kĩ thuật của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Thi chạy 100m. | H1 | 80% |

*Ngày 08 tháng 5 năm 2020*

| **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** |
|---|---|---|
| **PGS. TS. Nguyễn Thanh Hưng** | **TS. Phạm Hùng Mạnh** | **TS. Lê Tử Trường** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: BÓNG CHUYỀN CƠ BẢN**
**Mã học phần: SP 211033**

## 1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

*Tổng số tín chỉ*: 01; *Số tín chỉ lí thuyết*: 0; *Số tín chỉ thực hành*: 01
*Loại Học phần học*: Điều kiện
*Các yêu cầu đối với học phần*:
*Học phần học song hành*: Không.
*Học phần học trước*: Không.
*Học phần tiên quyết*: Không.
Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1. | Nguyễn Thiện Tín | 0985859510 | nguyenthientin@yahoo.com |
| 2. | Chu Vương Thìn | 0975930600 | vuongthindk@gmai.com |
| 3. | Lê Tử Trường | 0985582920 | tutruong67@yahoo.com.vn |
| 4. | Trần Văn Hưng | 0919140979 | hungtvh0979@gmai.com<br>tvhung@ttn.edu.vn |

## 2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Bóng chuyền là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yếu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về bóng chuyền.

Tập luyện Bóng chuyền giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng chuyền giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.

## 3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1. Thực hành được các động tác kĩ thuật bóng chuyền (Chuyền bóng, Đệm bóng, phát bóng).

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Biết thực hiện cơ bản kĩ thuật bóng chuyền để người học tập luyện nâng cao sức khỏe.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| Chuẩn đầu ra học phần | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | | | | | | | | | | | |

## 4. Cấu trúc học phần

| *TT* | *Nội dung* | *Số tiết* | *Tài liệu học tập* |
|---|---|---|---|
| *1* | Chương 1: Kĩ thuật di chuyển, tư thế chuẩn bị<br>1.1. Kĩ thuật di chuyển<br>1.1.1. Mô tả chung<br>1.1.2. Yêu cầu tối thiểu<br>1.1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật<br>1.2. Kĩ thuật tư thế chuẩn bị<br>1.2.1. Mô tả chung<br>1.2.2. Yêu cầu tối thiểu | LT: 0 tiết<br>BT: 3 tiết | [1] Chương 1 |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 1.2.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật | | |
| 2 | Chương 2: Kĩ thuật đệm bóng bằng hai tay trước mặt<br>2.1. Kĩ thuật đệm bóng bằng hai tay trước mặt<br>2.1.1. Mô tả chung<br>2.1.2. Yêu cầu tối thiểu<br>2.1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật | LT: 0 tiết<br>BT: 9 tiết | [1] Chương 1 |
| 3 | Chương 3: Kĩ thuật chuyền bóng bằng hai tay trước mặt<br>3.1. Kĩ thuật chuyền bóng bằng hai tay trước mặt<br>3.1.1. Mô tả chung<br>3.1.2. Yêu cầu tối thiểu<br>3.1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật | LT: 0 tiết<br>BT: 9 tiết | [1] Chương 1 |
| 4 | Chương 4: Kĩ thuật phát bóng cao tay trước mặt<br>4.1. Kĩ thuật phát bóng cao tay trước mặt<br>4.1.1. Mô tả chung<br>4.1.2. Yêu cầu tối thiểu<br>4.1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật | LT: 0 tiết<br>BT: 9 tiết | [1] Chương 1 |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | CĐR học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 1/3 | Chương 1: Kĩ thuật di chuyển, tư thế chuẩn bị<br>1.1. Kĩ thuật di chuyển<br>1.1.1. Mô tả chung<br>1.1.2. Yêu cầu tối thiểu<br>1.1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật<br>1.2. Kĩ thuật tư thế chuẩn bị<br>1.2.1. Mô tả chung<br>1.2.2. Yêu cầu tối thiểu<br>1.2.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật | H1. Biết và thực hành được các động tác kỷ thuật chung về Học phần bóng chuyền. | *Phương pháp dạy học*: Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quang, ….<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện.<br>- Tập luyện và thảo luận theo nhóm.<br>*Yêu cầu sinh viên*: Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc.<br>*Địa điểm học*: Sân vận động. | *Hình thức đánh giá của từng bài*:<br>- Bài kiểm tra thực hành kĩ thuật di chuyển.<br><br>- Bằng thực hành trực tiếp trên: Sân vận động. |
| 3/3 | Chương 2: Kĩ thuật đệm bóng bằng hai tay trước mặt<br>2.1. Kĩ thuật đệm bóng bằng hai tay trước mặt<br>2.1.1. Mô tả chung<br>2.1.2. Yêu cầu tối thiểu<br>2.1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật | H1. Biết và thực hành được các động tác kỷ thuật chung về Học phần bóng chuyền. | *Phương pháp dạy học*: Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quang, ….<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện.<br>- Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học. | - Bài kiểm tra thực hành kĩ thuật di chuyển<br>- *Hình thức đánh giá của từng bài*: Bằng thực hành trực tiếp trên |

| *Buổi học/ số tiết* | *Nội dung* | *CĐR học phần* | *Hoạt động dạy và học* | *Bài đánh giá* |
|---|---|---|---|---|
| | | | *Yêu cầu sinh viên*: Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc.<br>*Địa điểm học*: Sân vận động. | : Sân vận động. |
| 3/3 | Chương 3: Kĩ thuật chuyền bóng bằng hai tay trước mặt<br>3.1. Kĩ thuật chuyền bóng bằng hai tay trước mặt<br>3.1.1. Mô tả chung<br>3.1.2. Yêu cầu tối thiểu<br>3.1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật | H1. Biết và thực hành được các động tác kỷ thuật chung về Học phần bóng chuyền. | *Phương pháp dạy học*: Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quang, ….<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện.<br>- Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học.<br>*Yêu cầu sinh viên*: Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc.<br>*Địa điểm học*: Sân vận động. | Câu hỏi nhanh trong vòng 2-3 phút để đánh giá mức độ hiểu, nắm bắt nội dung bài học.<br>- Hình thức đánh giá của từng bài.<br>- Bằng bài viết nộp tại lớp. |
| 3/3 | Chương 4: Kĩ thuật phát bóng cao tay trước mặt<br>4.1. Kĩ thuật phát bóng cao tay trước mặt<br>4.1.1. Mô tả chung<br>4.1.2. Yêu cầu tối thiểu<br>4.1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật | H1. Biết và thực hành được các động tác kỷ thuật chung về Học phần bóng chuyền. | *Phương pháp dạy học*: Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quang, ….<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện.<br>- Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học.<br>*Yêu cầu sinh viên*: Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc.<br>*Địa điểm học*: Sân vận động. | Bài kiểm tra 45 phút. Hình thức đánh giá của từng bài. |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1]. Nguyễn Viết Minh (2004), *Giáo trình bóng chuyền*, Nxb. ĐHSP. Hà Nội.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2]. Phạm Đình Bẩm (2010), *Tâm lí học trong thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[3]. Vũ Đào Hùng (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[4]. Vũ Đức Thu, Trương Anh Tuấn (2009), *Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb, ĐHSP, Hà Nội.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên**

*7.1. Phần lí thuyết, bài tập, thảo luận*

Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành*: Có.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận*: Không.

*7.4. Phần khác*: Không.

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

*8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%

*8.2. Thành phần, mục đích và Tỉ lệ điểm bộ phận*

| *TT* | *Thành phần* | *Mục đích* | *Phương thức kiểm tra, đánh giá* | *CĐR học phần* | *Tỉ lệ* |
|---|---|---|---|---|---|
| *1* | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ tập ở lớp, ở nhà của sinh viên. | | 25% |
| *2* | Bài kiểm tra thực hành | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra | Phương pháp đánh giá thông qua bài thực hành trên lớp của sinh viên | H1 | 25% |
| *3* | Kiểm tra định kỳ | Đánh giá hiểu nội dung Học phần học trên lớp, khả năng hoàn thành các động tác kĩ thuật Học phần học của từng sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua bài kiểm tra của từng sinh viên cuối Học phần học | H1 | 50% |
| | | | Tổng Tỉ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

*8.3. Thi kết thúc học phần*

| *Mục đích* | *Phương pháp kiểm tra đánh giá* | *CĐR học phần* | *Tỉ lệ* |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về kĩ năng, thực hành các kĩ thuật của sinh viên | Phương pháp đánh giá: Thi thực hành | H1 | 80% |

*Ngày 08 tháng 5 năm 2020*

| **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** |
|---|---|---|
| **PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng** | **TS. Phạm Hùng Mạnh** | **ThS. Nguyễn Thiện Tín** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: BƠI LỘI CƠ BẢN**
**Mã học phần: SP211034**

## 1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

*Tổng số tín chỉ*: 01; *Số tín chỉ lí thuyết*: 0; *Số tín chỉ thực hành*: 01
*Loại Học phần học*: Điều kiện
*Các yêu cầu đối với học phần*:
*Học phần học song hành*: Không.
*Học phần học trước*: Không.
*Học phần tiên quyết*: Không.
Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1. | Trần Văn Hưng | 0919140979 | hungtvh0979@gmai.com<br>tvhung@ttn.edu.vn |
| 2. | Chu Vương Thìn | 0975930600 | vuongthindk@gmai.com |

## 2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Bơi lội là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yếu thích và tập luyện, tập luyện bơi lội một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để tiến hành thực hiện tốt các công việc khác.

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức và cách thực hiện một số động tác bổ trợ kĩ thuật, phát triển thể lực và kĩ thuật bơi ếch.

Thực hiện cơ bản đúng kĩ thuật kiểu bơi ếch; Vận dụng được những hiểu biết về luật và tập luyện, phát triển thể lực chung, phục vụ cuộc sống, phòng tránh tai nạn sông nước. Ngoài ra Học phần học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong … tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác.

## 3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1. Nắm được cơ sở lí luận và hiện được kĩ thuật bơi ếch.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Biết thực hiện kĩ thuật cơ bản bơi lội để người học tập luyện nâng cao sức khỏe.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| Chuẩn đầu ra học phần | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | | | | | | | | | | | |

## 4. Cấu trúc học phần

| *TT* | *Nội dung* | *Số tiết* | *Tài liệu học tập* |
|---|---|---|---|
| *1* | Bài 1. Làm quen với nước<br>1.1. Hiểu tác dụng học tập Học phần bơi lội<br>1.2. Bài khởi động chung<br>1.3. Kĩ thuật chân ếch trên cạn<br>1.4. Làm quen với nước | LT: 0 tiết<br>BT: 3 tiết | [1] |
| *2* | Bài 2. Kĩ thuật bơi ếch<br>2.1. Kĩ thuật tay ếch trên cạn<br>2.2. Kĩ thuật chân ếch dưới nước | LT: 0 tiết<br>BT: 3 tiết | [1] |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 2.3. Kĩ thuật nổi người dưới nước | | |
| *3* | Bài 3. Kĩ thuật bơi ếch<br>3.1. Kĩ thuật nổi, lướt người dưới nước<br>3.2. Kĩ thuật tay ếch dưới nước | LT: 0 tiết<br>BT: 3 tiết | [1] |
| *4* | Bài 4. Kĩ thuật bơi ếch<br>4.1. KT nổi - lướt người - đạp chân ếch dưới nước<br>4.2. Kết hợp giữa tay – chân (không thở) | LT: 0 tiết<br>BT: 3 tiết | [1] |
| *5* | Bài 5. Kĩ thuật bơi ếch<br>5.1. Kết hợp giữa tay – chân (có thở) | LT: 0 tiết<br>BT: 3 tiết | [1] |
| *6* | Bài 6. Ôn tập<br>6.1. Bài khởi động chung<br>6.2. Tập kĩ thuật chân ếch dưới nước<br>6.3. Tập kĩ thuật tay ếch dưới nước<br>6.4. Phối hợp hoàn thiện kĩ thuật bơi ếch | LT: 0 tiết<br>BT: 3 tiết | [1] |
| *7* | Bài 7. Ôn tập<br>7.1. Bài khởi động chung<br>7.2. Tập thở<br>7.3. Tập kĩ thuật chân ếch dưới nước<br>7.4. Tập kĩ thuật tay ếch dưới nước<br>7.5. Phối hợp hoàn thiện kĩ thuật bơi ếch | LT: 0 tiết<br>BT: 3 tiết | [1] |
| *8* | Bài 8. Ôn tập<br>8.1. Bài khởi động chung<br>8.2. Tập thở<br>8.3. Tập kĩ thuật chân ếch dưới nước<br>8.4. Tập kĩ thuật tay ếch dưới nước<br>8.5. Phối hợp hoàn thiện kĩ thuật bơi ếch | LT: 0 tiết<br>BT: 3 tiết | [1] |
| *9* | Bài 9. Ôn tập<br>9.1. Bài khởi động chung<br>9.2. Tập thở<br>9.3. Tập kĩ thuật chân ếch dưới nước<br>9.4. Tập kĩ thuật tay ếch dưới nước<br>9.5. Phối hợp hoàn thiện kĩ thuật bơi ếch | LT: 0 tiết<br>BT: 3 tiết | [1] |
| *10* | Bài 10. Ôn tập<br>10.1. Bài khởi động chung<br>10.2. Tập thở<br>10.3. Tập kĩ thuật chân ếch dưới nước<br>10.4. Tập kĩ thuật tay ếch dưới nước<br>10.5. Phối hợp hoàn thiện kĩ thuật bơi ếch<br>10.6. Kiểm tra | LT: 0 tiết<br>BT: 3 tiết | |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | CĐR học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 1/3 | Bài 1. Làm quen với nước | H1 | *Phương pháp dạy học*: Phương pháp giảng giải, trực quan, … | *Hình thức đánh giá*: |

| *Buổi học/ số tiết* | *Nội dung* | *CĐR học phần* | *Hoạt động dạy và học* | *Bài đánh giá* |
|---|---|---|---|---|
| | 1.1. Hiểu tác dụng học tập Học phần bơi lội<br>1.2. Bài khởi động chung<br>1.3. Kĩ thuật chân ếch trên cạn<br>1.4. Làm quen với nước<br>1.4.1. Tập nín thở lâu dưới nước<br>1.4.2. Tập hít, thở dưới nước<br>1.4.3. Tập nổi người<br>1.4.3. Tập đứng lên | | *Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>- Giảng viên thị phạm động tác.<br>- Thực hành: Sinh viên quan sát nắm được kĩ thuật động tác.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Đọc tài liệu.<br>- Hiểu và thực hiện đúng kĩ thuật.<br>*Địa điểm học*: Hồ bơi. | - Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp.<br>- Hoàn thành bài tập được giao.<br>- Thực hiện đúng bài tập. |
| 1/3 | Bài 2. Kĩ thuật bơi ếch<br>2.1. Kĩ thuật tay ếch trên cạn<br>2.2. Kĩ thuật chân ếch dưới nước<br>2.3. Kĩ thuật nổi người dưới nước | H1 | *Phương pháp dạy học*:<br>Phương pháp giảng giải, trực quan, …<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Giảng viên thị phạm động tác.<br>- Thực hành: Sinh viên quan sát nắm được kĩ thuật động tác.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Đọc tài liệu.<br>- Thực hiện kĩ thuật động tác.<br>*Địa điểm học*: Hồ bơi. | *Hình thức đánh giá*:<br>- Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp.<br>- Hoàn thành bài tập được giao.<br>- Thực hiện đúng bài tập. |
| 1/3 | Bài 3. Kĩ thuật bơi ếch<br>3.1. Kĩ thuật nổi, lướt người dưới nước<br>3.2. Kĩ thuật tay ếch dưới nước | H1 | *Phương pháp dạy học*:<br>Phương pháp giảng giải, trực quan, …<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Giảng viên sửa động tác sai.<br>- Thực hành: Sinh viên thực hiện bài tập.<br>*Yêu cầu sinh viên*: Thực hiện kĩ thuật động tác.<br>*Địa điểm học*: Hồ bơi. | *Hình thức đánh giá*:<br>- Tích cực tập luyện trên lớp.<br>- Hoàn thành bài tập được giao.<br>- Thực hiện đúng bài tập. |
| 1/3 | Bài 4. Kĩ thuật bơi ếch<br>4.1. KT nổi - lướt người - đạp chân ếch dưới nước<br>4.2. Kết hợp giữa tay – chân (không thở) | H1 | *Phương pháp dạy học*:<br>Phương pháp giảng giải, trực quan, …<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Giảng viên thị phạm động tác. | *Hình thức đánh giá*:<br>- Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp. |

| *Buổi học/ số tiết* | *Nội dung* | *CĐR học phần* | *Hoạt động dạy và học* | *Bài đánh giá* |
|---|---|---|---|---|
| | | | - Thực hành: Sinh viên nắm được kĩ thuật.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Đọc tài liệu.<br>- Thực hiện kĩ thuật động tác.<br>*Địa điểm học*: Hồ bơi. | - Hoàn thành bài tập được giao.<br>- Thực hiện đúng bài tập. |
| 1/3 | Bài 5. Kĩ thuật bơi ếch<br>5.1. Kết hợp giữa tay – chân (có thở) | H1 | *Phương pháp dạy học*:<br>Phương pháp giảng giải, trực quan, …<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Giảng viên thị phạm động tác.<br>- Thực hành: Sinh viên quan sát nắm được kĩ thuật động tác.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Đọc tài liệu.<br>- Thực hiện kĩ thuật động tác.<br>*Địa điểm học*: Hồ bơi. | *Hình thức đánh giá*:<br>- Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp.<br>- Hoàn thành bài tập được giao.<br>- Thực hiện đúng bài tập. |
| 1/3 | Bài 6. Ôn tập<br>6.1. Bài khởi động chung<br>6.2. Tập kĩ thuật chân ếch dưới nước<br>6.3. Tập kĩ thuật tay ếch dưới nước<br>6.4. Phối hợp hoàn thiện kĩ thuật bơi ếch | H1 | *Phương pháp dạy học:*<br>Phương pháp giảng giải, thị phạm, làm mẫu, …<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Giảng viên sửa động tác sai.<br>- Thực hành: Sinh viên thực hiện bài tập.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Thực hiện kĩ thuật động tác.<br>*Địa điểm học*: Hồ bơi. | *Hình thức đánh giá*:<br>- Mức độ tích cực trên lớp.<br>- Hoàn thành bài tập.<br>- Thực hiện đúng bài tập. |
| 1/3 | Bài 7. Ôn tập<br>7.1. Bài khởi động chung<br>7.2. Tập thở<br>7.3. Tập kĩ thuật chân ếch dưới nước<br>7.4. Tập kĩ thuật tay ếch dưới nước<br>7.5. Phối hợp hoàn thiện kĩ thuật bơi ếch | H1 | *Phương pháp dạy học*:<br>Phương pháp giảng giải, thị phạm, …<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Giảng viên sửa động tác sai.<br>- Thực hành: Sinh viên thực hiện bài tập.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Đọc tài liệu.<br>- Thực hiện kĩ thuật động tác.<br>*Địa điểm học*: Hồ bơi. | *Hình thức đánh giá*:<br>- Mức độ tích cực tập luyện trên lớp.<br>- Hoàn thành bài tập được giao.<br>- Thực hiện bài tập. |

| *Buổi học/ số tiết* | *Nội dung* | *CĐR học phần* | *Hoạt động dạy và học* | *Bài đánh giá* |
|---|---|---|---|---|
| 1/3 | Bài 8. Ôn tập<br>8.1. Bài khởi động chung<br>8.2. Tập thở<br>8.3. Tập kĩ thuật chân ếch dưới nước<br>8.4. Tập kĩ thuật tay ếch dưới nước<br>8.5. Hoàn thiện kĩ thuật bơi ếch | H1 | *Phương pháp dạy học*:<br>Phương pháp giảng giải, thị phạm, làm mẫu, …<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Giảng viên sửa động tác sai.<br>- Thực hành: Sinh viên thực hiện bài tập.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Đọc tài liệu.<br>- Thực hiện kĩ thuật động tác.<br>*Địa điểm học*: Hồ bơi. | *Hình thức đánh giá*:<br>- Hoàn thành bài tập được giao.<br>- Thực hiện đúng bài tập. |
| 1/3 | Bài 9. Ôn tập<br>9.1. Bài khởi động chung<br>9.2. Tập thở<br>9.3. Tập kĩ thuật chân ếch dưới nước<br>9.4. Tập kĩ thuật tay ếch dưới nước<br>9.5. Hoàn thiện kĩ thuật bơi ếch | H1 | *Phương pháp dạy học*:<br>Phương pháp giảng giải, thị phạm, …<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Giảng viên sửa động tác sai.<br>- Thực hành: Sinh viên thực hiện bài tập.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Đọc tài liệu.<br>- Thực hiện kĩ thuật động tác.<br>*Địa điểm học*: Hồ bơi. | Hình thức đánh giá:<br>- Mức độ tích cực tập luyện trên lớp.<br>- Hoàn thành bài tập.<br>- Thực hiện đúng bài tập. |
| 1/3 | Bài 10. Ôn tập<br>10.1. Bài khởi động chung<br>10.2. Hoàn thiện kĩ thuật bơi ếch<br>10.3. Kiểm tra | H1 | *Phương pháp dạy học*:<br>Phương pháp trực quan, ...<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>Thực hành: Sinh viên ôn tập và kiểm tra.<br>Yêu cầu sinh viên:<br>Thực hiện đúng kĩ thuật.<br>*Địa điểm học*: Hồ bơi. | *Hình thức đánh giá*:<br>Hoàn thành bài tập được giao.<br>- Thực hiện đúng bài tập. |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình, sách học phần*

[1]. Nguyễn Văn Trạch (2009), *Giáo trình bơi lội*, Nxb TDTT, Hà Nội.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2]. Nguyễn Văn Trạch (1997), *Phương pháp giảng dạy bơi*, Nxb TDTT, Hà Nội.
[3]. Vũ Đào Hùng (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb TDTT, Hà Nội.
[4]. UB TDTT (2009), *Luật bơi lội*, Nxb TDTT, Hà Nội.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên**

*7.1. Phần lí thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

*7.2. Phần thực hành*

- Đọc trước tài liệu học tập.
- Thực hiện đúng động tác các kĩ thuật cơ bản bơi ếch.
- Tự tập luyện ngoại khóa Học phần bơi lội.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận*: Không.
*7.4. Phần khác*: Không.
*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

*8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 20%; Trọng số thi kết thúc học phần*:* 80%

*8.2. Thành phần,mục đích và Tỉ lệ điểm bộ phận*

| *TT* | *Thành phần* | *Mục đích* | *Phương thức kiểm tra, đánh giá* | *CĐR học phần* | *Tỉ lệ* |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp. | H1 | 50 |
| 2 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về kĩ thuật động tác. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra thực hành. | H1 | 50 |
| | | | Tổng Tỉ lệ thành phần của điểm bộ phận. | | 100% |

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| *Mục đích* | *Phương pháp kiểm tra đánh giá* | *CĐR học phần* | *Tỉ lệ* |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về kĩ thuật động tác và thành tích đạt được của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Thi thực hành. | H1 | 80% |

*Ngày 08 tháng 5 năm 2020*

| **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** |
|---|---|---|
| **PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng** | **TS. Phạm Hùng Mạnh** | **ThS. Trần Văn Hưng** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: CẦU LÔNG CƠ BẢN**
**Mã học phần: SP211035**

## 1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

*Tổng số tín chỉ*: 01; *Số tín chỉ lí thuyết*: 0; *Số tín chỉ thực hành*: 01
*Loại Học phần học*: Điều kiện
*Các yêu cầu đối với học phần*:
*Học phần học song hành*: Không.
*Học phần học trước*: Không.
*Học phần tiên quyết*: Không.
Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1. | Bùi Thị Thủy | 0906531377/ 0943543377 | quangthin242@gmai.com; btthuy@ttn.edu.vn |
| 2. | Lê Tử Trường | 0985582920 | tutruong67@yahoo.com.vn |
| 3. | Vũ Đình Công | 0986080004 | vudinhcongdhtn@gmail.com |

## 2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Cầu lông là một trong những học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện. Tập luyện cầu lông có tác dụng làm phát triển và hoàn thiện hệ vận động trong đó bao gồm các hệ cơ, hệ xương, hệ thần kinh; đồng thời phát triển tương ứng các hệ thống cơ quan khác của cơ thể như hệ hô hấp, hệ tuần hoàn… Cùng với hệ phát triển các hệ thống cơ quan của cơ thể là sự phát triển các tố chất vận động thể lực quan trọng của con người như: sức mạnh, sức nhanh, sức bền, khả năng phối hợp vận động.

Học phần trang bị cho sinh viên một số động tác, kĩ năng cơ bản cầu lông, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ.

Ngoài ra, tập luyện cầu lông góp phần tích cực hoàn thiện về nhân cách, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong, tính tự tin, lòng quyết tâm... Tập luyện và thi đấu cầu lông còn có tác dụng tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị sự hiểu biết lẫn nhau giữa con người với con người, giữa các dân tộc và các quốc gia khác nhau trên thế giới.

## 3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1. Nắm được kĩ thuật cơ bản cầu lông để vận dụng tập luyện và thi đấu.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Biết thực hiện kĩ thuật cơ bản cầu lông để người học tập luyện nâng cao sức khỏe.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| Chuẩn đầu ra học phần | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | | | | | | | | | | | |

## 4. Cấu trúc học phần

| *TT* | *Nội dung* | *Số tiết* | *Tài liệu học tập* |
|---|---|---|---|
| *1* | Chương 1. Giới thiệu Học phần cầu lông<br>Nguồn gốc và lịch sử phát triển<br>Ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện và thi đấu cầu lông. | 1 Tiết | [1],[3],[4]. |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 2 | Chương 2. Luật thi đấu cầu lông<br>Kích thước sân<br>Một số Điều luật thi đấu cơ bản | 1 Tiết | [1],[2],[3] |
| 2 | Chương 3. Các kĩ thuật cơ bản<br>Cách cầm cầu, cầm vợt và tư thế chuẩn bị cơ bản<br>Kĩ thuật di chuyển<br>Di chuyển đơn bước<br>Di chuyển đa bước<br>Kĩ thuật giao cầu<br>Kĩ thuật giao cầu thuận tay<br>Kĩ thuật giao cầu trái tay<br>Kĩ thuật đánh cầu thấp tay<br>Kĩ thuật đánh cầu thấp thuận tay<br>Kĩ thuật đánh cầu thấp trái tay<br>Kĩ thuật đánh cầu trên đầu (cao xa)<br>Bài tập bổ trợ | 28 Tiết | [1], [2], [3] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | CĐR học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 1/3 | Bài 1: Giới thiệu Học phần cầu lông - Cách cầm cầu, vợt và tư thế chuẩn bị cơ bản – Kĩ thuật di chuyển đơn bước - Kĩ thuật đánh cầu thấp tay.<br>1. 1.1. Khởi động chung<br>2. 1.2. Giới thiệu Học phần Cầu lông<br>3. Cách cầm cầu- vợt<br>4. Các tư thế chuẩn bị cơ bản<br>5. Kĩ thuật di chuyển đơn bước<br>6. Kĩ thuật đánh cầu thấp tay:<br>- Đánh cầu thấp thuận tay<br>- Đánh cầu thấp trái tay | H1 | *Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày: giảng giải, phân tích kĩ thuật, nêu vấn đề và xử lí tình huống.<br>- Thực hành: thực hiện kĩ thuật động tác theo sự hướng dẫn của giảng viên.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>Tự giác, tích cực trong quá trình học và tập luyện.<br>*Địa điểm học*: Sân cầu lông. | - Mức độ tích cực tham gia tập luyện.<br>- Hoàn thành bài tập được giao.<br>- Thực hiện kĩ thuật động tác trước lớp. |
| 1/3 | Bài 2: Kĩ thuật giao cầu - Luật thi đấu<br>2.1. Khởi động chung<br>2.2. Luật thi đấu<br>2.3. Ôn kĩ thuật đánh cầu thấp tay<br>2.4. Kĩ thuật giao cầu<br>2.5 . Bài tập bổ trợ | H1 | *Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>- Thực hành: thực hiện kĩ thuật động tác theo sự hướng dẫn của giảng viên.<br>*Yêu cầu sinh viên*: | - Mức độ tích cực tham gia tập luyện.<br>- Hoàn thành bài tập được giao.<br>- Thực hiện kĩ thuật động tác trước lớp. |

| *Buổi học/ số tiết* | *Nội dung* | *CĐR học phần* | *Hoạt động dạy và học* | *Bài đánh giá* |
|---|---|---|---|---|
| | | | Tự giác, tích cực, chủ động và sáng tạo trong quá trình học và tập luyện.…<br>*Địa điểm học*: Sân cầu lông. | |
| 1/3 | Bài 3: Kĩ thuật đánh cầu trên đầu (cao xa) – Kĩ thuật di chuyển đa bước<br>3.1. Khởi động chung<br>3.2. Ôn kĩ thuật giao cầu và đánh cầu thấp tay<br>3.3. Kĩ thuật đánh cầu trên đầu (cao xa)<br>3.4. Kĩ thuật di chuyển đa bước | H1 | *Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>- Thực hành: thực hiện kĩ thuật động tác theo sự hướng dẫn của giảng viên.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>Tự giác, tích cực trong quá trình học và tập luyện.…<br>*Địa điểm học*: Sân cầu lông. | - Mức độ tích cực tham gia tập luyện.<br>- Hoàn thành bài tập được giao.<br>- Thực hiện kĩ thuật động tác trước lớp. |
| 6/3 | Bài 4: Ôn tập và thi đấu<br>Khởi động chung<br>Ôn kĩ thuật giao cầu<br>4.3. Ôn kĩ thuật đánh cầu thấp tay và đánh cầu trên đầu (cao xa)<br>Bài tập bổ trợ/thi đấu | H1 | *Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học*:<br>Tập luyện theo sự hướng dẫn của giảng viên.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>Tự giác, tích cực trong quá trình tập luyện.…<br>*Địa điểm học*: Sân cầu lông. | - Mức độ tích cực tham gia tập luyện.<br>- Hoàn thành bài tập được giao.<br>- Thực hiện kĩ thuật động tác trước lớp. |
| 1/3 | Bài 5: Ôn tập và kiểm tra<br>Khởi động chung<br>Ôn tập và kiểm tra | | *Địa điểm học*: Sân cầu lông. | Thực hiện kĩ thuật đánh cầu (thấp tay và cao tay) |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Trần Văn Vinh (2010), *Giáo trình Cầu lông*, Nxb ĐHSP, Hà Nội.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2]. Nguyễn Quý Bình, Nguyễn Hạc Thúy (2000*), Huấn luyện thể lực cho vận động viên cầu lông*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[3]. Trần Văn Vinh (2000), *Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài cầu lông,* Nxb TDTT, Hà Nội.

[4]. Tổng cục thể dục thể thao (2009), *Luật cầu lông*, Nxb TDTT, Hà Nội.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lí thuyết, bài tập*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

*7.2. Phần thực hành*

- Đọc trước tài liệu học tập.

- Thực hiện đúng động tác các kĩ thuật cơ bản cầu lông.
- Tự tập luyện Học phần cầu lông.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận*: Không.

*7.4. Phần khác*: Không.

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

*8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%

*8.2. Thành phần, mục đích và Tỉ lệ điểm bộ phận*

| *TT* | *Thành phần* | *Mục đích* | *Phương thức kiểm tra, đánh giá* | *CĐR học phần* | *Tỉ lệ* |
|---|---|---|---|---|---|
| *1* | *Đánh giá chuyên cần* | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1 | 25% |
| *2* | *Bài tập cá nhân* | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên. | H1 | 25% |
| *3* | *Bài kiểm tra định kỳ* | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kĩ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kĩ năng tái hiện kiến thức. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra thực hành. | H1 | 50% |
| | | | Tổng Tỉ lệ thành phần của điểm bộ phận. | | 100% |

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| *Mục đích* | *Phương pháp kiểm tra đánh giá* | *CĐR học phần* | *Tỉ lệ* |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kĩ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Thực hành. | H1 | 80% |

*Ngày 08 tháng 5 năm 2020*

| **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** |
|---|---|---|
| **PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng** | **TS. Phạm Hùng Mạnh** | **ThS. Bùi Thị Thủy** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: BÓNG BÀN CƠ BẢN**
**Mã học phần: SP211042**

## 1.Thông tin chung về học phần và giảng viên

*Tổng số tín chỉ*: 01; *Số tín chỉ lí thuyết*: 0; *Số tín chỉ thực hành*: 01
*Loại Học phần học*: Điều kiện
*Các yêu cầu đối với học phần*:
*Học phần học song hành*: Không.
*Học phần học trước*: Không.
*Học phần tiên quyết*: Không.
Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1. | Phạm Xuân Trí | 0941118787 | placiopham@gmail.com |
| 2. | Lê Tử Trường | 0985582920 | tutruong67@yahoo.com.vn |

## 2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Bóng bàn là một Học phần thể thao tương đối phát triển ở nước ta. Trong kế hoạch đào tạo của nhà trường, học phần bóng bàn là một trong những học phần cơ bản đối với chuyên ngành Giáo dục Thể chất dành cho sinh viên.

Học phần trang bị cho sinh viên những nguyên lí chung, lí luận về kĩ, chiến thuật bóng bàn. Nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Thực hiện thuần thục một số kĩ thuật cơ bản, có khả năng thực hiện động tác đẹp, chính xác, trình độ căn bản tốt.

## 3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1. Thực hiện được kĩ thuật cơ bản líp, gò bóng trong bóng bàn.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Biết thực hiện kĩ thuật cơ bản bóng bàn để người học tập luyện nâng cao sức khỏe.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| Chuẩn đầu ra học phần | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | | | | | | | | | | | |

## 4. Cấu trúc học phần

| *TT* | *Nội dung* | *Số tiết* | *Tài liệu học tập* |
|---|---|---|---|
| *1* | Chương 1. Kĩ thuật líp bóng thuận, trái tay<br>1.1. Nguyên lí kĩ thuật động tác líp bóng thuận tay<br>1.2. Nguyên lí kĩ thuật động tác líp bóng trái tay | LT: 0 tiết<br>BT: 12 tiết | [1] |
| *2* | Chương 2. Kĩ thuật gò bóng<br>2.1. Nguyên lí kĩ thuật động tác gò bóng thuận tay<br>2.2. Nguyên lí kĩ thuật động tác gò bóng trái tay | LT: 0 tiết<br>BT: 12 tiết | [1] |
| *3* | Chương 3: Kĩ thuật giao bóng<br>3.1. Kĩ thuật giao bóng thuận tay<br>3.2. Kĩ thuật giao bóng trái tay | LT: 0 tiết<br>BT: 6 tiết | [1] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| *Buổi học/ số tiết* | *Nội dung* | *CĐR học phần* | *Hoạt động dạy và học* | *Bài đánh giá* |
|---|---|---|---|---|
| 2/3 | Chương 1. Kĩ thuật líp bóng thuận, trái tay<br>1.1. Nguyên lí kĩ thuật động tác líp bóng thuận tay<br>1.1.1. Nguyên lí kĩ thuật động tác líp bóng thuận tay<br>1.1.2. Nguyên lí kĩ thuật đánh bóng kĩ thuật líp bóng thuận tay | H1. Biết và bước đầu hình thành kĩ thuật thuật líp bóng thuận tay | *Phương pháp dạy học*: Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quang.<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện.<br>- Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc.<br>*Địa điểm học*: Nhà thi đấu. | - Bài kiểm tra Thực hành kĩ thuật líp bóng thuận tay.<br>- Hình thức đánh giá của từng bài: Bằng thực hành trực tiếp. |
| 2/3 | Chương 1. Kĩ thuật líp bóng thuận, trái tay<br>1.2. Nguyên lí kĩ thuật động tác líp bóng trái tay<br>1.1.1. Nguyên lí kĩ thuật động tác líp bóng trái tay<br>1.1.2. Nguyên lí kĩ thuật đánh bóng kĩ thuật líp bóng trái tay | H1. Biết và bước đầu hình thành kĩ thuật thuật líp bóng trái tay | *Phương pháp dạy học*: Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quang.<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện.<br>- Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học.<br>*Yêu cầu sinh viên*: Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc.<br>*Địa điểm học*: Nhà thi đấu. | - Bài kiểm tra Thực hành kĩ thuật líp bóng trái tay.<br>- Hình thức đánh giá của từng bài: Bằng thực hành trực tiếp. |
| 2/3 | Chương 2. Kĩ thuật gò bóng thuận, trái tay<br>2.1. Nguyên lí kĩ thuật động tác gò bóng thuận tay<br>2.1.1. Nguyên lí kĩ thuật động tác gò bóng thuận tay<br>2.1.2. Nguyên lí kĩ thuật đánh bóng kĩ thuật gò bóng thuận tay | H1. Biết và bước đầu hình thành kĩ thuật thuật gò bóng thuận tay | *Phương pháp dạy học*: Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quang.<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện.<br>- Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc.<br>*Địa điểm học*: Nhà thi đấu. | - Bài kiểm tra Thực hành kĩ thuật gò bóng thuận tay.<br>- Hình thức đánh giá của từng bài: Bằng thực hành trực tiếp. |
| 2/3 | Chương 2. Kĩ thuật gò bóng thuận, trái tay<br>2.2. Nguyên lí kĩ thuật động tác gò bóng trái tay | H1. Biết và bước đầu hình thành kĩ thuật thuật | *Phương pháp dạy học*: Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quang.<br>*Hình thức tổ chức dạy học*: | - Bài kiểm tra Thực hành kĩ thuật gò |

| *Buổi học/ số tiết* | *Nội dung* | *CĐR học phần* | *Hoạt động dạy và học* | *Bài đánh giá* |
|---|---|---|---|---|
| | 2.2.1. Nguyên lí kĩ thuật động tác gò bóng trái tay<br>2.2.2. Nguyên lí kĩ thuật đánh bóng kĩ thuật gò bóng trái tay | gò bóng trái tay | - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện.<br>- Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc.<br>*Địa điểm học*: Nhà thi đấu. | bóng trái tay.<br>- Hình thức đánh giá của từng bài: Bằng thực hành trực tiếp. |
| 1/3 | Chương 3. Kĩ thuật giao bóng thuận, trái tay<br>3.1. Nguyên lí kĩ thuật động tác giao bóng thuận tay | H1. Biết và bước đầu hình thành kĩ thuật thuật giao bóng thuận tay | *Phương pháp dạy học*: Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quang.<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện.<br>- Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc.<br>*Địa điểm học*: Nhà thi đấu. | - Bài kiểm tra Thực hành kĩ thuật giao bóng thuận tay.<br>- Hình thức đánh giá của từng bài: Bằng thực hành trực tiếp. |
| 1/3 | Chương 3. Kĩ thuật giao bóng thuận, trái tay<br>3.2. Nguyên lí kĩ thuật động tác giao bóng trái tay | H1. Biết và bước đầu hình thành kĩ thuật thuật giao bóng trái tay | *Phương pháp dạy học*: Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quang,<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện.<br>- Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc.<br>*Địa điểm học*: Nhà thi đấu. | - Bài kiểm tra Thực hành kĩ thuật giao bóng trái tay.<br>- Hình thức đánh giá của từng bài: Bằng thực hành trực tiếp. |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1]. Nguyễn Danh Thái (1997), *Bóng bàn hiện đại*, Nxb, TDTT, Hà Nội.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2]. Phạm Đình Bẩm (2010), *Tâm lí học trong thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[3]. Vũ Đào Hùng (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[4]. Vũ Đức Thu, Trương Anh Tuấn (2009), *Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb, ĐHSP, Hà Nội.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên**

*7.1. Phần lí thuyết, bài tập, thảo luận*

Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.

*7.2. Phần thí nghiệm, thực* hành: Có.
*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận*: Không.
*7.4. Phần khác*: Không.
*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

*8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%

*8.2. Thành phần, mục đích và Tỉ lệ điểm bộ phận*

| *TT* | *Thành phần* | *Mục đích* | *Phương thức kiểm tra, đánh giá* | *CĐR học phần* | *Tỉ lệ* |
|---|---|---|---|---|---|
| *1* | *Đánh giá chuyên cần* | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ tập ở lớp, ở nhà của sinh viên. | | 25% |
| *2* | *Bài kiểm tra thực hành* | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua bài thực hành trên lớp của sinh viên. | H1 | 25% |
| *3* | *Kiểm tra định kì* | Đánh giá hiểu nội dung Học phần học trên lớp, khả năng hoàn thành các động tác kĩ thuật Học phần học của từng sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua bài kiểm tra của từng sinh viên cuối Học phần học. | H1 | 50% |
| | | | Tổng Tỉ lệ thành phần của điểm bộ phận. | | 100% |

*8.3. Thi kết thúc học phần*

| *Mục đích* | *Phương pháp kiểm tra đánh giá* | *CĐR học phần* | *Tỉ lệ* |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về kĩ năng, thực hành các kĩ thuật của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Thi thực hành. | H1 | 80% |

*Ngày 08 tháng 5 năm 2020*

| **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** |
|---|---|---|
| **PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng** | **TS. Phạm Hùng Mạnh** | **ThS. Phạm Xuân Trí** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: THỂ DỤC NHỊP ĐIỆU CƠ BẢN**
**Mã học phần: SP211036**

## 1.Thông tin chung về học phần và giảng viên

*Tổng số tín chỉ*: 01; *Số tín chỉ lí thuyết*: 0; *Số tín chỉ thực hành*: 01
*Loại Học phần học*: Điều kiện
*Các yêu cầu đối với học phần*:
*Học phần học song hành*: Không.
*Học phần học trước*: Không.
*Học phần tiên quyết*: Không.
Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1. | Trần Thị Thu | 0948476647 | thutd2002@gmail.com |
| 2. | Lê Tử Trường | 0985582920 | tutruong67@yahoo.com.vn |

## 2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Bài tập Thể dục Aerobic phải mang tính liên tục, sự mềm dẻo, sức mạnh cũng như việc sử dụng 7 bước cơ bản với mức độ hoàn hảo cao cũng như việc thực hiện không sai xót nhóm động tác có độ khó.

Bài tập của Thể dục Aerobic là khả năng thực hiện liên tiếp những cấu trúc có cường độ cao và phức tạp kết hợp với âm nhạc mà nguồn gốc là khiêu vũ cổ điển. Mục đích chính của Học phần khiêu vũ cổ điển này là nhằm cải thiện sức bền tim mạch và nâng cao sức khỏe.

Thể dục Aerobic không chỉ là một Học phần nhằm huấn luyện thể lực cho cộng đồng người dân từ cuối những năm 80 mà nó còn là một Học phần thể thao mang tính thi đấu cao hàng đầu. Aerobic trình diễn những di chuyển sống động, sức mạnh mềm dẻo, sự phối hợp vận động và kết hợp âm nhạc trong một bài tập kéo dài dưới 2 phút.

## 3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

*3.1. Mục tiêu học phần:*

MT1. Trang bị những kĩ năng động tác, thực hiện kĩ thuật động tác chính xác.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Biết thực hiện kĩ thuật cơ bản trong Học phần Thể dục nhịp điệu để người học tập luyện nâng cao sức khỏe.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| Chuẩn đầu ra học phần | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | | | | | | | | | | | |

## 4. Cấu trúc học phần

| *TT* | *Nội dung* | *Số tiết* | *Tài liệu học tập* |
|---|---|---|---|
| *1* | BÀI 1: Giảng dạy từ động tác 1 – 12<br>1.1. Kĩ thuật động tác 1 - 12<br>1.1.1. Mô tả chung<br>1.1.2. Yêu cầu tối thiểu<br>1.1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật | LT: 0 tiết<br>BT: 3 tiết | [1] |
| *2* | Bài 2: Giảng dạy từ động tác 13 – 20<br>2.1. Kĩ thuật động tác 13 -20<br>2.1.1. Mô tả chung | LT: 0 tiết<br>BT: 3 tiết | [1] |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 2.1.2. Yêu cầu tối thiểu<br>2.1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật | | |
| *3* | Bài 3: Giảng dạy từ động tác 21 – 27<br>3.1. Kĩ thuật động tác 21 - 27<br>3.1.1. Mô tả chung<br>3.1.2. Yêu cầu tối thiểu<br>3.1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật | LT: 0 tiết<br>BT: 3 tiết | [1] |
| *4* | Bài 4 : Giảng dạy từ động tác 28 – 32<br>4.1. Kĩ thuật động tác 28 - 32<br>4.1.1. Mô tả chung<br>4.1.2. Yêu cầu tối thiểu<br>4.1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật | LT: 0 tiết<br>BT: 3 tiết | [1] |
| *5* | Bài 5: Ôn tập từ động tác 1 đến 20<br>5.1. Nối bài liên hoàn từ động tác 1 đến 20<br>5.1.1. Nghe nhạc, đếm nhịp, ghép nhạc với động tác | LT: 0 tiết<br>BT: 3 tiết | [1] |
| *6* | Bài 6: Ôn tập từ động tác 21 đến 32<br>6.1. Nối bài liên hoàn từ động tác 21 đến 32<br>6.1.1. Nghe nhạc, đếm nhịp, ghép nhạc với động tác | LT: 0 tiết<br>BT: 3 tiết | [1] |
| *7* | Bài 7: Ôn tập toàn bài<br>7.1. Nối bài liên hoàn từ động tác 1 đến 32<br>7.1.1. Nghe nhạc, đếm nhịp, ghép nhạc với động tác | LT: 0 tiết<br>BT: 3 tiết | [1] |
| *8* | Bài 8: Ôn tập toàn bài<br>8.1. Nối bài liên hoàn từ động tác 1 đến 32<br>8.1.1. Nghe nhạc, đếm nhịp, ghép nhạc với động tác | LT: 0 tiết<br>BT: 3 tiết | [1] |
| *9* | Bài 9: Ôn tập toàn bài và kiểm tra thường xuyên | LT: 0 tiết<br>BT: 3 tiết | [1] |
| *10* | Bài 10: Ôn tập toàn bài | LT: 0 tiết<br>BT: 3 tiết | [1] |

**5. Kếhoạch và phương pháp dạy học**

| *Buổi học/ số tiết* | *Nội dung* | *CĐR học phần* | *Hoạt động dạy và học* | *Bài đánh giá* |
|---|---|---|---|---|
| 1/3 | Bài 1: Giảng dạy từ động tác 1 – 12<br>1.1. Kĩ thuật động tác 1 - 12<br>1.1.1. Mô tả chung<br>1.1.2. Yêu cầu tối thiểu<br>1.1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật | H1 | *Phương pháp dạy học*:<br>Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan.<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Nghe giảng viên hướng dẫn tập luyện.<br>- Tập luyện, tự học.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Tập trung chú ý thực hiện bài tập.<br>*Địa điểm học*: Sân vận động. | *Hình thức đánh giá*:<br>- Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp.<br>- Hoàn thành bài tập được giao.<br>- Thực hiện đúng bài tập. |
| 1/3 | Bài 2: Giảng dạy từ động tác 13 -20<br>1.1. Kĩ thuật động tác 13 - 20 | H1 | *Phương pháp dạy học*:<br>Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan.<br>*Hình thức tổ chức dạy học*: | *Hình thức đánh giá*:<br>- Mức độ tích cực tham gia |

| *Buổi học/ số tiết* | *Nội dung* | *CĐR học phần* | *Hoạt động dạy và học* | *Bài đánh giá* |
|---|---|---|---|---|
| | 1.1.1. Mô tả chung<br>1.1.2. Yêu cầu tối thiểu<br>1.1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật | | - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện.<br>- Tập luyện, tự học.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Tập trung chú ý thực hiện bài tập.<br>*Địa điểm học*: Sân vận động. | tập luyện trên lớp.<br>- Hoàn thành bài tập được giao.<br>- Thực hiện đúng bài tập. |
| 1/3 | Bài 3: Giảng dạy từ động tác 21 -27<br>1.1. Kĩ thuật động tác 21 -27<br>1.1.1. Mô tả chung<br>1.1.2. Yêu cầu tối thiểu<br>1.1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật | H1 | *Phương pháp dạy học*:<br>Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan.<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện.<br>- Tập luyện, tự học.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Tập trung chú ý thực hiện bài tập.<br>*Địa điểm học*: Sân vận động. | - Bài kiểm tra thực hành từng động tác<br>- Hình thức đánh giá của từng bài: Bằng thực hành trực tiếp trên Sân vận động. |
| 1/3 | Bài 4: Giảng dạy từ động tác 28 -32<br>1.1. Kĩ thuật động tác 28 -32<br>1.1.1. Mô tả chung<br>1.1.2. Yêu cầu tối thiểu<br>1.1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật | H1 | *Phương pháp dạy học*:<br>Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan.<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Nghe giảng và quan sát giảng viên.<br>- Tập luyện theo nhịp đếm của giảng viên, tự học.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Tập trung chú ý thực hiện bài tập.<br>*Địa điểm học*: Sân vận động. | *Hình thức đánh giá*:<br>- Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp.<br>- Hoàn thành bài tập được giao.<br>- Thực hiện đúng bài tập |
| 1/3 | Bài 5: Ôn tập từ động tác 1 đến 20<br>5.1. Nối bài liên hoàn từ động tác 1 đến 20<br>5.1.1. Nghe nhạc, đếm nhịp, ghép nhạc với động tác | H1 | *Phương pháp dạy học*:<br>Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan.<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Giảng viên hướng dẫn tập luyện.<br>- Tập luyện theo nhịp đếm của giảng viên.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Tập trung chú ý thực hiện bài tập.<br>*Địa điểm học*: Sân vận động. | *Hình thức đánh giá*:<br>- Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp.<br>- Hoàn thành bài tập được giao.<br>- Thực hiện đúng bài tập. |
| 1/3 | Bài 6: Ôn tập từ động tác 21 đến 27 | H1 | *Phương pháp dạy học*: | *Hình thức đánh giá*: |

| *Buổi học/ số tiết* | *Nội dung* | *CĐR học phần* | *Hoạt động dạy và học* | *Bài đánh giá* |
|---|---|---|---|---|
| | 6.1. Nối bài liên hoàn từ động tác 21 đến 27<br>6.1.1. Nghe nhạc, đếm nhịp, ghép nhạc với động tác | | Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan.<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Giảng viên hướng dẫn tập luyện.<br>- Tập luyện theo nhịp đếm của giảng viên, tự học.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Tập trung chú ý thực hiện bài tập.<br>*Địa điểm học*: Sân vận động. | - Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp.<br>- Hoàn thành bài tập được giao.<br>- Thực hiện đúng bài tập. |
| 1/3 | Bài 7: Ôn tập từ động tác 28 đến 32<br>7.1. Nối bài liên hoàn từ động tác 21 đến 27<br>7.1.1. Nghe nhạc, đếm nhịp, ghép nhạc với động tác | H1 | *Phương pháp dạy học*:<br>Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan.<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Giảng viên hướng dẫn tập luyện.<br>- Tập luyện theo nhịp đếm của giảng viên, tự học.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Tập trung chú ý thực hiện bài tập.<br>*Địa điểm học*: Sân vận động. | *Hình thức đánh giá*:<br>- Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp.<br>- Hoàn thành bài tập được giao.<br>- Thực hiện đúng bài tập. |
| 1/3 | Bài 8: Ôn tập từ động tác đến 27<br>8.1. Nối bài liên hoàn từ động tác 21 đến 27<br>8.1.1. Nghe nhạc, đếm nhịp, ghép nhạc với động tác | H1 | *Phương pháp dạy học*:<br>Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan.<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Giảng viên hướng dẫn tập luyện.<br>- Tập luyện theo nhịp đếm của giảng viên, tự học.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Tập trung chú ý thực hiện bài tập.<br>*Địa điểm học*: Sân vận động. | *Hình thức đánh giá*:<br>- Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp.<br>- Hoàn thành bài tập được giao.<br>- Thực hiện đúng bài tập. |
| 1/3 | Bài 9: Ôn tập và kiểm tra thường xuyên | H1 | *Phương pháp dạy học*:<br>Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan.<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Giảng viên hướng dẫn tập luyện<br>- Tập luyện theo nhịp đếm của giảng viê, tự học.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Tập trung chú ý thực hiện bài tập. | *Hình thức đánh giá*:<br>- Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp.<br>- Hoàn thành bài tập được giao.<br>- Thực hiện đúng bài tập. |

| *Buổi học/ số tiết* | *Nội dung* | *CĐR học phần* | *Hoạt động dạy và học* | *Bài đánh giá* |
|---|---|---|---|---|
| | | | *Địa điểm học*: Sân vận động. | |
| 1/3 | Bài 10: Ôn tập toàn bài | H1 | *Phương pháp dạy học*:<br>Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan.<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Giảng viên hướng dẫn tập luyện.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Tập trung chú ý thực hiện bài tập.<br>*Địa điểm học*: Sân vận động. | *Hình thức đánh giá*:<br>- Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp.<br>- Hoàn thành bài tập được giao. |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1]. *Giáo trình Học phần thể dục* (2010), Nxb. Trường ĐH TDTT TP HCM

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2]. Phạm Đình Bẩm (2010), *Tâm lí học trong thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[3]. Vũ Đào Hùng (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[4]. Vũ Đức Thu, Trương Anh Tuấn (2009), *Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb, ĐHSP, Hà Nội.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên**

*7.1. Phần lí thuyết, bài tập, thảo luận.*

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành*: Có.

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Thực hiện đúng động tác bài mẫu.
- Tự tập luyện ngoại khóa Học phần TDNĐ.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận*: Không.

*7.4. Phần khác*: Không.

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

*8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%

*8.2. Thành phần, mục đích và Tỉ lệ điểm bộ phận*

| *TT* | *Thành phần* | *Mục đích* | *Phương thức kiểm tra, đánh giá* | *CĐR học phần* | *Tỉ lệ* |
|---|---|---|---|---|---|
| *1* | *Đánh giá chuyên cần* | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ tập ở lớp, ở nhà của sinh viên. | | 25% |
| *2* | *Bài kiểm tra thực hành* | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua bài thực hành trên lớp của sinh viên. | H1 | 25% |
| *3* | *Kiểm tra định kỳ* | Đánh giá hiểu nội dung Học phần học trên lớp, khả năng | Phương pháp đánh giá: Thi thực hành. | H1 | 50% |

| *TT* | *Thành phần* | *Mục đích* | *Phương thức kiểm tra, đánh giá* | *CĐR học phần* | *Tỉ lệ* |
|---|---|---|---|---|---|
| | | hoàn thành các động tác kĩ thuật Học phần học của từng sinh viên. | | | |
| | | | Tổng Tỉ lệ thành phần của điểm bộ phận. | | 100% |

*8.3. Thi kết thúc học phần*

| *Mục đích* | *Phương pháp kiểm tra đánh giá* | *CĐR học phần* | *Tỉ lệ* |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về kĩ năng, thực hành các kĩ thuật của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Thi thực hành. | H1 | 80% |

*Ngày 08 tháng 5 năm 2020*

| **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** |
|---|---|---|
| **PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng** | **TS. Phạm Hùng Mạnh** | **ThS. Trần Thị Thu** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: TAEKWONDO CƠ BẢN**
**Mã học phần: SP211037**

## 1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

*Tổng số tín chỉ*: 01; *Số tín chỉ lí thuyết*: 0; *Số tín chỉ thực hành*: 01
*Loại Học phần học*: Điều kiện
*Các yêu cầu đối với học phần*:
*Học phần học song hành*: Không.
*Học phần học trước*: Không.
*Học phần tiên quyết*: Không.
Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1. | Y – Rô Bi Bkrông | 0974335326 | bidaihiep@gmail.com |
| 2. | Trần Văn Hưng | 0919140979 | hungtvh0979@gmai.com; tvhung@ttn.edu.vn |

## 2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Cũng như các Học phần thể thao khác, Taekwondo là Học phần thể thao thi đấu đối kháng cá nhân trực tiếp giữa 2 đấu thủ, được thực hiện với khối lượng và cường độ cao luôn biến động trong thời gian dài, ra đòn liên tục, tập trung cao, phán đoán nhanh, vận dụng hầu hết các cơ quan trong cơ thể.

## 3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1. Thực hiện được các động tác kĩ thuật cơ bản Taekwondo.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Biết thực hiện kĩ thuật cơ bản TaeKwondo để người học tập luyện nâng cao sức khỏe.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| Chuẩn đầu ra học phần | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | | | | | | | | | | | |

## 4. Cấu trúc học phần

| *TT* | *Nội dung* | *Số tiết* | *Tài liệu học tập* |
|---|---|---|---|
| 1 | Chương 1: Giới thiệu nội dung học Học phần Teakwondo, học kĩ thuật đỡ hạ đẳng, kĩ thuật đỡ trung đẳng.<br>1.1. Mô tả chung<br>1.2. Yêu cầu tối thiểu<br>1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật | LT: 0 tiết<br>BT: 6 tiết | [1] |
| 2 | Chương 2: Học kĩ thuật đỡ thượng đẳng, kĩ thuật đòn đá số 1, kĩ thuật đòn đá số 2.<br>2.1. Mô tả chung<br>2.2. Yêu cầu tối thiểu<br>2.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật | LT: 0 tiết<br>BT: 6 tiết | [1] |
| 3 | Chương 3: Học kĩ thuật đòn đá số 3, Kĩ thuật tam thế đối luyện trung đẳng (Sebeon Kyorugi), Kĩ thuật tam thế đối luyện trung | LT: 0 tiết<br>BT: 6 tiết | [1] |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | đẳng (Sebeon Kyorugi), Kĩ thuật tam thế đối luyện thượng đẳng (Sebeon Kyorugi)<br>3.1. Mô tả chung<br>3.2. Yêu cầu tối thiểu<br>3.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật | | |
| 4 | Chương 4: Học bài Quyền số 1, thể lực<br>4.1. Mô tả chung<br>4.2. Yêu cầu tối thiểu<br>4.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật | LT: 12 tiết<br>BT: 0 tiết | [1] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| *Buổi học/ số tiết* | *Nội dung* | *CĐR học phần* | *Hoạt động dạy và học* | *Bài đánh giá* |
|---|---|---|---|---|
| 2/3 | Chương 1: Giới thiệu nội dung học Học phần Teakwondo, học kĩ thuật đỡ hạ đẳng, kĩ thuật đỡ trung đẳng.<br>1.1. Mô tả chung<br>1.2. Yêu cầu tối thiểu<br>1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật | H1 | *Phương pháp dạy học*: Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quang.<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện.<br>- Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học.<br>Yêu cầu sinh viên:<br>- Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc.<br>*Địa điểm học*: Sân vận động. | - Bài kiểm tra thực hành kĩ thuật di chuyển.<br>- Hình thức đánh giá của từng bài: Bằng thực hành trực tiếp trên sân vận động. |
| 2/3 | Chương 2: Học kĩ thuật đỡ thượng đẳng, kĩ thuật đòn đá số 1, kĩ thuật đòn đá số 2.<br>2.1. Mô tả chung<br>2.2. Yêu cầu tối thiểu<br>2.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật | H1 | *Phương pháp dạy học*: Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quang.<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện.<br>- Tập luyện và thảo luận theo nhóm.<br>Yêu cầu sinh viên:Tập trung chú ý, thực hiện bài tập.<br>*Địa điểm học*: Sân vận động. | - Bài kiểm tra thực hành kĩ thuật di chuyển.<br>- Hình thức đánh giá của từng bài: Bằng thực hành trực tiếp trên sân vận động. |
| 2/3 | Chương 3: Học kĩ thuật đòn đá số 3, Kĩ thuật tam thế đối luyện trung đẳng (Sebeon Kyorugi), Kĩ thuật tam thế đối luyện trung đẳng (Sebeon Kyorugi), Kĩ thuật tam thế đối luyện | H1 | *Phương pháp dạy học*: Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quang.<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. | Câu hỏi nhanh trong vòng 2-3 phút để đánh giá mức độ hiểu, nắm bắt nội dung bài học. |

| *Buổi học/ số tiết* | *Nội dung* | *CĐR học phần* | *Hoạt động dạy và học* | *Bài đánh giá* |
|---|---|---|---|---|
| | thượng đẳng (Sebeon Kyorugi)<br>3.1. Mô tả chung<br>3.2. Yêu cầu tối thiểu<br>3.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật | | - Tập luyện và thảo luận theo nhóm.<br>Yêu cầu sinh viên: Tập trung chú ý, thực hiện bài tập.<br>*Địa điểm học*: Sân vận động. | -Hình thức đánh giá của từng bài: Bằng bài viết nộp tại lớp. |
| 4/3 | Chương 4: Học bài Quyền số 1, thể lực<br>4.1. Mô tả chung<br>4.2. Yêu cầu tối thiểu<br>4.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật | H1 | *Phương pháp dạy học*: Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quang.<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện.<br>- Tập luyện và thảo luận theo nhóm.<br>Yêu cầu sinh viên: Tập trung chú ý, thực hiện bài tập.<br>*Địa điểm học*: Sân vận động. | - Bài kiểm tra 45 phút.<br>- Hình thức đánh giá của từng bài: Bằng bài viết nộp tại lớp. |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1]. Ủy ban TDTT (1999), *Giáo trình Taekwondo*, Nhà xuất bản TDTT, Hà Nội.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2]. Phạm Đình Bẩm (2010), *Tâm lí học trong thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[3]. Vũ Đào Hùng (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[4]. Vũ Đức Thu, Trương Anh Tuấn (2009), *Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb, ĐHSP, Hà Nội.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên**

*7.1. Phần lí thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành:* Có.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận*: Không.

*7.4. Phần khác*: Không.

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

*8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 20%; Trọng số thi kết thúc học phần*:* 80%

*8.2. Thành phần, mục đích và Tỉ lệ điểm bộ phận*

| *TT* | *Thành phần* | *Mục đích* | *Phương thức kiểm tra, đánh giá* | *CĐR học phần* | *Tỉ lệ* |
|---|---|---|---|---|---|
| *1* | *Đánh giá chuyên cần* | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ tập ở lớp, ở nhà của sinh viên. | | 25% |

| *TT* | *Thành phần* | *Mục đích* | *Phương thức kiểm tra, đánh giá* | *CĐR học phần* | *Tỉ lệ* |
|---|---|---|---|---|---|
| *2* | *Bài kiểm tra thực hành* | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua bài thực hành trên lớp của sinh viên. | H1 | 25% |
| *3* | *Kiểm tra định kỳ* | Đánh giá hiểu nội dung Học phần học trên lớp, khả năng hoàn thành các động tác kĩ thuật Học phần học của từng sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua bài kiểm tra của từng sinh viên cuối Học phần học. | H1 | 50% |
| | | | Tổng Tỉ lệ thành phần của điểm bộ phận. | | 100% |

*8.3. Thi kết thúc học phần*

| *Mục đích* | *Phương pháp tra đánh giá* | *CĐR học phần* | *Tỉ lệ* |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về kĩ năng, thực hành các kĩ thuật của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Thi thực hành. | H1 | 80% |

*Ngày 08 tháng 5 năm 2020*

| **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** |
|---|---|---|
| **PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng** | **TS. Phạm Hùng Mạnh** | **ThS. Y Rôbi BKrông** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: BÓNG ĐÁ CƠ BẢN**
**Mã học phần: SP211038**

## 1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

*Tổng số tín chỉ*: 01; *Số tín chỉ lí thuyết*: 0; *Số tín chỉ thực hành*: 01
*Loại Học phần học*: Điều kiện
*Các yêu cầu đối với học phần*:
*Học phần học song hành*: Không.
*Học phần học trước*: Không.
*Học phần tiên quyết*: Không.
Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1. | Trần Văn Hưng | 0919140979 | hungtvh0979@gmai.com; tvhung@ttn.edu.vn |
| 2. | Chu Vương Thìn | 0975930600 | vuongthindk@gmai.com |

## 2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Bóng đá là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bóng đá một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan đem lại cho người học nhiều lợi ích thiết thực cả về thể chất lẫn tinh thần.

Học phần trang bị cho sinh viên nắm được một số động tác, kĩ năng cơ bản bóng đá, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ.

Ngoài ra tập luyện bóng đá góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong … tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác để nâng cao thể chất cho sinh viên.

## 3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1. Nắm được một số kĩ thuật cơ bản bóng đá để vận dụng trong tập luyện và thi đấu.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Biết thực hiện một số kĩ thuật cơ bản bóng đá để người học tập luyện nâng cao sức khỏe.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| Chuẩn đầu ra học phần | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | | | | | | | | | | | |

## 4. Cấu trúc học phần

| *TT* | *Nội dung* | *Số tiết* | *Tài liệu học tập* |
|---|---|---|---|
| *1* | Bài 1. Ý nghĩa tác dụng và một số bài tập bổ trợ Học phần bóng đá<br>1.1. Ý nghĩa tác dụng<br>1.2. Một số bài tập bổ trợ Học phần bóng đá | LT: 0 tiết<br>BT: 6 tiết | [1], [4] |
| *2* | Bài 2. Kĩ thuật dẫn bóng và kĩ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân | LT: 0 tiết<br>BT: 3 tiết | [1] |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 2.1. Kĩ thuật dẫn bóng<br>2.2. Kĩ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân | | |
| 3 | Bài 3. Ôn tập kĩ thuật dẫn bóng và kĩ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân<br>3.1. Luyện tập kĩ thuật dẫn bóng<br>3.2. Luyện tập kĩ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân | LT: 0 tiết<br>BT: 3 tiết | [1] |
| 4 | Bài 4. Kĩ thuật ném biên<br>4.1. Kĩ thuật ném biên<br>4.2. Luyện tập kĩ thuật dẫn bóng.<br>4.3. Luyện tập kĩ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân | LT: 0 tiết<br>BT: 3 tiết | [1] |
| 5 | Bài 5. Kĩ thuật dẫn bóng luồn cọc sút cầu Học phần<br>5.1. Kĩ thuật dẫn bóng luồn cọc sút cầu Học phần<br>5.2. Luyện tập kĩ thuật ném biên<br>5.3. Luyện tập kĩ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu Học phần | LT: 0 tiết<br>BT: 3 tiết | [1] |
| 6 | Bài 6. Ôn tập<br>6.1. Luyện tập kĩ thuật ném biên<br>6.2. Luyện tập kĩ thuật dẫn bóng luồn cọc sút cầu Học phần bằng mu trong bàn chân | LT: 0 tiết<br>BT: 9 tiết | [1] |
| 7 | Ôn tập và kiểm tra | LT: 0 tiết<br>BT: 3 tiết | |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | CĐR học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 2/3 | Bài 1. Ý nghĩa tác dụng và một số bài tập bổ trợ Học phần bóng đá<br>1.1. Ý nghĩa tác dụng<br>1.2. Một số bài tập bổ trợ Học phần bóng đá<br>1.3. Làm quen với trái bóng<br>1.4. Thể lực chung | H1 | *Phương pháp dạy học*: Phương pháp giảng giải, trực quan, …<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Nghe giảng<br>- Thị phạm động tác.<br>- Thực hành: Sinh viên quan sát.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Đọc tài liệu.<br>- Thực hiện một số động tác bổ trợ bóng đá.<br>*Địa điểm học*: Sân vận động. | *Hình thức đánh giá*:<br>- Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp.<br>- Hoàn thành bài tập được giao.<br>- Thực hiện đúng bài tập. |
| 1/3 | Bài 2. Kĩ thuật dẫn bóng và kĩ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân<br>2.1. Kĩ thuật dẫn bóng.<br>2.2. Kĩ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân | H1 | *Phương pháp dạy học*: Phương pháp giảng giải, trực quan, …<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Giảng viên thị phạm động tác.<br>- Thực hành: Sinh viên quan sát. | *Hình thức đánh giá*:<br>- Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp. |

| *Buổi học/ số tiết* | *Nội dung* | *CĐR học phần* | *Hoạt động dạy và học* | *Bài đánh giá* |
|---|---|---|---|---|
| | | | *Yêu cầu sinh viên*:<br>- Đọc tài liệu.<br>- Thực hiện kĩ thuật động tác.<br>*Địa điểm học*: Sân vận động. | - Hoàn thành bài tập được giao.<br>- Thực hiện đúng bài tập. |
| *1/3* | Bài 3. Ôn tập kĩ thuật dẫn bóng và kĩ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân<br>3.1. Luyện tập kĩ thuật dẫn bóng.<br>3.2. Luyện tập kĩ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân | H1 | *Phương pháp dạy học*: Phương pháp giảng giải, trực quan, …<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Giảng viên quan sát sửa động tác sai.<br>- Thực hành: Sinh viên thực hiện bài tập.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Đọc tài liệu.<br>- Thực hiện kĩ thuật động tác.<br>*Địa điểm học*: Sân vận động. | *Hình thức đánh giá*:<br>- Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp.<br>- Hoàn thành bài tập được giao.<br>- Thực hiện đúng bài tập. |
| *1/3* | Bài 4. Kĩ thuật ném biên<br>4.1. Kĩ thuật ném biên<br>4.2. Luyện tập kĩ thuật dẫn bóng.<br>4.3. Luyện tập kĩ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân | H1 | *Phương pháp dạy học*: Phương pháp giảng giải, trực quan, …<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Giảng viên thị phạm động tác.<br>- Thực hành: Sinh viên quan sát.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Đọc tài liệu.<br>- Thực hiện kĩ thuật động tác.<br>*Địa điểm học*: Sân vận động. | *Hình thức đánh giá*:<br>- Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp.<br>- Hoàn thành bài tập được giao.<br>- Thực hiện đúng bài tập. |
| *1/3* | Bài 5. Kĩ thuật dẫn bóng luồn cọc sút cầu Học phần<br>5.1. Kĩ thuật dẫn bóng luồn cọc sút cầu Học phần<br>5.2. Luyện tập kĩ thuật ném biên<br>5.3. Luyện tập kĩ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu Học phần | H1 | *Phương pháp dạy học*: Phương pháp giảng giải, trực quan, …<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Giảng viên thị phạm động tác.<br>- Thực hành: Sinh viên quan sát.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Đọc tài liệu.<br>- Thực hiện kĩ thuật động tác. | *Hình thức đánh giá*:<br>- Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp.<br>- Hoàn thành bài tập được giao.<br>- Thực hiện đúng bài tập. |

| *Buổi học/ số tiết* | *Nội dung* | *CĐR học phần* | *Hoạt động dạy và học* | *Bài đánh giá* |
|---|---|---|---|---|
| | | | *Địa điểm học*: Sân vận động. | |
| *3/3* | Bài 6. Ôn tập<br>6.1. Luyện tập kĩ thuật ném biên<br>6.2. Luyện tập kĩ thuật dẫn bóng luồn cọc sút cầu Học phần bằng mu trong bàn chân | H1 | *Phương pháp dạy học*: Phương pháp giảng giải, trực quan, …<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Giảng viên sửa động tác sai.<br>- Thực hành: Sinh viên thực hiện bài tập.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Đọc tài liệu.<br>- Thực hiện kĩ thuật động tác.<br>*Địa điểm học*: Sân vận động. | *Hình thức đánh giá*:<br>- Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp.<br>- Hoàn thành bài tập được giao.<br>- Thực hiện đúng bài tập. |
| *1/3* | Bài 7: Ôn tập và kiểm tra | H1 | *Phương pháp dạy học*: Phương pháp giảng giải, trực quan, …<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Thực hành: Sinh viên ôn tập và kiểm tra<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>Thực hiện kĩ thuật động tác<br>*Địa điểm học*: Sân vận động. | *Hình thức đánh giá*: Hoàn thành bài tập được giao. |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1]. Trần Đức Dũng (2007), *Giáo trình Bóng đá*, Nxb TDTT, Hà Nội.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2]. Ma Tuyết Điền (2008), *Bóng đá kĩ chiến thuật và phương pháp tập luyện*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[3]. Vũ Đức Thu (2009), *Lí luận và phương pháp Giáo dục thể chất*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[4]. Tổng cục thể dục thể thao (2009), *Luật thi đấu bóng đá*.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên**

*7.1. Phần lí thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

*7.2. Phần thực hành*

- Đọc trước tài liệu học tập.
- Thực hiện đúng động tác các kĩ thuật cơ bản Học phần bóng đá.
- Tự tập luyện ngoại khóa Học phần bóng đá.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận*: Không.

*7.4. Phần khác*: Không.

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

*8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 20%; Trọng số thi kết thúc học phần*:* 80%

*8.2. Thành phần, mục đích và Tỉ lệ điểm bộ phận*

| *TT* | *Thành phần* | *Mục đích* | *Phương thức kiểm tra, đánh giá* | *CĐR học phần* | *Tỉ lệ* |
|---|---|---|---|---|---|
| *1* | *Đánh giá chuyên cần* | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp. | H1 | 50 |
| *2* | *Bài kiểm tra định kỳ* | Đánh giá mức độ đạt được kĩ thuật động tác và thành tích qua giai đoạn học tập của sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra thực hành. | H1 | 50 |
| | | | Tổng Tỉ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| *Mục đích* | *Phương pháp kiểm tra đánh giá* | *CĐR học phần* | *Tỉ lệ* |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về kĩ thuật động tác và thành tích đạt được của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Thi thực hành. | H1 | 80% |

*Ngày 08 tháng 5 năm 2020*

| **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** |
|---|---|---|
| **PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng** | **TS. Phạm Hùng Mạnh** | **ThS. Trần Văn Hưng** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: BÓNG RỔ CƠ BẢN**
**Mã học phần: SP 211043**

**1.Thông tin chung về học phần và giảng viên**

*Tổng số tín chỉ*: 01; *Số tín chỉ lí thuyết*: 0; *Số tín chỉ thực hành*: 01
*Loại Học phần học*: Điều kiện
*Các yêu cầu đối với học phần*:
*Học phần học song hành*: Không.
*Học phần học trước*: Không.
*Học phần tiên quyết*: Không.
Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1. | Đỗ Thị Thùy Linh | 0919140979 | dothuylinhsp@gmail.com |
| 2. | Nguyễn Thiện Tín | 0985859510 | nguyenthientin@yahoo.com |

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Bóng rổ là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yếu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa.

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về Học phần bóng rổ. Tập luyện Bóng rổ giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng rổ giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1. Thực hành được các động tác kĩ thuật chung về Học phần bóng rổ.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Biết thực hiện kĩ thuật cơ bản bóng rổ để người học tập luyện nâng cao sức khỏe.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| Chuẩn đầu ra học phần | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | | | | | | | | | | | |

**4. Cấu trúc học phần**

| *TT* | *Nội dung* | *Số tiết* | *Tài liệu học tập* |
|---|---|---|---|
| *1* | Chương 1: Kĩ thuật di chuyển, tư thế chuẩn bị<br>1.1. Kĩ thuật di chuyển<br>1.1.1. Mô tả chung<br>1.1.2. Yêu cầu tối thiểu<br>1.1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật<br>1.2. Kĩ thuật tư thế chuẩn bị<br>1.2.1. Mô tả chung<br>1.2.2. Yêu cầu tối thiểu<br>1.2.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật | LT: 0 tiết<br>BT: 3 tiết | [1] Chương 1 |
| *2* | Chương 2: Kĩ thuật dẫn bóng | | [1] |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 2.1. Kĩ thuật dẫn bóng<br>2.1.1. Mô tả chung<br>2.1.2. Yêu cầu tối thiểu<br>2.1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật | LT: 0 tiết<br>BT: 3 tiết | |
| 3 | Chương 3: Kĩ thuật chuyền bóng bắt bóng hai tay trước ngực<br>3.1. Kĩ thuật chuyền bắt bóng hai tay trước ngực<br>3.1.1. Mô tả chung<br>3.1.2. Yêu cầu tối thiểu<br>3.1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật | LT: 0 tiết<br>BT: 3 tiết | [1] |
| 4 | Chương 4: Kĩ thuật dẫn bóng 2 bước ném rổ 1 tay trên cao<br>4.1. Kĩ thuật dẫn bóng 2 bước ném rổ 1 tay trên cao<br>4.1.1. Mô tả chung<br>4.1.2. Yêu cầu tối thiểu<br>4.1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật | LT: 5 tiết<br>BT: 0 tiết | [1] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | CĐR học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 1/3 | Chương 1: Kĩ thuật di chuyển, tư thế chuẩn bị<br>1.1. Kĩ thuật di chuyển<br>1.1.1. Mô tả chung<br>1.1.2. Yêu cầu tối thiểu<br>1.1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật<br>1.2. Kĩ thuật tư thế chuẩn bị<br>1.2.1. Mô tả chung<br>1.2.2. Yêu cầu tối thiểu<br>1.2.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật | H1 | *Phương pháp dạy học*: Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quang.<br>*Hình thức tổ chức*:<br>- Quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện.<br>- Tập luyện và thảo luận theo nhóm.<br>*Yêu cầu sinh viên*: Tập trung chú ý, thực hiện bài tập.<br>*Địa điểm học*: Sân vận động. | - Bài kiểm tra thực hành kĩ thuật di chuyển.<br>- Hình thức đánh giá của từng bài: Bằng thực hành trực tiếp trên sân vận động. |
| 2/3 | Chương 2: Kĩ thuật dẫn bóng<br>2.1. Kĩ thuật dẫn bóng bằng hai tay trước mặt<br>2.1.1. Mô tả chung<br>2.1.2. Yêu cầu tối thiểu<br>2.1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật | H1 | *Phương pháp dạy học*: Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quang.<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện.<br>- Tập luyện và thảo luận theo nhóm.<br>*Yêu cầu sinh viên*: Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc. | - Bài kiểm tra thực hành kĩ thuật di chuyển.<br>- Hình thức đánh giá của từng bài: Bằng thực hành trực tiếp trên sân vận động. |

| *Buổi học/ số tiết* | *Nội dung* | *CĐR học phần* | *Hoạt động dạy và học* | *Bài đánh giá* |
|---|---|---|---|---|
| | | | *Địa điểm học*: Sân vận động. | |
| 3/3 | Chương 3: Kĩ thuật chuyền bắt bóng hai tay trước ngực<br>3.1. Kĩ thuật chuyền bắt bóng bằng hai tay trước ngực<br>3.1.1. Mô tả chung<br>3.1.2. Yêu cầu tối thiểu<br>3.1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật | H1 | *Phương pháp dạy học*: Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quang.<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện.<br>- Tập luyện và thảo luận theo nhóm.<br>*Yêu cầu sinh viên*: Tập trung thực hiện bài tập.<br>*Địa điểm học*: Sân vận động. | - Câu hỏi nhanh trong vòng 2-3 phút để đánh giá mức độ hiểu, nắm bắt nội dung bài học.<br>- Hình thức đánh giá của từng bài: Bằng bài viết nộp tại lớp |
| 4/3 | Chương 4: Kĩ thuật dẫn bóng 2 bước ném rổ 1 tay trên cao<br>4.1. Kĩ thuật dẫn bóng 2 bước ném rổ 1 tay trên cao<br>4.1.1. Mô tả chung<br>4.1.2. Yêu cầu tối thiểu<br>4.1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật | H1 | *Phương pháp dạy học*: Phương pháp giảng giải, trực quang.<br>*Hình thức tổ chức*:<br>- Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện.<br>- Tập luyện và thảo luận theo nhóm.<br>*Yêu cầu sinh viên*: Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc.<br>*Địa điểm học*: Sân vận động. | - Bài kiểm tra 45 phút.<br>- Hình thức đánh giá của từng bài: Bằng bài viết nộp tại lớp. |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1]. Iu.M.Portnova (1997) *Giáo trình bóng rổ*, Nxb. TDTT

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2]. Phạm Đình Bẩm (2010), *Tâm lí học trong thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[3]. Vũ Đào Hùng (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[4]. Vũ Đức Thu, Trương Anh Tuấn (2009), *Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb, ĐHSP, Hà Nội.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên**

*7.1. Phần lí thuyết, bài tập, thảo luận*

Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành*: Có.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận*: Không.

*7.4. Phần* khác: Không.

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

*8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%

*8.2. Thành phần, mục đích và Tỉ lệ điểm bộ phận*

| *TT* | *Thành phần* | *Mục đích* | *Phương thức kiểm tra, đánh giá* | *CĐR học phần* | *Tỉ lệ* |
|---|---|---|---|---|---|
| *1* | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ tập ở lớp, ở nhà của sinh viên. | | 25% |
| *2* | Bài kiểm tra thực hành | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua bài thực hành trên lớp của sinh viên. | H1 | 25% |
| *3* | Kiểm tra định kỳ | Đánh giá hiểu nội dung Học phần học trên lớp, khả năng hoàn thành các động tác kĩ thuật Học phần học của từng sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua bài kiểm tra của từng sinh viên cuối Học phần học. | H1 | 50% |
| | | | Tổng Tỉ lệ thành phần của điểm bộ phận. | | 100% |

*8.3. Thi kết thúc học phần*

| *Mục đích* | *Phương pháp kiểm tra đánh giá* | *CĐR học phần* | *Tỉ lệ* |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về kĩ năng, thực hành các kĩ thuật của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Thi thực hành. | H1 | 80% |

*Ngày 08 tháng 5 năm 2020*

| **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** |
|---|---|---|
| **PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng** | **TS. Phạm Hùng Mạnh** | **ThS. Đỗ Thị Thùy Linh** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: CỜ VUA 1**
**Mã học phần: SP 211039**

## 1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

*Tổng số tín chỉ*: 01; *Số tín chỉ lí thuyết*: 0; *Số tín chỉ thực hành*: 01
*Loại Học phần học*: Điều kiện
*Các yêu cầu đối với học phần*:
*Học phần học song hành*: Không.
*Học phần học trước*: Không.
*Học phần tiên quyết*: Không.
Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1. | Vũ Đình Công | 0986080004 | vudinhcongdhtn@gmail.com |
| 2. | Lê Tử Trường | 0985582920 | tutruong67@yahoo.com.vn |

## 2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải.Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

## 3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1. Biết cách chơi một ván cờ đúng luật, giải được cờ thế 1 nước chiếu hết.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Biết thực hiện kĩ thuật cơ bản Cờ vua để người học tập luyện nâng cao sức khỏe.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| Chuẩn đầu ra học phần | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | | | | | | | | | | | |

## 4. Cấu trúc học phần

| *TT* | *Nội dung* | *Số tiết* | *Tài liệu học tập* |
|---|---|---|---|
| *1* | Chương 1: Cấu tạo bàn cờ, quân Cờ; vị trí ban đầu của các quân; luật di chuyển quân và ăn quân; luật thực hiện nước đi và các quy tắc khi thi đấu; mục đích của ván cờ, hoàn thành ván Cờ<br>1.1. Cấu tạo bàn Cờ vua<br>1.2. Quân cờ<br>1.3. Vị trí ban đầu của các quân cờ<br>1.4. Luật di chuyển quân và ăn quân<br>1.5. Luật thực hiện nước đi và các quy tắc khi thi đấu<br>1.6. Mục đích của ván cờ, hoàn thành ván Cờ | LT: 0 tiết<br>BT: 15 tiết | [1].<br>Chương I, mục 1. |

| | | | |
|---|---|---|---|
| *2* | Chương 2: Các nước đi đặc biệt trong Cờ vua, Cờ thế<br>2.1. Các nước đi đặc biệt trong Cờ vua<br>2.2. Cờ thế<br>2.3. Thực hành đấu tập và giải bài tập cờ thế | LT: 0 tiết<br>BT: 15 tiết | [1]. Chương I, mục 1; Chương III, mục 2. |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | CĐR học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| *5/3* | Chương 1: Cấu tạo bàn cờ, quân Cờ; vị trí ban đầu của các quân; luật di chuyển quân và ăn quân; luật thực hiện nước đi và các quy tắc khi thi đấu; mục đích của ván cờ, hoàn thành ván Cờ<br>1.1. Cấu tạo bàn Cờ vua<br>1.2. Quân cờ<br>1.3. Vị trí ban đầu của các quân cờ<br>1.4. Luật di chuyển quân và ăn quân.<br>1.5. Luật thực hiện nước đi và các quy tắc khi thi đấu<br>1.6. Mục đích của ván cờ, hoàn thành ván Cờ | H1 | *Phương pháp dạy học*: Phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở-vấn đáp, phương pháp ôn tập, …<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày: Thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, tự học.<br>- Thực hành.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thực hành.<br>*Địa điểm:* Tại Nhà thi đấu. | *Hình thức đánh giá*:<br>- Mức độ tích cực tham gia thực hành trên lớp.<br>- Hoàn thành bài tập được giao.<br>- Báo cáo kết quả thảo luận của nhóm trước lớp. |
| *5/3* | Chương 2: Các nước đi đặc biệt trong Cờ vua, Cờ thế<br>2.1. Các nước đi đặc biệt trong Cờ vua<br>2.2. Cờ thế<br>2.3. Thực hành đấu tập và giải bài tập cờ thế | H1 | *Phương pháp dạy học*: Phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở-vấn đáp, phương pháp ôn tập, …<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày: Thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, tự học.<br>- Thực hành.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi.<br>*Địa điểm*: Tại Nhà thi đấu. | *Hình thức đánh giá*:<br>- Mức độ tích cực tham gia thực hành trên lớp.<br>- Hoàn thành bài tập được giao.<br>- Báo cáo kết quả thảo luận của nhóm trước lớp. |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1]. Đàm Quốc Chính (2008), *Giáo trình Cờ Vua*, Nhà xuất bản TDTT Hà Nội.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2]. Phạm Đình Bẩm (2010), *Tâm lí học trong thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.
[3]. Vũ Đào Hùng (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[4]. Vũ Đức Thu, Trương Anh Tuấn (2009), *Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb, ĐHSP, Hà Nội.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

Dự lớp ≥ 80% tổng số thời lượng của học phần

*7.1. Phần lí thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

*7.2. Phần thực hành*

- Thực hiện thi đấu đúng Luật Cờ vua.
- Giải các thế cờ.

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

*8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 20%*;* Trọng số thi kết thúc học phần: 80%

*8.2. Mục đích, thành phần và Tỉ lệ điểm bộ phận*

| *TT* | *Thành phần* | *Mục đích* | *Phương thức kiểm tra, đánh giá* | *CĐR học phần* | *Tỉ lệ* |
|---|---|---|---|---|---|
| *1* | *Đánh giá chuyên cần* | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1 | 25% |
| *2* | *Thực hành* | Đánh giá mức độ thành thạo của các kĩ năng thực hành, của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành do sinh viên tạo ra. | H1 | 25% |
| *3* | *Bài kiểm tra định kỳ* | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kĩ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kĩ năng tái hiện kiến thức. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra vấn đáp, thực hành. | H1 | 50% |
| Tổng Tỉ lệ thành phần của điểm bộ phận. | | | | | 100% |

*8.3. Thi kết thúc học phần*

| *Mục đích* | *Phương pháp kiểm tra đánh giá* | *CĐR học phần* | *Tỉ lệ* |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kĩ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá Thực hành. | H1 | 80% |

*Ngày 08 tháng 5 năm 2020*

**Trưởng khoa** **Trưởng bộ môn** **Người biên soạn**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: CỜ VUA 2**
**Mã học phần: SP 211040**

## 1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

*Tổng số tín chỉ*: 01; *Số tín chỉ lí thuyết*: 0; *Số tín chỉ thực hành*: 01
*Loại Học phần học*: Điều kiện
*Các yêu cầu đối với học phần*:
*Học phần học song hành*: Không.
*Học phần học trước*: Cờ vua 1.
*Học phần tiên quyết*: Không.
Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1. | Vũ Đình Công | 0986080004 | vudinhcongdhtn@gmail.com |
| 2. | Lê Tử Trường | 0985582920 | tutruong67@yahoo.com.vn |

## 2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải.Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

## 3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1. Khai cuộc một ván cờ đúng nguyên tắc, giải được cờ thế 2 nước chiếu hết.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Biết thực hiện kĩ thuật cơ bản Cờ vua để người học tập luyện nâng cao sức khỏe.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| Chuẩn đầu ra học phần | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | | | | | | | | | | | |

## 4. Cấu trúc học phần

| *TT* | *Nội dung* | *Số tiết* | *Tài liệu học tập* |
|---|---|---|---|
| *1* | Chương 1: Các thuật ngữ trong Cờ vua cách ghi chép và đọc biên bản Cờ vua<br>1.1. Các thuật ngữ trong Cờ vua<br>1.2. Cách ghi chép và đọc biên bản Cờ vua<br>1.3. Cờ thế | LT: 0 tiết<br>BT: 10 tiết | [1]. Chương I, mục 1; Chương III, mục 2. |
| *2* | Chương 2: Các ký hiệu thông tin quy ước trong Cờ vua, giá trị tương đối giữa các quân trong Cờ vua<br>2.1. Các ký hiệu thông tin quy ước trong Cờ vua<br>2.2. Giá trị tương đối giữa các quân trong Cờ vua<br>2.3. Cờ thế | LT: 0 tiết<br>BT: 10 tiết | [1] |
| *3* | Chương 3: Kiến thức khai cuộc trong Cờ Vua<br>3.1. Khái niệm khai cuộc, các nguyên tắc khai cuộc<br>3.2. Phân loại khai cuộc và một số loại khai cuộc cơ bản | LT: 0 tiết<br>BT: 10 tiết | [1] |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | 3.3. Cờ thế<br>Thực hành đấu tập và giải bài tập cờ thế | | |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| *Buổi học/ số tiết* | *Nội dung* | *CĐR học phần* | *Hoạt động dạy và học* | *Bài đánh giá* |
|---|---|---|---|---|
| 1/3 | Chương 1: Các thuật ngữ trong Cờ vua cách ghi chép và đọc biên bản Cờ vua<br>1.1. Các thuật ngữ trong Cờ vua.<br>1.2. Cách ghi chép và đọc biên bản Cờ vua<br>1.3. Cờ thế | H1 | *Phương pháp dạy học*:<br>Phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở -vấn đáp, phương pháp ôn tập, …<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>- Thực hành.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thực hành.<br>*Địa điểm học*: Nhà thi đấu. | *Hình thức đánh giá*:<br>- Mức độ tích cực tham gia thực hành trên lớp.<br>- Hoàn thành bài tập được giao.<br>- Báo cáo kết quả thảo luận. |
| 5/3 | Chương 2: Các ký hiệu thông tin quy ước trong Cờ vua, giá trị tương đối giữa các quân trong Cờ vua<br>2.1. Các ký hiệu thông tin quy ước trong Cờ vua<br>2.2. Giá trị tương đối giữa các quân trong Cờ vua<br>2.3. Cờ thế | H1 | *Phương pháp dạy học*:<br>Phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở-vấn đáp, phương pháp ôn tập, …<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>- Thực hành.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi.<br>*Địa điểm học*: Nhà thi đấu. | *Hình thức đánh giá*:<br>- Mức độ tích cực tham gia thực hành trên lớp.<br>- Hoàn thành bài tập được giao.<br>- Báo cáo kết quả thảo luận. |
| 4/3 | Chương 3: Kiến thức khai cuộc trong Cờ vua<br>3.1. Khái niệm khai cuộc, các nguyên tắc khai cuộc<br>3.2. Phân loại khai cuộc và một số loại khai cuộc cơ bản<br>3.3. Cờ thế | H1 | *Phương pháp dạy học*:<br>Phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở -vấn đáp, phương pháp ôn tập, …<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>- Thực hành.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi.<br>*Địa điểm học*: Nhà thi đấu. | *Hình thức đánh giá*:<br>- Mức độ tích cực tham gia thực hành trên lớp.<br>- Hoàn thành bài tập được giao.<br>- Báo cáo kết quả thảo luận. |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1]. Đàm Quốc Chính (2008), *Giáo trình Cờ Vua*, Nhà xuất bản TDTT Hà Nội.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2]. Phạm Đình Bẩm (2010), *Tâm lí học trong thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[3]. Vũ Đào Hùng (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[4]. Vũ Đức Thu, Trương Anh Tuấn (2009), *Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb, ĐHSP, Hà Nội.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

Dự lớp ≥ 80% tổng số thời lượng của học phần.

*7.1. Phần lí thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

*7.2. Phần thực hành*

- Thực hiện thi đấu đúng Luật Cờ vua.
- Giải các thế cờ.

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

*8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 20%*;* Trọng số thi kết thúc học phần*:* 80%.

*8.2. Mục đích, thành phần và Tỉ lệ điểm bộ phận*

| *TT* | *Thành phần* | *Mục đích* | *Phương thức kiểm tra, đánh giá* | *CĐR học phần* | *Tỉ lệ* |
|---|---|---|---|---|---|
| *1* | *Đánh giá chuyên cần* | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1 | 25% |
| *2* | *Thực hành* | Đánh giá mức độ thành thạo của các kĩ năng thực hành, của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành do sinh viên tạo ra. | H1 | 25% |
| *3* | *Bài kiểm tra định kỳ* | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kĩ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kĩ năng tái hiện kiến thức. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra vấn đáp, thực hành. | H1 | 50% |
| Tổng Tỉ lệ thành phần của điểm bộ phận. | | | | | 100% |

*8.3. Thi kết thúc học phần*

| *Mục đích* | *Phương pháp kiểm tra đánh giá* | *CĐR học phần* | *Tỉ lệ* |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kĩ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá Thực hành. | H1 | 80% |

*Ngày 08 tháng 5 năm 2020*

| **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** |
|---|---|---|
| **PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng** | **TS. Phạm Hùng Mạnh** | **ThS. Vũ Đình Công** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: CỜ VUA 3**
**Mã học phần: SP 211041**

## 1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

*Tổng số tín chỉ*: 01; *Số tín chỉ lí thuyết*: 0; *Số tín chỉ thực hành*: 01
*Loại Học phần học*: Điều kiện
*Các yêu cầu đối với học phần*:
*Học phần học song hành*: Không.
*Học phần học trước*: Cờ vua 2.
*Học phần tiên quyết*: Không.
Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1. | Vũ Đình Công | 0986080004 | vudinhcongdhtn@gmail.com |
| 2. | Lê Tử Trường | 0985582920 | tutruong67@yahoo.com.vn |

## 2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải.Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

## 3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1. Biết thi đấu một ván cờ vua, giải được cờ thế 2 nước chiếu hết.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Biết thực hiện kĩ thuật cơ bản Cờ vua để người học tập luyện nâng cao sức khỏe.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| Chuẩn đầu ra học phần | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | | | | | | | | | | | |

## 4. Cấu trúc học phần

| *TT* | *Nội dung* | *Số tiết* | *Tài liệu học tập* |
|---|---|---|---|
| *1* | Chương 1: Kiến thức giai đoạn trung cuộc trong Cờ vua<br>1.1. Khái niệm, các nhân tố chiến thuật trong giai đoạn trung cuộc<br>1.2. Đòn phối hợp<br>1.3. Vấn đề đổi quân trong Cờ vua<br>1.4. Cờ thế | LT: 0 tiết<br>BT: 15 tiết | [1]. Chương II, mục 2; Chương III, mục 2. |
| *2* | Chương 2: Kiến thức giai đoạn tàn cuộc trong Cờ vua<br>2.1. Khái niệm tàn cuộc và nhiệm vụ của giai đoạn tàn cuộc<br>2.2. Các nguyên tắc trong tàn cuộc và phân loại tàn cuộc<br>2.3. Cờ thế | LT: 0 tiết<br>BT: 15 tiết | [1]. Chương II, mục 3; Chương III, mục 2. |

## 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | CĐR học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| *5/3* | Chương 1: Kiến thức giai đoạn trung cuộc trong Cờ vua<br>1.1. Khái niệm, các nhân tố chiến thuật trong giai đoạn trung cuộc<br>1.2. Đòn phối hợp<br>1.3. Vấn đề đổi quân trong Cờ vua<br>1.4. Cờ thế | H1 | *Phương pháp dạy học*: Phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở-vấn đáp, phương pháp ôn tập, …<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>- Thực hành.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thực hành.<br>*Địa điểm học*: Nhà thi đấu. | *Hình thức đánh giá*:<br>- Mức độ tích cực tham gia thực hành trên lớp.<br>- Hoàn thành bài tập được giao.<br>- Báo cáo kết quả thảo luận của nhóm trước lớp. |
| *5/3* | Chương 2: Kiến thức giai đoạn tàn cuộc trong Cờ vua.<br>2.1. Khái niệm tàn cuộc và nhiệm vụ của giai đoạn tàn cuộc<br>2.2. Các nguyên tắc trong tàn cuộc và phân loại tàn cuộc<br>2.3. Cờ thế | H1 | *Phương pháp dạy học*: Phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở-vấn đáp, phương pháp ôn tập, …<br>*Hình thức tổ chức dạy học*:<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>- Thực hành.<br>*Yêu cầu sinh viên*:<br>- Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi.<br>*Địa điểm học*: Nhà thi đấu. | *Hình thức đánh giá*:<br>- Mức độ tích cực tham gia thực hành trên lớp.<br>- Hoàn thành bài tập được giao.<br>- Báo cáo kết quả thảo luận của nhóm trước lớp. |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1]. Đàm Quốc Chính (2008), *Giáo trình Cờ Vua*, Nhà xuất bản TDTT Hà Nội.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2]. Phạm Đình Bẩm (2010), *Tâm lí học trong thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[3]. Vũ Đào Hùng (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[4]. Vũ Đức Thu, Trương Anh Tuấn (2009), *Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb, ĐHSP, Hà Nội.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

Dự lớp ≥ 80% tổng số thời lượng của học phần.

*7.1. Phần lí thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

*7.2. Phần thực hành*

- Thực hiện thi đấu đúng Luật Cờ vua.
- Giải các thế cờ.

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

*8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 20%*;* Trọng số thi kết thúc học phần: 80%.

*8.2. Mục đích, thành phần và Tỉ lệ điểm bộ phận*

| *TT* | *Thành phần* | *Mục đích* | *Phương thức kiểm tra, đánh giá* | *CĐR học phần* | *Tỉ lệ* |
|---|---|---|---|---|---|
| *1* | *Đánh giá chuyên cần* | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1 | 25% |
| *2* | *Thực hành* | Đánh giá mức độ thành thạo của các kĩ năng thực hành, của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành do sinh viên tạo ra. | H1 | 25% |
| *3* | *Bài kiểm tra định kỳ* | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kĩ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kĩ năng tái hiện kiến thức. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra vấn đáp, thực hành. | H1 | 50% |
| | | | Tổng Tỉ lệ thành phần của điểm bộ phận. | | 100% |

*8.3. Thi kết thúc học phần*

| *Mục đích* | *Phương pháp kiểm tra đánh giá* | *CĐR học phần* | *Tỉ lệ* |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kĩ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá Thực hành. | H1 | 80% |

*Ngày 08 tháng 5 năm 2020*

| **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** |
|---|---|---|
| **PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng** | **TS. Phạm Hùng Mạnh** | **ThS. Vũ Đình Công** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: ĐƯỜNG LỐI QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

Mã học phần: QP211011

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 3; Số tín chỉ lý thuyết: 3; Số tín chỉ thực hành: 0.

Loại môn học: Điều kiện.

Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1. | Nguyễn Văn Mười | 0943849636 | nvmuoi@ttn.edu.vn |
| 2. | Lê Viết Quỳnh | 0982472358 | lvquynh@ttn.edu.vn |
| 3. | Nguyễn Tiến Chương | 0986700088 | nguyentienchuong@ttn.edu.vn |
| 4. | Lê Văn Đoài | 0949200642 | lvdoai@ttn.edu.vn |
| 5. | Trần Quốc Yên | 0363664977 | tqyen@ttn.edu.vn |
| 6. | Trần Văn Hùng | 0972912972 | tranvanhung@ttn.edu.vn |

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần cung cấp cơ sở lí luận về đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn học; Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại; nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Học phần này là những kiến thức lý luận cơ bản tiền đề, làm cơ sở để vận dụng học những học phần khác.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc.

MT2: SV nắm chắc các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Kiểm tra HP1 đạt kết quả cao.

MT3: SV nắm chắc những nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Thi kết thúc HP1 đạt kết quả cao.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1: Hiểu rõ tầm quan trọng và nắm vững những kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

H2: Biết vận dụng vào thực tiễn để bảo vệ tính đúng đắn, sự cần thiết trong đường lối quân sự của Đảng, kiên quyết phản bác, đấu tranh với các quan điểm sai trái, xuyên tạc; biết liên hệ trách nhiệm cụ thể của bản thân phù hợp với lĩnh vực học tập để góp phần thực hiện đường lối của Đảng về quốc phòng – an ninh.

H3: Có thái độ nghiêm túc trong học tập, hiểu đúng nội dung các chuyên đề, phát huy tính sáng tạo, tích cực, chủ động trong quá trình học tập, nghiên cứu. Tự hào về truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của dân tộc ta; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H2 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H3 | x | | | | | | | | | | | | | | |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| **1** | **Bài 1: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học**<br>**- Nội dung:**<br>1.1. Đối tượng nghiên cứu<br>1.2. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu<br>1.3. Giới thiệu về môn học giáo dục quốc phòng an ninh | **LT: 2**<br>**TL:** | [1] |
| **2** | **Bài 2: Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc**<br>**- Nội dung:**<br>2.1. Quan điểm Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh<br>2.2. Quan điểm Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội<br>2.3 .Quan điểm Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa | **LT: 2**<br>**TL: 2** | [1] |
| **3** | **Bài 3: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa**<br>**- Nội dung:**<br>3.1. Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân<br>3.2. Nội dung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân<br>3.3. Một số biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay | **LT: 4**<br>**TL:** | [1] |
| **4** | **Bài 4: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa**<br>**- Nội dung:**<br>4.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc<br>4.2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc<br>4.3. Nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc | **LT: 4**<br>**TL:** | [1] |
| **5** | **Bài 5: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam**<br>**- Nội dung:**<br>5.1. Đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân | **LT: 4** | [1] |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | 5.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới<br>5.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân | **TL:** | |
| **6** | **Bài 6: Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại**<br>**- Nội dung:**<br>6.1. Cơ sở lí luận và thực tiễn của sự kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh ở Việt Nam<br>6.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay<br>6.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh ở Việt nam hiện nay. | **LT: 4**<br>**TL:** | [1] |
| **7** | **Bài 7: Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam**<br>**- Nội dung:**<br>7.1. Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của cha ông ta<br>7.2. Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo<br>7.3. Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự Việt Nam vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và trách nhiệm của sinh viên | **LT: 4**<br>**TL: 2** | [1] |
| **8** | **Bài 8: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới**<br>**- Nội dung:**<br>8.1. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia<br>8.2. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia<br>8.3. Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ biển, đảo, biên giới quốc gia | **LT: 4**<br>**TL:** | [1] |
| **9** | **Bài 9: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng**<br>**- Nội dung:**<br>9.1. Xây dựng lực lượng DQTV<br>9.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên<br>9.3. Động viên quốc phòng | **LT: 4**<br>**TL: 2** | [1] |
| **10** | **Bài 10: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc**<br>**- Nội dung:**<br>10.1. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc<br>10.2. Nội dung, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc<br>10.3. Trách nhiệm của học sinh, sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc . | **LT: 2**<br>**TL: 2** | [1] |
| **11** | **Bài 11: Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội**<br>**- Nội dung:**<br>11.1. Những nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia<br>11.2. Những nội dung cơ bản về bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.<br>11.3. Trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ ANQG và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. | **LT:3**<br>**TL:** | [1] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/Số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 1/5 | **Bài 1: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học**<br>**- Nội dung:**<br>1.1. Đối tượng nghiên cứu<br>1.2. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu<br>1.3. Giới thiệu về môn học giáo dục quốc phòng an ninh<br>**Bài 2: Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc**<br>**- Nội dung:**<br>2.1. Quan điểm Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh (Bài 2)<br>2.2. Quan điểm Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội<br>2.3 .Quan điểm Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa | H1, H2, H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>Phần lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình, giảng giải phân tích lấy ví dụ thực tế chứng minh<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Lên lớp tập trung theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội, trung đội để ôn luyện, nghiên cứu…<br>**Yêu cầu sinh viên**: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; Khi lên lớp chú ý lắng nghe, ghi đầy đủ các nội dung chính trọng tâm.<br>**Địa điểm học:** Phòng học | |
| 2/5 | **Bài 3: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa**<br>**- Nội dung:**<br>3.1. Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân<br>3.2. Nội dung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân<br>3.3. Một số biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay<br>*** Thảo luận bài 2.** | H1, H2, H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>Phần lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình, giảng giải phân tích lấy ví dụ thực tế chứng minh<br>Phần thảo luận: Giảng viên định hướng nội dung thảo luận: Tính tất yếu bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Lên lớp tập trung theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội, trung đội để ôn luyện, nghiên cứu…<br>**Yêu cầu sinh viên**: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; Khi lên lớp chú ý lắng nghe, ghi đầy đủ các nội dung chính trọng tâm.<br>Chuẩn bị nội dung thảo luận, tích cực tham gia ý kiến thảo luận làm rõ nội dung.<br>**Địa điểm học:** Phòng học | |
| | **Bài 4: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa** | H1, H2, H3 | **Phương pháp dạy học:** | |

| Buổi học/Số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 3/5 | **- Nội dung:**<br>4.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc<br>4.2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc<br>4.3. Nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc<br>**Bài 7: Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam**<br>**- Nội dung:**<br>7.1. Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của cha ông ta | | Phần lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình, giảng giải phân tích lấy ví dụ thực tế chứng minh<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Lên lớp tập trung theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội, trung đội để ôn luyện, nghiên cứu…<br>**Yêu cầu sinh viên**: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; Khi lên lớp chú ý lắng nghe, ghi đầy đủ các nội dung chính trọng tâm.<br>**Địa điểm học:** Phòng học | |
| 4/5 | **Bài 7: Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam**<br>**- Nội dung:**<br>7.2. Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo<br>7.3. Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự Việt Nam vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và trách nhiệm của sinh viên | H1, H2, H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>Phần lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình, giảng giải phân tích lấy ví dụ thực tế chứng minh<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Lên lớp tập trung theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội, trung đội để ôn luyện, nghiên cứu…<br>**Yêu cầu sinh viên**: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; Khi lên lớp chú ý lắng nghe, ghi đầy đủ các nội dung chính trọng tâm.<br>**Địa điểm học:** Phòng học | |
| 5/5 | **Bài 5: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam**<br>**- Nội dung:**<br>5.1. Đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân<br>5.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới<br>5.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân<br>**Bài 9: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng**<br>**- Nội dung:**<br>9.1. Xây dựng lực lượng DQTV | H1, H2, H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>Phần lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình, giảng giải phân tích lấy ví dụ thực tế chứng minh<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Lên lớp tập trung theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội, trung đội để ôn luyện, nghiên cứu…<br>**Yêu cầu sinh viên**: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; Khi lên lớp chú ý lắng nghe, ghi đầy đủ các nội dung chính trọng tâm.<br>**Địa điểm học:** Phòng học | |

| Buổi học/Số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 6/5 | **Bài 9: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng**<br>**- Nội dung:**<br>9.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên<br>9.3. Động viên quốc phòng | H1, H2, H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>Phần lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình, giảng giải phân tích lấy ví dụ thực tế chứng minh<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Lên lớp tập trung theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội, trung đội để ôn luyện, nghiên cứu…<br>**Yêu cầu sinh viên**: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; Khi lên lớp chú ý lắng nghe, ghi đầy đủ các nội dung chính trọng tâm.<br>**Địa điểm học:** Phòng học | Kiểm tra HP1 bằng hình thức trắc nghiệm |
| 7/5 | **Bài 6: Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại**<br>**- Nội dung:**<br>6.1. Cơ sở lí luận và thực tiễn của sự kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh ở Việt Nam<br>6.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay<br>6.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh ở Việt nam hiện nay.<br>**Bài 8: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới**<br>**- Nội dung:**<br>8.1. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia | H1, H2, H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>Phần lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình, giảng giải phân tích lấy ví dụ thực tế chứng minh<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Lên lớp tập trung theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội, trung đội để ôn luyện, nghiên cứu…<br>**Yêu cầu sinh viên**: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; Khi lên lớp chú ý lắng nghe, ghi đầy đủ các nội dung chính trọng tâm.<br>**Địa điểm học:** Phòng học | |
| | **Bài 8: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới**<br>**- Nội dung:**<br>8.2. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia<br>8.3. Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ biển, đảo, biên giới quốc gia | H1, H2, H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>Phần lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình, giảng giải phân tích lấy ví dụ thực tế chứng minh<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Lên lớp tập trung theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội, trung đội để ôn luyện, nghiên cứu… | |

| Buổi học/Số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 8/5 | **Bài 10: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc**<br>**- Nội dung:**<br>10.1. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc<br>10.2. Nội dung, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc<br>10.3. Trách nhiệm của học sinh, sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc . | | **Yêu cầu sinh viên**: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; Khi lên lớp chú ý lắng nghe, ghi đầy đủ các nội dung chính trọng tâm.<br>**Địa điểm học:** Phòng học | |
| 9/5 | **Bài 11: Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội**<br>**- Nội dung:**<br>11.1. Những nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia<br>11.2. Những nội dung cơ bản về bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.<br>11.3. Trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ ANQG và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.<br>*** Thảo luận bài 10** | H1, H2, H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>Phần lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình, giảng giải phân tích lấy ví dụ thực tế chứng minh<br>Phần thảo luận: Giảng viên định hướng nội dung thảo luận: Trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Lên lớp tập trung theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội, trung đội để ôn luyện, nghiên cứu…<br>**Yêu cầu sinh viên**: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; Khi lên lớp chú ý lắng nghe, ghi đầy đủ các nội dung chính trọng tâm.<br>Chuẩn bị nội dung thảo luận, tích cực tham gia ý kiến thảo luận làm rõ nội dung.<br>**Địa điểm học:** Phòng học. | |

**6. Tài liệu học tập:**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1]. Tập thể tác giả (2013, tái bản 2014, 2015), *Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh, dung cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng* - Tập một, Nxb Giáo dục Việt Nam.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2]. Bộ Quốc phòng, Trung tâm từ điển bách khoa quân sự (2004), *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam*, Nxb QĐND.

[3]. Bộ Quốc phòng – Viện lịch sử quân sự Việt Nam (1995), *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 – 1954*, NXB Quân đội nhân dân.

[4]. Chủ nghĩa Mác – Lênin bàn về Chiến tranh và Quân đội (1976), NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia.

[6]. Quốc hội (2015), *Luật biển Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật*

[7]. Vụ Giáo dục quốc phòng (2012), *Biển, đại dương và chủ quyền biển đảo Việt Nam*, Xí nghiệp in Tổng cục Công nghiệp quốc phòng.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần;
- Chủ động chuẩn bị các nội dung tham gia thảo luận và thực hiện giờ tự học theo qui định;
- Tham dự đầy đủ bài kiểm tra và thi kết thúc học phần;
- Chấp hành nghiêm các nội qui, qui định của trung tâm.

*7.2. Phần tham quan thực tế:*

- Tổ chức cho SV đi tham quan, học tập thực tế tại bảo tàng tỉnh Đắk Lắk, Nhà đày Buôn Ma Thuột, các đơn vị quân đội, công an trên địa bàn tỉnh.

**8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá học phần**

*8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%.*

*8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận*

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động rèn luyện của sinh viên tại Trung tâm. | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong việc rèn luyện của sinh viên tại Trung tâm. | H3 | 60% |
| 2 | Bài kiểm tra định kỳ | Kiểm tra nhận thức của SV qua học tập nội dung bài 1,2,3. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm | H1 | 40% |
| | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | | | 100% |

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần |
|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về trình độ nhận thức, ý thức trách nhiệm thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Thi tự luận. | H1, H2, H3 |

| | | |
|---|---|---|
| **KT. Giám đốc**<br>**Phó giám đốc** | **Trưởng Bộ môn** | *Ngày … tháng 5 năm 2020*<br>**Người biên soạn** |
| **Đại tá Nguyễn Văn Mười** | **Trung tá Lê Viết Quỳnh** | **Thác sỹ Lê Văn Đoài** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**
**TÊN HỌC PHẦN: CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH**
**Mã học phần:** QP211006

**1. Thông tin về học phần và giảng viên:**

- Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thực hành: 0
- Loại môn học: Điều kiện.
- Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 7. | Nguyễn Văn Mười | 0943849636 | nvmuoi@ttn.edu.vn |
| 8. | Lê Viết Quỳnh | 0982472358 | lvquynh@ttn.edu.vn |
| 9. | Nguyễn Tiến Chương | 0986700088 | nguyentienchuong@ttn.edu.vn |
| 10. | Lê Văn Đoài | 0949200642 | lvdoai@ttn.edu.vn |
| 11. | Trần Quốc Yên | 0363664977 | tqyen@ttn.edu.vn |
| 12. | Trần Văn Hùng | 0972912972 | tranvanhung@ttn.edu.vn |

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần đề cập những nội dung cơ bản về nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: Phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam

**3. Mục tiêu học phần:**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh; nắm chắc âm mưu thủ đoạn của địch trong chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ; âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. Kiểm tra HP2 đạt kết quả cao.

MT2: SV nắm chắc những kiến thức cơ bản về Pháp luật của Nhà nước trong các lĩnh vực cơ bản quan trọng của đời sống xã hội…Thi kết thúc HP2 đạt kết quả cao.

MT3: Mỗi SV phải nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm góp phần xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, Anh ninh nhân dân vững mạnh, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1: Ghi nhớ những kiến thức cơ bản; phân tích, chứng minh tính đúng đắn, khoa học trong công tác quốc phòng và an ninh của Đảng và Nhà nước ta. Đặc biệt là đối với những vấn đề phức tạp, nhạy cảm như chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ , âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam; những kiến thức cơ bản về pháp luật của Nhà nước…

H2: Biết phân tích, tổng hợp, xử lý các vấn đề có liên quan đến các nội dung về công tác quốc phòng, an ninh; vận dụng linh hoạt sáng tạo các kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn cuộc sống.

H3: Xây dựng niềm tin tất thắng trong phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nêu cao ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

H4: SV có ý thức trách nhiệm, tinh thần tự giác, nêu cao tinh thần cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch; có thái độ nghiêm túc trong học tập, xây dựng phương pháp nghiên cứu, học tập khoa học, rèn luyện phẩm chất đạo đức, nhân cách của con người mới XHCN.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H2 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H3 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H4 | x | | | | | | | | | | | | | | |

**4. Cấu trúc học phần**

| **Tuần** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu** |
|---|---|---|---|
| **1** | **Bài 1: Phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình" bạo loạn lất đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam**<br>**- Nội dung:**<br>1.1. Chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội<br>1.2. Chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam<br>1.3. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phương châm phòng chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của Đảng, Nhà nước ta<br>1.4. Những giải pháp phòng, chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay | LT: 4<br>TL: | [1] |
| **2** | **Bài 2: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam**<br>**- Nội dung:**<br>2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc<br>2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo<br>2.3. Đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam | LT: 4<br>TL:2 | [1] |
| **3** | **Bài 3: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường**<br>**- Nội dung:**<br>3.1. Nhận thức chung về công tác bảo vệ môi trường<br>3.2. Tình hình, đặc điểm tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường ở nước ta<br>3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường và trách nhiệm của sinh viên | LT: 4<br>TL: | |
| **4** | **Bài 4: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông**<br>**- Nội dung:**<br>4.1. Những vấn đề chung về vi phạm pháp luật bảo đảm trật tự an toàn giao thông | LT: 4<br>TL: | |

| Tuần | Nội dung | Số tiết | Tài liệu |
|---|---|---|---|
| | 4.2. Nội dung phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông<br>4.3. Một số giải pháp và trách nhiệm của công dân trong bảo đảm trật tự an toàn giao thông | | |
| **5** | **Bài 5: : Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác**<br>**- Nội dung:**<br>5.1. Những vấn đề cơ bản về danh dự, nhân phẩm<br>5.2. Các loại tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm ở nước ta<br>5.3. Một số biện pháp phòng ngừa các loại tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của người khác và trách nhiệm của sinh viên | LT: 2<br>TL:2 | |
| **6** | **Bài 6: An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng**<br>**- Nội dung:**<br>6.1. Nhận thức chung về an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng<br>6.2. Các mối đe dọa trong bảo vệ an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng<br>6.3. Những giải pháp bảo đảm an toàn thông tin và phòng, chống các vi phạm pháp luật trên không gian mạng | LT: 2<br>TL:2 | |
| **7** | **Bài 7: An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam**<br>**- Nội dung:**<br>7.1. Khái quát chung về an ninh phi truyền thống<br>7.2. Quan điểm và các giải pháp cơ bản giải quyết vấn đề an ninh phi truyền thống | LT: 2<br>TL:2 | |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/Số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 1/5 | **Bài 1: Phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình" bạo loạn lất đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam**<br>**- Nội dung:**<br>1.1. Chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội<br>1.2. Chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam<br>1.3. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phương châm phòng chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của Đảng, Nhà nước ta | H1, H2, H3, H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>Phần lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình, giảng giải phân tích lấy ví dụ thực tế chứng minh<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Lên lớp theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội, trung đội để ôn luyện, nghiên cứu..<br>**Yêu cầu sinh viên**: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; Khi lên lớp chú ý lắng nghe, ghi đầy đủ các nội dung chính trọng tâm.<br>**Địa điểm học:** Phòng học | [1] |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 1.4. Những giải pháp phòng, chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay<br>**Bài 2: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam**<br>**- Nội dung:**<br>2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc | | | |
| 2/5 | **Bài 2: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam**<br>**- Nội dung:**<br>2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo<br>2.3. Đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam | H1, H2, H3, H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>Phần lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình, giảng giải phân tích lấy ví dụ thực tế chứng minh<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Lên lớp theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội, trung đội để ôn luyện, nghiên cứu..<br>**Yêu cầu sinh viên**: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; Khi lên lớp chú ý lắng nghe, ghi đầy đủ các nội dung chính trọng tâm.<br>**Địa điểm học:** Phòng học | [1] |
| 3/5 | **Bài 3: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường**<br>**- Nội dung:**<br>3.1. Nhận thức chung về công tác bảo vệ môi trường<br>3.2. Tình hình, đặc điểm tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường ở nước ta<br>3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường và trách nhiệm của sinh viên<br>**Bài 4: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông**<br>**- Nội dung:**<br>4.1. Những vấn đề chung về vi phạm pháp luật bảo đảm trật tự an toàn giao thông | H1, H2, H3, H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>Phần lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình, giảng giải phân tích lấy ví dụ thực tế chứng minh<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Lên lớp theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội, trung đội để ôn luyện, nghiên cứu..<br>**Yêu cầu sinh viên**: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; Khi lên lớp chú ý lắng nghe, ghi đầy đủ các nội dung chính trọng tâm.<br>**Địa điểm học:** Phòng học | |
| 4/5 | **Bài 4: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông**<br>**- Nội dung:** | H1, H2, H3, H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>Phần lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình, giảng giải phân tích lấy ví dụ thực tế chứng minh<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** | Kiểm tra HP2 bằng hình thức |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 4.2. Nội dung phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông<br>4.3. Một số giải pháp và trách nhiệm của công dân trong bảo đảm trật tự an toàn giao thông<br>**Bài 5: : Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác**<br>**- Nội dung:**<br>5.1. Những vấn đề cơ bản về danh dự, nhân phẩm<br>5.2. Các loại tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm ở nước ta<br>5.3. Một số biện pháp phòng ngừa các loại tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của người khác và trách nhiệm của sinh viên | | - Lên lớp theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội, trung đội để ôn luyện, nghiên cứu..<br>**Yêu cầu sinh viên**: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; Khi lên lớp chú ý lắng nghe, ghi đầy đủ các nội dung chính trọng tâm.<br>**Địa điểm học:** Phòng học | trắc nghiệm |
| 5/5 | **Bài 6: An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng**<br>**- Nội dung:**<br>6.1. Nhận thức chung về an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng<br>6.2. Các mối đe dọa trong bảo vệ an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng<br>6.3. Những giải pháp bảo đảm an toàn thông tin và phòng, chống các vi phạm pháp luật trên không gian mạng<br>*** Thảo luận bài 6, 7** | H1, H2, H3, H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>Phần lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình, giảng giải phân tích lấy ví dụ thực tế chứng minh<br>Phần thảo luận: Giảng viên định hướng nội dung thảo luận: Vai trò của SV trong phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; Đặc trưng và những biểu hiện của ANPTT.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Lên lớp tập trung theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội, trung đội để ôn luyện, nghiên cứu…<br>**Yêu cầu sinh viên**: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; Khi lên lớp chú ý lắng nghe, ghi đầy đủ các nội dung chính trọng tâm.<br>Chuẩn bị nội dung thảo luận, tích cực tham gia ý kiến thảo luận làm rõ nội dung.<br>**Địa điểm học:** Phòng học | |
| 6/5 | **Bài 7: An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam**<br>**- Nội dung:**<br>7.1. Khái quát chung về an ninh phi truyền thống | H1, H2, H3, H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>Phần lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình, giảng giải phân tích lấy ví dụ thực tế chứng minh<br>Phần thảo luận: Giảng viên định hướng nội dung thảo luận: Tác động của ANPTT đối với Việt | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 7.2. Quan điểm và các giải pháp cơ bản giải quyết vấn đề an ninh phi truyền thống<br>*** Thảo luận bài 7** | | Nam và biện pháp phòng chống, trách nhiệm của SV.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Lên lớp tập trung theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội, trung đội để ôn luyện, nghiên cứu…<br>**Yêu cầu sinh viên**: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; Khi lên lớp chú ý lắng nghe, ghi đầy đủ các nội dung chính trọng tâm.<br>Chuẩn bị nội dung thảo luận, tích cực tham gia ý kiến thảo luận làm rõ nội dung.<br>**Địa điểm:** Phòng học | |

**6. Tài liệu học tập:**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1]. Tập thể tác giả (2013, tái bản 2014, 2015), *Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh, dung cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng* - Tập một, Nxb Giáo dục Việt Nam.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2]. Bộ Quốc phòng, Trung tâm từ điển bách khoa quân sự (2004), *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam*, Nxb QĐND.

[3]. Phạm Quang Định (2005), *"Diễn biến hòa bình" và cuộc đấu tranh chống "Diễn biến hòa bình" ở Việt Nam*, Nxb QĐND.

[4]. Ban Tôn giáo chính phủ (2006), *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam",* NXB Chính trị Quốc gia.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII,* NXB Chính trị quốc gia.

[6]. Nguyễn Hồng Dương (2012), *Quan điểm đường lối của Đảng về tôn giáo và những vấn đề tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia.

[7]. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Vụ Pháp chế (2017), Tài liệu phổ biến các quy định về tội phạm về tài nguyên môi trường trong BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[8] Liên Hợp Quốc (1976), *Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị.*

[9] Gudmundur Alfredsson (2011), *Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, 1948,* NXB Lao động – xã hội

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*Phần lý thuyết, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần;
- Chủ động chuẩn bị các nội dung tham gia thảo luận và thực hiện giờ tự học theo qui định;
- Tham dự đầy đủ bài kiểm tra và thi kết thúc học phần;
- Chấp hành nghiêm các nội qui, qui định của trung tâm.

**8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá học phần**

*8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%.*

*8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận*

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ ý thức trách nhiệm, tinh thần tự giác tích | Phương pháp đánh giá thông qua theo dõi quản lý quá trình học tập, rèn | H4 | 60% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| | | cực học tập, tham gia các hoạt động rèn luyện của sinh viên tại Trung tâm. | luyện của sinh viên tại Trung tâm. | | |
| 2 | Bài kiểm tra định kỳ | Kiểm tra tình độ nhận thức của SV qua học tập nghiên cứu bài 1,2 | Kiểm tra bàng hình thức trắc nghiệm | H1 | 40% |
| 3 | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần |
|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về trình độ nhận thức, ý thức trách nhiệm, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Thi tự luận. | H1, H2, H3, H4 |

| | | |
|---|---|---|
| **KT. Giám đốc**<br>**Phó giám đốc** | **Trưởng Bộ môn** | *Ngày ... tháng 5 năm 2020*<br>**Người biên soạn** |
| **Đại tá Nguyễn Văn Mười** | **Trung tá Lê Viết Quỳnh** | **Thượng tá Trần Văn Hùng** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: QUÂN SỰ CHUNG**
**Mã học phần: QP211012**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 01; Số tiết lý thuyết: 0.7; Số tiết thực hành: 0.3.

Loại môn học: Điều kiện

Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1. | Doãn Anh Tuấn | 0834609785 | datuan@ttn.edu.vn |
| 2. | Nguyễn Trọng Hằng | 0982243993 | nguyentronghang@ttn.edu.vn |
| 3. | Nguyễn Việt Hồng | 0912129514 | nvhong@ttn.edu.vn |
| 4. | Phạm Huy Tựa | 0905211278 | phtua@ttn.edu.vn |
| 5. | Khúc Đình Tân | 0983337637 | kdtan@ttn.edu.vn |

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa.

Học phần Quân sự chung là một nội dung trong chương trình môn học, nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách xắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại khi học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh tại trung tâm; điều lệnh đội ngũ; bản đồ, địa hình quân sự; phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao; hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Học phần giành thời gian giới thiệu 3 môn quân sự phối hợp để sinh viên tham gia hội thao điền kinh, thể thao quốc phòng.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1. Hiểu biết những kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách xắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại;

MT2. Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam; điều lệnh đội ngũ từng người có súng, đội ngũ đơn vị;

MT3. Có kiến thức về bản đồ địa hình quân sự, biết cách phòng, tránh khi địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Hiểu biết và vận dụng được những kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách xắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong trong quá trình học tập tại Trung tâm;

H2. Có hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; bản đồ địa hình quân sự; vũ khí công nghệ cao làm cơ sở để vận dụng trong phòng tránh, đánh trả.

H3. Thành thạo một số nội dung của điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết chỉ huy đội hình trung đội thực hành một số nội dung cơ bản về sử dụng bản đồ ngoài thực địa cũng như luyện tập điều lệnh đội ngũ; 3 môn quân sự phối hợp.

H4. Tác phong nhanh nhẹn, nội vụ, vệ sinh gọn gàng, ngăn nắp; có ý thức trong sinh hoạt tập thể, không vi phạm kỷ luật. Nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, góp phần xây dựng nhà trường, đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, vận dụng linh hoạt vào thực tế học tập cũng như trong chiến đấu ở cơ quan đơn vị sau này; sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H2 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H3 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H4 | x | | | | | | | | | | | | | | |

**4. Cấu trúc học phần**

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 1 | **1. Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác**<br>1.1. chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày;<br>1.2. chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; | LT: 02 | [1].<br>Bài: Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác. |
| 2 | **2. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại**<br>2.1 Các chế độ nề nếp chính quy;<br>2.2 Cách xắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. | LT: 02 | [1].<br>Bài: Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. |
| 3 | **3. Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội**<br>**3.1. Vị trí, tổ chức biên chế và nhiệm vụ các quân chủng**<br>3.1.1. Quân chủng Phòng không - Không quân<br>3.1.2. Quân chủng Hải quân<br>**3.2. Vị trí, tổ chức biên chế và nhiệm vụ các binh chủng**<br>3.2.1.Binh chủng Pháo binh<br>3.2.2.Binh chủng Tăng - thiết giáp<br>3.2.3.Binh chủng Đặc công<br>3.2.4.Binh chủng Công binh<br>3.2.5.Binh chủng Hóa học<br>3.2.6.Binh chủng Thông tin liên lạc | LT: 04 | [1].<br>Bài: Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội. |
| 4 | **4. Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự**<br>**4.1. Bản đồ**<br>4.1.1. Khái niệm, ý nghĩa<br>4.1.2. Cơ sở toán học bản đồ địa hình<br>4.1.3. Phân loại, đặc điểm, công dụng của bản đồ địa hình<br>4.1.4. Nội dung bản đồ<br>4.1.5. Chắp ghép, dán gấp, bảo quản bản đồ.<br>**4.2. Sử dụng bản đồ**<br>4.2.1. Đo cự li, diện tích trên bản đồ.<br>4.2.2. Xác định tọa độ chỉ thị mục tiêu<br>4.3.3. sử dụng bản đồ ngoài thực địa | LT:02<br>TH: 02 | [1].<br>Bài: Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự; Giáo trình |
| 5 | **5. Điều lệnh đội ngũ từng người có súng**<br>5.1. Nghiêm, nghỉ, quay tại chỗ; tiến, lùi, qua phải, qua trái; ngồi xuống, đứng dậy có súng<br>5.2. Đặt súng, lấy súng; trao súng, nhận súng<br>5.3. Khám súng<br>5.4. Sửa dây súng<br>5.5. Mang, đeo, treo súng | TH: 04 | [1].<br>Bài: Điều lệnh đội ngũ từng người có súng; |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 6 | **6. Điều lệnh đội ngũ đơn vị**<br>**6.1. Đội hình trung đội hàng ngang**<br>6.1.1. Đội hình trung đội 1 hàng ngang<br>6.1.2. Đội hình trung đội 2 hàng ngang<br>6.1.3. Đội hình trung đội 3 hàng ngang<br>**6.2. Đội hình trung đội hàng dọc**<br>6.1. Đội hình trung đội 1 hàng dọc<br>6.2. Đội hình trung đội 2 hàng dọc<br>6.3. Đội hình trung đội 3 hàng dọc | TH: 04 | [1].<br>Bài: Điều lệnh đội ngũ đơn vị |
| 7 | **7. Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao**<br>**7.1. Khái niệm, đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh**<br>7.1.1. Khái niệm<br>7.1.2. Đặc điểm của vũ khí công nghệ cao<br>7.1.3. Thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh<br>**7.2. Một số biện pháp phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao**<br>7.2.1. Biện pháp thụ động<br>7.2.2. Biện pháp chủ động | LT:02<br>TH: 02 | [1].<br>Bài: Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao |
| 8 | **8. Ba môn quân sự phối hợp**<br>**8.1. Điều lệ**<br>8.1.1. Đặc điểm và điều kiện thi đấu<br>8.1.2. Trách nhiệm, quyền hạn của người dự thi<br>8.1.3. Trách nhiệm, quyền hạn của đoàn trưởng (đội trưởng)<br>8.1.4. Thủ tục khiếu nại<br>8.1.5. Xác định thành tích xếp hạng<br>**8.2. Quy tắc thi đấu**<br>8.2.1. Quy tắc chung<br>8.2.2 Quy tắc thi đấu các môn<br>8.2.3. Cách tính thành tích | LT:02<br>TH: 04 | [1].<br>Bài: Ba môn quân sự phối hợp |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Tiết 01- 04 | **1. Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác**<br>**1.1.** chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày;<br>**1.2.** chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần;<br>**2. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại**<br>2.1. Các chế độ nề nếp chính quy; | H1; H4. | **Phương pháp dạy học:** PP thuyết trình kết hợp làm mẫu động tác.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** Tập trung theo lớp.<br>**Yêu cầu sinh viên:**Đọc tài liệu trước khi lên lớp; nhớ các nội dung chính; thực | Kiểm tra SV xắp xếp nội vụ, vệ sinh phòng ở, phòng học |

| số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 2.2. Cách xắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. | | hành xắp xếp nội vụ trong phòng ở theo quy định.<br>**Địa điểm học:**<br>- Lý thuyết: Giảng đường<br>- Thực hành: Xắp xếp nội vụ phòng ở của sinh viên | theo quy định |
| Tiết 05-08 | **3. Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội**<br>**3.1. Vị trí, tổ chức biên chế và nhiệm vụ các quân chủng**<br>3.1.1. Quân chủng Phòng không - Không quân<br>3.1.2. Quân chủng Hải quân<br>**3.2. Vị trí, tổ chức biên chế và nhiệm vụ các binh chủng**<br>3.2.1.Binh chủng Pháo binh<br>3.2.2.Binh chủng Tăng - thiết giáp<br>3.2.3.Binh chủng Đặc công<br>3.2.4.Binh chủng Công binh<br>3.2.5.Binh chủng Hóa học<br>3.2.6.Binh chủng Thông tin liên lạc | H2; H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>Tập trung theo lớp<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>Đọc tài liệu trước khi lên lớp; ghi chép các nội dung chính.<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | |
| Tiết 09-12 | **4. Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự**<br>**4.1. Bản đồ**<br>4.1.1. Khái niệm, ý nghĩa<br>4.1.2. Cơ sở toán học bản đồ địa hình<br>4.1.3. Phân loại, đặc điểm, công dụng của bản đồ địa hình<br>4.1.4. Nội dung bản đồ<br>4.1.5. Chắp ghép, dán gấp, bảo quản bản đồ.<br>**4.2. Sử dụng bản đồ**<br>4.2.1. Đo cự li, diện tích trên bản đồ.<br>4.2.2. Xác định tọa độ chỉ thị mục tiêu<br>4.3.3. sử dụng bản đồ ngoài thực địa | H2; H3; H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** Tập trung theo lớp học; thực hành làm bài tập ứng dụng.<br>**Yêu cầu sinh viên:** Đọc tài liệu trước khi lên lớp; ghi chép các nội dung chính.<br>**Địa điểm học:**<br>Giảng đường | |
| Tiết 13-16 | **5. Điều lệnh đội ngũ từng người có súng**<br>5.1. Nghiêm, nghỉ, quay tại chỗ; tiến, lùi, qua phải, qua trái; ngồi xuống, đứng dậy có súng<br>5.2. Đặt súng, lấy súng; trao súng, nhận súng<br>5.3. Khám súng<br>5.4. Sửa dây súng | H3; H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP làm mẫu động tác.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** Tập trung theo lớp.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>Đọc tài liệu trước khi lên lớp; lắng nghe quan sát động tác mẫu và thực hành luyện tập theo kết luận | Thực hành kiểm tra ĐLĐN từng người có súng. |

| số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 5.5. Mang, đeo, treo súng | | **Địa điểm học:** Sân tập. | |
| Tiết 17-20 | **6. Điều lệnh đội ngũ đơn vị**<br>**6.1. Đội hình trung đội hàng ngang**<br>6.1.1. Đội hình trung đội 1 hàng ngang<br>6.1.2. Đội hình trung đội 2 hàng ngang<br>6.1.3. Đội hình trung đội 3 hàng ngang<br>**6.2. Đội hình trung đội hàng dọc**<br>6.1. Đội hình trung đội 1 hàng dọc<br>6.2. Đội hình trung đội 2 hàng dọc<br>6.3. Đội hình trung đội 3 hàng dọc | H3; H4 | **Phương pháp dạy học:** PP làm mẫu động tác.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** Tập trung theo lớp.<br>**Yêu cầu sinh viên:** Đọc tài liệu trước khi lên lớp; lắng nghe quan sát động tác mẫu và thực hành luyện tập theo kết luận<br>**Địa điểm học:** Sân tập. | Thực hành kiểm tra Điều lệnh đội ngũ đơn vị. |
| Tiết 21-24 | **7. Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao**<br>**7.1. Khái niệm, đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh**<br>7.1.1. Khái niệm<br>7.1.2. Đặc điểm của vũ khí công nghệ cao<br>7.1.3. Thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh<br>**7.2. Một số biện pháp phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao**<br>7.2.1. Biện pháp thụ động<br>7.2.2. Biện pháp chủ động | H2; H4 | **Phương pháp dạy học:** PP thuyết trình<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** Tập trung, SV nghe giảng do giảng viên trình bày; thực hành xử lý các tình huống.<br>**Yêu cầu sinh viên:** Đọc tài liệu trước khi lên lớp; ghi chép các nội dung chính.<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | |
| Tiết 25-30 | **8. Ba môn quân sự phối hợp**<br>**8.1. Điều lệ**<br>8.1.1. Đặc điểm và điều kiện thi đấu<br>8.1.2. Trách nhiệm, quyền hạn của người dự thi<br>8.1.3. Trách nhiệm, quyền hạn của đoàn trưởng (đội trưởng)<br>8.1.4. Thủ tục khiếu nại<br>8.1.5. Xác định thành tích xếp hạng<br>**8.2. Quy tắc thi đấu**<br>8.2.1. Quy tắc chung<br>8.2.2 Quy tắc thi đấu các môn<br>8.2.3. Cách tính thành tích | H3; H4 | **Phương pháp dạy học:** PP thuyết trình; làm mẫu.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** Tập trung theo lớp; SV nghe giảng do giảng viên trình bày; thực hành luyện tập theo phương án.<br>**Yêu cầu sinh viên:** Đọc tài liệu trước khi lên lớp; ghi chép các nội dung chính; luyện tập theo phương án.<br>**Địa điểm học:** Sân tập. | Thực hành kiểm tra chạy vũ trang. |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1]. Nguyễn Đức Đăng, Nguyễn Tiến Hải, Nguyễn Hữu Hảo, Phan Tân Hưng, nguyễn Đình Lưu, Nguyễn Thanh nghị, Nguyễn Văn Quý, Lê Đình Thi; (2012), *"Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - an ninh tập 2; Tái bản lần thứ tư có sửa chữa và bổ sung"* dùng cho sinh viên các trường Đại học, cao đẳng, Nxb Giáo dục Việt Nam

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2]. Bộ Tổng Tham Mưu (2015), *"Điều lệnh đội ngũ QĐND Việt Nam"*, Nxb QĐND.

[3]. Bộ Tổng Tham Mưu (2015), *"Điều lệnh quản lý bộ đội"*, Nxb QĐND.

[4]. Cục Quân huấn (2009), "*Giáo trình Địa hình Quân sự*", Nxb QĐND

[5]. Binh chủng hóa học (2000), Vũ khí hạt nhân và cách phòng chống, Nxb QĐND.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần;
- Chủ động chuẩn bị các nội dung và thực hiện giờ tự học theo qui định;
- Tham dự đầy đủ bài kiểm tra và thi kết thúc học phần;
- Chấp hành nghiêm các nội qui, qui định của trung tâm.

*7.2. Phần thực hành*

- Các bài thực hành của học phần:

Bài 4: Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự:

Bài 5: Điều lệnh đội ngũ từng người có súng

Bài 6: Điều lệnh đội ngũ đơn vị

Bài 7: Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao

Bài 8: Ba môn quân sự phối hợp

- Yêu cầu cần đạt đối với phần thực hành;

+ Chuẩn bị đầy đủ, chu đáo các vật chất theo từng bài học;

+ Kết hợp nghe, nhìn và ghi chép nội dung;

+ Học mới ôn cũ; kết hợp lý thuyết với thực hành;

+ Tích cực, chủ động trong học tập, không ngại khó, ngại khổ.

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:*** 30%**; *Trọng số thi kết thúc học phần:*** *70%*

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá rèn luyện | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động rèn luyện ngoại khóa ngoài giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà; hoạt động rèn luyện ngoại khóa ngoài giờ học của sinh viên tại Trung tâm. | H4 | 60% |
| 2 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá: Thông qua kiểm tra tự luận, thực hành. | H3; H4. | 40% |
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần |
|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Thi tự luận. | H1; H2; H3; H4 |

| | | |
|---|---|---|
| **KT. Giám đốc**<br>**Phó giám đốc** | **Trưởng Bộ môn** | *Ngày 07 tháng 5 năm 2020*<br>**Người biên soạn** |
| **Đại tá Nguyễn Văn Mười** | **Thượng tá Doãn Anh Tuấn** | **Thượng tá Doãn Anh Tuấn** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: KỸ THUẬT CHIẾN ĐẤU BỘ BINH VÀ CHIẾN THUẬT**
**Mã học phần: QP211013**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 2

Loại môn học: Điều kiện

Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1. | Doãn Anh Tuấn | 0834609785 | datuan@ttn.edu.vn |
| 2. | Nguyễn Trọng Hằng | 0982243993 | nguyentronghang@ttn.edu.vn |
| 3. | Nguyễn Việt Hồng | 0912129514 | nvhong@ttn.edu.vn |
| 4. | Phạm Huy Tựa | 0905211278 | phtua@ttn.edu.vn |
| 5. | Khúc Đình Tân | 0983337637 | kdtan@ttn.edu.vn |

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa.

Học phần Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật là một nội dung trong chương trình môn học. Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng; từng người trong chiến đấu tiến công, từng người trong chiến đấu phòng ngự; từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1. Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản về kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; thành thạo tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn; kiểm tra bài 1 đạt kết quả cao.

MT2. Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng, ném lựu đạn bài 1; thành thạo động tác ném lựu đạn bài 1.

MT3. Nắm được đặc điểm của địch. Nhiệm vụ, khả năng chiến đấu, Hiểu được yêu cầu chiến thuật, cách đánh; động tác chiến đấu của từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự cũng như làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Hiểu biết những kiến thức; thực hành được các kỹ năng cơ bản về: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK, lựu đạn.

H2. Thành thạo động tác chuẩn bị bắn, bắn, thôi bắn của súng tiểu liên AK, động tác ném lựu đạn. Vận dụng vào học các bài bắn tiếp theo trong quá trình huấn luyện và chiến đấu ở cơ quan, đơn vị sau này.

H3. Nắm được đặc điểm của địch. Nhiệm vụ, khả năng chiến đấu. Hiểu được yêu cầu chiến thuật, cách đánh; động tác chiến đấu của từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự cũng như làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới). Vận dụng vào học tập các nội dung chiến thuật tiếp theo.

H4. Tác phong nhanh nhẹn, nội vụ, vệ sinh gọn gàng, ngăn nắp; có ý thức trong sinh hoạt tập thể, không vi phạm kỷ luật. Nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, góp phần xây dựng nhà trường, đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, vận dụng linh hoạt vào thực tế học tập cũng như trong chiến đấu ở cơ quan đơn vị sau này; sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H2 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H3 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H4 | x | | | | | | | | | | | | | | |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **1. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK**<br>**1. 1. Ngắm bắn**<br>1.1.1. Khái niệm<br>1.1.2. Đường ngắm cơ bản, điểm ngắm đúng, đường ngắm đúng<br>1.1.3. Thứ tự thực hành ngắm<br>1.1.4. Ảnh hưởng do ngắm sai và gió đến kết quả bắn<br>**1.2.Tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn súng tiểu liên AK**<br>1.2.1. Động tác nằm bắn<br>1.2.2. Động tác bắn<br>1.2.3. Động tác thôi bắn<br>**1.3. Tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liênAK**<br>1.3.1. Ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu<br>1.3.2. Phương án tập bắn<br>1.3.2. Cách chọn thước ngắm, điểm ngắm<br>1.3.3. Thực hành tập bắn<br>1.3.4. Điều kiện kiểm tra và thành tích | LT: 02<br>TH: 22 | [1].<br>Bài: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; |
| 2 | **2.Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1**<br>**2.1. Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng.**<br>2.1.1. Một số loại lựu đạn thường dùng.<br>2.1.2. Quy tắc sử dụng và bảo quản lựu đạn<br>2.1.3. Tư thế, động tác ném lựu đạn<br>**2.2. Ném lựu đạn bài 1**<br>2.2.1. Đặc điểm, yêu cầu<br>2.2.2. Điều kiện kiểm tra<br>2.2.3. Đánh giá thành tích<br>2.2.4. Thực hành tập ném lựu đạn | LT: 02<br>TH:06 | [1].<br>Bài:Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài1 |
| 3 | **3. Từng người trong chiến đấu tiến công**<br>**3.1. Phương án tập**<br>**3.2. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật**<br>3.2.1. Nhiệm vụ<br>3.2.2. Yêu cầu chiến thuật<br>**3.3. Huấn luyện đánh từng loại mục tiêu**<br>3.3.1. Đánh địch trong ụ súng, lô cốt<br>3.3.2. Đánh địch trong chiến hào hoặc giao thông hào | TH: 16 | [1].<br>Bài:Từng người trong chiến đấu tiến công |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 3.3.3. Đánh địch trong căn nhà<br>3.3.4. Đánh xe tăng hoặc xe bọc thép<br>3.3.5. Đánh tên địch, tốp địch ngoài công sự | | |
| 4 | **4. Từng người trong chiến đấu phòng ngự**<br>**4.1. Phương án tập**<br>**4.2. Đặc điểm tiến công của địch**<br>**4.3. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật**<br>4.1.1. Nhiệm vụ<br>4.1.2. Yêu cầu chiến thuật<br>**4.4 Thực hành huấn luyện các vấn đề huấn luyện**<br>4.4.1. VĐHL1: Hành động của chiến sỹ sau khi nhận nhiệm vụ<br>4.4.2. VĐHL2: Hành động của chiến sỹ khi địch chuẩn bị tiến công<br>4.4.3. VĐHL3: Hành động của chiến sỹ khi địch tiến công<br>4.4.4. VĐHL4: Hành động của chiến sỹ sau mỗi lần đánh bại địch tiến công.<br>**4.5. Luyện tập tổng hợp** | TH: 08 | [1].<br>Bài:Từng người trong chiến đấu phòng ngự |
| 5 | **5. Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới)**<br>**5.1. Phương án tập**<br>**5.2. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật**<br>5.1.1. Nhiệm vụ<br>5.1.2. Yêu cầu chiến thuật<br>**5.3. Thực hành huấn luyện các vấn đề huấn luyện**<br>5.3.1. VĐHL1: Hành động của chiến sỹ sau khi nhận nhiệm vụ<br>5.3.2. VĐHL2: Hành động của chiến sĩ thực hành canh gác.<br>5.3.3. VĐHL3: Hành động của chiến sĩ sau khi hoàn thành nhiệm vụ<br>**5.4. Luyện tập tổng hợp** | TH: 04 | [1].<br>Bài:Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới). |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Tiết: 01- 20 | **1. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK**<br>**1. 1. Ngắm bắn**<br>1.1.1. Khái niệm<br>1.1.2. Đường ngắm cơ bản, điểm ngắm đúng, đường ngắm đúng<br>1.1.3. Thứ tự thực hành ngắm<br>1.1.4. Ảnh hưởng do ngắm sai và gió đến kết quả bắn<br>**1.2. Tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn súng tiểu liên AK**<br>1.2.1. Động tác nằm bắn<br>1.2.2. Động tác bắn<br>1.2.3. Động tác thôi bắn | H1; H2; H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Phần lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình.<br>- Phần thực hành: Sử dụng PP thuyết trình kết hợp làm mẫu động tác; quá trình tập giảng viên theo dõi sửa tập cho người tập<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** Lên lớp theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội để ôn luyện.<br>**Yêu cầu sinh viên**: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; chuẩn | -Lấy được đường ngắm chết;<br>-Hình thức đánh giá: giáo viên kiểm trađường ngắm từng người |

| Số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | **1.3. Tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liênAK**<br>1.3.1. Ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu<br>1.3.2. Phương án tập bắn<br>1.3.2. Cách chọn thước ngắm, điểm ngắm<br>1.3.3. Thực hành tập bắn<br>1.3.4. Điều kiện kiểm tra và thành tích | | bị đầy đủ các vật chất theo yêu cầu của giảng viên. Khi lên lớp lắng nghe, ghi tóm tắt các nội dung chính, quan sát động tác mẫu của giảng viên; luyện tập theo nội dung đã được giảng viên kết luận.<br>**Địa điểm học:** Nhà tập bắn | |
| Tiết: 21-24 | **1. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK**<br>**1.4. Thực hành kiểm tra bắn bài 1 súng tiểu liên AK bằng máy bắn tập MBT03.** | H1; H2; H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>Phổ biến ý định kiểm tra; thực hành kiểm tra theo kế hoạch.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>Thực hành kiểm tra bắn bài 1 súng tiểu liên AK bằng máy bắn tập MBT03.<br>**Yêu cầu sinh viên**: Bình tĩnh, tự tin đạt kết quả cao trong kiểm tra.<br>**Địa điểm học:** Nhà tập bắn | Thực hành kiểm tra bắn bài 1 súng tiểu liên AK bằng máy bắn tập MBT03. |
| Tiết: 25 - 32 | **2. Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1**<br>2.1. Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng.<br>2.1.1. Một số loại lựu đạn thường dùng.<br>2.1.2. Quy tắc sử dụng và bảo quản lựu đạn<br>2.1.3. Tư thế, động tác ném lựu đạn<br>2.2. Ném lựu đạn bài 1<br>2.2.1. Đặc điểm, yêu cầu<br>2.2.2. Điều kiện kiểm tra<br>2.2.3. Đánh giá thành tích<br>2.2.4. Thực hành tập ném lựu đạn | H1; H2; H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Phần lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình.<br>- Phần thực hành: Sử dụng PP thuyết trình kết hợp làm mẫu động tác; quá trình tập giảng viên theo dõi sửa tập cho người tập<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>Lên lớp theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội để ôn luyện.<br>**Yêu cầu sinh viên**: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; chuẩn bị đầy đủ các vật chất theo yêu cầu của giảng viên. Khi lên lớp lắng nghe, ghi tóm tắt các nội dung chính, quan sát động tác mẫu của giảng viên; luyện tập theo nội dung đã được giảng viên kết luận.<br>**Địa điểm học:** Sân tập. | Thực hành kiểm tra ném lựu đạn bài 1. |

| Số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Tiết: 33 - 48 | **3. Từng người trong chiến đấu tiến công**<br>**3.1. Phương án tập**<br>**3.2. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật**<br>3.2.1. Nhiệm vụ<br>3.2.2. Yêu cầu chiến thuật<br>**3.3. Huấn luyện đánh từng loại mục tiêu**<br>3.3.1. Đánh địch trong ụ súng, lô cốt.<br>3.3.2. Đánh địch trong chiến hào hoặc giao thông hào.<br>3.3.3. Đánh địch trong căn nhà.<br>3.3.4. Đánh xe tăng hoặc xe bọc thép.<br>3.3.5. Đánh tên địch, tốp địch ngoài công sự. | H3; H4 | **Phương pháp dạy học:** Thực hành giảng dạy theo phương pháp huấn luyện đội ngũ chiến thuật<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** Lên lớp theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội để ôn luyện.<br>**Yêu cầu sinh viên**: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; chuẩn bị đầy đủ các vật chất theo yêu cầu của giảng viên. Khi lên lớp quan sát, lắng nghe, ghi nhớ nội dung; luyện tập theo nội dung đã được giảng viên kết luận.<br>**Địa điểm học:**Thao trường chiến thuật 420 | |
| Tiết: 49 - 56 | **4. Từng người trong chiến đấu phòng ngự**<br>**4.1. Phương án tập**<br>**4.2. Đặc điểm tiến công của địch**<br>**4.3. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật**<br>4.1.1. Nhiệm vụ<br>4.1.2. Yêu cầu chiến thuật<br>**4.4. Thực hành huấn luyện các vấn đề huấn luyện**<br>4.4.1. Hành động của chiến sỹ sau khi nhận nhiệm vụ<br>4.4.2. Hành động của chiến sỹ khi địch chuẩn bị tiến công<br>4.4.3. Hành động của chiến sỹ khi địch tiến công<br>4.4.4. Hành động của chiến sỹ mỗi lần đánh bại địch tiến công.<br>**4.5. Luyện tập tổng hợp** | H3; H4 | **Phương pháp dạy học:** Thực hành giảng dạy theo phương pháp huấn luyện đội ngũ chiến thuật<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** Lên lớp theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội để ôn luyện.<br>**Yêu cầu sinh viên**: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; chuẩn bị đầy đủ các vật chất theo yêu cầu của giảng viên. Khi lên lớp quan sát, lắng nghe, ghi nhớ nội dung; luyện tập theo nội dung đã được giảng viên kết luận.<br>**Địa điểm học:** Thao trường chiến thuật 420 | |
| Tiết: 57 - 60 | **Bài 5. Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới)**<br>**1. Phương án tập**<br>**2. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật**<br>1.1. Nhiệm vụ<br>1.2. Yêu cầu chiến thuật | H3; H4 | **Phương pháp dạy học:** Thực hành giảng dạy theo phương pháp huấn luyện đội ngũ chiến thuật<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** Lên lớp theo lớp học, cá nhân | |

| Số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | **3. Thực hành huấn luyện các vấn đề huấn luyện**<br>3.1. VĐHL1: Hành động của chiến sỹ sau khi nhận nhiệm vụ<br>3.2. VĐHL2: Hành động của chiến sĩ thực hành canh gác.<br>3.3. VĐHL3: Hành động của chiến sĩ sau khi hoàn thành nhiệm vụ<br>**4. Luyện tập tổng hợp** | | trong đội hình tiểu đội để ôn luyện.<br>**Yêu cầu sinh viên**: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; chuẩn bị đầy đủ các vật chất theo yêu cầu của giảng viên. Khi lên lớp quan sát, lắng nghe, ghi nhớ nội dung; luyện tập theo nội dung đã được giảng viên kết luận.<br>**Địa điểm học:** Thao trường chiến thuật 420 | |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1]. Nguyễn Đức Đăng, Nguyễn Tiến Hải, Nguyễn Hữu Hảo, Phan Tân Hưng, nguyễn Đình Lưu, Nguyễn Thanh nghị, Nguyễn Văn Quý, Lê Đình Thi; (2012), *"Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - an ninh tập 2; Tái bản lần thứ tư có sửa chữa và bổ sung"* dùng cho sinh viên các trường Đại học, cao đẳng, Nxb Giáo dục Việt Nam

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2]. Cục Quân huấn (2000), *Tổ chức và phương pháp huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh,* Nxb QĐND.

[3]. Bộ Tổng Tham Mưu (1998), *"Sách dạy sử dụng lựu đạn"*, Nxb QĐND.

[4]. Cục Quân huấn (1999), "*Sách dạy bắn súng bộ binh*", Nxb QĐND

[5]. Cục Quân huấn (1999), "*Giáo trình huấn luyện Kỹ thuật chiến đấu Bộ binh*", Nxb QĐND

[6]. Bộ Tổng Tham Mưu (2005), *"Tổ chức phương pháp huấn luyện chiến thuật",* Nxb QĐND.

[7]. Bộ Tổng Tham Mưu (1999), *"Từng người và tổ bộ binh trong chiến đấu"*, Nxb QĐND.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần;
- Chủ động chuẩn bị các nội dung và thực hiện giờ tự học theo qui định;
- Tham dự đầy đủ bài kiểm tra và thi kết thúc học phần;
- Chấp hành nghiêm các nội qui, qui định của trung tâm.

*7.2. Phần thực hành*

- Các bài thực hành của học phần: Tất cả các nội dung của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thực hành;

+ Chuẩn bị đầy đủ, chu đáo các vật chất theo từng bài học;
+ Kết hợp nghe, nhìn và ghi chép nội dung;
+ Học mới ôn cũ; kết hợp lý thuyết với thực hành;
+ Tích cực, chủ động trong học tập, không ngại khó, ngại khổ.

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:***30%***; Trọng số thi kết thúc học phần:*** *70%*

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động rèn luyện ngoại khóa ngoài giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà; hoạt động rèn luyện ngoại khóa ngoài giờ học của sinh viên tại Trung tâm. | H4 | 60% |
| 2 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá: Thông qua kiểm tra tự luận, thực hành. | H1; H2; H4 | 40% |
| 2 | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần |
|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Thi thực hành | H1; H2; H3; H4 |

| | | |
|---|---|---|
| **KT. Giám đốc**<br>**Phó giám đốc** | **Trưởng Bộ môn** | *Ngày 07 tháng 5 năm 2020*<br>**Người biên soạn** |
| **Đại tá Nguyễn Văn Mười** | **Thượng tá Doãn Anh Tuấn** | **Thượng tá Doãn Anh Tuấn** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: SINH THÁI MÔI TRƯỜNG**
**Mã học phần: NL211711**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**
Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thực hành: 0
Loại môn học: Bắt buộc
Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1. | Nguyễn Phương Đại Nguyên | 0914032103 | nguyendhtn@gmail.com |
| 2. | Trần Trung Dũng | 0916084089 | ttdung@ttn.edu.vn |

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**
Học về một số khái niệm sinh thái học cơ bản trong mối quan hệ giữa cơ thể và môi trường, vai trò của các nhân tố sinh thái như ánh sáng, nhiệt độ, nước, đất đối với môi trường sống của sinh vật. Các qui luật chung, các quy luật sinh thái trong tự nhiên của Sinh vật thông qua các qui luật Sinh thái. Tìm hiểu về khái niệm và phân loại quần thể sinh vật, những đặc trưng cơ bản của quần thể. Học về một số khái niệm chung về quần xã, cấu trúc của quần xã sinh vật, mối quan hệ giữa các loài trong quần xã. Các chu trình sinh địa hóa trong tự nhiên và có thể giải thích các hiện tượng sinh thái diễn ra trong tự nhiên. Học về cấu trúc, các diễn thế của hệ sinh thái.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về một số khái niệm sinh thái học cơ bản trong mối quan hệ giữa cơ thể và môi trường, vai trò của các nhân tố sinh thái như ánh sáng, nhiệt độ, nước, đất đối với môi trường sống của sinh vật; Các qui luật chung, các quy luật sinh thái trong tự nhiên của Sinh vật thông qua các qui luật Sinh thái; Các khái niệm và phân loại quần thể sinh vật, những đặc trưng cơ bản của quần thể, khái niệm chung về quần xã, cấu trúc của quần xã sinh vật, mối quan hệ giữa các loài trong quần xã và các chu trình snh địa hóa trong tự nhiên

MT2: Đào tạo sinh viên có thể giải thích các hiện tượng sinh thái diễn ra trong tự nhiên;

MT3. Rèn luyện người học có kỹ năng giao tiếp tốt, làm việc nhóm, làm việc độc lập, tự học, tự nghiên cứu;

MT4: Trang bị cho sinh viên có sự nhìn nhận về sự thích thú môn học, yêu thiên nhiên và biết bảo vệ môi trường sống; thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

Sinh viên học xong học phần Sinh học thực vật có khả năng:

H1. Trình bày, phân tích được khái niệm sinh thái học cơ bản trong mối quan hệ giữa cơ thể và môi trường, vai trò của các nhân tố sinh thái như ánh sáng, nhiệt độ, nước, đất đối với môi trường sống của sinh vật; Các qui luật chung, các quy luật sinh thái trong tự nhiên của Sinh vật thông qua các qui luật Sinh thái; Các khái niệm và phân loại quần thể sinh vật, những đặc trưng cơ bản của quần thể, khái niệm chung về quần xã, cấu trúc của quần xã sinh vật, mối quan hệ giữa các loài trong quần xã và các chu trình snh địa hóa trong tự nhiên

H2: Vận dụng các kiến thức về sinh thái để giải thích các hiện tượng sinh thái diễn ra trong tự nhiên.

H3. Có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm; tự học, tự nghiên cứu; viết và trình bày báo cáo;

H4. Nhìn nhận về sự thích thú môn học, tích cực trong học tập, thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết, nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường sống.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | x | | | | | | | | | | | | |
| H2 | | | x | | | x | | | | | | | | | |
| H3 | | | | | | | | | x | | x | | | | |
| H4 | | | | | | | | | | | | | | | x |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | Chương 1. Mở đầu sinh thái học và môi trường<br>1.1. Định nghĩa<br>1.2. Đối tượng nghiên cứu<br>1.3. Nội dung nghiên cứu<br>1.4. Phương pháp nghiên cứu của sinh thái học<br>1.5. Các phân môn của Sinh thái học<br>1.6. Một số khái niệm sinh thái học cơ bản trong mối quan hệ giữa cơ thể và môi trường | LT: 3 tiết | [1] chương 1<br>[2] chương 1<br>[3] chương 2 |
| 2 | Chương 2: Các quy luật sinh thái cơ bản<br>2.1. Các quy luật chung<br>a/ Quy luật lượng tối thiểu của của Liebig<br>b/ Quy luật giới hạn sinh thái Shelford<br>2.2. Một số quy luật Sinh thái trong tự nhiên | LT: 4 tiết | [1] chương 1<br>[2] chương 2<br>[3] chương 1 |
| 3 | Chương 3. Các nhân tố sinh thái<br>3.1. Ánh sáng<br>3.1.1.Thành phần quang phổ ánh sáng<br>3.1.2.Ảnh hưởng của ánh sáng lên sinh vật<br>3.2. Nhiệt độ là nhân tố sinh thái<br>3.3. Nước và độ ẩm là nhân tố sinh thái4.4.Đất với đời sống sinh vật<br>3.4.1. Khái niệm<br>3.4.2 Thành phần của đất<br>3.4.3. Tính chất của đất<br>3.4.4. Ảnh hưởng của đất đối với thực vật.<br>3.4.5. Ảnh hưởng của đất đối với động vật. | LT: 4 tiết | [1] chương 2<br>[3] chương 3 |
| 4 | Chương 4. Các dạng môi trường sống của sinh vật<br>4.1. Các dạng môi trường sống của sinh vật<br>4.1.1. Khái niệm<br>4.1.2. Môi trường<br>4.1.2. Vi môi trường.<br>4.2. Phân loại môi trường.<br>4.2.1. Môi trường nước<br>4.2.2. Môi trường cạn<br>4.2.3. Môi trường không khí | LT: 4 tiết | [1] chương 3<br>[3] chương 4 |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 4.2.4. Môi trương sinh vật | | |
| 5. | Chương 5. Chu trình sinh địa hóa tự nhiên<br>5.1. Chu trình nitơ (N)trong tự nhiên (tuần hoàn đạm)<br>5.2. Chu trình photpho (Phosphor - P)<br>5.3. Chu trình Cacbon (C)<br>5.4. Chu trình nước trong tự nhiên | LT: 4 tiết | [1] chương 5<br>[3] chương 4 |
| | Chương 6. Quần thể sinh vật<br>6.1. Khái niệm và phân loại quần thể sinh vật<br>6.1.1. Khái niệm<br>6.1.2. Kích thước<br>6.2. Phân loại quần thể<br>6.2. Những đặc trưng cơ bản của quần thể<br>6.2.1. Mật độ quần thể<br>6.2.1.1. Định nghĩa:<br>6.2.1.2. Phân loại mật độ:<br>6.2.1.3. Các đặc tính của mật độ<br>6.2.1.4. Một số phương pháp xác định mật độ quần thể:<br><br>6.2.2. Cấu trúc tuổi và giới tính của quần thể:<br>6.2.2.1. khái niệm tuổi<br>6.2.2.2. Cấu trúc tuổi của quần thể<br>6.2.2.3. Thành phần giới tính<br>6.2.3.Tỷ lệ sinh sản và mức độ tử vong<br>6.2.3.1 Tỷ lệ sinh sản:<br>6.2.3.2.Tỉ lệ tử vong<br>6.2.3.3. Tỉ lệ sống sót<br>6.2.4. Sự phân bố cá thể trong quần thể<br>**6.2.5. Biến động số lượng cá thể của quần thể** | LT: 5 tiết | [1] chương 6<br>[2] chương 3 |
| | Chương 7. Quần xã và tính chất của quần xã<br>7.1. Một số khái niệm chung<br>7.2. Cấu trúc của quần xã sinh vật<br>7.2.1. Đa dạng về loài, về cấu trúc và về gen<br>7.2.2. Cấu trúc về không gian của quần xã<br>7.2.2.1. Cấu trúc theo mặt phẳng<br>7.2.2.2. Cấu trúc theo chiều thẳng đứng.<br>7.2.2.3. Cấu trúc về dinh dưỡng<br>7.3. Mối quan hệ giữa các loài trong quần xã<br>7.3.2. Các mối tương tác dương | LT: 3 tiết | [1] chương 7 |
| | Chương 8. Hệ sinh thái<br>8.1. Định nghĩa.<br>8.2. Cấu trúc của hệ sinh thái<br>8.3. Diễn thế sinh thái của hệ sinh thái<br>8.3.1. Khái niệm diễn thế sinh thái<br>8.3.2. Các diễn thế sinh thái<br>8.4. Các ví dụ về hệ sinh thái 7.5. Mối quan hệ giữa quần xã sinh vật và môi trường. | LT: 2 tiết | [1] chương 8 |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 8.6. Tính bền vững của hệ sinh thái. | | |
| 9 | **Kiểm tra** | LT: 1 tiết | |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Tiết 1-3 | Chương 1. Mở đầu sinh thái học và môi trường<br>1.1.Định nghĩa<br>1.2. Đối tượng nghiên cứu<br>1.3. Nội dung nghiên cứu<br>1.4. Phương pháp nghiên cứu của sinh thái học<br>1.5. Các phân môn của Sinh thái học<br>1.6. Một số khái niệm sinh thái học cơ bản trong mối quan hệ giữa cơ thể và môi trường | H1<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:** PP thuyết trình (GV và SV); PP gợi mở-vấn đáp; PP thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** GV thuyết trình; SV thuyết trình; Phản biện giữa SV-SV; SV trả lời câu hỏi của GV<br>- Thảo luận nhóm:<br>+ Đối tượng nghiên cứu của Sinh thái học và môi trường<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | - **Đánh giá**: Chuyên cần; Bài trình bày của nhóm;<br>- **Hình thức đánh giá**: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện |
| Tiết 4 - 7 | Chương 2: Các quy luật sinh thái cơ bản<br>2.1. Các quy luật chung<br>a/ Quy luật lượng tối thiểu của của Liebig<br>b/ Quy luật giới hạn sinh thái Shelford<br>2.2. Một số quy luật Sinh thái trong tự nhiên | H1<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:** PP thuyết trình (GV và SV); PP gợi mở-vấn đáp; PP thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** GV thuyết trình; SV thuyết trình; Phản biện giữa SV-SV; SV trả lời câu hỏi của GV<br>- Thảo luận nhóm:<br>+ Quy luật giới hạn sinh thái Shelford<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu | - **Đánh giá**: Chuyên cần; Bài trình bày của nhóm;<br>- **Hình thức đánh giá**: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | | Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | |
| Tiết 8 -11 | Chương 3. Các nhân tố sinh thái<br>3.1. Ánh sáng<br>3.1.1.Thành phần quang phổ ánh sáng<br>3.1.2.Ảnh hưởng của ánh sáng lên sinh vật<br>3.2. Nhiệt độ là nhân tố sinh thái<br>3.3. Nước và độ ẩm là nhân tố sinh thái4.4.Đất với đời sống sinh vật<br>3.4.1. Khái niệm<br>3.4.2 Thành phần của đất<br>3.4.3. Tính chất của đất<br>3.4.4. Ảnh hưởng của đất đối với thực vật.<br>3.4.5. Ảnh hưởng của đất đối với động vật. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:** PP thuyết trình (GV và SV); PP gợi mở-vấn đáp; PP thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** GV thuyết trình; SV thuyết trình; Phản biện giữa SV-SV; SV trả lời câu hỏi của GV<br>- Thảo luận nhóm: Trình bày Các nhân tố sinh thái<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | - **Đánh giá**: Chuyên cần; Bài trình bày của nhóm;<br>- **Hình thức đánh giá**: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện |
| Tiết 12 -15 | Chương 4. Các dạng môi trường sống của sinh vật<br>4.1. Các dạng môi trường sống của sinh vật<br>4.1.1. Khái niệm<br>4.1.2. Môi trường<br>4.1.2. Vi môi trường.<br>4.2. Phân loại môi trường.<br>4.2.1. Môi trường nước<br>4.2.2. Môi trường cạn<br>4.2.3. Môi trường không khí<br>4.2.4. Môi trương sinh vật | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:** PP thuyết trình (GV và SV); PP gợi mở-vấn đáp; PP thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** GV thuyết trình; SV thuyết trình; Phản biện giữa SV-SV; SV trả lời câu hỏi của GV<br>- Thảo luận nhóm: Các dạng môi trường sống của sinh vật<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu | - + Báo cáo của nhóm trước l-**Đánh giá**: Chuyên cần; Bài trình bày của nhóm;<br>- **Hình thức đánh giá**: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | | Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | |
| Tiết 16 -19 | Chương 5. Chu trình sinh địa hóa tự nhiên<br>5.1. Chu trình nitơ (N)trong tự nhiên (tuần hoàn đạm)<br>5.2. Chu trình photpho (Phosphor - P)<br>5.3. Chu trình Cacbon (C)<br>Chu trình nước trong tự nhiên | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:** PP thuyết trình (GV và SV); PP gợi mở-vấn đáp; PP thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** GV thuyết trình; SV thuyết trình; Phản biện giữa SV-SV; SV trả lời câu hỏi của GV<br>- Thảo luận nhóm: Chu trình nước trong tự nhiên<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | - **Đánh giá**: Chuyên cần; Bài trình bày của nhóm;<br>- **Hình thức đánh giá**: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện |
| Tiết 20 -24 | Chương 6. Quần thể sinh vật<br>6.1. Khái niệm và phân loại quần thể sinh vật<br>6.1.1. Khái niệm<br>6.1.2. Kích thước<br>6.2. Phân loại quần thể<br>6.2. Những đặc trưng cơ bản của quần thể<br>6.2.1. Mật độ quần thể<br>6.2.1.1. Định nghĩa :<br>6.2.1.2. Phân loại mật độ :<br>6.2.1.3. Các đặc tính của mật độ<br>6.2.1.4. Một số phương pháp xác định mật độ quần thể:<br><br>6.2.2. Cấu trúc tuổi và giới tính của quần thể:<br>6.2.2.1. khái niệm tuổi | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:** PP thuyết trình (GV và SV); PP gợi mở-vấn đáp; PP thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** GV thuyết trình; SV thuyết trình; Phản biện giữa SV-SV; SV trả lời câu hỏi của GV<br>- Thảo luận nhóm: Những đặc trưng cơ bản của quần thể<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu | - **Đánh giá**: Chuyên cần; Bài trình bày của nhóm;<br>- **Hình thức đánh giá**: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 6.2.2.2. Cấu trúc tuổi của quần thể<br>6.2.2.3. Thành phần giới tính<br>6.2.3.Tỷ lệ sinh sản và mức độ tử vong<br>6.2.3.1 Tỷ lệ sinh sản:<br>6.2.3.2.Tỉ lệ tử vong<br>6.2.3.3. Tỉ lệ sống sót<br>6.2.4. Sự phân bố cá thể trong quần thể<br>6.2.5. Biến động số lượng cá thể của quần thể | | Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | |
| Tiết 25 -27 | Chương 7. Quần xã và tính chất của quần xã<br>7.1. Một số khái niệm chung<br>7.2. Cấu trúc của quần xã sinh vật<br>7.2.1. Đa dạng về loài, về cấu trúc và về gen<br>7.2.2. Cấu trúc về không gian của quần xã<br>7.2.2.1. Cấu trúc theo mặt phẳng<br>7.2.2.2. Cấu trúc theo chiều thẳng đứng.<br>7.2.2.3. Cấu trúc về dinh dưỡng<br>7.3. Mối quan hệ giữa các loài trong quần xã<br>7.3.2. Các mối tương tác dương | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:** PP thuyết trình (GV và SV); PP gợi mở-vấn đáp; PP thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** GV thuyết trình; SV thuyết trình; Phản biện giữa SV-SV; SV trả lời câu hỏi của GV<br>- Thảo luận nhóm: Mối quan hệ giữa các loài trong quần xã<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | - **Đánh giá**: Chuyên cần; Bài trình bày của nhóm;<br>- **Hình thức đánh giá**: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện |
| Tiết 28 -29 | Chương 8. Hệ sinh thái<br>8.1. Định nghĩa.<br>8.2. Cấu trúc của hệ sinh thái<br>8.3. Diễn thế sinh thái của hệ sinh thái<br>8.3.1. Khái niệm diễn thế sinh thái<br>8.3.2. Các diễn thế sinh thái<br>8.4. Các ví dụ về hệ sinh thái<br>8.5. Mối quan hệ giữa quần xã sinh vật và môi trường. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:** PP thuyết trình (GV và SV); PP gợi mở-vấn đáp; PP thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** GV thuyết trình; SV thuyết trình; Phản biện giữa SV-SV; SV trả lời câu hỏi của GV | - **Đánh giá**: Chuyên cần; Bài trình bày của nhóm;<br>- **Hình thức đánh giá**: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 8.6. Tính bền vững của hệ sinh thái. | | - Thảo luận nhóm: Các ví dụ về hệ sinh thái<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện |
| Tiết 30 | **Kiểm tra** | H1<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:** Kiểm tra tự luận<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** Sinh viên thực hiện bài kiểm tra tại lớp<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu ở nhà; nghiêm túc.<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường) | - **Đánh giá**: Bài làm kiểm tra của SV<br>**Hình thức đánh giá**: Chấm điểm bài kiểm tra |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Trần Trung Dũng. (2017). Sinh thái môi trường, NXB giáo dục

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2]. Nguyễn Phương Đại Nguyên. (2013). Bài giảng sinh thái học, Trường Đại học Tây Nguyên

[4]. Lê Văn Khoa. (2006) *Sinh Thái và môi trường*. NXB Giáo Dục, Hà Nội

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)*

*7.3. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:*** 30%**; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ | H4 | 10% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | | |
| 3 | Semina/ thảo luận nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H1<br>H3<br>H4 | 20% |
| 4 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận/trắc nghiệm/vấn đáp | H1<br>H3<br>H4 | 70% |
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Thi tự luận | H1<br>H3<br>H4 | 100% |

*Ngày … tháng … năm 20…*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| | | Nguyễn Phương Đại Nguyên |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: HÓA SINH THỰC VẬT**
**Mã học phần: NL212705**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**
Tổng số tín chỉ: **02** ; Số tín chỉ lý thuyết: **1,5**; Số tín chỉ thực hành: **0,5**
Loại môn học: **Bắt buộc** (Bắt buộc, Tự chọn hay Điều kiện)
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học song hành: Không
Học phần học trước:
Học phần tiên quyết: Không
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên: Họ và tên: **NGUYỄN NGỌC HỮU**; Số điện thoại: **0906933682**; Email: **nnhuu@ttn.edu.vn**

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:** (ít nhất 150 từ)
Học phần giúp cho sinh viên học có những kiến thức chung về các mối liên quan giữa quá trình hóa học và sinh vật học, mối liên quan giữa cấu trúc và chức năng sống của các cơ quan trong cơ thể thực vật. Cơ chế điều hòa quá trình sinh trưởng, phát triển và các quá trình khác trong cơ thể thực vật. Sinh viên được cung cấp các kiến thức về hóa sinh "tĩnh" nghiên cứu đặc điểm, tính chất của nước, carbonhydrate, protein,lipid, glucid, acid Nucleotide, enzyme, khoáng, vitamine trong cơ thể thực vật, và hóa sinh "động" liên quan đến quá trình sinh tổng hợp và chuyển hóa các hợp chất cao phân tử như: Protid, glucid, Lipid, Nucleotide…trong chu kỳ sống của thực vật.
Sinh viên hiểu được mối quan hệ giữa hóa sinh thực vật từ đó vận dụng giải quyết được các vấn đề trong sản xuất nông nghiệp để tạo ra những giống cây trồng có năng suất, chất lượng cao. Bên cạnh đó, sinh viên các ngành Bảo vệ thực vật có thể vận dụng các kiến thức của hóa sinh để hiểu được cơ chế kháng bệnh của cây từ đó có giải pháp nâng cao khả năng kháng bệnh của cây trồng.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**
3.1. Mục tiêu học phần
MT1- Sinh viên hiểu được khái niệm về sự trao đổi chất và năng lượng trong cơ thể thực vật
MT2- Sinh viên hiểu được cấu tạo và tính chất của Protein, lipid, glucid, Carbonhydrate, acid Nucleotide trong các cơ quan khác nhau của thực vật
MT3- Hiểu được quá trình sinh tổng hợp và chuyển hóa của các chất như Protein, glucid, lipid, vitamin, Acid nucleotide trong chu kỳ sống của thực vật
MT4- Vận dụng được các kiến thức về hóa sinh để nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng kháng bệnh của cây trồng
*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*
(Mô tả các năng lực bao gồm kiến thức, kỹ năng, thái độ mà sinh viên đạt được sau khi học xong học phần. Viết khoảng 3 đến 5 chuẩn đầu ra).
H1: Có kiến thức về sự trao đổi chất và năng lượng của thực vật trong chu kỳ sống
H2: Có kiến thức và giải thích được sự khác nhau về cấu tạo, tính chất của Protein, lipid, glucid, Acid Nucleotide… trong các cơ quan thực vật
H3: Có kiến thức về các chu trình chuyển hóa, trao đổi giữa các thành phần hóa học khác nhau trong chu kỳ sống của thực vật
H4: Vận dụng được kiến thức hóa sinh để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp công nghệ cao

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H2 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H3 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H4 | | | | | | | | | | | | | | x | |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. Trao đổi chất và năng lượng**<br>1.1. Khái niệm chung về trao đổi chất<br>1.2. Năng lượng sinh học | LT: 1,5 tiết<br>BT: 0 tiết | [1], [2] Chương 1 và 8 |
| 2 | **Chương 2. Thành phần hóa học của cơ thể sống**<br>1.1. Thành phần hoá học của tế bào thực vật<br>1.2. Nước và vai trò của nước đối với thực vật<br>1.3. Hợp chất vô cơ và hợp chất hữu cơ của thực vật<br>1.4. Sự tương tác giữa thực vật và môi trường sống | LT: 1,5 tiết<br>BT: 0 tiết | [2] Chương mở đầu |
| 3 | **Chương 3. Carbonhydate và sự trao đổi Carbonhdrate trong cơ thể thực vật**<br>3.1. Cấu tạo, tính chất và vai trò của carbonhydrate<br>3.2. Monosaccharide<br>3.3. Polysaccharide<br>3.4. Hóa sinh trong quá trình quang hợp<br>3.5. Hóa sinh trong quá trình hô hấp | LT: 4 tiết<br>BT: 0 tiết | [1], [2] Chương 4 và 1 |
| 4 | **Chương 4. Lipid và sự trao đổi Lipid trong cơ thể thực vật**<br>4.1. Cấu tạo, tính chất và vai trò của lipid<br>4.2. Sự phân giải Triglyceride<br>4.3. Phân giải acid béo chưa bảo hòa<br>4.4. Sinh tổng hợp Triglyceride<br>4.5 Sinh tổng hợp và phân giải Phospholipid | LT: 3 tiết<br>BT: 0 tiết | [1], [2] Chương 5 và 2,10 |
| 5 | **Chương 5. Acid Nucleotide và sự chuyển hóa Acid Nucleotide trong cơ thể thực vật**<br>5.1. Cấu trúc, phân loại của acid nucleotide<br>5.2. Sinh tổng hợp nucleotide<br>5.3. Sinh tổng hợp DNA<br>5.4. Sinh tổng hợp RNA<br>5.5. Chuyển hóa acid Nucleotide | LT: 3 tiết<br>BT: 0 tiết | [1], [2] Chương 6 và 4, 12 |
| 6 | **Chương 6. Protein và sự trao đổi Protein trong cơ thể thực vật**<br>6.1. Đại cương về Protein<br>6.2. Tính chất, cấu trúc chức năng protein<br>6.3. Phân loại, tính chất và vai trò của Amino acid (Acid amine)<br>6.4. Sinh tổng hợp Amino acid | LT: 3 tiết<br>BT: 0 tiết | [1], [2] Chương 7 và 3, 11 |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 6.5. Quá trình cố định Nito phân tử<br>6.6. Sinh tổng hợp Protein<br>6.7. Sự phân giải các hợp chất chứa Nito | | |
| 7 | **Chương 7. Enzyme và sự xúc tác sinh học**<br>7.1. Khái niệm về sự xúc tác và xúc tác sinh học<br>7.2. Bản chất hóa học của enzyme<br>7.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt tính của enzyme<br>7.4. Cơ chế xúc tác của enzyme<br>7.5 Động học của phản ứng enzyme<br>7.6. Cách gọi tên và phân loại enzyme<br>7.7. Các nhóm enzyme riêng biệt | LT: 3 tiết<br>BT: 0 tiết | [1], [2]<br>Chương 3 và 6 |
| 8 | **Chương 8. MỐI LIÊN QUAN GIỮA CÁC CHẤT VÀ CÁC QUÁ TRÌNH TRAO ĐỔI CHẤT**<br>8.1. Mối liên quan giữa carbonhydrate và lipid<br>8.2. Mối liên quan giữa carbonhydrate và Protein<br>8.3. Mối liên quan giữa Protein và lipid<br>8.4. Sự tạo thành các hợp chất thứ cấp trong quá trình trao đổi chất trog cơ thể thực vật | LT: 3 tiết<br>BT: 0 tiết | [1], [2]<br>Chương 8 và 13 |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Chương 1+2+3: 2,5/10 | **Chương 1. Trao đổi chất và năng lượng**<br>1.1. Khái niệm chung về trao đổi chất<br>1.2. Năng lượng sinh học | H1<br>H1 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết) | |
| | **Chương 2. Thành phần hóa học của cơ thể sống**<br>1.1. Thành phần hoá học của tế bào thực vật<br>1.2. Nước và vai trò của nước đối với thực vật<br>1.3. Hợp chất vô cơ và hợp chất hữu cơ của thực vật<br>1.4. Sự tương tác giữa thực vật và môi trường sống | H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập,…<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu | |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | | Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)<br>- Phòng thí nghiệm (cho các giờ thực hành) | |
| | **Chương 3. Carbonhydate và sự trao đổi Carbonhdrate trong cơ thể thực vật**<br>3.1. Cấu tạo, tính chất và vai trò của carbonhydrate<br>3.2. Monosaccharide<br>3.3. Polysaccharide<br>3.4. Hóa sinh trong quá trình quang hợp<br>3.5. Hóa sinh trong quá trình hô hấp | H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập,…<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>Thực hành: Tính chất và chuyển hóa của Carbonhydrate<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Báo cáo của nhóm gửi qua email |
| 0,75/3 | **Chương 4. Lipid và sự trao đổi Lipid trong cơ thể thực vật**<br>4.1. Cấu tạo, tính chất và vai trò của lipid<br>4.2. Sự phân giải Triglyceride<br>4.3. Phân giải acid béo chưa bảo hòa<br>4.4. Sinh tổng hợp Triglyceride<br>4.5 Sinh tổng hợp và phân giải Phospholipid | | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập,…<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>Thực hành: Tính chất và chuyển hóa của Lipid<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Báo cáo của nhóm gửi qua email |
| 0,75/3 | **Chương 5. Acid Nucleotide và sự chuyển hóa Acid Nucleotide trong cơ thể thực vật**<br>5.1. Cấu trúc, phân loại của acid nucleotide<br>5.2. Sinh tổng hợp nucleotide<br>5.3. Sinh tổng hợp DNA<br>5.4. Sinh tổng hợp RNA<br>5.5. Chuyển hóa acid | | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập,…<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu | |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | Nucleotide | | Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | |
| 0,75/3 | **Chương 6. Protein và sự trao đổi Protein trong cơ thể thực vật**<br>6.1. Đại cương về Protein<br>6.2. Tính chất, cấu trúc chức năng protein<br>6.3. Phân loại, tính chất và vai trò của Amino acid (Acid amine)<br>6.4. Sinh tổng hợp Amino acid<br>6.5. Quá trình cố định Nito phân tử<br>6.6. Sinh tổng hợp Protein<br>6.7. Sự phân giải các hợp chất chứa Nito | | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập,…<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>Thực hành: tính chất và chuyển hóa của protein<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Báo cáo của nhóm gửi qua email |
| 0,75/3 | **Chương 7. Enzyme và sự xúc tác sinh học**<br>7.1. Khái niệm về sự xúc tác và xúc tác sinh học<br>7.2. Bản chất hóa học của enzyme<br>7.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt tính của enzyme<br>7.4. Cơ chế xúc tác của enzyme<br>7.5 Động học của phản ứng enzyme<br>7.6. Cách gọi tên và phân loại enzyme<br>7.7. Các nhóm enzyme riêng biệt | | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập,…<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>Thực hành: các yếu tố ảnh hoạt tính enzyme<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Báo cáo của nhóm gửi qua email |
| 0,75/3 | **Chương 8. MỐI LIÊN QUAN GIỮA CÁC CHẤT VÀ CÁC QUÁ TRÌNH TRAO ĐỔI CHẤT**<br>8.1. Mối liên quan giữa carbonhydrate và lipid<br>8.2. Mối liên quan giữa carbonhydrate và Protein<br>8.3. Mối liên quan giữa Protein và lipid | | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập,…<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu | |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 8.4. Sự tạo thành các hợp chất thứ cấp trong quá trình trao đổi chất trog cơ thể thực vật | | Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | |

**. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1]. TS. Trần Thị Lệ (2006), *Giáo trình Hóa sinh thực vật*, NXB Nông nghiệp

[2]. PGS.TS Đỗ Quý Hai (2007), *Giáo trình Hóa sinh*, NXB Đại học Huế.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[1] Hans-Walter Heldt (2011). *Plant Biochemistry*. Translation of the 4th German edition, Academic Press, Elsevier

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành*

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

*7.3. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%;*Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

(Trọng số điểm bộ phận <=30%; Còn lại là trọng số thi=100% -Trọng số bộ phận)

***8.2. Thành phần,mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 25% |
| 2 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H2<br>H3<br>H4 | 25% |
| 3 | Tiểu luận/Thí nghiệm, thực hành | Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 25% |
| | | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của | | |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| | | viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. | thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra. | | |
| 4 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, vấn đáp | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 25% |
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

* Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể có đầy đủ các hình thức đánh giá trên, hoặc có thể thêm hay bớt cho phù hợp, nhưng đảm bảo tổng tỷ lệ điểm bộ phận là 100%. Việc đánh giá điểm bộ phận gồm các thành phần và tỷ lệ tương ứng như công bố, (kết quả điểm bộ phận × trọng số điểm bộ phận+điểm thi × trọng số thi)/100= kết quả học phần.

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Thi tự luận | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 70% |

*Ngày … tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | ThS. Nguyễn Thanh Bình | TS. Nguyễn Ngọc Hữu |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: DI TRUYỀN THỰC VẬT**
**Mã học phần: NL212706**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 1,5; Số tín chỉ thực hành: 0,5

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học song hành: Hóa sinh thực vật

Học phần học trước: Sinh học đại cương

Học phần tiên quyết:

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Huỳnh Văn Quốc; Số điện thoại: 0913471392; Email: hvquoc@ttn.edu.vn.

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Di truyền học thực vật là học phần nhằm giới thiệu, trang bị những kiến thức cơ bản về di truyền học nói chung và di truyền thực vật nói riêng. Những vấn đề đó là: Cơ sở của hiện tượng di truyền; các quy luật di truyền; cơ sở di truyền các tính trạng số lượng và ưu thế lai; di truyền tế bào chất; biến dị; di truyền quần thể được ứng dụng trong công tác chọn giống cây trồng.

Để học học phần Di truyền thực vật sinh viên phải đạt môn Sinh học đại cương; Di truyền thực vật là học phần cơ sở để tiếp tục cho học phần Chọn giống.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về di truyền đại cương nói chung và di truyền thực vật nói riêng; Từ đó hiểu rõ được các quá trình, cơ chế di truyền xảy ra trong cơ thể sống.

Có khả năng giải thích những vấn đề cụ thể liên quan đến di truyền tế bào, di truyền thực vật.

Ứng dụng những kiến thức về Di truyền thực vật sử dụng trong chọn tạo giống cây trồng, phục vụ cho lợi ích con người.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

***3.2.1. Kiến thức:***

H1. Có kiến thức cơ bản về sinh học, di truyền học, di truyền học thực vật.

H2. Hiểu biết và ứng dụng các kiến thức di truyền học thực vật trong chọn giống thực vật.

***3.2.1. Kỹ năng***

H3. Có khả năng thực hiện các thí nghiệm về các phép lai, phân tích kết quả thu được dựa trên những kiến thức cơ bản đã được học.

H4. Có khả năng thực hiện các nghiên cứu đơn giản trong phòng thí nghiệm và ngoài đồng ruộng.

H5. Có khả năng thực tiễn trong sản xuất nông lâm nghiệp.

H6. Có khả khả năng truyền đạt những hiểu biết của mình cho người khác hiểu về môn học.

H7. Vận dụng những kiến thức đã học để giải thích và đề xuất những vấn đề cụ thể liên quan đến di truyền học thực vật.

***3.2.3. Thái độ***

H8. Tạo sự yêu thích sinh học, môn học, yêu thiên nhiên biết bảo vệ thiên nhiên, giữ gìn và bảo vệ đa dạng sinh học.

H9. Có niềm vui, ham hiểu biết khoa học, mong được cống hiến nhiều hơn.

H10. Hiểu các thành tựu sinh học vận dụng trong cuộc sống, nông nghiệp, công nghiệp, dược liệu…Rèn tư duy phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hoá.

H11. Có sự tự tin trong nghề nghiệp, trong cuộc sống của mình.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | x | | | | | | | | | | | | |
| H2 | | | x | | | | | | | | | | | | |
| H3 | | | x | | | | | | | | | | | | |
| H4 | | | x | | | | | | | | | | | | |
| H5 | | | x | | | | | | | | | | | | |
| H6 | | | x | | | | | | | | | | | | |
| H7 | | | x | | | | | | | | | | | | |
| H8 | | | x | | | | | | | | | | | | |
| H9 | | | x | | | | | | | | | | | | |
| H10 | | | x | | | | | | | | | | | | |
| H11 | | | x | | | | | | | | | | | | |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương Mở đầu**<br>1. Đối tượng và nhiệm vụ của di truyền học.<br>2. Các giai đoạn phát triển của di truyền học.<br>3. Phương pháp nghiên cứu di truyền học.<br>4. Ý nghĩa của di truyền học đối với chọn giống. | LT:1 tiết | Chương Mở đầu |
| 2 | **Chương 1: Cơ sở tế bào của di truyền**<br>1.1. Tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực<br>1.2. Cấu trúc nhiễm sắc thể<br>1.3. Vòng đời của tế bào và phân chia tế bào<br>1.4. Phân bào giảm nhiễm (giảm phân)<br>1.5. Quá trình sinh sản hữu tính<br>1.6. Sinh sản vô phối<br>1.7. Vòng đời của cơ thể sống, ý nghĩa của pha đơn bội và pha lưỡng bội. | LT: 4 tiết<br>TH: 2 tiết | Chương 1: Cơ sở tế bào của di truyền |
| 3 | **Chương 2: Các quy luật di truyền Menđen và tương tác gen**<br>2.1. Đặc điểm của phương pháp phân tích di truyền Menđen<br>2.2. Giới thiệu các thuật ngữ và ký hiệu di truyền<br>2.3. Lai theo một cặp tính trạng<br>2.4. Lai hai hay nhiều cặp tính trạng<br>2.8. Hiện tượng tự bất hợp ở thực vật<br>2.6. Tính đa hiệu của gen<br>2.7. Dãy alen<br>2.5. Tương tác gen không alen | LT: 3 tiết<br>TH: 2 tiết | Chương 2: Các quy luật di truyền Menđen và tương tác gen |
| 4 | **Chương 3: Các quy luật di truyền nhiễm sắc thể**<br>3.1. Nhiễm sắc thể giới tính và di truyền liên kết với giới tính<br>3.2. Hiện tượng di truyền liên kết và trao đổi chéo<br>3.4. Bản đồ di truyền<br>3.3. Cơ sở tế bào học giải thích cơ chế trao đổi chéo | LT: 3 tiết | Chương 3: Các quy luật di truyền nhiễm sắc thể |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 5 | **Chương 4: Di truyền tính trạng số lượng và ưu thế lai**<br>4.1. Di truyền tính trạng chất lượng và tính trạng số lượng<br>4.2. Mô hình tác động cộng gộp và di truyền tăng tiến<br>4.3. Sử dụng thống kê để phân tích di truyền các tính trạng số lượng<br>4.4. Lý thuyết về sự suy thoái cận phối và ưu thế lai. | LT: 3 tiết<br>TH: 2 tiết | Chương 3: Di truyền tính trạng số lượng và ưu thế lai |
| 6 | **Chương 5: Di truyền tế bào chất**<br>5.1. Những đặc điểm cơ bản của di truyền tế bào chất<br>5.2. Di truyền lạp thể<br>5.3. Di truyền ty thể<br>5.4. Hiện tượng bất dục đực tế bào chất ở thực vật bậc cao | LT: 3 tiết<br>BT: 1 tiết | Chương 4: Di truyền tế bào chất |
| 7 | **Chương 6: Biến dị**<br>6.1. Khái niệm về biến dị, phân loại, dãy biến dị tương đồng<br>6.2. Thường biến và mức phản ứng<br>6.3. Đột biến gen<br>6.4. Đột biến tự nhiên và đột biến nhân tạo<br>6.5. Đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể<br>6.6. Đa bội thể<br>6.7. Đa bội lệch – Dị đa bội<br>6.8. Đơn bội | LT: 3 tiết | Chương 5: Biến dị |
| 8 | **Chương 7: Di truyền quần thể**<br>7.1. Khái niệm về quần thể<br>7.2. Các dạng quần thể<br>7.3. Các quá trình di truyền trong quần thể<br>7.4. Những yếu tố gây biến động di truyền trong quần thể | LT: 2 tiết | Chương 6: Di truyền quần thể |
| | Kiểm tra | 1 tiết | |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Buổi học/số tiết: 1/4 | **Chương Mở đầu**<br>1. Đối tượng và nhiệm vụ của di truyền học.<br>2. Các giai đoạn phát triển của di truyền học.<br>3. Phương pháp nghiên cứu di truyền học.<br>4. Ý nghĩa của di truyền học đối với chọn giống. | Giúp sv có kiến thức về học phần | PP thuyết trình,<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | Hình thức đánh giá của từng bài: Kiểm tra trên lớp. |
| Buổi học/số tiết: 1/4 | **Chương 1: Cơ sở tế bào của di truyền**<br>1.1. Tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực<br>1.2. Cấu trúc nhiễm sắc thể<br>1.3. Vòng đời của tế bào và phân chia tế bào | Giúp sv có kiến thức về vật chất di truyền ở cấp độ tế bào; Sự truyền đạt thông tin di truyền qua các | PP thuyết trình,<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>- Thảo luận nhóm: Vật chất DT ở cấp độ tế bào. | |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 1.4. Phân bào giảm nhiễm (giảm phân)<br>1.5. Quá trình sinh sản hữu tính<br>1.6. Sinh sản vô phối<br>1.7. Vòng đời của cơ thể sống, ý nghĩa của pha đơn bội và pha lưỡng bội. | thế hệ tế bào; … | - Thực hành: Nguyên phân; Giảm phân;<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường;<br>- Phòng thực hành | |
| Buổi học/số tiết:<br>2/4 | **Chương 2: Các quy luật di truyền Menđen và tương tác gen**<br>2.1. Đặc điểm của phương pháp phân tích di truyền Menđen<br>2.2. Giới thiệu các thuật ngữ và ký hiệu di truyền<br>2.3. Lai theo một cặp tính trạng<br>2.4. Lai hai hay nhiều cặp tính trạng<br>2.8. Hiện tượng tự bất hợp ở thực vật<br>2.6. Tính đa hiệu của gen<br>2.7. Dãy alen<br>2.5. Tương tác gen không alen | Giúp sv có kiến thức về các Quy luật cơ bản di truyền; giải thích được một số hiện tượng xảy ra ở thực vật.<br>Có khả năng thực hiện các phép lai, phân tích kết quả thu được dựa trên những kiến thức cơ bản. | - PP thuyết trình.<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: Các Quy luật DT Menđen<br>- Thực hành: Phương pháp kiểm định $X^2$<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường<br>- Phòng thực hành | Hình thức đánh giá của từng bài:<br>- Kiểm tra trên lớp<br>- Làm bài viết tại lớp. |
| 3/4 | **Chương 3: Các quy luật di truyền nhiễm sắc thể**<br>3.1. Nhiễm sắc thể giới tính và di truyền liên kết với giới tính<br>3.2. Hiện tượng di truyền liên kết và trao đổi chéo<br>3.4. Bản đồ di truyền<br>3.3. Cơ sở tế bào học giải thích cơ chế trao đổi chéo | Giúp sv có kiến thức về các Quy luật di truyền NST. Hiểu được sự đa dạng của thế giới sinh vật. | PP thuyết trình,<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày | Hình thức đánh giá của từng bài:<br>- Kiểm tra trên lớp. |
| Buổi học/số tiết:<br>3/4; | **Chương 4: Di truyền tính trạng số lượng và ưu thế lai** | Giúp sv có kiến thức về các Quy luật cơ bản di | PP thuyết trình,<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày | Hình thức đánh giá của từng bài:<br>- Kiểm tra trên lớp. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 3.1. Di truyền tính trạng chất lượng và tính trạng số lượng<br>3.2. Mô hình tác động cộng gộp và di truyền tăng tiến<br>3.3. Sử dụng thống kê để phân tích di truyền các tính trạng số lượng<br>3.4. Lý thuyết về sự suy thoái cận phối và ưu thế lai. | truyền; giải thích được một số hiện tượng xảy ra ở thực vật.<br>Hiểu được và vận dụng trong sản xuất nông nghiệp. | - Thảo luận nhóm: Phân biệt những nhóm tính trạng khác nhau; cận phối và ưu thế lai. | |
| Buổi học/số tiết:<br>4/4; | **Chương 5: Di truyền tế bào chất**<br>4.1. Những đặc điểm cơ bản của di truyền tế bào chất<br>4.2. Di truyền lạp thể<br>4.3. Di truyền ty thể<br>4.4. Hiện tượng bất dục đực tế bào chất ở thực vật bậc cao | Giúp sv có kiến thức về các Quy luật cơ bản di truyền; giải thích được một số hiện tượng xảy ra ở thực vật. Ứng dụng trong SXNN | PP thuyết trình,<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: Sự khác nhau về DT TBC và DT nhân | Hình thức đánh giá của từng bài:<br>- Kiểm tra trên lớp<br>- Làm bài viết tại lớp. |
| Buổi học/số tiết:<br>5/4 | **Chương 6: Biến dị**<br>5.1. Khái niệm về biến dị, phân loại, dãy biến dị tương đồng<br>5.2. Thường biến và mức phản ứng<br>5.3. Đột biến gen<br>5.4. Đột biến tự nhiên và đột biến nhân tạo<br>5.5. Đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể<br>5.6. Đa bội thể<br>5.7. Đa bội lệch – Dị đa bội<br>5.8. Đơn bội | Giúp sv có kiến thức về biến dị của sinh vật; ứng dụng trong công tác chon tạo giống cây trồng, thực vật. | PP thuyết trình,<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: Phân biệt các loại biến dị. | Hình thức đánh giá của từng bài:<br>- Kiểm tra trên lớp<br>- Làm bài viết tại lớp. |
| Buổi học/số tiết:<br>6/2 | **Chương 7: Di truyền quần thể**<br>6.1. Khái niệm về quần thể<br>6.2. Các dạng quần thể<br>6.3. Các quá trình di truyền trong quần thể | Giúp sv có kiến thức về các Quy luật cơ bản di truyền; giải thích được một số hiện tượng di | PP thuyết trình,<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thực hành: Làm bài tập di truyền | Hình thức đánh giá của từng bài:<br>- Kiểm tra trên lớp<br>- Làm bài viết tại lớp. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 6.4. Những yếu tố gây biến động di truyền trong quần thể | truyền xảy ra ở quần thể thực vật. | | |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Huỳnh Văn Quốc, (2014). Giáo trình Di truyền thực vật, Trường Đại học Tây Nguyên.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2] Phạm Thành Hổ (2000). Di truyền học, NXB Giáo dục.

[3] Nguyễn Hồng Minh (2000). Di truyền học, NXB Nông nghiệp, Hà Nội, .

[4] Trương Thị Bích Phượng (2006). Giáo trình Di truyền học, NXB Đại học Huế.

[5] Đỗ Lê Thăng, (2006). Giáo trình Di truyền học, NXB Giáo dục.

[6] Nguyễn Thị Trâm (1995). Chọn giống lúa lai, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành*

- Tham gia đầy đủ các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%.***

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | Hiểu, nắm được kiến thức. | 20% |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | Hiểu và biết vận dụng vào giải quyết vấn đề | 15% |
| 3 | Thí nghiệm, thực hành | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra. | Hiểu và làm được một vài thí nghiệm phù hợp với nội dung bài học. | 35% |
| 4 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm. | Nắm được các vấn đề cơ bản, liên hệ thực tế và | 35% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| | | của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | | giải quyết một vài công việc liên quan đến kiến thức của học phần. | |
| Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | | | | 100% |

* Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể có đầy đủ các hình thức đánh giá trên, hoặc có thể thêm hay bớt cho phù hợp, nhưng đảm bảo tổng tỷ lệ điểm bộ phận là 100%. Việc đánh giá điểm bộ phận gồm các thành phần và tỷ lệ tương ứng như công bố, (kết quả điểm bộ phận × trọng số điểm bộ phận+điểm thi × trọng số thi)/100= kết quả học phần.

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Thi tự luận | Đáp ứng đầy đủ các CĐR | 100% |

*Ngày ….. tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | ThS. Nguyễn Thanh Bình | ThS. Huỳnh Văn Quốc |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN RỪNG**
**Mã học phần: NL 212777**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 1,5 tín chỉ.; Số tín chỉ thực hành: 0,5tín chỉ.
Loại môn học: Bắt buộc.
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học song hành: Sinh lý thực vật
Học phần học trước:
Học phần tiên quyết:
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Thanh Bình; Số điện thoại: 0914248609; Email: binhdhtn09@gmail.com
Giảng viên 2: Họ và tên: Elaine Alio; Số điện thoại: 0935729375; Email: elaine.alio19@gmail.com

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Khí thủy văn rừng là một trong những học phần cơ sở trong chương trình đào tạo kỹ sư ngành Lâm sinh và Quản lý tài nguyên rừng. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các yếu tố khí tượng, khí hậu, thủy văn cũng như mối quan hệ ảnh hưởng của các yếu tố này đối với rừng cũng như một số hoạt động sản xuất lâm nghiệp và các biện pháp điều tiết, sử dụng hợp lý các yếu tố trên trong sản xuất lâm nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: Cường độ bức xạ mặt trời, quang phổ, quang chu kỳ, thành phần và cấu trúc khí quyển, chế độ nhiệt của đất và không khí, chế độ mưa, bốc hơi và độ ẩm không khí, chế độ khí áp và gió, thời tiết và khí hậu, tác động qua lại giữa rừng và điều kiện khí tượng thủy văn, phương pháp khảo sát, đánh giá các yếu tố khí tượng, khí hậu Việt Nam và Biến đổi khí hậu.Môn học này có quan hệ với các môn học khác như vật lý, sinh thái môi trường, sinh lý thực vật; những kiến thức của môn học giúp cho sinh viên học tốt hơn một số môn học chuyên ngành sau này.Sau khi học xong sinh viên có kiến thức về các yếu tố khí tượng, khí hậu thủy văn và tác động qua lại giữa chúng với rừng, cũng như các giải pháp sử dụng hợp lý các yếu tố khí tượng trong sản xuất nông nghiệp.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1: Hiểu được các cấu trúc cơ bản của tầng khí quyển và các tác động của từng tầng đối với sinh vật mặt đất.

MT2: Nắm được các chu trình biến đổi ngày và đêm của các yếu tố khí tượng như bức xạ Mặt Trời, bức xạ nhiệt để có biện pháp điều chỉnh nhiệt độ thích hợp cho nuôi trồng nông phẩm.

MT3: Hiểu được về bản chất vật lý, quy luật hình thành, phát triển, diễn biến của các yếu tố khí tượng, khí hậu, thủy văn, mối quan hệ ảnh hưởng qua lại của các yếu tố trên đến rừng cũng như các giải pháp sử dụng hợp lý chúng trong sản xuất.

MT4: Yêu thích môn học, nghiêm túc trong khảo sát, đánh giá các yếu tố khí tượng, quan hệ ảnh hưởng của các yếu tố khí tượng, khí hậu, thủy văn đối với sản xuất.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1: Nắm chắc các kiến thức cơ bản về các yếu tố khí tượng, khí hậu và thủy văn.

H2: Hiểu rõ vai trò, ảnh hưởng của yếu tố khí tượng, khí hậu thủy văn đối với động thực vật rừng và một số hoạt động sản xuất nông lâm nghiệp.

H3: Biết cách vận dụng và đề xuất một số biện pháp sử dụng hợp lý điều kiện khí tượng, khí hậu thủy văn vào sản xuất nông lâm nghiệp.

H4: Có tình yêu bầu khí quyển, có ý thức bảo vệ tài nguyên khí hậu

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | x | | | x | | | | | | | | | |
| H2 | | | x | | | x | | | | | | | | | |
| H3 | | | x | | | x | | | x | | | | | | |
| H4 | | | | | | | | | | | | | | | x |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. Các vấn đề chung**<br>1.1. Khái niệm môn học khí tượng<br>1.1.1. Ý nghĩa môn học<br>1.1.2. Định nghĩa, đối tượng và nhiệm vụ môn học<br>1.2. Các phương pháp nghiên cứu trong khí tượng thủy văn rừng<br>1.2.1. Phương pháp quan trắc song song<br>1.2.2. Phương pháp đối chiếu sinh khí hậu<br>1.3. Thành phần cấu trúc và khí quyển<br>1.3.1. Thành phần không khí gần mặt đất<br>1.3.2. Thành phần không khí trong đất<br>1.4. Cấu trúc khí quyển<br>1.4.1. Tầng đối lưu<br>1.4.2. Tầng bình lưu<br>1.4.3. Tầng trung gian<br>1.4.4. Tầng điện li<br>1.4.5. Tầng khuếch tán | LT: 2.5 tiết | [1] và [2] |
| 2 | **Chương 2. Bức xạ trong khí quyển**<br>2.1. Một số đặc trưng vật lý thiên văn của Mặt Trời<br>2.1.1. Mặt trời<br>2.1.2. Năng lượng bức xạ Mặt Trời<br>2.1.3. Chuyển động của Trái Đất xung quanh Mặt Trời<br>2.1.4. Gió Mặt Trời<br>2.2. Các đặc trưng của bức xạ Mặt Trời<br>2.2.1. Cường độ bức xạ Mặt Trời<br>2.2.2. Các dạng bức xạ Mặt Trời<br>2.2.3. Quang phổ bức xạ Mặt Trời<br>2.2.4. Độ dài ngày<br>2.3. Bức xạ của mặt đất và khí quyển<br>2.3.1. Bức xạ sóng dài của mặt đất<br>2.3.2. Bức xạ sóng dài của khí quyển<br>2.3.3. Bức xạ hữu hiệu | LT: 3 tiết | [1] và [2] |
| 3 | **Chương 3. Nhiệt độ đất và không khí**<br>3.1 . Quá trình nóng lên và lạnh đi của mặt đất và không khí<br>3.1.1. Quá trình nóng lên và lạnh đi của mặt đất<br>3.1.2. Các phương thức/cơ chế trao đổi nhiệt giữa mặt đất và không khí<br>3.2. Sự biến thiên của nhiệt độ<br>3.2.1. Sự biến thiên hàng ngày của nhiệt độ mặt đất<br>3.2. Sự biến thiên của nhiệt độ | LT: 2 tiết<br>BT: 0,5 tiết | [1] và [2] |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 3.2.1. Sự biến thiên hàng ngày của nhiệt độ mặt đất<br>3.2.2. Biến đổi của nhiệt độ không khí theo độ cao<br>3.3. Các chỉ tiêu đánh giá chế độ nhiệt<br>3.3.1. Tích ôn và ý nghĩa<br>3.3.2. Nhiệt độ trung bình<br>3.3.3. Nhiệt độ tối cao<br>3.3.4. Nhiệt độ tối thấp<br>3.3.5. Biên độ nhiệt độ | | |
| 4 | **Chương 4. Nước trong khí quyển**<br>4.1. Bốc hơi<br>4.1.1. Một số đại lượng về bốc hơi<br>4.1.2. Bản chất vật lý của quá trình bốc hơi mặt nước<br>4.2. Độ ẩm không khí<br>4.2.1. Các đại lượng đặc trưng<br>4.2.2. Sự biến thiên của độ ẩm tương đối<br>4.2.2.1. Dao động hằng ngày<br>4.2.2.2. Dao động hằng năm<br>4.3. Ngưng kết hơi nước trong khí quyển<br>4.4. Giáng thủy<br>4.4.1. Nguyên nhân hình thành mưa<br>4.4.2. Các đại lượng đặc trưng cho mưa<br>4.4.3. Diễn biến hàng năm của mưa trên bwf mặt địa cầu<br>4.5. Nước trong mạng lưới thủy văn<br>4.5.1. Khái niệm dòng chảy và các đại lượng biểu thị dòng chảy<br>4.5.2. Phương trình cân bằng nước trong một lưu vực<br>4.5.3. Phân phối dòng chảy trong năm | LT: 3 tiết<br>BT: 3,5 tiết | [1], [2] và [4] |
| 5 | **Chương 5. Áp suất khí quyển, gió và thời tiết**<br>5.1. Áp suất khí quyển<br>5.1.1. Khái niệm áp suất khí quyển và biến đổi áp suất theo độ cao<br>5.1.2. Sự phân bố áp suất khí quyển trên mặt đất 5.2. Gió<br>5.2.1. Khái niệm và các đặc trưng của gió<br>5.2.2. Các lực sinh ra và ảnh hưởng tới gió<br>5.2.3. Các đặc trưng của gió<br>5.2.4. Hoàn lưu khí quyển<br>5.3. Dự báo thời tiết và phân loại khí hậu<br>5.3.1. Dự báo thời tiết<br>5.3.2. Phân loại khí hậu | LT: 3 tiết | [1] và [2] |
| 6 | **Chương 6. Tác động qua lại giữa rừng và điều kiện khí tượng thủy văn**<br>6.1. Vai trò của các yếu tố khí tượng đối với sản xuất nông nghiệp<br>6.1.1. Vai trò của nhiệt độ đối với thực vật rừng và sản xuất nông nghiệp và các giải pháp điều tiết nhiệt độ<br>6.1.2. Vai trò của bức xạ Mặt Trời và các giải pháp nâng cao hiệu suất ứng dụng bức xạ trong sản xuất nông nghiệp | LT: 6 tiết | [1], [2] và [6] |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 6.1.3. Vai trò của nước và giải pháp sử dụng hợp lý nước trong sản xuất nông nghiệp<br>6.1.4. Vai trò của bức xạ Mặt Trời và các giải pháp nâng cao hiệu suất ứng dụng bức xạ trong sản xuất nông nghiệp<br>6.1.5. Vai trò của gió và biện pháp sử dụng gió trong sản xuất nông nghiệp<br>6.2. Một só thiên tai khí tượng nông nghiệp<br>6.2.1. Lũ lụt<br>6.2.2. Hạn hán<br>6.2.3. Dông sét và các biện pháp phòng tránh<br>6.3. Điều kiện khí hậu và sự phân bố của thực vật<br>6.3.1. Phân hóa cuat thảm thực vật rừng theo hướng vĩ tuyến<br>6.3.2. Phân hóa của thảm thực vật theo độ cao<br>6.4. Tiểu khí hậu rừng<br>6.4.1. Thành phần không khí trong rừng<br>6.4.2. Chế độ và bức xạ trong rừng<br>6.4.3. Nhiệt độ trong rừng<br>6.4.4. Chế độ thủy văn ở khu vực rừng<br>6.5. Ảnh hưởng của rừng đến điều kiện khí tượng thủy văn<br>6.5.1. Ảnh hưởng của rừng và thành phần không khí<br>6.5.2. Ảnh hưởng của rừng đến điều kiện khí tượng các khu lân cận<br>6.5.3. Ảnh hưởng của rừng đến điều kiện thủy văn lãnh thổ | | [1], [2] và [6] |
| 7 | **Chương 7. Đánh giá điều kiện khí hậu nông nghiệp**<br>7.1. Đánh giá điều kiện khí hậu<br>7.1.1. Khái niệm<br>7.1.2. Các phương pháp đánh giá<br>7.2. Biến đổi khí hậu<br>7.2.1 Biến đổi khí hậu và một số xu thế biến đổi khí hậu trong thời gian gần đây<br>7.2.1.1. Khái niệm<br>7.2.1.2. Xu thế biến đổi khí hậu trong thời kỳ gần đây<br>7.2.2. Một số giải pháp quản lý tài nguyên khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu<br>7.3. Khí hậu Việt Nam<br>7.3.1. Đặc điểm của khí hậu Việt Nam<br>7.3.2. Một số đặc trưng cơ bản của khí hậu Việt Nam<br>7.3.2.1. Nắng và bức xạ<br>7.3.2.2. Chế độ nhiệt<br>7.3.2.3. Chế độ mưa<br>7.3.2.4. Độ ẩm không khí<br>7.3.2.5. Các hiện tượng thời tiết<br>7.3.3. Phân vùng khí hậu Việt Nam<br>7.3.3.1. Vùng khí hậu Đông Bắc<br>7.3.3.2. Vùng khí hậu đồng bằng và Trung du Bắc bộ<br>7.3.3.3. Vùng khí hậu Tây Bắc<br>7.3.3.4. Vùng khí hậu Tây Bắc | LT: 2,5 tiết | [1],[2],[5],[6],và [7] |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 7.3.3.5. Vùng khí hậu Nam Trung Bộ<br>7.3.3.6. Vùng khí hậu Tây Nguyên<br>7.3.3.7. Vùng khí hậu Nam Bộ | | |
| 8 | **Thực hành môn học**<br><br>Bài 1: Xử lý số liệu khí tượng<br>Bài 2: Khảo sát ánh sáng, nhiệt độ, áp suất khí quyển và gió<br><br>Bài 3: Đo độ ẩm, không khí, mưa và bốc hơi | TH: 15 tiết<br>5 tiết<br>5 tiết<br><br>5 tiết | <br><br>[3] và [4]<br>[3] và [4]<br><br>[3] và [4] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 1-2/2.5 | **Chương 1. Các vấn đề chung về môn học**<br>1.1. Khái niệm môn học khí tượng<br>1.1.1. Ý nghĩa môn học<br>1.1.2. Định nghĩa, đối tượng và nhiệm vụ môn học<br>1.2. Các phương pháp nghiên cứu trong khí tượng thủy văn rừng<br>1.2.1. Phương pháp quan trắc song song<br>1.2.2. Phương pháp đối chiếu sinh khí hậu<br>1.3. Thành phần cấu trúc và khí quyển<br>1.3.1. Thành phần không khí gần mặt đất<br>1.3.2. Thành phần không khí trong đất<br>1.4. Cấu trúc khí quyển<br>1.4.1. Tầng đối lưu<br>1.4.2. Tầng bình lưu<br>1.4.3. Tầng trung gian<br>1.4.4. Tầng điện li<br>1.4.5. Tầng khuếch tán | H1<br>H2<br>(Liệt kê các chuẩn đầu ra liên quan của học phần) | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: các phương pháp đánh giá và đối chiếu sinh khí hậu, ưu điểm và hạn chế của từng phương pháp.<br>Tầng khí quyển từ đâu mà hình thành nên.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, nêu ý kiến vấn đề chưa rõ, thảo luận nhóm 3-4 SV<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)<br>- Phòng thí nghiệm (cho các giờ thực hành) | Đọc [1] và [2]<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp<br>+ Báo cáo thực hành |
| 3-4/3 | **Chương 2. Bức xạ trong khí khí quyển**<br>Cung cấp cho người học những hiểu biết về các đặc trưng chung của Mặt Trời nói chung và bức xạ Mặt Trời nói riêng. Các dạng năng lượng từ bức xạ vào mặt đất và từ | H1<br>H2 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, đặt câu hỏi làm rõ nội dung trả lời. | Sv đọc tài liệu [1] và [2]<br>-Hình thức đánh giá của từng bài: |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | mặt đất phát ra lại.<br>2.1. Một số đặc trưng vật lý thiên văn của Mặt Trời<br>2.1.1. Mặt trời<br>2.1.2. Năng lượng bức xạ Mặt Trời<br>2.1.3. Chuyển động của Trái Đất xung quanh Mặt Trời<br>2.1.4. Gió Mặt Trời<br>2.2. Các đặc trưng của bức xạ Mặt Trời<br>2.2.1. Cường độ bức xạ Mặt Trời<br>2.2.2. Các dạng bức xạ Mặt Trời<br>2.2.3. Quang phổ bức xạ Mặt Trời<br>2.2.4. Độ dài ngày<br>2.3. Bức xạ của mặt đất và khí quyển<br>2.3.1. Bức xạ sóng dài của mặt đất<br>2.3.2. Bức xạ sóng dài của khí quyển<br>2.3.3. Bức xạ hữu hiệu<br>Sự khuếch tán bức xạ mặt trời trong khí quyển. Sự phản xạ của các bề mặt tự nhiên. Cách tính bức xạ sóng ngắn trong khí quyển | | **Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: Các định luật bức xạ cơ bản; Sự phân bố của bức xạ mặt trời theo vĩ độ trong trường hợp không có khí quyển; Sự suy yếu và hấp thụ bức xạ mặt trời trong khí quyển<br>Thực hành: Yêu cầu sinh viên:<br>-đọc tài liệu<br>Tham gia thảo luận<br>Thực tập đầy đủ | + Báo cáo của nhóm trước lớp<br>+ Báo cáo thực hành |
| Tiết 6 – tiết 7 | **Chương 3: Nhiệt độ của đất và không khí**<br>3.1 . Quá trình nóng lên và lạnh đi của mặt đất và không khí<br>3.1.1. Quá trình nóng lên và lạnh đi của mặt đất<br>3.1.2. Các phương thức/cơ chế trao đổi nhiệt giữa mặt đất và không khí<br>3.2. Sự biến thiên của nhiệt độ<br>3.2.1. Sự biến thiên hàng ngày của nhiệt độ mặt đất<br>3.2. Sự biến thiên của nhiệt độ<br>3.2.1. Sự biến thiên hàng ngày của nhiệt độ mặt đất<br>3.2.2. Biến đổi của nhiệt độ không khí theo độ cao<br>3.3. Các chỉ tiêu đánh giá chế độ nhiệt<br>3.3.1. Tích ôn và ý nghĩa | | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, đặt câu hỏi, làm rõ nội dung trả lời.<br>Hình thức tổ chức dạy học:<br>-Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>-Thảo luận nhóm: sự trao đổi cơ bản của nhiệt độ và biến thiên của nhiệt độ giữa mặt đất và không khí.<br><br>Thực hành: Yêu cầu sinh viên:<br>-đọc tài liệu<br>Tham gia thảo luận | Sv đọc tài liệu [1] và [2]<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp<br>+ Báo cáo thực hành |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 3.3.2. Nhiệt độ trung bình<br>3.3.3. Nhiệt độ tối cao<br>3.3.4. Nhiệt độ tối thấp<br>3.3.5. Biên độ nhiệt độ | | Thực tập đầy đủ | |
| Tiết 8 – tiết 9 | **Chương 4: Nước trong khí quyển**<br>4.1. Bốc hơi<br>4.1.1. Một số đại lượng về bốc hơi<br>4.1.2. Bản chất vật lý của quá trình bốc hơi mặt nước<br>4.2. Độ ẩm không khí<br>4.2.1. Các đại lượng đặc trưng<br>4.2.2. Sự biến thiên của độ ẩm tương đối<br>4.3. Ngưng kết hơi nước trong khí quyển<br>4.4. Giáng thủy<br>4.4.1. Nguyên nhân hình thành mưa<br>4.4.2. Các đại lượng đặc trưng cho mưa<br>4.4.3. Diễn biến hàng năm của mưa trên bwf mặt địa cầu<br>4.5. Nước trong mạng lưới thủy văn<br>4.5.1. Khái niệm dòng chảy và các đại lượng biểu thị dòng chảy<br>4.5.2. Phương trình cân bằng nước trong một lưu vực<br>4.5.3. Phân phối dòng chảy trong năm | H1<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, đặt câu hỏi, làm rõ nội dung trả lời.<br>Hình thức tổ chức dạy học:<br>-Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>-Thảo luận nhóm: các dạng tồn tại của nước trong khí quyển như độ ẩm, bốc hơi.<br>Sự hình thành các kiểu thời tiết như nắng và mưa qua chu trình tuần hoàn nước. Sự hình thành nên dòng chảy được chi phối bởi lượng nước trong mạng lưới, và được thiết lập phương trình cân bằng nước của lưu vực được nghiên cứu.<br>Thực hành: Yêu cầu sinh viên:<br>-Đọc tài liệu<br>Tham gia thảo luận<br>Thực tập đầy đủ | Đọc tài liệu [1], [2] và [4]<br><br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp<br>+ Báo cáo thực hành |
| Tiết 12 – tiết 13 | **Chương 5: Áp suất, khí quyển, gió, thời tiết và khí hậu**:<br>5.1. Áp suất khí quyển<br>5.1.1. Khái niệm áp suất khí quyển và biến đổi áp suất theo độ cao<br>5.1.2. Sự phân bố áp suất khí quyển trên mặt đất<br>5.2. Gió | | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, đặt câu hỏi, làm rõ nội dung trả lời.<br>Hình thức tổ chức dạy học:<br>-Nghe giảng do giảng viên trình bày. | Đọc [1] và [2]-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp<br>+ Báo cáo thực hành |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 5.2.1. Khái niệm và các đặc trưng của gió<br>5.2.2. Các lực sinh ra và ảnh hưởng tới gió<br>5.2.3. Các đặc trưng của gió<br>5.2.4. Hoàn lưu khí quyển<br>5.3. Dự báo thời tiết và phân loại khí hậu<br>5.3.1. Dự báo thời tiết<br>5.3.2. Phân loại khí hậu | | -Thảo luận nhóm: sự hình thành gió, và từ đó quyết định đến các hiện tượng thời tiết và khí hậu.<br>Thực hành: Yêu cầu sinh viên:<br>-đọc tài liệu<br>Tham gia thảo luận<br>Thực tập đầy đủ | |
| Tiết 14 – Tiết 15 | **Chương 6: Tác động qua lại giữa rừng với điều kiện**<br>6.1.Vai trò của các yếu tố khí tượng đối với sản xuất nông nghiệp<br>6.1.1. Vai trò của nhiệt độ đối với thực vật rừng và sản xuất nông nghiệp và các giải pháp điều tiết nhiệt độ<br>6.1.2. Vai trò của bức xạ Mặt Trời và các giải pháp nâng cao hiệu suất ứng dụng bức xạ trong sản xuất nông nghiệp<br>6.1.3. Vai trò của nước và giải pháp sử dụng hợp lý nước trong sản xuất nông nghiệp<br>6.1.4. Vai trò của bức xạ Mặt Trời và các giải pháp nâng cao hiệu suất ứng dụng bức xạ trong sản xuất nông nghiệp<br>6.1.5. Vai trò của gió và biện pháp sử dụng gió trong sản xuất nông nghiệp<br>6.2. Một só thiên tai khí tượng nông nghiệp<br>6.2.1. Lũ lụt<br>6.2.2. Hạn hán<br>6.2.3. Dông sét và các biện pháp phòng tránh<br>6.3. Điều kiện khí hậu và sự phân bố của thực vật<br>6.3.1. Phân hóa cuat thảm thực vật rừng theo hướng vĩ tuyến<br>6.3.2. Phân hóa của thảm thực vật theo độ cao<br>6.4. Tiểu khí hậu rừng | H1<br>H2 | PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, đặt câu hỏi, làm rõ nội dung trả lời.<br>Hình thức tổ chức dạy học:<br>-Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>-Thảo luận nhóm: sự ảnh hưởng trực tiếp của các yếu tố khí tượng lên hoạt động sản xuất và bảo vệ sinh thái rừng, phòng chống thiên tai và các biện pháp sử dụng hợp lý các dạng năng lượng của yếu tố khí tượng như gió, nước, nhiệt độ, mưa, ẩm, bức xạ Mặt Trời.<br><br>Thực hành: Yêu cầu sinh viên:<br>-đọc tài liệu<br>Tham gia thảo luận<br>Thực tập đầy đủ | Đọc [1], [2] và [6]<br><br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp<br>+ Báo cáo thực hành |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 6.4.1. Thành phần không khí trong rừng<br>6.4.2. Chế độ và bức xạ trong rừng<br>6.4.3. Nhiệt độ trong rừng<br>6.4.4. Chế độ thủy văn ở khu vực rừng<br>6.5. Ảnh hưởng của rừng đến điều kiện khí tượng thủy văn<br>6.5.1. Ảnh hưởng của rừng và thành phần không khí<br>6.5.2. Ảnh hưởng của rừng đến điều kiện khí tượng các khu lân cận<br>6.5.3. Ảnh hưởng của rừng đến điều kiện thủy văn lãnh thổ | | | |
| Tiết 20-21-22 | **Chương 7: Đánh giá điều kiện khí hậu nông nghiệp**<br>7.1. Đánh giá điều kiện khí hậu<br>7.1.1. Khái niệm<br>7.1.2. Các phương pháp đánh giá<br>7.2. Biến đổi khí hậu<br>7.2.1 Biến đổi khí hậu và một số xu thế biến đổi khí hậu trong thời gian gần đây<br>7.2.2. Một số giải pháp quản lý tài nguyên khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu<br>7.3. Khí hậu Việt Nam<br>7.3.1. Đặc điểm của khí hậu Việt Nam<br>7.3.2. Một số đặc trưng cơ bản của khí hậu Việt Nam<br>7.3.3. Phân vùng khí hậu Việt Nam | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, đặt câu hỏi, làm rõ nội dung trả lời.<br>Hình thức tổ chức dạy học:<br>-Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>-Thảo luận nhóm: đánh giá hiện trạng thời tiết và khí hậu của khu vực nghiên cứu trên diện rộng.<br>Thực hành: Yêu cầu sinh viên:<br>-đọc tài liệu<br>Tham gia thảo luận<br>Thực tập đầy đủ | Đọc [1], [2], [5], [6], và [7]<br><br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp<br>+ Báo cáo thực hành |
| 15 tiết thực hành<br>5 tiết<br><br>5 tiết<br>5 tiết | **Thực hành môn học**<br><br>Bài 1: Xử lý số liệu khí tượng<br>Bài 2: Khảo sát ánh sáng, nhiệt độ, áp suất khí quyển và gió<br>Bài 3: Đo độ ẩm, không khí, mưa và bốc hơi | H1<br>H2 | | Đọc tài liệu [3] và [4]<br>Hình thức đánh giá của từng bài<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | | | + Báo cáo thực hành |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Vương Văn Quỳnh – Trần Tuyết Hằng (1996) Khí tượng thủy văn rừng. NXBNN, Hà Nội.

[2] Nguyễn Thanh Bình (2009). *Bài giảng Khí tượng thủy văn rừng (file)*. ĐHTN, Buôn Ma Thuột.

[3] Nguyễn Thanh Bình (2012), *Phần thực hành: xử lý số liệu khí tượng – tổ chức quan trắc – khảo sát bức xạ, nhiệt độ, áp suất, gió, độ ẩm, mưa và bốc hơi*. ĐHTN

[4] Nguyễn Thanh Bình, Đoàn Văn Điếm (chủ biên), Trần Đức Hạnh, Lê Quang Vĩnh (2005). Khí tượng nông ngjiệp. NXBNN, Hà Nội.

(Sách, giáo trình chính trong giảng dạy và học tập thường chiếm 50% nội dung sử dụng trở lên)

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[5] Phạm Ngọc Toàn, Phan Tất Đắc (1978), *Khí hậu Việt Nam*, NXB KHKT, Hà Nội.

[6] Trần Đức Hạnh, Đoàn Văn Điếm, Nguyễn Văn Viết (1997). *Lý thuyết về khai thác hợp lý nguồn tài nguyên khí hậu nông nghiệp*. NXBNN, Hà Nội

[7] Oldeman L.R. and Frere M. (1982*) A study of the agroclimatology of the humid tropics of South East Asia*. WMO

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành*

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành: thực hiện đầy đủ, có kết quả phù hợp

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận: mỗi sinh viên chọn 1 trong số 15 tiêu đề của tiểu luận do GV đề ra

*7.4. Phần khác (nếu có):* Tham quan thực tế

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

(Trọng số điểm bộ phận <=30%; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H2 | 25% |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài | H1<br>H2 | 25% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| | | hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | | |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H1<br>H2 | 0% |
| 4 | Tiểu luận/Thí nghiệm, thực hành | Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên. | H1<br>H2<br>(Liệt kê các chuẩn đầu ra được đánh giá) | 25% |
| | | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra. | | |
| 5 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm. | H1<br>H2 | 25% |
| Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | | | | 100% |

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Tự luận | H1<br>H2 | 70% |

*Ngày ….. tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | ThS. Nguyễn Thanh Bình | KS. Elaine Alio |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: CÂY RỪNG**
**Mã học phần: NL212714**

## 1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 3; Số tín chỉ lý thuyết: 2,5; Số tín chỉ thực hành: 0,5
Loại môn học: Bắt buôc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học song hành:
Học phần học trước: Sinh thái rừng
Học phần tiên quyết:
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Đức Định; Số điện thoại: 0914484068;
Email: nddinh@ttn.edu.vn
Giảng viên 2: Họ và tên:……; Số điện thoại:……..; Email:……

## 2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Cây rừng giới thiệu các đặc điểm nhận biết, đặc tính sinh học, sinh thái học và giá trị sử dụng của các thực vật bậc cao có mạch ở Việt nam, những loài có ý nghĩa lâm sinh, kinh tế và bảo tồn. Chúng là những đối tượng giữ vai trò quan trọng tạo nên hoàn cảnh rừng, chỉ thị đặc điểm rừng, đất rừng hoặc có giá trị thiết thực, giúp cho người cán bộ lâm nghiệp có thể vận dụng chúng vào sản xuất, vào quản lý bảo vệ rừng và môi trường một cách hợp lý.

Học phần Cây rừng là môn học cơ sở mang tính riêng của chuyên ngành lâm nghiệp, là cầu nối kiến thức giữa các môn khoa học cơ bản về thực vật với các môn khoa học chuyên môn về lâm nghiệp. Môn học thực vật rừng phát triển trên cơ sở những hiểu biết nhất định về thực vật học bao gồm các môn: Hình thái, Giải phẩu, Phân loại, Di truyền, Sinh thái.....Đồng thời những kiến thức về thực vật rừng lại là điều kiện để tiếp thu hoặc vận dụng có hiệu quả các môn học khác như : Lâm sinh, Điều tra, Điều chế rừng, Trồng rừng, Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng…

## 3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1. Nhận biết và phân biệt được một số loài thực vật rừng phổ biến trong các kiểu rừng (các loài cây rừng có ý nghĩa lâm sinh, kinh tế, giá trị bảo tồn)

MT2. Mô tả được các đặc điểm của các loài thực vật rừng đã học về: đặc điểm nhận biết, đặc tính sinh học và sinh thái học, phân bố, giá trị công dụng

MT3. Có khả năng thu thập mẫu, tra cứu xác định vị trí của một loài thực vật rừng trong hệ thống phân loại: bộ, họ, chi,...

MT4. Xác định được các kiểu rừng đặc trưng tại một số nơi với các loài cây rừng đại diện.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

Sau khi hoàn thành việc học học phần này, sinh viên có thể:

H1. Trình bày được vai trò của môn học cùng những kiến thức cơ sở về thực vật rừng.

H2. Trình bày được đặc điểm nhận biết, đặc điểm sinh học, phân bố và giá trị công dụng của mỗi loài cây rừng

H3. So sánh được sự khác biệt giữa các họ, chi, loài

H4. Nhận biết được một số loài cây rừng phổ biến trong các kiểu rừng ở Tây nguyên và một số nơi khác

H5. Thu thập mẫu và tra cứu xác định được các loài cây rừng mới gặp lần đầu

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | |
| H1 | | | x | | | | | | | | | | | | |
| H2 | | | x | | | x | | | x | | | | | | |
| H3 | | | x | | | | | | | | | | | | |
| H4 | | | x | | | x | | | x | | | x | | x | x |
| H5 | | | x | | | | | | | | | | | x | |

## 4. Cấu trúc học phần

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. Cở sở về thực vật rừng**<br>**Nội dung:** Trình bày các chương, mục trong chương và nội dung khái quát<br>1.1. Giới thiệu về môn Cây rừng<br>1.1.1. Khái niệm về thực vật rừng<br>1.1.2. Đối tượng và nội dung của môn học<br>1.1.3. Vị trí và quan hệ của môn học với các môn học khác<br>1.1.4. Phương pháp nghiên cứu về thực vật rừng<br>1.2. Một số kiến thức cơ sở về thực vật rừng<br>1.2.1. Khái niệm về loài thực vật<br>1.2.2. Cấu tạo tên loài cây<br>1.2.3. Hình thái và cấu trúc hình thái cây rừng<br>1.2.4. Khu phân bố cây rừng<br>1.2.5. Một số quy luật sinh thái cơ bản<br>**Bài thực hành 1:** Mô tả đặc điểm hình thái các loài cây & thu hái, sơ chế và làm tiêu bản cây rừng | LT: 4 tiết<br>TH: 2 tiết | [1],[2]<br>Chương 1: Cơ sở về thực vật rừng |
| 2 | **Chương 2. Thực vật rừng thuộc lớp Thông**<br>**Nội dung:** Trình bày các chương, mục trong chương và nội dung khái quát<br>2.1. Họ Thông (Pinaceae)<br>2.1.1. Đặc điểm chung<br>2.1.2. Các loài đại diện (Thông nhựa, Thông 3 lá, Thông 5 lá, Thông lá dẹt, Du sam…)<br>2.2. Họ Bụt mọc (Taxodiaceae)<br>2.2.1. Đặc điểm chung<br>2.2.2. Các loài đại diện (Bụt mọc, Thủy tùng, Sa mộc…)<br>2.3. Họ Kim giao (Podocarpaceae)<br>2.3.1. Đặc điểm chung<br>2.3.2. Các loài đại diện (Kim giao, Thông nàng, Hoàng đàn giả…)<br>2.4. Họ Hoàng đàn (Cupressaceae)<br>2.4.1. Đặc điểm chung<br>2.4.2. Các loài đại diện (Trắc bá diệp, Pơ mu, Bách xanh…) | LT: 4 tiết<br>TH: 2 tiết | [1],[2]<br>Chương 2: Thực vật Ngành Thông<br>[3] II. Ngành Thông |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | **Bài thực hành 2:** Nhận biết, tra cứu một số loài cây rừng thuộc lớp Thông | | |
| 3 | **Chương 3. Thực vật rừng thuộc lớp Ngọc lan (Magnoliales)**<br>**Nội dung:** Trình bày các chương, mục trong chương và nội dung khái quát<br>3.1. Các họ: Ngọc lan, Na, Long não, Sau sau, Du, Dâu tằm, Phi lao, Dẻ, Hồ đào, Sổ<br>3.1.1. Đặc điểm chung của các họ<br>3.1.2. Giới thiệu các loài đại diện trong mỗi họ về hình thái, Đặc điểm sinh học, phân bố sinh thái và giá trị sử dụng...<br>3.2. Các họ: Dầu, Chè, Bứa, Ban, Bồ đề, Thị, Bông, Gòn gạo, Trôm, Đay.<br>3.2.1. Đặc điểm chung của các họ<br>3.2.2. Giới thiệu các loài đại diện trong mỗi họ về hình thái, Đặc điểm sinh học, phân bố sinh thái và giá trị sử dụng...<br>3.3. Các họ: Thầu dầu, Trầm, Hoa hồng, Cám, Trinh nữ, Vang, Đậu, Sim, Săng lẻ, Bàng<br>3.3.1. Đặc điểm chung của các họ<br>3.3.2. Giới thiệu các loài đại diện trong mỗi họ về hình thái, Đặc điểm sinh học, phân bố sinh thái và giá trị sử dụng...<br>3.4. Các họ: Xoài, Trám, Xoan, Ngũ gia bì, Trúc đào, Mã tiền, Cà phê, Đinh, Tếch…<br>3.4.1. Đặc điểm chung của các họ<br>3.4.2. Giới thiệu các loài đại diện trong mỗi họ về hình thái, đặc điểm sinh học, phân bố sinh thái và giá trị sử dụng...<br>**Bài thực hành 3:** Nhận biết, tra cứu một số loài cây rừng thuộc lớp Ngọc lan. | LT: 22,5 tiết<br>TH:10 tiết | [1], [2] Chương 2: Thực vật Lớp Ngọc lan<br>[3] V. Ngành Ngọc lan. - Lớp Ngọc lan |
| | **Chương 4. Thực vật rừng thuộc lớp Hành (Liliopsida)**<br>**Nội dung:** Trình bày các chương, mục trong chương và nội dung khái quát<br>4.1. Họ củ nâu (Dioscoreaceae)<br>4.1.1. Đặc điểm chung<br>4.1.2. Các loài đại diện (Củ nâu, củ Mài, …)<br>4.2. Họ Gừng (Zingiberaceae)<br>4.2.1. Đặc điểm chung<br>4.2.2. Các loài đại diện (Sa nhân, Địa liền…)<br>4.3. Họ phụ Tre nữa (Bambusoidae)<br>4.3.1. Đặc điểm chung<br>4.3.2. Các loài đại diện (Tre gai, tre Là ngà, Lồ ô, Le…)<br>4.4. Họ Cau dừa (Arecaceae)<br>4.4.1. Đặc điểm chung<br>4.4.2. Các loài đại diện (Dừa, cau, cọ dừa, mây các loại…)<br>**Bài thực hành 4:** Nhận biết tra cứu một số loài cây rừng thuộc lớp Hành. | LT: 4 tiết<br>TH: 1 tiết | [1],[2] Chương 3: Thực vật Lớp Hành<br>[3] V:. Ngành Ngọc lan: Thực vật rừng Lớp Hành |
| | **Chương 5. Đặc điểm tổ thành loài trong các kểu rừng chính ở Việt nam (Tây Nguyên)** | LT: 3 tiết<br>TH: 0 tiết | [1],[2] Chương 5: |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 5.1. Kiểu rừng kín lá rộng thường xanh<br>5.1.1. Đặc điểm chung<br>5.1.2. Tổ thành rừng<br>5.2. Kiểu rừng kín lá rộng nửa rụng lá nhiệt đới<br>5.2.1. Đặc điểm chung<br>5.2.2 Tổ thành rừng<br>5.3. Kiểu rừng kín lá rộng rụng lá nhiệt đới<br>5.3.1. Đặc điểm chung<br>5.3.2. Tổ thành rừng<br>5.4. Kiểu rừng thưa cây lá rộng nhiệt đới<br>5.4.1. Đặc điểm chung<br>5.4.2. Tổ thành rừng<br>5.5. Kiểu rừng kín thường xanh ẩm á nhiệt đới<br>5.5.1. Đặc điểm chung<br>5.5.2. Tổ thành rừng<br>5.6. Kiểu rừng Tre nứa<br>5.6.1. Đặc điểm chung<br>5.6.2. Tổ thành rừng | | Đặc điểm tổ thành loài trong các kểu rừng chính ở Việt nam<br>[8] Thảm thực vật rừng Việt Nam (đọc các kiểu rừng liên quan) |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Tiết 1 -4<br><br>(4 tiết) | **Chương 1. Cở sở về thực vật rừng**<br>1.1. Giới thiệu về môn Cây rừng<br>1.1.1. Khái niệm về thực vật rừng<br>1.1.2. Đối tượng và nội dung của môn học<br>1.1.3. Vị trí và quan hệ của môn học với các môn học khác<br>1.1.4. Phương pháp nghiên cứu về thực vật rừng<br>1.2. Một số kiến thức cơ sở về thực vật rừng<br>1.2.1. Khái niệm về loài thực vật<br>1.2.2. Cấu tạo tên loài cây<br>1.2.3. Hình thái và cấu trúc hình thái cây rừng<br>1.2.4. Khu phân bố cây rừng<br>1.2.5. Một số quy luật sinh thái cơ bản | H1 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, và PP gợi mở-vấn đáp,<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày có hình ảnh minh họa<br>- GV đặt các câu hỏi liên quan đến các nội dung của tiết học cho sinh viên trao đổi trả lời.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc trước chương 1 trong giáo trình.[1] và Bài giảng [2]<br>- Nghe giảng và trả lời các câu hỏi cùng việc trao đổi những nội dung cần làm rõ với giảng viên. | Đánh giá sinh viên thông qua thái độ trong giờ giảng<br><br>Tính điểm cộng cho các sinh viên tích cực tham gia trả lời các câu hỏi và thảo luận. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | | **Địa điểm học:**<br>Giảng đường - | |
| Tiết 5-8<br><br>(4 tiết) | **Chương 2. Thực vật rừng thuộc lớp Thông**<br>2.1. Họ Thông (Pinaceae)<br>2.1.1. Đặc điểm chung<br>2.1.2. Các loài đại diện (Thông nhựa, Thông 3 lá, Thông 5 lá, Thông lá dẹt, Du sam…)<br>2.2. Họ Bụt mọc (Taxodiaceae)<br>2.2.1. Đặc điểm chung<br>2.2.2. Các loài đại diện (Bụt mọc, Thủy tùng, Sa mộc…)<br>2.3. Họ Kim giao (Podocarpaceae)<br>2.3.1. Đặc điểm chung<br>2.3.2. Các loài đại diện (Kim giao, Thông nàng, Hoàng đàn giả…)<br>2.4. Họ Hoàng đàn (Cupressaceae)<br>2.4.1. Đặc điểm chung<br>2.4.2. Các loài đại diện (Trắc bá diệp, Pơ mu, Bách xanh…) | H2.<br>H3.<br>H4. | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, và PP gợi mở-vấn đáp, trao đổi thảo luận<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày có hình ảnh minh họa<br>- Đặt các câu hỏi liên quan đến các nội dung của tiết học cho sinh viên trao đổi trả lời.<br><br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc trước chương 2 trong giáo trình [1]. và [2] Đọc tài liệu [3] ghi chép đặc điểm của các loài đại diện thuộc các họ để so sánh<br>- Nghe giảng và trả lời các câu hỏi cùng việc trao đổi thảo luận những nội dung cần làm rõ với giảng viên.<br>**Địa điểm học:**<br>Giảng đường | Đánh giá theo nhóm về phần trình bày thảo luận từng buổi học.<br>Mỗi sinh viên sẽ làm 1 bài kiểm tra trắc nghiệm từ 15 – 30 phút sau mỗi chương để nộp lại tại lớp<br>Tính điểm cộng cho các sinh viên tích cực tham gia trả lời các câu hỏi và thảo luận |
| Tiết 9 - 31<br>(22,5 tiết) | **Chương 3. Thực vật rừng thuộc lớp Ngọc lan (Magnoliales)**<br>**Nội dung:** Trình bày các chương, mục trong chương và nội dung khái quát<br>3.1. Các họ: Ngọc lan, Na, Long não, Sau sau, Du, Dâu tằm, Phi lao, Dẻ, Hồ đào, Sổ<br>3.1.1. Đặc điểm chung của các họ | H2.<br>H3.<br>H4. | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, và PP gợi mở-vấn đáp, trao đổi thảo luận<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày có hình ảnh minh họa | Đánh giá theo nhóm về phần trình bày thảo luận từng buổi học<br>Mỗi sinh viên sẽ làm 1 bài kiểm tra trắc nghiệm từ 15 – 30 phút sau mỗi chương để nộp lại tại lớp |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 3.1.2. Giới thiệu các loài đại diện trong mỗi họ về hình thái, đặc điểm sinh học, phân bố sinh thái và giá trị sử dụng...<br>3.2. Các họ: Dầu, Chè, Bứa, Ban, Bồ đề, Thị, Bông, Gòn gạo, Trôm, Đay.<br>3.2.1.Đặc điểm chung của các họ<br>3.2.2. Giới thiệu các loài đại diện trong mỗi họ về hình thái, đặc điểm sinh học, phân bố sinh thái và giá trị sử dụng...<br>3.3. Các họ: Thầu dầu, Trầm, Hoa hồng, Cám, Trinh nữ, Vang, Đậu, Sim, Săng lẻ, Bàng<br>3.3.1.Đặc điểm chung của các họ<br>3.3.2. Giới thiệu các loài đại diện trong mỗi họ về hình thái, đặc điểm sinh học, phân bố sinh thái và giá trị sử dụng...<br>3.4. Các họ: Xoài, Trám, Xoan, Ngũ gia bì, Trúc đào, Mã tiền, Cà phê, Đinh, Tếch…<br>3.4.1.Đặc điểm chung của các họ<br>3.4.2. Giới thiệu các loài đại diện trong mỗi họ về hình thái, đặc điểm sinh học, phân bố sinh thái và giá trị sử dụng... | | - Đặt các câu hỏi liên quan đến các nội dung của tiết học cho sinh viên trao đổi trả lời.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc trước chương 3 trong giáo trình [1] và [2]. Đọc tài liệu [3] ghi chép đặc điểm của các loài đại diện thuộc các họ để so sánh.<br>- Nghe giảng và trả lời các câu hỏi cùng việc trao đổi thảo luận những nội dung cần làm rõ với giảng viên.<br>**Địa điểm học:**<br>Giảng đường - | Tính điểm cộng cho các sinh viên tích cực tham gia trả lời các câu hỏi và thảo luận |
| Tiết 31-34<br>(4 tiết) | **Chương 4. Thực vật rừng thuộc lớp Hành (Liliopsida)**<br>**Nội dung:** Trình bày các chương, mục trong chương và nội dung khái quát | H2.<br>H3.<br>H4. | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, và PP gợi mở-vấn đáp, trao đổi thảo luận<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** | Đánh giá theo nhóm về phần trình bày thảo luận từng buổi học.<br>Mỗi sinh viên sẽ làm 1 bài kiểm tra trắc nghiệm từ 15 |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 4.1. Họ củ nâu (Dioscoreaceae)<br>4.1.1.Đặc điểm chung<br>4.1.2. Các loài đại diện (Củ nâu, củ Mài, …)<br>4.2. Họ Gừng (Zingiberaceae)<br>4.2.1.Đặc điểm chung<br>4.2.2. Các loài đại diện (Sa nhân, Địa liền…)<br>4.3. Họ phụ Tre nữa (Bambusoidae)<br>4.3.1.Đặc điểm chung<br>4.3.2. Các loài đại diện (Tre gai, tre Là ngà, Lồ ô, Le…)<br>4.4. Họ Cau dừa (Arecaceae)<br>4.4.1.Đặc điểm chung<br>4.4.2. Các loài đại diện (Dừa, cau, cọ dừa, mây các loại…) | | - Nghe giảng do giảng viên trình bày có hình ảnh minh họa<br>- Đặt các câu hỏi liên quan đến các nội dung của tiết học cho sinh viên trao đổi trả lời.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc trước chương 4 trong giáo trình [1] và [2]. Đọc tài liệu [3] ghi chép đặc điểm của các loài đại diện thuộc các họ để so sánh.<br>- Nghe giảng và trả lời các câu hỏi cùng việc trao đổi thảo luận những nội dung cần làm rõ với giảng viên.<br>**Địa điểm học:**<br>Giảng đường - | – 30 phút sau mỗi chương để nộp lại tại lớp<br>Tính điểm cộng cho các sinh viên tích cực tham gia trả lời các câu hỏi và thảo luận |
| Tiết 35-37<br><br>(3 tiết) | **Chương 5. Đặc điểm tổ thành loài trong các kiểu rừng chính ở Việt nam (Tây Nguyên)**<br>5.1. Kiểu rừng kín lá rộng thường xanh<br>5.1.1.Đặc điểm chung<br>5.1.2. Tổ thành rừng<br>5.2. Kiểu rừng kín lá rộng nửa rụng lá nhiệt đới<br>5.2.1.Đặc điểm chung<br>5.2.2 Tổ thành rừng<br>5.3. Kiểu rừng kín lá rộng rụng lá nhiệt đới<br>5.3.1.Đặc điểm chung<br>5.3.2. Tổ thành rừng<br>5.4. Kiểu rừng thưa cây lá rộng nhiệt đới<br>5.4.1.Đặc điểm chung<br>5.4.2. Tổ thành rừng | H4. | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, và PP gợi mở-vấn đáp, trao đổi thảo luận<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày có hình ảnh minh họa<br>- Đặt các câu hỏi liên quan đến các nội dung của tiết học cho sinh viên trao đổi trả lời.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc trước chương 5 trong giáo trình [1] và[2] Đọc tài liệu [8] ghi chép đặc điểm của các kiểu rừng có | Mỗi sinh viên sẽ thực hiện một bài viết nộp lại để đánh giá: Nội dung bài viết giới thiệu về các kiểu rừng chủ yếu của một khu BTTN hay VQG với những loài cây đặc trưng tham gia tổ thành rừng. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 5.5. Kiểu rừng kín thường xanh ẩm á nhiệt đới<br>5.5.1.Đặc điểm chung<br>5.5.2. Tổ thành rừng<br>5.6. Kiểu rừng Tre nứa<br>5.6.1.Đặc điểm chung<br>5.6.2. Tổ thành rừng | | trong nội dung chương<br>- Nghe giảng và trả lời các câu hỏi cùng việc trao đổi thảo luận những nội dung cần làm rõ với giảng viên.<br>**Địa điểm học:**<br>Giảng đường - | |
| **Phần thực hành** | | | | |
| Tiết 1-2 (2 tiết) | **Bài thực hành 1:** Mô tả đặc điểm hình thái các loài cây & thu hái, sơ chế và làm tiêu bản cây rừng | H2<br>H3<br>H4 | GV giảng lý thuyết về nội dung thực hành<br>Sinh viên thu thập mẫu cây (mỗi SV ít nhất 1 mẫu) quan sát mô tả mẫu cây, Làm tiêu bản<br>**Địa điểm học:**<br>Phòng thực tập | Mỗi sinh viên được đánh giá thông qua phần trình bày mẫu vật trước lớp và việc thực hành làm tiêu bản |
| Tiết 3-4 (2 tiết) | **Bài thực hành 2:** Nhận biết , tra cứu một số loài cây rừng thuộc lớp Thông | H2<br>H3<br>H4<br>H5 | GV giảng lý thuyết thực hành, giới thiệu các loài thông qua mẫu khô trong phòng tiêu bản, hình ảnh chụp<br>Sinh viên quan sát tiêu bản, vẽ hình, ghi nhận các đặc điểm hình thái chính | SV nộp lại bảng ghi chép vẽ hình các tiêu cây để đánh giá, chấm điểm<br>GV đánh giá SV bằng cách cho nhận diện các mẫu cây đã học. |
| Tiết 5-14 (10 tiết) | **Bài thực hành 3:** Nhận biết , tra cứu một số loài cây rừng thuộc lớp Ngọc lan. | H2<br>H3<br>H4<br>H5 | GV giảng lý thuyết thực hành, giới thiệu các loài thông qua mẫu khô, hình ảnh chụp<br>Sinh viên quan sát tiêu bản, vẽ hình ghi nhận các đặc điểm hình thái chính | SV nộp lại bảng ghi chép vẽ hình các tiêu cây để đánh giá, chấm điểm<br>GV đánh giá SV bằng cách cho nhận diện các mẫu cây đã học. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Tiết 15<br>(1 tiết) | **Bài thực hành 4:** Nhận biết, tra cứu một số loài cây rừng thuộc lớp Hành. | H2<br>H3<br>H4<br>H5 | GV giảng lý thuyết thực hành, giới thiệu các loài thông qua mẫu khô, hình ảnh chụp<br>Sinh viên quan sát tiêu bản, vẽ hình ghi nhận các đặc điểm hình thái chính | SV nộp lại bảng ghi chép vẽ hình các tiêu cây để đánh giá, chấm điểm<br>GV đánh giá SV bằng cách cho nhận diện các mẫu cây đã học. |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Lê Mộng Chân, Lê Thị Huyên (2000). Thực vật rừng. Nhà xuất bản Nông Nghiệp.

[2] Nguyễn Đức Định (2011). Bài giảng Cây rừng. Đại học Tây Nguyên

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[3] Trần Hợp (2002) Tài nguyên cây gỗ rừng Việt Nam. Nhà xuất bản Nông nghiệp

[4] Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ hạt kín ở việt nam - Viện sinh thái và tài nguyên sinh vật.

[5] Sách đỏ việt Nam (2007), phần 2-Thực vật. NXB khoa học tự nhiên và công nghệ

[6] Phạm Hoàng Hộ (1992). Cây cỏ Việt nam. Nhà xuất bản Trẻ

[7] Võ văn Chi, Trần Hợp (1999). Cây có ích ở Việt Nam. Nhà xuất bản Giáo dục

[8] Thái Văn Trừng (1970). Thảm thực vật rừng Việt Nam

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Tham dự trên lớp đầy đủ với ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị đầy đủ các bài thảo luận theo nhóm được phân công theo chủ đề
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập được giao, các bài kiểm tra đánh giá

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành*

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi thực hành của học phần (vắng không quá 2/3 số buổi (số tiết)
- Chuẩn bị và thực hiện đầy đủ các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành: Trong các bài thực hành sinh viên phải đạt trên 50% yêu cầu đặt ra.

*7.3. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

- *Trước các buổi học lý thuyết hay thực hành sinh viên phải tự đọc, nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị các câu hỏi và phần trình bày cho các thảo luận trên lớp (phần tài liệu đã chỉ ra trong đề cương)*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1; H2; H3; H4 H5 | 20% |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | H1 H2 H3 | 15% |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua kết quả chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình bày của nhóm trước lớp. | H1 H2 | 15% |
| 4 | Thí nghiệm, thực hành | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra. | H2 H3 | 20% |
| 5 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra trắc nghiệm, tự luận hay vấn đáp ở mỗi cuối phần học | H1 H2 H3 H4 | 30% |
| **Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận** | | | | | 100% |

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Tùy vào điều kiện, số lượng sinh viên có thể Thi tự luận, vấn đáp, hoặc trắc nghiệm | H1 H2 H3 H4 | 70% |

*Ngày ….. tháng 10 năm 2020*

**Trưởng khoa (biên soạn)** | **Trưởng Bộ môn (biên soạn)** | **Người biên soạn**

**ThS. Nguyễn Đức Định**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: SINH LÝ THỰC VẬT**
**Mã học phần: NL212708**

## 1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 3.0; Số tín chỉ lý thuyết: 2.5; Số tín chỉ thực hành: 0.5
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học song hành: Khí tượng thủy văn rừng
Học phần học trước: Sinh học đại cương, Hoá sinh thực vật
Học phần tiên quyết: không
Giảng viên giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Số điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1. | Phan Văn Tân | 0382 966 056 | phvtan56@gmail.com |
| 2. | Triệu Thị Lắng | 0983 009 065 | trieulang.dhtn@gmail.com |

## 2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Trang bị những kiến thức lý thuyết và ứng dụng về hoạt động sống của cơ thể thực vật, mối quan hệ giữa môi trường của các hoạt động sống đó, biện pháp nâng cao các hoạt động sống cho mục tiêu sản xuất. Các kiến thức cơ bản: hoạt động sống của tế bào, trao đổi nước, chế độ khoáng, quang hợp, hô hấp thực vật, sinh trưởng và phát triển. Học phần này là học phần cơ sở cho các ngành và chuyên ngành: Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng, Sinh học. Sinh viên cần nắm vững kiến thức trên để hiểu cơ chế các hoạt động sống và điều chỉnh hoạt động sống cây trồng một cách hợp lý, với tiêu chí: sử dụng nước, phân bón có hiệu quả, nâng cao hoạt động quang hợp, tận dụng đất và ánh sáng, vận dụng tính giai đoạn trong đời sống của cây nhằm nâng cao năng suất, chất lượng nông sản, ứng dụng trong nông nghiệp công nghệ cao. Học phần này cung cấp kiến thức cơ sở cho quá trình trang bị kiến thức và nghiên cứu các vấn đề về kỹ thuật sản xuất các cây trồng chuyên khoa, về bảo vệ thực vật, về lâm sinh.

## 3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1: Nắm được các hoạt động sinh lý để sử dụng nước, chất khoáng có hiệu quả, phát huy vai trò quang hợp trong tạo sinh khối và năng suất.

MT2: Hiểu được các giai đoạn trong đời sống của cây, các quy luật, yếu tố ảnh hưởng, điều chỉnh tính giai đoạn trong đời sống thực vật.

MT3: Xây dựng được cơ sở khoa học khi trồng cây tiết kiệm nước, phân bón, bố trí cơ cấu cây trồng cho một vùng cụ thể.

MT4: Nắm được các biện pháp khắc phục khi cây trồng chịu tác động bất lợi của điều kiện môi trường.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1: Nắm chắc các kiến thức cơ bản về sự hút nước, thoát hơi nước, sử dụng chất khoáng và vận dụng trong chế độ tưới, chế độ phân bón cho cây trồng.

H2: Hiểu được tác động của điều kiện ngoại cảnh đến hoạt động quang hợp, từ đó xây dựng mật độ (khoảng cách cây), chế độ trồng xen, cắt tỉa cành, tạo hình cây trồng hợp lý.

H3: Hiểu lý thuyết và biết vận dụng khi sử dụng các chất điều hoà sinh trưởng trong sản xuất nông lâm nghiệp, yếu tố ngoại cảnh tác động tới sinh trưởng và phát triển cây trồng.

H4: Nắm vững kiến thức để vận dụng trong sản xuất nông nghiệp bằng nông nghiệp công nghệ cao.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H2 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H3 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H4 | | | | | | | | | | | | | | | x |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1.** Sinh lý tế bào<br>**Nội dung:**<br>1.1. Những nét cơ bản về thành phần hóa học, cấu trúc, hoạt động sống của tế bào thực vật liên quan tới trao đổi chất toàn bộ cơ thể<br>1.1.1. Sơ đồ tổ chức tế bào thực vật<br>1.1.2. Thành phần hóa học cơ bản của tế bào<br>1.2. Membran (thành phần, cấu trúc, chức năng)<br>1.3. Đặc tính vật lý (tính lỏng, độ nhớt, tính đàn hồi) và hóa keo của nguyên sinh chất<br>1.4. Cơ chế trao đổi nước của tế bào<br>1.5. Cơ chế trao đổi chất tan của tế bào<br>Thực hành: Hiện tượng co và phản co nguyên sinh; Tính thấm của tế bào; Ảnh hưởng của iôn hóa trị 1, 2 lên độ nhớt của chất nguyên sinh. | LT: 5 tiết<br>BT: 0 tiết<br>TH: 2 tiết | chương 1 của [1] ,[2]và [3], phần 2 (tế bào) của [4] và chapter 1 [6] |
| 2 | **Chương 2. Trao đổi nước**<br>2.1. Vai trò của nước<br>2.2. Nước trong đất (các dạng nước trong đất và khả năng sử dụng<br>2.3. Quá trình hút nước của rễ<br>2.3.1. Cơ quan hút nước<br>2.3.2. Động lực sự hút nước<br>2.3.3. Điều kiện ngoại cảnh ảnh hưởng đến sự hút nước<br>2.4. Sự vận chuyển nước trong cây<br>2.5. Sự thoát hơi nước<br>2.5.1. Ý nghĩa thoát hơi nước<br>2.5.2. Thoát hơi nước qua cutin<br>2.5.3. Thoát hơi nước qua khí khổng<br>2.5.4. Điều kiện ngoại cảnh ảnh hưởng đến sự thoát hơi nước<br>2.6. Cơ sở tưới/tiêu hợp lý<br>2.6.1. Cân bằng nước trong cây<br>2.6.2. Cơ sở tưới/tiêu: cơ sở tưới tiết kiệm, nhóm cây, giai đoạn, biện pháp tưới<br>Thực hành: Quan sát sự đóng mở của khí khổng; Xác định áp suất thẩm thấu của tế bào bằng phương pháp co nguyên sinh; Xác định sức hút nước của các loài thực vật bằng phương pháp Sác đa cốp; Quan sát, so sánh sự thoát hơi nước bằng giấy tẩm clorua coban. | LT: 6 tiết<br>BT: 0 tiết<br>TH: 2 tiết | Chương 2 của [1] [2] và [3] chương 36, phần 6 của [4], chapter 3 của [6] |
| 3 | **Chương 3. Dinh dưỡng khoáng**<br>3.1. Thành phần chất khoáng trong cây, phân loại chất khoáng. | LT: 6 tiết<br>BT: 0 | Chương 4 của [1] [2] |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 3.2.Vai trò sinh lý các nguyên tố khoáng<br>3.2.1. Phosphor (lân)<br>3.2.2. Lưu huỳnh<br>3.2.3. Kali<br>3.2.4. Canci<br>3.2.5. Magie<br>3.2.6. Vai trò sinh lý chung của các nguyên tố vi lượng; vai trò cụ thể của một số nguyên tố vi lượng: Sắt, đồng, kẽm, mangan, coban, molipden.<br>3.3.Vai trò sinh lý của Nitơ<br>3.3.1. Chu trình N trong tự nhiên<br>3.3.2. Khả năng sử dụng nitơ của cây<br>3.4. Sự hấp thụ chất khoáng<br>3.4.1. Vai trò của hệ rễ trong sự hấp thụ nguyên tố khoáng<br>3.4.2. Cơ chế hấp thụ chất khoáng của rễ<br>3.4.3. Điều kiện ngoại cảnh ảnh hưởng đến sự hấp thụ khoáng.<br>3.4.4. Dinh dưỡng khoáng ngoài rễ.<br>3.5. Dinh dưỡng khoáng trong thuỷ canh<br>3.6. Cơ sở khoa học của việc sử dụng phân bón hợp lý | | và [3] chương 36 phần 6 [4] chương 2 [5], chapter 3 của [6] |
| 4 | **Chương 4. Quang hợp**<br>4.1. Khái niệm quang hợp<br>4.1.1. Khái niệm quang hợp<br>4.1.2. Phương trình tổng quát quá trình quang hợp<br>4.1.3. Ý nghĩa quang hợp<br>4.2. Cơ quan quang hợp<br>4.2.1. Lá và phần xanh của cây có thể quang hợp<br>4.2.2. Lục lạp<br>4.2.3. Sắc tố quang hợp, các chất vận chuyển điện tử; phổ hấp thụ, huỳnh quang, lân quang của sắc tố quang hợp.<br>4.3. Cơ chế quang hợp<br>4.3.1. Pha sáng<br>4.3.2. Pha tối trong quang hợp (chu trình $C_3$, $C_4$, CAM)<br>4.4. Điều kiện ngoại cảnh ảnh hưởng đến quá trình quang hợp<br>4.4.1. Ánh sáng<br>4.4.2. Nước<br>4.4.3. Nhiệt độ không khí<br>4.4.4. Hàm lượng $CO_2$, $O_2$<br>4.4.5. Chất khoáng trong cây.<br>4.5. Cơ sở sinh lý của việc nâng cao năng suất cây trồng thông qua con đường quang hợp<br>4.5.1. Khái niệm năng suất (sinh vật học, năng suất kinh tế, hệ số kinh tế, đồng hóa chất khô)<br>4.5.2. Khái niệm LAI và biện pháp nâng LAI hợp lý<br>4.5.3. Khái niệm LAD và biện pháp nâng LAD<br>Thực hành: Đo diện tích lá; Xác định tính chất hoá học của sắc tố quang hợp. | LT: 7.5 tiết<br>BT: 1 tiết<br>TH: 1.5 tiết | Chương 3 của [1] [2] và [3] chương 36 phần 6 [4] chapter 4 [6] |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 5 | **Chương 5. Hô hấp ở thực vật**<br>5.1. Khái niệm hô hấp<br>5.1.1. Khái niệm hô hấp<br>5.1.2. Phương trình tổng quát<br>5.1.3. Cơ chất hô hấp<br>5.1.4. Cường độ hô hấp, hệ số hô hấp<br>5.2. Những nét chính của quá trình hô hấp<br>5.2.1. Giai đoạn 1 và 2<br>5.2.2. Phosphoril hóa, chuỗi vận chuyển điện tử trong hô hấp<br>5.3. Điều kiện ngoại cảnh ảnh hưởng đến hô hấp<br>5.3.1. Hàm lượng nước và độ ẩm<br>5.3.2. Oxy<br>5.3.3 Carbonic<br>5.3.4. Nhiệt độ<br>5.4. Vận dụng trong thực tế, trong bảo quản nông sản sau thu hoạch.<br>5.5. Hô hấp là trung tâm quá trình trao đổi chất trong cơ thể<br>5.5.1. Trung tâm năng lượng<br>5.5.2. Trung tâm chuyển hoá các sản phẩm trung gian<br>5.5.3. Hô hấp và quang hợp<br>5.5.4. Hô hấp và hút nước<br>5.5.5. Hô hấp và hút khoáng | LT 4 tiết<br>BT 0 | Chương 5 của [1] [2] và [3] chương 37 phần 6 [4] chapter 5 [6] |
| 6 | **Chương 6. Sinh trưởng và phát triển**<br>6.1. Khái niệm<br>6.1.1. Khái niệm sinh trưởng<br>6.1.2. Khái niệm phát triển<br>6.1.3. Mối liên hệ giữa sinh trưởng và phát triển<br>6.1.4. Tương quan sinh trưởng<br>6.2. Vai trò sinh lý của các chất điều tiết sinh trưởng<br>6.2.1. Auxin<br>6.2.2. Gibberellin<br>6.2.3. Cytokinin<br>6.2.4. Acid abscicic<br>6.2.5. Etylen<br>6.2.6. Nguyên tắc sử dụng chất điều tiết sinh trưởng.<br>6.3. Điều kiện ngoại cảnh ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển<br>6.3.1. Nhiệt độ<br>6.3.2. Ánh sáng<br>6.3. Sinh lý hình thành hoa, quả<br>6.3.1. Các giai đoạn hình thành hoa<br>6.3.2. Sự hình thành quả<br>6.4. Trạng thái nghỉ<br>6.4.1. Khái niệm<br>6.4.2. Các trạng thái nghỉ (phân biệt, nguyên nhân)<br>6.4.3. Các biện pháp phá bỏ trạng thái nghỉ<br>Thực hành: Đánh giá ảnh hưởng của $GA_3$ và kinetin đến sự nảy mầm của hạt đậu xanh | LT 7 tiết<br>BT: 1 tiết<br>TH: 2 tiết | Chương 6 của [1] [2] và [3] chương 39 phần 6 [4] chapter 12 [6] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 1/4<br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br>2-3/8 | **Chương 1. Sinh lý tế bào**<br>1.1. Nắm được nét cơ bản về thành phần hóa học, cấu trúc, hoạt động sống của tế bào thực vật liên quan tới trao đổi chất toàn bộ cơ thể<br>1.1.1. hiểu được sơ đồ, trật tự các tổ chức tế bào thực vật<br>1.1.2. Nắm được cấu trúc nước, protein và ý nghĩa<br>1.2. Hiểu được Membran, chức năng membran<br>1.3. Hiểu tính lỏng, độ nhớt, tính đàn hồi và sự biến đổi trong hoạt động sống; trạng thái hóa keo NSC và biến đổi trạng thái<br>1.4. Hiểu được 2 cơ chế hút nước của tế bào<br><br>**Chương 1 (tiếp – 1 tiết)**<br>1.5. Hiểu được 3 cơ chế hút chất tan của tế bào, vận dụng<br>**Chương 2. Trao đổi nước**<br>2.1. Nắm được vai trò của nước đối với sự sống<br>2.2. Hiểu được các dạng nước trong đất và khả năng sử dụng<br>2.3. Quá trình hút nước của rễ<br>2.3.1. Cơ quan nào có khả năng hút nước (chính phụ)<br>2.3.2. Nắm được 2 động lực hút nước (chính và phụ)<br>2.3.3. Điều kiện ngoại cảnh ảnh hưởng đến sự hút nước; điều kiện nào thường tác động mạnh ở đất VN<br>2.4. Hiểu 2 quãng đường vận chuyển nước trong cây; yếu tố nào tác động<br>2.5. Sự thoát hơi nước<br>Hiểu được ý nghĩa thoát hơi nước<br>2.5.1.Cutin? Cơ chế thoát hơi nước qua cutin<br>2.5.2. Khí khổng? ở đâu? Cấu tạo? các pha thoát hơi nước? cơ chế đóng mở khí khổng? | H1<br>H3<br>H4<br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br>H1, H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: chất như thế nào xâm nhập dễ dàng vào tế bào? Tại sao quan tâm đến nồng độ khi phun phân bón lá và thuốc BVTV<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, nêu ý kiến vấn đề chưa rõ, thảo luận nhóm 5-8 SV<br>**Địa điểm học:** -Giảng đường (cho các tiết lý thuyết) | - đọc [1][2][3]<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 2.5.3. Hiểu được điều kiện ngoại cảnh ảnh hưởng đến sự thoát hơi nước (RH%, $t^o$, ánh sáng, gió) vận dụng trong điều kiện VN<br>2.6. Cơ sở tưới/tiêu hợp lý<br>2.6.1. Hiểu thế nào là cân bằng nước trong cây<br>2.6.2. Cơ sở tưới/tiêu<br>tưới tiết kiệm: nhóm cây có thể chịu khô hạn? giai đoạn nào mẫn cảm, giai đoạn nào có hiệu quả cao? biện pháp tưới?<br>**Chương 3. Dinh dưỡng khoáng (1 tiết)**<br>3.1 và 3.2 | | | |
| 4/4 | **Chương 3. Dinh dưỡng khoáng (tiếp)**<br>3.1. Nắm được thành phần chất khoáng trong cây, nhóm đa lượng, trung lượng, vi lượng<br>3.2. Hiểu được loại ion của từng nguyên tố mà cây có thể hấp thụ, vai trò sinh lý và cách sử dụng các nguyên tố khoáng:<br>phosphor (lân)<br>lưu huỳnh<br>kali<br>canci<br>magie<br>các nguyên tố vi lượng<br>Nitơ<br>3.3. Sự hấp thụ chất khoáng<br>Hiểu được vai trò của hệ rễ, phần nào trong rễ có thể hấp thụ khoáng<br>Nắm được cơ chế hấp thụ chất khoáng của rễ (3 pha, 2 cách trao đổi)<br>Nắm được điều kiện ngoại cảnh ảnh hưởng đến sự hấp thụ khoáng và biện pháp tác động.<br>Hiểu được dinh dưỡng khoáng ngoài rễ? Ưu/nhược điểm, cách sử dụng.<br>Hiểu được thuỷ canh? Dinh dưỡng khoáng trong thuỷ canh | H1<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, đặt câu hỏi, làm rõ ND trả lời<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: Tại sao phân vi lượng trở nên cần thiết? Phân bón nào có thể thay thế phân vi lượng vô cơ? Cây ăn quả thường rụng trái, lý do, cách khắc phục? dư lượng nitrat là gì? cách khắc phục?<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Tham gia thảo luận<br>Thực tập đầy đủ | - đọc [1][2] [3] [6]<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp<br>Báo cáo thực hành |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | Nắm được cơ sở khoa học của sử dụng phân bón: lượng, thời điểm, cân đối giữa các nguyên tố khoáng | | | |
| 5/1.5 | **Chương 3. Dinh dưỡng khoáng (tiếp – 1 tiết)**<br>Nắm được cơ sở khoa học của sử dụng phân bón: lượng, thời điểm, cân đối giữa các nguyên tố khoáng<br>**Chương 4. Quang hợp**<br>4.1. Hiểu được bản chất quang hợp, ý nghĩa quang hợp | H1<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, đặt câu hỏi, làm rõ ND trả lời<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu | - đọc [1][2] [3] [6] |
| 6-7/8 | **Chương 4. Quang hợp (tiếp)**<br>4.2. Hiểu được cơ quan quang hợp, vai trò các cơ quan đó trong QH<br>4.3. Hiểu được tổng quát cơ chế quang hợp; phân biệt được 3 nhóm cây $C_3$, $C_4$, CAM<br>4.4. Nắm chắc các điều kiện ngoại cảnh ảnh hưởng đến QH, các biện pháp tác động có thể điều chỉnh các yếu tố đó (ánh sáng, nước, nhiệt độ không khí, hàm lượng $CO_2$, $O_2$.<br>4.5. Nắm vững cơ sở sinh lý của việc nâng cao năng suất cây trồng thông qua con đường QH: LAI và LAD; biện pháp điều chỉnh LAI, LAD | H2<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, đặt câu hỏi, làm rõ ND trả lời<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: ý nghĩa QH? Kết cấu tán lá cây trồng trong quần thể, quần xã? Mật độ, hướng cây trồng có ý nghĩa gì? Ý nghĩa trồng xen? Ý nghĩa cắt tỉa cành, tạo hình cây trồng?<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu | - đọc [1][2] [3] [6] chương quang hợp, chương 2, 3 và 4 của [5]<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | | Tham gia thảo luận | |
| 8/4 | **Chương 5. Hô hấp**<br>5.1. Nắm được các khái niệm cơ bản về hô hấp<br>5.2. Nắm được 2 giai đoạn của hô hấp (nguyên liệu, sản phẩm, sự kết nối<br>5.3. Nắm được điều kiện ngoại cảnh ảnh hưởng đến hô hấp: $H_2O$ và độ ẩm, oxy, Carbonic, nhiệt độ; Vận dụng trong thực tế, trong bảo quản nông sản sau thu hoạch.<br>5.5. Lý giải tại sao hô hấp là trung tâm quá trình trao đổi chất trong cơ thể | H4 | PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, đặt câu hỏi, làm rõ ND trả lời<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: hiểu thế nào khi ngâm hạt giống trước khi gieo "3 sôi + 2 lạnh"; giải pháp hạ thấp nhiệt độ bảo quản sau khi thu hoạch nông sản?<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu Tham gia thảo luận | Đọc chương Hô hấp của [1], [2], [3]<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp Báo cáo thực hành |
| 9-10/8 | **Chương 6. Sinh trưởng và phát triển**<br>6.1. Hiểu đước các khái niệm: sinh trưởng, phát triển, mối liên hệ giữa sinh trưởng và phát triển, tương quan sinh trưởng giữa các bộ phận trong cây<br>6.2. Nắm được vai trò và vận dụng trong sản xuất các chất điều tiết sinh trưởng; Auxin, Gibberellin, Cytokinin, Acid abscicic và Etylen<br>6.3. Nắm được 2 điều kiện ngoại cảnh (nhiệt độ và ánh sáng ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển); vận dụng trong thực tế<br>6.4. Hiểu sinh lý hình thành hoa, quả và biện pháp tác động | H3<br>H4 | PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, đặt câu hỏi, làm rõ ND trả lời<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: tại sao hiện nay thường sử dụng phytohormon? Sai quả cách năm là gì? biện pháp hạn chế? | Đọc chương Sinh trưởng và phát triển của [1], [2], [3]; chapter Auxin, Gibberellin, cytokinin, acid abscicis, etylen của [6]<br>-Hình thức đánh giá của từng bài: |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 6.5. Hiểu được trạng thái nghỉ và ứng dụng trong sản xuất | | **Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu Tham gia thảo luận | + Báo cáo của nhóm trước lớp |
| 11/2 | **Thực hành chương 1**<br>*Thí nghiệm 1*: Hiện tượng co và phản co nguyên sinh;<br>*Thí nghiệm 2*: Tính thấm của tế bào;<br>*Thí nghiệm 3*: Ảnh hưởng của iôn hóa trị 1, 2 lên độ nhớt của chất nguyên sinh. | | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, hướng dẫn trực tiếp với dụng cụ và mẫu vật, đặt câu hỏi, làm rõ ND trả lời<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Tiến hành thí nghiệm theo nhóm 3 – 5 sinh viên<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu phần lý thuyết và tài liệu hướng dẫn thực hành<br>- Tham gia đầy đủ các tiết thực hành | Báo cáo thực hành |
| 12/2 | **Thực hành chương 2**<br>*Thí nghiệm 1:* Quan sát sự đóng mở của khí khổng; *Thí nghiệm 2:* Xác định áp suất thẩm thấu của tế bào bằng phương pháp co nguyên sinh;<br>*Thí nghiệm 3:* Xác định sức hút nước của các loài thực vật bằng phương pháp Sác đa cốp;<br>*Thí nghiệm 4:* Quan sát, so sánh sự thoát hơi nước bằng giấy tẩm clorua coban. | H1 | | Báo cáo thực hành |
| 13/1.5 | **Thực hành chương 4**<br>*Thí nghiệm 1:* Đo tính diện tích lá;<br>*Thí nghiệm 2:* Xác định tính chất hoá học của sắc tố quang hợp. | H2 | | Báo cáo thực hành |
| 14/2 | **Thực hành chương 6**<br>*Thí nghiệm 1*: Đánh giá ảnh hưởng của $GA_3$ và kinetin đến sự nảy mầm của hạt đậu xanh<br>. | H3, H4 | | Báo cáo thực hành |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Vũ Văn Vụ, Vũ Thanh Tâm, Hoàng Minh Tấn (2008). Sinh lý học thực vật, NXB Giáo dục.

[2] Phan Văn Tân (2018). Sinh lý học thực vật. (*bài giảng cá nhân chưa xuất bản*)

[3] Nguyễn Quang Thạch, Hoàng Minh Tấn, Vũ Quang sáng (2001) Sinh lý cây trồng. NXB Nông nghiệp.

(Sách, giáo trình chính trong giảng dạy và học tập thường chiếm 50% nội dung sử dụng trở lên)

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[4] Campbell và Reece (2017). Sinh học, NXB Giáo dục.

[5] Trần Trung Dũng (2016) Sinh thái môi trường, NXB Giáo dục

[6] L. Taiz and E. Geiger (2002): Plant physiology. 3ed Sinauer Associates.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành*

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành: thực hiện đầy đủ, có kết quả phù hợp

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận: mỗi SV chọn 1 trong số 30 tiêu đề của tiểu luận do GV đề ra

*7.4. Phần khác (nếu có):*

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:*** 30%; ***Trọng số thi kết thúc học phần:*** 70%

(Trọng số điểm bộ phận <=30%; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 25% |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 25% |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | | 0% |
| 4 | Tiểu luận/Thí nghiệm, thực hành | Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 25% |
| | | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra. | | |
| 5 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc | H1<br>H2<br>H3 | 25% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| | | qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm. | H4 | |
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

* Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể có đầy đủ các hình thức đánh giá trên, hoặc có thể thêm hay bớt cho phù hợp, nhưng đảm bảo tổng tỷ lệ điểm bộ phận là 100%. Việc đánh giá điểm bộ phận gồm các thành phần và tỷ lệ tương ứng như công bố, (kết quả điểm bộ phận × trọng số điểm bộ phận+điểm thi × trọng số thi)/100= kết quả học phần.

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: tự luận | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 70% |

*Ngày ..... tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | ThS. Nguyễn Thanh Bình | PGS.TS. Phan Văn Tân |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: SINH THÁI RỪNG**
**Mã học phần: NL212704**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1.5; Số tín chỉ thực hành: 0.5
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần:
Học phần học trước: Sinh thái môi trường
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Phan Thị Hằng; Số điện thoại: 0982378997
Email: pthangedu@ttn.edu.vn hoặc phanhang84@gmail.com

**2. Tóm tắt nội dung học phần**

Sinh thái rừng là một môn học khoa học tự nhiên của sinh thái ứng dụng, nghiên cứu các kiến thức về sinh thái tài nguyên rừng, nghiên cứu quy luật sống của rừng, quy luật hình thành và phát triển của rừng, sự tương tác giữa rừng với môi trường vật lý (khí hậu, đất, …) để giúp cho các cán bộ quản lý tài nguyên rừng, cán bộ lâm nghiệp hiểu được các sự biến đổi của tài nguyên rừng làm cơ sở cho việc quản lý, sử dụng và phát triển bền vững nguồn tài nguyên rừng

Sinh thái rừng là môn học gắn liền với thực tiễn và có liên quan đến nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau như sinh thái học; thực vật học; sinh lý học; sinh thái thực vật học; khí tượng – thủy văn rừng; đất; bệnh hại cây trồng; địa lý thực vật học, lập kế hoạch dự án,…Đây là học phần cơ sở bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản lý tài nguyên rừng. Nội dung chủ yếu của môn học đề cập đến các khái niệm, các nhân tố sinh thái ảnh hưởng đến hệ sinh thái rừng, các quy luật sinh thái, mối quan hệ qua lại giữa rừng và môi trường, phân tích các đặc điểm cấu trúc rừng, tái sinh rừng, diễn thế rừng, quá trình sinh trưởng và phát triển của rừng. Kiến thức của môn học Sinh thái rừng được trang bị cho sinh viên sẽ là nền tảng cơ sở cho các môn học khác nhau như sinh thái môi trường, khí tượng thủy văn rừng, thực vật rừng, kỹ thuật lâm sinh, nông lâm kết hợp, bệnh cây rừng, côn trùng rừng…... Học phần sinh thái rừng đem lại nhiều ý nghĩa khác nhau: Xây dựng cơ sở khoa học cho kỹ thuật lâm sinh: trồng rừng, nuôi dưỡng rừng, khai thác và nâng cao năng suất rừng; Phân loại các thảm thực vật rừng, lập bản đồ thảm thực vật và bản đồ lập địa; Phân vùng sản xuất lâm nghiệp, xác định cơ cấu cây trồng hợp lý; Xây dựng phương thức kinh doanh rừng ổn định, lâu dài; Xây dựng các giải pháp bảo vệ và bảo tồn những loài cây, con quý hiếm; Xây dựng hệ thống các biện pháp tổng hợp để quản lý tài nguyên rừng bền vững

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần:* Sau khi học xong môn học, sinh viên cần đạt được các mục tiêu sau
MT1: Sinh viên hiểu và nắm vững được các kiến thức cơ bản về khái niệm, mối quan hệ tác động qua lại giữa các nhân tố sinh thái với tài nguyên rừng
MT2: Sinh viên có được các kiến thức về cấu trúc rừng, quá trình tái sinh rừng, diễn thế rừng và quá trình sinh trưởng và phát triển của rừng
MT3: Sinh viên có khả năng phân tích vận dụng được các kiến thức và kỹ năng học tập vào việc đề xuất các giải pháp cũng như các hướng quản lý tài nguyên rừng bền vững
*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1: Sinh viên nắm vững các kiến thức cơ bản về mối quan hệ tác động qua lại giữa rừng và môi trường

H2: Sinh viên phân tích vận dụng được kiến thức của các nội dung cấu trúc rừng, tái sinh rừng, diễn thế và phục hồi rừng vào việc tham gia, xây dựng các kế hoạch, dự án về tài nguyên rừng

H3: Sinh viên có các kĩ năng làm việc nhóm, thuyết trình

H4: Sinh viên có thái độ học tập tích cực, độc lập, sáng tạo và có ý thức trách nhiệm cao

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | | | | x | | | | | | | | | |
| H2 | | | | | | x | | | x | | | | | | |
| H3 | | | | | | | x | | x | | x | | | | |
| H4 | | | | | | | | | | | | | x | x | x |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. Học thuyết về rừng**<br>1. Sự phát triển của lâm nghiệp<br>2.Rừng và thành phần của rừng<br>1.1. Rừng và các thành phần của rừng<br>1.1.1. Khái niệm về rừng<br>1.1.2. Các thành phần của rừng<br>1.2. Rừng là một hệ sinh thái<br>1.2.1. Khái niệm về hệ sinh thái<br>1.2.2. Một số quy luật tác động của các nhân tố sinh thái<br>1.2.4. Hiệu quả sinh địa hóa của các hệ sinh thái rừng<br>1.3. Vai trò của rừng đối với con người | LT: 5 tiết<br>BT: 1 tiết | [1];[2]: Chương 1<br>[3] Chương 1 & chương 2<br>[5];[6];[7]: Chương 1 & chương 2<br>[8] |
| 2 | **Chương 2. Cấu trúc rừng**<br>1.Khái niệm về cấu trúc rừng<br>2.Các thành phần của cấu trúc rừng<br>2.1. Thành phần hệ thực vật rừng (loài cây) và vai trò của nó trong hệ sinh thái rừng<br>2.2. Thành phần dạng sống của các quần xã thực vật<br>2.3. Tầng phiến<br>2.4. Mật độ và mạng hình phân bố cây trong quần xã thực vật rừng<br>2.5. Cấu trúc tầng thứ - Hiện tượng thành tầng (phân bố cây theo chiều thẳng đứng) của quần xã thực vật rừng<br>2.6. Cấu trúc thân cây<br>2.7. Cấu trúc tuổi | LT: 4 tiết<br>BT: 2 tiết | [1];[2]: Chương 2<br>[3] Chương 3<br>[5];[6];[7]: Chương 3 & chương 4<br>[8] |
| 3 | ***Chương 3.* Quan hệ giữa quần lạc thực vật rừng và các yếu tố vật lý**<br>3.1. Quan hệ giữa bức xạ mặt trời và rừng<br>3.2. Quan hệ giữa rừng và nhiệt độ<br>3.3. Quan hệ giữa rừng và nước<br>3.4 .Quan hệ giữa rừng và không khí<br>3.5. Quan hệ giữa rừng và đất rừng<br>3.6. Quan hệ giữa rừng và động vật, vi sinh vật rừng<br>3.7. Rừng và lửa rừng | LT: 5 tiết<br>BT:2 tiết | [1];[2]: Chương 3<br>[5];[6];[7]: Chương 3 & chương 4<br>[8] |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 4 | **Chương 4. Tái sinh rừng**<br>4.1. Khái niệm về tái sinh rừng<br>4.2. Tái sinh rừng bằng hạt.<br>4.3. Đặc điểm tái sinh rừng nhiệt đới<br>4.4. Tái sinh rừng bằng chồi. | LT: 5 tiết<br>BT: 2 tiết | [1];[2]: Chương 4<br>[5];[6];[7]: Chương 5 & chương 6<br>[8] |
| 5 | **Chương 5. Sinh trưởng và phát triển của rừng**<br>5.1. Khái niệm về sinh trưởng và phát triển rừng.<br>5.2. Sinh trưởng và tăng trưởng của cây rừng<br>5.3.Sinh trưởng của lâm phần<br>5.4.Tăng trưởng của lâm phần<br>5.5.Phát triển của lâm phần. | LT: 05 tiết<br>BB: 2 tiết | [1];[2]: Chương 5<br>[5];[6];[7]: Chương 5 & chương 6<br>[8] |
| 6 | ***Chương 6.* Diễn thế rừng**<br>6.1. Những thuật ngữ và khái niệm dùng trong diễn thế rừng<br>6.2. Nguyên nhân diễn thế rừng<br>6.3. Quần xã rừng cao đỉnh<br>6.4.Ảnh hưởng của khai thác rừng đến diễn thế rừng<br>6.5.Ý nghĩa của diễn thế rừng | LT: 05 tiết<br>BB: 2 tiết | [1];[2]: Chương 6<br>[5];[6];[7]: Chương 6 & chương 7<br>[8] |
| 7 | ***Chương 7.* Phân loại rừng theo điều kiện tự nhiên**<br>7.1.Các trường phải phân loại rừng theo điều kiện tự nhiên ở Liên Xô<br>7.2.Phân loại rừng Việt Nam của Ts. Thái Văn Trừng<br>7.3.Ý nghĩa của kiểu rừng trong kinh doanh rừng | LT: 1 tiết | [1];[2]: Chương 7<br>[5];[6];[7]: Chương 7<br>[8] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| B1<br>T1-T4 | CHƯƠNG 1: HỌC THUYẾT VỀ RỪNG<br>1.1.Rừng và các thành phần của rừng<br>1.1.1.Khái niệm về rừng<br>1.1.2.Các thành phần của rừng<br><br>1.2. Rừng là một hệ sinh thái<br>1.2.1. Khái niệm về hệ sinh thái<br>1.2.2. Một số quy luật tác động của các nhân tố sinh thái<br><br>1.2.4. Hiệu quả sinh địa hóa của các hệ sinh thái rừng<br>1.3.Vai trò của rừng đối với con người | H1, H2, H3,H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>Phương pháp thuyết trình kết hợp gợi mở, vấn đáp, thảo luận có sự tham gia của người học<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- GV đặt vấn đề, gợi ý, sinh viên trả lời<br>- Sinh viên thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời<br>- Bài tập nhóm<br>- GV nhận xét, góp ý. | + Câu hỏi đánh giá<br>+ Bài tập nhóm<br>-Hình thức đánh giá:<br>+ Sinh viên trả lời câu hỏi<br>+ Các nhóm trình bày kết quả chuẩn bị tại lớp và lắng nghe chia sẻ từ nhóm bạn |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | | **Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu tham khảo<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị bài trình bày , chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** -<br>Giảng đường | |
| B2: T5-T8 | CHƯƠNG 2: RỪNG VÀ MÔI TRƯỜNG<br>2.1.Quan hệ giữa bức xạ mặt trời và rừng<br>2.1.1.Ảnh hưởng của ánh sáng đến rừng<br>2.1.2.Ảnh hưởng của rừng đến ánh sáng<br>2.1.3.Vai trò của ánh sáng trong lâm nghiệp<br>2.2.Quan hệ giữa rừng và nhiệt độ<br>2.2.1.Ảnh hưởng của nhiệt độ đến thực vật<br>2.2.2. Ảnh hưởng của rừng đến chế độ nhiệt độ<br>2.2.3.Tầm quan trọng của yếu tố nhiệt độ trong lâm nghiệp<br>2.3.Quan hệ giữa rừng và nước<br>2.3.1.Ảnh hưởng của độ ẩm (nước) đến thảm thực vật rừng<br><br>2.3.2.Ảnh hưởng của rừng đến nước<br>2.4. Quan hệ giữa rừng và không khí<br>2.4.1.Thành phần không khí sạch và ý nghĩa của chúng<br>2.4.2.Ảnh hưởng của gió đến thảm thực vật rừng<br>2.4.3.Ảnh hưởng của rừng đến gió<br>2.4.4.Ý nghĩa của gió trong lâm nghiệp. | H1, H2, H3,H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>Phương pháp thuyết trình kết hợp gợi mở, vấn đáp, thảo luận có sự tham gia của người học<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- GV đặt vấn đề, gợi ý, sinh viên trả lời<br>- Sinh viên thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời<br>- Bài tập nhóm<br>- GV nhận xét, góp ý.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu tham khảo<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị bài trình bày , chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** -<br>Giảng đường | + Câu hỏi đánh giá<br>+ Bài tập nhóm<br>-Hình thức đánh giá:<br>+ Sinh viên trả lời câu hỏi<br>+ Các nhóm trình bày kết quả chuẩn bị tại lớp và lắng nghe chia sẻ từ nhóm bạn |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 2.5. Quan hệ giữa rừng và đất rừng<br>2.5.1. Ảnh hưởng của địa hình đến thảm thực vật rừng<br>2.5.2.Ảnh hưởng của đất đến thảm thực vật rừng<br>2.5.3.Ảnh hưởng của rừng đến đất<br>2.5.4. Vai trò của địa hình và đất trong lâm nghiệp<br>2.6. Quan hệ giữa rừng và động vật, vi sinh vật rừng<br>2.6.1. Quần lạc động vật rừng<br>2.6.2.Quần lạc vi sinh vật rừng<br><br>2.7.Rừng và lửa rừng<br>2.7.1.Các kiểu cháy rừng và nguyên nhân<br>2.7.2.Những ảnh hưởng của cháy rừng<br>2.7.3.Lửa và kinh doanh rừng<br>85 | | | |
| B3:T9-T12 | CHƯƠNG 3: CẤU TRÚC RỪNG<br>3.1. Khái niệm về cấu trúc rừng<br>3.2. Các thành phần của cấu trúc rừng<br>3.2.1. Thành phần hệ thực vật rừng (loài cây) và vai trò của nó trong hệ sinh thái rừng<br>3.2.2. Thành phần dạng sống của các quần xã thực vật<br>3.2.3. Tầng phiến<br>3.2.4. Mật độ và mạng hình phân bố cây trong quần xã thực vật rừng<br>3.2.5. Hiện tượng thành tầng (phân bố cây theo chiều thẳng đứng) của quần xã thực vật rừng<br>3.2.6. Cấu trúc thân cây<br>3.2.7. Cấu trúc tuổi | H1, H2, H3, H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Phương pháp thuyết trình kết hợp gợi mở, vấn đáp, thảo luận có sự tham gia của người học<br>**Hình thức tổ chức lớp học:**<br>- Gv trình bày bài giảng kết hợp thúc đẩy sự tham gia của sinh viên thông qua đặt câu hỏi, gợi ý và vấn đáp.<br>- Trao đổi ý kiến với sinh viên thông qua hoạt động nhóm của sinh viên<br>- Bài tập nhóm<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu tham khảo | + Câu hỏi đánh giá<br>+ Bài tập nhóm<br>-Hình thức đánh giá:<br>+ Sinh viên trả lời câu hỏi<br>+ Các nhóm trình bày kết quả chuẩn bị tại lớp và lắng nghe chia sẻ từ nhóm bạn<br>+ Mỗi sinh viên nộp bài trả lời qua email |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | | Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | |
| B4: T13-T16 | CHƯƠNG 4: TÁI SINH RỪNG<br>4.1.Khái niệm về tái sinh rừng<br><br>4.2.Tái sinh rừng bằng hạt.<br>4.2.1. Tái sinh dưới tán rừng<br>4.2.2. Tái sinh tự nhiên trên đất trống<br>4.2.3. Cây bụi, thảm tươi và tái sinh rừng<br>4.2.4. Vật rụng, thảm mục và tái sinh rừng<br>4.2.5. Quá trình tái sinh hạt<br>4.3. Đặc điểm tái sinh rừng nhiệt đới<br>4.4. Tái sinh rừng bằng chồi.<br>4.4.1. Tái sinh chồi gốc<br>4.4.2. Tái sinh chồi thân<br>4.4.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến tái sinh chồi<br>4.4.4. Những đặc điểm của rừng chồi | H1, H2, H3, H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Phương pháp thuyết trình kết hợp gợi mở, vấn đáp, thảo luận có sự tham gia của người học<br>**Hình thức tổ chức lớp học:**<br>- Gv trình bày bài giảng kết hợp thúc đẩy sự tham gia của sinh viên thông qua đặt câu hỏi, gợi ý và vấn đáp.<br>- Trao đổi ý kiến với sinh viên thông qua hoạt động nhóm của sinh viên<br>- Bài tập nhóm<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu tham khảo<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | + Câu hỏi đánh giá<br>+ Bài tập nhóm<br>-Hình thức đánh giá:<br>+ Sinh viên trả lời câu hỏi<br>+ Các nhóm trình bày kết quả chuẩn bị tại lớp và lắng nghe chia sẻ từ nhóm bạn<br>+ Mỗi sinh viên nộp bài trả lời qua email |
| B5: T17-T20 | CHƯƠNG 5: SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA RỪNG<br>5.1. Khái niệm về sinh trưởng và phát triển rừng.<br>5.2. Sinh trưởng và tăng trưởng của cây rừng<br>5.2.1.Sinh trưởng của cây rừng<br><br>5.2.2.Tăng trưởng của cây rừng<br><br>5.3.Sinh trưởng của lâm phần. | H1, H2, H3, H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Phương pháp thuyết trình kết hợp gợi mở, vấn đáp, thảo luận có sự tham gia của người học<br>**Hình thức tổ chức lớp học:**<br>- Gv trình bày bài giảng kết hợp thúc đẩy sự tham gia của sinh | + Câu hỏi đánh giá<br>+ Bài tập nhóm<br>-Hình thức đánh giá:<br>+ Sinh viên trả lời câu hỏi<br>+ Các nhóm trình bày kết quả chuẩn bị tại lớp và lắng nghe chia sẻ từ nhóm bạn |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 5.3.1.Phân hoá và tỉa thưa tự nhiên<br>5.3.2.Phân cấp cây rừng<br>5.4.Tăng trưởng của lâm phần<br><br>5.5.Phát triển của lâm phần. | | viên thông qua đặt câu hỏi, gợi ý và vấn đáp.<br>- Trao đổi ý kiến với sinh viên thông qua hoạt động nhóm của sinh viên<br>- Bài tập nhóm<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu tham khảo<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | + Mỗi sinh viên nộp bài trả lời qua email |
| B6: T21-T24 | Chương 6. Diễn thế rừng<br>6.1.Khái niệm dùng trong diễn thế rừng<br>6.1.1.Diễn thế rừng<br>6.1.2.Các kiểu diễn thế rừng<br>6.2. Nguyên nhân diễn thế rừng<br><br>6.3.Quần xã rừng cao đỉnh<br>6.4. Ảnh hưởng của khai thác rừng đến diễn thế rừng 133<br>6.5.Ý nghĩa của diễn thế rừng<br>Chương 7. Phân loại rừng theo điều kiện tự nhiên<br>7.1. Các trường phải phân loại rừng theo điều kiện tự nhiên ở Liên Xô.<br>7.2. Phân loại rừng Việt Nam của Thái Văn Trừng.<br>7.3. Ý nghĩa của kiểu rừng trong kinh doanh rừng | H1, H2, H3, H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Phương pháp thuyết trình kết hợp gợi mở, vấn đáp, thảo luận có sự tham gia của người học<br>**Hình thức tổ chức lớp học:**<br>- Gv trình bày bài giảng kết hợp thúc đẩy sự tham gia của sinh viên thông qua đặt câu hỏi, gợi ý và vấn đáp.<br>- Trao đổi ý kiến với sinh viên thông qua hoạt động nhóm của sinh viên<br>- Bài tập nhóm<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu tham khảo<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | + Câu hỏi đánh giá<br>+ Bài tập nhóm<br>-Hình thức đánh giá:<br>+ Sinh viên trả lời câu hỏi<br>+ Các nhóm trình bày kết quả chuẩn bị tại lớp và lắng nghe chia sẻ từ nhóm bạn<br>+ Mỗi sinh viên nộp bài trả lời qua email |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Bài giảng học phần*

1. Bài giảng chính: Phan Thị Hằng, *Sinh thái rừng*, Đại học Tây Nguyên, 2014

*6.2. Danh lục tài liệu tham khảo*

2. Võ Văn Thanh, *Giáo trình sinh thái rừng*, Đại học Tây Nguyên, 2010

3. Trần Trung Dũng, *Sinh thái học và Quản lý tài nguyên thiên nhiên*, Đại học Tây Nguyên, năm 2006

4.Hoàng Kim Ngũ - Phùng Ngọc Lan, *Sinh thái rừng*, Nhà xuất bản nông nghiệp, Hà Nội, năm 1998

5. Hoàng Kim Ngũ - Phùng Ngọc Lan, *Sinh thái rừng*, Nhà xuất bản nông nghiệp, Hà Nội, năm 2005

6. Nguyễn Văn Thêm. *Sinh thái rừng*. Nhà xuất bản nông nghiệp, TP. Hồ Chí Minh, năm 2002

7. Dương Hữu Thời, *Cơ sở sinh thái học*, Nhà xuất bản Quốc gia, Hà Nội, năm 1998.

8.Tham khảo trên Internet : www.google.com.vn, www.tailieu.vn, wwgw.ebook.edu.vn, www. violet.vn, www.vncreatures.net,....

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

-Điểm thứ 1: Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần (30%)

-Điểm thứ 2: Hoàn thành các bài tập, thực hành (50%)

- Điểm thứ 3: Hoàn thành bài kiểm tra (20%)

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có): Sinh viên cần phải tham gia đầy đủ 4 bài thực hành tương ứng 15 tiết học.*

Bài 1: Chỉ số khí hậu và giản đồ khí hậu(4 tiết)

Bài 2: Điều tra kết cấu loài(4 tiết)

Bài 2: Điều tra kết cấu tầng tán (3 tiết)

Bài 4: Phân tích và xử lý số liệu (4 tiết)

* Yêu cầu: Người học phải đọc hướng dẫn đề cương trước khi thực hành, tất cả các bài thực hành cần đạt trên 50% tổng số điểm.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

*7.4. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu (15T tự học)* Đọc thêm tài liệu tham khảo, truy cập các bài báo, tạp chí trong và ngoài nước. Sinh viên có thể sử dụng nguồn tìm kiếm tài liệu tại:

- Thư viện Trường Đại học Tây Nguyên
- Google scholar
- https://www.researchgate.net
-https://www.google.com

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

*8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70*

*8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận*

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H2 | 10% |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 20% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 20% |
| 4 | Bài kiểm tra | Đánh giá kết quả học tập trong suốt thời gian học tập trên giảng đường và tự nghiên cứu | Phương pháp đánh giá qua chất lượng bài kiểm tra | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 10% |
| 5 | Phần thực hành | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành của sinh viên, đánh giá qua các bài kiểm tra kết quả các nội dung thực hành | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 40% |
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ sau quá trình học tập và tự nghiên cứu của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Thi tự luận/ Thi vấn đáp | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 70% |

*Ngày … tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | TS. Võ Hùng | ThS. Phan Thị Hằng |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: ĐẤT VÀ VI SINH VẬT ĐẤT RỪNG**
**Mã học phần: NL212208**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 3,0; Số tín chỉ lý thuyết: 2,5; Số tín chỉ thực hành: 0,5

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

Họ và tên: Nguyễn Hải Đăng;Số điện thoại: 0914413444;

Email: nhdang@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Đây là một môn học cơ sở cơ sở nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về nguồn gốc hình thành đất, quy luật phân bố các loại trên địa cầu, những đặc tính về hình thái, lý học, hoá học và sinh học đất cùng với phương hướng sử dụng, cải tạo và bảo vệ nhằm nâng cao độ phì đất, đặc biệt là đất rừng.

Để học tốt môn Đất và vi sinh vật rừng cần có những kiến thức của các môn học cơ bản và cơ sở khác như: Hóa học, vật lý, sinh vật, khí tượng. Các kiến thức cung cấp trong môn học này cũng có nhiều liên hệ với các môn học chuyên môn khác trong ngành lâm nghiệp.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1: Nắm được những kiến thức cơ bản nhất về đất lâm nghiệp, bao gồm cả những kiến thức đại cương về đất và kiến thức chuyên ngành về đất lâm nghiệp: quá trình hình thành, cấu tạo, tính chất, quy luật phân bố phát triển của đất rừng.

MT2: Có được những kiến thức trong sử dụng và bảo vệ đất lâm nghiệp.

MT3: Sinh viên vận dụng được những kiến thức về đất phục vụ cho việc thực hiện các biện pháp kỹ thuật cụ thể.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thành phần, cấu tạo, tính chất của đất.

H2: Hiểu biết và nhận thực được tầm quan trọng của việc sử dụng và bảo vệ đất rừng theo hướng bền vững.

H3: Phân tích những thuận lợi, khó khăn trong việc sử dụng đất rừng bền vững, từ đó đưa ra các giải pháp.

H4: Phân tích, đánh giá phẫu diện đất, các chỉ tiêu lý, hóa, tính của đất và đề xuất các giải pháp bảo vệ, nâng cao độ phì nhiêu của đất.

H5: Sinh viên tham gia lớp học đầy đủ, tích cực, nghiêm túc, có tư duy sáng tạo trong học tập. Sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, phương pháp học tập môn học và giúp đỡ bạn bè trong học tập.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | X | | | X | | | | | | | | | |
| H2 | | | X | | | | | | | X | | | | | |
| H3 | | | | | X | | | | X | | | | | | |

| Chuẩn đầu ra học phần | Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H4 | | | | | | X | | | X | X | | | | | |
| H5 | | | | | | | | | | | | X | | X | |

**4. Cấu trúc học phần**

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. KHOÁNG VẬT VÀ ĐÁ TẠO ĐẤT**<br>1.1. Khoáng vật<br>1.1.1.Khái niệm<br>1.1.2. Các quá trình hình thành khoáng vật<br>1.1.3. Tính chất chung của khoáng vật<br>1.1.4. Phân loại và mô tả khoáng vật<br>1.2. Đá tạo đất<br>1.2.1. Khái niệm<br>1.2.2. Phân loại đá tạo đất | LT:4,0 tiết<br>BT:0 tiết | [1] C1; [5] C1 |
| 2 | **Chương 2. QUÁ TRÌNH PHONG HÓA VÀ SỰ HÌNH THÀNH ĐẤT**<br>2.1. Quá trình phong hóa khoáng vật và đá<br>2.1.1. Khái niệm<br>2.1.2. Các loại phong hóa<br>2.2. Mẫu chất<br>2.2.1. Khái niệm<br>2.2.2. Đặc điểm của mẫu chất<br>2.2.3. Phân loại mẫu chất<br>2.3. Sự hình thành đất<br>2.3.1. Các nhóm nhân tố hình thành đất<br>2.3.2. Tuần hoàn vật chất và sự hình thành đất<br>2.4. Phẫu diện đất<br>2.4.1. Khái niệm<br>2.4.2. Hình thái phẫu diện đất | LT:4,0 tiết<br>BT: 0 tiết | [2]C2; [5]C5 |
| 3 | **Chương 3: SINH HỌC ĐẤT**<br>3.1. Vi sinh vật đất<br>3.1.1. Đặc điểm chung<br>3.1.2. Một số nhóm vi sinh vật chính thường gặp trong đất<br>3.2. Động vật đất<br>3.2.1. Khái niệm<br>3.2.2. Các loại động vật đất<br>3.2.3. Vai trò, đặc điểm của một số loại động vật đất<br>3.3. Mối quan hệ giữa các loại vi sinh vật trong đất<br>3.4. Các biện pháp canh tác ảnh hưởng đến vi sinh vật đất<br>3.4.1. Sự phân bố của vi sinh vật trong đất<br>3.4.2. Ảnh hưởng của biện pháp làm đất<br>3.4.3. Ảnh hưởng của biện pháp bón phân | LT:2,0 tiết<br>BT:0 tiết | [1]C3 |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 3.4.4. Ảnh hưởng của biện pháp bón vôi | | |
| 4 | **Chương 4: CHẤT HỮU CƠ VÀ MÙN TRONG ĐẤT**<br>4.1. Khái niệm chung về chất hữu cơ<br>4.2. Nguồn gốc và thành phần chất hữu cơ trong đất<br>4.2.1. Nguồn gốc chất hữu cơ<br>4.2.2. Thành phần chất hữu cơ<br>4.3. Sự chuyển hóa chất hữu cơ trong đất<br>4.3.1. Quá trình khoáng hóa xác hữu cơ<br>4.3.2. Quá trình hình thành mùn trong đất<br>4.3.3. Đặc điểm thành phần mùn<br>4.4. Đặc điểm tích lũy mùn và các loại hình mùn ở nước ta<br>4.4.1. Đặc điểm tích lũy mùn ở nước ta<br>4.4.2. Các loại hình mùn chủ yếu ở nước ta<br>4.5. Vai trò và biện pháp bảo vệ nâng cao chất hữu cơ, chất mùn trong đất<br>4.5.1. Vai trò của chất hữu cơ và chất mùn đối với độ phì đất và cây trồng<br>4.5.2. Biện pháp bảo vệ và nâng cao chất hữu cơ, chất mùn trong đất | LT:4,0 tiết<br>BT:0 tiết | [1]C4;<br>[5]C4 |
| 5 | **Chương 5. HÓA HỌC ĐẤT**<br>5.1. Thành phần hóa học và chất dinh dưỡng trong đất<br>5.1.1. Các nguyên tố đa lượng chính trong đất**Error! Bookmark not defined.**<br>5.1.2. Các nguyên tố vi lượng chính trong đất<br>5.1.3. Những nguyên tố phóng xạ trong đất<br>5.2. Keo đất và khả năng hấp phụ của đất<br>5.2.1. Keo đất<br>5.2.2. Khả năng hấp phụ của đất<br>5.2.3. Dung tích hấp phụ và độ no kiềm của đất<br>5.2.4. Vai trò của keo đất đối với đất và biện pháp tăng cường độ phì đất bằng các tác động cải thiện keo đất<br>5.3. Phản ứng dung dịch đất<br>5.3.1. Khái niệm và ý nghĩa<br>5.3.2. Nguồn gốc và thành phần của dung dịch đất<br>5.3.3. Phản ứng của dung dịch đất | LT:4,0 tiết<br>BT: 0 tiết | [1]C5;<br>[5]C4 |
| 6 | Chương 6. VẬT LÝ ĐẤT<br>6.1. Thành phần cơ giới đất<br>6.1.1. Các khái niệm<br>6.1.2. Phân loại cấp hạt cơ giới đất<br>6.1.3. Đặc điểm cơ bản của các cấp hạt cơ giới đất<br>6.1.4. Phân loại đất theo thành phần cơ giới<br>6.1.5. Thành phần cơ giới và độ phì đất<br>6.2.1. Khái niệm<br>6.2.2. Các dạng kết cấu đất<br>6.2.3. Cơ chế của sự hình thành kết cấu đất<br>6.2.4. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành kết cấu đất<br>1.1.6.2.5. Nguyên nhân dẫn đến sự phá vỡ kết cấu đất | LT:8,0 tiết<br>BT: 0 tiết | [1]C6;<br>[5]C5 |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 1.2.6.2.6. Biện pháp duy trì và cải thiện kết cấu đất<br>**6.3. Những tính chất vật lý cơ bản và cơ giới của đất**<br>1.3.6.3.1. Tính chất vật lý cơ bản của đất<br>1.4.6.3.2. Những tính chất vật lý cơ giới của đất<br>**6.4. Không khí đất**<br>1.5.6.4.1. Nguồn gốc và thành phần không khí đất<br>1.6.6.4.3. Chế độ không khí đất và biện pháp điều hòa không khí đất<br>**6.5. Nhiệt trong đất**<br>1.7.6.5.1. Các tính chất nhiệt của đất<br>1.8.6.5.2. Chế độ nhiệt của đất<br>1.9.6.5.3. Cân bằng nhiệt của đất<br>**6.6. Nước trong đất**<br>1.10. 6.6.1. Các dạng nước trong đất<br>1.11. 6.6.2. Tính chất của nước trong đất<br>1.12. 6.6.3. Cân bằng nước trong đất<br>1.13. 6.6.4. Chế độ nước trong đất<br>1.14. 6.6.5. Biện pháp điều tiết nước trong đất | | |
| 7 | 1.15. Chương 7. ĐỘ PHÌ NHIÊU CỦA ĐẤT VÀ DINH DƯỠNG CÂY TRỒNG<br>1.16. 7.1. Độ phì nhiêu của đất<br>1.17. 7.1.1. Khái niệm<br>1.18. 7.1.2. Sự phát sinh, phát triển của độ phì nhiêu đất<br>1.19. 7.1.3. Đánh giá độ phì nhiêu đất<br>1.20. 7.1.4. Biện pháp bảo vệ và nâng cao độ phì nhiêu của đất<br>1.21. 7.2. Dinh dưỡng cây trồng<br>1.22. 7.2.1. Ý nghĩa của việc bón phân<br>1.23. 7.2.2. Vai trò của các nguyên tố trong phân bón<br>1.24. 7.2.3. Phân loại và đặc điểm các loại phân bón<br>1.25. 7.2.4. Một số loại phân bón chính trong sản xuất<br>1.26. 7.2.5. Nguyên tắc và phương pháp sử dụng phân bón trong sản xuất<br>1.27. 7.2.6. Ứng dụng bón phân trong sản xuất nông lâm nghiệp | LT:2,0 tiết<br>BT: 0 tiết | [1]C7;<br>[5]C6 |
| 8 | 1.28. Chương 8. PHÂN LOẠI ĐẤT<br>1.29. 8.1. Mục đích, nhiệm vụ, nội dung phân loại đất<br>1.30. 8.1.1. Mục đích<br>1.31. 8.1.2. Nhiệm vụ<br>1.32. 8.1.3. Nội dung<br>1.33. 8.2. Tóm tắt lịch sử phân loại đất<br>1.34. 8.2.1. Phân loại đất theo phát sinh học<br>1.35. 8.2.2. Phân loại đất theo Tây Âu và Mỹ<br>1.36. 8.3. Các học thuyết tiến bộ về sự hình thành đất<br>1.37. 8.3.1. Học thuyết về các nhân tố hình thành đất<br>1.38. 8.3.2. Học thuyết về sự thống nhất trong quá trình hình thành đất<br>1.39. 8.3.3. Học thuyết về tính địa đới của đất | LT:4,0 tiết<br>BT: 0 tiết | [1]C8;<br>[5]C7 |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 1.40. 8.3.4. Sự phân bố đất theo độ cao<br>1.41. 8.3.5. Sự phân bố theo kinh độ<br>1.42. 8.4. Một số hệ thống phân loại đất hiện đại<br>1.43. 8.4.1. Hệ thống phân loại đất của Liên Xô (cũ)<br>1.44. 8.4.2. Hệ thống phân loại đất của Mỹ (Soil Taxonomy)<br>1.45. 8.4.3. Hệ thống phân loại đất của FAO – UNESCO<br>1.46. 8.5. Phân hạng đất đai<br>1.47. 8.6. Phân loại đất Việt Nam<br>1.48. 8.6.1. Những vấn đề cơ bản về phân loại đất Việt Nam<br>1.49. 8.6.2. Một số bảng phân loại đất<br>1.50. 8.6.3. Nguyên tắc phân loại đất rừng Việt nam | | |
| 9 | 1.51. Chương 9. ĐẶC ĐIỂM VÀ TÍNH CHẤT CƠ BẢN CỦA ĐẤT RỪNG VIỆT NAM<br>1.52. 9.1. Các nhân tố hình thành đất Việt Nam<br>1.53. 9.1.1. Vị trí địa lý<br>1.54. 9.1.2. Địa hình<br>1.55. 9.1.3. Khí hậu<br>1.56. 9.1.4. Thực vật rừng<br>1.57. 9.1.5. Thời gian<br>1.58. 9.1.6. Hoạt động sản xuất của con người liên quan đến hình thành và biến đổi đất ở nước ta<br>1.59. 9.2. Khái quát những đặc điểm và tính chất chung của đất rừng Việt Nam<br>1.60. 9.3. Các quá trình hình thành đất ở Việt Nam<br>1.61. 9.3.1. Quá trình feralit<br>1.62. 9.3.2. Quá trình hình thành kết von, đá ong<br>1.63. 9.3.3. Quá trình hình thành mùn<br>1.64. 9.3.4. Quá trình xói mòn, rửa trôi<br>1.65. 9.3.5. Quá trình bồi tụ<br>1.66. 9.3.6. Quá trình glây<br>1.67. 9.3.7. Quá trình mặn hóa<br>1.68. 9.4. Các nhóm đất chính ở Việt Nam<br>1.69. 9.4.1. Đất feralit (đất đỏ vàng nhiệt đới ẩm) – Ferralsols (FR)<br>1.70. bazan – Gleyic Luvisols (LVg)<br>1.71. 9.4.4. Đất phù sa (P) – Fluvisols (FL)<br>1.72. 9.4.5. Đất ngập mặn ven biển (M) – Salic Fluvisols (FLS)<br>1.73. 9.4.6. Đất phèn (S) – Thionic Fluvisols (FLt)<br>1.74. 9.4.7. Đất cát và đất cát ven biển – Arenosols (AR)<br>1.75. B. Lớp đất phụ Á nhiệt đới vùng núi<br>1.76. 9.4.8. Đất vàng alit trên núi (đất mùn vàng đỏ trên núi) – Haplic Alisols<br>1.77. 9.4.9. Đất vàng alit núi cao (đất mùn alit trên núi cao) – Humic Alisols<br>1.78. 9.4.10. Đất vàng alit nhiều mùn bị glây trên núi cao – Humic Gleyic Alisols | LT:4,0 tiết<br>BT 0 tiết | [1]C9<br>[5]C8 |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 1.79. 9.4.11. Đất vàng alit potzon hóa trên núi cao – Dystric Podzolic Alisols<br>1.80. C. Đất xói mòn trơ xỏi đá – Leptosols | | |
| 10 | 1.81. Chương 10. ĐIỀU TRA ĐẤT<br>1.82. 10.1. Nhiệm vụ và nội dung điều tra đất<br>1.83. 10.1.1. Nhiệm vụ của công tác điều tra đất<br>1.84. 10.1.2. Nội dung và các bước tiến hành điều tra đất<br>1.85. 10.2. Nội dung kỹ thuật trong các bước tiến hành điều tra đất<br>1.86. 10.2.1. Chọn bản đồ địa hình<br>1.87. 13.2.2. Tuyến điều tra đất<br>1.88. 10.2.3. Mạng lưới phẫu diện<br>1.89. 10.2.4. Các loại phẫu diện đất<br>1.90. 10.2.5. Mô tả phẫu diện đất<br>1.91. 10.2.6. Lấy mẫu đất<br>1.92. 10.2.7. Phân tích đất trong phòng thí nghiệm<br>1.93. 10.2.8. Xây dựng bảng phân loại đất, đặt tên đất<br>1.94. 10.2.9. Khoanh vẽ ranh giới đất<br>1.95. 10.2.10. Vẽ bản đồ đất<br>1.96. 10.2.11. Báo cáo kết quả điều tra đất | LT:2,0 tiết<br>BT: 0 tiết | [1]C10<br>[5]C9 |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 1/4 | **Chương 1. KHOÁNG VẬT VÀ ĐÁ TẠO ĐẤT**<br>1.1. Khoáng vật<br>1.1.1.Khái niệm<br>1.1.2. Các quá trình hình thành khoáng vật<br>1.1.3. Tính chất chung của khoáng vật<br>1.1.4. Phân loại và mô tả khoáng vật<br>1.2. Đá tạo đất<br>1.2.1. Khái niệm<br>1.2.2. Phân loại đá tạo đất | H1,H2 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, lớp, PP gợi mở-vấn đáp...<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>-Thực hành: Nhận biết một số loại khoáng vật và đá điển hình<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi<br>**Địa điểm học:** | - Bài thực hành tại phòng thí nghiệm |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | | - Giảng đường<br>- Phòng thí nghiệm | |
| 2/4 | **Chương 2. QUÁ TRÌNH PHONG HÓA VÀ SỰ HÌNH THÀNH ĐẤT**<br>2.1. Quá trình phong hóa khoáng vật và đá<br>2.1.1. Khái niệm<br>2.1.2. Các loại phong hóa<br>2.2. Mẫu chất<br>2.2.1. Khái niệm<br>2.2.2. Đặc điểm của mẫu chất<br>2.2.3. Phân loại mẫu chất<br>2.3. Sự hình thành đất<br>2.3.1. Các nhóm nhân tố hình thành đất<br>2.3.2. Tuần hoàn vật chất và sự hình thành đất<br>2.4. Phẫu diện đất<br>2.4.1. Khái niệm<br>2.4.2. Hình thái phẫu diện đất | H1 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, lớp, PP gợi mở-vấn đáp...<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | |
| 3/2 | **Chương 3: SINH HỌC ĐẤT**<br>3.1. Vi sinh vật đất<br>3.1.1. Đặc điểm chung<br>3.1.2. Một số nhóm vi sinh vật chính thường gặp trong đất<br>3.2. Động vật đất<br>3.2.1. Khái niệm<br>3.2.2. Các loại động vật đất<br>3.2.3. Vai trò, đặc điểm của một số loại động vật đất<br>3.3. Mối quan hệ giữa các loại vi sinh vật trong đất<br>3.4. Các biện pháp canh tác ảnh hưởng đến vi sinh vật đất<br>3.4.1. Sự phân bố của vi sinh vật trong đất<br>3.4.2. Ảnh hưởng của biện pháp làm đất<br>3.4.3. Ảnh hưởng của biện pháp bón phân<br>3.4.4. Ảnh hưởng của biện pháp bón vôi | H1 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, lớp, PP gợi mở-vấn đáp...<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | |
| 3/2 và 4/2 | **Chương 4: CHẤT HỮU CƠ VÀ MÙN TRONG ĐẤT**<br>4.1. Khái niệm chung về chất hữu cơ<br>4.2. Nguồn gốc và thành phần chất hữu cơ trong đất<br>4.2.1. Nguồn gốc chất hữu cơ<br>4.2.2. Thành phần chất hữu cơ | H1,H2,H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, lớp, PP gợi mở-vấn đáp...<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** | - Bài thực hành tại phòng thí nghiệm |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 4.3. Sự chuyển hóa chất hữu cơ trong đất<br>4.3.1. Quá trình khoáng hóa xác hữu cơ<br>4.3.2. Quá trình hình thành mùn trong đất<br>4.3.3. Đặc điểm thành phần mùn<br>4.4. Đặc điểm tích lũy mùn và các loại hình mùn ở nước ta<br>4.4.1. Đặc điểm tích lũy mùn ở nước ta<br>4.4.2. Các loại hình mùn chủ yếu ở nước ta<br>4.5. Vai trò và biện pháp bảo vệ nâng cao chất hữu cơ, chất mùn trong đất<br>4.5.1. Vai trò của chất hữu cơ và chất mùn đối với độ phì đất và cây trồng<br>4.5.2. Biện pháp bảo vệ và nâng cao chất hữu cơ, chất mùn trong đất | | - Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận<br>- Thực hành: Xác định hàm lượng mùn trong đất<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | |
| 4/2 và 5/2 | **Chương 5. HÓA HỌC ĐẤT**<br>5.1. Thành phần hóa học và chất dinh dưỡng trong đất<br>5.1.1. Các nguyên tố đa lượng chính trong đất **Error! Bookmark not defined.**<br>5.1.2. Các nguyên tố vi lượng chính trong đất<br>5.1.3. Những nguyên tố phóng xạ trong đất<br>5.2. Keo đất và khả năng hấp phụ của đất<br>5.2.1. Keo đất<br>5.2.2. Khả năng hấp phụ của đất<br>5.2.3. Dung tích hấp phụ và độ no kiềm của đất<br>5.2.3.1. Dung tích hấp phụ (T)<br>5.2.4. Vai trò của keo đất đối với đất và biện pháp tăng cường độ phì đất bằng các tác động cải thiện keo đất<br>5.3. Phản ứng dung dịch đất<br>5.3.1. Khái niệm và ý nghĩa<br>5.3.2. Nguồn gốc và thành phần của dung dịch đất<br>5.3.3. Phản ứng của dung dịch đất | H1 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, lớp, PP gợi mở-vấn đáp...<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận<br>- Thực hành: Xác định các loại độ chua trong đất<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | Bài thực hành tại phòng thí nghiệm |
| 5/2, 6/4 và 7/2 | Chương 6. VẬT LÝ ĐẤT<br>6.1. Thành phần cơ giới đất<br>6.1.1. Các khái niệm<br>6.1.2. Phân loại cấp hạt cơ giới đất<br>6.1.3. Đặc điểm cơ bản của các cấp hạt cơ giới đất<br>6.1.4. Phân loại đất theo thành phần cơ giới | H1,H2 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, lớp, PP gợi mở-vấn đáp...<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 6.1.5. Thành phần cơ giới và độ phì đất<br>6.2. Kết cấu đất<br>6.2.1. Khái niệm<br>6.2.2. Các dạng kết cấu đất<br>6.2.3. Cơ chế của sự hình thành kết cấu đất<br>6.2.4. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành kết cấu đất<br>6.2.5. Nguyên nhân dẫn đến sự phá vỡ kết cấu đất<br>6.2.6. Biện pháp duy trì và cải thiện kết cấu đất<br>6.3. Những tính chất vật lý cơ bản và cơ giới của đất<br>6.3.1. Tính chất vật lý cơ bản của đất<br>6.3.2. Những tính chất vật lý cơ giới của đất<br>6.4. Không khí đất<br>6.4.1. Nguồn gốc và thành phần không khí đất<br>6.4.2. Tính chất không khí đất<br>6.4.3. Chế độ không khí đất và biện pháp điều hòa không khí đất<br>6.5. Nhiệt trong đất<br>6.5.1. Các tính chất nhiệt của đất<br>6.5.2. Chế độ nhiệt của đất<br>6.5.3. Cân bằng nhiệt của đất<br>6.6. Nước trong đất<br>6.6.1. Các dạng nước trong đất<br>6.6.2. Tính chất của nước trong đất<br>6.6.3. Cân bằng nước trong đất<br>6.6.4. Chế độ nước trong đất<br>6.6.5. Biện pháp điều tiết nước trong đất | | - Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | |
| 7/2 | Chương 7. ĐỘ PHÌ NHIÊU CỦA ĐẤT VÀ DINH DƯỠNG CÂY TRỒNG<br>7.1. Độ phì nhiêu của đất<br>7.1.1. Khái niệm<br>7.1.2. Sự phát sinh, phát triển của độ phì nhiêu đất<br>7.1.3. Đánh giá độ phì nhiêu đất<br>7.1.4. Biện pháp bảo vệ và nâng cao độ phì nhiêu của đất<br>7.2. Dinh dưỡng cây trồng<br>7.2.1. Ý nghĩa của việc bón phân<br>7.2.2. Vai trò của các nguyên tố trong phân bón<br>7.2.3. Phân loại và đặc điểm các loại phân bón | H1,H2,H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, lớp, PP gợi mở-vấn đáp...<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 7.2.4. Một số loại phân bón chính trong sản xuất<br>7.2.5. Nguyên tắc và phương pháp sử dụng phân bón trong sản xuất<br>7.2.6. Ứng dụng bón phân trong sản xuất nông lâm nghiệp | | Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | |
| 8/4 | Chương 8. PHÂN LOẠI ĐẤT<br>8.1. Mục đích, nhiệm vụ, nội dung phân loại đất<br>8.1.1. Mục đích<br>8.1.2. Nhiệm vụ<br>8.1.3. Nội dung<br>8.2. Tóm tắt lịch sử phân loại đất<br>8.2.1. Phân loại đất theo phát sinh học<br>8.2.2. Phân loại đất theo Tây Âu và Mỹ<br>8.3. Các học thuyết tiến bộ về sự hình thành đất<br>8.3.1. Học thuyết về các nhân tố hình thành đất<br>8.3.2. Học thuyết về sự thống nhất trong quá trình hình thành đất<br>8.3.3. Học thuyết về tính địa đới của đất<br>8.3.4. Sự phân bố đất theo độ cao<br>8.3.5. Sự phân bố theo kinh độ<br>8.4. Một số hệ thống phân loại đất hiện đại<br>8.4.1. Hệ thống phân loại đất của Liên Xô (cũ)<br>8.4.2. Hệ thống phân loại đất của Mỹ (Soil Taxonomy)<br>8.4.3. Hệ thống phân loại đất của FAO – UNESCO<br>8.5. Phân hạng đất đai<br>8.6. Phân loại đất Việt Nam<br>8.6.1. Những vấn đề cơ bản về phân loại đất Việt Nam<br>8.6.2. Một số bảng phân loại đất<br>8.6.3. Nguyên tắc phân loại đất rừng Việt nam | H2 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, lớp, PP gợi mở-vấn đáp...<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | |
| 9/4 | Chương 9. ĐẶC ĐIỂM VÀ TÍNH CHẤT CƠ BẢN CỦA ĐẤT RỪNG VIỆT NAM<br>9.1. Các nhân tố hình thành đất Việt Nam<br>9.1.1. Vị trí địa lý<br>9.1.2. Địa hình<br>9.1.3. Khí hậu<br>9.1.4. Thực vật rừng<br>9.1.5. Thời gian | H1, H2 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, lớp, PP gợi mở-vấn đáp...<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 9.1.6. Hoạt động sản xuất của con người liên quan đến hình thành và biến đổi đất ở nước ta**Error! Bookmark not defined.**<br>9.2. Khái quát những đặc điểm và tính chất chung của đất rừng Việt Nam<br>9.3. Các quá trình hình thành đất ở Việt Nam<br>9.3.1. Quá trình feralit<br>9.3.2. Quá trình hình thành kết von, đá ong<br>9.3.3. Quá trình hình thành mùn<br>9.3.4. Quá trình xói mòn, rửa trôi<br>9.3.5. Quá trình bồi tụ<br>9.3.6. Quá trình glây<br>9.3.7. Quá trình mặn hóa<br>9.4. Các nhóm đất chính ở Việt Nam<br>9.4.1. Đất feralit (đất đỏ vàng nhiệt đới ẩm) – Ferralsols (FR)<br>9.4.1.1. Đất nâu đỏ (Fd) – Rhodic Ferralsols (FRr)<br>9.4.4. Đất phù sa (P) – Fluvisols (FL)<br>9.4.5. Đất ngập mặn ven biển (M) – Salic Fluvisols (FLS)<br>9.4.6. Đất phèn (S) – Thionic Fluvisols (FLt)<br>9.4.7. Đất cát và đất cát ven biển – Arenosols (AR)<br>B. Lớp đất phụ Á nhiệt đới vùng núi<br>9.4.8. Đất vàng alit trên núi (đất mùn vàng đỏ trên núi) – Haplic Alisols<br>9.4.9. Đất vàng alit núi cao (đất mùn alit trên núi cao) – Humic Alisols<br>9.4.10. Đất vàng alit nhiều mùn bị glây trên núi cao – Humic Gleyic Alisols<br>9.4.11. Đất vàng alit potzon hóa trên núi cao – Dystric Podzolic Alisols<br>C. Đất xói mòn trơ xỏi đá – Leptosols | | - Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | |
| 10/2 | Chương 10. ĐIỀU TRA ĐẤT<br>10.1. Nhiệm vụ và nội dung điều tra đất<br>10.1.1. Nhiệm vụ của công tác điều tra đất<br>10.1.2. Nội dung và các bước tiến hành điều tra đất<br>10.2. Nội dung kỹ thuật trong các bước tiến hành điều tra đất<br>10.2.1. Chọn bản đồ địa hình<br>13.2.2. Tuyến điều tra đất | H1, H2 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, lớp, PP gợi mở-vấn đáp...<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 10.2.3. Mạng lưới phẫu diện<br>10.2.4. Các loại phẫu diện đất<br>10.2.5. Mô tả phẫu diện đất<br>10.2.6. Lấy mẫu đất<br>10.2.7. Phân tích đất trong phòng thí nghiệm<br>10.2.8. Xây dựng bảng phân loại đất, đặt tên đất<br>10.2.9. Khoanh vẽ ranh giới đất<br>10.2.10. Vẽ bản đồ đất<br>10.2.11. Báo cáo kết quả điều tra đất | | - Thảo luận<br>- Thực hành: Xác định các loại độ chua trong đất<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1]. Nguyễn Hải Đăng (2020), *Bài giảng Đất và vi sinh vật rừng*, ĐHTN – Lưu hành nội bộ

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2]. Trần Văn Chính và ntg (2006), *Giáo trình Thổ Nhưỡng học*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

[3]. Lê Đức, Trần Khắc Hiệp (2005), *Giáo trình Đất và bảo vệ đất*, NXB Hà Nội.

[4]. Lê Văn Khoa, (2003), *Đất và môi trường*, NXB Bộ giáo dục và đào tạo.

[5]. Đặng Văn Minh, Nguyễn Thế Đặng, Dương Thanh Hà, Hoàng Hải, Đỗ Thị Lan, (2006), *Giáo trình Đất lâm nghiệp*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)*

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần:

+ Bài 1: Nhận biết một số loại khoáng vật điển hình trong phòng thí nghiệm

+ Bài 2: Phân tích hàm lượng mùn trong đất theo phương pháp Chiurin

+ Bài 3: Xác định độ chua trao đổi (phương pháp Xôkôlop) và độ chua thủy phân (phương pháp Kapen)

+ Bài 4: Xác định hàm lượng $Ca^{2+}$, $Mg^{2+}$ trao đổi theo phương pháp Trilon B.

- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành:

+ Sinh viên hoàn thành 100% giờ thực hành và các bài thực hành

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

*7.4. Phần khác (nếu có):*

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

(Trọng số điểm bộ phận <=30%; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ | H1<br>H2<br>(Liệt kê các chuẩn đầu ra | 20% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | được đánh giá) | |
| 2 | Bài thực hành | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra. | H1<br>H2<br>(Liệt kê các chuẩn đầu ra được đánh giá) | 40% |
| 5 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận trên lớp | H1<br>H2<br>(Liệt kê các chuẩn đầu ra được đánh giá) | 40% |
| Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | | | | 100% |

* Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể có đầy đủ các hình thức đánh giá trên, hoặc có thể thêm hay bớt cho phù hợp, nhưng đảm bảo tổng tỷ lệ điểm bộ phận là 100%. Việc đánh giá điểm bộ phận gồm các thành phần và tỷ lệ tương ứng như công bố, (kết quả điểm bộ phận × trọng số điểm bộ phận+điểm thi × trọng số thi)/100= kết quả học phần.

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: thi tự luận | H1<br>H2 | 70% |

*Ngày ..... tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | TS. Trần Ngọc Duyên | ThS. Nguyễn Hải Đăng |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: PHÂN BÓN LÂM NGHIỆP**
**Mã học phần: NL213799**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 1,0; Số tín chỉ lý thuyết: 1,0 ; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học song hành: Đất và vi sinh vật đất rừng

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

Họ và tên: Nguyễn Hải Đăng;Số điện thoại: 0914413444;

Email: nhdang@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Môn học Phân bón lâm nghiệp cung cấp cho sinh viên những kiến thức về lĩnh vực phân bón, các loại phân bón và kỹ thuật sử dụng, cách xây dựng quy trình bón phân, các định luật phân bón.

Bên cạnh đó môn học còn nghiên cứu về mối quan hệ giữa đất – cây trồng và phân bón, từ đó tim ra các biện pháp hữu hiệu tác động lên nó, ứng dụng phân bón trong lâm nghiệp.

Để học tốt môn học Phân bón lâm nghiệp sinh viên cần có những kiến thức nhất định về đất và vi sinh vật đất rừng, thực vật, vi sinh vật, sinh lý, toán, lý và nhất là hoá học.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1: Sinh viên nắm được các kiến thức về các loại phân bón, nhu cầu dinh dưỡng cây trồng.

MT2: Có được kiến thức về sử dụng các loại phân bón

MT3: Hiểu biết được khả năng cung cấp các loại dinh dưỡng của phân bón cho cây trồng, cách thức xây dựng quy trình bón phân nhằm ứng dụng trong sản xuất lâm nghiệp

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các loại phân bón, tính toán được nhu cầu phân bón cho cây trồng.

H2: Xác định được nhu cầu phân bón của cây trồng và xây dựng quy trình bón phân

H3: Từ kiến thức đã học liên hệ được thực tiễn, áp dụng vào quá trình sản xuất lâm nghi

H4: Sinh viên tham gia lớp học đầy đủ, tích cực, nghiêm túc, có tư duy sáng tạo trong học tập. Sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, phương pháp học tập môn học và giúp đỡ bạn bè trong học tập.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| CĐR HP | Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | x | | | | | | | | | | | | |
| H2 | | | x | | | | | | x | | | | | | |
| H3 | | | x | | | | | | x | | | | | | |
| H4 | | | | | | | | | | | | | | | x |

**4. Cấu trúc học phần**

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. ĐẠI CƯƠNG VỀ NÔNG HÓA HỌC**<br>1.1. ĐẠI CƯƠNG<br>1.1.1. Định nghĩa về nông hóa học<br>1.1.2. Đối tượng nghiên cứu<br>1.1.3. Nhiệm vụ của nông hóa học<br>1.1.4. Tính chất của nông hóa học<br>1.1.5. Phương pháp nghiên cứu nông hóa học<br>1.2. VAI TRÒ CỦA PHÂN BÓN TRONG SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP<br>1.2.1. Định nghĩa phân bón<br>1.2.2. Vai trò của phân bón trong sản xuất lâm nghiệp | LT:1,0 tiết<br>BT:0 tiết | [4] C1 |
| 2 | **Chương 2. PHÂN KHOÁNG VÀ CÁCH SỬ DỤNG**<br>2.1. PHÂN ĐẠM<br>2.1.1.Đạm trong cây và vai trò của đạm đối với đời sống cây trồng<br>2.1.2. Đạm trong đất và sự chuyển hóa đạm trong đất<br>2.1.3. Vấn đề cân bằng đạm trong đất<br>2.1.4. Một số loại phân đạm thông dụng<br>2.1.5. Những vấn đề cần chú ý khi sử dụng phân đạm<br>2.2. PHÂN LÂN<br>2.2.1. Lân trong cây và vai trò của lân đối với đời sống cây trồng<br>2.2.2. Lân trong đất và sự chuyển hóa lân trong đất<br>2.3. PHÂN KALI<br>2.3.1. Kali trong cây va vai trò của kali đối với đời sống cây trồng<br>2.3.2. Kali trong đất và sự chuyển hóa kali trong đất<br>2.3.3. Một số loại phân kali và cách sử dụng<br>2.3.4. Một số loại phân kali và cách sử dụng<br>2.3.5. Kỹ thuật bón phân kali<br>2.4. PHÂN ĐA NGUYÊN TỐ<br>2.4.1. Ý nghĩa của việc sản xuất phân đa nguyên tố<br>2.4.2. Sự cần thiết phải có phân đa nguyên tố trong sản xuất<br>2.4.3. Phân đa nguyên tố<br>2.4.4. Những điểm cần chú ý khi sử dụng phân đa nguyên tố | LT:6,0 tiết<br>BT: 0 tiết | [4] C2, C3, C7 |
| 3 | **Chương 3. PHÂN HỮU CƠ**<br>3.1. PHÂN CHUỒNG VÀ NƯỚC GIẢI GIA SÚC<br>3.1.1. Định nghĩa<br>3.1.2. Đặc điểm, thành phần, tính chất của phân chuồng<br>3.1.3. Tác dụng của ủ phân và phương pháp ủ<br>3.1.4. Cách tính lượng phân chuồng sản xuất được<br>3.1.5. Kỹ thuật sử dụng phân chuồng<br>3.1.6. Nước giải gia súc<br>3.2. PHÂN XANH<br>3.2.1. Đại cương về phân xanh<br>3.2.2. Tác dụng của phân xanh trong sản xuất nông nghiệp<br>3.2.3. Tiêu chuẩn để chọn cây phân xanh tốt | LT:5,0 tiết<br>BT: 0 tiết | [4]C8, C9 |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 3.2.4. Một số cây phân xanh chủ yếu<br>3.2.5. Kỹ thuật sử dụng cây phân xanh | | |
| 4 | **Chương 4. ỨNG DỤNG PHÂN BÓN TRONG SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP**<br>4.1. ĐỊNH NGHĨA<br>4.2. Ý NGHĨA VÀ MỤC ĐÍCH<br>4.3 NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN KHẢO SÁT KHI XÂY DỰNG QUY TRÌNH BÓN PHÂN<br>4.3.1. Đặc tính sinh lý cây trồng<br>4.3.2. Tính chất của đất<br>4.3.3. Điều kiện khí hậu và chế độ bón<br>4.3.4. Ảnh hưởng của luân canh đến hiệu lực của phân bón<br>4.3.5. Kỹ thuật trồng trọt và chế độ bón<br>4.3.6. Chế độ tưới và việc xây dựng quy trình bón<br>4.3.7. Tính chất của các loại phân bón và phương pháp bón đến việc xây dựng quy trình bón<br>4.4. CÁCH ĐINH LƯỢNG BÓN<br>4.5. TÍNH TOÁN KINH TẾ KHI XÂY DỰNG QUY TRÌNH BÓN | LT:3,0 tiết<br>BT: 0 tiết | [4]C10 |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Buổi học/số tiết: 1/1 | **Chương 1. ĐẠI CƯƠNG VỀ NÔNG HÓA HỌC**<br>1.1. ĐẠI CƯƠNG<br>1.1.1. Định nghĩa về nông hóa học<br>1.1.2. Đối tượng nghiên cứu<br>1.1.3. Nhiệm vụ của nông hóa học<br>1.1.4. Tính chất của nông hóa học<br>1.1.5. Phương pháp nghiên cứu nông hóa học<br>1.2. VAI TRÒ CỦA PHÂN BÓN TRONG SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP<br>1.2.1. Định nghĩa phân bón<br>1.2.2. Vai trò của phân bón trong sản xuất lâm nghiệp | H1 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, lớp, PP gợi mở-vấn đáp...<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu Ghi chép,<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | |
| 1/3 và 2/3 | **Chương 2. PHÂN KHOÁNG VÀ CÁCH SỬ DỤNG**<br>2.1. PHÂN ĐẠM<br>2.1.1.Đạm trong cây và vai trò của đạm đối với đời sống cây trồng<br>2.1.2. Đạm trong đất và sự chuyển hóa đạm trong đất | H1,H2,H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, lớp, PP gợi mở-vấn đáp...<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 2.1.3. Vấn đề cân bằng đạm trong đất<br>2.1.4. Một số loại phân đạm thông dụng<br>2.1.5. Những vấn đề cần chú ý khi sử dụng phân đạm<br>2.2. PHÂN LÂN<br>2.2.1. Lân trong cây và vai trò của lân đối với đời sống cây trồng<br>2.2.2. Lân trong đất và sự chuyển hóa lân trong đất<br>2.3. PHÂN KALI<br>2.3.1. Kali trong cây va vai trò của kali đối với đời sống cây trồng<br>2.3.2. Kali trong đất và sự chuyển hóa kali trong đất<br>2.3.3. Một số loại phân kali và cách sử dụng<br>2.3.4. Một số loại phân kali và cách sử dụng<br>2.3.5. Kỹ thuật bón phân kali<br>2.4. PHÂN ĐA NGUYÊN TỐ<br>2.4.1. Ý nghĩa của việc sản xuất phân đa nguyên tố<br>2.4.2. Sự cần thiết phải có phân đa nguyên tố trong sản xuất<br>2.4.3. Phân đa nguyên tố<br>2.4.4. Những điểm cần chú ý khi sử dụng phân đa nguyên tố | | - Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu Ghi chép,<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | |
| 2/1 và 3/3; 4/1 | **Chương 3. PHÂN HỮU CƠ**<br>3.1. PHÂN CHUỒNG VÀ NƯỚC GIẢI GIA SÚC<br>3.1.1. Định nghĩa<br>3.1.2. Đặc điểm, thành phần, tính chất của phân chuồng<br>3.1.3. Tác dụng của ủ phân và phương pháp ủ<br>3.1.4. Cách tính lượng phân chuồng sản xuất được<br>3.1.5. Kỹ thuật sử dụng phân chuồng<br>3.1.6. Nước giải gia súc<br>3.2. PHÂN XANH<br>3.2.1. Đại cương về phân xanh<br>3.2.2. Tác dụng của phân xanh trong sản xuất nông nghiệp<br>3.2.3. Tiêu chuẩn để chọn cây phân xanh tốt | H1, H2 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, lớp, PP gợi mở-vấn đáp...<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu Ghi chép,<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 3.2.4. Một số cây phân xanh chủ yếu<br>3.2.5. Kỹ thuật sử dụng cây phân xanh | | | |
| 4/3 | **Chương 4. ỨNG DỤNG PHÂN BÓN TRONG SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP**<br>4.1. ĐỊNH NGHĨA<br>4.2. Ý NGHĨA VÀ MỤC ĐÍCH<br>4.3 NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN KHẢO SÁT KHI XÂY DỰNG QUY TRÌNH BÓN PHÂN<br>4.3.1. Đặc tính sinh lý cây trồng<br>4.3.2. Tính chất của đất<br>4.3.3. Điều kiện khí hậu và chế độ bón<br>4.3.4. Ảnh hưởng của luân canh đến hiệu lực của phân bón<br>4.3.5. Kỹ thuật trồng trọt và chế độ bón<br>4.3.6. Chế độ tưới và việc xây dựng quy trình bón<br>4.3.7. Tính chất của các loại phân bón và phương pháp bón đến việc xây dựng quy trình bón<br>4.4. CÁCH ĐINH LƯỢNG BÓN<br>4.5. TÍNH TOÁN KINH TẾ KHI XÂY DỰNG QUY TRÌNH BÓN | H1,H2,H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, lớp, PP gợi mở-vấn đáp...<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2]. TS. Nguyễn Như Hà (2006), Giáo trình bón phân cho cây trồng – NXB Nông nghiệp

[3]. Hiệp hội phân bón quốc tế (1998). Cẩm nang sử dụng phân bón- Trung tâm thông tin khoa học kỹ thuật hóa chất.

[4]. ThS. Nguyễn Kim Phụng (2019). Bài giảng Nông hóa học- Tài liệu lưu hành nội bộ- Trường Đại học Tây Nguyên.

[5]. PGS.PTS. Vũ Hữu Yêm (1995) Giáo trình phân bón và cách bón phân nhà xuất bản nông nghiệp

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)*

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần:

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

*7.4. Phần khác (nếu có):*

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

(Trọng số điểm bộ phận <=30%; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H5 | 60% |
| 2 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận trên lớp | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 40% |
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

* Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể có đầy đủ các hình thức đánh giá trên, hoặc có thể thêm hay bớt cho phù hợp, nhưng đảm bảo tổng tỷ lệ điểm bộ phận là 100%. Việc đánh giá điểm bộ phận gồm các thành phần và tỷ lệ tương ứng như công bố, (kết quả điểm bộ phận × trọng số điểm bộ phận+điểm thi × trọng số thi)/100= kết quả học phần.

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: thi tự luận | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 70% |

| | | |
|---|---|---|
| **Trưởng khoa**<br>**Nông lâm nghiệp** | **Trưởng Bộ môn**<br>**Lâm sinh** | *Ngày 14 tháng 5 năm 2020*<br>**Người biên soạn** |
| | | **ThS. Nguyễn Hải Đăng** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: BẢN ĐỒ VÀ ĐO ĐẠC LÂM NGHIỆP**
**Mã học phần: NL212713**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1.5; Số tín chỉ thực hành: 0.5
Loại môn học: Bắt buộc
Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương
Số điện thoại: 0914141188; nguyenthithanhhuong@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Bản đồ và Đo đạc Lâm nghiệp (Map and Geodesy in Forestry) đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Lâm nghiệp và Quản lý tài nguyên. Đây là môn học cơ sở của chuyên ngành QLTNR và Lâm sinh, có liên quan chặt chẽ đến các môn học khác như Kỹ thuật lâm sinh, Trồng rừng, điều tra rừng, Viễn thám và GIS trong QLTNR, LSNG, NLKH.

Bản đồ và Đo đạc Lâm nghiệp là một trong các nhóm trắc địa chuyên ngành. Nội dung môn học gồm các phần chính: Giới thiệu các kiến thức cơ bản về hình dạng và kích thước của Trái đất; ảnh hưởng đến yếu tố đo đạc khi xem Trái đất là mặt phẳng; các phép chiếu và tọa độ thông dụng ở Việt nam; sử dụng bản đồ trong Lâm nghiệp; lý thuyết về sai số trong đo đạc; nguyên lý và phương pháp đo các yếu tố cơ bản trong đo đạc; kỹ thuật xây dựng một số lưới khống chế đo vẽ thông dụng; và cách sử dụng hệ thống định vị toàn cầu (GPS);

Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức, tư duy và khả năng định lượng về không gian tự nhiên hay nhân tạo trên bề mặt trái đất hỗ trợ cho hoạt động bảo tồn và phát triển tài nguyên rừng; giúp sinh viên có kỹ năng nhận biết địa hình, sử dụng bản đồ và thiết bị định vị không gian trong hoạt động hiện trường điều tra tài nguyên rừng. Sử dụng được một số máy móc, thiết bị đo đạc chuyên dụng và phổ biến; có khả năng huy động sự tham gia của tập thể, điều phối các hoạt động chung trong quá trình làm việc; sáng tạo trong quá trình thực hiện công việc được giao; Có khả năng tự định hướng và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1: Sinh viên có kiến thức, tư duy và khả năng định lượng về không gian tự nhiên hay nhân tạo trên bề mặt trái đất

MT2: Sinh viên có khả năng sử dụng các biện pháp xử lý sai số trong đo đạc

MT3: Sinh viên có khả năng sử dụng các công cụ đo đạc trong lâm nghiệp để đo vẽ diện tích, sử dụng bản đồ trên thực địa và trong phòng

MT4: Xác định rõ về vai trò của độ chính xác trong tạo lập dữ liệu đo đạc phục vụ công tác quản lý giám sát, bảo tồn rừng.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1: Kiến thức cơ bản về bản đồ: các phép chiếu bản đồ và những ảnh hưởng đến đo đạc; xác định được danh pháp và tỷ lệ của bản đồ; vận dụng kiến thức để định lượng không gian trong mức chính xác cho phép trong quá trình điều tra, giám sát rừng và phát triển rừng trên thực địa cũng như trên bản đồ.

H2: Sử dụng bản đồ trong phòng và ngoài trời để quản lý, điều tra, thiết kế phát triển tài nguyên rừng.

H3: Xác định các loại sai số và các phương pháp đánh giá độ chính xác trong đo đạc; vận dụng để đánh giá chất lượng đo đạc, điều tra; nâng cao trách nhiệm trong quá trình điều tra, giám sát, thiết kế...

H4: Nguyên lý và các phương pháp đo cao, đo chiều dài, đo góc. Sử dụng các công cụ khác nhau để ứng dụng trong điều tra, giám sát, thiết kế liên quan đến không gian.

H5: Sử dụng các kiến thức bản đồ và đo đạc để tổ chức các hoạt động sản xuất lâm nghiệp một cách có trách nhiệm.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | x | | | x | | | | | | | | | |
| H2 | | | x | | | x | | | | | | | | | x |
| H3 | | | x | | | x | | | | | | | | | x |
| H4 | | | x | | | x | | | | | | | | | x |
| H5 | | | x | | | x | | | x | | | | | | x |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1: Quả đất và cách biểu thị mặt đất**<br>1.1. Hình dạng và kích thước quả đất<br>1.2. Bình đồ, bản đồ và mặt cắt<br>1.3. Các hệ tọa độ (hệ tọa độ UTM, Vn2000,…) và độ cao<br>1.4. Biểu diễn địa hình và địa vật trên bản đồ - bình đồ<br>1.5. Chia mảnh và đánh số bản đồ | LT: 08 tiết<br>TH: 0 tiết | [1]2] |
| 2 | **Chương 2: Sử dụng bản đồ trong phòng và ngoài trời**<br>2.1 Sử dụng bản đồ trong phòng<br>2.2 Sử dụng bản đồ ngoài trời | LT: 04 tiết<br>TH:03 tiết | [1],[2] |
| 3 | **Chương 3: Những kiến thức cơ bản về sai số trong đo đạc**<br>3.1 Khái niệm chung về đo đạc<br>3.2 Khái niệm về sai số<br>3.3 Các loại sai số và đặc tính của nó<br>3.4 Các phương pháp đánh giá độ chính xác | LT: 04 tiết<br>TH:0 tiết | [1],[2] |
| 4 | **Chương 4: Đo đạc các yếu tố cơ bản**<br>4.1 Giới thiệu một số loại dụng cụ đo đạc (kinh vĩ, địa bàn, GPS,…)<br>4.2 Các phương pháp đo góc bằng và diện tích<br>4.3 Các phương pháp đo độ dài | LT: 05 tiết<br>TH: 04 tiết | [1],[2] |
| 5 | **Chương 5: Kỹ thuật xây dựng lưới khống chế**<br>5.1 Khái niệm về lưới khống chế<br>5.2 Kỹ thuật xây dựng lưới mặt bằng với một số loại thiết bị thường dùng trong lâm nghiệp. | LT: 05 tiết<br>TH: 08 tiết | [1],[2] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| **Buổi học/ số tiết** | **Nội dung** | **Chuẩn đầu ra học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
|---|---|---|---|---|
| B1-2/T1-8 | **Chương 1. Trái đất và cách biểu thị mặt đất**<br>**Nội dung:** | H1 | **Phương pháp dạy học:**<br>Phương pháp thuyết trình kết hợp gợi mở, vấn đáp, thảo luận có sự tham gia của người học | - Bài trình bày theo nhóm, |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 1.1. Hình dạng và kích thước Trái đất<br>1.2. Bình đồ, bản đồ và mặt cắt<br>1.3. Các hệ tọa độ và độ cao<br>1.4. Biểu diễn địa hình và địa vật trên bản đồ<br>- bình đồ<br>1.5. Chia mảnh và đánh số bản đồ | | Sinh viên tham gia thuyết trình theo chủ đề, thảo luận chung<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng viên trình bày, ghi chép các lưu ý (take note)<br>- GV đặt vấn đề, gợi ý, sinh viên trả lời<br>- Bài tập ứng dụng, cá nhân làm bài, đại diện trình bày kết quả (chủ đề: Định danh pháp và xác định tỷ lệ bản đồ";<br>- GV nhận xét, góp ý.<br>- Đại diện các nhóm thuyết trình bài trình bày đã được chuẩn bị " phép chiếu và các hệ tọa độ" các nhóm nhận xét, hỏi đáp;<br>GV nhận xét, góp ý, bổ sung, làm rõ và hệ thống<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu học tập, tài liệu tham khảo; chuẩn bị bài thuyết trình theo nhóm.<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | đại diện thuyết trình của nhóm về phép chiếu và các hệ tọa độ<br>- Hỏi – đáp giữa thành viên nhóm và các nhóm khác<br>- Kết quả bài tập cá nhân về chia mảnh và đánh số bản đồ |
| B3: T9-T12 | **Chương 2: Sử dụng bản đồ trong phòng và ngoài trời**<br>2.1 Sử dụng bản đồ trong phòng<br>2.2 Sử dụng bản đồ ngoài trời | H1<br>H2 | **Phương pháp dạy học:**<br>GV trình bày<br>SV tham gia thảo luận chung và ứng dụng<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Cá nhân được trang bị vật liệu học tập (bản đồ, la bàn,…)<br>- Đọc và nhận biết các yếu tố bản đồ,<br>- Thực hành cách ứng dụng bản đồ tương ứng với thực địa (đo chiều dài bản đồ, tính góc, …<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu học tập,<br>- Hoàn thành nhận biết các yếu tố trên bản đồ<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | - Bản đồ nhận biết các yếu tố trên bản đồ của cá nhân |
| B4: T13-T16 | **Chương 3: Những kiến thức cơ bản về sai số trong đo đạc**<br>3.1 Khái niệm chung về đo đạc | H1, H2 | **Phương pháp dạy học:**<br>GV trình bày<br>SV tương tác với GV thảo luận chung<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** | - - Kết quả làm bài tập cá nhân liên quan |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 3.2 Khái niệm về sai số<br>3.3 Các loại sai số và đặc tính của nó<br>3.4 Các phương pháp đánh giá độ chính xác | | - Sinh viên làm các bài tập ứng dụng<br>- Đại diện trình bày kết quả ứng dụng, hỏi – đáp giữa sinh viên<br>- GV nhận xét, góp ý.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu học tập,<br>- Hoàn thành bài tập ứng dụng ở nhà<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | đến tính toán sai số |
| B5: T17-T20 | **Chương 4: Đo đạc các yếu tố cơ bản**<br>4.1 Giới thiệu một số loại dụng cụ đo đạc (kinh vĩ, địa bàn, GPS,…)<br>4.2 Các phương pháp đo góc bằng và diện tích<br>4.3 Các phương pháp đo độ dài | H1, H2, H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>GV trình bày<br>SV tham gia thảo luận và ứng dụng<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- GV trình bày kết hợp nêu câu hỏi kết nối thực tiễn thúc đẩy sự tham gia của sinh viên<br>- SV được cung cấp một số thiết bị có sẵn GPS, la bàn để hỗ trợ trong quá trình học tập<br>- GV cung cấp bài tập ứng dụng, sinh viên làm tại lớp<br>-Đại diện trình bày kết quả ứng dụng, hỏi – đáp giữa sinh viên<br>- GV nhận xét, góp ý.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu học tập,<br>- Hoàn thành bài tập về nhà<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | - - Bài tập tính góc định hướng |
| B6: T21-T23 | **Chương 5: Kỹ thuật xây dựng lưới khống chế**<br>5.1 Khái niệm về lưới khống chế<br>5.2 Kỹ thuật xây dựng lưới mặt bằng với một số loại thiết bị thường dùng trong lâm nghiệp. | H1, H2, H3, H4, H5 | **Phương pháp dạy học:**<br>GV trình bày<br>SV tham gia thảo luận và ứng dụng<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- GV trình bày kết hợp nêu câu hỏi kết nối thực tiễn thúc đẩy sự tham gia của sinh viên<br>- GV cung cấp bài tập ứng dụng, sinh viên làm tại lớp<br>-Đại diện trình bày kết quả ứng dụng, hỏi – đáp giữa sinh viên<br>- GV nhận xét, góp ý.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu học tập, | Kết qủa tính toán, bình sai góc, độ dài của lưới đường chuyền mặt bằng |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | | **Địa điểm học:** - Giảng đường | |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1]. Vũ Tiến Hinh, Vũ Văn Nhâm, Phạm Ngọc Giao, Lê Kế Việt, Ngô Sĩ Bích, Chu Thị Bình. (2009). Trường Đại Học Lâm Nghiệp. Giáo trình Điều tra - Quy hoạch điều chế rừng - Học phần I - Đo đạc lâm nghiệp, Đại Học Lâm Nghiệp.

[2]. Nguyễn Thị Thanh Hương (2012). Bài giảng Đo đạc lâm nghiệp, Đại học Tây Nguyên.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[3]. Lê Hoàng Định - Phạm Văn Mãng. 1992. Giáo trình trắc địa, trường Đại Học Bách khoa Đà Nẵng.
[4]. Phan Khang - Nguyễn Đình Thi - Đào Duy liêm - Lê Văn Hưng - Tạ Ngọc Linh Hải. 1970. Đo đạc đại cương, Hà nội.
[5]. Nguyễn Tấn Lộc - Trần Tấn Lộc - Lê Hoàng Sơn. 1991. Trắc đại đại cương, Trường Đại Học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh.
[6]. Nguyễn Quang Tác. 1998. Trường Đại Học Kiến trúc Hà nội.
[7]. Ngô Đạt Tam - Nguyễn Ngọc Nam - Nguyễn Trần Châu - Phạm Ngọc Đỉnh. 1986. Bản Đồ Học.
[8]. Vũ Thặng. 1999. Trắc địa đại cương, Hà nội.

7.**Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần: 30%
- Chuẩn bị bài trình bày theo nhóm: 20%
- Hoàn thành các bài tập được giao: 50%

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có):*

- Sử dụng địa bàn và thước dây dài xây dựng lưới đường chuyền;
- Sử dụng máy định vị GPS thiết lập lưới đường chuyền.
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thực hành: Báo cáo bao gồm: số liệu thu thập, số liệu đã xử lý, bản vẽ và báo cáo kết quả tiến trình thực hành.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

*7.4. Phần khác (nếu có):*

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu (15T tự học)* Đọc thêm tài liệu tham khảo, truy cập các bài báo, tạp chí trong và ngoài nước. Sinh viên có thể sử dụng nguồn tìm kiếm tài liệu tại:

- Thư viện Trường Đại học Tây Nguyên
- Các phần liên quan trong tài liệu tham khảo được liệt kê ở mục 6.2
- Internet (tài liệu liên quan)

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%.; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

(Trọng số điểm bộ phận <=30%; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận:***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1,H2,H3,H4 | 20% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | H1, H2, H3 | 20% |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H1 | 25% |
| 4 | Bài tập thực hành nhóm | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, đánh giá qua kết quả và chất lượng sản phẩm do sinh viên tạo ra, phỏng vấn trực tiếp cá nhân trong nhóm | H1, H2, H3, H4, H5 | 35% |
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

**8.3. Thi kết thúc học phần:**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Thi tự luận | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 70% |

*Ngày ... tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | ThS. Phạm Đoàn Phú Quốc | PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: CÔNG NGHỆ SINH HỌC**
**Mã học phần: NL212737**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**
Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1,5; Số tín chỉ thực hành: 0,5
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học song hành:
Học phần học trước: Sinh học đại cương, Hoá sinh thực vật
Học phần tiên quyết:
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Anh Dũng; Số điện thoại: 0905426524; Email: nadzung@ttn.edu.vn; nadzungtaynguyenuni@gmail.com
Giảng viên 2: Họ và tên: Lê Nguyễn Tiểu Ngọc; Số điện thoại:……..;

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**
Công nghệ sinh học (CNSH) là môn học giới thiệu các công nghệ sử dụng các quá trình sinh học trong cơ thể sinh vật (động vật, thực vật, vi sinh vật), tế bào, hoặc dưới tế bào để sản xuất các sản phẩm phục vụ lợi ích cho con người. CNSH có vai trò to lớn trong phát triển KT-XH, từ phát triển NLN bền vững đến NLN hiện đại. CNSH cung cấp kiến thức về kỹ thuật di truyền để cải thiện giống cây NLN thích ứng với các điều kiện bất lợi, các qui trình tạo giống, nhân giống cây NLN, các công nghệ ứng dụng tài nguyên, quĩ gen để sản xuất các sản phẩm có giá trị kinh tế cao như dược phẩm, chế phẩm vi sinh phục vụ sản xuất NLN hiện đại, bền vững. Mô học có quan hệ chặt chẽ với các học phần sinh học, hoá sinh, vi sinh vật và chọn, nhân giống cây trồng NLN.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**
*3.1. Mục tiêu học phần*
- Hiểu được khái niệm CNSH, vai trò của CNSH đối với KT-XH và ngành lâm nghiệp; nhận thức được định hướng phát triển của CNSH trên thế giới và Việt Nam.
- Sinh viên nắm được các qui trình công nghệ để phát triển giống cây chuyển gen, những ưu điểm và thách thức.
- Sinh viên nắm được qui trình nhân giống cây trồng in vitro và các công nghệ mới trong lai tạo giống lâm nghiệp mới và một số công nghệ tế bào thực vật mới.
- Nắm được vai trò, qui trình sản xuất các chế phẩm vi sinh phục vụ phát triển NLN bền vững.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*
H1. Có kiến thức cơ bản về vai trò của CNSH và ứng dụng trong phát triển ngành lâm nghiệp hiện đại.
H2. Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về công nghệ gen, công nghệ nhân giống in vitro trong tạo giống cây trồng lâm nghiệp.
H3. Có kiến thức kiến thức và kỹ năng sản xuất một số chế phẩm vi sinh phục vụ phát triển NLN bền vững.
H4. Có thái độ đúng với việc bảo tồn tài nguyên, quĩ gen và ứng dụng nó trong phát triển NLN sinh thái bền vững.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | | | | x | | | | | | | | | |
| H2 | | | | | | x | | | | | | | | | |

| Chuẩn đầu ra học phần | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H3 | | | | | | x | | | | | | | | | |
| H4 | | | | | | x | | | | | | | | | |

**4. Cấu trúc học phần**

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. Nhập môn công nghệ sinh học**<br>**Nội dung:** Trình bày các chương, mục trong chương và nội dung khái quát<br>1.1. Khái niệm công nghệ sinh học<br>1.2. Vai trò của CNSH với kinh tế-xã hội-môi trường<br>1.3. Lịch sử phát triển của công nghệ sinh học<br>1.4. Phân loại công nghệ sinh học<br>1.5. Một số thành tựu công nghệ sinh học trên thế giới và Việt nam<br>1.6. Đinh hướng công nghệ sinh học Thế giới và Việt Nam | LT: 02 tiết<br>BT: 05 tiết | [1] Chương mở đầu Nhập môn Công nghệ sinh học (Phạm Thành Hổ, NXB Giáo dục).<br>[4] Ứng dụng CNSH trong lâm nghiệp (Hà Văn Huân) |
| 2 | **Chương 2. Kỹ thuật di truyền**<br>2.1. Kỹ thuật di truyền<br>2.1.1. Tóm tắt các bước kỹ thuật di truyền<br>2.1.2. Các công cụ trong kỹ thuật di truyền<br>2.1.3. Các phương pháp tạo DNA tái tổ hợp<br>2.1.4. Các phương pháp biến nạp vào tế bào chủ<br>2.1.5. Các phương pháp chọn lọc dòng tế bào mang gen lạ<br>2.1.6. Tạo dòng và biểu hiện gen<br>2.2. Phương pháp chuyển gen vào thực vật<br>2.3. Cây trồng biến đổi gen<br>2.3.1. Thực trạng cây trồng biến đổi gen<br>2.3.2. Các lợi ích của cây trồng biến đổi gen<br>2.3.3. Các thách thức của cây trồng biến đổi gen<br>2.4. Các thành tựu chuyển gen ở cây lâm nghiệp<br>2.4.1. Trên thế giới<br>2.4.2. Viêt Nam | LT: 10 tiết<br>BT: 10 tiết | [1] Chương Kỹ thuật di truyền (Giáo trình: Nhập môn Công nghệ sinh học (Phạm Thành Hổ, NXB Giáo dục).<br>[2] Giáo trình Công nghệ sinh học đại cương (Đỗ Năng Vịnh, Ngô Xuân Bình)<br>[3] Bài giảng CNSH (Nguyễn Anh Dũng).<br>[4] Ứng dụng CNSH trong lâm nghiệp (Hà Văn Huân, ĐH Lâm nghiệp) |
| 3 | **Chương 3. Công nghệ sinh học tế bào thực vật**<br>3.1. Công nghệ nuôi cấy mô tế bào thực vật<br>3.1.1. Cơ sở khoa học, ưu nhược điểm của công nghệ<br>3.1.2. Chuẩn bị môi trường nuôi cấy<br>3.1.3. Chọn mô, xử lý mô<br>3.1.4. Tạo chồi protocorm<br>3.1.5. Nhân, nuôi cây con trong in vitro<br>3.1.6. Nhân, nuôi cây con ngoài vườn ươm ex vitro<br>3.1.7. Một số thành tựu ở Việt Nam trong nhân giống cây lâm nghiệp<br>3.2. Công nghệ nuôi cấy bao phấn tạo dòng thuần<br>3.3. Công nghệ tế bào trần, dung hợp tế bào trần | LT: 5 tiết<br>TT: 10 tiết | [1] Chương Kỹ thuật di truyền (Giáo trình: Nhập môn Công nghệ sinh học (Phạm Thành Hổ, NXB Giáo dục).<br>[2] Giáo trình Công nghệ sinh học đại cương (Đỗ Năng Vịnh, Ngô Xuân Bình)<br>[3] Bài giảng CNSH (Nguyễn Anh Dũng). |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 3.4. Công nghệ đa bội thể trong tạo giống cây lâm nghiệp<br>3.5. Công nghệ nuôi cấy tế bào thu sinh khối và các hợp chất tự nhiên. | | |
| 4 | **Công nghệ Sinh học Vi sinh vật trong Nông lâm nghiệp**<br>4.1. Công nghệ phân bón sinh học<br>4.1.1. Vai trò của VSV với sự phát triển bền vững NLN<br>4.1.2. Vi sinh cố định N<br>4.1.3. Vi sinh vật phân giải P<br>4.1.4. Vi sinh vật tổng hợp kích thích sinh trưởng<br>4.1.5. Vi sinh vật phân giải hữu cơ<br>4.1.6. Công nghệ sản xuất phân bón sinh học<br>4.2. CNSH vi sinh vật trong kiểm soát sinh học<br>4.2.1. Thuốc trừ sâu sinh học<br>4.2.2. Chế phẩm kháng bệnh sinh học<br>4.3. Các biện pháp phát triển NLN sinh thái bền vững | LT: 5 tiết<br>TT: 5 tiết | [3] Bài giảng CNSH (Nguyễn Anh Dũng).<br>[5] Công nghệ sinh học trong phát triển nông nghiệp bền vững (Nguyễn Hữu Hiệp, NXB ĐH Cần Thơ) |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | **Chương 1. Nhập môn công nghệ sinh học**<br>**Nội dung:**<br>1.1. Khái niệm công nghệ sinh học<br>1.2. Vai trò của CNSH với kinh tế-xã hội-môi trường<br>1.3. Lịch sử phát triển của công nghệ sinh học<br>1.4. Phân loại công nghệ sinh học<br>1.5. Một số thành tựu công nghệ sinh học trên thế giới và Việt nam<br>1.6. Đinh hướng công nghệ sinh học Thế giới và Việt Nam | H1<br>H2<br>(Liệt kê các chuẩn đầu ra liên quan của học phần) | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, thảo luận trên lớp<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: Thành tựu CNSH trên thế giới và Việt Nam<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường (cho các tiết lý thuyết) | -Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết, bài trình bày (gửi email)<br>+ Trình bày, thảo luận theo nhóm. |
| | **Chương 2. Kỹ thuật di truyền**<br>2.1. Kỹ thuật di truyền<br>2.1.1. Tóm tắt các bước kỹ thuật di truyền<br>2.1.2. Các công cụ trong kỹ thuật di truyền | H1<br>H2<br>(Liệt kê các chuẩn đầu ra liên | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, thảo luận trên lớp<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** | -Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài bài trình |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 2.1.3. Các phương pháp tạo DNA tái tổ hợp<br>2.1.4. Các phương pháp biến nạp vào tế bào chủ<br>2.1.5. Các phương pháp chọn lọc dòng tế bào mang gen lạ<br>2.1.6. Tạo dòng và biểu hiện gen<br>2.2. Phương pháp chuyển gen vào thực vật<br>2.3. Cây trồng biến đổi gen<br>2.3.1. Thực trạng cây trồng biến đổi gen<br>2.3.2. Các lợi ích của cây trồng biến đổi gen<br>2.3.3. Các thách thức của cây trồng biến đổi gen<br>2.4. Các thành tựu chuyển gen ở cây lâm nghiệp<br>2.4.1. Trên thế giới<br>2.4.2. Viêt Nam | quan của học phần) | - Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: Thành tựu cây trồng biến đổi gen trên thế giới và Việt Nam<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường (cho các tiết lý thuyết) | bày; Trình bày, thảo luận theo các nhóm. |
| | **Chương 3. Công nghệ sinh học tế bào thực vật**<br>3.1. Công nghệ nuôi cấy mô tế bào thực vật<br>3.1.1. Cơ sở khoa học, ưu nhược điểm của công nghệ<br>3.1.2. Chuẩn bị môi trường nuôi cấy<br>3.1.3. Chọn mô, xử lý mô<br>3.1.4. Tạo chồi protocorm<br>3.1.5. Nhân, nuôi cây con trong in vitro<br>3.1.6. Nhân, nuôi cây con ngoài vườn ươm ex vitro<br>3.1.7. Một số thành tựu ở Việt Nam trong nhân giống cây lâm nghiệp<br>3.2. Công nghệ nuôi cấy bao phấn tạo dòng thuần<br>3.3. Công nghệ tế bào trần, dung hợp tế bào trần<br>3.4. Công nghệ đa bội thể trong tạo giống cây lâm nghiệp | | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, thảo luận trên lớp<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: Thành tựu nhân giống invitro cây lâm nghiệp ở Việt Nam<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)<br>- Thực hành công nghệ phát triển chế phẩm vi sinh phục vụ NLB (Tại Viện CNSH&MT) | -Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài bài trình bày; Trình bày, thảo luận theo các nhóm.<br>+ Báo cáo thu hoạch bài thực hành (bản mềm nộp qua email) |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 3.5. Công nghệ nuôi cấy tế bào thu sinh khối và các hợp chất tự nhiên. | | | |
| | **Công nghệ Sinh học Vi sinh vật trong Nông lâm nghiệp**<br>4.1. Công nghệ phân bón sinh học<br>4.1.1. Vai trò của VSV với sự phát triển bền vững NLN<br>4.1.2. Vi sinh cố định N<br>4.1.3. Vi sinh vật phân giải P<br>4.1.4. Vi sinh vật tổng hợp kích thích sinh trưởng<br>4.1.5. Vi sinh vật phân giải hữu cơ<br>4.1.6. Công nghệ sản xuất phân bón sinh học<br>4.2. CNSH vi sinh vật trong kiểm soát sinh học<br>4.2.1. Thuốc trừ sâu sinh học<br>4.2.2. Chế phẩm kháng bệnh sinh học<br>4.3. Các biện pháp phát triển NLN sinh thái bền vững | | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, thảo luận trên lớp<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: Thành tựu công nghệ vi sinh ở Việt Nam<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)<br>- Thực hành công nghệ nuôi cấy mô nhân giống thực vật (Tại Viện CNSH&MT) | -Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài bài trình bày; Trình bày trên lớp, thảo luận theo các nhóm.<br>+ Báo cáo thu hoạch bài thực hành (bản mềm nộp qua email) |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Phạm Thành Hổ (2010), Nhập môn Công nghệ sinh học, NXB Giáo dục.

[2] Nguyễn Anh Dũng (2008), Bài giảng Công nghệ sinh học, Trường Đại học Tây Nguyên.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[3] Đỗ Năng Vịnh, Ngô Xuân Bình (2008), Giáo trình Công nghệ sinh học đại cương, NXB Nông nghiệp.

[4] Nguyễn Hữu Hiệp (2010) Công nghệ sinh học trong phát triển nông nghiệp bền vững NXB ĐH Cần Thơ.

[5] Hà Văn Huân (2012), Ứng dụng CNSH trong lâm nghiệp, NXB Đại học Lâm nghiệp.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao: 1. Thành tựu CNSH trên thế giới và Việt Nam; 2. Thành tựu cây trồng biến đổi gen trên thế giới và Việt Nam; 3. Thành tựu nhân giống in vitro cây lâm nghiệp; 4. Thành tựu CNSH vi sinh trong NLN bền vững.

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)*

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần: Bài 1. Thực hành công nghệ nuôi cấy mô nhân giống cây trồng.

Bài 2. Công nghệ tạo chế phẩm vi sinh phục vụ NLN.

- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành: Báo cáo thực hành đạt yêu cầu.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

*7.4. Phần khác (nếu có):*

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

(Trọng số điểm bộ phận <=30%; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 10% |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | H2<br>H3<br>H4 | 0% |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H1<br>H2<br>H3 | 5% |
| 4 | Thí nghiệm, thực hành | Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên. | H2<br>H3 | 10% |
| | | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra. | | |
| 5 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm. | H2<br>H3<br>H4 | 5% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| | | sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | | | |
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 30% |

* Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể có đầy đủ các hình thức đánh giá trên, hoặc có thể thêm hay bớt cho phù hợp, nhưng đảm bảo tổng tỷ lệ điểm bộ phận là 100%. Việc đánh giá điểm bộ phận gồm các thành phần và tỷ lệ tương ứng như công bố, (kết quả điểm bộ phận × trọng số điểm bộ phận+điểm thi × trọng số thi)/100= kết quả học phần.

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá:<br>Thi tự luận | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 70% |

*Ngày ..... tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | ThS. Nguyễn Thanh Bình | PGS.TS. Nguyễn Anh Dũng |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: THỐNG KÊ ỨNG DỤNG**
**Mã học phần: NL212138**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 1,5; Số tín chỉ thực hành: 0,5
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học song hành:
Học phần học trước:
Học phần tiên quyết:
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Lê Đình Nam; Số điện thoại: 0914053097; Email: ldnam@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần này được dạy cho chương trình đào tạo kỹ sư quản lý tài nguyên rừng và kỹ sư Lâm sinh. Học phần nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về nguyên lý, phương pháp thống kê, mô hình hóa các quy luật cấu trúc, phương pháp so sánh các mẫu quan sát, phân tích phương sai và phân tích tương quan hồi quy; để sinh viên có thể tiếp tục học các môn chuyên ngành ở những học kỳ tiếp theo và vận dụng vào việc điều tra, quy hoạch và điều chế rừng

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng tổng hợp, phân tích và giải quyết các vấn đề trong quản lý tài nguyên rừng thông qua các tiêu chuẩn thông kê cơ bản và các mô hình hồi quy đa biến. (M1)

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

*Kiến thức:*

- Trình bày được các nguyên lý, phương pháp thống kê. (H1)
- Phân tích và trình bày kết quả xử lý thống kê. (H2)

*Kỹ năng*

- Vận dụng các nguyên lý, phương pháp thống kê. (H3)
- Tính toán thành thạo và áp dụng các phương pháp thống kê vào điều kiện cụ thể. (H4)

*Thái độ*

- Có quan điểm tiếp cận thống kê toán học trong quản lý tài nguyên rừng. (H5)

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | | | | | | | x | | | | | | x |
| H2 | | | | | | | | | x | | | | | | |
| H3 | | | | | | | | | x | | | | | | x |
| H4 | | | | | | | | | x | | | | | | |
| H5 | | | | | | | | | x | | | | | | x |

**4. Cấu trúc học phần**

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1: Phân bố thực nghiệm và phương pháp ước lượng các tham số đặc trưng của tổng thể**<br>**Nội dung:**<br>1.1. Một số khái niệm<br>1.2. Phân bố thực nghiệm<br>1.3. Phương pháp ước lượng các tham số của tổng thể học | LT: 1 tiết<br>BT: 2 tiết<br>TH: 3 tiết | [1]; [2]; [3] |
| 2 | **Chương 2: Mô hình hoá quy luật cấu trúc tần số**<br>**Nội dung**<br>2.1. Ý nghĩa của việc mô hình hoá.<br>2.2. Kiểm tra giả thuyết về luật phân bố.<br>2.3. Một số phân bố thường gặp | LT: 2 tiết<br>BT: 3 tiết<br>TH: 3 tiết | [1]; [2]; [3] |
| 3 | **Chương 3: Phương pháp so sánh các mẫu quan sát và thí nghiêm trong quản lý tài nguyên**<br>**Nội dung**<br>3.1. Ý nghĩa<br>3.2. Trường hợp 2 mẫu độc lập<br>3.3. Trường hợp K mẫu đôc lập<br>3.4. Trường hợp các mẫu liên hệ.<br>3.5. Kiểm tra thuần nhất các mẫu về chất | LT: 2 tiết<br>BT: 3 tiết<br>TH: 3 tiết | [[1]; [2]; [3] |
| 4 | **Chương 4: Phương pháp bố trí thí nghiệm và phân tích kết quả**<br>**Nội dung**<br>4.1. Các phương pháp bố trí thí nghiệm<br>4.2. Phân tích phương sai | LT: 2 tiết<br>BT: 3 tiết<br>TH: 3 tiết | [1]; [2]; [3] |
| 5 | **Chương 5: Phân tích mối liên hệ giữa các đại lượng**<br>**Nội dung**<br>5.1. Xác định mức độ liên hệ<br>5.2. Chọn giả thuyết về dạng liên hệ<br>5.3. Kiểm tra giả thuyết về dạng liên hệ<br>5.4. Phương pháp bình phương bé nhất để xác định các tham số của phương trình hồi quy.<br>5.5. Liên hệ tuyến tính 1 lớp, 2 lớp và phi tuyến tính | LT: 2 tiết<br>BT: 3 tiết<br>TH: 3 tiết | [1]; [2]; [3] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Buổi học 1 - 2<br>Số tiết: 1 - 6 | **Chương 1: Phân bố thực nghiệm và phương pháp ước lượng các tham số đặc trưng của tổng thể**<br>**Nội dung:**<br>1.1. Một số khái niệm<br>1.2. Phân bố thực nghiệm<br>1.3. Phương pháp ước lượng các tham số của tổng thể học | H1, H2, H3, H4, H5 | - GV trình bày có minh họa<br>- Bài tập cá nhân, 2 người | - Kết quả bài tập cá nhân, 2 người |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Buổi học 2 - 4<br>Số tiết: 7 - 14 | **Chương 2: Mô hình hoá quy luật cấu trúc tần số**<br>**Nội dung**<br>2.1. Ý nghĩa của việc mô hình hoá.<br>2.2. Kiểm tra giả thuyết về luật phân bố.<br>2.3. Một số phân bố thường gặp | H1, H2, H3, H4, H5 | - GV trình bày có minh họa<br>- Bài tập cá nhân, 2 người | - Kết quả bài tập cá nhân, 2 người |
| Buổi học 4 - 6<br>Số tiết: 15 - 22 | **Chương 3: Phương pháp so sánh các mẫu quan sát và thí nghiêm trong quản lý tài nguyên**<br>**Nội dung**<br>3.1. Ý nghĩa<br>3.2. Trường hợp 2 mẫu độc lập<br>3.3. Trường hợp K mẫu đôc lập<br>3.4. Trường hợp các mẫu liên hệ.<br>3.5. Kiểm tra thuần nhất các mẫu về chất | H1, H2, H3, H4, H5 | - GV trình bày có minh họa<br>- Bài tập cá nhân, 2 người | - Kết quả bài tập cá nhân, 2 người |
| Buổi học 6 - 8<br>Số tiết: 23 - 30 | **Chương 4: Phương pháp bố trí thí nghiệm và phân tích kết quả**<br>**Nội dung**<br>4.1. Các phương pháp bố trí thí nghiệm<br>4.2. Phân tích phương sai | H1, H2, H3, H4, H5 | - GV trình bày có minh họa<br>- Bài tập cá nhân, 2 người | - Kết quả bài tập cá nhân, 2 người |
| Buổi học 8 - 10<br>Số tiết: 31 - 37 | **Chương 5: Phân tích mối liên hệ giữa các đại lượng**<br>**Nội dung**<br>5.1. Xác định mức độ liên hệ<br>5.2. Chọn giả thuyết về dạng liên hệ<br>5.3. Kiểm tra giả thuyết về dạng liên hệ<br>5.4. Phương pháp bình phương bé nhất để xác định các tham số của phương trình hồi quy.<br>5.5. Liên hệ tuyến tính 1 lớp, 2 lớp và phi tuyến tính | H1, H2, H3, H4, H5 | - GV trình bày có minh họa<br>- Bài tập cá nhân, 2 người | - Kết quả bài tập cá nhân, 2 người |

**6. Phần tài liệu tham khảo**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1]. Lê Đình Nam, *Bài giảng Thống kê toán học trong lâm nghiệp*, Trường Đại học Tây Nguyên, Đăk Lăk.

*6.2. Sách, tài liệu tham khảo*

[2]. Nguyễn Hải Tuất (2000): *Thống kê qoán học trong lâm nghiệp*. Đại học Lâm nghiệp.

[3]. Nguyễn Hải Tuất, Ngô Kim Khôi (2005): *Ứng dụng tin học trong phân tích thống kê lâm nghiệp*. Nxb Nông nghiệp.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)*

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có):.*

*7.4. Phần khác (nếu có):*

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%.; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

(Trọng số điểm bộ phận <=30%; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1; H2; H3, H4, H5 | 30% |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | H1; H2; H3, H4, H5 | 40% |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H1<br>H2<br>(Liệt kê các chuẩn đầu ra được đánh giá) | 0% |
| 4 | Tiểu luận/Thí nghiệm, thực hành | Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên. | H1<br>H2<br>(Liệt kê các chuẩn đầu ra được đánh giá) | 0% |
| | | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra. | | |
| 5 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm. | H1; H2; H3, H4, H5 | 30% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| | | sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | | | |
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

* Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể có đầy đủ các hình thức đánh giá trên, hoặc có thể thêm hay bớt cho phù hợp, nhưng đảm bảo tổng tỷ lệ điểm bộ phận là 100%. Việc đánh giá điểm bộ phận gồm các thành phần và tỷ lệ tương ứng như công bố, (kết quả điểm bộ phận × trọng số điểm bộ phận+điểm thi × trọng số thi)/100= kết quả học phần.

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Thi tự luận (Thi tự luận, Thực hành, vấn đáp, trắc nghiệm, …) | H1; H2; H3, H4, H5 | 70% |

*Ngày ..... tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Nguyễn Văn Minh | PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương | ThS. Lê Đình Nam |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: GIỐNG CÂY RỪNG**
**Mã học phần: NL212139**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: **2**; Số tín chỉ lý thuyết: **1.5**; Số tín chỉ thực hành: **0.5**

Loại môn học: **Bắt buộc** (Bắt buộc, Tự chọn hay Điều kiện)

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học song hành: ……..

Học phần học trước: **Di truyền thực vật**

Học phần tiên quyết: ……..

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: **Trần Đình Thế**; Số điện thoại: **0913434357**;

Email: **tdthe@ttn.edu.vn**

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:** (ít nhất 150 từ)

(Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần, kiến thức trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần khác trong chương trình đào tạo.)

Học phần Giống cây rừng là môn học cơ sở ngành quan trọng trong Chương trình đào tạo Kỹ sư Lâm sinh:

- Người học sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản về các bước chọn tạo giống để cải thiện giống cây rừng. Cụ thể, chương trình môn học sẽ cung cấp cho người học những hiểu biết về lịch sử phát triển của công tác giống cây rừng, về vị trí của công tác giống cây rừng trong hoạt động sản xuất Lâm nghiệp; các kiến thức và thao tác kỹ thuật trong lai giống, nhân giống sinh dưỡng, chọn lọc và đánh giá cây trội, xây dựng rừng giống và vườn giống

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ sở cần thiết để học tập, nghiên cứu học phần Trồng rừng.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

(Mô tả mong muốn, kỳ vọng của giảng viên đối với sinh viên sau khi học xong học phần. Viết khoảng 4 đến 5 mục tiêu).

MT1. Giúp người học có được những kiến thức cơ bản về công tác giống cây rừng;

MT2. Thực hiện được những hoạt động có tính nghiệp vụ, kỹ thuật nhất định để chon, tạo giống nhằm cải thiện giống cây rừng.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về nội dung của môn học; biết liên hệ, ứng dụng những kiến thức đã học trong học tập, nghiên cứu khoa học về lĩnh vực giống cây rừng

H2. Người học nắm vững lý thuyết và biết vận dụng lý thuyết để thực hành các bước công việc cụ thể trong thực hiện các chương trình cải thiện giống cây rừng

H3. Nghiêm túc, chuyên cần và có ý thức trách nhiệm trong học tập, nghiên cứu và tự đào tạo.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C3 | C6 | C9 | C10 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | x | | | | |
| H2 | x | x | | x | | | |

| Chuẩn đầu ra học phần | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C3 | C6 | C9 | C10 | C13 | C14 | C15 |
| H3 | | | | | x | x | |

**4. Cấu trúc học phần**

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. Tổng quan về giống cây rừng**<br>**Nội dung:**<br>1. Khái niệm về giống cây rừng<br>2. Vị trí của công tác giống trong sản xuất Lâm nghiệp<br>3 Mục tiêu của cải thiện giống cây rừng<br>4. Lịch sử phát triển của cải thiện giống cây rừng<br>5. Các bước chính trong một chương trình cải thiện giống cây rừng<br>6. Quan hệ giữa cải thiện giống cây rừng với di truyền và chọn giống cây nông nghiệp<br>7. Cải thiện giống cây rừng và quản lí giống | LT: 3 tiết | [1], [2] |
| 2 | **Chương 2. Khảo nghiệm loài và xuất xứ**<br>**Nội dung:**<br>1. Khái niệm, vai trò của khảo nghiệm loài và xuất xứ trong cải thiện giống cây rừng<br>2. Lịch sử khảo nghiệm loài và xuất xứ<br>3. Những nguyên tắc chính khi chọn loài, chọn xuất xứ và chọn cây thu hái hạt<br>4. Xây dựng, đánh giá khảo nghiệm loài và xuất xứ<br>5. Các bước tiến hành khảo nghiệm loài và xuất xứ<br>6. Một số kết quả khảo nghiệm loài và xuất xứ ở Việt Nam | LT: 3 tiết | [1], [2] |
| 3 | **Chương 3. Chọn lọc cây trội và khảo nghiệm hậu thế**<br>**Nội dung:**<br>1. Khái niệm chung về chọn lọc<br>2. Các phương pháp chọn lọc<br>3. Các nguyên tắc chung khi chọn lọc cây trội<br>4. Tiêu chuẩn đánh giá cây trội<br>5. Phương pháp xác định cây trội<br>6. Khảo nghiệm hậu thế | LT: 3 tiết | [1], [2] |
| 4 | **Chương 4. Lai giống**<br>**Nội dung:**<br>1. Khái niệm<br>2. Ý nghĩa của lai giống<br>3. Ưu thế lai<br>4. Phương pháp lai hữu tính<br>5. Kỹ thuật lai hữu tính | LT: 3 tiết | [1], [2], [3] |
| 5 | **Chương 5. Xây dựng rừng giống, vườn giống**<br>**Nội dung:**<br>1. Khái niệm, vai trò của rừng giống, vườn giống trong sản xuất lâm nghiệp | LT: 3 tiết | [1], [2] |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 2. Lịch sử phát triển rừng giống, vườn giống<br>3. Nguyên tắc chung xây dựng rừng giống và vườn giống<br>4.Xây dựng rừng giống<br>5. Xây dựng vườn giống<br>6. Quản lí và chăm sóc rừng giống, vườn giống | | |
| 6 | **Chương 6. Nhân giống sinh dưỡng**<br>**Nội dung:**<br>1.Đặc điểm sinh sản của thực vật<br>2. Cơ sở sinh học và ý nghĩa của nhân giống sinh dưỡng<br>3. Các phương pháp nhân giống sinh dưỡng<br>4. Một số điểm cần chú ý khi sử dụng các dòng vô tính trong cải thiện giống cây rừng | LT: 2.5 tiết | [1], [2], [3] |
| 7 | **Chương 7. Bảo tồn nguồn gen cây rừng**<br>**Nội dung:**<br>1. Khái niệm, ý nghĩa của bảo tồn nguồn gen cây rừng<br>2. Đặc điểm của bảo tồn nguồn gen cây rừng<br>3. Những nhân tố chính làm căn cứ cho chiến lược bảo tồn nguồn gen cây rừng<br>4. Những ưu tiên trong bảo tồn nguồn gen cây rừng<br>5. Các phương thức bảo tồn nguồn gen cây rừng<br>6. Các vấn đề liên quan đến bảo tồn nguồn gen cây rừng | LT: 2.5 tiết | [1], [2] |
| 8 | **Chương 8. Thiết kế, Bố trí thí nghiệm trong cải thiện giống cây rừng**<br>**Nội dung:**<br>1. Một số khái niệm<br>2. Nguyên tắc chung khi bố trí thí nghiệm<br>3. Các phương pháp bố trí thí nghiệm<br>4. Những chú ý khi thu thập và xử lý số liệu.<br>5. Một số sơ đồ bố trí thí nghiệm thông dụng | LT: 2.5 tiết | [1], [2] |
| | | | |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 3 tiết | **Chương 1. Tổng quan về giống cây rừng**<br>**Nội dung:**<br>1. Khái niệm về giống cây rừng<br>2. Vị trí của công tác giống trong sản xuất Lâm nghiệp<br>3 Mục tiêu của cải thiện giống cây rừng | H1.<br>H2.<br>H3. | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp,<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:** | Bài đánh giá bằng hình thức Báo cáo của nhóm trước lớp |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 4. Lịch sử phát triển của cải thiện giống cây rừng<br>5. Các bước chính trong một chương trình cải thiện giống cây rừng<br>6. Quan hệ giữa cải thiện giống cây rừng với di truyền và chọn giống cây nông nghiệp<br>7. Cải thiện giống cây rừng và quản lí giống | | - Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | |
| 3 tiết | **Chương 2. Khảo nghiệm loài và xuất xứ**<br>**Nội dung:**<br>1. Khái niệm, vai trò của khảo nghiệm loài và xuất xứ trong cải thiện giống cây rừng<br>2. Lịch sử khảo nghiệm loài và xuất xứ<br>3. Những nguyên tắc chính khi chọn loài, chọn xuất xứ và chọn cây thu hái hạt<br>4. Xây dựng, đánh giá khảo nghiệm loài và xuất xứ<br>5. Các bước tiến hành khảo nghiệm loài và xuất xứ<br>6. Một số kết quả khảo nghiệm loài và xuất xứ ở Việt Nam | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp,<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | Bài đánh giá bằng hình thức: Báo cáo bằng hình thức viết của từng sinh viên |
| 3 tiết | **Chương 3. Chọn lọc cây trội và khảo nghiệm hậu thế**<br>**Nội dung:**<br>1. Khái niệm chung về chọn lọc<br>2. Các phương pháp chọn lọc | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp,<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày | Bài đánh giá bằng hình thức Báo cáo của nhóm trước lớp |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 3. Các nguyên tắc chung khi chọn lọc cây trội<br>4. Tiêu chuẩn đánh giá cây trội<br>5. Phương pháp xác định cây trội<br>6. Khảo nghiệm hậu thế | | **Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | |
| 3 tiết | **Chương 4. Lai giống**<br>**Nội dung:**<br>1. Khái niệm<br>2. Ý nghĩa của lai giống<br>3. Ưu thế lai<br>4. Phương pháp lai hữu tính<br>5. Kỹ thuật lai hữu tính | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp,<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | Bài đánh giá bằng hình thức Báo cáo của nhóm trước lớp |
| 3 tiết | **Chương 5. Xây dựng rừng giống, vườn giống**<br>**Nội dung:**<br>1. Khái niệm, vai trò của rừng giống, vườn giống trong sản xuất lâm nghiệp<br>2. Lịch sử phát triển rừng giống, vườn giống<br>3. Nguyên tắc chung xây dựng rừng giống và vườn giống<br>4.Xây dựng rừng giống<br>5. Xây dựng vườn giống | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp,<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | Bài đánh giá bằng hình thức Báo cáo của nhóm trước lớp |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 6. Quản lí và chăm sóc rừng giống, vườn giống | | | |
| 2.5 tiết | **Chương 6. Nhân giống sinh dưỡng**<br>**Nội dung:**<br>1.Đặc điểm sinh sản của thực vật<br>2. Cơ sở sinh học và ý nghĩa của nhân giống sinh dưỡng<br>3. Các phương pháp nhân giống sinh dưỡng<br>4. Một số điểm cần chú ý khi sử dụng các dòng vô tính trong cải thiện giống cây rừng | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp,<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | Bài đánh giá bằng hình thức Báo cáo của nhóm trước lớp |
| 2.5 tiết | **Chương 7. Bảo tồn nguồn gen cây rừng**<br>**Nội dung:**<br>1. Khái niệm, ý nghĩa của bảo tồn nguồn gen cây rừng<br>2. Đặc điểm của bảo tồn nguồn gen cây rừng<br>3. Những nhân tố chính làm căn cứ cho chiến lược bảo tồn nguồn gen cây rừng<br>4. Những ưu tiên trong bảo tồn nguồn gen cây rừng<br>5. Các phương thức bảo tồn nguồn gen cây rừng<br>6. Các vấn đề liên quan đến bảo tồn nguồn gen cây rừng | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp,<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | Bài đánh giá bằng hình thức Báo cáo của nhóm trước lớp |
| 2.5 tiết | **Chương 8. Thiết kế, Bố trí thí nghiệm** | H1<br>H2 | **Phương pháp dạy học:** | Bài đánh giá bằng hình thức Báo cáo |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | **trong cải thiện giống cây rừng**<br>**Nội dung:**<br>1. Một số khái niệm<br>2. Nguyên tắc chung khi bố trí thí nghiệm<br>3. Các phương pháp bố trí thí nghiệm<br>4. Những chú ý khi thu thập và xử lý số liệu.<br>5. Một số sơ đồ bố trí thí nghiệm thông dụng | H3 | PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp,<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | của nhóm trước lớp |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Nguyễn Thị Mừng, (2011). Giáo trình Giống cây rừng, ĐHTN.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2] Lê Đình Khả, Dương Mộng Hùng, (2003). Giáo trình Giống cây rừng, NXB NN.

[3] Lê Đình Khả, (2006). Lai giống cây rừng, NXB NN

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành*

- Các bài thực hành của học phần:

  Bài tập thực hành 1: Nghiên cứu biến dị ở cây rừng

  Bài tập thực hành 2: Kỹ thuật giâm hom, chiết, ghép cây

  Bài tập thực hành 3: Đánh giá khả năng chịu hạn của cây
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thực hành: đạt.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

*7.4. Phần khác (nếu có):*

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu:* Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu học tập ở nhà với thời lượng cứ 1 tiết lý thuyết ở lớp, nghiên cứu them 3 tiết ở nhà.

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ | H1<br>H2<br>H3 | 20% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| | | động trong giờ học của sinh viên | lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | | |
| 2 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H1<br>H2<br>H3 | 20% |
| 3 | Thực hành | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm với khả năng của từng sinh viên và khả năng phối hợp làm việc của từng nhóm sinh viên. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra qua bài thu hoạch của từng sinh viên và bài thu hoạch của từng nhóm sinh viên. | H1.<br>H2.<br>H3. | 60% |
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

* Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể có đầy đủ các hình thức đánh giá trên, hoặc có thể thêm hay bớt cho phù hợp, nhưng đảm bảo tổng tỷ lệ điểm bộ phận là 100%. Việc đánh giá điểm bộ phận gồm các thành phần và tỷ lệ tương ứng như công bố, (kết quả điểm bộ phận × trọng số điểm bộ phận+điểm thi × trọng số thi)/100= kết quả học phần.

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Thi tự luận | H1.<br>H2.<br>H3. | 100% |

*Ngày 05 tháng 5 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | TS. Võ Hùng | ThS. Trần Đình Thế |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: ĐỊA LÝ THỰC VẬT**
**Mã học phần: NL211704**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần:
Học phần học trước:
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Phan Thị Hằng; Số điện thoại: 0982378997
Email: pthangedu@ttn.edu.vn hoặc phanhang84@gmail.com

**2. Tóm tắt nội dung học phần**

Địa lý thực vật (Phytogeography) là một môn học khoa học tự nhiên nghiên cứu sự phân bố của thực vật, xác định tính quy luật của sự phân bố và dự kiến sự phân bố của thực vật trong tương lai làm cơ sở cho việc sử dụng hợp lý và phát triển bền vững nguồn tài nguyên về thực vật

Địa lý thực vật là môn học gắn liền với thực tiễn và có liên quan đến nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau như sinh thái tài nguyên, quản lý tài nguyên thiên nhiên, thực vật học, lập kế hoạch dự án,…Đây là học phần cơ sở đối với sinh viên chuyên ngành Quản lý tài nguyên rừng. Nội dung chủ yếu của môn học đề cập đến các khái niệm, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phân bố của thực vật, các quy luật của sự phân bố cũng như cung cấp các kiến thức về vùng phân bố của thực vật ở Việt Nam cũng như phân bố thực vật vùng Tây Nguyên đặc biệt là sự phân bố của các cây lâm nghiệp. Kiến thức của môn học Địa lý thực vật được trang bị cho sinh viên sẽ là nền tảng cơ sở cho các môn học khác nhau như sinh thái môi trường, khí tượng thủy văn rừng, sinh thái rừng, thực vật rừng, kỹ thuật lâm sinh, nông lâm kết hợp,…..

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần:* Sau khi học xong môn học, sinh viên cần đạt được các mục tiêu sau
MT1: Sinh viên hiểu và nắm vững được các kiến thức cơ bản về khái niệm, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phân bố, các quy luật của sự phân bố thực vật
MT2: Sinh viên hiểu và phân tích được các kiến thức cơ bản về hệ thực vật Việt Nam và vận dụng được các kiến thức cơ bản vào việc phân tích các hệ thực vật tài nguyên rừng.
MT3: Sinh viên có các kỹ năng phân tích đánh giá đa dạng hệ thực vật.
MT4: Sinh viên có khả năng phân tích được sự phân bố của các hệ thực vật và các loài thực vật chủ yếu, đặc biệt là các hệ thực vật tài nguyên rừng

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1: Sinh viên hiểu và phân tích được các kiến thức cơ bản về sự phân bố của thực vật và phân tích đa dạng hệ thực vật

H2: Sinh viên có kỹ năng phân tích vận dụng được kiến thức của môn học vào việc tham gia, xây dựng các kế hoạch, dự án về tài nguyên thực vật rừng

H3: Sinh viên có kĩ năng làm việc nhóm, thuyết trình

H4: Sinh viên có thái độ học tập tích cực, độc lập, sáng tạo và có ý thức trách nhiệm cao

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | x | | | | | | | | | | | | |
| H2 | | | | | | | | | | x | | | | | |
| H3 | | | | | | x | | | x | x | x | | | | |
| H4 | | | | | | | | | | | | | | x | x |

**4. Cấu trúc học phần**

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1: NHỮNG KHÁI NIỆM VỀ HỆ THỰC VẬT VÀ VÀI NÉT VỀ ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN**<br>1.1. Khái niệm về hệ thực vật<br>1.2. Các nguyên nhân ảnh hưởng đến sự hình thành hệ thực vật<br>1.3. Vài nét về địa lý tự nhiên<br>1.4. Sự phân vùng hệ thực vật | LT: 6 tiết<br>BT: 2 tiết | [1] (Chương 1)<br>[5] Chương1<br>[6] Chương 1<br>[10] Chương1<br>[17] |
| 2 | **Chương 2: HỌC THUYẾT CƠ BẢN CỦA KHU PHÂN BỐ THỰC VẬT**<br>2.1. Định nghĩa khu phân bố<br>2.2. Các phương pháp xây dựng bản đồ khu phân bố<br>2.3. Tính chất khu phân bố<br>2.4. Sự mở rộng và thoái hóa khu phân bố<br>2.5. Sự thoái hóa khu phân bố<br>2.6. Các kiểu khu phân bố | LT: 6 tiết<br>BT: 2 tiết | 1] (Chương 2)<br>[5] Chương 2 & chương 3<br>[6] Chương 2<br>[10] Chương 2 & chương 3<br>[12] Chương 2&3<br>[17] |
| 3 | **Chương 3: PHÂN TÍCH BẢN CHẤT CỦA HỆ THỰC VẬT**<br>3.1. Phân tích đặc trưng hệ thực vật một vùng<br>3.2. Phân tích các yếu tố của hệ thực vật<br>3.3. Phân tích bản chất sinh thái hệ thực vật | LT: 4 tiết<br>BT:2 tiết | [1] chương 3<br>[3],[4],[5]: chương 3 & 4<br>[10] chương 3<br>[11] chương 2 và chương 3 [17] |
| 4 | **Chương 4: GIỚI THIỆU KHU HỆ THỰC VẬT VIỆT NAM**<br>4.1. Điều kiện tự nhiên và lịch sử của hệ thực vật Việt Nam<br>4.2. Đặc điểm của hệ thực vật Việt Nam<br>4.3. Phân vùng địa lý thực vật Việt Nam<br>4.4. Sự phân bố những nhóm thực vật chính ở Việt Nam rừng | LT: 6 tiết<br>BT: 2 tiết | [1]: Chương 4<br>[3],[4],[5]: chương 4<br>[10] chương 4<br>[11] chương 4<br>[17] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| B1/T1-4 | Chương 1: NHỮNG KHÁI NIỆM VỀ HỆ THỰC VẬT VÀ VÀI NÉT VỀ ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN<br>. Khái niệm về hệ thực vật<br>1.1.1. Khái niệm hệ thực vật<br>1.1.2. Ý nghĩa của nghiên cứu hệ thực vật<br>1.2. Các nguyên nhân ảnh hưởng đến sự hình thành hệ thực vật<br>1.2.1. Khí hậu<br>1.2.3. Nhân tố lịch sử | H1, H3, H4 | **Phương pháp dạy học:** Phương pháp thuyết trình kết hợp gợi mở, vấn đáp, thảo luận có sự tham gia của người học<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- GV đặt vấn đề, gợi ý, sinh viên trả lời | + Câu hỏi đánh giá<br>+ Bài tập nhóm<br>-Hình thức đánh giá:<br>+ Sinh viên trả lời câu hỏi<br>+ Các nhóm trình bày kết quả chuẩn bị tại lớp và lắng nghe chia sẻ từ nhóm bạn |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 1.2.4. Khả năng thích ứng của cây | | - Sinh viên thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời<br>- Bài tập nhóm<br>- GV nhận xét, góp ý.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu tham khảo Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị bài trình bày, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | |
| B2: T5-T8 | Chương 1: NHỮNG KHÁI NIỆM VỀ HỆ THỰC VẬT VÀ VÀI NÉT VỀ ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN<br>1.2.5. Điều kiện sống hiện nay<br>1.2.6. Tác động tương hỗ giữa các cây với nhau và giữa các cây với sinh vật khác<br>1.2.7. Tác động con người<br>1.3. Vài nét về địa lý tự nhiên<br>1.3.1. Quy luật địa đới theo vĩ độ<br>1.3.2. Quy luật phi địa đới<br>1.4. Sự phân vùng hệ thực vật | H1, H3, H4 | **Phương pháp dạy học:** Phương pháp thuyết trình kết hợp gợi mở, vấn đáp, thảo luận có sự tham gia của người học<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- GV đặt vấn đề, gợi ý, sinh viên trả lời<br>- Sinh viên thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời<br>- Bài tập nhóm<br>- GV nhận xét, góp ý.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu tham khảo Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị bài trình bày , chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | + Câu hỏi đánh giá<br>+ Bài tập nhóm<br>-Hình thức đánh giá:<br>+ Sinh viên trả lời câu hỏi<br>+ Các nhóm trình bày kết quả chuẩn bị tại lớp và lắng nghe chia sẻ từ nhóm bạn |
| B3:T9-T12 | **Chương 2: HỌC THUYẾT CƠ BẢN CỦA KHU PHÂN BỐ THỰC VẬT**<br>2.1. Định nghĩa khu phân bố<br>2.1.1. Định nghĩa<br>2.1.2. Sự sắp xếp các cá thể trong khu phân bố loài | H1, H2, H3, H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Phương pháp thuyết trình kết hợp gợi mở, vấn đáp, thảo luận có sự tham gia của người học<br>**Hình thức tổ chức lớp học:** | + Câu hỏi đánh giá<br>+ Bài tập nhóm<br>-Hình thức đánh giá:<br>+ Sinh viên trả lời câu hỏi |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 2.2. Các phương pháp xây dựng bản đồ khu phân bố<br>2.2.1. Phương pháp điểm<br>2.2.2. Phương pháp chu vi<br>2.2.3. Phương pháp chu vi – điểm<br>2.2.4. Phương pháp ô vuông tọa độ<br>2.2. Tính chất khu phân bố<br>2.3.1. Độ lớn<br>2.3.2. Hình dạng chu vi khu phân bố | | - Gv trình bày bài giảng kết hợp thúc đẩy sự tham gia của sinh viên thông qua đặt câu hỏi, gợi ý và vấn đáp.<br>- Trao đổi ý kiến với sinh viên thông qua hoạt động nhóm của sinh viên<br>- Bài tập nhóm<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu tham khảo Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | + Các nhóm trình bày kết quả chuẩn bị tại lớp và lắng nghe chia sẻ từ nhóm bạn<br>+ Mỗi sinh viên nộp bài trả lời qua email |
| B4: T13-T16 | **Chương 2: HỌC THUYẾT CƠ BẢN CỦA KHU PHÂN BỐ THỰC VẬT**<br>2.2. Tính chất khu phân bố<br>2.3.3. Địa hình học khu phân bố<br>2.3.4. Động thái khu phân bố<br>2.4. Sự mở rộng và thoái hóa khu phân bố<br>2.4.1. Khái niệm<br>2.4.2. Những chướng ngại trong sự mở rộng khu phân bố<br>2.5. Sự thoái hóa khu phân bố<br>2.6. Các kiểu khu phân bố<br>2.6.1. Khu phân bố tự nhiên<br>2.6.2. Khu phân bố nhân tạo<br>2.6.3. Khu phân bố toàn thế giới<br>2.6.4. Khu phân bố đặc hữu<br>2.6.5. Khu phân bố tàn di và hiện tượng tàn di<br>2.6.6. Khu phân bố thay thế và các loài thay thế<br>2.6.7. Khu phân bố liên tục và gián đoạn | H1, H2, H3, H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Phương pháp thuyết trình kết hợp gợi mở, vấn đáp, thảo luận có sự tham gia của người học<br>**Hình thức tổ chức lớp học:**<br>- Gv trình bày bài giảng kết hợp thúc đẩy sự tham gia của sinh viên thông qua đặt câu hỏi, gợi ý và vấn đáp.<br>- Trao đổi ý kiến với sinh viên thông qua hoạt động nhóm của sinh viên<br>- Bài tập nhóm<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu tham khảo Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | + Câu hỏi đánh giá<br>+ Bài tập nhóm<br>-Hình thức đánh giá:<br>+ Sinh viên trả lời câu hỏi<br>+ Các nhóm trình bày kết quả chuẩn bị tại lớp và lắng nghe chia sẻ từ nhóm bạn<br>+ Mỗi sinh viên nộp bài trả lời qua email |
| B5: T17-T20 | Chương 3: PHÂN TÍCH BẢN CHẤT CỦA HỆ THỰC VẬT | H1, H2, H3, H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Phương pháp thuyết trình kết hợp gợi mở, | + Câu hỏi đánh giá<br>+ Bài tập nhóm |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 3.1. Phân tích đặc trưng hệ thực vật một vùng<br>3.1.1. Lập danh lục các loài<br>3.1.2. Xác định bản chất một hệ thực vật<br>3.1.3. Nghiên cứu các yếu tố hệ thực vật<br>3.1.4. Phân tích bản chất sinh thái của hệ thực vật<br>3.1.5. Phân tích mối quan hệ với hệ thực vật khác<br>3.2. Phân tích các yếu tố của hệ thực vật<br>3.2.1. Phân tích các yếu tố địa lý của hệ thực vật<br>3.2.2. Phân tích các yếu tố di truyền của hệ thực vật<br>3.2.3. Phân tích các yếu tố lịch sử của hệ thực vật | | vấn đáp, thảo luận có sự tham gia của người học<br>**Hình thức tổ chức lớp học:**<br>- Gv trình bày bài giảng kết hợp thúc đẩy sự tham gia của sinh viên thông qua đặt câu hỏi, gợi ý và vấn đáp.<br>- Trao đổi ý kiến với sinh viên thông qua hoạt động nhóm của sinh viên<br>- Bài tập nhóm<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu tham khảo Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | -Hình thức đánh giá:<br>+ Sinh viên trả lời câu hỏi<br>+ Các nhóm trình bày kết quả chuẩn bị tại lớp và lắng nghe chia sẻ từ nhóm bạn<br>+ Mỗi sinh viên nộp bài trả lời qua email |
| B6: T21-T24 | Chương 3: PHÂN TÍCH BẢN CHẤT CỦA HỆ THỰC VẬT<br>3.3. Phân tích bản chất sinh thái hệ thực vật<br>3.3.1. Một số khái quát chung<br>3.3.2. Hệ thống các dạng sống của Raunkier<br>3.4.3. Xây dựng phổ dạng sống<br>**Chương 4: GIỚI THIỆU KHU HỆ THỰC VẬT VIỆT NAM**<br>4.1. Điều kiện tự nhiên và lịch sử của hệ thực vật Việt Nam<br>4.1.1. Các nhân tố địa lý địa hình<br>**4**.1.2. Các nhân tố khí hậu, thuỷ văn<br>4.1.3. Các nhân tố đá mẹ, thổ nhưỡng<br>4.1.4. Các nhân tố lịch sử hệ thực vật | H1, H2, H3, H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Phương pháp thuyết trình kết hợp gợi mở, vấn đáp, thảo luận có sự tham gia của người học<br>**Hình thức tổ chức lớp học:**<br>- Gv trình bày bài giảng kết hợp thúc đẩy sự tham gia của sinh viên thông qua đặt câu hỏi, gợi ý và vấn đáp.<br>- Trao đổi ý kiến với sinh viên thông qua hoạt động nhóm của sinh viên<br>- Bài tập nhóm<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu tham khảo Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | + Câu hỏi đánh giá<br>+ Bài tập nhóm<br>-Hình thức đánh giá:<br>+ Sinh viên trả lời câu hỏi<br>+ Các nhóm trình bày kết quả chuẩn bị tại lớp và lắng nghe chia sẻ từ nhóm bạn<br>+ Mỗi sinh viên nộp bài trả lời qua email |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| B7: T25-T28 | Chương 4: GIỚI THIỆU KHU HỆ THỰC VẬT VIỆT NAM<br>4.2. Đặc điểm của hệ thực vật Việt Nam<br>4.2.1. Thành phần phức tạp, phong phú<br>4.2.2. Có nhiều thực vật cổ<br>4.2.3. Yếu tố đặc hữu<br>4.2.4. Nhiều loài có giá trị kinh tế cao<br>4.3. Phân vùng địa lý thực vật Việt Nam<br>4.3.1. Miền thực vật phía Bắc<br>4.3.2. Miền thực vật Trường Sơn<br>4.3.3. Miền thực vật Nam bộ<br>4.4. Sự phân bố những nhóm thực vật chính ở Việt Nam rừng<br>4.4.1. Nhóm thực vật Hạt trần – Gymnospermae<br>4.4.2. Nhóm thực vật Hạt Kín | H1, H2, H3, H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Phương pháp thuyết trình kết hợp gợi mở, vấn đáp, thảo luận có sự tham gia của người học<br>**Hình thức tổ chức lớp học:**<br>- Gv trình bày bài giảng kết hợp thúc đẩy sự tham gia của sinh viên thông qua đặt câu hỏi, gợi ý và vấn đáp.<br>- Trao đổi ý kiến với sinh viên thông qua hoạt động nhóm của sinh viên<br>- Bài tập nhóm<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu tham khảo Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | + Câu hỏi đánh giá<br>+ Bài tập nhóm<br>-Hình thức đánh giá:<br>+ Sinh viên trả lời câu hỏi<br>+ Các nhóm trình bày kết quả chuẩn bị tại lớp và lắng nghe chia sẻ từ nhóm bạn<br>+ Mỗi sinh viên nộp bài trả lời qua email |
| B8: T29-T30 | Ôn tập | H1, H2, H3, H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Phương pháp thuyết trình nội dung ôn tập<br>**Hình thức tổ chức lớp học:**<br>- Gv trình bày pp<br>- Trao đổi ý kiến với sinh viên<br>- **Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu tham khảo Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | + Câu hỏi đánh giá<br>+ Bài kiểm tra |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Bài giảng học phần*

1. Bài giảng chính: Phan Thị Hằng, *Địa lý thực vật*, Đại học Tây Nguyên, 2010

*6.2. Danh lục tài liệu tham khảo*

2. Phạm Quang Anh, 1996. *Phân tích cấu trúc sinh thái cảnh quan ứng dụng định hướng tổ chức du lịch sinh thái xanh ở Việt Nam*. Hà Nội.
3. Nguyễn Tiến Bân (Chủ biên), 2003. *Danh lục các loài thực vật Việt Nam*; tập 2. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.

4. Nguyễn Tiến Bân (Chủ biên), 2005. *Danh lục các loài thực vật Việt Nam*; tập 3. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.
5. Vũ Văn Chuyên, Lê Trần Chân, Trần Hợp, 1993. *Địa lý các họ cây Việt Nam*. NXB. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
6. Lê Trần Chấn (Chủ biên), 2000. *Một số đặc điểm cơ bản của hệ thực vật Việt Nam*. NXB. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
7. Nguyễn Dược – Trung Hải, 1998. *Sổ tay thuật ngữ địa lý*. NXB. Giáo dục,. Hà Nội
8. Phạm Hoàng Hộ, 1991-1993, 1999-2000. *Cây cỏ Việt Nam*, NXB "Mekong". Montreal. Quyển 1 - 3.
9. GS.TS. Vũ Tự Lập, 2004. *Địa lý tự nhiên Việt Nam*. NXB. Đại học sư phạm Hà Nội
10. Nguyễn Nghĩa Thìn, 2004. *Hệ thực vật và đa dạng loài*. NXB. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
11. Nguyễn Nghĩa Thìn, 2005. *Đa dạng sinh học và tài nguyên di truyền thực vật*. NXB. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
12. Nguyễn Nghĩa Thìn, 2007. *Các phương pháp nghiên cứu thực vật*. NXB. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
13. Dương Hữu Thời, 1998. *Cơ sở sinh thái học*.NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội.
14. Thái Văn Trừng, 1978. *Thảm thực vật rừng Việt Nam*. In lần thứ 2 có sửa chữa. NXB KH - KT, Hà Nội,
15. Nguyễn Văn Tuyên, 2000. *Sinh thái và Môi trường*. NXB. Giáo dục, Hà Nội.
16. Hoàng Thị Sản, 2009. *Phân loại học thực vật*. NXB. Giáo dục, Hà Nội.
17. Sách đỏ Việt Nam, 2007. *Phần II. Thực vật*. NXB. Khoa học tự nhiên và công nghệ, Hà Nội
18. Tham khảo trên Internet : www.google.com.vn, www.socialforestry.org.vn, www.Forestry.tk, www.tailieu.vn, wwgw.ebook.edu.vn, www. violet.vn, swww.vncreatures.net,....

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

-Điểm thứ 1: Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần (30%)

-Điểm thứ 2: Hoàn thành các bài tập (50%)

- Điểm thứ 3: Hoàn thành bài kiểm tra (20%)

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có):*

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

*7.4. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu (15T tự học)* Đọc thêm tài liệu tham khảo, truy cập các bài báo, tạp chí trong và ngoài nước. Sinh viên có thể sử dụng nguồn tìm kiếm tài liệu tại:

- Thư viện Trường Đại học Tây Nguyên
- Google scholar
- https://www.researchgate.net
-https://www.google.com

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

*8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70*

*8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận*

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H2 | 20% |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 30% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| | | vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | | |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 30% |
| 4 | Bài kiểm tra | Đánh giá kết quả học tập trong suốt thời gian học tập trên giảng đường và tự nghiên cứu | Phương pháp đánh giá qua chất lượng bài kiểm tra | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 20% |
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ sau quá trình học tập và tự nghiên cứu của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Thi tự luận/ Thi vấn đáp | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 70% |

*Ngày…..tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | TS. Võ Hùng | ThS. Phan Thị Hằng |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**
**Mã học phần: NL213706**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**
Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 1,5; Số tín chỉ thực hành: 0,5
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học song hành:
Học phần học trước:
Học phần tiên quyết:
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Võ Hùng Số điện thoại: 0914069919 Email: vohung@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**
Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức về khái niệm khoa học, công nghệ và nghiên cứu khoa học, đồng thời trang bị kỹ năng tiếp cận khoa học; phương pháp thiết kế khung logic; cấu trúc đề xuất nghiên cứu và cách trình bày báo cáo khoa học.
Học phần này là cơ sở để sinh viên vận dụng vào công việc nghiên cứu khoa học; thực hiện khóa luận hoặc chuyên đề tốt nghiệp.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**
*3.1. Mục tiêu học phần*
Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng
- Trình bày các khái niệm về khoa học, công nghệ và nghiên cứu khoa học (M1)
- Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học để thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học đạt chất lượng. (M2)

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*
Kiến thức
- Trình bày được các khái niệm khoa học; lịch sử phát triển khoa học. (H1)
- Giải thích được sự khác nhau giữa công nghệ; chuyển giao công nghệ và hoạt động nghiên cứu khoa học. (H2)

Kỹ năng
- Sử dụng các phương pháp tiếp cận khoa học để phát hiện ý tưởng nghiên cứu (H3)
- Tổng quan tài liệu nghiên cứu (H4)
- Xây dựng đề cương nghiên cứu trên cơ sở khung logic nghiên cứu (H5)
- Viết đề xuất nghiên cứu và báo cáo khoa học (H6)

Thái độ
- Trung thực, khách quan, có quan điểm khoa học, lịch sử và biện chứng (H7).

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | | | | | | | | | | | | | |
| H2 | | | | | | x | | | | | | | | | |
| H3 | | | | | | | | | | | x | | | | |
| H4 | x | | | | | | | | | | x | | | | |
| H5 | x | | | | | | | | x | | | | | | |
| H6 | | | | | | | | | x | | | | | | |
| H7 | x | | | | | | | | | | | | | x | x |

**4. Cấu trúc học phần**

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. Khái niệm khoa học, công nghệ, nghiên cứu khoa học**<br>**Nội dung:**<br>Khái niệm khoa học<br>1.1.1. Khái niệm khoa học<br>1.1.2. Đối tượng của khoa học<br>1.1.3. Phân loại khoa học<br>1.2. Sự phát triển của khoa học<br>1.2.1. Lịch sử phát triển của khoa học<br>1.2.2. Quy luật phát triển của khoa học<br>1.3. Khái niệm công nghệ và chuyển giao công nghệ<br>1.3.1. Khái niệm công nghệ<br>1.3.2. Khái niệm chuyển giao công nghệ<br>1.4. Nghiên cứu khoa học<br>1.4.1. Khái niệm nghiên cứu khoa học<br>1.4.2. Mức độ nghiên cứu khoa học<br>1.4.3. Loại hình nghiên cứu khoa học | LT: 7 tiết<br>BT: 0 tiết | [1]; [5]; [11]. |
| 2 | **Chương 2. Phương pháp tiếp cận nghiên cứu khoa học**<br>**Nội dung:**<br>2.1. Cơ chế phát hiện ý tưởng nghiên cứu khoa học<br>2.1.1. Cơ chế trực giác<br>2.1.2. Cơ chế phân tích nguyên nhân – hậu quả của vấn đề, phát hiện mâu thuẫn, thiếu sót<br>2.1.3. Cơ chế tiếp thực tiễn, có sự tham gia (PTD)<br>2.2. Tổng quan tài liệu nghiên cứu<br>2.3. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học<br>2.3.1. Phép duy vật biện chứng là cơ sở cho nhận thức khoa học<br>2.3.2. Quan điểm hệ thống, cấu trúc trong nghiên cứu khoa học<br>2.3.3. Quan điểm lịch sử - logic trong nghiên cứu khoa học<br>2.3.4. Quan điểm thực tiễn trong nghiên cứu khoa học<br>2.4. Kỹ năng nghiên cứu khoa học<br>2.4.1. Sử dụng phương pháp luận nghiên cứu thích hợp<br>2.4.2. Sử dụng và phát triển phương pháp nghiên cứu cụ thể<br>2.4.3. Sử dụng công cụ, kỹ thuật nghiên cứu | LT: 7 tiết<br>BT: 3 tiết | [1]; [5]; [11]; [12]; [13].ghi rõ chương mục cần đọc |
| 3 | **Chương 3: Thiết kế khung logic nghiên cứu**<br>**Nội dung**<br>3.1. Tiến trình logic phát triển giải pháp nghiên cứu<br>3.1.1. Xác định mục đích, mục tiêu nghiên cứu<br>3.1.2. Thiết kế nội dung nghiên cứu<br>3.1.3. Chọn lựa, thiết lập phương pháp nghiên cứu cụ thể<br>Phương pháp nghiên cứu thực tiễn<br>Phương pháp nghiên cứu lý thuyết | LT: 5 tiết<br>BT: 5 tiết | [1]; [5]; [6]; [11]; [12]; [13]. |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | Phương pháp chuyên gia<br>Phương pháp mô hình hoá, mô phỏng toán học các quy luật tự nhiên xã hội<br>Phương pháp nghiên cứu có sự tham gia (PR - Participatory Research).<br>3.1.4. Phát hiện giải định quan trọng<br>3.2. Xây dựng khung logic nghiên cứu | | |
| 4 | **Chương 4: Trình bày đề xuất nghiên cứu và báo cáo khoa học**<br>**Nội dung**<br>4.1. Viết đề xuất nghiên cứu<br>4.2. Cấu trúc báo cáo khoa học | LT: 4 tiết<br>BT: 6 tiết | [1]; [5]; [6]; [11]; [12]; [13]. |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Buổi học 1 và 2<br>Số tiết: 1 - 7 | **Chương 1. Khái niệm khoa học, công nghệ, nghiên cứu khoa học**<br>**Nội dung:**<br>. Khái niệm khoa học<br>1.1.1. Khái niệm khoa học<br>1.1.2. Đối tượng của khoa học<br>1.1.3. Phân loại khoa học<br>1.2. Sự phát triển của khoa học<br>1.2.1. Lịch sử phát triển của khoa học<br>1.2.2. Quy luật phát triển của khoa học<br>1.3. Khái niệm công nghệ và chuyển giao công nghệ<br>1.3.1. Khái niệm công nghệ<br>1.3.2. Khái niệm chuyển giao công nghệ<br>1.4. Nghiên cứu khoa học<br>1.4.1. Khái niệm nghiên cứu khoa học<br>1.4.2. Mức độ nghiên cứu khoa học<br>1.4.3. Loại hình nghiên cứu khoa học | - H1: Trình bày được các khái niệm khoa học, kỹ thuật, công nghệ và nghiên cứu khoa học<br>- H2: Phân biệt giữa kỹ thuật và công nghệ, chuyển giao công nghệ<br>- Phân loại được mức độ nghiên cứu khoa học | - Giảng viên trình bày<br>- PP động não: Khoa học là gì?<br>- Thảo luận nhóm: Phân biệt Kỹ thuật và công nghệ.<br>- Phân biệt các loại hình nghiên cứu khoa học<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Chuẩn bị báo cáo,<br><br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | + Báo cáo của các nhóm trước lớp |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Buổi học 2 - 5<br>Số tiết: 8 - 17 | **Chương 2. Phương pháp tiếp cận nghiên cứu khoa học**<br>**Nội dung:**<br>2.1. Cơ chế phát hiện ý tưởng nghiên cứu khoa học<br>2.1.1. Cơ chế trực giác<br>2.1.2. Cơ chế phân tích nguyên nhân – hậu quả của vấn đề, phát hiện mâu thuẫn, thiếu sót<br>2.1.3. Cơ chế tiếp thực tiễn, có sự tham gia (PTD)<br>2.2. Tổng quan tài liệu nghiên cứu<br>2.3. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học<br>2.3.1. Phép duy vật biện chứng là cơ sở cho nhận thức khoa học<br>2.3.2. Quan điểm hệ thống, cấu trúc trong nghiên cứu khoa học<br>2.3.3. Quan điểm lịch sử - logic trong nghiên cứu khoa học<br>2.3.4. Quan điểm thực tiễn trong nghiên cứu khoa học<br>2.4. Kỹ năng nghiên cứu khoa học<br>2.4.1. Sử dụng phương pháp luận nghiên cứu thích hợp<br>2.4.2. Sử dụng và phát triển phương pháp nghiên cứu cụ thể<br>2.4.3. Sử dụng công cụ, kỹ thuật nghiên cứu | - H3: Vận dụng một vài cơ chế để phát hiện ý tưởng nghiên cứu.<br><br>- H4: Lập danh lục tài liệu tham khảo và trình bày cách tổng quan tài liệu có hệ thống<br>- Giải thích và xác định phương pháp luận cho một chủ đề nghiên cứu đơn giản | - Giảng viên trình bày<br><br>- Bài tập nhóm: Hãy phân tích nguyên nhân – hậu quả của một vấn đề (mà nhóm chọn), để phát hiện ý tưởng nghiên cứu.<br>- Bài giao nhiệm vụ: Hãy tổng quan tài liệu về chủ đề nghiên cứu<br>Bài tập động não: Để nghiên cứu KH có hiệu quả cần có những kỹ năng gì?<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu tham khảo<br><br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | - Báo cáo kết quả của các nhóm trước lớp.<br><br>- Bài tổng quan tài liệu của nhóm trên A4. |
| Buổi học 4 - 7<br>Số tiết: 18 - 27 | **Chương 3: Thiết kế khung logic nghiên cứu**<br>**Nội dung**<br>3.1. Tiến trình logic phát triển giải pháp nghiên cứu | - H5: Viết mục tiêu nghiên cứu | Giảng viên trình bày<br>Bài tập nhóm: Viết mục tiêu cho chủ đề nghiên | |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 3.1.1. Xác định mục đích, mục tiêu nghiên cứu<br>3.1.2. Thiết kế nội dung nghiên cứu<br>3.1.3. Chọn lựa, thiết lập phương pháp nghiên cứu cụ thể<br>3.1.4. Phát hiện giải định quan trọng<br>3.2. Xây dựng khung logic nghiên cứu | theo tiêu chí SMART<br>- Thiết lập khung logic nghiên cứu | cứu mà nhóm đã chọn, bảo đảm tiêu chí SMART<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu tham khảo<br>**Địa điểm học**:<br>- Giảng đường | - Báo cáo kết quả của các nhóm trước lớp. |
| Buổi học 7 - 9<br>Số tiết: 28 - 37 | **Chương 4: Trình bày đề xuất nghiên cứu và báo cáo khoa học**<br>**Nội dung**<br>4.1. Viết đề xuất nghiên cứu<br>4.2. Cấu trúc báo cáo khoa học | - H6: Sử dụng cấu trúc mẫu để xây dựng đề xuất nghiên cứu<br>- Áp dụng cấu trúc mẫu để viết báo cáo khoa học | Giảng viên trình bày<br>Minh họa qua các đề cương nghiên cứu; các báo cáo khoa học các cấp | - Bản đề xuất nghiên cứu của các nhóm; bao gồm cả khung logic nghiên cứu. |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1]. Bảo Huy và Võ Hùng (2010): Bài giảng Phương pháp tiếp cận khoa học. Trường Đại học Tây Nguyên.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2]. Chu Đức (2001): Mô hình toán các hệ thống sinh thái. Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.

[3]. Chu Đức (2001): Mô hình toán trong hạch toán kinh tế môi trường. Nxb Giáo Dục, Hà Nội.

[4]. Lưu Đức Hải (2002): Cơ sở khoa học môi trường. Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.

[5]. Bảo Huy, các cố vấn và cộng sự (2003): Sổ tay hướng dẫn phát triển công nghệ có sự tham gia. Mạng lưới đào tạo LNXH Việt Nam, Helvetas, Bộ NN & PTNT. Nxb NN & PTNT.

[6]. Bảo Huy và cộng tác viên (2004): Xây dựng mô hình quản lý rừng và đất rừng dựa vào cộng đồng dân tộc thiểu số Jrai và Bahnar, tỉnh Gia Lai. Đề tài nghiên cứu khoa học, Sở Khoa học công nghệ – UBND tỉnh Gia Lai, 189 trang.

[7]. Jacques Vernier (1993): Môi trường sinh thái. Nxb Thế giới, Hà Nội.

[8]. Nguyễn Đức Khiển (2001): Môi trường và phát triển. Nxb Khoa học & Kỹ thuật, Hà Nội.

[9]. Stephen D. Wratten and other (1986): Thực nghiệm sinh thái học. Nxb Khoa học kỹ thuật, Hà Nội

[10]. Trịnh Thị Thanh, Lưu Lan Hương (2001): Sinh thái học - Phần thực tập. Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.

[11]. Phạm Viết Vượng (2000): Phương pháp luận nghiên cứu khoa học. Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.

[12]. C.P. Patrick Reid (2000): Handbook for preparing and writing research proposals. University of Anizona, International Union of Forestry Research Organization (IUFRO), Vienna, Austria, 164p.

[13]. Paul Stapleton (1987): Writing research papers. An easy guide for Non-Native-English Spearkers. Auatralian Center for International Agricultural Research ACIAR, Canberra.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)*

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận: Xây dựng hoàn chỉnh một đề cương (đề xuất) nghiên cứu.

*7.4. Phần khác (nếu có):* Ví dụ như tham quan thực tế

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%.; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

(Trọng số điểm bộ phận <=30%; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H7 (Liệt kê các chuẩn đầu ra được đánh giá) | 10% |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | (Liệt kê các chuẩn đầu ra được đánh giá) | 0% |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5 | 5% |
| 4 | Tiểu luận/Thí nghiệm, thực hành | Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên. | H6 (Liệt kê các chuẩn đầu ra được đánh giá) | 15% |
| | | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra. | | |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 5 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm. | | 0% |
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 30% |

* Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể có đầy đủ các hình thức đánh giá trên, hoặc có thể thêm hay bớt cho phù hợp, nhưng đảm bảo tổng tỷ lệ điểm bộ phận là 100%. Việc đánh giá điểm bộ phận gồm các thành phần và tỷ lệ tương ứng như công bố, (kết quả điểm bộ phận × trọng số điểm bộ phận+điểm thi × trọng số thi)/100= kết quả học phần.

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Thi tự luận (Thi tự luận, Thực hành, vấn đáp, trắc nghiệm, …) | H1; H2; H3, H4, H5 | 70% |

*Ngày…..tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | ThS. Trần Đình Thế | TS. Võ Hùng |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: KỸ THUẬT LÂM SINH**
**Mã học phần: NL213714**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 1,5; Số tín chỉ thực hành: 0,5

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học song hành:

Học phần học trước:

Học phần tiên quyết:

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Võ Hùng; Số điện thoại: 0914069919; Email: vohung@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nguyên lý kỹ thuật lâm sinh; các phương thức lâm sinh, nuôi dưỡng rừng áp dụng phù hợp cho các đối tượng rừng khác nhau như rừng đồng tuổi; rừng khác tuổi; rừng thứ sinh nghèo và rừng khộp.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng

- Trình bày các nguyên lý và phương thức kỹ thuật lâm sinh; nuôi dưỡng rừng áp dụng phù hợp cho các đối tượng rừng khác nhau (M1)
- Tham gia thiết kế, tổ chức và giám sát thực hiện một số giải pháp kỹ thuật lâm sinh cụ thể áp dụng cho một đối tượng rừng cụ thể. (M2)

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

*Kiến thức:*

- Trình bày được các nguyên lý kỹ thuật lâm sinh (H1)
- Trình bày được các vấn đề cơ bản của kỹ thuật nuôi dưỡng rừng (H2)
- Phân tích được ưu nhượt điểm của các giải pháp lâm sinh, khai thác rừng áp dụng cho các đối tượng rừng đều tuổi; khác tuổi và rừng thứ sinh nghèo. (H3)

*Kỹ năng*

- Lựa chọn và sử dụng các công cụ, thiết bị và kỹ thuật thích ứng để tổ chức thực hiện việc điều tra rừng theo các chỉ tiêu, yêu cầu của ngành. (H4)
- Thiết kế tổ chức và giám sát thực hiện một số giải pháp kỹ thuật lâm sinh cụ thể áp dụng cho một đối tượng rừng cụ thể. (H5)

*Thái độ*

- Tôn trọng và học hỏi cộng đồng; yêu thiên nhiên. (H6)
- Không ngại khó khăn, làm việc cẩn trọng, nhiệt tình. (H7)

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | | | | x | | | | | | | | | |
| H2 | | | | | | x | | | | | | | | | |
| H3 | | | | | | x | | | | | | | | | |
| H4 | | | | | | | | | x | | | | | | |
| H5 | | | | | | | | | | | x | | | | |
| H6 | | | | | | | | | | | | | | | x |
| H7 | | | | | | | | | | | | | | x | |

**4. Cấu trúc học phần**

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. Nguyên lý kỹ thuật lâm sinh**<br>**Nội dung:**<br>1.1. Những khái niệm cơ bản<br>1.2. Đặc trưng hệ sinh thái rừng liên quan tới kỹ thuật lâm sinh<br>1.3. Tiền đề xác định phương thức lâm sinh<br>1.4. Tiêu chuẩn đánh giá phương thức kỹ thuật lâm sinh<br>1.5. Lịch sử và xu hướng phát triển kỹ thuật lâm sinh | LT: 3 tiết<br>BT: 2 tiết | [1]; [7]; [10]; [12]; [14] ghi rõ chương mục cần đọc |
| 2 | **Chương 2: Kỹ thuật nuôi dưỡng rừng**<br>**Nội dung**<br>2.1. Khái niệm chung<br>2.2. Mục tiêu, nhiệm vụ của chặt nuôi dưỡng rừng<br>2.3. Các loại chặt nuôi dưỡng<br>2.4. Các chỉ tiêu kỹ thuật trong chặt nuôi dưỡng<br>2.5. Chặt nuôi dưỡng rừng ở Việt Nam. | LT: 5 tiết<br>BT: 3 tiết | [1]; [2]; [3]; [4]; [6]; [10]; [12]; [13]; [14]; |
| 3 | **Chương 3: Phương thức lâm sinh cho rừng đều tuổi**<br>**Nội dung**<br>3.1. Phương thức khai thác trắng ở châu Âu<br>3.2. Phương thức khai thác trắng ở nhiệt đới<br>3.3. Phương thức khai thác dần ở châu Âu<br>3.4. Phương thức khai thác dần ở nhiệt đới | LT: 4 tiết<br>BT: 4 tiết | [1]; [2]; [3]; [4]; [6]; [7]; [10]; [12]; [13]; [14]; [15]; [16] |
| 4 | **Chương 4: Phương thức lâm sinh sinh cho rừng khác tuổi**<br>**Nội dung**<br>4.1. Phương thức khai thác chọn ở châu Âu<br>4.2. Phương thức khai thác chọn ở nhiệt đới<br>4.3. Phương thức lâm sinh áp dụng cho rừng chồi – hạt | LT: 5 tiết<br>BT: 3 tiết | [1]; [2]; [3]; [4]; [6]; [7]; [10]; [12]; [13]; [14]; [15]; [16] |
| 5 | **Chương 5: Kỹ thuật lâm sinh áp dụng cho rừng thứ sinh nghèo**<br>**Nội dung**<br>5.1. Khái niệm và đặc điểm rừng thứ sinh (TS) nghèo<br>5.2. Các phương pháp phân loại rừng TS nghèo<br>5.3. Kỹ thuật lâm sinh áp dụng cho rừng TS nghèo; rừng khộp | LT: 4 tiết<br>BT: 4 tiết | [1]; [2]; [3]; [4]; [6]; [7]; [8]; [10]; [12]; [13]; [14]; [15]; [16] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Buổi học 1<br>Số tiết: 1 - 5 | **Chương 1. Nguyên lý kỹ thuật lâm sinh**<br>**Nội dung:**<br>1.1. Những khái niệm cơ bản<br>1.2. Đặc trưng hệ sinh thái rừng liên quan tới kỹ thuật lâm sinh | - Trình bày được khái niệm cơ bản về kỹ thuật lâm sinh, hệ sinh thái rừng, tiền đề xác định phương thức lâm sinh. | - GV trình bày có minh họa<br><br>- Làm việc nhóm theo phương pháp Phillip XYZ: Những tiêu chuẩn nào là quan trọng nhất khí đánh giá | - Kết quả trình bày của các nhóm trước lớp |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 1.3. Tiền đề xác định phương thức lâm sinh<br>1.4. Tiêu chuẩn đánh giá phương thức kỹ thuật lâm sinh<br>1.5. Lịch sử và xu hướng phát triển kỹ thuật lâm sinh | - Vận dụng các tiêu chuẩn để đánh giá phương thức kỹ thuật lâm sinh | một phương thức kỹ thuật lâm sinh | |
| Buổi học 2 - 4<br>Số tiết: 6 - 13 | **Chương 2: Kỹ thuật nuôi dưỡng rừng**<br>**Nội dung**<br>2.1. Khái niệm chung<br>2.2. Mục tiêu, nhiệm vụ của chặt nuôi dưỡng rừng<br>2.3. Các loại chặt nuôi dưỡng<br>2.4. Các chỉ tiêu kỹ thuật trong chặt nuôi dưỡng<br>2.5. Chặt nuôi dưỡng rừng ở Việt Nam. | - Trình bày được các vấn đề cơ bản của kỹ thuật nuôi dưỡng rừng | - GV trình bày có minh họa<br><br>- Bài tập nhóm: Phân tích các chỉ tiêu kỹ thuật của chặt chọn rừng cộng đồng buôn Tul, xã Yang Mao, huyện Krông Bông, Đăk Lăk. | - Kết quả trình bày của các nhóm trước lớp |
| Buổi học 4 - 6<br>Số tiết: 14 - 21 | **Chương 3: Phương thức lâm sinh cho rừng đều tuổi**<br>**Nội dung**<br>3.1. Phương thức khai thác trắng ở châu Âu<br>3.2. Phương thức khai thác trắng ở nhiệt đới<br>3.3. Phương thức khai thác dần ở châu Âu<br>3.4. Phương thức khai thác dần ở nhiệt đới | - Phân tích được ưu nhượt điểm của các giải pháp lâm sinh, khai thác rừng áp dụng cho đối tượng rừng đều tuổi | - GV trình bày có minh họa<br>- Bài tập nhóm: Phương thức lâm sinh chặt chọn đối với rừng trồng thông ba lá huyện Lăk, tỉnh Đăk Lăk: Ưu nhượt điểm và kỹ thuật chặt chọn. | - Kết quả chấm bài A4 của các nhóm |
| Buổi học 6 - 8<br>Số tiết: 22 - 29 | **Chương 4: Phương thức lâm sinh sinh cho rừng khác tuổi**<br>**Nội dung**<br>4.1. Phương thức khai thác chọn ở châu Âu<br>4.2. Phương thức khai thác chọn ở nhiệt đới<br>4.3. Phương thức lâm sinh áp dụng cho rừng chồi – hạt | Phân tích được ưu nhượt điểm của các giải pháp lâm sinh, khai thác rừng áp dụng cho các đối tượng rừng khác tuổi | - GV trình bày có minh họa<br>- Bài giao nhiệm vụ cho các nhóm: Phương thức lâm sinh chặt chọn đối với rừng tự nhiên giao cho cộng đồng ở Buôn Tul, xã Yang Mao, huyện | - Kết quả trình bày của các nhóm trước lớp |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | | Krông Bông, Đăk Lăk. | |
| Buổi học 8 - 9<br>Số tiết: 30 - 37 | **Chương 5: Kỹ thuật lâm sinh áp dụng cho rừng thứ sinh nghèo**<br>**Nội dung**<br>5.1. Khái niệm và đặc điểm rừng thứ sinh (TS) nghèo<br>5.2. Các phương pháp phân loại rừng TS nghèo<br>5.3. Kỹ thuật lâm sinh áp dụng cho rừng TS nghèo; rừng khộp | Phân tích được ưu nhượt điểm của các giải pháp lâm sinh, khai thác rừng áp dụng cho các đối tượng rừng thứ sinh nghèo. | - GV trình bày có minh họa<br>- Bài tập nhóm: PP Phillip: Nguyên nhân suy thoái rừng khộp ở Tây Nguyên; đề xuất giải pháp lâm sinh áp dụng | - Kết quả trình bày của các nhóm trước lớp |

**6. Phần tài liệu tham khảo**

*6.3. Giáo trình học phần*

[1]. Võ Hùng (2014): *Bài giảng Kỹ thuật lâm sinh*. Trường Đại học Tây Nguyên

*6.4. Sách, tài liệu tham khảo*

[2]. G. Baur (1964). *Cơ sở sinh thái học của kinh doanh rừng mưa* Vương Tấn Nhị dịch. Nxb Khoa học Kỹ thuật. Hà Nội

[3]. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2001). *Văn bản tiêu chuẩn kỹ thuật lâm sinh*, tập II Nxb Nông nghiệp. Hà Nội.

[4]. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2002). *Văn bản tiêu chuẩn kỹ thuật lâm sinh*, tập III. Nxb Nông nghiệp. Hà Nội.

[5]. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2010). Báo *cáo tiến độ Chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam 2006-2010*

[6]. Trần Văn Con (2007). *Nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và các giải pháp nhằm xây dựng mô hình quản lý bền vững rừng tự nhiên ở Tây Nguyên.* Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam. Hà Nội

[7]. Trần Văn Con (2008). *Hướng tới một nền lâm nghiệp bền vững đa chức năng-nhìn về tương lai từ quan điểm lâm học* Nxb Lao động – Xã hội. Hà Nội

[8]. Phạm Xuân Hoàn (2002). *Một số kết quả nghiên cứu phục hồi rừng bằng cây bản địa*. Tạp chí Nông nghi p và PTNT số 10.

[9. Phạm Xuân Hoàn và CS (2004). *Một số vấn đề trong Lâm học nhiệt đới*. Nxb Nông nghiệp. Hà Nội

[10]. Phạm Xuân Hoàn và CS (2011). *Kỹ thuật lâm sinh nâng cao*. Nxb Nông nghiệp. Hà Nội

[11]. Trần Ngũ Phương (2000). *Một số vấn đề về rừng nhiệt đới Việt Nam* Nxb Nông nghiệp. Hà Nội.

[12]. Võ Văn Thanh (2006): *Bài giảng kỹ thuật lâm sinh.* Trường Đại học Tây Nguyên.

[13]. Nguyễn Văn Thêm (1996). *Lâm nghiệp đại cương*. Nxb Khoa học kỹ thuật. Tp HCM

[14]. Phạm Minh Toại (2007). *Bài giảng Kỹ thuật Lâm Sinh*. Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam. Hà Nội

[15]. Thái Văn Trừng (1978). *Thảm thực vật rừng Việt Nam trên quan điển hệ sinh thái*, Nxb. Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.

[16]. Nguyễn Văn Trương (1984). *Quy luật cấu trúc rừng gỗ hỗn loại*, Nxb. Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.

[17]. Daniel, T. W., J. A. Helms, and F. S. Baker 1979, *Principles of Siliculture*, Second Edition, McGraw-Hill, New York, ISBN 0-07-015297-7 521 p.
[18]. Juergen Blasse, Jim Douglas (2000). *The future for forests?* The Tropical Forest Update, No 2000:4.
[19]. Kostler, W, 1990, *Silviculture*, State Mutual Book & Periodical Service, Limited, ISBN 8170891280 436 pp.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)*

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần: Nghiên cứu phương thức lâm sinh áp dụng cho rừng thường xanh của cộng đồng buôn Tul, xã Yang Mao, huyện Krông Bông, tỉnh Đăk Lăk
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành: Phân tích ư,u nhượt điểm và các chỉ tiêu kỹ thuật của phương thức lâm sinh áp dụng cho rừng thường xanh của cộng đồng nói trên.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có):.*

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận:

+ Phương thức lâm sinh chặt chọn đối với rừng trồng thông ba lá huyện Lăk, tỉnh Đăk Lăk: Ưu nhượt điểm và kỹ thuật chặt chọn

+ Nguyên nhân suy thoái rừng khộp ở Tây Nguyên; đề xuất giải pháp lâm sinh áp dụng

*7.4. Phần khác (nếu có):*

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%.; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

(Trọng số điểm bộ phận <=30%; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H2 | 10% |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | H1<br>H2 | 0% |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H1<br>H2 | 5% |
| 4 | Tiểu luận/Thí nghiệm, | Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề | Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, | H1<br>H2 | 15% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| | thực hành | bằng ngôn ngữ viết của sinh viên. | giải quyết vấn đề của sinh viên. | | |
| | | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra. | | |
| 5 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm. | H1<br>H2 | 0% |
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 30% |

* Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể có đầy đủ các hình thức đánh giá trên, hoặc có thể thêm hay bớt cho phù hợp, nhưng đảm bảo tổng tỷ lệ điểm bộ phận là 100%. Việc đánh giá điểm bộ phận gồm các thành phần và tỷ lệ tương ứng như công bố, (kết quả điểm bộ phận × trọng số điểm bộ phận+điểm thi × trọng số thi)/100= kết quả học phần.

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Thi tự luận (Thi tự luận, Thực hành, vấn đáp, trắc nghiệm, …) | H1; H2; H3, H4, H5 | 70% |

*Ngày ..... tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | ThS. Trần Đình Thế | TS. Võ Hùng |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: ĐIỀU TRA RỪNG**
**Mã học phần: NL213717**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**
Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 1,5; Số tín chỉ thực hành: 0,5
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học song hành:
Học phần học trước:
Học phần tiên quyết:
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Lê Đình Nam; Số điện thoại: 0914053097; Email: ldnam@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**
Học phần này được dạy cho chương trình đào tạo kỹ sư quản lý tài nguyên rừng và kỹ sư Lâm sinh. Học phần nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về các quy luật về hình dạng thân cây, các phương pháp đo tính thể tích, tăng trưởng cây rừng, quy luật phân bố và tương quan, các phương pháp xác định các nhân tố điều tra lâm phần, các quy luật sinh trưởng và tăng trưởng lâm phần, phương pháp điều tra tài nguyên rừng.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**
*3.1. Mục tiêu học phần*
M1. Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng vận dụng và tìm ra những quy luật khách quan tồn tại trong các đối tượng điều tra, từ đó xây phương pháp điều tra rừng phù hợp với thực tiễn.
*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*
*Kiến thức:*
H1. Tham gia tổ chức, chỉ đạo công tác điều tra tài nguyên trong thực tiễn sản xuất.
H2. Phân tích, tổng hợp số liệu điều tra. Xây dựng và lựa chọn chỉ đạo thực hiện quy trình quy phạm điều tra rừng phù hợp với từng đối tượng cụ thể.
*Kỹ năng*
H3. Vận dụng và tìm ra những quy luật khách quan tồn tại trong các đối tượng điều tra, từ đó xây phương pháp điều tra rừng phù hợp với thực tiễn.
*Thái độ*
H4. Có quan điểm tiếp cận điều tra rừng trên quan điểm phát triển bền vững.
*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | | | | x | | | x | | | | | | |
| H2 | | | | | | | | | x | | | | | | |
| H3 | | | | | | | | | | | | | | x | |
| H4 | | | | | | | | | | | | | | | x |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1: Điều tra cây cá biệt**<br>**Nội dung:** | LT: 4 tiết | [1] |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 1.1. Nghiên cứu về hình dạng thân cây.<br>1.2. Đo tính thể tích cây ngã và gỗ sản phẩm.<br>1.3. Đo tính thể tích cây đứng.<br>1.4. Điều tra tăng trưởng cây rừng | BT: 2 tiết<br>TH: 5 tiết | |
| 2 | **Chương 2: Điều tra lâm phần**<br>**Nội dung**<br>2.1. Một số quy luật phân bố và tương quan.<br>2.2. Các nhân tố điều tra lâm phần và phương pháp xác định.<br>2.3. Sinh trưởng và tăng trưởng lâm phần<br>2.4. Các phương pháp dự đoán sinh trưởng và sản lượng | LT: 6 tiết<br>BT: 4 tiết<br>TH: 5 tiết | [1] |
| 3 | **Chương 3: Điều tra tài nguyên rừng**<br>**Nội dung**<br>3.1. Hệ thống phân chia trạng thái rừng.<br>3.2. Các phương pháp điều tra rừng. | LT: 4 tiết<br>BT: 3 tiết<br>TH: 5 tiết | [[1] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Buổi học 1 - 3<br>Số tiết: 1 - 11 | **Chương 1: Điều tra cây cá biệt**<br>**Nội dung:**<br>1.1. Nghiên cứu về hình dạng thân cây.<br>1.2. Đo tính thể tích cây ngã và gỗ sản phẩm.<br>1.3. Đo tính thể tích cây đứng.<br>1.4. Điều tra tăng trưởng cây rừng | H1, H2, H3, H4 | - GV trình bày có minh họa<br>- Bài tập cá nhân<br>- Bài tập nhóm | - Kết quả bài tập cá nhân<br>- Kết quả làm việc nhóm |
| Buổi học 3 - 7<br>Số tiết: 12 - 26 | **Chương 2: Điều tra lâm phần**<br>**Nội dung**<br>2.1. Một số quy luật phân bố và tương quan.<br>2.2. Các nhân tố điều tra lâm phần và phương pháp xác định.<br>2.3. Sinh trưởng và tăng trưởng lâm phần<br>2.4. Các phương pháp dự đoán sinh trưởng và sản lượng | H1, H2, H3, H4 | - GV trình bày có minh họa<br>- Bài tập cá nhân<br>- Bài tập nhóm | - Kết quả bài tập cá nhân<br>- Kết quả làm việc nhóm |
| Buổi học 7 - 10<br>Số tiết: 27 - 38 | **Chương 3: Điều tra tài nguyên rừng**<br>**Nội dung**<br>3.1. Hệ thống phân chia trạng thái rừng.<br>3.2. Các phương pháp điều tra rừng. | H1, H2, H3, H4 | - GV trình bày có minh họa<br>- Bài tập cá nhân<br>- Bài tập nhóm | - Kết quả bài tập cá nhân<br>- Kết quả làm việc nhóm |

**6. Phần tài liệu tham khảo**

*6.5. Giáo trình học phần*

[1]. Lê Đình Nam, *Bài giảng Điều tra rừng*, Trường Đại học Tây Nguyên, Đăk Lăk.

*6.6. Sách, tài liệu tham khảo*

[2]. Bộ Lâm nghiệp, 1990: Hướng dẫn xây dựng phương án điều chế rừng lâm trường Việt nam, Hà Nội.

[3]. Bộ Lâm nghiệp, 1993: Quy phạm các giải pháp kỹ thuật lâm sinh áp dụng cho rừng sản xuất gỗ và tre nứa. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

[4]. Bảo Huy (2007): Tin học và thống kê trong lâm nghiệp. Đại học Tây Nguyên

[5]. Vũ Đình Phương, 1986: Phương hướng và phương pháp điều chế rừng gỗ kinh tế tự nhiên. Những vấn đề kỹ thuật trong điều chế rừng. Thông tin KHKT LN, Viện Lâm nghiệp, số 2/1986, tr 8-17.

[6]. Vũ Đình Phương, 1988 Nghiên cứu xác định cấu trúc quần thể rừng phù hợp cho từng đối tượng và mục tiêu điều chế, Tóm tắt kết quả nghiên cứu khoa học 1987-1988, Viện Lâm nghiệp, tr51-52.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)*

- Sử dụng các dụng cụ điều tra rừng
- Thiết lập các ô mẫu điều tra rừng

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có):*

*7.4. Phần khác (nếu có):*

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%.; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

(Trọng số điểm bộ phận <=30%; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1; H2; H3; H4 | 20% |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | H1; H2; H3; H4 | 20% |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H1; H2; H3; H4 | 20% |
| 4 | Tiểu luận/Thí nghiệm, | Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề | Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, | H1; H2; H3; H4 | 20% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| | thực hành | bằng ngôn ngữ viết của sinh viên. | giải quyết vấn đề của sinh viên. | | |
| | | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra. | | |
| 5 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm. | H1; H2; H3; H4 | 20% |
| Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | | | | 100% |

* Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể có đầy đủ các hình thức đánh giá trên, hoặc có thể thêm hay bớt cho phù hợp, nhưng đảm bảo tổng tỷ lệ điểm bộ phận là 100%. Việc đánh giá điểm bộ phận gồm các thành phần và tỷ lệ tương ứng như công bố, (kết quả điểm bộ phận × trọng số điểm bộ phận+điểm thi × trọng số thi)/100= kết quả học phần.

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Thi tự luận (Thi tự luận, Thực hành, vấn đáp, trắc nghiệm, …) | H1; H2; H3, H4, H5 | 70% |

*Ngày ..... tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| TS. Nguyễn Văn Minh | PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương | ThS. Lê Đình Nam |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: CÔN TRÙNG RỪNG**
**Mã học phần: NL213151**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**
Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1,5; Số tín chỉ thực hành: 0,5
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học song hành:
Học phần học trước:
Học phần tiên quyết:
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Trần Thị Lệ Trà; Số điện thoại: 0974741770;
Email:Tranletra@gmail.com

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:** (ít nhất 150 từ)

Côn trùng rừng là một môn học được giảng dạy ở các trường Đại học thuộc lĩnh vực Lâm nghiệp, là phần kiến thức bắt buộc của chuyên ngành Lâm sinh và Quản lý tài nguyên rừng. Đó là một môn khoa học chuyên nghiên cứu về các loài côn trùng sống trong rừng. Vai trò của các loài côn trùng trong hệ sinh thái rừng và trong xã hội là rất lớn vì thế để quản lý có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và phát triển rừng một cách bền vững, việc hiểu biết về côn trùng là rất cần thiết.

Đây là học phần chuyên ngành và bắt buộc dành cho sinh viên học kỳ 6 (năm thứ 3), học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về côn trùng rừng như khái niệm về côn trùng học, vị trí phân loại của lớp côn trùng, vai trò của côn trùng đối với tự nhiên và con người, đặc điểm hình thái của côn trùng, sinh lý-giải phẫu, sinh vật học, hệ thống phân loại của lớp côn trùng, sinh thái học côn trùng, một số loài côn trùng rừng phổ biến và các biện pháp cơ bản để quản lý côn trùng rừng. Học phần sử dụng các kiến thức của các học phần cơ bản và cơ sở khác như: Sinh học, Khí tượng thủy văn rừng, Sinh thái rừng, Thực vật rừng. Đồng thời môn học còn kiến thức cơ sở để phục vụ cho các học phần chuyên ngành như: trồng rừng, nông lâm kết hợp, điều tra quy hoạch sinh thái cảnh quan.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

- M1: Cung cấp kiến thức về đặc điểm khái quát của ngành chân đốt và lớp côn trùng cũng như cấu tạo hình thái cơ thể côn trùng làm cơ sở để phân tích phương thức hoạt động và đặc điểm thích nghi của côn trùng.
- M2: Cung cấp kiến thức về cấu tạo và chức năng các bộ máy bên trong cơ thể của côn trùng, giải thích mối quan hệ thích nghi giữa cấu tạo, chức năng của các bộ máy trong cơ thể với môi trường sống.
- M3: Xác định các đặc điểm sinh học cũng như các giai đoạn sinh trưởng và phát triển của côn trùng. Cung cấp kiến thức về phân loại côn trùng. Từ đó giúp người học mô tả và nhận biết được đặc điểm phân loại của một số bộ, họ côn trùng phổ biến trong lâm nghiệp
- M4: Giải thích các nhân tố sinh thái ảnh hưởng tới côn trùng cũng như quy luật phát sinh, phát triển của chúng. Từ đó vận dụng để đưa ra được các phương hướng và phương pháp để quản lý côn trùng rừng.
- M5: Cung cấp kiến thức về các loài sâu hại rừng chủ yếu cũng như các biện pháp phòng trừ sâu hại.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

- H1: Xác định được vai trò của côn trùng đối với rừng. Vận dụng được những kiến thức cơ bản về đặc điểm hình thái cũng như cấu tạo và chức năng bộ máy bên trong cơ thể côn trùng, nhận biết được đặc điểm phân loại về các bộ, họ côn trùng liên quan đến rừng, các đặc điểm sinh vật học và các yếu tố sinh thái liên quan đến sự phát sinh, phát triển của lớp côn trùng, đặc điểm của một số loài sâu hại rừng phổ biến. Từ đó phân tích được phương thức hoạt động và đặc điểm thích nghi của côn trùng để

đề ra những phương hướng phòng trừ côn trùng có hại và lợi dụng côn trùng có ích phục vụ cho sự quản lý và phát triển rừng bền vững.

- H2: Có kỹ năng điều tra phát hiện thành phần loài côn trùng (có hại và có ích), nhận diện triệu chứng gây hại, phân tích được quy luật phát sinh gây hại, dự tính dự báo sâu hại và đề xuất biện pháp phòng trừ hợp lý đối với từng đối tượng sâu hại chủ yếu trên rừng.
- H3: Có nhận thức đúng đắn vai trò của côn trùng đối với tự nhiên và đời sống con người. Ứng xử tốt với việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường.
- H4: Yêu nghề nghiệp, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, trung thực, có tinh thần làm việc hợp tác tốt với đồng nghiệp và cộng đồng, Có ý thức học tập, tự học và học tập suốt đời

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | x | x | | | | | | | | | | | |
| H2 | x | | | | | x | | | x | | | | | | |
| H3 | x | | x | | | | | | | | | | | | |
| H4 | | | | | | | | | | | | x | | | |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Bài mở đầu**<br>1. Khái niệm về lớp côn trùng<br>2. Vai trò của côn trùng<br>3. Khái niệm về môn học<br>4. Nội dung của môn côn trùng học<br>5. Vài nét về lịch sử nghiên cứu | LT: 1 tiết<br>BT: 0 tiết | [1] Bài mở đầu trong bài giảng và tài liệu tham khảo<br>[2-1]<br>[2-2]<br>[2-3] |
| 2 | **Chương 1**<br>**ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI CỦA CÔN TRÙNG**<br>1.1 Khái niệm và ý nghĩa của việc nghiên cứu hình thái học côn trùng<br>1.2 Cấu tạo của cơ thể côn trùng<br>1.2.1 Phần đầu và các phần phụ của đầu<br>1.2.2 Phần ngực và các phần phụ của ngực<br>1.2.3 Bụng và các phần phụ của bụng | LT: 03 tiết<br>BT: 0 tiết | [1] Chương 1 bài giảng và tài liệu tham khảo<br>[2-1]<br>[2-2]<br>[2-3]<br>[2-4] |
| 3 | **Chương 2**<br>**ĐẶC ĐIỂM GIẢI PHẪU CỦA CÔN TRÙNG**<br>2.1 Khái niệm và ý nghĩa của việc nghiên cứu giải phẫu côn trùng<br>2.2 Da của côn trùng<br>2.2.1 Cấu tạo và chức năng<br>2.2.2 Phần phụ trên da và các tuyến trên da côn trùng<br>2.3 Thể xoang và vị trí các bộ máy bên trong cơ thể côn trùng<br>2.4 Cấu tạo và hoạt động của các bộ máy bên trong cơ thể côn trùng<br>2.4.1 Bộ máy vận động cơ thể côn trùng<br>2.4.2 Bộ máy tiêu hóa của côn trùng<br>2.4.3 Bộ máy tuần hoàn của côn trùng<br>2.4.4 Bộ máy hô hấp của côn trùng | LT: 03 tiết<br>BT: 0 tiết | [1] Chương 2 bài giảng và tài liệu tham khảo<br>[2-1]<br>[2-2]<br>[2-3]<br>[2-4] |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 2.4.6 Cơ quan cảm giác<br>2.4.7 Bộ máy bài tiết của côn trùng<br>2.4.8 Bộ máy sinh dục của côn trùng | | |
| 4 | **Chương 3**<br>**SINH VẬT HỌC CÔN TRÙNG**<br>3.1 Những phương thức sinh sản của côn trùng<br>3.1.1 Sinh sản hữu tính<br>3.1.2 Sinh sản đơn tính<br>3.2 Các pha phát triển của cá thể côn trùng<br>3.2.1 Thời kì phát triển phôi thai<br>3.2.2 Thời kì phát triển sau phôi thai<br>3.3 Hiện tượng biến thái của côn trùng<br>3.3.1 Biến thái hoàn toàn<br>3.3.2 Biến thái không hoàn toàn<br>3.4 Hiện tượng đình dục ở côn trùng<br>3.5 Một số khái niệm về chu kì phát triển cá thể và lịch phát sinh của côn trùng<br>3.5.1 Đời sâu<br>3.5.2 Vòng đời sâu<br>3.5.3 Lứa sâu<br>3.5.4 Lịch phát sinh của côn trùng | LT: 02 tiết<br>BT: 0 tiết | [1] Chương 3 bài giảng và tài liệu tham khảo<br>[2-1]<br>[2-2]<br>[2-3]<br>[2-4] |
| 5 | **Chương 4**<br>**PHÂN LOẠI CÔN TRÙNG**<br>4.1 Khái niệm chung và nguyên tắc trong phương pháp phân loại<br>4.2 Hệ thống phân loại côn trùng<br>4.3 Một số bộ côn trùng có liên quan đến nông nghiệp<br>4.3.1 Bộ cánh thẳng (orthoptera)<br>4.3.2 Bộ cánh cứng (coleoptera)<br>4.3.3 Bộ cánh màng (Hymenoptera)<br>2.3.4 Bộ cánh đều (Homoptera)<br>4.3.5 Bộ cánh không đều (Hemiptera)<br>4.3.6 Bộ hai cánh (Diptera)<br>4.3.7 Bộ cánh vảy (Lepidoptera)<br>4.3.8 Bộ cánh tơ (thysanoptera) | LT: 04 tiết<br>BT: 0 tiết | [1] Chương 4 bài giảng và tài liệu tham khảo<br>[2-1]<br>[2-2]<br>[2-3]<br>[2-4] |
| 6 | **Chương 5**<br>**SINH THÁI HỌC CÔN TRÙNG RỪNG**<br>5.1 Khái niệm về sinh thái học<br>5.2 Nhiệm vụ cơ bản và ý nghĩa của sinh thái học côn trùng<br>5.3 Các yếu tố sinh thái học và một số thuộc tính sinh thái của loài ở côn trùng<br>5.3.1 Các yếu tố sinh thái học<br>5.3.2 Một số thuộc tính sinh thái học của loài ở côn trùng<br>5.4 Ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến đời sống côn trùng<br>5.4.1 Các yếu tố phi sinh vật<br>5.4.2 Các yếu tố sinh vật<br>5.4.2.1 Thức ăn | LT: 03 tiết<br>BT: 01tiết | [1] Chương 5 bài giảng và tài liệu tham khảo<br>[2-1]<br>[2-2]<br>[2-3]<br>[2-4] |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 5.4.2.2 Thiên địch<br>5.4.3 Ảnh hưởng của con người đến côn trùng<br>5.5 Một số đặc trưng của sinh thái quần thể côn trùng<br>5.5.1 Khái niệm về quần thể<br>5.5.2 Mối quan hệ trong quần thể<br>5.5.3. Mối quan hệ ngoài quần thể<br>5.5.4 Thành phần tuổi và giới tính của quần thể<br>5.5.5 Tỷ lệ sinh đẻ và sống sót<br>5.5.6 Mật độ quần thể côn trùng<br>5.5.7 Dịch sâu hại<br>5.5.8 Dự báo khả năng phát dịch và phương hướng ngăn chặn dịch sâu hại | | |
| | **Chương 6**<br>**CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÒNG TRỪ SÂU HẠI RỪNG**<br>6.1 Vấn đề chung trong phòng trừ sâu hại<br>6.2 Mục đích, phương châm và phương hướng của phòng trừ sâu hại<br>6.1 Các phương pháp phòng trừ sâu hại<br>6.1.1 Kỹ thuật lâm sinh<br>6.1.2 Kiểm dịch thực vật<br>6.1.3 Cơ giới vật lí<br>6.1.4 Phương pháp sinh học<br>6.1.5 Phương pháp hóa học<br>6.1.6 Phương pháp phòng trừ tổng hợp IPM | LT: 02 tiết<br>BT: 0 tiết | [1] Chương 6 bài giảng và tài liệu tham khảo [2-4] |
| | **Chương 7**<br>**NHỮNG LOÀI SÂU HẠI RỪNG CHỦ YẾU**<br>7.1 Sâu hại trong vườn ươm và các biện pháp phòng trừ<br>7.1.1 Nhóm dế<br>7.1.2 Nhóm bọ hung<br>7.1.3 Sâu xám nhỏ<br>7.2 Đối với rừng trồng<br>7.2.1 Sâu róm thông<br>7.2.2 Sâu đục ngọn thông lớn<br>7.3 Đối với rừng sau khai thác<br>7.3.1 Mọt đục thân cành và gỗ<br>7.3.2 Mối hại gỗ và cây trồng | LT: 2,5 tiết<br>BT: 01tiết | [1] Chương 7 bài giảng và tài liệu tham khảo [2-4] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Số tiết 01 LT | **Bài mở đầu**<br>1. Khái niệm về lớp côn trùng<br>2. Vai trò của côn trùng<br>3. Khái niệm về môn học | H1<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:** PP thuyết trình, PP gợi mở-vấn đáp, mô tả qua hình ảnh | - Liệt kê các bài đánh giá liên quan: Tham gia |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 4. Nội dung của môn côn trùng học<br>5. Vài nét về lịch sử nghiên cứu | | **Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | học lý thuyết trên lớp<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng kết quả tham gia của các thành viên tại lớp |
| Số tiết 03 LT + 2,5 TH | **Chương 1**<br>**ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI CỦA CÔN TRÙNG**<br>1.1 Khái niệm và ý nghĩa của việc nghiên cứu hình thái học côn trùng<br>1.2 Cấu tạo của cơ thể côn trùng<br>1.2.1 Phần đầu và các phần phụ của đầu<br>1.2.2 Phần ngực và các phần phụ của ngực<br>1.2.3 Bụng và các phần phụ của bụng | H1<br>H2<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP gợi mở - vấn đáp, mô tả qua hình ảnh<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên quan sát đặc điểm hình thái của côn trùng<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi …<br>- Sinh viên quan sát mẫu và mô tả mẫu côn trùng<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường (Đối với tiết lý thuyết)<br>- Phòng thực hành (Đối với tiết thực hành) | - Liệt kê các bài đánh giá liên quan: Tham gia học lý thuyết trên lớp và thực hành.<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng kết quả tham gia của các thành viên tại lớp<br>+ Kết quả thực hành tại phòng thí nghiệm |
| Số tiết 05 LT | **Chương 2**<br>**ĐẶC ĐIỂM GIẢI PHẪU CỦA CÔN TRÙNG**<br>2.1 Khái niệm và ý nghĩa của việc nghiên cứu giải phẫu côn trùng<br>2.2 Da của côn trùng<br>2.2.1 Cấu tạo và chức năng<br>2.2.2 Phần phụ trên da và các tuyến trên da côn trùng | H1<br>H2<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP gợi mở - vấn đáp, mô tả qua hình ảnh<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu | - Liệt kê các bài đánh giá liên quan: Tham gia học lý thuyết trên lớp.<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng kết quả tham gia |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 2.3 Thể xoang và vị trí các bộ máy bên trong cơ thể côn trùng<br>2.4 Cấu tạo và hoạt động của các bộ máy bên trong cơ thể côn trùng<br>2.4.1 Bộ máy vận động cơ thể côn trùng<br>2.4.2 Bộ máy tiêu hóa của côn trùng<br>2.4.3 Bộ máy tuần hoàn của côn trùng<br>2.4.4 Bộ máy hô hấp của côn trùng<br>2.4.6 Cơ quan cảm giác<br>2.4.7 Bộ máy bài tiết của côn trùng<br>2.4.8 Bộ máy sinh dục của côn trùng | | Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi …<br>- Sinh viên quan sát mẫu và mô tả mẫu côn trùng<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường (Đối với tiết lý thuyết) | của các thành viên tại lớp |
| Số tiết 02 LT + 02 TH | **Chương 3**<br>**SINH VẬT HỌC CÔN TRÙNG**<br>3.1 Những phương thức sinh sản của côn trùng<br>3.1.1 Sinh sản hữu tính<br>3.1.2 Sinh sản đơn tính<br>3.2 Các pha phát triển của cá thể côn trùng<br>3.2.1 Thời kì phát triển phôi thai<br>3.2.2 Thời kì phát triển sau phôi thai<br>3.3 Hiện tượng biến thái của côn trùng<br>3.3.1 Biến thái hoàn toàn<br>3.3.2 Biến thái không hoàn toàn<br>3.4 Hiện tượng đình dục ở côn trùng<br>3.5 Một số khái niệm về chu kì phát triển cá thể và lịch phát sinh của côn trùng<br>3.5.1 Đời sâu<br>3.5.2 Vòng đời sâu<br>3.5.3 Lứa sâu | H1<br>H2<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP gợi mở - vấn đáp, mô tả qua hình ảnh, video<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Giảng viên hướng dẫn sinh viên quan sát đặc điểm của các pha sinh trưởng và phát triển của côn trùng<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>- Sinh viên thảo luận theo nhóm<br>- Sinh viên quan sát mẫu và mô tả mẫu côn trùng<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường (Đối với tiết lý thuyết)<br>- Phòng thực hành (Đối với tiết thực hành) | - Liệt kê các bài đánh giá liên quan: Tham gia học lý thuyết trên lớp và thực hành.<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng kết quả tham gia của các thành viên tại lớp<br>+ Kết quả thực hành tại phòng thí nghiệm |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 3.5.4 Lịch phát sinh của côn trùng | | | |
| Số tiết 04 LT | **Chương 4**<br>**PHÂN LOẠI CÔN TRÙNG**<br>4.1 Khái niệm chung và nguyên tắc trong phương pháp phân loại<br>4.2 Hệ thống phân loại côn trùng<br>4.3 Một số bộ côn trùng có liên quan đến nông nghiệp<br>4.3.1 Bộ cánh thẳng (orthoptera)<br>4.3.2 Bộ cánh cứng (coleoptera)<br>4.3.3 Bộ cánh màng (Hymenoptera)<br>2.3.4 Bộ cánh đều (Homoptera)<br>4.3.5 Bộ cánh không đều (Hemiptera)<br>4.3.6 Bộ hai cánh (Diptera)<br>4.3.7 Bộ cánh vảy (Lepidoptera)<br>4.3.8 Bộ cánh tơ (thysanoptera) | H1<br>H2<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP gợi mở - vấn đáp, mô tả qua hình ảnh, video<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Sinh viên thảo luận theo nhóm<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường (Đối với tiết lý thuyết)<br>- Phòng thực hành (Đối với tiết thực hành) | - Liệt kê các bài đánh giá liên quan: Tham gia học lý thuyết trên lớp và thực hành.<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng kết quả tham gia của các thành viên tại lớp<br>+ Kết quả thảo luận tại lớp. |
| Số tiết 04 LT | **Chương 5**<br>**SINH THÁI HỌC CÔN TRÙNG RỪNG**<br>5.1 Khái niệm về sinh thái học<br>5.2 Nhiệm vụ cơ bản và ý nghĩa của sinh thái học côn trùng<br>5.3 Các yếu tố sinh thái học và một số thuộc tính sinh thái của loài ở côn trùng<br>5.3.1 Các yếu tố sinh thái học<br>5.3.2 Một số thuộc tính sinh thái học của loài ở côn trùng<br>5.4 Ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến đời sống côn trùng<br>5.4.1 Các yếu tố phi sinh vật<br>5.4.2 Các yếu tố sinh vật<br>5.4.2.1 Thức ăn<br>5.4.2.2 Thiên địch | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP gợi mở - vấn đáp, mô tả qua hình ảnh, video<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Sinh viên thảo luận theo nhóm<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường (Đối với tiết lý thuyết) | - Liệt kê các bài đánh giá liên quan: Tham gia học lý thuyết trên lớp và bài kiểm tra.<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng kết quả tham gia của các thành viên tại lớp<br>+ Kết quả thảo luận tại lớp. |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 5.4.3 Ảnh hưởng của con người đến côn trùng<br>5.5 Một số đặc trưng của sinh thái quần thể côn trùng<br>5.5.1 Khái niệm về quần thể<br>5.5.2 Mối quan hệ trong quần thể<br>5.5.3. Mối quan hệ ngoài quần thể<br>5.5.4 Thành phần tuổi và giới tính của quần thể<br>5.5.5 Tỷ lệ sinh đẻ và sống sót<br>5.5.6 Mật độ quần thể côn trùng<br>5.5.7 Dịch sâu hại<br>5.5.8 Dự báo khả năng phát dịch và phương hướng ngăn chặn dịch sâu hại | | | |
| Số tiết 04 LT | **Chương 6**<br>**CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÒNG TRỪ SÂU HẠI RỪNG**<br>6.1 Vấn đề chung trong phòng trừ sâu hại<br>6.2 Mục đích, phương châm và phương hướng của phòng trừ sâu hại<br>6.1 Các phương pháp phòng trừ sâu hại<br>6.1.1 Kỹ thuật lâm sinh<br>6.1.2 Kiểm dịch thực vật<br>6.1.3 Cơ giới vật lí<br>6.1.4 Phương pháp sinh học<br>6.1.5 Phương pháp hóa học<br>6.1.6 Phương pháp phòng trừ tổng hợp IPM | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP gợi mở - vấn đáp, mô tả qua hình ảnh, video<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi …<br>- Sinh viên làm bài kiểm tra<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường (Đối với tiết lý thuyết) | - Liệt kê các bài đánh giá liên quan: Tham gia học lý thuyết trên lớp và bài kiểm tra.<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bảng kết quả tham gia của các thành viên tại lớp<br>+Kết quả bài kiểm tra tại lớp |
| Số tiết 3,5 LT + 03 TH | **Chương 7**<br>**NHỮNG LOÀI SÂU HẠI RỪNG CHỦ YẾU**<br>7.1 Sâu hại trong vườn ươm và các biện pháp phòng trừ<br>7.1.1 Nhóm dế<br>7.1.2 Nhóm bọ hung<br>7.1.3 Sâu xám nhỏ<br>7.2 Đối với rừng trồng | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP gợi mở - vấn đáp, mô tả qua hình ảnh, video<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày | - Liệt kê các bài đánh giá liên quan: Tham gia học lý thuyết trên lớp và bài kiểm tra. |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 7.2.1 Sâu róm thông<br>7.2.2 Sâu đục ngọn thông lớn<br>7.3 Đối với rừng sau khai thác<br>7.3.1 Mọt đục thân cành và gỗ<br>7.3.2 Mối hại gỗ và cây trồng | | - Giảng viên hướng dẫn sinh viên quan sát đặc điểm của các các loài côn trùng rừng phổ biến phân loại đến họ của một số loài côn trùng rừng.<br>- Sinh viên thuyết trình trên lớp theo nhóm.<br>- Sinh viên quan sát mẫu và mô tả mẫu côn trùng<br>- Sinh viên sưu tập mẫu và sắp xếp lại mẫu.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>- Sinh viên làm bài kiểm tra<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường (Đối với tiết lý thuyết) | -Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bảng kết quả tham gia của các thành viên tại lớp<br>+ Kết quả thuyết trình tại lớp<br>+ Kết quả thực hành tại phòng thí nghiệm<br>+ Kết quả sưu tập mẫu |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Trần Thị Lệ Trà (2019). *Bài giảng Côn trùng rừng* – Trường Đại học Tây Nguyên

Tên tác giả (năm xuất bản). Tên tài liệu, nhà xuất bản.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2-1] Nguyễn Thế Nhã (2009). *Côn trùng học*, NXB Nông nghiệp

[2-2] Nguyễn Xuân Thanh (2005). *Côn trùng học đại cương,* NXB Nông nghiệp

[2-3] Nguyễn Viết Tùng (2006). *Giáo trình côn trùng học đại cương,* NXB Nông nghiệp

[2-4] Trần Công Loanh, Nguyễn Thế Nhã (1997) *Côn trùng rừng*, NXB Nông nghiệp

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập và bài kiểm tra được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)*

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;

*7.4. Phần khác (nếu có):* Ví dụ như tham quan thực tế

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

(Trọng số điểm bộ phận <=30%; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 30% |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 10% |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 20% |
| 4 | Tiểu luận/Thí nghiệm, thực hành | Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 30% |
| | | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra. | | |
| 5 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 10% |
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

* Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể có đầy đủ các hình thức đánh giá trên, hoặc có thể thêm hay bớt cho phù hợp, nhưng đảm bảo tổng tỷ lệ điểm bộ phận là 100%. Việc đánh giá điểm bộ phận gồm các thành phần và tỷ lệ tương ứng như công bố, (kết quả điểm bộ phận × trọng số điểm bộ phận+điểm thi × trọng số thi)/100= kết quả học phần.

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Tự luận | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 100% |

*Ngày ….. tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | TS. Đỗ Thị Kiều An | ThS. Trần Thị Lệ Trà |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: BỆNH CÂY RỪNG**
**Mã học phần: NL213152**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1,5; Số tín chỉ thực hành: 0,5

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học song hành: Không.

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: ThS. Chung Như Anh; Số điện thoại: 0973.794.488; Email: nhuanhdhtn@gmail.com

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Bệnh cây rừng là một trong các loại bệnh hại gây hại trên cây nông nghiệp và gây tác hại rất lớn đến sinh trưởng và phát triển của cây trồng, kinh tế và xã hội. Vì vậy, trang bị các kiến thức chuyên môn về vi khuẩn và virus gây hại là cần thiết. Học phần này là học phần tự chon và được bố trí vào học kỳ 6 cho sinh viên chuyên ngành Bảo vệ Thực vật.

Học phần nhằm cung cấp cho người học các kiến thức về bệnh cây rừng như triệu chứng, nguyên nhân gây bệnh, quy luật phát sinh, phát triển của bệnh, các phương pháp chẩn đoán và điều tra và phương pháp phòng trừ một số bệnh cây rừng điển hình.

Học phần này còn hỗ trợ cho các học phần khác trong chương trình đào tạo như học phần thực tập giáo trình côn trùng rừng, bệnh cây rừng và lửa rừng để đề xuất biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp trên cây rừng.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1: Sinh viên nắm vững những khái niệm về bệnh cây, xác định được vị trí và vai trò của bệnh hại trong hệ sinh thái rừng.

MT2: Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng nhận biết được triệu chứng bệnh cây, nguyên nhân và quá trình phát sinh phát triển của bệnh. ứng dụng vào thwucj tế sản xuất để phòng trừ một số loại bệnh hại cây trồng góp phần nâng cao chất lượng, sản lượng rừng.

MT3: Sử dụng thành thạo các dụng cụ và trang thiết bị trong điều tra thu thập số liệu và xác định nguyên nhân gây bệnh cây.

MT4: Có khả năng xây dựng hệ thống các biện pháp phòng trừ bệnh hiệu quả, an toàn với môi trường và cân bằng sinh thái.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1: Áp dụng các kiến thức đã được trang bị để chẩn đoán bệnh và đưa ra biện pháp phòng trừ bệnh một cách hiệu quả, an toàn và bền vững.

H2: Thực hiện tốt việc điều tra phát hiện, thu thập mẫu bệnh, xác định nguyên nhân và tổng hợp, phân tích số liệu để dự báo tình hình bệnh hại.

H3: Sử dụng thành thạo các dụng cụ và trang thiết bị trong điều tra thu thập số liệu và xác định nguyên nhân gây bệnh cây.

H4: Có tinh thần tự học, chủ động cập nhật kiến thức, kỹ năng làm việc theo nhóm và độc lập, tích lũy kinh nghiệm và nâng cao trình độ nghề nghiệp cho bản thân.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | | | | x | | | | | | | | | |
| H2 | | | | | | | | | x | | | | | | |
| H3 | | | | | | | | | x | | | | | | |
| H4 | | | | | | | | | | | | | | | x |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1: NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ BỆNH CÂY RỪNG**<br>ĐỊNH NGHĨA VỀ BỆNH CÂY RỪNG<br>NHỮNG BIẾN ĐỔI TRONG CÂY BỆNH VÀ TÁC HẠI CỦA QUÁ TRÌNH BỆNH LÝ<br>Biến đổi tính chất lý hóa của tế bào<br>Biến đổi cường độ quang hợp<br>Biến đổi cường độ hô hấp<br>Biến đổi các chất khoáng, gluxit và nitơ trong qua trình trao đổi chất<br>Biến đổi sự cân bằng nước<br>TRIỆU CHỨNG CỦA BỆNH CÂY RỪNG<br>Loại bệnh phấn trắng<br>Loại bệnh rỉ sắt<br>Loại bệnh bồ hóng<br>Loại mốc quả hạt<br>Loại bệnh đốm<br>Loại bệnh loét, thối<br>Loại bệnh mục gỗ<br>Loại bệnh chảy nhựa<br>Loại bệnh khảm<br>Loại bệnh bướu, mọc chùm<br>Loại bệnh khô héo<br>Loại bệnh biến dạng<br>PHÂN LOẠI BỆNH CÂY | LT: 2 tiết | [1-1]<br>Chương 1 bài giảng và tài liệu tham khảo<br>[2-3] |
| 2 | **Chương 2: CÁC NGUYÊN NHÂN GÂY BỆNH CÂY RỪNG**<br>BỆNH KHÔNG TRUYỀN NHIỄM<br>Đặc điểm chung<br>Các nhân tố bất lợi của đất đai gây ra bệnh cây<br>Các nhân tố bất lợi của khí tượng gây ra bệnh cây<br>Các hiện tượng ô nhiễm không khí gây ra bệnh cây<br>BỆNH TRUYỀN NHIỄM<br>Nấm gây bệnh cây rừng<br>Vi khuẩn gây bệnh cây rừng<br>Virus gây bệnh cây rừng<br>Mycoplasma gây bệnh cây rừng | LT: 6 tiết | [1-1]<br>Chương 2 bài giảng và tài liệu tham khảo<br>[1-2]<br>[2-2]<br>[2-3] |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | Tuyến trùng gây bệnh cây rừng<br>Cây ký sinh gây bệnh cây rừng<br>Những sinh vật khác gây bệnh cây rừng | | |
| 3 | **Chương 3: SINH THÁI VÀ BIẾN ĐỘNG BỆNH CÂY RỪNG**<br>MỨC ĐỘ KÝ SINH, CHUYÊN HÓA, GÂY BỆNH CỦA VẬT GÂY BỆNH<br>Mức độ ký sinh của vật gây bệnh<br>Tính chuyên hóa của vật gây bệnh<br>Tính gây bệnh của vật gây bệnh<br>TÍNH CHỐNG CHỊU BỆNH CỦA THỰC VẬT<br>Khả năng chịu bệnh của cây và cơ chế chống chịu bệnh<br>Biện pháp nâng cao tính miễn dịch của cây<br>QUÁ TRÌNH XÂM NHIỄM, LÂY LAN VÀ DỊCH BỆNH CÂY RỪNG<br>Qúa trình xâm nhiễm, lây lan bệnh cây<br>Dịch bệnh cây | LT: 2 tiết | [1-1]<br>Chương 3 bài giảng và tài liệu tham khảo<br>[1-2]<br>[2-3] |
| 4 | **HƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, CHUẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRA BỆNH CÂY**<br>G PHÁP NGHIÊN CỨU BỆNH CÂY<br>4.1.1. Khử trùng dụng cụ và môi trường nuôi cấy vi sinh vật gây bệnh cây<br>4.1.2. Nuôi cấy mầm bệnh<br>4.1.3. Bảo quản dài hạn vi sinh vật gây bệnh<br>G PHÁP CHUẨN ĐOÁN BỆNH CÂY<br>4.2.1. Chẩn đoán theo triệu chứng bệnh<br>4.2.2 Chẩn đoán qua phân lập mầm bệnh và gây bệnh nhân tạo<br>4.2.3. Sử dụng kính hiển vi để chẩn đoán bệnh<br>4.2.4. Chẩn đoán bệnh bằng kỹ thuật miễn dịch<br>4.2.5. Chẩn đoán bằng phương pháp điều trị bệnh<br>G PHÁP ĐIỀU TRA BỆNH CÂY<br>4.3.1. Mục đích của điều tra bệnh hại cây<br>4.3.2. Chọn tuyến và ô tiêu chuẩn<br>4.3.5. Thu thập và làm mẫu bệnh<br>4.3.4. Phân cấp mức độ hại<br>4.3.3. Xác định tỷ lệ cây bị bệnh và mức độ bị hại | LT: 2 tiết | [1-1]<br>Chương 4 bài giảng và tài liệu tham khảo<br>[2-1]<br>[2-4] |
| 5 | **Chương 5: PHÒNG TRỪ BỆNH CÂY**<br>NGUYÊN TẮC PHÒNG TRỪ<br>Khái niệm về IPM trong lâm nghiệp<br>Các bước tiến hành IPM<br>Nguyên tắc kinh tế học và chỉ tiêu phòng trừ của IPM<br>Những điều kiện cơ bản của việc thực hiện IPM<br>CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÒNG TRỪ BỆNH CÂY RỪNG<br>Biện pháp kiểm dịch thực vật<br>Biện pháp kỹ thuật lâm sinh<br>Biện pháp cơ giới, vật lý<br>Biện pháp sinh học | LT: 3 tiết | [1-1]<br>Chương 5 bài giảng và tài liệu tham khảo<br>[2-4] |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | Biện pháp chọn lọc và lai tạo giống chống chịu bệnh<br>Biện pháp hóa học | | |
| 6 | **Chương 6: MỘT SỐ BỆNH CÂY RỪNG ĐIỂN HÌNH**<br>6.1. BỆNH HẠI CÂY CON Ở VƯỜN ƯƠM<br>6.1.1. Các loại bệnh hại cây con ở vườn ươm<br>6.1.2. Biện pháp quản lý dịch ở vườm ươm<br>BỆNH HẠI LÁ VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG TRỪ<br>Những khái niệm chung<br>Những bệnh hại lá điển hình<br>BỆNH HẠI THÂN CÀNH VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG TRỪ<br>Những khái niệm chung<br>Những bệnh hại thân cành điển hình<br>BỆNH HẠI RỄ VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG TRỪ<br>Những khái niệm chung<br>Những bệnh hại rễ điển hình<br>BỆNH MỤC CÂY RỪNG VÀ GỖ<br>Những khái niệm chung<br>Nguyên tắc phòng trừ bệnh mục cây thân đứng và gỗ | LT: 7,5 tiết | [1-1]<br>Chương 6 bài giảng và tài liệu tham khảo<br>[2-3]<br>[2-4]<br>[2-5] |

**3. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Số tiết: 2 tiết | **Chương 1: NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ BỆNH CÂY RỪNG**<br>1.ĐỊNH NGHĨA VỀ BỆNH CÂY RỪNG<br>2.NHỮNG BIẾN ĐỔI TRONG CÂY BỆNH VÀ TÁC HẠI CỦA QUÁ TRÌNH BỆNH LÝ<br>Biến đổi tính chất lý hóa của tế bào<br>Biến đổi cường độ quang hợp<br>Biến đổi cường độ hô hấp<br>Biến đổi các chất khoáng, gluxit và nitơ trong quá trình trao đổi chất<br>Biến đổi sự cân bằng nước<br>3.TRIỆU CHỨNG CỦA BỆNH CÂY RỪNG<br>Loại bệnh phấn trắng<br>Loại bệnh rỉ sắt<br>Loại bệnh bồ hóng<br>Loại mốc quả hạt<br>Loại bệnh đốm<br>Loại bệnh loét, thối<br>Loại bệnh mục gỗ<br>Loại bệnh chảy nhựa | H1 | **Phương pháp dạy học:** thuyết trình, hình ảnh, phát vấn.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu, tham gia trả lời câu hỏi.<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | Hình thức đánh giá của bài: Thái độ tham gia phát biểu của các thành viên tại lớp. |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | Loại bệnh khảm<br>. Loại bệnh bướu, mọc chùm<br>. Loại bệnh khô héo<br>. Loại bệnh biến dạng<br>4.PHÂN LOẠI BỆNH CÂY | | | |
| Số tiết: 6 tiết | **Chương 2: CÁC NGUYÊN NHÂN GÂY BỆNH CÂY RỪNG**<br>2. BỆNH KHÔNG TRUYỀN NHIỄM<br>Đặc điểm chung<br>Các nhân tố bất lợi của đất đai gây ra bệnh cây<br>Các nhân tố bất lợi của khí tượng gây ra bệnh cây<br>Các hiện tượng ô nhiễm không khí gây ra bệnh cây<br>BỆNH TRUYỀN NHIỄM<br>Nấm gây bệnh cây rừng<br>Vi khuẩn gây bệnh cây rừng<br>Virus gây bệnh cây rừng<br>Mycoplasma gây bệnh cây rừng<br>Tuyến trùng gây bệnh cây rừng<br>Cây ký sinh gây bệnh cây rừng<br>Những sinh vật khác gây bệnh cây rừng | H1<br>H2 | **Phương pháp dạy học:** PP thuyết trình, hình ảnh, video, phát vấn<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày, có minh họa.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu, tham gia các hoạt động, ghi chép.<br>**Địa điểm học:** -<br>Giảng đường | Hình thức đánh giá của bài: Thái độ tham gia hoạt động của các thành viên tại lớp. |
| Số tiết: 2 tiết | **Chương 3: SINH THÁI VÀ BIẾN ĐỘNG BỆNH CÂY RỪNG**<br>4.MỨC ĐỘ KÝ SINH, CHUYÊN HÓA, GÂY BỆNH CỦA VẬT GÂY BỆNH<br>Mức độ ký sinh của vật gây bệnh<br>Tính chuyên hóa của vật gây bệnh<br>Tính gây bệnh của vật gây bệnh<br>5.TÍNH CHỐNG CHỊU BỆNH CỦA THỰC VẬT<br>Khả năng chịu bệnh của cây và cơ chế chống chịu bệnh<br>Biện pháp nâng cao tính miễn dịch của cây<br>6. QUÁ TRÌNH XÂM NHIỄM, LÂY LAN VÀ DỊCH BỆNH CÂY RỪNG<br>Qúa trình xâm nhiễm, lây lan bệnh cây<br>Dịch bệnh cây | H1 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, hình ảnh minh họa.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày, có minh họa bằng hình ảnh .<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu, tham gia các hoạt động, ghi chép.<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | Hình thức đánh giá của bài: Thái độ tham gia hoạt động động não của các thành viên tại lớp. |
| Số tiết: 2 tiết | **Chương 4: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, CHUẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRA BỆNH CÂY**<br>PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU BỆNH CÂY | H1<br>H3 | **Phương pháp dạy học:** PP thuyết trình , hình ảnh, phát vấn.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** | Hình thức đánh giá của bài: Thái độ |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 4.1.1. Khử trùng dụng cụ và môi trường nuôi cấy vi sinh vật gây bệnh cây<br>4.1.2. Nuôi cấy mầm bệnh<br>4.1.3. Bảo quản dài hạn vi sinh vật gây bệnh<br>PHƯƠNG PHÁP CHẨN ĐOÁN BỆNH CÂY<br>4.2.1. Chẩn đoán theo triệu chứng bệnh<br>4.2.2 Chẩn đoán qua phân lập mầm bệnh và gây bệnh nhân tạo<br>4.2.3. Sử dụng kính hiển vi để chẩn đoán bệnh<br>4.2.4. Chẩn đoán bệnh bằng kỹ thuật miễn dịch<br>4.2.5. Chẩn đoán bằng phương pháp điều trị bệnh<br>PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA BỆNH CÂY<br>4.3.1. Mục đích của điều tra bệnh hại<br>4.3.2. Chọn tuyến và ô tiêu chuẩn<br>4.3.5. Thu thập và làm mẫu bệnh<br>4.3.4. Phân cấp mức độ hại<br>4.3.3. Xác định tỷ lệ cây bị bệnh và mức độ bị hại | | - Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu, tham gia các hoạt động, ghi chép.<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | tham gia hoạt động động não của các thành viên tại lớp. |
| Số tiết: 3 tiết | **Chương 5: PHÒNG TRỪ BỆNH CÂY**<br><br>3.NGUYÊN TẮC PHÒNG TRỪ<br>Khái niệm về IPM trong lâm nghiệp<br>Các bước tiến hành IPM<br>Nguyên tắc kinh tế học và chỉ tiêu phòng trừ của IPM<br>Những điều kiện cơ bản của việc thực hiện IPM<br>4.4. CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÒNG TRỪ BỆNH CÂY RỪNG<br>Biện pháp kiểm dịch thực vật<br>Biện pháp kỹ thuật lâm sinh<br>Biện pháp cơ giới, vật lý<br>Biện pháp sinh học<br>Biện pháp chọn lọc và lai tạo giống chống chịu bệnh<br>Biện pháp hóa học | H1<br>H2 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thảo luận nhóm và trình bày trên giấy Ao hoặc trên máy tính.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Giảng viên hướng dẫn và chia nhóm thảo luận theo các nội dung trong chương này.<br>- Thảo luận nhóm: làm việc nhóm (3-5 sinh viên/nhóm) về các biện pháp phòng trừ bệnh cây<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu, tham gia tích cực và thuyết trình trước lớp.<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | Hình thức đánh giá: Bằng kết quả thảo luận và kỹ năng thuyết trình của các nhóm tại lớp. |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Số tiết: 7,5 tiết | **Chương 6: MỘT SỐ BỆNH CÂY RỪNG ĐIỂN HÌNH**<br>6.1. BỆNH HẠI CÂY CON Ở VƯỜN ƯƠM<br>6.1.1. Các loại bệnh hại cây con ở vườn ươm<br>6.1.2. Biện pháp quản lý dịch ở vườm ươm<br>BỆNH HẠI LÁ VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG TRỪ<br>Những khái niệm chung<br>Những bệnh hại lá điển hình<br>6.7. BỆNH HẠI THÂN CÀNH VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG TRỪ<br>Những khái niệm chung<br>Những bệnh hại thân cành điển hình<br>BỆNH HẠI RỄ VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG TRỪ<br>Những khái niệm chung<br>Những bệnh hại rễ điển hình<br>BỆNH MỤC CÂY RỪNG VÀ GỖ<br>Những khái niệm chung<br>Nguyên tắc phòng trừ bệnh mục cây thân đứng và gỗ | H2<br>H4 | **Phương pháp dạy học:** Báo cáo thuyết trình, hình ảnh, đúc rút.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Thuyết trình: mỗi cá nhân thuyết trình nội dung được giao và trình bày trước lớp<br>- Giảng viên theo dõi và góp ý cho các bài thuyết trình của sinh viên.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu, chuẩn bị bài báo cáo dạng file, tham gia tích cực và tìm hiểu kỹ các nội dung trong chương này.<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | Hình thức đánh giá: Bằng kết quả bài báo và kỹ năng thuyết trình cá nhân tại lớp. |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). Tên tài liệu, nhà xuất bản.

(Sách, giáo trình chính trong giảng dạy và học tập thường chiếm 50% nội dung sử dụng trở lên)

[1-1] Chung Như Anh (2019). *Bài giảng Bệnh cây rừng*. Trường Đại học Tây Nguyên

[1-2] Phạm Quang Thu (2009). *Giáo trình Bệnh cây học*. NXB Nông nghiệp

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2] Tên tác giả (năm xuất bản). Tên tài liệu, nhà xuất bản.(Liệt kê khoảng 3-5 tài liệu)

[2-1] Nguyễn Thế Nhã, Trần Công Loanh, Trần Văn Mão (2001). *Điều tra, dự tính dự báo sâu bệnh trong lâm nghiệp*, NXB Đại học Nông nghiệp.

[2-2] Nguyễn Thế Nhã, Trần Công Loanh (2002). *Sử dụng côn trùng và vi sinh vật có ích, tập II:* Sử dụng Vi sinh vật có ích, NXB Nông nghiệp

[2-3]. Trần Văn Mão (1997). *Bệnh cây rừng*, NXB Nông nghiệp

[2-4]. Hà Công Tuấn, Đỗ Thị Kha, Đoàn Hoài Nam, Đỗ Quang Tùng (2006). *Cẩm nang nghành Lâm nghiệp, chương Quản lý sâu bệnh hại rừng trồng,* Bộ Nông nghiệp & PTNN.

[2-5] Phạm Quang Thu, Manon Griffiths, Geoff Pegg, Janet McDonald, Ross Wylie, Judy King and Simon Lawson (2010). *Healthy plantations: A field guide to pests and pathogens of Acacia, Eucalyptus and Pinus in Việt Nam*

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có) (15 tiết=7,5 tiết chuẩn)*

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;

BÀI 1: Quan sát và mô tả triệu chứng bệnh cây 4 tiết
BÀI 2: Quan sát và mô tả các nguyên nhân gây bệnh cây 4 tiết
BÀI 3: Điều chế môi trường nuôi cấy và phân lập mầm bệnh 4 tiết
BÀI 4: Quan sát và mô tả nấm mục gỗ 3 tiết

- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

Bài 1: Mỗi sinh viên cần nắm vững các loại triệu chứng bệnh cây rừng điển hình để có thể thực hành xác định loại bệnh, quan sát và mô tả được triệu chứng bệnh cây rừng được bố trí trong bài thực hành. Yêu cầu: sinh viên độc lập quan sát và mô tả được tất cả các mẫu được bố trí trong bài và viết bài thu hoạch.

Bài 2: Mỗi sinh viên cần nắm được đặc điểm hình thái của các vật gây bệnh để có thể thực hành xác định loại vật gây bệnh chính xác. Yêu cầu: sinh viên biết sử dụng các loại kính trpng phòng thí nghiệm , sinh viên độc lập làm tiêu bản quan sát, quan sát và mô tả được tất cả các mẫu được bố trí trong bài và viết bài thu hoạch.

Bài 3: Điều chế được môi trường nuôi cấy và thực hiện thành thạo các thao tác phân lập vật gây bệnh từ mẫu bệnh.

Bài 4. Sinh viên quan sát và mô tả được tất cả các mẫu nấm mục gỗ được bố trí trong phòng thí nghiệm. Viết bài thu hoạch.

*7.3. Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;*

*7.4. Phần khác (nếu có):* Ví dụ như tham quan thực tế

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

(Trọng số điểm bộ phận <=30%; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 30% |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua bài làm trên máy và bài làm của sinh viên báo cáo trên lớp | H3<br>H4 | 15% |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H4 | 15% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 4 | Thực hành | Rèn luyện kỹ năng thực hiện thu thập và chẩn đoán bệnh hại. | Đánh giá quá trình thao tác thực hành, kết quả của từng bài thực hành và bài viết thu hoạch của từng cá nhân. | H2<br>H3<br>H4 | 40% |
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

* Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể có đầy đủ các hình thức đánh giá trên, hoặc có thể thêm hay bớt cho phù hợp, nhưng đảm bảo tổng tỷ lệ điểm bộ phận là 100%. Việc đánh giá điểm bộ phận gồm các thành phần và tỷ lệ tương ứng như công bố, (kết quả điểm bộ phận × trọng số điểm bộ phận+điểm thi × trọng số thi)/100= kết quả học phần.

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: tự luận | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 100% |

*Ngày ….. tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | TS. Đỗ Thị Kiều An | ThS. Chung Như Anh |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: LỬA RỪNG**
**Mã học phần: NL213753**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**
Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 1,0; Số tín chỉ thực hành: 0
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học song hành:
Học phần học trước:
Học phần tiên quyết:
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Ngô Đăng Duyên; Số điện thoại: 0913496642; Email: ndduyen@ttn.edu.vn
Giảng viên 2 : Họ và tên:……; Số điện thoại:……..; Email:……

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:** (ít nhất 150 từ)
Học phần Lửa rừng có vai trò quan trọng trong chuỗi kiến thức của chuyên ngành Lâm sinh; cung cấp cơ sở lí luận và thực tiễn về lửa rừng trong hệ sinh thái rừng; mối quan hệ giữa lửa rừng với các nhân tố sinh thái khác trong rừng; mối quan hệ gữa lửa rừng với con người; ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của lửa rừng đến hệ sinh thái rừng; các biện pháp quản lý phòng cháy chữa cháy rừng; quy hoạch phòng cháy chữa cháy rừng; sử dụng lửa an toàn trong rừng.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**
*3.1. Mục tiêu học phần*
- M1: Trang bị những kiến thức cơ bản về lửa rừng trong hệ sinh thái rừng.
- M2: Trang bị những kiến thức về mối quan hệ giữa lửa rừng với các nhân tố sinh thái và con người trong rừng.
-M3: Trang bị những kiến thức về sự ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của lửa rừng đến hệ sinh thái rừng.
-M4: Trang bị cho người học những kiến thức về các biện pháp phòng cháy chữa cháy rừng. ; quy hoạch phòng cháy chữa cháy rừng; sử dụng lửa an toàn trong rừng.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*
*3.2.1. Kiến thức*
- H1: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về lửa rừng trong hệ sinh thái rừng
- H2: Vận dụng được những kiến thức về mối quan hệ giữa lửa rừng với các nhân tố sinh thái và con người trong rừng.

3.2.2. Kỹ năng
- H3: Vận dụng được những kiến thức về ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của lửa rừng đến hệ sinh thái rừng.
- H4: Khái quát hóa và vận dụng được các kiến thức về về các biện pháp phòng cháy chữa cháy rừng. ; quy hoạch phòng cháy chữa cháy rừng; sử dụng lửa an toàn trong rừng.

3.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm
- H5: Có ý thức trách nhiệm công dân; có đạo đức nghề nghiệp tốt và đáp ứng được yêu cầu công tác cho mọi thành phần kinh tế, các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức kinh tế xã hội trong lĩnh vực lâm nghiệp, quản lý tài nguyên rừng, phát triển nông thôn**.**

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | x | | | | | | | | | | | | |
| H2 | | | | | | x | | | | | | | | | |
| H3 | | | x | | | | | | x | | | | | | |
| H4 | | | | | | | | | | | | | | x | |
| H5 | | | | | | | | | | | | | | | x |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Bài mở đầu: Lửa rừng và ý nghĩa của nó.**<br>1. Khái niệm về khoa học Lửa rừng<br>1.1 Định nghĩa<br>1.2. Đối tượng nghiên cứu khoa học Lửa rừng<br>1.3. Lịch sử phát triển khoa học Lửa rừng.<br>2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu lửa rừng<br>3. Tính quan trọng của phòng cháy chữa cháy rừng | LT: 1 tiết<br>BT: 0 tiết | [1] Bài mở đầu trong bài giảng và tài liệu tham khảo<br>[2-1]<br>[2-2]<br>[2-3]<br>[2-4]<br>[2-5] |
| | **Chương 1: Lửa trong hệ sinh thái rừng**<br>1.1. Lửa là nhân tố sinh thái trong hệ sinh thái rừng<br>1.2. Ảnh hưởng của cháy rừng đối với hệ sinh_ thái<br>1.3. Cháy và cân bằng sinh thái<br>1.4. Lợi ích to lớn nhiều mặt của rừng trong việc phòng cháy chữa cháy rừng | LT: 3 tiết<br>BT: 0 tiết | [1] Chương 1 trong bài giảng và tài liệu tham khảo<br>[2-1]<br>[2-2]<br>[2-3]<br>[2-4]<br>[2-5] |
| **2** | **Chương 2: Bản chất của cháy rừng và các tác hại của chúng**<br>2.1. Khái niệm về cháy rừng<br>2.2. Bản chất của sự cháy<br>2.3. Các loại cháy rừng<br>2.4. Nguyên nhân gây ra cháy rừng<br>2.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến cháy rừng<br>2.6. Tác hại của cháy rừng | LT: 4 tiết<br>BT: 0 tiết | [1] Chương 2 trong bài giảng và tài liệu tham khảo<br>[2-1]<br>[2-2]<br>[2-3]<br>[2-4]<br>[2-5] |
| 3 | **Chương 3: Phòng cháy chữa cháy rừng**<br>3.1. Hệ thống tổ chức Phòng cháy chữa cháy rừng<br>3.2. Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến PCCCR<br>3.3. Trách nhiệm của chính quyền các cấp, chủ rừng hộ gia đình và cá nhân trong công tác PCCCCR<br>3.4. Phòng cháy rừng<br>3.5. Chữa cháy rừng<br>3.6. Một số kinh nghiệm trong công tác PCCCR | LT: 7 tiết<br>BT: 0 tiết | [1] Chương 3 trong bài giảng và tài liệu tham khảo<br>[2-1]<br>[2-2]<br>[2-3]<br>[2-4]<br>[2-5] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| LT: Buổi học 1/số tiết: 0 - 1 | **Bài mở đầu: Lửa rừng và ý nghĩa của nó.**<br>1. Khái niệm về khoa học Lửa rừng<br>1.1 Định nghĩa<br>1.2. Đối tượng nghiên cứu khoa học Lửa rừng<br>1.3. Lịch sử phát triển khoa học Lửa rừng.<br>2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu lửa rừng<br>3. Tính quan trọng của phòng cháy chữa cháy rừng | | | |
| LT: Buổi học 1/số tiết: 2 - 4 | **Chương 1: Lửa trong hệ sinh thái rừng**<br>1.1. Lửa là nhân tố sinh thái trong hệ sinh thái rừng<br>1.2. Ảnh hưởng của cháy rừng đối với hệ sinh_ thái<br>1.3. Cháy và cân bằng sinh thái<br>1.4. Lợi ích to lớn nhiều mặt của rừng trong việc phòng cháy chữa cháy rừng | H1<br>H2 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP gợi mở-vấn đáp, mô tả qua hình ảnh<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: ghi rõ chủ đề/nội dung thảo luận<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:**<br>Giảng đường | - Liệt kê các bài đánh giá liên quan: Tham gia học lý thuyết trên lớp và thảo luận theo nhóm.<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng kết quả tham gia của các thành viên tại lớp<br>+ Kết quả thảo luận trước lớp |
| LT: Buổi học 2/số tiết: 5- 8 | **Chương 2: Bản chất của cháy rừng và các tác hại của chúng**<br>2.1. Khái niệm về cháy rừng<br>2.2. Bản chất của sự cháy<br>2.3. Các loại cháy rừng | H1<br>H2 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP gợi mở-vấn đáp, mô tả qua hình ảnh | - Liệt kê các bài đánh Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng kết quả tham gia của các thành viên tại lớp |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 2.4. Nguyên nhân gây ra cháy rừng<br>2.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến cháy rừng<br>2.6. Tác hại của cháy rừng | | **Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: ghi rõ chủ đề/nội dung thảo luận<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | + Kết quả thảo luận trước lớp |
| LT: Buổi học 3/số tiết: 9 – 12<br>Buổi học 4/số tiết: 13-15 | **Chương 3: Phòng cháy chữa cháy rừng**<br>3.1. Hệ thống tổ chức Phòng cháy chữa cháy rừng<br>3.2. Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến PCCCR<br>3.3. Trách nhiệm của chính quyền các cấp, chủ rừng hộ gia đình và cá nhân trong công tác PCCCCR<br>3.4. Phòng cháy rừng<br>3.5. Chữa cháy rừng<br>3.6. Một số kinh nghiệm trong công tác PCCCR | H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP gợi mở-vấn đáp, mô tả qua hình ảnh<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: ghi rõ chủ đề/nội dung thảo luận<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng kết quả tham gia của các thành viên tại lớp<br>+ Kết quả thảo luận trước lớp |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Ngô Đăng Duyên (2018), Bài giảng Lửa rừng, trường Đại học Tây Nguyên.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[1] Bế Minh Châu, Th.S. Phùng Văn Khoa (2009) Lửa rừng, NXB Nông nghiệp

[2] Phạm Ngọc Hưng (2004), Quản lý cháy rừng ở Việt Nam, NXB Nghệ An

- Sách tham khảo

[3] Phạm Ngọc Hưng (1994) *Phòng cháy, chữa cháy rừng*. Nxb Nông nghiệp - Hà Nội.

[4] Phạm Ngọc Hưng (2001), *Thiên tai khô hạn cháy rừng và giải pháp phòng cháy chữa cháy rừng ở Việt nam*, Nxb nông nghiệp, Hà Nội.

[5] Vương Văn Quỳnh, Trần Tuyết Hằng (1996), "*Khí tượng thuỷ văn rừng*". Giáo trình, Nxb nông nghiệp - Hà Nội.

khác

[6]. Trang web www.kiemlam.org.vn

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)*

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

*7.4. Phần khác (nếu có):*

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

(Trọng số điểm bộ phận <=30%; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 30% |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 10% |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 20% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 4 | Tiểu luận/Thí nghiệm, thực hành | Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 20% |
| 5 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 20% |
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

* Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể có đầy đủ các hình thức đánh giá trên, hoặc có thể thêm hay bớt cho phù hợp, nhưng đảm bảo tổng tỷ lệ điểm bộ phận là 100%. Việc đánh giá điểm bộ phận gồm các thành phần và tỷ lệ tương ứng như công bố, (kết quả điểm bộ phận × trọng số điểm bộ phận+điểm thi × trọng số thi)/100= kết quả học phần.

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Tự luận | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 70% |

*Ngày ….. tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | TS. Đỗ Thị Kiều An | ThS. Ngô Đăng Duyên |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: VIỄN THÁM VÀ GIS ĐẠI CƯƠNG**
**Mã học phần: NL213229**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tên tiếng Anh: Fundamental of Remote sensing and GIS
Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1.5; Số tín chỉ thực hành: 0.5
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học song hành: Bản đồ và Đo đạc Lâm nghiệp
Học phần học trước: Tin học đại cương.
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương
Số điện thoại:0914141188; Email: nguyenthithanhhuong@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Hiện nay, những thách thức chính mà chúng ta đang phải đối mặt - bùng nổ dân số, ô nhiễm, phá rừng, thiên tai - chiếm một không gian địa lý quan trọng. Vì vậy cần thiết phải có công cụ để thống kê, phân tích, quản lý các đối tượng này dựa trên không gian địa lý thay cho các phương pháp truyền thống, thủ công trước đây. Sự ra đời của kỹ thuật GIS (Hệ thống thông tin địa lý – Geographical Information System) và Viễn thám (VT) đã đáp ứng được các yêu cầu để quản lý thông tin một cách cập nhật, chính xác và lượng thông tin lưu trữ đủ lớn. Do vậy học phần VT và GIS đại cương được xác định là môn học bắt buộc thuộc môn học cơ sở ngành của ngành của ngành Quản lý Tài Nguyên rừng và ngành Lâm sinh; là môn tự chọn của một số ngành khác như Bảo vệ thực vật, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Kinh tế,.... Điều kiện tiên quyết là người học đã được trang bị kiến thức và kỹ năng Tin học đại cương.

Viễn thám là một khoa học nghiên cứu, phân tích, xác định các đặc điểm, tính chất các đối tượng trên bề mặt trái đất từ xa mà không cần tiếp xúc trực tiếp với chúng. Thông tin các đối tượng sẽ được thể hiện dưới dạng hình ảnh và phân tích phản xạ phổ các đối tượng. Công nghệ viễn thám với các hệ thống thu thập thông tin đa phổ, đa thời gian đã cho phép thực hiện các công việc thu thập và tổng hợp dữ liệu một cách nhanh chóng, hiệu quả trong quản lý và giám sát cũng như dự báo với những viễn cảnh khác nhau, hỗ trợ đắc lực cho hệ thống ra quyết định. Người học sẽ hiểu được những nguyên lý cơ bản của kỹ thuật viễn thám và các phương pháp xử lý các thông tin từ ảnh viễn thám phục vụ cho công việc thực tiễn.

GIS là hệ thống có khả năng lưu trữ, quản lý, trao đổi, cập nhật các thông tin liên quan đến địa lý một cách đồng bộ và logic. GIS cho phép tạo lập bản đồ, phối hợp thông tin, khái quát các viễn cảnh, giải quyết các vấn đề phức tạp, và phát triển các giải pháp quản lý thông tin thiệu quả mà trước đây không thực hiện được.

Các dữ liệu xử lý từ viễn thám sẽ được liên kết xử lý nhờ kỹ thuật GIS để các thông tin có thể được thể hiện dưới dạng hình ảnh bản đồ và thực hiện một số bài toán chồng xếp, tích hợp, trình bày, trực quan hóa hỗ trợ hiệu quả cho hệ thống ra quyết định.

- Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về i) bản đồ với các phép chiếu, tọa độ, sử dụng bản đồ; ii) kiến thức về VT như: định nghĩa, cơ sở VT, xử lý ảnh vệ tinh, phân tích và ứng dụng ảnh…; iii) các kiến thức của GIS như khái niệm, các thành phần chính của GIS, cấu trúc và mô hình dữ liệu như Vector và Raster trong GIS; mối quan hệ giữa dữ liệu không gian và dữ liệu thuộc tính. Các mô hình quản lý cơ sở dữ liệu GIS như mô hình thứ bậc, mô hình mạng lưới, mô hình quan hệ, chức năng của GIS trong xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu như thu thập, xử lý, nhập dữ liệu, xuất dữ liệu ra các định dạng theo yêu cầu của người sử dụng, các phương pháp tích hợp giữa VT và GIS.

## 3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT2: Sinh viên hiểu kiến thức cơ bản về viễn thám, các loại ảnh vệ tinh

MT2: Sinh viên có kiến thức về Hệ thống thông tin địa lý GIS, mô hình dữ liệu GIS và bản đồ số.

MT3: Vận dụng các kỹ thuật cơ bản trong việc xử lý, lưu trữ, tích hợp GIS và viễn thám để xây dựng và quản lý dữ cơ sở dữ liệu số.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1: Sinh viên có kiến thức cơ bản về viễn thám, đọc và sử dụng ảnh vệ tinh thông dụng

H2: Sinh viên có kiến thức và kỹ năng trong nhận biết, tạo lập, xử lý, lưu trữ cơ sở dữ liệu GIS

H3: Vận dụng các kỹ thuật cơ bản trong việc xử lý ảnh vệ tinh, tạo lập và phân tích dữ liệu GIS

H4: Có tính trung thực, nghiêm túc trong học tập, sáng tạo, có ý thức trách nhiệm; có quan điểm tiếp cận kỹ thuật VT và GIS ứng dụng trong thực tiễn.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | | | | x | | | x | | | | | | |
| H2 | | | | | | x | | | x | | | | | | |
| H3 | | | | | | x | | | x | x | | x | | x | x |
| H4 | | | | | | x | | | x | x | | x | | x | x |

## 4. Cấu trúc học phần

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1: Viễn thám**<br>2.1. Giới thiệu chung về VT<br>2.2. Năng lượng điện tự và VT<br>2.3. Bộ cảm biến và vật mang<br>2.4. Các loại VT<br>2.5. Giới thiệu một số ảnh vệ tinh đa phổ<br>2.6. Hiệu chỉnh ảnh vệ tinh<br>2.7. Tăng cường chất lượng ảnh<br>2.8. Nguyên lý của phân loại ảnh số | LT: 09 tiết<br>TH: 02 tiết | [1] chương 1<br>[2] chương 1 |
| 2 | **Chương 2: Hệ thống thông tin địa lý - GIS**<br>3.1. Giới liệu chung vê GIS<br>3.2. Các dạng dữ liệu<br>3.3. Nhập và xuất dữ liệu<br>3.4. Thuận lợi và thử thách trong áp dụng GIS và VT<br>3.5. Hệ thống quản trị dữ liệu trong GIS<br>3.6. Các chức năng phân tích GIS và liên kết GIS với hệ thống khác | LT: 09 tiết<br>TH:02 tiết | [1] chương 2<br>[2] chương 2 |
| 3 | **Chương 3: Tích hợp VT và GIS**<br>3.1 Phương pháp tích hợp giữa VT và GIS<br>3.1.3 Đóng góp VT cho GIS<br>3.1.2 Đóng góp của GIS cho VT<br>3.1.3 Tích hợp VT và GIS cho phân tích sử dụng đất | LT: 05 tiết<br>TH: 03 | 1] chương 3, 4<br>[2] chương 3 |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 3.2 Lý thuyết tích hợp<br>3.2.1 Tích hợp tiến hóa<br>3.2.2 Phương pháp luận tích hợp<br>3.2.3 Mô hình tích hợp | | |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| B1-B3: T01-T09 | **Chương 1: Nguyên tắc Viễn thám** | H1, H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Thuyết trình của GV<br>- Câu hỏi gợi mở, tương tác giữa GV – SV<br>- Quan sát và thao tác cơ bản trên máy tính với dữ liệu đã được GV chuẩn bị sẵn<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng<br>- Thực hành: quan sát và thao tác hiển thị ảnh vệ tinh, hiển thị thông tin ảnh, tổ hợp màu, trích xuất thông tin.<br>- Thảo luận nhóm về liên hệ thực tiễn ứng dụng<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu; ghi chép (take note);<br>- Nhóm thảo luận<br>**Địa điểm học:**<br>Phòng máy | Những thuận lợi và hạn chế khi sử dụng dữ liệu VT trong thực tiễn; mức độ hiểu biết về kỹ thuật với những thuận lợi, khó khăn, thách thức và cơ hội<br>Báo cáo của nhóm trước lớp (Ao hoặc PP) |
| B3-B5:T10-T18 | **Chương 2: Hệ thống thông tin địa lý - GIS**<br>3.1. Giới liệu chung vê GIS<br>3.2. Các dạng dữ liệu<br>3.3. Nhập và xuất dữ liệu<br>3.4. Thuận lợi và thử thách trong áp dụng GIS và VT<br>3.5. Hệ thống quản trị dữ liệu trong GIS<br>3.6. Các chức năng phân tích | H1, H2, H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Thuyết trình của GV<br>- Câu hỏi gợi mở, tương tác giữa GV – SV<br>- Thao tác cơ bản trên máy tính với dữ liệu đã được GV chuẩn bị sẵn<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng<br>- Thảo luận chung về liên hệ thực tiễn ứng dụng (brain storming)<br>- Thực hành: quan sát và thao tác hiển thị cơ sở dữ liệu dữ liệu GIS, phép chiếu, dạng và mô hình dữ liệu GIS…<br>**Yêu cầu sinh viên:** | Những lĩnh vực có thể ứng dụng GIS? Phân tích phạm vi ứng dụng của chuyên ngành đang theo học?<br>Báo cáo của nhóm trước lớp (Ao hoặc PP) |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | GIS và liên kết GIS với hệ thống khác | | - Đọc tài liệu; ghi chép (take note); làm bài phân tích và liên hệ thực tiễn tại nhà.<br>**Địa điểm học:**<br>Phòng máy | |
| B5-B6:T19-T23 | **Chương 3: Tích hợp VT và GIS**<br>3.1 Phương pháp tích hợp giữa VT và GIS<br>3.1.3 Đóng góp VT cho GIS<br>3.1.2 Đóng góp của GIS cho VT<br>3.1.3 Tích hợp VT và GIS cho phân tích sử dụng đất<br>3.2 Lý thuyết tích hợp<br>3.2.1 Tích hợp tiến hóa<br>3.2.2 Phương pháp luận tích hợp<br>3.2.3 Mô hình tích hợp | H1, H2, H3, H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Thuyết trình của GV<br>- Câu hỏi gợi mở, tương tác giữa GV – SV<br>- Thao tác cơ bản trên máy tính với dữ liệu đã được GV chuẩn bị sẵn<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng<br>- Thảo luận chung về liên hệ thực tiễn ứng dụng (brain storming)<br>- Thực hành: quan sát và thao tác ứng dụng tích hợp VT và GIS<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu; ghi chép (take note); làm bài phân tích và liên hệ thực tiễn tại nhà.<br>**Địa điểm học:**<br>Phòng máy | Bài tập nhóm/cá nhân ứng dụng tích VT và GIS |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1]. Nguyễn Thị Thanh Hương. 2015. Ứng dụng Viễn thám và GIS trong quản lý tài nguyên rừng. NXB Thông tấn.

[2] Nguyễn Thị Thanh Hương (2020), Bài giảng Viễn thám và GIS đại cương, Đại học Tây Nguyên

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[1]. Congalton, R. G. and Green, K (1999), Assessing the accuracy of remotely sensed data: Principles and practices, Boca Raton, Lewis Publishers.

[2]. Nguyễn Văn Đức (2001), Hệ thống thông tin địa lý GIS, NXB Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội.

[3]. Janssen, L. L. F. and Gorte, B. G. H (2001), Digital classification image. Pp. 341-368. In: Janssen, L.L.F and Huurneman, G.C. (Eds). Principle of remote sensing: An introductory textbook. The International Institute for Aerospace Survey and Earth Sciences (ITC), Netherlands.

[4]. Janssen, L. L. F (2001), Visual image interpretation. Pp. 307-336. In: Janssen, L.L.F and Huurneman, G.C. (Eds). Principle of remote sensing: An introductory textbook. The International Institute for Aerospace Survey and Earth Sciences (ITC), Netherlands. 410p.

[5]. Jensen, J. R (1996), Introductory digital image processing: A Remote Sensing Perspective, Prentice Hall, New Jersey, 316p.

[6] Nguyen Thi Thanh Huong (Thi Thanh Huong Nguyen). 2011. Forestry Remote sensing: Using multi-data source for inventory of natural broad-leaved evergreen forests in the Central Highlands of Vietnam. Lambert Academic pulishing. Saarbruecken, Germany, 2011; p. 165.

[7] Lillesand, T.M. and Kiefer, R.W. 1994. Remote sensing and image interpretation (3th edition). John Wiley & Sons, New York.366p

[8] Otto Huisman, Rolf A. deBy (Editors). Principle of Geographic Information Systems. 2009. ITC Education Textbook Series. Netherlands.

[8] Qihao Weng. Remote sensing and GIS integration. 2010. The McGraw-Hill Companies, Inc, United State.

[10]. Lê Văn Trung (2005), Viễn Thám, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.**7.**

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần: 50%
- Hoàn thành các bài tập được giao: 50%

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có):*

Các bài thực hành:

i) Phân tích các đặc điểm ảnh vệ tinh: hiển thị, quang phổ, phối hợp màu,..

ii) Đăng ký tọa độ ảnh

iii) Nhập và tạo lập dữ liệu không gian và thuộc tính vào GIS dựa trên các nguồn dữ liệu khác nhau: Từ Excel, GPS, bản đồ đã được đăng ký tọa độ,...(sinh viên đồng thời tự tạo dữ liệu từ viêc thu thập điểm mẫu từ GPS)

iii) Phân loại ảnh vệ tinh bằng mắt và tự động unsupervised classification

iv) Biên tập bản đồ

Yêu cầu sinh viên thực hiện được các phần thực hành trên và có kết quả chính xác có nghĩa dữ liệu được đồng bộ, có thể chồng lớp, mô tả được thực tế vị trí bề mặt, đối tượng,....

Bài báo cáo ngắn quá trình thực hiện, dữ liệu và kết quả là được yêu cầu cho từng nhóm/cá nhân (nộp bằng file qua email hoặc Dropbox).

*Lưu ý: Tùy theo khả năng thực tế của sinh viên của từng khóa mà cần có những linh hoạt trong các yêu cầu của bài thực hành để đảm bảo hiệu quả học tập của sinh viên (không quá sức và không quá đơn giản)*

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

*7.4. Phần khác (nếu có):*

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu (15T tự học).* Sinh viên đọc thêm tài liệu tham khảo, truy cập các bài báo, tạp chí trong và ngoài nước, có thể tìm nguồn tại liệu tại:

- Thư viện trường Đại học Tây Nguyên
- Các chuyên đề, đề tài, luận văn hiện có tại thư viện trường Đại học Tây Nguyên và Bộ môn QLTNR, Đại học Tây Nguyên
- Các phần liên quan trong tài liệu tham khảo được liệt kê ở mục 6.2
- Internet (bài báo, tài liệu, youtube liên quan,…)

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

*8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%.; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%*

*8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận:*

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến | H1, H2, H3, H4 | 30% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| | cần (kể cả lý thuyết và thực hành) | động trong giờ học và thực hành của sinh viên | bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | | |
| 2 | Bài tập nhóm | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, sáng tạo, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H1, H2, H3, H4 | 10% |
| 3 | Bài tập thực hành nhóm/cá nhân | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm, phỏng vấn thành viên nhóm. | H1, H2, H3, H4 | 60% |
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

8.3. Thi kết thúc học phần:

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Thực hành trên máy tính | H1, H2, H3, H4 | 70% |

*Ngày ….. tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | ThS. Phạm Đoàn Phú Quốc | PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: ỨNG DỤNG VIỄN THÁM VÀ GIS TRONG QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN RỪNG**
**Mã học phần: NL213206**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**
Tên tiếng Anh: Remote sensing and GIS application in Forest resources
Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 01; Số tín chỉ thực hành: 01
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học trước: Bản đồ và Đo đạc Lâm nghiệp; Viễn thám và GIS Đại cương
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương
Số điện thoại:0914141188; Email: nguyenthithanhhuong@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Biến đổi khí hậu (BĐKH) là thách thức mà chúng ta đang phải đối mặt. Trong các nhân tố được xác định là nguyên nhân của BĐKH, tài nguyên rừng được vừa là nguyên nhân vừa là giải pháp và có vai trò quan trọng trong BĐKH. Tuy nhiên TNR chưa bao giờ là ổn định trong mối quan hệ phát triển kinh tế của xã hội ở Việt Nam cũng như nhiều nước đang phát triển khác. Vì vậy cần thiết phải có công cụ để cập nhật, phân tích, quản lý một các hệ thống thay cho các phương pháp truyền thống, thủ công trước đây, làm cơ sở hỗ trợ đắc lực cho việc ra quyết định cũng như trong chiến lược phát triển. Do vậy học phần Viễn thám và GIS trong quảnlyýt ài nguyên rừng được xác định là môn học bắt buộc thuộc môn học chuyên ngành của ngành Quản lý Tài Nguyên rừng và ngành Lâm sinh. Ngoài điều kiện tiên quyết là người học đã được trang bị kiến thức và kỹ năng Tin học đại cương, Viễn thám và GIS đại cương, môn học liên quan nhiều môn học chuyên ngành trong việc ứng dụng như Điều tra quy hoạch - điều chế rừng, đa dạng sịnh học, trồng rừng, quản lý lưu vực, Nông lâm kết hợp,...

Công nghệ viễn thám với các hệ thống thu thập thông tin đa phổ, đa thời gian đã cho phép thực hiện các công việc thu thập và tổng hợp dữ liệu một cách nhanh chóng, hiệu quả trong quản lý và giám sát cũng như dự báo với những viễn cảnh khác nhau, hỗ trợ đắc lực cho hệ thống ra quyết định. Người học sẽ hiểu được những nguyên lý cơ bản của kỹ thuật viễn thám và các phương pháp xử lý các thông tin từ ảnh viễn thám phục vụ cho công tác quản lý, theo dõi, quy hoạch tài nguyên thiên nhiên. GIS là hệ thống có khả năng lưu trữ, quản lý, trao đổi, cập nhật các thông tin liên quan đến địa lý một cách đồng bộ và logic. GIS cho phép tạo lập bản đồ, phối hợp thông tin, khái quát các viễn cảnh, giải quyết các vấn đề phức tạp, và phát triển các giải pháp quản lý thông tin thiệu quả mà trước đây không thực hiện được.

Các dữ liệu xử lý từ viễn thám sẽ được liên kết xử lý nhờ kỹ thuật GIS để các thông tin có thể được thể hiện dưới dạng hình ảnh bản đồ và thực hiện một số bài toán chồng xếp, tích hợp, dự báo hỗ trợ hiệu quả công tác quản lý, theo dõi diễn biến tài nguyên thiên nhiên, dự báo làm cơ sở cho việc ra quyết định.

- Học phần được chia làm 2 phần: Phần lý thuyết cung cấp cho người học các kiến thức các thuật toán xử lý ảnh như: tăng cương chất lượng ảnh, lọc mây,..; phân loại ảnh bằng các phương pháp khác nhau bao gồm học máy (machine learning), phương pháp thống kê. Các mô hình quản lý cơ sở dữ liệu GIS như mô hình thứ bậc, mô hình mạng lưới, mô hình quan hệ, chức năng phân tích không gian của GIS trong, quản lý dữ liệu và dự báo tài nguyên rừng…

- Phần thực hành: Thực hành sử dụng một số phần mềm chuyên dụng như Envi, ArcGIS/ Mapinfo, Google Earth Engine, QGIS, R để phân tích, xử lý, tạo lập,… dữ liệu tài nguyên rừng. Trong phần này sinh viên sẽ có cơ hội được làm quen với kỹ thuật xử lý ảnh như fusion, lọc mây, phân loại ảnh vệ tinh để

thành lập bản đồ chuyên đề. Tạo lập và quản lý dữ liệu GIS từ các nguồn cơ sở dữ liệu khác nhau. Tích hợp dữ liệu ảnh vệ tinh và GIS trong xây dựng bản đồ chuyên đề và phân tích thay đổi thảm phủ/rừng.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT2: Sinh viên hiểu kiến thức cơ bản về xử lý ảnh vệ tinh

MT2: Sinh viên có kiến thức về phân tích không gian trong GIS.

MT3: Vận dụng các kỹ thuật cơ bản trong xử lý, phân tích dữ liệu ảnh vệ tinh, tích hợp với GIS để xây dựng và quản lý dữ cơ sở dữ liệu số tài nguyên rừng.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1: Sinh viên có kiến thức cơ bản xử lý ảnh vệ tinh thông dụng trong quản lý tài nguyên rừng

H2: Sinh viên có kiến thức và kỹ năng trong phân tích dữ liệu không gian GIS liên quan đến tài nguyên rừng

H3: Vận dụng các kỹ thuật cơ bản trong việc xử lý ảnh vệ tinh, tạo lập và phân tích dữ liệu GIS, tích hợp viễn thám và GIS trong quản lý, giám sát, phân tích tài nguyên rừng; tham gia xây dựng các dự án trong quản lý và phát triển tài nguyên rừng

H4: Có tính trung thực, nghiêm túc trong học tập, sáng tạo, có ý thức trách nhiệm; có quan điểm tiếp cận kỹ thuật viễn thám và GIS ứng dụng trong quản lý tài nguyên thiên nhiên.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | | | | x | | | x | x | | | | | |
| H2 | | | | | | x | | | x | x | | | | | |
| H3 | | | | | | x | | | x | x | | x | x | x | |
| H4 | | | | | | x | | | x | x | | x | x | x | |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1: Viễn thám với rừng nhiệt đới**<br>1.1. Giới thiệu<br>1.2. Một số ảnh vệ tinh thường được sử dụng trong quản lý tài nguyên rừng | LT: 03 tiết<br>TH: 01 tiết | [2] chương 1<br>[1] chương 1 |
| 2 | **Chương 2: Cơ sở khoa học ứng dụng viễn thám và GIS trong quản lý tài nguyên rừng**<br>2.1. Cơ sở khoa học ứng dụng viễn thám trong quản lý tài nguyên rừng<br>2.2 Cơ sở khoa học ứng dụng GIS trong quản lý tài nguyên rừng | LT: 03 tiết<br>TH:01 tiết | [2] chương 2 |
| 3 | **Chương 3: Ứng dụng viễn thám và GIS trong quản lý tài nguyên rừng**<br>3.1. Tiền xử lý ảnh<br>3.2 Vai trò của Goofle Earth Engine trong tiền xử lý ảnh<br>3.2. Các phương pháp phân loại ảnh<br>3.3. Thực tiễn ứng dụng viến thám và GIS trong quản lý tài nguyên rừng tại Việt Nam<br>3.4 Các nghiên cứu ứng dụng viễn thám và GIS trong tài nguyên rừng | LT: 05<br>TH: 06 | [2] chương 3 |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | | | |
| 4 | **Chương 4: Các nghiên cứu trường hợp**<br>4.1 Phân loại thảm phủ/sử dụng đất<br>4.2 Phân tích và dự báo thay đổi thảm phủ dựa vào ảnh vệ tinh đa thời gian và chuỗi Markov<br>4.3 Ước lượng trữ lượng rừng nhiệt đới bằng ảnh vệi tnh SPOT 5<br>4.4. Định lượng đa dạng loài thực vật thân gỗ dựa vào ảnh vệ tinh | LT: 04<br>TH: 07 | [2] chương 4 |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| B1-: T1-T3 | **Chương 1: Viễn thám với rừng nhiệt đới**<br>1.1. Giới thiệu<br>1.2. Một số ảnh vệ tinh thường được sử dụng trong quản lý tài nguyên rừng | H1, H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Thuyết trình của GV<br>- Câu hỏi gợi mở, tương tác giữa GV – SV<br>- Quan sát và thao tác cơ bản trên máy tính với dữ liệu đã được GV chuẩn bị sẵn<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng<br>- Thực hành: quan sát và thao tác hiển thị ảnh vệ tinh, hiển thị thông tin ảnh, tổ hợp màu, trích xuất thông tin.<br>- Thảo luận nhóm về liên hệ thực tiễn ứng dụng<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu; ghi chép (take note);<br>- Nhóm thảo luận<br>**Địa điểm học:**<br>Phòng máy | Những hạn chế trong quản lý rừng trước đây không sử dụng Viễn thám; ứng dụng thực tiễn trong lâm nghiệp; mức độ hiểu biết về kỹ thuật với những thuận lợi, khó khăn, thách thức và cơ hội<br>Báo cáo của nhóm trước lớp (Ao hoặc PP) |
| B1-B2:T4; T1-T2 | 2.1. Cơ sở khoa học ứng dụng viễn thám trong quản lý tài nguyên rừng<br>2.2 Cơ sở khoa học ứng dụng GIS trong quản lý tài nguyên rừng | H1, H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Thuyết trình của GV<br>- Câu hỏi gợi mở, tương tác giữa GV – SV<br>- Thao tác cơ bản trên máy tính với dữ liệu đã được GV chuẩn bị sẵn<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng<br>- Thảo luận chung về liên hệ thực tiễn ứng dụng (brain storming) | Những hạn chế trong quản lý rừng trước đây không sử dụng Viễn thám; ứng dụng thực tiễn trong lâm nghiệp; mức độ hiểu biết về kỹ thuật với |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | | - Thực hành: quan sát và thao tác hiển thị cơ sở dữ liệu dữ liệu GIS, phép chiếu, dạng và mô hình dữ liệu GIS…<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu; ghi chép (take note); làm bài phân tích và liên hệ thực tiễn tại nhà.<br>**Địa điểm học:**<br>Phòng máy | những thuận lợi, khó khăn, thách thức và cơ hội<br>Báo cáo của nhóm trước lớp (Ao hoặc PP) |
| B8:T27-T30 | **Chương 3: Ứng dụng viễn thám và GIS trong quản lý tài nguyên rừng**<br>3.1. Tiền xử lý ảnh<br>3.2 Vai trò của Goofle Earth Engine trong tiền xử lý ảnh<br>3.2. Các phương pháp phân loại ảnh<br>3.3. Thực tiễn ứng dụng viến thám và GIS trong quản lý tài nguyên rừng tại Việt Nam<br>3.4 Các nghiên cứu ứng dụng viễn thám và GIS trong tài nguyên rừng | H1, H2, H3, H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Thuyết trình của GV<br>- Câu hỏi gợi mở, tương tác giữa GV – SV<br>- Thao tác cơ bản trên máy tính với dữ liệu đã được GV chuẩn bị sẵn<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng<br>- Thảo luận chung về liên hệ thực tiễn ứng dụng (brain storming)<br>- Thực hành: quan sát và thao tác ứng dụng Tiền xử lý ảnh, phâ nloại ảnh và tích hợp GIS-Viễn thám trong lập bản đồ rừng<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu; ghi chép (take note); làm bài phân tích và liên hệ thực tiễn tại nhà.<br>**Địa điểm học:**<br>Phòng máy | Cơ sở dữ liệu và báo báo kết quả được giao nhiệm vụ |
| | **Chương 4: Các nghiên cứu trường hợp**<br>4.1 Phân loại thảm phủ/sử dụng đất<br>4.2 Phân tích và dự báo thay đổi thảm phủ dựa vào ảnh vệ tinh đa thời gian và chuỗi Markov<br>4.3 Ước lượng trữ lượng rừng nhiệt đới băng ảnh vệi tnh SPOT 5 | H1, H2, H3, H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Thuyết trình của GV<br>- Câu hỏi gợi mở, tương tác giữa GV – SV<br>- Thao tác cơ bản trên máy tính với dữ liệu đã được GV chuẩn bị sẵn<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng<br>- Thảo luận chung về liên hệ thực tiễn ứng dụng (brain storming)<br>- Thực hành: quan sát và thao tác ứng dụng Tiền xử lý ảnh, phâ | Sinh viên lựa chọn chủ đề ứng dụng, cá nhân/nhóm làm bài tập dựa trên số liệu tự thiết lập, thu thập. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 4.4. Định lượng đa dạng loài thực vật thân gỗ dựa vào ảnh vệ tinh | | nloại ảnh và tích hợp GIS-Viễn thám trong lập bản đồ rừng<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu; ghi chép (take note); lựa chọn chủ đề, thu thập và tạo lập dữ liệu, xử lý và phân tích kết quả.<br>**Địa điểm học:**<br>Phòng máy | |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1]. Nguyễn Thị Thanh Hương. 2015. Ứng dụng Viễn thám và GIS trong quản lý tài nguyên rừng. NXB Thông tấn.

[2] Nguyễn Thị Thanh Hương (2020), Bài giảng Viễn thám và GIS trong quản lý tài nguyên rừng, Đại học Tây Nguyên

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[1]. Congalton, R. G. and Green, K (1999), Assessing the accuracy of remotely sensed data: Principles and practices, Boca Raton, Lewis Publishers.

[2]. Janssen, L. L. F. and Gorte, B. G. H (2001), Digital classification image. Pp. 341-368. In: Janssen, L.L.F and Huurneman, G.C. (Eds). Principle of remote sensing: An introductory textbook. The International Institute for Aerospace Survey and Earth Sciences (ITC), Netherlands.

[3] Nguyen Thi Thanh Huong (Thi Thanh Huong Nguyen). 2011. Forestry Remote sensing: Using multi-data source for inventory of natural broad-leaved evergreen forests in the Central Highlands of Vietnam. Lambert Academic pulishing. Saarbruecken, Germany, 2011; p. 165.

[4] Nguyễn Thị Thanh Hương và Đoàn Minh Trung. 2019. Khả năng sử dụng ảnh vệ tinh Sentinel 2A đa thời gian theo mùa trong việc cải thiện độ chính xác phân loại thảm phủ bằng phương pháp Randomforest

[5] Nguyễn Thị Thanh Hương và Ngô Thị Thùy Phương. 2019. Phân tích thay đổi thảm phủ dựa vào ảnh vệ tinh đa thời gian và chuỗi Markov tại tỉnh Đắk Nông. Tạp chí Lâm nghiệp.

[6] Nguyễn Thị Thanh Hương, Châu Thị Như QUỳnh, Nguyễn Đức Định, Nguyễn Thế Hiển, Phan Thị Hằng, Cao Thị Hoài, Hồ Đình Bảo, Hoàng Trọng Khánh. 2018. Thử nghiệm định lượng đa dạng loài thực vật thân gỗ sử dụng ảnh vệ tinh Sentinel-2A. Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Tp.HCM

[7] Prasad S. and Thenkabail. 2016. Remote Sensing Handbook Volume 2 - Land Resources Monitoring, Modeling, and Mapping with Remote Sensing. y Taylor & Francis Group, LLC. 858pg.

[8]. Lê Văn Trung (2005), Viễn Thám, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần: 50%
- Hoàn thành các bài tập được giao: 50%

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có):*

Các bài thực hành:

i) Tiền xử lý ảnh với phân fmeemf Google Earth Engine hoặc Envi.

ii) Phân loại ảnh vệ tinh bằng phương pháp Maximum likelihook, Supper vector Machine, Random-forest.

iii) Phân tích không gian (chồng lớp, nhập vùng, cắt vùng,…) và thuộc tính (diện tích, chu vi, các phép toán tử,…với dữ liệu có sẵn

iv) Phân loại và Phân tích thay đổi sử dụng đất từ ảnh vệ tinh ở 2 thời điểm khác nhau

v) Lập kế hoạch thực hiện xây dựng bản đồ rừng từ ảnh vệ tinh và dữ liệu hiện trường

vi) Xây dưng bản đồ chuyên đề và viết báo cáo.

Yêu cầu sinh viên thực hiện được các phần thực hành trên và có kết quả chính xác có nghĩa dữ liệu được đồng bộ, có thể chồng lớp, mô tả được thực tế vị trí bề mặt, đối tượng,....

Chia nhóm thực hiện nội dung (v) và (vi). Bài báo cáo ngắn quá trình thực hiện, dữ liệu và kết quả là được yêu cầu cho từng nhóm (nộp bằng file qua email hoặc Dropbox).

*Lưu ý: Tùy theo khả năng thực tế của sinh viên của từng khóa mà cần có những linh hoạt trong các yêu cầu của bài thực hành để đảm bảo hiệu quả học tập của sinh viên (không quá sức và không quá đơn giản)*

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

*7.4. Phần khác (nếu có):* Ví dụ như tham quan thực tế

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu (15T tự học).* Sinh viên đọc thêm tài liệu tham khảo, truy cập các bài báo, tạp chí trong và ngoài nước, có thể tìm nguồn tại liệu tại:

- Thư viện trường Đại học Tây Nguyên
- Các chuyên đề, đề tài, luận văn hiện có tại thư viện trường Đại học Tây Nguyên và Bộ môn QLTNR, Đại học Tây Nguyên
- Các phần liên quan trong tài liệu tham khảo được liệt kê ở mục 6.2
- Internet (bài báo, tài liệu, youtube liên quan,…)

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

*8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%.; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%*

*8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận:*

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần (kể cả lý thuyết và thực hành) | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học và thực hành của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1, H2, H3, H4 | 30% |
| 2 | Bài tập nhóm | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, sáng tạo, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H1, H2, H3, H4 | 10% |
| 3 | Bài tập thực hành nhóm | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm, phỏng vấn thành viên nhóm. | H1, H2, H3, H4 | 60% |
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

8.3. Thi kết thúc học phần:

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Thực hành trên máy tính | H1, H2, H3, H4 | 70% |

*Ngày ….. tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | ThS. Phạm Đoàn Phú Quốc | PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: TRỒNG RỪNG**
**Mã học phần:** NL213148

## 1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 3; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thực hành: 1
Loại môn học: Bắt buộc.
Các yêu cầu đối với học phần:
Học phần song hành: Giống cây rừng
Học phần học trước: Không
Học phần tiên quyết: Không
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Trần Thị Xuân Phấn; Số điện thoại: 0334939800
Email: phantrandhtn@gmail.com; ttxphan@ttn.edu.vn

## 2. Tóm tắt nội dung học phần

Trồng rừng là môn khoa học ứng dụng, gắn liền với thực tiễn sản xuất và có liên quan đến các lĩnh vực khoa học khác. Đây là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Lâm nghiệp. Nội dung của học phần này bao gồm: hệ thống các nguyên lý, kĩ thuật liên quan đến hạt giống, gieo ươm và kĩ thuật tạo rừng. Do đó, học phần trồng rừng có mối quan hệ chặt chẽ đến nhiều học phần khác trong chương trình đào tạo ngành học. Để đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra của môn học trồng rừng, đòi hỏi sinh viên cần phải có kiến thức rộng rãi về các lĩnh vực liên quan như: Giống cây rừng, thực vật rừng, nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ, điều tra rừng, di truyền học, sinh hóa, sinh lý thực vật, sinh thái rừng, khí tượng thủy văn và khoa học đất. Trong đó, Giống cây rừng là học phần bắt buộc sinh viên phải hoàn thành trước khi thực hiện học phần Trồng rừng. Thông qua học phần này, sinh viên có khả năng vận dụng được những kiến thức cơ bản về hạt giống, cây con và kĩ thuật trồng rừng vào trong thực tiễn sản xuất Lâm nghiệp.

## 3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

*3.1. Mục tiêu học phần*

i. MT1: Cung cấp các kiến thức cơ bản về kỹ thuật hạt giống, nguyên lý sản xuất cây con trong vườn ươm, hệ thống biện pháp kĩ thuật tạo rừng; đồng thời nắm vững cơ sở lý thuyết và nguyên lý kĩ thuật tạo lập một số loại rừng phòng hộ chủ yếu.
ii. MT2: Ứng dụng các nguyên lý hạt giống, kĩ thuật gieo ươm, hệ thống biện pháp kĩ thuật tạo rừng và nguyên lý phát triển rừng trồng thâm canh vào trong thực tiễn sản xuất.
iii. MT3: Trang bị cho sinh viên kĩ năng khảo sát, thiết kế và đánh giá điều kiện lập địa nơi trồng rừng.
iv. MT4: Giới thiệu một số văn bản định mức về kinh tế kỹ thuật trồng rừng

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

i. H1 Vận dụng được các kiến thức kiến thức về nguyên lý, kĩ thuật từ khâu hạt giống, gieo ươm cây con, chăm sóc, tạo lập các loại rừng và nắm được các văn bản, quy phạm định mức kĩ thuật trồng rừng.
ii. H2 Có khả năng kiểm kê, đánh giá chất lượng rừng trồng và kĩ năng lập hồ sơ thiết kế trồng rừng
iii. H3 Vận dụng được kĩ năng giao tiếp, thúc đẩy cộng động, làm việc nhóm để tham gia vào các hoạt động, dự án lâm nghiệp.
iv. H4 Có thái độ làm việc tích cực sáng tạo trong công việc và có khả năng xử lý các tình huống, giải quyết vấn đề trong ứng dụng sản xuất lâm nghiệp.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | C3 | C5 | C6 | C9 | C11 | C14 |
| H1 | x | x | x | | | |
| H2 | | x | x | x | | |
| H3 | | | | | x | x |
| H4 | | | | | x | x |

**4. Cấu trúc học phần**

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. Mở đầu**<br>1.1. Mục tiêu, yêu cầu môn học<br>1.2. Vai trò và nhiệm vụ của công tác trồng rừng<br>1.3. Lịch sử phát triển trồng rừng ở Việt Nam<br>1.4. Một số chương trình trồng rừng ở Việt Nam | LT: 3<br>BT: 0 | [1] [4]<br>– Tham khảo bài báo: Giao đất giao rừng trong bối cảnh tái cơ cấu ngành lâm nghiệp: Cơ hội phát triển rừng và cải thiện sinh kế vùng cao (Tô Xuân Phúc & Trần Hữu Nghị, 2014) |
| 2 | **Chương 2. Nguyên lý, kĩ thuật hạt giống**<br>2.1. Tầm quan trọng của hạt giống cây rừng<br>2.2 Năng lực ra hoa kết quả của cây rừng<br>2.3 Các nhân tố ảnh hưởng đến ra hoa kết quả và sản lượng hạt giống cây rừng<br>2.4. Điều tra dự báo sản lượng hạt giống<br>2.5. Thu hái hạt giống cây rừng<br>2.6. Chế biến hạt giống sau thu hoạch<br>2.7. Kiểm nghiệm phẩm chất hạt giống<br>2.8. Hạt ngủ và quá trình nảy mầm hạt giống<br>2.9. Tuổi thọ và vấn đề bảo quản hạt giống<br>2.10. Các phương pháp bảo quản hạt giống | LT: 4<br>BT: 1 | [1]&[4] [3] |
| 3 | **Chương 3: Nguyên lý kĩ thuật tạo cây con**<br>3.1. Các loại vườn ươm<br>3.2. Chọn địa điểm lập vườn ươm<br>3.3. Quy trình kỹ thuật sản xuất cây con từ hạt<br>3.4. Kỹ thuật tạo cây con bằng pp giâm hom<br>3.5. Bứng cây, vận chuyển giâm tạm cây con<br>3.6. Luân canh trong vườn ươm | LT: 4<br>BT: 2 | [1][3] [9] [10][11] |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 4 | **Chương 4. Nguyên lý, kĩ thuật tạo rừng**<br>4.1. Phân chia vùng trồng rừng và nơi trồng rừng<br>4.2. Chọn loại cây trồng<br>4.3. Kết cấu tổ thành rừng trồng<br>4.4. Kết cấu mật độ rừng trồng<br>4.5. Phương thức và phương pháp làm đất trồng rừng<br>4.6. Phương thức và phương pháp trồng rừng<br>4.7. Chăm sóc, bảo vệ rừng trồng<br>4.8. Hệ thống kĩ thuật thâm canh cho rừng trồng | LT: 5<br>BT: 2 | [1][2]<br>[3][8][9][12] |
| 5 | **Chương 5. Kỹ thuật trồng một số loài cây chủ yếu**<br>5.1. Phân loại cây trồng cho các vùng sinh thái<br>5.2. Các quy pham, quy trình hướng dẫn kĩ thuật lâm sinh cho trồng rừng đã ban hành của Bộ NN&PTNT<br>5.3. Kỹ thuật gây trồng một số loài cây cụ thể | LT: 3<br>BT: 1 | [3] , [8] |
| 6 | **Chương 6. Kỹ thuật trồng rừng phòng hộ**<br>6.1. Trồng rừng phòng hộ đầu nguồn<br>6.2. Trồng rừng chắn gió bảo vệ đồng ruộng | LT: 4<br>BT: 0 | [3], [6], [7] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 3 tiết | **Chương 1. Mở đầu**<br>**1.1. Mục tiêu, yêu cầu môn học**<br>- Giới thiệu thông tin học phần, trình bày các mục tiêu và những yêu cầu của môn học.<br>**1.2. Vai trò và nhiệm vụ của công tác trồng rừng**<br>- Trình bày khái quát vai trò và lợi ích của rừng; Ý nghĩa của trồng rừng thay thế trong bối cảnh hiện nay.<br>**1.3. Lịch sử phát triển trồng rừng ở Việt Nam** (Trong nội dung này, sinh viên sẽ cùng tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển các hoạt động trồng rừng tại Việt Nam từ thời kì phong kiến đến nay)<br>1.3.1. Hoạt động trồng rừng thời kì phong kiến<br>1.3.2. Hoạt động trồng rừng thời kì thuộc Pháp (1958-1945)<br>1.3.3. Hoạt động trồng rừng thời kì chống Pháp (1945-1954) | H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>Phương pháp thuyết trình kết hợp gợi mở, vấn đáp, thảo luận<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- GV đặt vấn đề, gợi ý<br>- Sinh viên thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời<br>- GV nhận xét, góp ý.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu tham khảo | **Câu hỏi đánh giá**:<br>*Những chương trình trồng rừng do nhà nước đầu tư hoặc theo dự án nước ngoài có những tác động như thế nào đến phát triển kinh tế của người dân có cuộc sống gắn liền với rừng?*<br>-Hình thức đánh giá:<br>+ Đánh giá theo bài trình bày của nhóm tại lớp và lắng nghe chia sẻ từ nhóm bạn.<br>+ Trả lời câu hỏi trực tiếp của giảng viên |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 1.3.4. Hoạt động trồng rừng thời kì chống Mỹ (1954-1975)<br>1.3.5. Hoạt động trồng rừng thời kì sau hòa bình (1976-1985)<br>1.3.6. Hoạt động trồng rừng thời kì đổi mới (1986 đến nay)<br>**1.4. Một số chương trình trồng rừng ở Việt Nam**<br>1.4.1. Chương trình trồng rừng do Nhà nước đầu tư<br>1.4.2. Một số chương trình trồng rừng do các tổ chức quốc tế tài trợ | | Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, trả lời câu hỏi giảng viên …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (Cho các tiết lý thuyết) | |
| 5 tiết | **Chương 2. Nguyên lý kĩ thuật hạt giống**<br>**2.1. Tầm quan trọng của hạt giống cây rừng**<br>- Trình bày vị trí và ý nghĩa của hạt giống cây rừng trong thực tiễn sản xuất lâm nghiệp.<br>**2.2 Năng lực ra hoa kết quả của cây rừng**<br>Năng lực ra hoa kết quả của cây rừng có liên quan đến loài, tuổi, điều kiện sống. Quá trình phát triển cá thể cây rừng có thể chia ra các giai đoạn sau:<br>- Thời kì non trẻ<br>- Thời kì gần thành thục<br>- Thời kì thành thục<br>- Thời kì già cỗi<br>**2.3 Các nhân tố ảnh hưởng đến ra hoa kết quả và sản lượng hạt giống cây rừng**<br>* Có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến sự ra hoa kết quả và sản lượng hạt giống cây rừng. Các nhân tố này đều có liên quan chặt chẽ đến quá trình sinh trưởng phát triển, do vậy quá trình ra hoa kết quả của cây rừng chịu ảnh hưởng tổng hợp của nhiều nhân tố sinh thái gồm:<br>- Khí hậu<br>- Thời tiết | H1, H3, H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp<br>**Hình thức tổ chức lớp học:**<br>- Gv trình bày bài giảng kết hợp thúc đẩy sự tham gia của sinh viên thông qua đặt câu hỏi, gợi ý và vấn đáp.<br>- Trao đổi ý kiến với sinh viên thông qua hoạt động nhóm của sinh viên<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>-Ghi chép, chuẩn bị báo cáo/trả lời câu hỏi của giảng viên…<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | **Bài tập đánh giá:**<br>1. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng lực ra hoa kết quả và sản lượng hạt giống cây rừng? Nêu vai trò của con người trong giảm thiểu sự tác động, ảnh hưởng của từng nhóm nhân tố?<br>2. Hãy chỉ ra những nhân tố ảnh hưởng đến sức sống của hạt giống trong quá trình bảo quản cất trữ? hướng khắc phục?<br>-Hình thức đánh giá:<br>+ Sinh viên thuyết trình theo nhóm tại lớp và lắng nghe chia sẻ từ nhóm bạn, thảo luận với nhóm bạn<br>+ Trả lời một số câu hỏi trực tiếp từ giảng viên. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | - Ánh sáng<br>- Đất đai<br>- Sinh vật<br>**2.4. Điều tra dự báo sản lượng hạt giống**<br>2.4.1. Ước lượng bằng mắt (Điều tra vật hậu học)<br>2.4.2. PP cây tiêu chuẩn trung bình<br>2.4.3. PP ô tiêu chuẩn<br>2.4.4. PP thu nhặt hạt trên mặt đất<br>**2.5. Thu hái hạt giống cây rừng**<br>2.5.1. Hạt chín và quá trình chín của hạt (Khái niệm và đặc trưng của quá trình chín của hạt)<br>- Phân biệt quá trình chín sinh lý và chín thu hoạch<br>2.5.2. Phương pháp xác định hạt chín<br>- Trình bày các phương pháp để xác định hạt chín trong phòng thí nghiệm<br>- Một số đặc trung cơ bản nhận biết quả chín<br>2.5.3. Thời kì hạt rơi rụng<br>2.5.4. Thời kì thu hoạch hạt giống<br>2.5.5. Các phương pháp thu hoạch hạt giống<br>**2.6. Chế biến hạt giống sau thu hoạch**<br>2.6.1. Tách hạt<br>2.6.2. Làm sạch<br>**2.7. Kiểm nghiệm phẩm chất hạt giống**<br>2.7.1. Độ thuần hạt giống<br>2.7.2. Khối lượng hạt giống<br>2.7.3. Tỷ trọng hạt giống<br>2.7.4. Năng lực nảy mầm<br>**2.8. Hạt ngủ và quá trình nảy mầm hạt giống**<br>2.8.1. Hạt ngủ<br>- Ngủ ngắn | | (Tiết học lý thuyết) | |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | - Ngủ dài<br>2.8.2. Hạt nảy mầm<br>- Các giai đoạn và điều kiện của quá trình nảy mầm<br>**2.9. Tuổi thọ và vấn đề bảo quản hạt giống**<br>- Sức sống hạt giống<br>- Tuổi thọ của hạt<br>- Phân loại tuổi thọ<br>**2.10. Các phương pháp bảo quản hạt giống**<br>2.10.1. Phương pháp bảo quản khô<br>2.10.2. PP bảo quản trong kho lạnh | | | |
| 5 tiết | **Chương 3: Nguyên lý kĩ thuật tạo cây con**<br>**3.1. Các loại vườn ươm**<br>3.1.1. Đặc điểm và tính chất các loại vườn ươm<br>3.1.2. Cách thức sản xuất<br>**3.2. Chọn địa điểm lập vườn ươm:** Có 2 căn cứ để chọn địa điểm xây dựng vườn ươm<br>3.2.1. Điều kiện tự nhiên: Điều kiện địa hình, đất đai và sâu bệnh hại<br>3.2.2. Điều kiện kinh doanh: Vườn ươm đặt gần trung tâm nơi trồng, nơi gần nguồn nước và khu dân cư<br>3.2.3. Diện tích, quy hoạch vườn ươm<br>**3.3. Quy trình kỹ thuật sản xuất cây con**<br>3.3.1. Kĩ thuật sản xuất cây con từ hạt<br>*3.3.1.1. Kỹ thuật tạo bầu gieo ươm cây con*<br>*3.3.1.2. Kỹ thuật xây bể nuôi cây*<br>*3.3.1.3. Kỹ thuật gieo hạt*<br>- Xử lý hạt giống<br>- Gieo hạt<br>*3.3.1.4. Kỹ thuật cấy cây mầm* | H1, H3, H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở -vấn đáp<br>**Hình thức tổ chức lớp học:**<br>- Gv trình bày bài giảng kết hợp thúc đẩy sự tham gia của sinh viên thông qua đặt câu hỏi, gợi ý và vấn đáp.<br>- Giao bài tập về nhà, trao đổi phản hồi qua email<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu tham khảo<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, trả lời câu hỏi của giảng viên …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | **Bài tập đánh giá:**<br>1. Phân biệt các loại vườn ươm? Trong thực tiễn sản xuất lâm nghiệp hiện nay, mô hình vườn ươm nào được sử dụng nhiều nhất? Vì sao?<br>2. Xu hướng ứng dụng tiến bộ kĩ thuật trong cải thiện, nhân giống cây lâm nghiệp tại Việt Nam.<br>3. Trình bày quy trình trồng cây rừng bằng cây con có bầu. Nêu ưu điểm của phương pháp này. Hiện nay ở địa phương em, trồng cây rừng thường áp dụng phương pháp nào? Giải thích tại sao?<br>4. Thế nào là thuốc bảo vệ thực vật? - Em hiểu như thế nào về nguyên tắc bốn đúng?<br>Hình thức đánh giá: theo nhóm |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | *3.3.1.5. Kỹ thuật chăm sóc cây con trong vườn ươm*<br>- Chăm sóc giai đoạn nảy mầm<br>- Chăm sóc giai đoạn cây con<br>- Một số triệu chứng quan sát được khi cây con có dấu hiệu thiếu dinh dưỡng<br>*3.3.1.6. Bứng cây, vận chuyển giâm tạm cây con*<br>3.3.2. Kỹ thuật nhân giống vô tính (Nhân giống sinh dưỡng)<br>3.3.1. Khái niệm<br>***3.**3.1.1. Ý nghĩa nhân giống sinh dưỡng*<br>*3.3.1.2. Ưu nhược điểm của pp nhân giống vô tính*<br>*3.3.2. Kỹ thuật sản xuất cây con bằng phương pháp giâm hom*<br>*3.3.2.1. Các nhân tố ảnh hưởng đến tỉ lệ ra rễ của hom*<br>- Nhân tố nội sinh<br>- Nhân tố môi trường<br>*3.3.2.2. Xây dựng vườn giống đầu dòng*<br>*3.3.2.3. Xây dựng khu giâm hom*<br>*3.3.2.4. Kỹ thuật cắt cành và giâm hom*<br>*3.3.2.5. Chăm sóc hom giâm và cây con*<br>*3.3.2.6. Tiêu chuẩn cây xuất vườn*<br>**3.6. Luân canh trong vườn ươm** | | (Tiết học lý thuyết) | - Sinh viên làm bài theo nhóm, trình bày dưới hình thức thuyết trình |
| 7 tiết | **Chương 4. Nguyên lý, kĩ thuật tạo rừng**<br>**4.1. Phân chia vùng trồng rừng và nơi trồng rừng**<br>4.1.1. Phân chia vùng trồng rừng<br>4.1.2. Phân chia nơi trồng rừng<br>*4.1.2.1. Điều kiện lập địa rừng*<br>*4.1.2.2. Trạng thái hoàn cảnh nơi trồng rừng*<br>**4.2. Chọn loại cây trồng**<br>4.2.1. Ý nghĩa và nguyên tắc chọn loại cây trồng | H1, H3, H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Gv thuyết trình, giảng giải<br>- Thảo luận, gợi mở vấn đáp<br>**Hình thức tổ chức lớp học:**<br>- Gv trình bày bài giảng kết hợp thúc đẩy sự tham gia của | **Bài đánh giá:**<br>1. Tìm hiểu các yếu tố lập địa rừng tại Tây Nguyên.<br>2. Cơ hội và thách thức trong phát triển trồng rừng gỗ lớn tại Việt Nam<br>**Hình thức đánh giá:**<br>- Bài báo cáo được chia theo nhóm. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 4.2.2. Các căn cứ chọn loại cây trồng<br>*4.2.2.1. Căn cứ mục đích kinh tế để chọn loại cây trồng*<br>*4.2.2.2. Căn cứ vào điều kiện tự nhiên để chọn loại cây trồng*<br>**4.3. Kết cấu tổ thành rừng trồng**<br>4.3.1. Khái niệm<br>4.3.2. Tổ thành các loài cây trong rừng hỗn loài<br>4.3.3. Tỷ lệ hỗn loài<br>4.3.4. Nguyên tắc phối hợp các loài cây trong rừng hỗn loài<br>4.3.5. Phương thức và phương pháp hỗn loài<br>*4.3.5.1. Phương thức hỗn loài*<br>*4.3.5.2. Phương pháp hỗn loài*<br>**4.4. Kết cấu mật độ rừng trồng**<br>4.4.1. Ý nghĩa mật độ trồng rừng<br>4.4.2. Nguyên tắc xác định mật độ trồng rừng<br>4.4.3. phối trí điểm gieo trồng<br>*4.4.3.1. Phương thức phối trí theo hàng*<br>*4.4.3.2. Phương thức phối trí theo khóm.*<br>**4.5. Phương thức và phương pháp làm đất trồng rừng**<br>4.5.1. Đặc điểm và nhiệm vụ làm đất trồng rừng<br>4.5.2. Dọn đất nơi trồng trồng<br>4.5.3. Phương thức và phương pháp làm đất trồng rừng<br>*4.5.3.1. Phương thức làm đất trồng rừng*<br>*4.5.3.2. Phương pháp làm đất trồng rừng*<br>4.5.4. Bón phân cho rừng trồng<br>4.6. Phương thức và phương pháp trồng rừng<br>4.6.1. Phương thức trồng rừng<br>- Trồng rừng dưới tán<br>- Trồng rừng cục bộ<br>- Trồng rừng toàn diện | | sinh viên thông qua đặt câu hỏi, gợi ý và trả lời<br>- Gv góp ý<br>- Giao chủ đề cho bài tiểu luận về nhà; Sv nộp bài tiểu luận và trình bày powerppoint theo nhóm<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Viết báo cáo<br>- Handout pp<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | - Đại diện nhóm thuyết trình (10p)<br>- Trao đổi và góp ý<br>3. Bài tập nhỏ tại lớp: Xác định mật độ trồng rừng và kết cấu tổ thành từng loài trong rừng hỗn giao.<br>- Sinh viên làm việc theo cá nhân; trao đổi kết quả với các thành viên trong nhóm.<br>- Trình bày kết quả tại lớp. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 4.6.2. Phương pháp trồng rừng<br>**4.7. Chăm sóc, bảo vệ rừng trồng**<br>4.7.1. Chăm sóc rừng trồng<br>4.7.2. Bảo vệ rừng trồng<br>4.7.3. Trồng dặm<br>**4.8. Biện pháp kĩ thuật trồng rừng thâm canh**<br>4.8.1. Khái niệm trồng rừng thâm canh<br>4.8.2. Các biện pháp kĩ thuật thâm canh rừng trồng | | | |
| 5 tiết | **Chương 5. Kỹ thuật trồng một số loài cây chủ yếu**<br>**5.1. Phân loại rừng trồng để chọn loại cây trồng phù hợp**<br>- Các loại cây trồng rừng chủ yếu<br>- Một số loài cây trồng rung phù hợp cho các vùng sinh thái lâm nghiệp<br>**5.2. Các quy pham, quy trình hướng dẫn kĩ thuật trồng rừng đã ban hành**<br>**5.3. Kỹ thuật trồng từng loài cây cụ thể** | H1, H4 | **Phương pháp**:<br>- Gv thuyết trình, giảng giải<br>**Hình thức tổ chức lớp học:**<br>- Gv trình bày bài giảng kết hợp thúc đẩy sự tham gia của sinh viên<br>- **Yêu cầu:** Sinh viên đọc thêm tài liệu hướng dẫn về văn bản quy phạm trồng rừng; kỹ thuật trồng cụ thể một số loài cây | |
| 5 tiết | **Chương 6. Trồng rừng phòng hộ đầu nguồn và phòng hộ chắn gió**<br>6.1. Trồng rừng phòng hộ đầu nguồn (Trồng rừng chống xói mòn từ nguồn nước)<br>- Khái niệm xói mòn đất<br>- Tác hại của xói mòn đất<br>- Phân loại xói mòn<br>- Khái niệm về lưới đường nước và các khâu của lưới đường nước<br>- Bản chất vật lý của xói mòn đất do nước và quy luật lực học của xói mòn | H1, H2 | **Phương pháp:**<br>- Gv thuyết trình, giảng giải<br>**Hình thức tổ chức lớp học**:<br>- Gv trình bày bài giảng kết hợp thúc đẩy sự tham gia của sinh viên<br>- **Yêu cầu**: Sinh viên đọc thêm tài liệu hướng dẫn về văn bản quy phạm trồng rừng; kỹ thuật | 1. Theo anh chị khi chọn loài cây trồng rừng trống xói mòn do đất cần dựa vào những tiêu chuẩn gì? Tại sao?<br>-Sv nộp bài tại lớp theo cá nhân. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | - Các nhân tố ảnh hưởng đến xói mòn đất<br>- Sử dụng hợp lý đất đồi và vấn đề phòng chống xói mòn<br>- Phương hướng và mục đích yêu cầu trong công tác phòng chống xói mòn đất<br>- Phân vùng xói mòn-đặc điểm xói mòn của từng vùng và phương hướng phòng chống xói mòn<br>- Các biện pháp kĩ thuật trong phòng chống xói mòn đất<br>- Hệ thống rừng trồng phòng hộ chống xói mòn đất<br>- Nguyên tắc bố trí đai rừng phòng hộ chống xói mòn đât và chọn loài cây trồng phù hợp<br>• Danh mục đề xuất các loài cây ưu tiên cho trồng rừng phòng hộ đầu nguồn<br>- Giới thiệu một số mô hình trồng rừng phòng hộ đầu nguồn thành công từ một số dự án Lâm Nghiệp<br>**6.2. Trồng rừng chắn gió**<br>- Gió hại và ảnh hưởng của gió<br>- Nguyên lý chắn gió của đai rừng<br>- Ảnh hưởng của đai rừng đến tốc độ và phạm vi chắn gió<br>- Ảnh hưởng của đai rừng đến các nhân tố tiểu khí hậu sau đai<br>- Kĩ thuật trồng rừng chắn gió hại<br>**Ôn tập** | | trồng cụ thể một số loài cây | |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

1. Ngô Quang Đê, Nguyễn Hữu Vinh, Phạm Xuân Hoàn, 1986**.** *Giáo trình Trồng rừng*. Nxb Nông nghiệp-Hà Nội.

2. Trần Văn Mão (biên dịch), 2001. *Khoa học trồng và chăm sóc rừng*. Nxb Lâm nghiệp Trung quốc.

3. Trần Thị Xuân Phấn, 2019. *Bài giảng Trồng rừng*. Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Tây Nguyên.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

4. Phạm Hoài Đức, 1992. *Hướng dẫn kĩ thuật hạt giống cây rừng*, Nxb Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội, tài liệu dịch

5. Mai Quang Trường, Lương Thị Anh, 2007. *Giáo trình trồng rừng.* Trường Đại Học Nông Lâm Thái Nguyên.

6. Bộ NN&PTNT, 2010. Nghiên cứu chuẩn bị xây dựng dự án phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tại Việt Nam.

7. Bô NN&PTNT, 2006. Cẩm nang ngành Lâm Nghiệp. *Quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn và rừng phòng hộ ven biển*. Chương trình hỗ trợ ngành Lâm Nghiệp và đối tác.

8. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2002), Văn bản tiêu chuẩn kỹ thuật lâm sinh tập 3, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

9. Vụ Khoa học công nghệ - Bộ Lâm nghiệp, 1994**.** *Kỹ thuật trồng một số loài cây rừng*. Nxb Nông nghiệp – Hà Nội.

9. Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam, 2006. *Cẩm nang kĩ thuật về hạt giống cây rừng.*

10. Anne Mbora and Amos Wekesa (2016). *Agroforestry Tree Seed Training Handbook.* A Handbook for Community Facilitators.

11. Kim M. Wilkinson, Thomas D. Landis, Diane L. Haase Brian F. Daley and R. Kasten Dumroese (2014). *Tropical nursery manual*. A Guide to Starting and Operating a Nursery for Native and Traditional Plants

12. Phil West (2015). *Growing plantation forests*. School of Environmental science and Management, Southern Cross University.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần
- Chuẩn bị thuyết trình bài tập lớn (sinh viên bắt buộc phải có măt)
- Hoàn thành đầy đủ các bài thực hành
- Hoàn thành bài tiểu luận

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có): Sinh viên cần phải tham gia đầy đủ 8 bài thực hành tương ứng 30 tiết học.*

- Bài 1: Quan sát, nhận biết các loại hạt giống cây rừng thường gặp (4 tiết)
- Bài 2: Thu thập hạt giống ngoài thực địa (8 tiết)
- Bài 3: Thực hiện kĩ thuật trong vườn ươm: Đóng bầu, gieo hạt và đánh giá tỉ lệ nảy trong vườn ươm và chăm sóc cây con (12 tiết)
- Bài 4: Hướng dẫn sử dụng thống kê trong kiểm kê vườn ươm và rừng trồng (6 tiết)

* Yêu cầu: Người học phải đọc hướng dẫn đề cương trước khi thực hành, tất cả các bài thực hành cần đạt trên 50% tổng số điểm.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

Kết thúc học phần, sinh viên phải hoàn thành một bài tiểu luận (Sinh viên được chọn chủ đề dựa theo hướng dẫn của giảng viên). Bài tập được đánh giá theo hình thức nhóm dựa trên sự đóng góp của các cá nhân.

*7.4. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu (20T tự học)* Đọc thêm tài liệu tham khảo, truy cập các bài báo, tạp chí trong và ngoài nước. Sinh viên có thể sử dụng nguồn tìm kiếm tài liệu tại:

- Thư viện Trường Đại học Tây Nguyên
- Google scholar
- https://www.researchgate.net/
- http://thuvienso.hcmute.edu.vn/
- https://sci-hub.tw/

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

*8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70*

*8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận*

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 25% |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | H1 | 10% |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H1<br>H3 | 25% |
| 4 | Tiểu luận/Thí nghiệm, thực hành | Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 40% |
| | | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra. | | |
| 5 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm. | | 0% |
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

* Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể có đầy đủ các hình thức đánh giá trên, hoặc có thể thêm hay bớt cho phù hợp, nhưng đảm bảo tổng tỷ lệ điểm bộ phận là 100%. Việc đánh giá điểm bộ phận gồm các thành phần và tỷ lệ tương ứng như công bố, (kết quả điểm bộ phận × trọng số điểm bộ phận+điểm thi × trọng số thi)/100= kết quả học phần.

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Thi tự luận | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 70% |

*Ngày … tháng … năm 20…*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | TS. Võ Hùng | ThS. Trần Thị Xuân Phấn |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: ĐỘNG VẬT RỪNG**
**Mã học phần: NL213741**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**
Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1,5; Số tín chỉ thực hành: 0,5
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học song hành:
Học phần học trước: Cây rừng
Học phần tiên quyết:
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Cao Thị Lý; Số điện thoại: 0905 411 867; Email: caoly@ttn.edu.vn
Giảng viên 2: Họ và tên: Hồ Đình Bảo; Số điện thoại: 0935331551; Email: hdbao@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:** (ít nhất 150 từ)
Học phần này được dạy vào học kỳ 5 của chương trình đào tạo kỹ sư lâm sinh, sau khi sinh viên học các môn Sinh thái rừng. Học phần nhằm hệ thống khái quát về động vật rừng, cung cấp kiến thức về đặc điểm sinh học, hình thái của một số loài động vật chính thuộc các lớp Thú, Chim, Bò sát; cũng như những vấn đề cốt yếu cần quan tâm trong bảo vệ và phát triển động vật rừng. Kiến thức của học phần có liên quan đến các môn chuyên ngành ở những học kỳ tiếp theo như: Bảo tồn đa dạng sinh học, Quản lý rừng bền vững; Quản lý các dự án lâm nghiệp... Tất cả kiến thức chuyên môn có liên quan giúp sinh viên lâm nghiệp có thể liên hệ với thực tế và vận dụng kết hợp trong việc quan tâm vấn đề bảo vệ, quản lý và phát triển động vật rừng trong thực tiễn quản lý tài nguyên rừng và kinh doanh lâm nghiệp.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**
*3.1. Mục tiêu học phần*
Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng
MT1. Trình bày được các khái niệm về động vật, đại cương động vật có xương sống, phân loại động vật và nguyên tắc viết tên khoa học của loài
MT2. Xác định và mô tả được đặc điểm sinh học, sinh thái của các lớp động vật giới thiệu
MT3. Liên hệ thực tế, mô tả và nhận dạng được các loài động vật rừng có phân bố ở Tây Nguyên
MT4. Xác định được thực trạng bảo tồn của loài động vật dựa trên cơ sở khoa học và pháp lý
MT5. Xác định được các loài động vật rừng có khả năng sử dụng và phát triển trong kinh doanh lâm nghiệp (phải tuân thủ những quy định về pháp lý)

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*
H1. Nhớ và hiểu được các khái niệm về động vật rừng, phân loại động vật
H2. Biết và vận dụng được cách tra cứu và nguyên tắc viết tên khoa học của loài trong các báo cáo khoa học có liên quan.
H3. Vận dụng các kiến thức về hình thái, sinh học,...để mô tả, phân biệt và nhận dạng loài động vật
H4. Vận dụng các quy định hiện hành (khoa học và pháp lý) để phân tích thực trạng nguy cấp/bảo tồn và phát triển đối với một loài động vật rừng bất kỳ
H5. Thái độ tôn trọng và hợp tác trong giao tiếp, làm việc với các bên liên quan, phục vụ nhận dạng, giám định loài và phát triển động vật rừng

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | | | | | | | x | | | | | | |
| H2 | | | | | | | | | x | | | | | | |
| H3 | | | | | | | | | x | | | | | | |
| H4 | | | | | | | | | x | | | | | | |
| H5 | | | | | | | | | | | | | | | x |

## 4. Cấu trúc học phần

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. Tổng quan về động vật rừng**<br>**Nội dung:** Gồm 02 mục chính<br>1.1 Các kiến thức động vật học liên quan<br>1.1.1. Phân loại động vật<br>1.1.2. Đại cương về động vật có xương sống<br>1.2 Động vật rừng<br>1.2.1. Khái niệm<br>1.2.2. Vai trò và giá trị của động vật rừng<br>1.2.3. Tổng quan động vật rừng ở Việt Nam | LT: 4 tiết<br>BT: 10 tiết<br>TH: 1 tiết | [1] Chương1; [5] |
| 2 | **Chương 2. Lớp Thú (Mammalia)**<br>**Nội dung:** Gồm 03 mục chính<br>2.1. Đặc điểm chung<br>2.2. Đặc điểm sinh thái<br>2.3. Giới thiệu một số bộ thú ở Việt Nam | LT: 8 tiết<br>BT: 24 tiết<br>TH: 6 tiết | [1] Chương 2 [2]; [3]; [5]; [6] |
| 3 | **Chương 3. Lớp Chim (Aves)**<br>**Nội dung:** Gồm 03 mục chính<br>3.1. Đặc điểm chung<br>3.2. Đặc điểm sinh thái<br>3.3. Giới thiệu một số bộ chim ở Việt Nam | LT: 4 tiết<br>BT: 15 tiết<br>TH: 3 tiết | [1] Chương 3 [2] [3]; [5]; [6] |
| 4 | **Chương 4. Lớp Bò sát (Reptilia)**<br>**Nội dung:** Gồm 03 mục chính<br>4.1. Đặc điểm chung<br>4.2. Đặc điểm sinh thái<br>4.3. Giới thiệu một số bộ bò sát ở Việt Nam | LT: 4 tiết<br>BT: 15 tiết<br>TH: 3 tiết | [1] Chương 4 [2]; [4]; [5];[6] |
| 5 | **Chương 5. Quản lý động vật rừng**<br>**Nội dung:** Gồm 02 mục chính<br>5.1. Hiện trạng nguồn tài nguyên động vật rừng Việt Nam<br>5.2. Bảo tồn và phát triển, sử dụng hợp lý động vật rừng | LT: 2.5 tiết<br>BT: 10 tiết<br>TH: 2 tiết | [1] Chương 5 [2]; [5];[6] |

## 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

| Buổi học/số tiết | Nội dung | CĐR học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Buổi học/số tiết<br><br>1 buổi/ 4,0 tiết | **Chương 1. Tổng quan về động vật rừng**<br>**Nội dung:** Gồm 02 mục chính<br>1.1 Các kiến thức động vật học liên quan<br>1.1.1 Phân loại động vật<br>1.1.2. Đại cương về động vật có xương sống<br>1.2.Động vật rừng<br>1.2.1. Khái niệm<br>1.2.2. Vai trò và giá trị của động vật rừng<br>1.3. Tổng quan động vật rừng ở Việt Nam | H1<br>H3 | **Phương pháp dạy học: T**huyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập, …<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận/ bài tập nhóm: Chủ đề trao đổi về vai trò, giá trị của ĐVR; nguyên tắc viết tên khoa học loài<br>- Thực hành: Chia sẻ kết quả thảo luận, trao đổi<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, thảo luận, chuẩn bị bài trình bày (PP) và chia sẻ, chuẩn bị câu hỏi trao đổi<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết + chia sẻ kết quả bài tập nhóm/ thảo luận)<br>- Sinh viên tự học ở nhà, thư viện,... | - Các câu trả lời tại lớp để củng cố các khái niệm<br>- Bài viết liên quan đến cách viết và tra cứu tên khoa học, ví dụ minh họa (gửi qua email hoặc nộp bản viết tay – linh hoạt tùy điều kiện sinh viên)<br>- Bài trình bày chia sẻ của nhóm trước lớp và trao đổi về vai trò và giá trị của động vật rừng |
| 2 buổi/ 8 tiết | **Chương 2. Lớp Thú (Mammalia)**<br>**Nội dung:** Gồm 03 mục chính<br>2.1. Đặc điểm chung<br>2.2. Đặc điểm sinh thái<br>2.3. Giới thiệu một số bộ thú ở Việt Nam | H2<br>H3<br>H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học: T**huyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập, …<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày các nội dung chính<br>- Thảo luận/ bài tập nhóm hoặc cá nhân: Chủ đề thảo luận so sánh đặc điểm chung giữa 3 lớp động vật, mô tả đặc điểm hình thái hoặc mẫu vật, so sánh nhận dạng loài, phân biệt giữa các loài dễ nhầm lẫn.<br>- Thực hành: Chia sẻ kết quả thảo luận, trao đổi<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, thảo luận, chuẩn bị bài trình bày (PP) và chia sẻ, chuẩn bị câu hỏi trao đổi<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết + chia sẻ kết quả bài tập nhóm/ thảo luận) | - Các câu trả lời tại lớp để củng cố các khái niệm và nguyên lý bảo tồn<br>- Bài viết liên quan đến đặc điểm sinh thái và so sánh giữa 03 lớp Thú, Chim, Bò sát; Giới thiệu một số loài, thuộc các bộ chim có ở Tây Nguyên (gửi qua email hoặc nộp bản viết tay – linh hoạt tùy điều kiện sinh viên)<br>- Bài trình bày chia sẻ của nhóm trước lớp và trao |
| 1 buổi/ 4 tiết | **Chương 3. Lớp Chim (Aves)**<br>**Nội dung:** Gồm 03 mục chính<br>3.1. Đặc điểm chung<br>3.2. Đặc điểm sinh thái<br>3.3. Giới thiệu một số bộ chim ở Việt Nam | H2<br>H3<br>H4<br>H5 | | |
| 1 buổi/ 4 tiết | **Chương 4. Lớp Bò sát (Reptilia)**<br>**Nội dung:** Gồm 03 mục chính<br>4.1. Đặc điểm chung | H2<br>H3<br>H4<br>H5 | | |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | CĐR học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 4.2. Đặc điểm sinh thái<br>4.3. Giới thiệu một số bộ bò sát ở Việt Nam | | - Sinh viên tự học ở nhà, thư viện,... | đổi về so sánh, nhận dạng loài của 03 lớp Thú, Chim và Bò sát |
| 1 buổi/ 2,5 tiết | **Chương 5. Quản lý động vật rừng**<br>**Nội dung:** Gồm 02 mục chính<br>5.1. Hiện trạng nguồn tài nguyên động vật rừng Việt Nam<br>5.2. Bảo tồn và phát triển, sử dụng hợp lý động vật rừng | H2<br>H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học: T**huyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập, …<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận/ bài tập nhóm: Chủ đề trao đổi về Hiện trạng và khả năng phát triển động vật rừng ở địa phương, Tây Nguyên<br>- Thực hành: Chia sẻ kết quả thảo luận, trao đổi<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, thảo luận, chuẩn bị bài trình bày (PP) và chia sẻ, chuẩn bị câu hỏi trao đổi<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết + chia sẻ kết quả bài tập nhóm/ thảo luận)<br>- Sinh viên tự học ở nhà, thư viện,... | - Các câu trả lời tại lớp liên quan đến mô tả hiện trạng và vận dụng trong phát triển gây nuôi ĐVR<br>- Bài viết liên quan đến khả năng phát triển ĐVR , ví dụ minh họa (gửi qua email hoặc nộp bản viết tay – linh hoạt tùy điều kiện sinh viên)<br>- Bài trình bày chia sẻ của nhóm trước lớp và trao đổi về Hiện trạng, Bảo tồn và khả năng phát triển ĐVR ở địa phương, Tây Nguyên |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1]. Phạm Nhật (1998): Động Vật rừng, Giáo trình, Trường Đại học Lâm nghiệp, Hà Tây.

***- Sách tham khảo***

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2]. Bộ Khoa học và Công nghệ (2006): *Sách Đỏ Việt Nam, phần Động vật*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

[3]. Tilo Nadler, Nguyễn Xuân Đặng (2008): *Các loài động vật được bảo vệ ở Việt Nam, phần Động vật ở cạn*. Hội động vật Frankfurt và Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Hà Nội.

[4]. Douglas B, Hendric, Bùi Đăng Phong, Tim McCormack, Hoàng Văn Hà, Peter Paul van Dijk (2010): *Sách hướng dẫn thi hành Luật về định dạng các loài rùa cạn nước ngọt Việt Nam*. Trung

tâm giáo dục thiên nhiên (ENV), Trung tâm bảo tồn Rùa Cúc Phương (TCC) và Chương trình bảo tồn rùa Châu Á (ATP) thuộc Vườn thú Cleveland Metroparks.

[5]. Các trang web:

+ http://www.vncreatures.net
+ www.wildlifeatrisk-vietnam.org
+ www.fauna-flora.org
+ www.primatecenter.org
+ www.birdlifeindochina.org

[6]. Các văn bản pháp quy có liên quan (cập nhật)

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)*

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;

*7.4. Phần khác (nếu có):* Vận dụng để thực tập giáo trình cùng môn động vật rừng tại các khu bảo tồn hoặc các địa phương

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

(Trọng số điểm bộ phận <=30%; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1 – H5 | 50% |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | H2<br>H3<br>H4 | 10% |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H2<br>H3<br>H4<br>H5 | 20% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 4 | Tiểu luận/Thí nghiệm, thực hành | Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên. | H1 – H5 | 10% |
| | | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra. | | |
| 5 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm. | H1<br>H2<br>H3 | 10% |
| Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | | | | 100% |

* Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể có đầy đủ các hình thức đánh giá trên, hoặc có thể thêm hay bớt cho phù hợp, nhưng đảm bảo tổng tỷ lệ điểm bộ phận là 100%. Việc đánh giá điểm bộ phận gồm các thành phần và tỷ lệ tương ứng như công bố, (kết quả điểm bộ phận × trọng số điểm bộ phận+điểm thi × trọng số thi)/100= kết quả học phần.

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Thi tự luận hoặc vấn đáp | H3<br>H4<br>H5 | 70% |

*Ngày 17 tháng 05 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| | | **TS. Cao Thị Lý** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC**
**Mã học phần: NL213789**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**
Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1,5; Số tín chỉ thực hành: 0,5
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học song hành:
Học phần học trước: Cây rừng
Học phần tiên quyết:
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Cao Thị Lý; Số điện thoại: 0905 411 867; Email: caoly@ttn.edu.vn
Giảng viên 2: Họ và tên:.....; Số điện thoại:……..; Email:……

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:** (ít nhất 150 từ)

Học phần này được dạy vào học kỳ 6 của chương trình đào tạo kỹ sư Quản ý tài nguyên rừng, sau khi sinh viên học các môn Sinh thái rừng, Quản lý động vật hoang dã và thực vật rừng. Học phần nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về đa dạng sinh học; bảo tồn đa dạng sinh học, liên hệ về tính đa dạng sinh học và bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam, khu vực Tây Nguyên (hoặc địa phương); giám sát đa dạng sinh học; Kiến thức của học phần có liên quan đến các môn chuyên ngành ở những học kỳ tiếp theo như: Truyền thông thúc đẩy, Quy hoạch sinh thái cảnh quan rừng, Quản lý dự án bảo tồn tài nguyên thiên nhiên. Tất cả kiến thức chuyên môn có liên quan giúp sinh viên lâm nghiệp có thể liên hệ với thực tế và vận dụng kết hợp trong việc quản lý tài nguyên rừng, tham gia cùng các bên liên quan trong lập kế hoạch và điều tra, giám sát đa dạng sinh học trong khu bảo tồn.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng

MT1. Trình bày được các khái niệm đa dạng sinh học, giá trị, suy thoái và bảo tồn đa dạng sinh học

MT2. Liên hệ thực tế, mô tả và phân tích được tính đa dạng sinh học, giá trị, và thực trạng suy thoái của tài nguyên rừng ở một địa điểm cụ thể (địa phương/ khu bảo tồn/lâm phần rừng,...)

MT3. Liên hệ thực tế, xác định và phân biệt được các phương thức bảo tồn

MT4. Phân tích và mô tả được hiện trạng bảo tồn đa dạng sinh học ở một đối tượng hoặc địa điểm cụ thể (địa phương, khu bảo tồn,...)

MT5. Mô tả và vận dụng được các phương pháp điều tra, giám sát đa dạng sinh học ở cấp độ loài cụ thể tại một khu bảo tồn.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Nhớ và hiểu được các khái niệm về đa dạng sinh học, giá trị, suy thoái và bảo tồn đa dạng sinh học

H2. Biết và vận dụng được các phương pháp điều tra, giám sát ở cấp độ loài

H3. Vận dụng để phân tích thực trạng về đa dạng sinh học và bảo tồn đa dạng sinh học trên thực tế

H4. Thái độ tôn trọng và hợp tác trong giao tiếp, làm việc với các bên liên quan, đặc biệt là người dân địa phương

H5. Cách ứng xử phù hợp trong quản lý, bảo tồn nguồn tài nguyên rừng

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | | | | | | | x | | | | | | |
| H2 | | | | | | | | | x | | | | | | |
| H3 | | | | | | | | | x | | | | | | |
| H4 | | | | | | | | | | | | | | x | |
| H5 | | | | | | | | | | | | | | | x |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. Tổng quan về đa dạng sinh học**<br>**Nội dung:** Gồm 03 mục chính<br>Đa dạng sinh học<br>Khái niệm đa dạng sinh học<br>Các cấp độ đa dạng sinh học<br>Giá trị của đa dạng sinh học<br>Suy thoái đa dạng sinh học | LT: 4,5 tiết<br>BT: 15 tiết<br>TH: 1,5 tiết | [1] Chương1;<br>[2] |
| 2 | **Chương 2. Bảo tồn đa dạng sinh học**<br>**Nội dung:** Gồm 03 mục chính<br>2.1. Khái niệm và các nguyên lý bảo tồn<br>2.2. Các phương thức bảo tồn<br>2.3. Tổ chức quản lý bảo tồn | LT: 6,5 tiết<br>BT: 19 tiết<br>TH: 1,5 tiết | [1] Chương 2<br>[2];<br>[3];<br>[5] |
| 3 | **Chương 3. Đa dạng sinh học và Bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam**<br>**Nội dung:** Gồm 02 mục chính<br>3.1. Tính đa dạng và cơ sở cấu thàng đa dạng sinh học ở Việt Nam<br>3.2. Suy thoái và thực trạng bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam | LT: 6.0 tiết<br>BT: 30 tiết<br>TH: 7,0 tiết | [1] Chương 3<br>[2];<br>[3];<br>[5];<br>[6] |
| 4 | **Chương 4. Giám sát đa dạng sinh học**<br>**Nội dung:** Gồm 02 mục chính<br>4.1. Khái niệm về điều tra, giám sát đa dạng sinh học<br>4.2. Các phương pháp điều tra, giám sát tính đa dạng cấp độ loài | LT: 5.0 tiết<br>BT: 10 tiết<br>TH: 5,0 tiết | [1] Chương 4<br>[3];<br>[2];<br>[4];<br>[6] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| **Buổi học/ số tiết** | **Nội dung** | **Chuẩn đầu ra học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
|---|---|---|---|---|
| 1 buổi/ 4,5 tiết | **Chương 1. Tổng quan về đa dạng sinh học** | H1<br>H3 | **Phương pháp dạy học: T**huyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập, …<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày | - Các câu trả lời tại lớp để củng cố các khái niệm<br>- Bài viết liên quan đến 03 nội dung, ví dụ minh |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | **Nội dung:**<br>Gồm 03 mục chính<br>1.1.Đa dạng dinh học<br>1.2.Giá trị của đa dạng sinh học<br>1.3.Suy thoái đa dạng sinh học | | - Thảo luận/ bài tập nhóm: Chủ đề thảo luận về tính đa dạng, giá trị và suy thoái đa dạng sinh học<br>- Thực hành: Chia sẻ kết quả thảo luận, trao đổi<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, thảo luận, chuẩn bị bài trình bày (PP) và chia sẻ, chuẩn bị câu hỏi trao đổi<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết + chia sẻ kết quả bài tập nhóm/ thảo luận)<br>- Sinh viên tự học ở nhà, thư viện,... | họa (gửi qua email hoặc nộp bản viết tay – linh hoạt tùy điều kiện sinh viên)<br>- Bài trình bày chia sẻ của nhóm trước lớp và trao đổi về giá trị và suy thoái đa dạng sinh học |
| 1,5 buổi/ 6,5 tiết | **Chương 2. Bảo tồn đa dạng sinh học**<br>**Nội dung:**<br>Gồm 03 mục chính<br>2.1. Khái niệm và các nguyên lý bảo tồn<br>2.2. Các phương thức bảo tồn<br>2.3. Tổ chức quản lý bảo tồn | H1<br>H3<br>H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học: T**huyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập, …<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày các nội dung chính<br>- Thảo luận/ bài tập nhóm hoặc cá nhân: Chủ đề thảo luận phân biệt các phương thức bảo tồn<br>- Thực hành: Chia sẻ kết quả thảo luận, trao đổi<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, thảo luận, chuẩn bị bài trình bày (PP) và chia sẻ, chuẩn bị câu hỏi trao đổi<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết + chia sẻ kết quả bài tập nhóm/ thảo luận)<br>- Sinh viên tự học ở nhà, thư viện,... | - Các câu trả lời tại lớp để củng cố các khái niệm và nguyên lý bảo tồn<br>- Bài viết liên quan đến các phương thức bảo tồn chính, ví dụ minh họa (gửi qua email hoặc nộp bản viết tay – linh hoạt tùy điều kiện sinh viên)<br>- Bài trình bày chia sẻ của nhóm trước lớp và trao đổi về 03 phương thức bảo tồn chính |
| 1,5 buổi/ 6 tiết | **Chương 3. Đa dạng sinh học và Bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam**<br>**Nội dung:**<br>Gồm 02 mục chính<br>3.1. Tính đa dạng và cơ sở cấu thàng đa | H3<br>H5 | **Phương pháp dạy học: T**huyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập, …<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận/ bài tập nhóm: Chủ đề thảo luận về tính đa dạng, suy thoái đa dạng sinh học ở địa phương/Tây Nguyên, Việt Nam | - Các câu trả lời tại lớp về tính đa dạng, suy thoái, bảo tồn đa dạng ở Việt Nam<br>- Bài viết liên quan đến 02 nội dung, Liên hệ với địa phương cho ví dụ minh họa phù hợp (gửi qua email |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | dạng sinh học ở Việt Nam<br>3.2. Suy thoái và thực trạng bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam | | - Thực hành: Chia sẻ kết quả thảo luận, trao đổi<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, thảo luận, chuẩn bị bài trình bày (PP) và chia sẻ, chuẩn bị câu hỏi trao đổi<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết + chia sẻ kết quả bài tập nhóm/ thảo luận)<br>- Sinh viên tự học ở nhà, thư viện,... | hoặc nộp bản viết tay – linh hoạt tùy điều kiện sinh viên)<br>- Bài trình bày chia sẻ của nhóm trước lớp và trao đổi về suy thoái đa dạng sinh học ở địa phương/ Tây Nguyên |
| 1,5 buổi/ 5 tiết | **Chương 4. Giám sát đa dạng sinh học**<br>**Nội dung:**<br>Gồm 02 mục chính<br>4.1. Khái niệm về điều tra, giám sát đa dạng sinh học<br>4.2. Các phương pháp điều tra, giám sát tính đa dạng cấp độ loài | H2<br>H4 | **Phương pháp dạy học: T**huyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập, …<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận/ bài tập nhóm: Chủ đề thảo luận về chọn lựa phương pháp giám sát đa dạng sinh học loài thực vật, động vật và LSNG trong khu bảo tồn<br>- Thực hành: Chia sẻ kết quả thảo luận, trao đổi<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, thảo luận, chuẩn bị bài trình bày (PP) và chia sẻ, chuẩn bị câu hỏi trao đổi<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết + chia sẻ kết quả bài tập nhóm/ thảo luận)<br>- Sinh viên tự học ở nhà, thư viện,... | - Các câu trả lời tại lớp về giám sát đa dạng sinh học<br>- Bài viết của nhóm liên quan đến chọn lựa phương pháp điều tra, giám sát loài (gửi qua email hoặc nộp bản viết tay – linh hoạt tùy điều kiện sinh viên)<br>- Bài trình bày chia sẻ của nhóm trước lớp và trao đổi về phương pháp điều tra giám sát và lập kế hoạch, chuẩn bị dụng cụ cần sử dụng trong đợt thực tập giáo trình |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1]. Cao Thị Lý (2014): *Bài giảng Bảo tồn đa dạng sinh học*, Trường Đại học Tây Nguyên, Đăk Lăk.

***- Sách tham khảo***

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2]. Bộ Tài Nguyên và Môi trường (2013): *Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030*, Hà Nội.

[3]. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2008): *Luật đa dạng sinh học*, Hà Nội.

[4] Bảo Huy, Cao Thị Lý (2009): Nâng cao kỹ năng giám sát đánh giá đa dạng sinh học và tác động đến tài nguyên rừng. Tài liệu tập huấn cho các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên ở Tây Nguyên, Quỹ bảo tồn Việt Nam (VCF)
[5]. Các trang web:
(5.1) http://www.vnppa.org.vn
(5.2) http://www.un.org.vn/undp/projects
(5.3) http://www.bachma.vnn.vn
(5.4) http://www.kiemlam.org.vn
[6]. Các văn bản pháp quy có liên quan (cập nhật)

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)*

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;

*7.4. Phần khác (nếu có):* Vận dụng để thực tập giáo trình cùng môn động vật rừng tại các khu bảo tồn hoặc các địa phương

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

(Trọng số điểm bộ phận <=30%; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H2 | 50% |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | | 10% |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H1<br>H2 | 20% |
| 4 | Tiểu luận/Thí nghiệm, | Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề | Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, | H1<br>H2 | 10% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| | thực hành | bằng ngôn ngữ viết của sinh viên. | giải quyết vấn đề của sinh viên. | | |
| | | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra. | | |
| 5 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm. | H1<br>H2 | 10% |
| Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | | | | 100% |

* Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể có đầy đủ các hình thức đánh giá trên, hoặc có thể thêm hay bớt cho phù hợp, nhưng đảm bảo tổng tỷ lệ điểm bộ phận là 100%. Việc đánh giá điểm bộ phận gồm các thành phần và tỷ lệ tương ứng như công bố, (kết quả điểm bộ phận × trọng số điểm bộ phận+điểm thi × trọng số thi)/100= kết quả học phần.

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Thi tự luận hoặc vấn đáp | H2<br>H3<br>H5 | 70% |

*Ngày ..... tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương | TS. Cao Thị Lý |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH LÂM NGHIỆP**
**Mã học phần: NL213160**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: **3**; Số tín chỉ lý thuyết: **3.0**; Số tín chỉ thực hành: **0**

Loại môn học: **Bắt buộc**

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học song hành:

Học phần học trước:

Học phần tiên quyết:

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên: Họ và tên: **Trần Đình Thế**; Số điện thoại: **0913434357**;

Email: **tdthe@ttn.edu.vn**

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

(Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần, kiến thức trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần khác trong chương trình đào tạo.)

Học phần Chính sách và Luật Lâm nghiệp có vị trí quan trong Chương trình đào tạo ngành Lâm sinh và ngành Quản lý tài nguyên rừng:

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Chính sách, pháp luật của Nhà nước trong các hoạt động quản lý rừng, sử dụng rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng; chế biến và thương mại lâm sản;

- Cung cấp cho người học những hiểu biết về pháp luật có tính nguyên tắc để thực thi nhiệm vụ trong công tác; cũng như thực thi nghĩa vụ và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể khi tham gia quan hệ pháp luật lâm nghiệp.

- Cung cấp cho học viên các kiến thức và kỹ năng cần thiết về phân tích chính sách lâm nghiệp.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1. Trang bị cho người học những kiến thức và hiểu biết cơ bản về pháp luật Lâm nghiệp; cụ thể là các hoạt động: quản lý, bảo vệ, sử dụng, phát triển rừng và chế biến, thương mại lâm sản.

MT2. Giúp người học có những kiến thức cơ bản về pháp luật Lâm nghiệp nói chung; đọc và hiểu được các văn bản quy phạm pháp luật về Lâm nghiệp để vận dụng vào thực tiễn cuộc sống và công việc khi giải quyết các mối quan hệ xã hội thuộc lĩnh vực Lâm nghiệp.

MT3. Giúp người học có các cách thức tiếp cận khác nhau trong phân tích chính sách lâm nghiệp.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Người học được trang bị những kiến thức cơ bản về chính sách và pháp luật Lâm nghiệp trong quản lý tài nguyên rừng, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và chống biến đổi khí hậu.

H2. Người học có thể đọc và hiểu được các văn bản pháp luật về Lâm nghiệp; biết vận dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các vấn đề liên quan đến kỹ thuật Lâm nghiệp và giải quyết các quan hệ xã hội thuộc lĩnh vực Lâm nghiệp.

H3. Người học được cung cấp các công cụ và biện pháp cần thiết để phân tích chính sách thực hiện được các bước trong tiến trình phân tích chính sách, viết được đề cương nghiên cứu chính sách và viết được bản tin chính sách.

H4. Người học có ý thức công dân, tôn trọng pháp luật; tự giác, độc lập trong học tập; có tinh thần tự học, tự đào tạo; có tinh thần trách nhiệm, trung thực trong nghiên cứu khoa học

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | x | | | | | | | | x | | |
| H2 | | | | | x | | | | | | | | x | x | |
| H3 | | | | | x | | | | | | | | | x | x |
| H4 | | | | | | | | | | | | x | x | | x |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. Những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật.**<br>**Nội dung:**<br>1. Nhà nước<br>2. Pháp luật. | LT: 4 tiết | [1] |
| 2 | **Chương 2. Luật Hành chính và một số chế định pháp luật cơ bản của Luật hành chính.**<br>**Nội dung:**<br>1. Khái niệm Luật hành chính.<br>2. Hình thức và phương pháp của hoạt động quản lý hành chính nhà nước.<br>3. Quản lý hành chính nhà nước.<br>4. Vi phạm pháp luật hành chính và Trách nhiệm pháp lý hành chính nhà nước . | LT: 8 tiết | [1], [6] |
| 3 | **Chương 3. Pháp luật về Lâm nghiệp.**<br>**Nội dung:**<br>1 Luật Lâm nghiệp.<br>2. Quản lý giống cây trồng trong lâm nghiệp<br>3. Quy định về kiểm tra, kiểm soát lâm sản.<br>4. Giới thiệu các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác quản lý Tài nguyên rừng và đánh giá tác động môi trường trong lĩnh vực lâm nghiệp.. | LT: 15 tiết | [1], [2], [5] |
| 4 | **Chương 4. Luật đất đai.**<br>**Nội dung:**<br>1. Chế độ sở hữu và chế độ quản lý đất đai<br>2. Nội dung của công tác quản lý nhà nước đối với đất rừng<br>3. Chế độ sử dụng đất rừng | LT: 4 tiết | [1], [3] |
| 5 | **Chương 5. Luật đa dạng sinh học**<br>**Nội dung:**<br>1. Những quy định chung của Luật Đa dạng sinh học | LT: 3 tiết | [1], [4] |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 2. Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học<br>3. Bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái tự nhiên | | |
| 6 | **Chương 6. Luật bảo vệ môi trường**<br>**Nội dung:**<br>1. Những quy định chung của Luật bảo vệ môi trường<br>2. Bảo vệ môi trường trong khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên<br>3. Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong bảo vệ môi trường | LT: 3 tiết | [1], [5] |
| | **Chương 7. Phân tích chính sách Lâm nghiệp**<br>**Nội dung:**<br>1. Giới thiệu về các phương pháp tiếp cận khác nhau trong phân tích chính sách Lâm nghiệp<br>2. Các bước trong tiến trình phân tích chính sách<br>3. Đề cương nghiên cứu chính sách và bản tin chính sách | LT: 8 tiết | [1], [7] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 4 tiết | **Chương 1. Những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật:**<br>1. Nhà nước<br>2. Pháp luật | H1<br>H2<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: sinh viên chia thành từng nhóm nhỏ 2 -3 người để trao đổi, thảo luận những nội dung của tiết học<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi về các vấn đề liên quan đến nội dung môn học<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | - Đánh giá bằng bài thu hoạch của từng sinh viên và của nhóm.<br>- Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp của từng sinh viên<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp |
| 8 tiết | **Chương 2. Luật Hành chính và một số chế định pháp luật cơ bản của Luật hành chính:**<br>1. Khái niệm Luật hành chính. | H1<br>H2<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: sinh viên chia thành từng nhóm nhỏ 2 -3 người | - Đánh giá bằng bài thu hoạch của từng sinh viên và của nhóm.<br>- Hình thức đánh giá của từng bài: |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 2. Hình thức và phương pháp của hoạt động quản lý hành chính nhà nước.<br>3. Quản lý hành chính nhà nước.<br>4. Vi phạm pháp luật hành chính và Trách nhiệm pháp lý hành chính nhà nước | | để trao đổi, thảo luận những nội dung của tiết học<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi để trao đổi trong lớp nhằm lĩnh hội tốt những nội dung của tiết học<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | + Bằng bài viết nộp tại lớp của từng sinh viên<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp |
| 10 tiết | **Chương 3. Pháp luật về Lâm nghiệp:**<br>1 Luật Lâm nghiệp.<br>2. Quản lý giống cây trồng trong lâm nghiệp<br>3. Quy định về kiểm tra, kiểm soát lâm sản.<br>4. Giới thiệu các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác quản lý Tài nguyên rừng và đánh giá tác động môi trường trong lĩnh vực lâm nghiệp.. | H1<br>H2<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: sinh viên chia thành từng nhóm nhỏ 2 -3 người để trao đổi, thảo luận những nội dung của tiết học<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi để trao đổi trong lớp nhằm lĩnh hội tốt những nội dung của tiết học<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | - Đánh giá bằng bài thu hoạch của từng sinh viên và của nhóm.<br>- Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp của từng sinh viên<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp |
| 3 tiết | **Chương 4. Luật đất đai:**<br>1. Chế độ sở hữu và chế độ quản lý đất đai<br>2. Nội dung của công tác quản lý nhà nước đối với đất rừng<br>3. Chế độ sử dụng đất rừng | H1<br>H2<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: sinh viên chia thành từng nhóm nhỏ 2 -3 người để trao đổi, thảo luận những nội dung của tiết học<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi để trao đổi trong lớp nhằm lĩnh hội tốt những nội dung của tiết học<br>**Địa điểm học:** | -- Đánh giá bằng bài thu hoạch của từng sinh viên và của nhóm.<br>- Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp của từng sinh viên<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | | - Giảng đường | |
| 3 tiết | **Chương 5. Luật đa dạng sinh học**<br>**Nội dung:**<br>1. Những quy định chung của Luật Đa dạng sinh học<br>2. Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học<br>3. Bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái tự nhiên | H1<br>H2<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: sinh viên chia thành từng nhóm nhỏ 2 -3 người để trao đổi, thảo luận những nội dung của tiết học<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi để trao đổi trong lớp nhằm lĩnh hội tốt những nội dung của tiết học<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | - Đánh giá bằng bài thu hoạch của từng sinh viên và của nhóm.<br>- Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp của từng sinh viên<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp |
| 3 tiết | **Chương 6. Luật bảo vệ môi trường:**<br>1. Những quy định chung của Luật bảo vệ môi trường<br>2. Bảo vệ môi trường trong khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên<br>3. Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong bảo vệ môi trường | H1<br>H2<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: sinh viên chia thành từng nhóm nhỏ 2 -3 người để trao đổi, thảo luận những nội dung của tiết học<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi để trao đổi trong lớp nhằm lĩnh hội tốt những nội dung của tiết học<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | - Đánh giá bằng bài thu hoạch của từng sinh viên và của nhóm.<br>- Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp của từng sinh viên<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp |
| 8 tiết | **Chương 7. Phân tích chính sách Lâm nghiệp:**<br>1. Giới thiệu về các phương pháp tiếp cận khác nhau trong phân tích chính sách Lâm nghiệp | H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: sinh viên chia thành từng nhóm nhỏ 2 -3 người | - Đánh giá bằng bài thu hoạch của từng sinh viên và của nhóm.<br>- Hình thức đánh giá của từng bài: |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 2. Các bước trong tiến trình phân tích chính sách<br>3. Đề cương nghiên cứu chính sách và bản tin chính sách | | để trao đổi, thảo luận những nội dung của tiết học<br>- Thực hành các bài tập liên quan lý thuyết của tiết học<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi để trao đổi trong lớp nhằm lĩnh hội tốt những nội dung của tiết học<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | + Bằng bài viết nộp tại lớp của từng sinh viên<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Trần Đình Thế (2019). Bài giảng Luật và Chính sách lâm nghiệp, Trường ĐHTN.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2] Quốc hội (2017). Luật Lâm nghiệp, NXB.Chính trị Quốc gia.

[3] Quốc hội (2013). Luật Đất đai, NXB.Chính trị Quốc gia.

[4] Quốc hội (2013). Luật Đa dạng sinh học, NXB.Chính trị Quốc gia.

[5] Quốc hội (2014). Luật Bảo vệ môi trường, NXB.Chính trị Quốc gia.

[6] Quốc hội (2012). Luật xử lý vi phạm pháp luật Hành chính, NXB.Chính trị Quốc gia

[7] RECOFTC & SEANAFE, (2008), Teaching Forest Policy Analysis. A Guide for Forestry Universities.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)*

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;

*7.4. Phần khác (nếu có):* Ví dụ như tham quan thực tế

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu:* cứ một tiết học ở lớp, sinh viên tự nghiên cứu tài liệu 3 tiết ở nhà.

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 20%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 80%***

(Trọng số điểm bộ phận <=30%; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H2<br>H4 | 70% |
| 2 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H1<br>H2<br>H4 | 20% |
| 3 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 10% |
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

* Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể có đầy đủ các hình thức đánh giá trên, hoặc có thể thêm hay bớt cho phù hợp, nhưng đảm bảo tổng tỷ lệ điểm bộ phận là 100%. Việc đánh giá điểm bộ phận gồm các thành phần và tỷ lệ tương ứng như công bố, (kết quả điểm bộ phận × trọng số điểm bộ phận+điểm thi × trọng số thi)/100= kết quả học phần.

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá:<br>Thi tự luận | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 100% |

*Ngày 22 tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | TS. Võ Hùng | ThS. Trần Đình Thế |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: LÂM NGHIỆP XÃ HỘI**
**Mã học phần: NL213159**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 2,0; Số tín chỉ thực hành: 0,0
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học song hành: Không
Học phần học trước: Không
Học phần tiên quyết: Không
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: ThS. Ngô Thế Sơn;
Số điện thoại: 0935821627; Email: ngotheson@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Nghiên cứu môn học LNXH sẽ giúp sinh viên có những kiến thức, kỹ năng và thái độ LNXH để họ có thể thực hiện tốt công việc chuyên môn sau này. Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và phương pháp tiếp cận LNXH đồng thời cung cấp kiến thức nền tảng để sinh viên có thể tiếp cận các môn học liên quan như: Quản lý dự án LNXH, khuyến nông, nông lâm kết hợp và các môn học khác.

Môn học giúp người học có cách nhìn tổng quan, hệ thống về các yếu tố tác động đến phát triển lâm nghiệp; nhìn nhận sự việc trong sự vận động, phát triển; phát triển lâm nghiệp dựa trên sự tác động tương hỗ giữa con người với môi trường trong một bối cảnh cụ thể, dựa trên nền tảng của hệ sinh thái nhân văn; một số vấn đề trong phát triển lâm nghiệp hiện nay; phương pháp tiếp cận có sự tham gia trong từng hoạt động LNXH cụ thể.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1: Có kiến thức cơ bản về lâm nghiệp xã hội, phân tích được các nhận thức và quan điểm về LNXH có ảnh hưởng đến việc quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững nguồn tài nguyên;

MT2: Có kiến thức cơ bản về thể chế, chính sách, pháp luật liên quan đến phát triển lâm nghiệp xã hội;

MT3: Phân tích được mối quan hệ giữa các cấu phần trong hệ sinh nhân văn trên quan điểm hệ thống;

MT4: Phân tích được vai trò của tri thức bản địa, vai trò của giới trong phát triển bền vững;

MT5: Phân tích được vai trò của sự tham gia trong nghiên cứu, đào tạo lâm nghiệp xã hội, trong khuyến nông khuyến lâm và trong nông Lâm kết hợp.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1: Có hiểu biết cơ bản về lâm nghiệp xã hội, phân tích được các nhận thức và quan điểm về LNXH có ảnh hưởng đến việc quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững nguồn tài nguyên;

H2: Đánh giá được tầm quan trọng và tác động của hệ thống luật, chính sách đến phát triển lâm nghiệp xã hội;

H3: Xác định được tầm quan trọng của rừng với đời sống con người, đặc biệt là các cộng đồng sống trong và gần rừng trên cơ sở phân tích mối quan hệ giữa rừng với kinh tế, xã hội, môi trường;

H4: Vận dụng được kiến thức đã học vào thúc đẩy phát triển bền vững trong lâm nghiệp xã hội trên cơ sở hiểu rõ được mối quan hệ giữa các cấu phần trong hệ sinh thái nhân văn;

H5: Áp dụng được phương pháp tiếp cận có sự tham gia vào các hoạt động nghiên cứu, đào tạo lâm nghiệp xã hội, khuyến nông khuyến lâm, nông lâm kết hợp.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | | | x | | | | | | | | | | |
| H2 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H3 | | | | | x | | | | | | | | | | |
| H4 | x | | | | | | | | | | | | | | |
| H5 | | | | | | | | | x | | | | | x | x |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. TỔNG QUAN VỀ LÂM NGHIỆP XÃ HỘI**<br>1. Tổng quan về LNXH<br>2. Hiện trạng phát triển LNXH | LT: 6 tiết | [1] Chương 1 giáo trình chính<br>tài liệu tham khảo<br>[2] |
| 2 | **Chương 2. Hệ thống chính sách liên quan đến LNXH**<br>3**.** Giới thiệu về chính sách có liên quan tới phát triển LNXH<br>4: Hiện trạng thực thi và mối quan hệ giữa các chính sách có liên quan đến phát triển LNXH | LT: 5 tiết<br>BT: 4 tiết | [1] Chương 2 giáo trình chính<br>tài liệu tham khảo<br>[2], [5] |
| 3 | **Chương 3.** Hệ sinh thái nhân văn trong LNXH<br>5: Hệ sinh thái nhân văn trong LNXH<br>6: Tri thức bản địa trong quản lý tài nguyên thiên nhiên<br>7: Giới trong LNXH<br>8: Phát triển bền vững trong LNXH | LT: 10 tiết<br>BT: 6 tiết | [1] Chương 3 giáo trình chính<br>tài liệu tham khảo<br>[2], [4] |
| 4 | **Chương 4.** Tiếp cận có sự tham gia trong LNXH<br>9: Sự tham gia trong LNXH<br>10: Phương pháp tiếp cận có sự tham gia | LT: 9 tiết<br>BT: 4 tiết | [1] Chương 4 giáo trình chính<br>tài liệu tham khảo<br>[2] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| **Buổi học/ số tiết** | **Nội dung** | **Chuẩn đầu ra học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
|---|---|---|---|---|
| LT:<br>Buổi học 1-2/số tiết: 0 - 6 | **Chương 1. TỔNG QUAN VỀ LÂM NGHIỆP XÃ HỘI**<br>1. Tổng quan về LNXH<br>2. Hiện trạng phát triển LNXH | H1<br>H2 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP thuyết trình<br>- Thảo luận, trao đổi<br>**Tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Gợi mở, vấn đáp<br>**Yêu cầu sinh viên:** | - Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Kết quả tham gia của các thành viên tại lớp |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | | - Đọc tài liệu<br>- Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | + Kết quả thảo luận tại lớp. |
| LT: Buổi học 2-3/số tiết: 7 – 11 | **Chương 2. Hệ thống chính sách liên quan đến LNXH**<br>3. Giới thiệu về chính sách có liên quan tới phát triển LNXH<br>4: Hiện trạng thực thi và mối quan hệ giữa các chính sách có liên quan đến phát triển LNXH | H1<br>H2 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP thuyết trình<br>- Thảo luận, trao đổi<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Gợi mở, vấn đáp<br>- Thảo luận nhóm: Vẽ sơ đồ và phân tích mối quan hệ giữa luật và chính sách có liên quan đến phát triển lâm nghiệp xã hội<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi<br>- Chuẩn bị bài thuyết trình<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Kết quả tham gia của các thành viên tại lớp<br>+ Kết quả thảo luận tại lớp. |
| LT: Buổi học 3-6/ số tiết: 12 - 21 | **Chương 3.** Hệ sinh thái nhân văn trong LNXH<br>5: Hệ sinh thái nhân văn trong LNXH<br>6: Tri thức bản địa trong quản lý tài nguyên thiên nhiên<br>7: Giới trong LNXH<br>8: Phát triển bền vững trong LNXH | H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP thuyết trình<br>- Thảo luận, trao đổi<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: Phân tích các đặc trưng kiến tri thức bản địa, tác động của mất rừng đến phát triển bền vững<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi<br>- Chuẩn bị bài thuyết trình<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường<br>- Sinh viên tự chọn địa điểm thảo luận nhóm tại nhà | Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Kết quả tham gia của các thành viên tại lớp<br>+ Kết quả thảo luận tại lớp.<br>+ Nộp kết quả thảo luận của nhóm (gửi qua email, hoặc zalo) |
| LT: Buổi học 6-8; số tiết: 12 - 30 | **Chương 4.** Tiếp cận có sự tham gia trong LNXH<br>9: Sự tham gia trong LNXH | H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP thuyết trình<br>- Thảo luận, trao đổi<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày | Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Kết quả tham gia của các |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 10: Phương pháp tiếp cận có sự tham gia | | - Thảo luận nhóm: Phân tích vai trò của sự tham gia trong nghiên cứu, đào tạo lâm nghiệp xã hội<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi<br>- Chuẩn bị bài thuyết trình<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường<br>- Sinh viên tự chọn địa điểm thảo luận nhóm tại nhà | thành viên tại lớp<br>+ Kết quả thảo luận tại lớp.<br>+ Nộp kết quả thảo luận của nhóm (gửi qua email, hoặc zalo)<br>+ Bài kiểm tra cá nhân: bằng giấy A4 hoặc gửi file qua emai |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] *Lâm nghiệp xã hội đại cương*, Giáo trình đại học lâm nghiệp, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội, 2006.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2] Ngô Thế Sơn (2011). Bài giảng Lâm nghiệp xã hội – Trường Đại học Tây Nguyên

[3] Dương Viết Tình, *Bài giảng Lâm nghiệp cộng đồng*, Đại học Nông lâm Huế, 2006.

[4] Ngô Đức Thịnh (1998), *Luật tục Ê Đê*, NXB Văn hóa

[5] *Văn bản pháp quy về Lâm nghiệp cộng đồng*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội, 2007.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)*

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;

*7.4. Phần khác (nếu có):*

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5 | 30% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | H2<br>H3<br>H4<br>H5 | 20% |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H2<br>H3<br>H4<br>H5 | 20% |
| 4 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm. | H3<br>H4<br>H5 | 30% |
| Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | | | | 100% |

* Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể có đầy đủ các hình thức đánh giá trên, hoặc có thể thêm hay bớt cho phù hợp, nhưng đảm bảo tổng tỷ lệ điểm bộ phận là 100%. Việc đánh giá điểm bộ phận gồm các thành phần và tỷ lệ tương ứng như công bố, (kết quả điểm bộ phận × trọng số điểm bộ phận+điểm thi × trọng số thi)/100= kết quả học phần.

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Thi vấn đáp nếu sinh viên dưới 40 | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5 | 100% |

*Đắk Lắk, ngày ..... tháng 10 năm 2020*

| TRƯỞNG KHOA | TRƯỞNG BỘ MÔN | NGƯỜI BIÊN SOẠN |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | TS. Võ Hùng | ThS. Ngô Thế Sơn |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: NÔNG LÂM KẾT HỢP**
**Mã học phần: NL213718**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học song hành: Không

Học phần học trước:

Học phần tiên quyết:

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Đặng Thành Nhân; Số điện thoại:0914142319.; Email: dangthanhnhan2319@gmail.com

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:** (ít nhất 150 từ)

(Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần, kiến thức trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần khác trong chương trình đào tạo.)

Nông lâm kết hợp là môn khoa học chuyên nghiên cứu về các hệ thống quản lý tài nguyên đặt cơ sở trên đặc tính sinh thái và năng động nhờ vào sự phối hợp cây trồng lâu năm vào nông trại hay đồng cỏ để làm đa dạng và bền vững sự sản xuất giúp gia tăng các lợi ích về kinh tế, xã hội và môi trường của các nông trại. Môn học này trang bị cho các học viên có phẩm chất và năng lực thực hiện các nhiệm vụ phát triển, áp dụng, nhân rộng và quản lý các hệ thống sử dụng đất bền vững dựa trên nông lâm kết hợp. Vì vậy, môn học nông lâm kết hợp vừa mang tính chất của môn học cơ sở, vừa mang tính chất của môn học chuyên môn trong cơ cấu chương trình đào tạo Đại học và Sau đại học ngành nông lâm nghiệp. Môn học này liên quan chặt chẽ về mặt kiến thức với nhiều môn học khác như Sinh lý thực vật, Sinh thái rừng, Lâm nghiệp xã hội, Khuyến nông lâm, Lâm sinh, Trồng rừng, Luật và chính sách lâm nghiệp, Bảo tồn đa dạng sinh học, Đất và vi sinh vật rừng…

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

M1: Nắm được các vấn đề thách thức cho quản lý sử dụng đất bền vững ở nông thôn miền núi

M2: Liệt kê các khái niệm khác nhau theo quá trình phát triển của lĩnh vực nông lâm kết hợp, Nắm được vai trò, tiềm năng và sự cần thiết của nông lâm kết hợp trong phát triển bền vững, quản lý tài nguyên thiên nhiên và trong quản lý sử dụng đất

M3: Phân tích các hệ thống NLKH truyền thống và cải tiến

M4: Phân tích các kỹ thuật canh tác NLKH

M5: Có kiến thức cơ bản về NLKH trên cơ sở cảnh quan (KN, cấu trúc, vai trò, thành phần, mối quan hệ)

M6: Phân tích các vấn đề kinh tế, xã hội, môi trường, thị trường và tác động của chính sách đến phát triển NLKH

M7: Phân tích vấn đề phát triển và đánh giá NLKH có sự tham gia

- Áp dụng và phát triển NLKH có sự tham gia của cộng động địa phương và nông dân

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

(Mô tả các năng lực bao gồm kiến thức, kỹ năng, thái độ mà sinh viên đạt được sau khi học xong học phần. Viết khoảng 3 đến 5 chuẩn đầu ra).

H1: Xác định các vấn đề mang tính thách thức cho quản lý sử dụng đất bền vững ở nông thôn miền núi

H2: Phân tích các vai trò, lợi ích, tiềm năng và thách thức của NLKH, từ đó phát triển, nhân rộng các hệ thống NLKH có sức sống về kinh tế, có tác động tích cực về môi trường và được chấp nhận của xã hội

H3: Ý thức được tầm quan trọng của các hệ thống kỹ thuật NLKH, tôn trọng hệ thống NLKH truyền thống, áp dụng các hệ thống NLKH cải tiến, tiếp cận các kiến thức mới để vận dụng vào thực tiễn sản xuất NLKH

H4: Thực hiện và làm việc với nông dân áp dụng các kỹ thuật canh tác NLKH để phát triển các hệ thống sử dụng đất bền vững trong đó thành phần cây gỗ đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn đất và nước; cung cấp các sản phẩm, dịch vụ môi trường thiết yếu cho sinh kế của địa phương và sự bền vững về môi trường.

H5: Nắm được khái niệm, cấu trúc, vai trò và thành phần cảnh quan nông lâm kết hợp; phân tích các mối quan hệ giữa các thành phần trong cảnh quan nông lâm kết hợp

H6: Có khả năng phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường của các hệ thống canh tác NLKH; Vận dụng các chính sách có liên quan đến phát triển nông lâm kết hợp

H7: Có kỹ năng quy hoạch sử dụng đất cho trang trại NLKH; Có kỹ năng mô tả, chẩn đoán, thiết kế, tổ chức cho phát triển kỹ thuật NLKH

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | | | | | |
| H2 | | | | x | | | | | |
| H3 | | | | x | | | | | |
| H4 | | | | x | | | | | |
| H5 | x | | | | | | | | |
| H6 | | | x | | | | | | |
| H7 | | | | x | | | | | |

## 4. Cấu trúc học phần

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. Tổng quan về Nông lâm kết hợpNội dung:**<br>1.1. Lý do phát triển Nông lâm kết hợp<br>1.2. Khái niệm Nông lâm kết hợp<br>1.3. Đặc điểm Nông lâm kết hợp<br>1.4. Vai trò, lợi ích, tiềm năng và thách thức của Nông Lâm kết hợp<br>1.5. Phân loại các hệ thống Nông lâm kết hợp | LT: 5 tiết<br>BT: … tiết | [1] Chương 1 giáo trình chính và tài liệu tham khảo<br>[2.1] |
| 2 | **Chương 2. Kỹ thuật và mối quan hệ trong hệ thống Nông lâm kết**<br>2.1. Hệ thống NLKH truyền thống<br>2.2. Hệ thống NLKH cải tiến<br>2.3. Dòng năng lượng, vật chất của hệ thống NLKH<br>2.4. Tương tác cây thân gỗ - đất - hoa màu<br>2.5. Kỹ thuật canh tác Nông lâm kết hợp | LT: 8 tiết<br>BT: … tiết | [1] Chương 1 giáo trình chính và tài liệu tham khảo<br>[2.1] |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 2.6. Kỹ thuật sử dụng bền vững đất và nước trong Nông lâm kết hợp | | |
| 3 | **Chương 3. Nông lâm kết hợp trên cơ sở cảnh quan**<br>3.1. Khái niệm về cảnh quan<br>3.2. Cấu trúc và thành phần của cảnh quan Nông lâm kết hợp<br>3.3. Mối quan hệ tương tác giữa các thành phần trong cảnh quan Nông lâm kết hợp<br>3.4. Vai trò, lợi ích và những thách thức trong quy hoạch cảnh quan NLKH | LT: 5 tiết<br>BT: … tiết | [1] Chương 1 giáo trình chính và tài liệu tham khảo [2.1], [2.2],[2.3], [2.4] |
| 4 | **Chương 4. Vấn đề kinh tế - xã hội và môi trường trong Nông lâm kết hợp**<br>4.1. Vấn đề kinh tế trong Nông lâm kết hợp<br>4.2. Thị trường các sản phẩm Nông lâm kết hợp<br>4.3. Vấn đề xã hội trong NLKH<br>4.4. Tác động của chính sách đến phát triển Nông lâm kết hợp | LT: 6 tiết<br>BT: … tiết | [1] Chương 1 giáo trình chính và tài liệu tham khảo [2.1], [2.2],[2.3], [2.5] |
| 5 | **Chương 5. Phát triển và đánh giá Nông lâm kết hợp**<br>5.1. Cách tiếp cận phát triển NLKH có sự tham<br>5.2. Tiến trình phát triển NLKH có sự tham gia<br>5.3. Đánh giá hệ thống NLKH | LT: 6 tiết | |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| B 1-2/số tiết: 1 -5 | **Chương 1. Tổng quan về Nông lâm kết hợpNội dung:**<br>1.1. Lý do phát triển Nông lâm kết hợp<br>1.2. Khái niệm Nông lâm kết hợp<br>1.3. Đặc điểm Nông lâm kết hợp<br>1.4. Vai trò, lợi ích, tiềm năng và thách thức của Nông Lâm kết hợp<br>1.5. Phân loại các hệ thống Nông lâm kết hợp… | - Xác định các vấn đề mang tính thách thức cho quản lý sử dụng đất bền vững ở nông thôn miền núi<br>- Nêu và phân tích được các đặc trưng của hệ sinh thái nhân văn miền núi và các vấn đề khó khăn trong phát triển nông thôn miền núi hiện nay | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình,<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | -Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | - Hiểu khái niệm NLKH, xác định các lợi ích, tiềm năng, cơ hội và thách thức của NLKH<br>- Phân loại các hệ thống và xác định các vai trò mấu chốt của cây lâu năm và rừng trong hệ thống kỹ thuật NLKH | | |
| B 2 – 4: Tiết 6 - 13 | **Chương 2. Kỹ thuật và mối quan hệ trong hệ thống Nông lâm kết**<br>2.1. Hệ thống NLKH truyền thống<br>2.2. Hệ thống NLKH cải tiến<br>2.3. Dòng năng lượng, vật chất của hệ thống NLKH<br>2.4. Tương tác cây thân gỗ - đất - hoa màu<br>2.5. Kỹ thuật canh tác Nông lâm kết hợp<br>2.6. Kỹ thuật sử dụng bền vững đất và nước trong Nông lâm kết hợp | Mô tả và phân tích ưu, nhược của một số hệ thống NLKH truyền thống và cải tiến<br>- Giải thích được sự cần thiết của việc bảo tồn đất và nước<br>- Phân biệt, lựa chọn áp dụng các kỹ thuật bảo tồn đất và nước trong NLKH<br>- Phân tích dòng năng lượng, vật chất và tương tác cây thân gỗ - đất – hoa màu trong NLKH | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình,<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | -Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp |
| B 4 – 5/ số tiết 14 - 18 | **Chương 3. Nông lâm kết hợp trên cơ sở cảnh quan**<br>3.1. Khái niệm về cảnh quan | - Hiểu được khái niệm và các thành phần của cảnh quan NLKH | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình,<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** | -Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 3.2. Cấu trúc và thành phần của cảnh quan Nông lâm kết hợp<br>3.3. Mối quan hệ tương tác giữa các thành phần trong cảnh quan Nông lâm kết hợp<br>3.4. Vai trò, lợi ích và những thách thức trong quy hoạch cảnh quan NLKH | - Phân tích được vai trò, cấu trúc và các mối quan hệ giữa các thành phần trong cảnh quan NLKH | - Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | |
| B 5 – 7/ số tiết 19 - 24 | **Chương 4. Vấn đề kinh tế - xã hội và môi trường trong Nông lâm kết hợp**<br>4.1. Vấn đề kinh tế trong Nông lâm kết hợp<br>4.2. Thị trường các sản phẩm Nông lâm kết hợp<br>4.3. Vấn đề xã hội trong NLKH<br>4.4. Tác động của chính sách đến phát triển Nông lâm kết hợp | - Phân tích các vấn đề kinh tế, xã hội, môi trường, thị trường của NLKH<br>- Phân tích các tác động của chính sách đến phát triển NLKH | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình,<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | -Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp<br>+ Bài kiểm tra: Bằng giấy vở học sinh hoặc giấy A4 |
| B 7 – 8/ số tiết 25 - 30 | **Chương 5. Phát triển và đánh giá Nông lâm kết hợp**<br>5.1. Cách tiếp cận phát triển NLKH có sự tham<br>5.2. Tiến trình phát triển NLKH có sự tham gia<br>5.3. Đánh giá hệ thống NLKH | - Giải thích được tính cấp thiết của áp dụng phát triển kỹ thuật NLKH có sự tham gia<br>- Phân tích được các yếu tố bên ngoài, bên trong ảnh hưởng đến phát triển kỹ thuật NLKH có sự tham gia | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình,<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | -Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). Tên tài liệu, nhà xuất bản.

(Sách, giáo trình chính trong giảng dạy và học tập thường chiếm 50% nội dung sử dụng trở lên)

[1] Đặng Thành Nhân (2019) Bài giảng nông lâm kết, trường Đại học Tây Nguyên

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2] Tên tác giả (năm xuất bản). Tên tài liệu, nhà xuất bản.

[2.1]. Võ Hùng (2011): *Bài giảng Nông lâm kết hợp,* Trường Đại học Tây Nguyên

[2.2]. Nhiều tác giả (2002). *Bài giảng Nông lâm kết hợp*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội

[2.3]. Nguyễn Ngọc Bình, Phạm Đức Tuấn (2005). *Kỹ thuật canh tác Nông lâm kết hợp ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội

[2.4]. Võ Hùng, Trần Bình Đà (2009). *Cảnh quan và Thị trường sản phẩm Nông lâm kết hợp,* Mạng lưới Giáo dục Nông lâm kết hợp Việt Nam (VNAFE).

[2.5]. Nguyễn Tấn Phát (2009), *Chính sách đất đai ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới,* Tạp chí nghiên cứu kinh tế - Viện kinh tế Việt nam, Hà Nội.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)*

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;

*7.4. Phần khác (nếu có):* Ví dụ như tham quan thực tế

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận: …..; Trọng số thi kết thúc học phần: ……***

(Trọng số điểm bộ phận <=30%; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3 | 40% |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | H1<br>H2<br>(Liệt kê các chuẩn đầu ra được đánh giá) | t2% |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan | H1<br>H2 | t3% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| | | nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | (Liệt kê các chuẩn đầu ra được đánh giá) | |
| 4 | Tiểu luận/Thí nghiệm, thực hành | Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên. | H1<br>H2<br>(Liệt kê các chuẩn đầu ra được đánh giá) | t4% |
| | | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra. | | |
| 5 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm. | H1<br>H2<br>H3 | 60% |
| Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | | | | 100% |

* Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể có đầy đủ các hình thức đánh giá trên, hoặc có thể thêm hay bớt cho phù hợp, nhưng đảm bảo tổng tỷ lệ điểm bộ phận là 100%. Việc đánh giá điểm bộ phận gồm các thành phần và tỷ lệ tương ứng như công bố, (kết quả điểm bộ phận × trọng số điểm bộ phận+điểm thi × trọng số thi)/100= kết quả học phần.

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: ……. (Thi tự luận, Thực hành, vấn đáp, trắc nghiệm, …) | H1<br>H2<br>H3 | 100 % |

*Ngày … tháng … năm 20…*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| | TS. Võ Hùng | TS. Đặng Thành Nhân |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: KHUYẾN NÔNG LÂM**
**Mã học phần: NL213197**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1,5; Số tín chỉ thực hành: 0,5

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học song hành: Không

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: TS. Nguyễn Văn Minh; Số điện thoại: 0913.484.315; Email: nvminh@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: ThS. Cao Thị Hoài; Số điện thoại: 0984486838; Email:caohoai.tnu@gmail.com

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:** (ít nhất 150 từ)

(Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần, kiến thức trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần khác trong chương trình đào tạo.)

Trong những năm gần đây Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chính sách phát triển công tác khuyến nông lâm như hỗ trợ kinh phí đào tạo, chuyển giao, tập huấn….. đặc biệt là công tác tăng cường đội ngũ cán bộ Khuyến nông lâm từ Trung ương xuống đến tận thôn bản, đây là một điểm thuận lợi rất lớn cho công tác Khuyến nông lâm ở Việt Nam hiện nay. Tuy vậy, nguồn nhân lực này (đặc biệt từ cấp huyện, xã và thôn buôn) cần được nâng cao hơn nữa kiến thức chuyên sâu về Khuyến nông lâm, phương pháp khuyến nông lâm và kỹ năng tổ chức một chương trình Khuyến nông lâm lâm cấp cơ sở.

Môn học Khuyến nông lâm được xếp là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của các ngành nông, lâm nghiệp, chăn nuôi thú y, thủy sản, phát triển nông thôn đặc biệt là các ngành Khoa học cây trồng, bảo vệ thực vật, lâm sinh và kinh tế nông nghiệp. Vì vậy, học phần này được xây dựng nhằm cung cấp cho người học là sinh viên, học viên tham gia theo học các ngành bậc đại học tại khoa Nông Lâm nghiệp, chăn nuôi thú ý, kinh tế …của Trường Đại học Tây Nguyên; Các khuyến nông viên, các nhà quản lý và tổ chức hoạt động khuyến nông lâm những kiến thức, kỹ năng về phương pháp tiến hành các hoạt động khuyến nông lâm ở nước ta nói chung và khu vực Tây Nguyên nói riêng.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

*MT1: Có kiến thức cơ bản liên quan về vai trò, chức năng của công tác Khuyến nông lâm, vai trò của cán bộ khuyến nông và thực tiễn hoạt động khuyến nông lâm ở việt Nam và khu vực*

*MT2: Có những kiến thức, kỹ năng vận dụng các cách tiếp cận và phương pháp khuyến nông lâm trong hoạt động khuyến nông lâm.*

*MT3: Có kỹ năng cơ bản trong giao tiếp và thúc đẩy trong hoạt động khuyến nông lâm*

*MT4: Hiểu được tầm quan trọng của việc tổ chức đào tạo trong khuyến nông lâm; Đánh giá được nhu cầu đào tạo và khóa đào tạo; Thiết kế được các khóa đào tạo trong hoạt động khuyến nông lâm*

*MT5: Có khả năng thực hiện phát triển kỹ thuật có sự tham gia (PTD) trong hoạt động khuyến nông lâm và vận dụng vào thực tế tiến trình thực hiện PTD*

*MT6: Có thể xây dựng, thiết kế hoạt động khuyến nông lâm cấp thôn bản ở địa phương.*

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

*H1: Nhận biết về vai trò, chức năng của công tác Khuyến nông lâm, vai trò của cán bộ khuyến nông và thực tiễn hoạt động khuyến nông lâm ở việt Nam và khu vực*

*H2: Vận dụng các cách tiếp cận và phương pháp khuyến nông lâm trong hoạt động đào tạo cán bộ khuyến nông lâm.*

*H3: Áp dụng vào thực tế những kỹ năng cơ bản trong giao tiếp và thúc đẩy trong hoạt động khuyến nông lâm*

*H4: Xác định được tầm quan trọng của việc tổ chức đáo tạo trong khuyến nông lâm; Đánh giá được nhu cầu đào tạo và khóa đào tạo; Thiết kế được các khóa đào tạo trong hoạt động khuyến nông lâm*

*H5: Phân tích, so sánh và vận dụng được phát triển kỹ thuật có sự tham gia (PTD) trong hoạt động khuyến nông lâm và vận dụng vào thực tế tiến trình thực hiện PTD*

*H6: Thiết kế được hoạt động khuyến nông lâm cấp thôn bản, vận dụng vào thực tế để hoạt động này có hiệu quả hơn ở mỗi địa phương.*

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | C6 | C9 | C10 | C14 | 15 |
| H1 | | x | | | |
| H2 | | x | x | | |
| H3 | x | x | x | x | |
| H4 | | x | | | |
| H5 | | x | | | |
| H6 | x | x | x | | |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ KHUYẾN NÔNG**<br>1.1. ĐỊNH NGHĨA, MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, VAI TRÒ VÀ CHỨC NĂNG CỦA KHUYẾN NÔNG LÂM.<br>*1.1.1. Bối cảnh ra đời của khuyến nông và khuyến lâm*<br>*1.1.2. Định nghĩa khuyến nông lâm:*<br>*1.1.3. Mục tiêu của khuyến nông lâm.*<br>*1.1.4. Vai trò và chức năng của công tác khuyến nông lâm*<br>*1.1.5. Các nguyên tắc hoạt động của khuyến nông lâm.*<br>1.2. VAI TRÒ CỦA CÁN BỘ KHUYẾN NÔNG LÂM VÀ GIỚI TRONG KHUYẾN NÔNG LÂM<br>*1.2.1. Vai trò của cán bộ khuyến nông lâm*<br>***1.2.2. Kiến thức, năng lực và phẩm chất cá nhân***<br>*1.2.3. Vấn đề giới trong khuyến nông*<br>1.3. THỰC TIỄN HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG LÂM Ở VIỆT NAM VÀ KHU VỰC<br>*1.3.1. Thực tiễn hoạt động khuyến nông lâm ở Việt Nam*<br>*1.3.2. Hệ thống tổ chức khuyến nôn lâm ở một số nước châu á* | LT: 2 tiết<br>BT: 0 tiết | [1] Chương 1 giáo trình chính và tài liệu tham khảo<br>[2-1]<br>[2-2]<br>[2-4]<br>[2-8] |
| 2 | **Chương 2.** CÁC CÁCH TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP KHUYẾN NÔNG<br>2.1. CÁCH TIẾP CẬN TRONG KHUYẾN NÔNG.<br>*2.1.1. Tiếp cận từ trên xuống*<br>*2.1.2. Tiếp cận từ dưới lên.* | LT: 4 tiết<br>BT: 4 tiết | [1] Chương 2 giáo trình chính và tài |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | *2.1.3. Hệ thống tổ chức KNL ở một số nước châu á*<br>2.2. PHƯƠNG PHÁP KHUYẾN NÔNG LÂM<br>*2.2.1. Phương pháp khuyến nông với cá nhân.*<br>*2.2.2. Phương pháp khuyến nông với nhóm.*<br>*2.2.3. Phương pháp khuyến nông bằng phương tiện thông tin đại chúng* | | liệu tham khảo<br>[2-2]<br>[2-1]<br>[2-10]<br>[2-8] |
| 3 | **Chương 3. KỸ NĂNG GIAO TIẾP VÀ THÚC ĐẨY**<br>3.1. KỸ NĂNG GIAO TIẾP<br>*3.1.1. Định nghĩa và các đặc trưng của giao tiếp*<br>*3.1.2.Vai trò giao tiếp trong khuyến nông*<br>*3.1.3. Các yếu tố trong giao tiếp.*<br>*3.1.4. Giao tiếp hiệu quả*<br>3.2. KỸ NĂNG THÚC ĐẨY<br>*3.2.1. Ý nghĩa của thúc đẩy*<br>*3.2.2. Khái niệm*<br>*3.2.3. Nhóm kỹ năng thúc đẩy cơ bản* | LT: 4 tiết<br>BT: 4 tiết | [1] Chương 3 giáo trình chính và tài liệu tham khảo<br>[2-2]<br>[2-3]<br>[2-9] |
| 4 | **Chương 4. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO TRONG KHUYẾN NÔNG**<br>4.1. VIỆC HỌC CỦA NGƯỜI LỚN TUỔI<br>***4.1.1. Khái niệm cơ bản về việc học của người lớn tuổi***<br>*4.1.2. Đặc điểm chung của người học lớn tuổi*<br>*4.1.3. Cách học của người lớn tuổi*<br>*4.1.4. Làm thế nào để người lớn học tốt*<br>4.2. ĐIỀU TRA ĐÁNH GIÁ NHU CẦU ĐÀO TẠO.<br>*4.2.1. Giới thiệu chu trình đào tạo*<br>*4.2.2. Xác định đối tương điều tra*<br>*4.2.3. Các bước thực hiện*<br>4.3. THIẾT KẾ CÁC KHOÁ NGẮN HẠN<br>*4.3.1. Tại sao cần thiết kế khóa đào tạo ngắn hạn.*<br>*4.3.2. Nội dung và phương pháp thiết kế khóa đào tạo ngắn hạn.*<br>4.4. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC LẤY NGƯỜI HỌC LÀM TRUNG TÂM<br>*4.4.1. Khái niệm*<br>*4.4.2. Phương pháp giảng dạy kiến thức*<br>*4.4.3. Phương pháp giảng ạy kỹ năng qua trình diễn.*<br>4.5. ĐÁNH GIÁ KHOA ĐÀO TẠO<br>*4.5.1. Vì sao phải đánh giá khóa đào tạo*<br>*4.5.2. Nội dung và mức độ đánh giá khóa đào tạo.*<br>*4.5.3. Các công cụ đánh giá phản ứng* | LT: 5 tiết<br>BT: 4 tiết | [1] Chương 4 giáo trình chính và tài liệu tham khảo<br>[2-2]<br>[2-4]<br>[2-5]<br>[2-1]<br>[2-10]<br>[2-9] |
| 5 | **Chương 5. PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CÓ SỰ THAM GIA**<br>5.1. PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT CÓ SỰ THAM GIA<br>*5.1.1. Khái niệm phát triển kỹ thuật có sự tham gia (PTD)*<br>*5.1.2. Những lợi ích do PTD mang lại*<br>*5.1.3. Nguyên tắc thực hiện PTD*<br>*5.1.4. Phạm vi tác động của PTD*<br>5.2. TIẾN TRÌNH THỰC HIỆN PTD | LT: 5 tiết<br>BT: 4 tiết | [1] Chương 5 giáo trình chính và tài liệu tham khảo<br>[2-2]<br>[2-4]<br>[2-5] |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | *5.2.1. Khởi xướng, tìm kiếm và lựa chọn ý tưởng*<br>*5.2.2. Thiết kế và lập kế hoạch thử nghiệm*<br>*5.2.3. Thực thi, giám sát và tài liệu hóa*<br>*5.2.4. Kết thúc thử nghiệm, đánh giá và tài liệu hóa.*<br>*5.2.5. Lan rộng kết quả PTD* | | [2-9] |
| 6 | **Chương 6. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG CẤP THÔN BUÔN**<br>6.1. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG LÂM CẤP THÔN BUÔN<br>6.1.1. Phân tích tình hình<br>6.1.2. Lập kế hoạch hoạt động khuyến nông lâm<br>6.1.3. Thực hiện kế hoạch hoạt động khuyến nông lâm<br>6.1.4. Giám sát, đánh giá các hoạt động khuyến nông lâm có sự tham gia của người dân.<br>6.2. CÁC TỔ CHỨC HỖ TRỢ VÀ DỊCH VỤ KHUYẾN NÔNG LÂM CẤP THÔN BUÔN<br>*2.1. Tổ chức cộng đồng*<br>*2.2. Dịch vụ khuyến nông lâm* | LT: 2,5 tiết | [1] Chương 6 giáo trình chính và tài liệu tham khảo<br>[2-2]<br>[2-6]<br>[2-9]<br>[2-10] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| LT: Buổi học 1/số tiết: 0 - 2 | **Chương 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ KHUYẾN NÔNG**<br>1.1. ĐINH NGHĨA, MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, VAI TRÒ VÀ CHỨC NĂNG CỦA KHUYẾN NÔNG LÂM.<br>1.2. VAI TRÒ CỦA CÁN BÔ KHUYẾN NÔNG LÂM VÀ GIỚI TRONG KHUYẾN NÔNG LÂM<br>1.3. THỰC TIỄN HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG LÂM Ở VIỆT NAM VÀ KHU VỰC | H1 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP thuyết trình,<br>**Tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | -Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp |
| LT: Buổi học 1-2/số tiết: 3 – 6<br>TH: Buổi học 1/số tiết: 4 | **Chương 2. CÁC CÁCH TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP KHUYẾN NÔNG**<br>2.1. CÁCH TIẾP CẬN TRONG KHUYẾN NÔNG. | H1<br>H2 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, …<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày | -Nộp bài thực hành<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng đoạn video |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 2.2. PHƯƠNG PHÁP KHUYẾN NÔNG LÂM | | - Thảo luận nhóm: cách tiếp cận trong phương pháp khuyến nông<br>- Thực hành: thực hành PP tiếp xúc cá nhân<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường<br>- Phòng thí nghiệm | của nhóm (gửi qua email, hoặc zalo) |
| LT: Buổi học 2-3/số tiết: 7 - 10<br>TH: Buổi học 2/số tiết: 8 | **Chương 3. KỸ NĂNG GIAO TIẾP VÀ THÚC ĐẨY**<br>3.1. KỸ NĂNG GIAO TIẾP<br>3.2. KỸ NĂNG THÚC ĐẨY | H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: Kỹ năng giao tiếp trong hoạt động khuyến nông<br>- Thực hành: thực hành theo nhóm về kỹ năng thúc đẩy trong khuyến nông<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường<br>- Phòng thí nghiệm | -Nộp bài thực hành<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng đoạn video của nhóm (gửi qua email, hoặc zalo) |
| LT: Buổi học 3-4; số tiết: 11-15<br>TH: Buổi học 2/số tiết: 12 | **Chương 4. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO TRONG KHUYẾN NÔNG**<br>4.1. VIỆC HỌC CỦA NGƯỜI LỚN TUỔI<br>4.2. ĐIỀU TRA ĐÁNH GIÁ NHU CẦU ĐÀO TẠO.<br>4.3. THIẾT KẾ CÁC KHOÁ NGẮN HẠN<br>4.4. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC LẤY NGƯỜI HỌC LÀM TRUNG TÂM | H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: Việc học của người lớn tuổi<br>- Thực hành: thiết kế được một khóa đào tạo ngắn hạn<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi<br>**Địa điểm học:** | -Nộp bài kiểm tra và thực hành<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bài kiểm tra: bằng giấy A4 (cá nhân)<br>+ Bài thực hành: bằng giấy A0 |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 4.5. ĐÁNH GIÁ KHOA ĐÀO TẠO | | - Giảng đường<br>- Phòng thí nghiệm | (theo nhóm) |
| LT: Buổi học 4-5; số tiết: 16-20<br>TH: Buổi học 2/số tiết: 16 | **Chương 5. PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CÓ SỰ THAM GIA**<br>5.1. PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT CÓ SỰ THAM GIA<br>5.2. TIẾN TRÌNH THỰC HIỆN PTD | H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: Phát triển kỹ thuật có sự tham gia<br>- Thực hành: khởi sướng, tìm kiếm và lựa chọn ý tưởng, thứ tự ưu tiên<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, đưa ra các ý tưởng<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường<br>- Phòng thí nghiệm | -Nộp bài thực hành<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bài thực hành: bằng card màu gắn trên giấy A0 (theo nhóm) |
| LT: Buổi học 5-6; số tiết: 20-22,5 | **Chương 6. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG CẤP THÔN BUÔN**<br>6.1. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG LÂM CẤP THÔN BUÔN<br>6.2. CÁC TỔ CHỨC HỖ TRỢ VÀ DỊCH VỤ KHUYẾN NÔNG LÂM CẤP THÔN BUÔN | H6 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP thuyết trình,<br>**Tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | -Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). Tên tài liệu, nhà xuất bản.

(Sách, giáo trình chính trong giảng dạy và học tập thường chiếm 50% nội dung sử dụng trở lên)

Nguyễn Văn Minh (2018)- Giáo trình Khuyến Nông lâm – Trường Đại học Tây Nguyên

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2] Tên tác giả (năm xuất bản). Tên tài liệu, nhà xuất bản.

(Liệt kê khoảng 3-5 tài liệu)

[2-1]. Bộ nông nghiệp phát triển nông thôn. Hà nội tháng 12 năm 2013. *Báo cáo tổng kết hoạt động khuyến nông khuyên ngư giai đoạn 1993- 2013*. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia
[2-2]. Chương trình Lâm nghiệp xã hội, (năm 2002) *Bài giảng khuyến nông khuyến lâm*, Nhóm tập thể tác giả
[2-3]. A.W.Vanden Ban & H.S Hawkins, (năm 1996) *Khuyến nông* , người dịch Nguyễn Văn Linh.
[2-4]. Rudolf Batliner (năm 2002) *Bài giảng phương pháp dạy học lấy học viên làm trung tâm.* Dự án LNXH
[2-5]. Rudolf Batliner (năm 1996) *Giảng dạy lấy sinh viên làm trung tâm*. Dự án LNXH
[2-6]. Van Den Ban. A.W & H.S. Hawkins, (năm 1998) *"Khuyến nông"* Nhà xuất bản nông nghiệp hà nội, 1998. Người dịch: Nguyễn Văn Linh .
[2-7]. Rudolf Batliner, Karin Rgalsgasd (năm 1998) *Báo cáo đào tạo về kỹ năng thúc đẩy*. Dự án LNXH
[2-8]. Hội thảo quốc gia về khuyến nông- khuyến lâm, Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, chương trình phát triển nông thôn miền núi Việt nam- Thụy Điển. Nhà xuất bản nông nghiệp Hà nội, 1998.
[2-9]. Phương pháp đánh giá nông thôn có người dân tham gia (PRA) trong hoạt động khuyến nôn lâm, Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, Cục khuyến nôn lâm. Dự án tăng cường khả năng tư vấn cấp bộ. Nhà xuất bản nông nghiệp Hà nội, 1998.
[2-10]. Peter Taylor, Nguyễn Thị Thúy Vân, Hà Thị Tuyết Nhung , (năm 1999) *Tập huấn thiết kế khoa ngắn hạn* (Sách hướng dẫn cho tập huấn viên). Hà nội năm 1999.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)*

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;

*7.4. Phần khác (nếu có):* Ví dụ như tham quan thực tế

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

(Trọng số điểm bộ phận <=30%; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5<br>H6 | 30% |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc | H2<br>H3<br>H4 | 10% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| | | tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | H5 | |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H2<br>H3<br>H4<br>H5 | 10% |
| 4 | Tiểu luận/Thí nghiệm, thực hành | Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên. | H2<br>H3<br>H4<br>H5 | 30% |
| | | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra. | | |
| 5 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm. | H4 | 20% |
| Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | | | | 100% |

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: (Thi vấn đáp nếu học viên dưới 40) | H; H2<br>H3<br>H4<br>H5<br>H6 | 100 % |

*Ngày 8 tháng 4 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | TS. Trần Ngọc Duyên | TS. Nguyễn Văn Minh |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: GỖ VÀ CÔNG NGHỆ GỖ**
**Mã học phần: NL213777**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 03; Số tín chỉ lý thuyết: 2.5; Số tín chỉ thực hành: 0.5

Loại môn học: Bắt buộc.

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học song hành:

Học phần học trước: Sinh lý thực vật.

Học phần tiên quyết:

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Trần Trọng Bắc; Số điện thoại: 0949511541; Email: trtrbac@gmail.com Hoặc ttbac@ttn.edu.vn

Giảng viên n: Họ và tên:……; Số điện thoại:……..; Email:……

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:** (ít nhất 150 từ)

Là học phần kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của Ngành đào tạo đại học Lâm sinh, nội dung kiến thức của học phần bao gồm:

Những hiểu biết chung về cấu tạo gỗ, cấu tạo thô đại, cấu tạo hiển vi của hai loài gỗ: lá kim và lá rộng; Khả năng co-giãn, các nhân tố ảnh hưởng đến sức co giãn và các phương pháp làm giảm sức co giãn của gỗ, các tính chất vật lý của gỗ; Ứng lực, ứng suất, biến dạng, mối quan hệ giữa ứng lực và biến dạng khi gỗ chịu lực, các tính chất cơ học của gỗ; Các loại thuốc bảo quản gỗ, các phương pháp bảo quản gỗ lâu dài (bằng hóa chất), cách pha chế dung dịch thuốc bảo quản gỗ theo yêu cầu, cách xác định độ sâu thấm thuốc và lượng thuốc thấm trong bảo quản gỗ; Nguyên lý cắt gọt gỗ, cấu tạo và nguyên lý hoạt động của một số thiết bị gia công gỗ chính; Công nghệ xẻ-mộc; Công nghệ sản xuất gỗ dán; Công nghệ sản xuất gỗ dăm; Công nghệ sản xuất gỗ sợi ép ướt; Một số công nghệ gỗ nhân tạo khác.

Học phần học trước: Sinh lý thực vật.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

Nhằm cung cấp cho người học:

MT1: Kiến thức cơ bản nhất về cấu tạo thô đại và cấu tạo hiển vi của gỗ

MT2: Các tính chất vật lý và cơ học của gỗ; khả năng co – giãn của gỗ khi tính chất vật lý thay đổi.

MT3: Đặc tính, công dụng của một số loại thuốc bảo quản gỗ; Các phương pháp bảo quản gỗ lâu dài bằng hóa chất; Phương pháp pha chế dung dịch thuốc bảo quản gỗ theo yêu cầu; cách xác định độ sâu thấm thuốc và lượng thuốc thấm khi bảo quản gỗ.

MT4: Nguyên lý cắt gọt gỗ, cấu tạo và nguyên lý hoạt động của một số thiết bị gia công gỗ chính

MT5: Nguyên liệu, sản phẩm, các công đoạn sản xuất cơ bản nhất của dây chuyền công nghệ xẻ mộc, công nghệ sản xuất gỗ dán, công nghệ sản xuất gỗ dăm, công nghệ sản xuất gỗ sợi ép, công nghệ sản xuất ván ghép thanh và một số công nghệ gỗ nhân tạo khác trong nước và trên thế giới.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

(Mô tả các năng lực bao gồm kiến thức, kỹ năng, thái độ mà sinh viên đạt được sau khi học xong học phần. Viết khoảng 3 đến 5 chuẩn đầu ra).

H1. Thông hiểu về cấu tạo gỗ; Tính chất cơ-lý, sự co giãn của gỗ; Các loại thuốc và các phương pháp bảo quản gỗ lâu dài bằng hóa chất, cách pha chế dung dịch thuốc bảo quản gỗ; Nguyên lý cắt

gọt và thiết bị gia công gỗ; Các loại hình công nghệ chế biến gỗ hiện có trong nước: xẻ mộc, gỗ dán, gỗ dăm, gỗ sợi ép, ván ghép thanh và một số công nghệ gỗ nhân tạo khác trên thế giới.

H2. Giải thích về các hiện tượng co giãn của sản phẩm và bán sản phẩm gỗ trong sản xuất gia công cũng như trong sử dụng, có kỹ năng trong việc thực hiện quy trình định loại gỗ nhân tạo và gỗ tự nhiên, có thể xây dựng quy trình công nghệ để sản xuất ra một loại sản phẩm gỗ tự nhiên hoặc nhân tạo theo yêu cầu của thực tế, có thể pha chế chính xác một dung dịch thuốc bảo quản gỗ có nồng độ theo yêu cầu.

H3. Có chính kiến về mặt chuyên môn đối với các vấn đề liên quan đến sức co giãn, định loại và công nghệ gỗ: nguyên liệu, sản phẩm, quy trình sản xuất…;

H4. Có ý thức tổ chức kỷ luật trong lao động sản xuất, sinh hoạt; chấp hành tốt mọi chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nội quy quy định của các cấp quản lý.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | C3 | C6 | C10 - C13 | C14 | C15 |
| H1 | | x | | | |
| H2 | | x | | | |
| H3 | | x | | | |
| H4 | | | | | x |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1: CẤU TẠO GỖ**<br>1.1 Những hiểu biết chung<br>1.2 Cấu tạo của gỗ lá kim<br>1.3 Cấu tạo gỗ lá rộng<br>1.4 So sánh cấu tạo của gỗ lá kim và gỗ lá rộng. | LT: 04 tiết<br>BT: 0 tiết | [1]. Mục 1.1; 1.2; 1.3; 1.4 - Chương 1 |
| 2 | **Chương 2: TÍNH CHẤT VẬT LÝ CỦA GỖ**<br>2.1 Nước trong gỗ<br>2.2 Sự co rút và giãn nở của gỗ<br>2.3 Khối lượng thể tích | LT: 05 tiết<br>BT: 0 tiết | [1]. Mục 2.1; 2.2; 2.3 - Chương 2 |
| 3 | **Chương 3: TÍNH CHẤT CƠ HỌC CỦA GỖ**<br>3.1 Các khái niệm cơ bản liên quan đến tính chất cơ học của gỗ<br>3.2 Các tính chất cơ học của gỗ<br>3.3 Các nhân tố ảnh hưởng đến cường độ của gỗ | LT: 05 tiết<br>BT: 0 tiết | [1]. Mục 3.1; 3.2; 3.3 - Chương 3 |
| 4 | **CHƯƠNG 4: BẢO QUẢN GỖ**<br>4.1 Tác dụng của việc bảo quản gỗ<br>4.2 Thuốc bảo quản<br>4.3 Các phương pháp bảo quản gỗ bằng hoá chất<br>4.4 Phương pháp pha chế thuốc | LT: 05 tiết<br>BT: 0 tiết | [1]. Mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 - Chương 4 |
| 5 | **Chương 5: NGUYÊN LÝ CẮT GỌT VÀ THIẾT BỊ GIA CÔNG GỖ**<br>5.1 Nguyên lý cắt gọt gỗ<br>5.2 Các thiết bị gia công gỗ chính | LT: 04 tiết<br>BT: 0 tiết | [1]. Mục 5.1; 5.2 – Chương 5 |
| 6 | **Chương 6: CÔNG NGHỆ XẺ - MỘC**<br>6.1. Nguyên liệu và sản phẩm<br>6.2. Tỷ lệ thành khí<br>6.3. Quá trình sản xuất | LT: 05 tiết<br>BT: 0 tiết | [1]. Mục 6.1; 6.2; 6.3 - Chương 6 |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 7 | **Chương 7: CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT GỖ DÁN VÀ GỖ NHÂN TẠO**<br>7.1 Keo dán gỗ<br>7.2 Công nghệ sản xuất gỗ dán<br>7.3 Công nghệ sản xuất gỗ dăm<br>7.4 Công nghệ sản xuất gỗ sợi ép<br>7.5 Công nghệ sản xuất ván ghép thanh<br>7.6. Công nghệ sản xuất một loại gỗ nhân tạo khác | LT: 7.5 tiết<br>BT: 0 tiết | [1]. Mục 7.1; 7.2; 7.3; 7.4; 7.5; 7.6 – Chương 7 |
| 8 | **Kiểm tra giữa kỳ** | 2 tiết | |
| 9 | **Thực hành** | 5 tiết | |
| | **Thực tế** | 2.5 tiết | |
| | **Tổng:** | **45 tiết** | |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 04 tiết LT + TH: 5 tiết | **Chương 1: CẤU TẠO GỖ**<br>1.1 Những hiểu biết chung<br>1.2 Cấu tạo của gỗ lá kim<br>1.3 Cấu tạo gỗ lá rộng<br>1.4 So sánh cấu tạo của gỗ lá kim và gỗ lá rộng. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: ghi rõ chủ đề/nội dung thảo luận<br>- Thực hành: Quan sát cấu tạo thô đại và hiển vi của gỗ lá kim, lá rộng.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Nắm vững kiến thức lý thuyết trước khi thực hành.<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)<br>- Phòng thí nghiệm (cho các giờ thực hành) | -Liệt kê các bài đánh giá liên quan: Bài thực hành cấu tạo thô đạivà hiển vi của gỗ.<br>-Hình thức đánh giá của từng bài: Giảng viên hướng dẫn quan sát bài cấu tạo thô đại và sv viết kết quả nộp tại phòng TN. Bài thực hành cấu tạo hiển vi của gỗ: GV hướng dẫn quan sát trực tiếp tại phòng TN, sv về nhà viết kết quả và nộp lại bản cứng. |
| 05 tiết LT | **Chương 2: TÍNH CHẤT VẬT LÝ CỦA GỖ**<br>2.1 Nước trong gỗ<br>2.2 Sự co rút và giãn nở của gỗ<br>2.3 Khối lượng thể tích | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày | -Liệt kê các bài đánh giá liên quan<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | | - Thảo luận nhóm: Sức co giãn của gỗ.<br>- Thực hành: ghi rõ nội dung thực hành<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu, ghi chép phần kiến thức minh họa sức co giãn của gỗ<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)<br>- Phòng thí nghiệm (cho các giờ thực hành) | (bản cứng, file, …)<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp (nếu đánh giá qua thảo luận) |
| 05 tiết LT | **Chương 3: TÍNH CHẤT CƠ HỌC CỦA GỖ**<br>3.1 Các khái niệm cơ bản liên quan đến tính chất cơ học của gỗ<br>3.2 Các tính chất cơ học của gỗ<br>3.3 Các nhân tố ảnh hưởng đến cường độ của gỗ | H1<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: tính chất cơ học khác nhau theo 3 chiều: dọc thớ, xuyên tâm và tiếp tuyến.<br>- Thực hành: ghi rõ nội dung thực hành<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu, ghi chép các ví dụ mẫu về giải thích sự khác nhau của tính chất cơ học gỗ theo các chiều thớ khác nhau.<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)<br>- Phòng thí nghiệm (cho các giờ thực hành) | -Liệt kê các bài đánh giá liên quan<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) (bản cứng, file, …)<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp (nếu đánh giá qua thảo luận) |
| 05 tiết LT | **CHƯƠNG 4: BẢO QUẢN GỖ**<br>4.1 Tác dụng của việc bảo quản gỗ<br>4.2 Thuốc bảo quản<br>4.3 Các phương pháp bảo quản gỗ bằng hoá chất<br>4.4 Phương pháp pha chế thuốc | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Bài tập tại lớp: pha chế dung dịch thuốc bảo quản gỗ.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu | -Liệt kê các bài đánh giá liên quan<br>Bài tập tại lớp: pha chế dung dịch thuốc BQG.<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | | Ghi chép các hình vẽ minh họa cách bố trí dụng cụ, thiết bị thực hiện mỗi phương pháp BQG bằng hóa chất.<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)<br>- Phòng thí nghiệm (cho các giờ thực hành) | (nếu đánh giá qua thảo luận) |
| 04 tiết LT | **Chương 5: NGUYÊN LÝ CẮT GỌT VÀ THIẾT BỊ GIA CÔNG GỖ**<br>5.1 Nguyên lý cắt gọt gỗ<br>5.2 Các thiết bị gia công gỗ chính | H1<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép các hình vẽ minh họa sự ảnh hưởng của các thông số dao cắt tới quá trình cắt gọt, độ tù của dao…<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)<br>- Phòng thí nghiệm (cho các giờ thực hành) | -Liệt kê các bài đánh giá liên quan<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) (bản cứng, file, …)<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp (nếu đánh giá qua thảo luận) |
| 05 tiết LT | **Chương 6: CÔNG NGHỆ XẺ - MỘC**<br>6.1. Nguyên liệu và sản phẩm<br>6.2. Tỷ lệ thành khí<br>6.3. Quá trình sản xuất | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)<br>- Phòng thí nghiệm (cho các giờ thực hành) | -Liệt kê các bài đánh giá liên quan<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) (bản cứng, file, …)<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp (nếu đánh giá qua thảo luận) |
| 7.5 tiết LT + Thực tế: 2.5 tiết | **Chương 7: CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT GỖ DÁN VÀ GỖ NHÂN TẠO**<br>7.1 Keo dán gỗ | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày. | -Liệt kê các bài đánh giá liên quan<br>Bài viết thu hoạch đi thực tế công nghệ sản xuất gỗ nhân tạo. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 7.2 Công nghệ sản xuất gỗ dán<br>7.3 Công nghệ sản xuất gỗ dăm<br>7.4 Công nghệ sản xuất gỗ sợi ép<br>7.5 Công nghệ sản xuất ván ghép thanh<br>7.6. Công nghệ sản xuất một loại gỗ nhân tạo khác | | - Thảo luận nhóm: ghi rõ chủ đề/nội dung thảo luận<br>- Thực hành: ghi rõ nội dung thực hành<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)<br>- Phòng thí nghiệm (cho các giờ thực hành) | -Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết ở nhà. |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

*[1] Tên tác giả (năm xuất bản). Tên tài liệu, nhà xuất bản.*

*(Sách, giáo trình chính trong giảng dạy và học tập thường chiếm 50% nội dung sử dụng trở lên)*

[1]. ThS.Trần Trọng Bắc (2008). *Gỗ và bảo quản gỗ.* Trường đại học Tây Nguyên.

[2]. ThS, Trần Trọng Bắc (2008). *Chế Biến gỗ.* Trường đại học Tây Nguyên.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

*([2] Tên tác giả (năm xuất bản). Tên tài liệu, nhà xuất bản.*

*(Liệt kê khoảng 3-5 tài liệu))*

[3]. KS Trần Ngọc Thiệp (2002). *Công nghệ sản xuất ván nhân tạo.* Trường đại học Lâm nghiệp Việt Nam (tập I và tập II)

[4]. TS. Hứa Thị Huần (2004). *Công nghệ bảo quản và xử lý gỗ.* Đại học Quốc gia, thành phố Hồ Chí Minh.

[5]. Lê Xuân Tình (1998). *Khoa học gỗ.* Nhà xuất bản Nông nghiệp

[6]. PGS.TS Hồ Xuân Các – PGS.TS Nguyễn Hữu Quang (2005). *Công nghệ sấy gỗ.* Nhà xuất bản Nông nghiệp.

[7]. Lê Xuân Tình - Trần Ngọc Thiệp – Phan Thúc Đệ (1992). *Lâm sản và công nghệ chế biến Lâm sản.* Trường đại học Lâm nghiệp Việt Nam.

[2] Tên tác giả (năm xuất bản). Tên tài liệu, nhà xuất bản.

(Liệt kê khoảng 3-5 tài liệu)

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)*

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;

Bài 1: quan sát cấu tạo thô đại của gỗ

Bài 2: quan sát cấu tạo hiển vi của gỗ

- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;

*7.4. Phần khác (nếu có):* đi thực tế công nghệ gỗ nhân tạo 01 ngày

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu:* đọc và nghiên cứu tài liệu ở nhà trước khi lên lớp với thời lượng 02 giờ nghiên cứu ở nhà/01 tiết dự lớp.

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 20%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 80%***

(Trọng số điểm bộ phận <=30%; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 33.33% |
| 2 | Thực hành | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 33.33% |
| 3 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra trắc nghiệm. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 33.33% |
| | | | **Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận** | | **100 %** |

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá:<br>Thi tự luận. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 80% |

*Ngày … tháng 10 năm 2020*

| **Trưởng khoa (biên soạn)** | **Trưởng Bộ môn (biên soạn)** | **Người biên soạn** |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | TS. Hoàng Văn Chuyển | ThS. Trần Trọng Bắc |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: LÂM SẢN NGOÀI GỖ**
**Mã học phần: NL213222**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 1,5 Số tín chỉ thực hành: 0,5
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học trước:
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Đức Định; Số điện thoại: 0914484068;
Email: nddinh@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Thuật ngữ "Lâm sản ngoài gỗ - "NonTimber Forest Products" được dùng trong môn học bao gồm là các sản phẩm có nguồn gốc sinh vật hoặc từ sinh vật (không bao gồm gỗ và cây rừng phục vụ cho mục đích lấy gỗ) có ở rừng và đất rừng và có giá trị sử dụng trực tiếp cho con người. Mặc dù rất đa dạng và có ý nghĩa về các mặt kinh tế, môi trường, xã hội, và trong việc bảo tồn đa dạng sinh học, trước đây chúng chỉ được xem là lâm sản phụ và chỉ được quan tâm ở một số loài có giá trị hàng hóa lớn. Tuy nhiên, trên quan điểm sinh kế địa phương, ý nghĩa của lâm sản ngoài gỗ ngày càng được quan tâm.

Do vậy, môn học Lâm sản ngoài gỗ sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lâm sản ngoài gỗ để nhận biết, điều tra, phân tích sự khai thác, sử dụng và đánh giá chúng từ đó góp phần xây dựng các kế hoạch và chiến lược phát triển chúng ở các cấp độ khác nhau. Sinh viên sẽ được hướng dẫn lý thuyết và làm bài tập trên lớp, báo cáo chuyên đề để lĩnh hội các kiến thức và kỹ năng này.

Học phần này có mối quan hệ chặt chẻ với một số học phần trong chương trình đào tạo, học phần phát triển dựa trên những hiểu biết nhất định về các sản phẩm từ Cây rừng, động vật rừng. Học phần Điều tra rừng giúp cho việc điều tra đánh giá sản lượng cũng như trữ lượng của các loài LSNG. Học phần này cũng góp phần cho việc lập kế hoạch phát triển bền vững nguồn tài nguyên rừng trong việc quản lý rừng bền vững.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng:

MT1: Mô tả được thế nào là lâm sản ngoài gỗ và những giá trị của chúng trong sinh kế địa phương và trong nền kinh tế quốc dân;

MT2: Vận dụng được kiến thức về Lâm sản ngoài gỗ trong công tác quản lý tài nguyên thiên nhiên một cách hiệu quả hơn

MT3: Xác định và phân loại được lâm sản ngoài gỗ chính trên thực địa nhằm phát hiện, phân tích, và giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý, sử dụng lâm sản ngoài gỗ.

MT4: Nhận thức và tôn trọng khi làm việc với người dân địa phương trong việc bảo tồn phát triển tài nguyên rừng.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

Sau khi học xong học phần này sinh viên đạt được:

H1: Mô tả được thế nào là lâm sản ngoài gỗ và những giá trị của chúng trong sinh kế địa phương và trong nền kinh tế quốc dân;

H2: Xác định và phân loại được lâm sản ngoài gỗ chính trên thực địa; Đề xuất được giải pháp sử dụng, gây trồng và chế biến một số loại LSNG này tại địa phương

H3: Trình bày được các vấn đề và chiến lược để quản lý và phát triển lâm sản ngoài gỗ ở cấp hộ gia đình và cộng đồng

H4: Vận dụng được các phương pháp làm việc với người dân và những người làm công tác quản lý tài nguyên rừng trong việc điều tra và đánh giá lâm sản ngoài gỗ

H5: Có tinh thần làm việc tập thể và ý thức bảo tồn phát triển tài nguyên rừng

*3.3.Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | x | | | | | | | | | | | | |
| H2 | | | x | | | | | | | | | | | | |
| H3 | | | | x | | | | | | | | | | | |
| H4 | | | | x | | | | | | | | | | x | |
| H5 | | | | | | | | | | | | | | | x |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. Tổng quan về lâm sản ngoài gỗ**<br>1.1. Đại cương về lâm sản ngoài gỗ<br>1.1.1. Các khái niệm về LSNG<br>1.1.2 Phân loại LSNG:<br>1.1.3 Giá trị kinh tế, xã hội, môi trường của LSNG<br>1.1.4 Định hướng quản lý và phát triển LSNG<br>1.2. Hiện trạng quản lý và một số chính sách liên quan đến LSNG ở Việt Nam<br>1.2.1. Hiện trạng quản lý LSNG ở Việt nam<br>1.2.2. Một số chính sách và văn bản pháp lý liên quan đến LSNG ở Việt nam | LT: 5 tiết | [1] Chương 1<br>[4] phần I<br>[5] mục 1 |
| 2 | **Chương 2. Giới thiệu các LSNG theo nhóm giá trị sử dụng ở Việt Nam**<br>2.1 Nhóm các loài cây cho sợi<br>2.2. Nhóm LSNG dùng làm thực phẩm<br>2.3 Nhóm LSNG dùng làm dược liệu<br>2.4 Nhóm các sản phẩm chiết xuất<br>2.4.1. Nhóm cây cho dầu nhựa<br>2.4.2. Nhóm cây cho tanin, thuốc nhuộm<br>2.4.3. Nhóm cây cho tinh dầu<br>2.4.4. Nhóm cây cho gôm, cao su<br>2.5. Nhóm cây dùng làm cảnh, trang trí<br>2.5.1. Nhóm cây thân gỗ<br>2.5.2. Nhóm cây thân thảo | LT: 8 tiết | [1] Chương 2<br>[4] phần II<br>[5] mục 9<br>[7] nhóm loại phù hợp |
| 3 | **Chương 3. Khai thác, chế biến và thị trường LSNG**<br>***3.1 Khai thác bền vững LSNG***<br>3.1.1 Các khái niệm về khai thác bền vững nguồn tài nguyên LSNG<br>3.1.2 Các tiêu chí và giải pháp khai thác bền vững LSNG<br>***3.2 Chế biến LSNG***<br>3.2.1 Một số phương pháp sơ chế để bảo quản chất lượng sản phẩm LSNG<br>3.2.2 Phương pháp tinh chế để nâng cao giá trị của sản phẩm LSNG | LT: 5 tiết | [1], Chương 3<br>[4] phần II<br>[5] mục 7; 12; 13 |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | ***3.3 Thị trường LSNG***<br>3.3.1 phương pháp phân tích thị trường LSNG<br>3.3.2 Một số kết quả phân tích thị trường các loại LSNG ở Tây nguyên | | |
| 4 | **Chương 4. Điều tra, đánh giá và lập kế hoạch quản lý LSNG có sự tham gia**<br>4.1 Điều tra, đánh giá nguồn LSNG có sự tham gia<br>4.1.1 Thu thập thông tin về LSNG<br>4.1.2 Điều tra, đánh giá nguồn LSNG có sự tham gia bằng PRA<br>4.2 Lập kế hoạch quản lý LSNG tại cộng đồng<br>4.2.1 Nội dung lập kế hoạch quản lý nguồn LSNG<br>4.2.2 Phương pháp lập kế hoạch<br>4.2.3 Tổ chức lập và thực hiện kế hoạch quản lý LSNG | LT: 5 tiết | [1] chương 4<br>[2] chương 4<br>[3] Chương 1; 2; 3 |
| 5 | **5. Phần thực hành**<br>5.1. Nhận biết và xác định các loài LSNG tại địa phương<br>5.2. Tham quan học tập tại một cơ sở trồng, khai thác, chế biến các loại LSNG<br>5.3. Điều tra đánh giá hiện trạng và tiềm năng của các loài LSNG tại một cộng đồng | TH: 15 tiết | [1] chương 2; 3 4<br>[4] phần 2<br>[5] mục 5; 8 7; 8. |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Tiết 1-5 | **Chương 1. Tổng quan về lâm sản ngoài gỗ**<br>1.1. Đại cương về lâm sản ngoài gỗ<br>1.1.1. Các khái niệm về LSNG<br>1.1.2 Phân loại LSNG:<br>1.1.3 Giá trị kinh tế, xã hội, môi trường của LSNG<br>1.1.4 Định hướng quản lý và phát triển LSNG<br>1.2. Hiện trạng quản lý và một số chính sách liên quan đến LSNG ở Việt Nam<br>1.2.1. Hiện trạng quản lý LSNG ở Việt nam<br>1.2.2. Một số chính sách và văn bản pháp lý liên quan đến LSNG ở Việt nam | H1<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, và PP gợi mở-vấn đáp, trao đổi thảo luận<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày có hình ảnh minh họa<br>- Đặt các câu hỏi liên quan đến các nội dung của tiết học cho sinh viên trao đổi trả lời.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc trước tài liệu<br>- Nghe giảng và trả lời các câu hỏi cùng việc trao đổi thảo luận theo nhóm, trình bày kết quả trước lớp.<br>**Địa điểm học:** Giảng đường<br>- | + Đánh giá thái độ tích cực và độ chính xác tham gia trả lời câu hỏi của sinh viên trong giờ giảng<br>+ Đánh giá kết quả bài trình bày theo nhóm trước lớp |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Tiết 6 - 13 | **Chương 2. Giới thiệu các LSNG theo nhóm giá trị sử dụng ở Việt Nam**<br>2.1 Nhóm các loài cây cho sợi<br>2.2. Nhóm LSNG dùng làm thực phẩm<br>2.3 Nhóm LSNG dùng làm dược liệu<br>2.4 Nhóm các sản phẩm chiết xuất<br>2.4.1. Nhóm cây cho dầu nhựa<br>2.4.2. Nhóm cây cho tanin, thuốc nhuộm<br>2.4.3. Nhóm cây cho tinh dầu<br>2.4.4. Nhóm cây cho gôm, cao su<br>2.5. Nhóm cây dùng làm cảnh, trang trí<br>2.5.1. Nhóm cây thân gỗ<br>2.5.2. Nhóm cây thân thảo | H2<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, và PP gợi mở-vấn đáp, trao đổi thảo luận<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày có hình ảnh minh họa<br>- Đặt các câu hỏi liên quan đến các nội dung của tiết học cho sinh viên trao đổi trả lời.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc trước tài liệu chuẩn bị bài trình bày theo nhóm về các nhóm cây cho LSNG<br>- Nghe giảng và trả lời các câu hỏi cùng việc trao đổi thảo luận theo nhóm, trình bày kết quả trước lớp.<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | + Đánh giá thái độ tích cực và độ chính xác tham gia trả lời câu hỏi của sinh viên trong giờ giảng<br>+ Đánh giá kết quả bài trình bày theo nhóm trước lớp<br>+ Các nhóm nộp lại các bài trình bày bằng file. |
| Tiết 14 - 19 | **Chương 3. Khai thác, chế biến và thị trường LSNG**<br>***3.1 Khai thác bền vững LSNG***<br>3.1.1 Các khái niệm về khai thác bền vững nguồn tài nguyên LSNG<br>3.1.2 Các tiêu chí và giải pháp khai thác bền vững LSNG<br>***3.2 Chế biến LSNG***<br>3.2.1 Một số phương pháp sơ chế để bảo quản chất lượng sản phẩm LSNG<br>3.2.2 Phương pháp tinh chế để nâng cao giá trị của sản phẩm LSNG<br>***3.3 Thị trường LSNG***<br>3.3.1 phương pháp phân tích thị trường LSNG<br>3.3.2 Một số kết quả phân tích thị trường các loại LSNG ở Tây nguyên | H2<br>H3<br>H5 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, và PP gợi mở-vấn đáp, trao đổi thảo luận<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày có hình ảnh minh họa<br>- Đặt các câu hỏi liên quan đến các nội dung của tiết học cho sinh viên trao đổi trả lời.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc trước tài liệu chuẩn bị bài trình bày theo nhóm theo các chủ đề<br>- Nghe giảng và trả lời các câu hỏi cùng việc trao đổi thảo luận theo nhóm, trình bày kết quả trước lớp.<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | + Đánh giá thái độ tích cực và độ chính xác tham gia trả lời câu hỏi của sinh viên trong giờ giảng<br>+ Đánh giá kết quả bài trình bày theo nhóm trước lớp<br>+ Cá nhân làm tiểu luận theo chủ đề gửi qua email hay Zalo. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Tiết 20 - 23 | **Chương 4. Điều tra, đánh giá và lập kế hoạch quản lý LSNG có sự tham gia**<br>4.1 Điều tra, đánh giá nguồn LSNG có sự tham gia<br>4.1.1 Thu thập thông tin về LSNG<br>4.1.2 Điều tra, đánh giá nguồn LSNG có sự tham gia bằng PRA<br>4.2 Lập kế hoạch quản lý LSNG tại cộng đồng<br>4.2.1 Nội dung lập kế hoạch quản lý nguồn LSNG<br>4.2.2 Phương pháp lập kế hoạch<br>4.2.3 Tổ chức lập và thực hiện kế hoạch quản lý LSNG | H3<br>H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, và PP gợi mở-vấn đáp, trao đổi thảo luận<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày có hình ảnh minh họa<br>- Đặt các câu hỏi liên quan đến các nội dung của tiết học cho sinh viên trao đổi trả lời.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc trước tài liệu chuẩn bị bài trình bày theo nhóm theo các chủ đề<br>- Nghe giảng và trả lời các câu hỏi cùng việc trao đổi thảo luận theo nhóm, trình bày kết quả trước lớp.<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | + Đánh giá thái độ tích cực và độ chính xác tham gia trả lời câu hỏi của sinh viên trong giờ giảng<br>+ Đánh giá kết quả bài trình bày theo nhóm trước lớp |
| **Phần thực hành** | | | | |
| Tiết 1-5 | 5.1. Nhận biết và xác định các loài LSNG tại địa phương | H2 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình và hướng dẫn cụ thể công việc<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng viên trình bày , thực hiện các thao tác trên hiện trường<br>- trao đổi thảo luận ghi chép về công việc<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc trước tài liệu hướng dẫn<br>- chuẩn bị bảng biểu dụng cụ đo đếm<br>**Địa điểm học:** Ngoài hiện trường và trong phòng | + Bài kiểm tra nhận biết các loài LSNG qua mẫu vật, hình ảnh |
| Tiết 6-10 | 5.2. Tham quan học tập tại một cơ sở trồng, khai thác, chế biến các loại LSNG | H2<br>H3 | | + Nộp báo cáo thu hoạch bằng giấy A4, hay file |
| Tiết 11 - 15 | 5.3. Điều tra đánh giá hiện trạng và tiềm năng của các loài LSNG tại một cộng đồng | H4<br>H5 | | Nộp báo cáo thu hoạch bằng giấy A4, hay file |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Nguyễn Đức Định, 2011 Bài giảng Lâm sản ngoài gỗ, Trường Đại học Tây nguyên.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2] Nhiều tác giả (2002). *Bài giảng Lâm sản ngoài gỗ.* Chương trình hỗ trợ LNXH,

[3] Đặng Đình Bôi (2006) Hướng dẫn kiểm kê Lâm sản ngoài gỗ, Đại học Nông lâm Tp. Hồ Chí Minh

[4] Nhiều tác giả (2007) Lâm sản ngoài gỗ Việt Nam. Nhà xuất bản Bản Đồ - Hà Nội

[5] Nhiều tác giả (2006) Cẩm nang ngành lâm nghiêp – chương Lâm sản Ngoài gỗ - Bộ NN& PTNT Chương trình hỗ trợ ngành Lâm nghiệp & Đối tác

[6] Đỗ Tất Lợi (1991): Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam. NXB Khoa học và kỹ thuật. Hà Nội

[7] Nguyễn Viết Khoa & Trần Ngọc Hải – Kỹ thuật gây trồng một số loài cây lâm sản ngoài gỗ- Nhà xuất bản Nông nghiệp – Hà nội 2008.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Tham dự trên lớp đầy đủ với ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị đầy đủ các bài thảo luận theo nhóm được phân công theo chủ đề
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân hay nhóm được giao, các bài kiểm tra đánh giá

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành*

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi thực hành của học phần (vắng không quá 2/3 số buổi (số tiết)
- Chuẩn bị và thực hiện đầy đủ các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành: Trong các bài thực hành sinh viên phải đạt trên 50% yêu cầu đặt ra.

*7.3. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

- Trước các buổi học lý thuyết hay thực hành sinh viên phải tự đọc, nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị các câu hỏi và phần trình bày cho các thảo luận trên lớp (phần tài liệu đã chỉ ra trong khung cấu trúc học phần)

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5 | 20% |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | H2<br>H3<br>H4 | 15% |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua kết quả chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình bày của nhóm trước lớp. | H3<br>H4 | 15% |
| 4 | Thí nghiệm, thực hành | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thực tế của sinh viên, đánh giá qua các báo cáo thực hành | H2<br>H3<br>H5 | 20% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | các sản phẩm do sinh viên tạo ra. | | |
| 5 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua các bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận hay vấn đáp ở mỗi cuối các chương trong phần học | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 30% |
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Tùy vào điều kiện, số lượng sinh viên có thể Thi tự luận, vấn đáp, hoặc trắc nghiệm | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 70% |

*Ngày ... tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | TS. Võ Hùng | ThS. Nguyễn Đức Định |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: QUY HOẠCH LÂM NGHIỆP VÀ ĐIỀU CHẾ RỪNG**
**Mã học phần: NL213164**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 03; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thực hành: 1

Loại môn học: Bắt buộc

Giảng viên giảng dạy:

Họ và tên: Nguyễn Thị Tình; Số điện thoại: 0385857887; Email: nguyentinh.tyr@gmail.com/ nguyentinhtyr@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Quy hoạch lâm nghiệp và điều chế rừng được giảng dạy ở năm thứ 4 trong chương trình đào tạo kỹ sư lâm nghiệp, liên quan chặt chẽ các môn: Thống kê trong lâm nghiệp, Điều tra rừng, GIS, Quản lí dự án LNXH, Ứng dụng tin học trong lâm nghiệp. Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng về xây dựng, tổ chức thực thi phương án quy hoạch lâm nghiệp; tổ chức rừng theo không gian và thời gian của luân kỳ, chu kỳ khép kín nhằm có thể thu được sản lượng lâm sản liên tục – ổn định và các giải pháp tác động vào rừng nhằm nâng cao sản lượng, lợi dụng tốt tiềm năng lập địa - được gọi là phương án điều chế rừng. Cả hai đều nhằm vào mục đích quản lý rừng bền vững. Quản lý rừng bền vững là phương thức quản lý tài nguyên rừng đạt được sự bền vững cả ba khía cạnh: Sinh thái-môi trường, kinh tế và văn hóa xã hội. Mục tiêu và nội dung giảng dạy trước đây nhằm đáp ứng nhu cầu trang bị cho sinh viên cách tổ chức quy hoạch và điều chế rừng theo hướng sản xuất lâm nghiệp dựa vào khai thác gỗ làm chính và quy mô quản lý tập trung ở cấp lâm truờng. Tuy nhiên trong gần một thập kỷ trở lại đây, chính phủ Việt Nam đã có chính sách chuyển hướng từ nền lâm nghiệp truyền thống lấy khai thác gỗ làm chính sang lâm nghiệp xã hội, cộng đồng; do đó việc quản lí sử dụng tài nguyên cần được xem xét toàn diện hơn và cần dựa trên kiến thức – kinh nghiệm của người dân địa phương. Đã có sự thay đổi quan trọng trong phân cấp quản lý tài nguyên rừng, đất rừng; chính phủ đã và đang tiến hành giao đất giao rừng cho người dân, cộng đồng quản lý kinh doanh. Với sự thay đổi lớn như vậy đòi hỏi có sự thay đổi trong cách tiếp cận để quản lý tài nguyên, đó là sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, đặc biệt là người dân trong quản lý kinh doanh rừng. Như vậy việc quản lý rừng ngày nay đã có thay đổi về quy mô (có thể với diện tích lớn từ 10.000 – 20.000ha của lâm trường hoặc chỉ 10-20 ha của nông hộ) và đối tượng (có thể là lâm trường, công ty, trang trại hoặc cộng đồng, nông hộ...). Điều này đòi hỏi công tác quy hoạch và điều chế rừng phải có phương pháp tiếp cận thích hợp với từng chủ thể, đối tượng. Mục đích của quản lý rừng không thay đổi, đó là quản lý bền vững được nguồn tài nguyên rừng, nhưng các phương pháp tiếp cận trong lập kế hoạch và thực thi, giám sát, đánh giá cần có cải tiến để có thể bảo đảm phương án quy hoạch lâm nghiệp và điều chế rừng có tính thực tế, đáp ứng được lợi ích và nguyện vọng của các bên liên quan và góp phần cải thiện sinh kế của người dân sống trong và gần rừng, góp phần quản lý rừng theo hướng bền vững.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1: Sinh viên có những hiểu biết tổng quát và bức tranh về phát triển quy hoạch lâm nghiệp (QHLN) và điều chế rừng (ĐCR) trong nước và trên thế giới, lý do hình thành khoa học quy hoạch và điều chế rừng, các bước phát triển của nó. Những khái niệm cơ bản sẽ giúp cho sinh viên bắt đầu tiếp cận với môn khoa học quản lý tài nguyên rừng bao hàm nhiều khía cạnh khác nhau như kinh tế, kỹ thuật, xã hội, sử dụng bền vững tài nguyên, môi trường.

MT2: Trang bị cho sinh viên các nội dung và phương pháp cần thiết trong thu thập và phân tích các dữ liệu liên quan về tài nguyên và kinh tế xã hội phục vụ cho công tác QHLN và ĐCR

MT3: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản trong QHLN, bao gồm các nội dung chủ yếu và các phương pháp tiếp cận thích hợp để họ có khả năng chủ động xây dựng các phương án quy hoạch ở các cấp độ khác nhau.

MT4: Khả năng xây dựng và thực thi, đánh giá phương án điều rừng ở các quy mô, đối tượng khác nhau. Các phương pháp tiếp cận thích hợp để xây dựng và tổ chức thực hiện phương án ĐCR.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1: Có phương pháp luận về QHLN - ĐCR ở các đối tượng, cấp quản lý tài nguyên rừng khác nhau.

H2: Kiến thức, kỹ thuật, kỹ năng, thái độ cần thiết trong tiến trình QHLN -ĐCR để góp phần quản lý sử dụng tài nguyên rừng theo hướng bền vững.

H3: Khả năng chủ động phối hợp với các bên liên quan trong xây dựng, tổ chức thực thi, giám sát và đánh giá phương án QHLN - ĐCR phù hợp với chính sách lâm nghiệp và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường.

H4: Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong quan lý tài nguyên rừng để tổ chức các phương án quy hoạch và điều chế rừng.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | x | | | | | | | | | | | | |
| H2 | | | x | | | | | | | | | | | | |
| H3 | | | | | | | | | x | | | | | | |
| H4 | | | | | | | | | x | | | | | | |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. Tổng quan về Quy hoạch lâm nghiệp (QHLN) và Điều chế rừng (ĐCR)**<br>1.1. Khái niệm quản lý bền vững tài nguyên rừng<br>1.1.1. Các tác động của suy thoái tài nguyên rừng<br>1.1.2. Quản lí rừng bền vững<br>1.1.3. Quản lí rừng bền vững và chứng chỉ rừng<br>1.1.4. Quản lí rừng bền vững và REDD<br>1.2. Khái niệm quy hoạch lâm nghiệp và điều chế rừng<br>1.2.1. Khái niệm quy hoạch lâm nghiệp<br>1.2.2. Khái niệm điều chế rừng<br>1.3. Mối quan hệ giữa QHLN và ĐCR<br>1.4. Lịch sử phát triển khoa học QHLN và ĐCR | 7 tiết<br>LT: 4 tiết<br>BT: 3 tiết | [1] chương 1<br>[3] chương 1 |
| 2 | **Chương 2. Phân tích tài nguyên và kinh tế - xã hội**<br>2.1. Điều tra điều kiện tự nhiên<br>2.1.1. Địa hình, địa thế<br>2.1.2. Cấu tạo địa chất<br>2.1.3. Đất<br>2.1.4. Điều kiện khí hậu<br>2.1.5. Tình hình thuỷ văn<br>2.2. Điều tra phân chia rừng theo hiện trạng thảm che, trạng thái<br>2.2.1. Hệ thống phân chia theo thảm che | 8 tiết<br>LT: 4 tiết<br>BT: 4 tiết | [1] chương 2<br>[2] chương 2 |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 2.2.2. Phân chia và khoanh vẽ trạng thái rừng<br>2.2.2.1. Phân chia trạng thái rừng<br>2.2.2.2. Các phương pháp khoanh vẽ trạng thái rừng<br>2.2.2.3. Thống kê diện tích và phân bố đất lâm nghiệp<br>2.3. Thống kê tài nguyên rừng theo trạng thái rừng<br>2.3.1. Phân tích thống kê các đặc trưng của các trạng thái rừng gỗ<br>2.3.2. Phân tích thống kê đặc trưng các loại rừng tre nứa, lồ ô<br>2.3.3. Thống kê trữ lượng các loại rừng đặc sản, lâm sản ngoài gỗ<br>2.4. Điều tra chuyên đề<br>2.5. Đánh giá tình hình kinh tế xã hội | | |
| 3 | **Chương 3. Quy hoạch lâm nghiệp**<br>3.1. Các cấp quy hoạch lâm nghiệp<br>3.2. Phương pháp tiếp cận trong quy hoạch<br>3.2.1. Quy hoạch lâm nghiệp theo cách tiếp cận có sự tham gia và đa ngành.<br>3.2.2. Quản lý thông tin và cơ sở dữ liệu trong công tác qui hoạch lâm nghiệp<br>3.3. Phân tích chiến lược – xác định phương hướng, mục tiêu của quy hoạch lâm nghiệp<br>3.4. Quy hoạch quản lí phát triển lâm nghiệp<br>3.4.1. Quy hoạch đất lâm nghiệp theo chức năng<br>3.4.1.1. Quy hoạch rừng đặc dụng<br>3.4.1.2. Quy hoạch rừng phòng hộ<br>3.4.2. Quy hoạch quyền quản lí sử dụng tài nguyên rừng<br>3.4.3. Quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp có sự tham gia<br>3.5. Lập kế hoạch quy hoạch lâm nghiệp<br>3.6. Xây dựng phương án quy hoạch lâm nghiệp và thẩm định<br>3.7. Tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá quy hoạch lâm nghiệp | 15 tiết<br>LT: 7 tiết<br>BT: 8 tiết | [1] chương 3<br>[2] chương 3<br>[3] chương 3,4<br>[4] chương 3 |
| 4 | **Chương 4. Điều chế rừng**<br>4.1. Quan điểm sản lượng ổn định trong điều chế rừng<br>4.2. Xác định mục tiêu điều chế<br>4.3. Phương pháp tiếp cận trong điều chế rừng<br>4.4. Tổ chức rừng theo thời gian<br>4.4.1. Xác định tuổi khai thác gỗ và LSNG dựa trên quan điểm thành thục<br>4.4.1.1. Thành thục tự nhiên (Thành thục sinh lý)<br>4.4.1.2. Thành thục số lượng<br>4.4.1.3. Thành thục công nghệ<br>4.4.1.4. Thành thục tái sinh<br>4.4.1.5. Thành thục tre nứa, lồ ô<br>4.4.1.6. Thành thục phòng hộ<br>4.4.1.7. Thành thục đặc sản<br>4.4.1.8. Thành thục kinh tế<br>4.4.1.9. Ứng dụng các loại tuổi thành thục trong điều chế rừng<br>4.4.2. Tổ chức điều chế rừng khép kín theo thời gian<br>4.4.2.1. Chu kỳ | 30 tiết<br>LT: 15 tiết<br>BT: 15 tiết | [1] chương 1<br>[2] chương 4<br>[4] chương 4<br>[5] chương 2,3,4 |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 4.4.2.2. Luân kỳ<br>4.4.2.3. Luân kỳ khai thác rừng tre nứa, lồ ô<br>4.5. Tổ chức rừng theo không gian<br>4.5.1. Phân chia rừng theo đơn vị  quản lí, kinh doanh tài nguyên<br>4.5.1.1. Các cấp đơn vị phân chia<br>4.5.1.2. Phương pháp phân chia các đơn vị (lâm trường đến khoảnh)<br>4.5.2. Chuỗi điều chế rừng<br>4.5.3. Coupe tác nghiệp<br>4.5.3.1. Coupe khai thác<br>4.5.3.1.1. Coupe khai thác rừng đều tuổi<br>4.5.3.1.2. Coupe khai thác rừng chặt chọn (Hỗn loại khác tuổi)<br>4.5.3.2. Coupe nuôi dưỡng rừng<br>4.5.3.3. Coupe làm giàu rừng<br>4.5.3.4. Coupe trồng rừng, nông lâm kết hợp<br>4.5.3.5. Coupe khai thác rừng tre nứa, lồ ô<br>4.5.3.6. Bố trí không gian cho các mặt sản xuất khác<br>4.6. Kỹ thuật điều chế sản lượng rừng<br>4.6.1. Khái niệm về vốn sản xuất chuẩn<br>4.6.2. Kỹ thuật thiết kế mô hình cấu trúc, sản lượng chuẩn rừng thuần loại đều tuổi<br>4.6.2.1. Tổ chức không gian chuẩn trong rừng đều tuổi<br>4.6.2.2. Mô hình mật độ tối ưu (Nopt) rừng đều tuổi<br>4.6.3. Kỹ thuật thiết kế mô hình cấu trúc, sản lượng chuẩn rừng hỗn loài, khác tuổi<br>4.6.3.1. Cơ sở lí luận xây dựng mô hình cấu trúc chuẩn rừng hỗn loài<br>4.6.3.2. Xây dựng mô hình N-D chuẩn theo dạng một cấp số nhân giảm<br>4.6.3.3. Xây dựng mô hình N-D chuẩn theo hàm Mayer<br>4.6.3.4. Xây dựng mô hình rừng ổn định trong quản lý rừng cộng đồng<br>4.6.4. Kỹ thuật chặt nuôi dưỡng<br>4.6.4.1. Kỹ thuật chặt nuôi dưỡng rừng đều tuổi<br>4.6.4.2. Kỹ thuật chặt nuôi dưỡng ở rừng hỗn loài khác tuổi<br>4.6.5. Kỹ thuật khai thác<br>4.6.5.1.  Phương pháp chung xác định lượng khai thác hàng năm<br>4.6.5.2. Phương pháp tính lượng khai thác rừng chặt chọn<br>4.6.5.3. Phương pháp tính lượng khai thác rừng phòng hộ<br>4.6.5.4.  Phương pháp tính lượng khai thác rừng tre nứa, lồ ô<br>4.7. Lập kế hoạch<br>4.7.1. Xác định giai đoạn điều chế rừng<br>4.7.2. Kỳ hạn điều chế<br>4.7.3. Lập kế hoạch điều chế rừng<br>4.7.4. Dự toán đầu tư xây dựng, lao động, tài chính và hiệu quả<br>4.8. Xây dựng phương án, thẩm định<br>4.8.1 Thành quả của lập phương án điều chế rừng | | |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 4.8.2. Thẩm định hiệu quả của phương án<br>4.9. Tổ chức thực hiện, giám sát, đánh giá | | |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 2 buổi/7 tiết | Chương 1. Tổng quan về Quy hoạch lâm nghiệp và Điều chế rừng.<br>1.1. Khái niệm quản lý bền vững tài nguyên rừng<br>1.1.1. Các tác động của suy thoái tài nguyên rừng<br>1.1.2. Quản lí rừng bền vững<br>1.1.3. Quản lí rừng bền vững và chứng chỉ rừng<br>1.1.4. Quản lí rừng bền vững và REDD<br>1.2. Khái niệm quy hoạch lâm nghiệp và điều chế rừng<br>1.2.1. Khái niệm quy hoạch lâm nghiệp<br>1.2.2. Khái niệm điều chế rừng<br>1.3. Mối quan hệ giữa QHLN và ĐCR<br>1.4. Lịch sử phát triển khoa học QHLN và ĐCR | H1<br>H2 | Phương pháp dạy học:<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, …<br>Hình thức tổ chức dạy học:<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: Các tác động của suy thoái tài nguyên rừng, quản lí rừng bền vững và chứng chỉ rừng FSC, REDD…<br>- Thực hành:<br>Phân tích khái niệm quản lý tài nguyên rừng bền vững:<br>+ Phân tích các tác động của suy thoái tài nguyên rừng. Liên hệ thực tế<br>+ Bài tập thực hành về FSC (Giới thiệu về FSC và các nguyên tắc, tiêu chuẩn, tiêu chí FSC, Các loại chứng chỉ của FSC, Tình hình thực hiện FSC ở Việt Nam, Những thử thách trong áp dụng FSC ở Việt Nam.<br>+ Trình bày về CDM, REDD<br>+ Đề xuất cách xác định khả năng hấp thụ CO2 của lâm phần rừng tự nhiên: Rừng khộp, Rừng thường xanh…<br>Yêu cầu sinh viên:<br>- Đọc tài liệu | - Liệt kê các bài đánh giá liên quan<br>- Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi file qua email)<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp (nếu đánh giá qua thảo luận) |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | | Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>Địa điểm học:<br>- Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)<br>- Thực địa (cho các giờ thực hành) | |
| 2 buổi/8 tiết | Chương 2. Phân tích tài nguyên và kinh tế - xã hội<br>2.1. Điều tra điều kiện tự nhiên<br>2.1.1. Địa hình, địa thế<br>2.1.2. Cấu tạo địa chất<br>2.1.3. Đất<br>2.1.4. Điều kiện khí hậu<br>2.1.5. Tình hình thuỷ văn<br>2.2. Điều tra phân chia rừng theo hiện trạng thảm che, trạng thái<br>2.2.1. Hệ thống phân chia theo thảm che<br>2.2.2. Phân chia và khoanh vẽ trạng thái rừng<br>2.2.2.1. Phân chia trạng thái rừng<br>2.2.2.2. Các phương pháp khoanh vẽ trạng thái rừng<br>2.2.2.3. Thống kê diện tích và phân bố đất lâm nghiệp<br>2.3. Thống kê tài nguyên rừng theo trạng thái rừng<br>2.3.1. Phân tích thống kê các đặc trưng của các trạng thái rừng gỗ<br>2.3.2. Phân tích thống kê đặc trưng các loại rừng tre nứa, lồ ô<br>2.3.3. Thống kê trữ lượng các loại rừng đặc sản, lâm sản ngoài gỗ<br>2.4. Điều tra chuyên đề<br>2.5. Đánh giá tình hình kinh tế xã hội | H1<br>H2<br>H3 | Phương pháp dạy học:<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, …<br>Hình thức tổ chức dạy học:<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm về phân chia rừng theo hiện trạng thảm che, trạng thái của FAO, Việt Nam, phương pháp điều tra dữ liệu, thông tin để lập phương án quản lý rừng<br>- Thực hành phân tích tài nguyên và kinh tế xã hội:<br>+ Sử dụng sơ đồ, ma trận phân tích các phương pháp điều tra dữ liệu, thông tin để lập phương án quản lý rừng – số liệu cần có: Điều kiện tự nhiên, tài nguyên rừng, kinh tế xã hội<br>+ Đưa ra chiến lược áp dụng công cụ PRA, phân tích vào đánh giá tình hình KTXH của địa phương theo các chủ đề<br>– Chủ đề 1: Phân tích tình hình kinh tế<br>– Chủ đề 2: Quản lý tài nguyên thiên nhiên, rừng<br>– Chủ đề 3: Tổ chức cộng đồng<br>Yêu cầu sinh viên:<br>- Đọc tài liệu | - Liệt kê các bài đánh giá liên quan<br>- Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi file qua email)<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp (nếu đánh giá qua thảo luận) |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | | Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>Địa điểm học:<br>- Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)<br>- Thực địa (cho các giờ thực hành) | |
| 4 buổi/8 tiết | Chương 3. Quy hoạch lâm nghiệp<br>3.1. Các cấp quy hoạch lâm nghiệp<br>3.2. Phương pháp tiếp cận trong quy hoạch<br>3.2.1. Quy hoạch lâm nghiệp theo cách tiếp cận có sự tham gia và đa ngành.<br>3.2.2. Quản lý thông tin và cơ sở dữ liệu trong công tác qui hoạch lâm nghiệp<br>3.3. Phân tích chiến lược – xác định phương hướng, mục tiêu của quy hoạch lâm nghiệp<br>3.4. Quy hoạch quản lí phát triển lâm nghiệp<br>3.4.1. Quy hoạch đất lâm nghiệp theo chức năng<br>3.4.1.1. Quy hoạch rừng đặc dụng<br>3.4.1.2. Quy hoạch rừng phòng hộ<br>3.4.2. Quy hoạch quyền quản lí sử dụng tài nguyên rừng<br>3.4.3. Quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp có sự tham gia<br>3.5. Lập kế hoạch quy hoạch lâm nghiệp<br>3.6. Xây dựng phương án quy hoạch lâm nghiệp và thẩm định | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | Phương pháp dạy học:<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, …<br>Hình thức tổ chức dạy học:<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm về các cấp quy hoạch lâm nghiệp, sử dụng đất có sự tham gia.<br>- Thực hành các bài tập về Quy hoạch lâm nghiệp<br>+ Phân tích cấu trúc của một phương án quy hoạch lâm nghiệp<br>+ Phân tích các tiêu chí quy hoạch 3 loại rừng: Đặc dụng, phòng hộ và sản xuất<br>+ Bài tập về quy hoạch sử dụng đất có sự tham gia: Giả định trong 1 tình hình cụ thể để quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp<br>Yêu cầu sinh viên:<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>Địa điểm học:<br>- Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)<br>- Thực địa (cho các giờ thực hành) | - Liệt kê các bài đánh giá liên quan<br>- Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi file qua email)<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp (nếu đánh giá qua thảo luận) |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 3.7. Tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá quy hoạch lâm nghiệp | | | |
| 7,5 buổi/30 tiết | Chương 4. Điều chế rừng<br>4.1. Quan điểm sản lượng ổn định trong điều chế rừng<br>4.2. Xác định mục tiêu điều chế<br>4.3. Phương pháp tiếp cận trong điều chế rừng<br>4.4. Tổ chức rừng theo thời gian<br>4.5. Tổ chức rừng theo<br>4.6. Kỹ thuật điều chế sản lượng rừng<br>4.7. Lập kế hoạch<br>4.8. Xây dựng phương<br>4.9. Tổ chức thực hiện, giám sát, đánh giá | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | Phương pháp dạy học:<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, …<br>Hình thức tổ chức dạy học:<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm về xác định tuổi khai thác gỗ và LSNG dựa trên quan điểm thành thục: Thành thục số lượng, thành thục kinh tế… Điều chế rừng khép kín theo thời gian: Chu kỳ, luân kỳ. Chuỗi điều chế rừng, coupe tác nghiệp.<br>- Thực hành các bài tập về điều chế rừng:<br>+ Phân tích xác định thời điểm khai thác hợp lý theo mục tiêu điều chế rừng<br>+ Bài tập về luân kỳ, chuỗi điều chế rừng chặt chọn, coupe khai thác rừng chặt chọn<br>+ Bài tập xây dựng mô hình Nopt<br>+ Bài tập xây dựng mô hình N-D chuẩn theo dạng CSNG và Mayer.<br>Yêu cầu sinh viên:<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)<br>- Thực địa (cho các giờ thực hành) | - Liệt kê các bài đánh giá liên quan<br>- Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi file qua email)<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp (nếu đánh giá qua thảo luận) |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

1. Bảo Huy (2009). Bài giảng Quy hoạch và Điều chế rừng. Trường Đại học Tây Nguyên.
2. Vũ Tiến Hinh (2009). Giáo trình điều tra quy hoạch điều chế rừng. Trường Đại học Lâm nghiệp.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

3. Vũ Tiến Hinh, Vũ Văn Nhâm, Phạm Ngọc Giao (1992). Giáo trình điều tra Qui hoạch điều chế rừng, dùng cho ngành lâm nghiệp, hệ chính quy dài hạn, phần 1. Trường Đại học Lâm nghiệp.
4. Bộ Lâm nghiệp (1990). Hướng dẫn xây dựng phương án điều chế rừng lâm trường Việt nam. Hà Nội.
5. Bảo Huy (2007). Tin học và thống kê trong lâm nghiệp. Đại học Tây Nguyên

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thực hành*

- Các bài thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thực hành.

*7.3. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 20% |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 20% |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 20% |
| 4 | Thực hành | Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 25% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành của sinh viên, đánh giá qua bài tập thực hành của sinh viên. | | |
| 5 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, thực hành. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 15% |
| Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | | | | 100% |

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Thi tự luận. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 100 % |

*Ngày … tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương | ThS. Nguyễn Thị Tình |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: TIN HỌC THỐNG KÊ TRONG LÂM NGHIỆP**
**Mã học phần: NL213015**

## 1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1,0; Số tín chỉ thực hành: 1,0
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học song hành: Thống kê ứng dụng
Học phần học trước:
Học phần tiên quyết:
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Phạm Đoàn Phú Quốc; Số điện thoại: 0984166028; Email: pdpquoc@ttn.edu.vn

## 2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần tin học thống kê trong lâm nghiệp đóng góp vào hồ sơ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quản lý tài nguyên rừng và ngành Lâm sinh. Đây là môn học có liên quan chặt chẽ đến các môn học khác như Thống kê ứng dụng, Kỹ thuật lâm sinh, Trồng rừng, điều tra rừng.

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng về Tổng quan về xử lý thống kê ứng dụng trên máy vi tính; Sử dụng Excel và Statgraphics trong nhập, lưu giữ, phân tích dữ liệu. Sử dụng phần mềm thống kê để giải quyết các nội dung thống kê trong quản lý tài nguyên thiên nhiên: Phân tích các đặc trưng mẫu, Lập phân bố thực nghiệm, So sánh 02 mẫu bằng tiêu chuẩn U và t, Phân tích phương sai, Mô phỏng phân bố lý thuyết, Dự đoán mối quan hệ trên đồ thị, mô hình hồi quy đa biến

## 3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1. Sinh viên có kiến thức về việc thu thập dữ liệu và bố trí thí nghiệm trong thực tế

MT2. Sinh viên có khả năng phân tích ảnh hưởng đa nhân tố đến phân bố, sinh thái cây rừng và lâm phần

MT3. Ứng dụng phân tích thống kê đa biến trong quản lý tài nguyên rừng

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Có khả năng về việc thu thập dữ liệu và bố trí thí nghiệm trong thực tế

H2. Có khả năng phân tích ảnh hưởng đa nhân tố đến phân bố, sinh thái cây rừng và lâm phần.

H3. Có quan điểm tiếp cận tin học trên quan điểm ứng dụng trong quản lý tài nguyên rừng

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | x | | | | | | x | | | | | | |
| H2 | | | x | | | | | | x | | | | | | |
| H3 | | | x | | | | | | x | | | | | | |

**4. Cấu trúc học phần**

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. Tổng quát về chức năng xử lý thống kê của MS.excel 2007 và statgraphics centurion xv**<br>1.1 Tổng quát về phần xử lý thống kê trong MS. Excel.<br>1.2 Tổng quát về phần mềm xử lý thống kê Statgraphics Centurion | LT: 1 tiết<br>BT: 3 tiết | Chương 1 [1]<br>Tài liệu tham khảo [2], [3], [4] |
| 2 | **Chương 2. Thống kê mô tả**<br>2.1 Thống kê ước lượng, quy luật phân bố dữ liệu thống kê | LT: 2 tiết<br>BT: 4 tiết | Chương 2 [1]<br>Tài liệu tham khảo [2], [3], [4] |
| 3 | **Chương 3. Sắp xếp và vẽ biểu đồ phân bố thực nghiệm**<br>3.1 Sắp xếp phân bố<br>3.2 Vẽ biểu đồ phân bố thực nghiệm | LT: 2 tiết<br>BT: 5 tiết | Chương 3 [1]<br>Tài liệu tham khảo [2], [3], [4] |
| 4 | **Chương 4. So sánh 2 mẫu bằng tiêu chuẩn t**<br>4.1 So sánh một mẫu với giá trị cho trước<br>4.2. So sánh trung bình hai mẫu | LT: 2 tiết<br>BT: 5 tiết | Chương 4 [1]<br>Tài liệu tham khảo [2], [3], [4] |
| 5 | **Chương 5. Phân tích phương sai**<br>5.1 Một nhân tố.<br>5.2Hai nhân tố | LT: 2 tiết<br>BT: 5 tiết | Chương 5 [1]<br>Tài liệu tham khảo [2], [3], [4] |
| 6 | **Chương 6. Phân tích tương quan hồi quy**<br>6.1 Hồi quy 1 lớp<br>6.2 Hồi quy phi tuyến một và nhiều lớp | LT: 2 tiết<br>BT: 5 tiết | Chương 6 [1]<br>Tài liệu tham khảo [2], [3], [4] |
| 7 | **Chương 7. Mô hình hóa quy luật phân bố rừng**<br>7.1 Mô hình Mayer<br>7.2 Mô hình Khoảng cách- hình học<br>7.3 Mô hình Weibull | LT: 2 tiết<br>BT: 5 tiết | Chương 7 [1]<br>Tài liệu tham khảo [2], [3], [4], [5] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Buổi 1 Tiết 1 - 4 | **Chương 1. Tổng quát về chức năng xử lý thống kê của MS.excel 2007 và statgraphics centurion xv**<br>1.1 Tổng quát về phần xử lý thống kê trong MS. Excel.<br>1.2 Tổng quát về phần mềm xử lý thống kê Statgraphics Centurion | H1 | **Phương pháp dạy học:** Phương pháp thuyết trình kết hợp hướng dẫn thực hành trên máy tính Sinh viên tham gia thực hành các kỹ năng trên máy tính<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** | Bài giao nhiệm vụ cá nhân |
| Buổi 2 và 3 | **Chương 2. Thống kê mô tả** | H2<br>H3 | | |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Tiết 5 - 10 | 2.1 Thống kê ước lượng, quy luật phân bố dữ liệu thống kê | | - Nghe giảng viên trình bày, ghi chép các lưu ý (take note)<br>- GV đặt vấn đề, gợi ý, sinh viên trả lời<br>- Sinh viên thực hành trên máy tính<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu học tập, tài liệu tham khảo;<br>**Địa điểm học:** Phòng máy tính | |
| Buổi 3, 4 và 5<br>Tiết 11 - 17 | **Chương 3. Sắp xếp và vẽ biểu đồ phân bố thực nghiệm**<br>3.1 Sắp xếp phân bố<br>3.2 Vẽ biểu đồ phân bố thực nghiệm | H2<br>H3 | | |
| Buổi 5 và 6<br>Tiết 18 - 24 | **Chương 4. So sánh 2 mẫu bằng tiêu chuẩn t**<br>4.1 So sánh một mẫu với giá trị cho trước<br>4.2. So sánh trung bình hai mẫu | H2<br>H3 | | |
| Buổi 6, 7 và 8<br>Tiết 25 - 31 | **Chương 5. Phân tích phương sai**<br>5.1 Một nhân tố.<br>5.2Hai nhân tố | H2<br>H3 | | |
| Buổi 8, 9 và 10<br>Tiết 32 - 38 | **Chương 6. Phân tích tương quan hồi quy**<br>6.1 Hồi quy 1 lớp<br>6.2 Hồi quy phi tuyến một và nhiều lớp | H2<br>H3 | | |
| Buổi 11 và 12<br>Tiết 39 - 45 | **Chương 7. Mô hình hóa quy luật phân bố rừng**<br>7.1 Mô hình Mayer<br>7.2 Mô hình Khoảng cách- hình học<br>7.3 Mô hình Weibull | H2<br>H3 | | |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1]. Bảo Huy (2009): Bài giảng Tin học Thống kê trong quản lý tài nguyên rừng và môi trường. Trường Đại học Tây Nguyên

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2]. Bảo Huy (2017): Tin học thống kê trong lâm nghiệp: Sử dụng các chương trình R. Statgraphics, SPSS. Nxb KHKT TP.HCM

[3]. Nguyễn Hải Tuất (2000): Thống kê qoán học trong lâm nghiệp. Đại học Lâm nghiệp.

[4]. Nguyễn Hải Tuất, Ngô Kim Khôi (2005): Ứng dụng tin học trong phân tích thống kê lâm nghiệp. Nxb Nông nghiệp.

[5]. Nguyễn Văn Trương, 1983.: Quy luật cấu trúc rừng gỗ hỗn loại, Nxb KHKT Hà Nội

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)*

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;

*7.4. Phần khác (nếu có):* Ví dụ như tham quan thực tế

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu:* Đọc thêm tài liệu tham khảo, truy cập các bài báo, tạp chí trong và ngoài nước. Sinh viên có thể sử dụng nguồn tìm kiếm tài liệu tại:

- Thư viện Trường Đại học Tây Nguyên
- Các phần liên quan trong tài liệu tham khảo được liệt kê ở mục 6.2
- Internet (tài liệu liên quan)

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

(Trọng số điểm bộ phận <=30%; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3 | 50% |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | H1<br>H2<br>H3 | 50% |
| Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | | | | 100% |

* Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể có đầy đủ các hình thức đánh giá trên, hoặc có thể thêm hay bớt cho phù hợp, nhưng đảm bảo tổng tỷ lệ điểm bộ phận là 100%. Việc đánh giá điểm bộ phận gồm các thành phần và tỷ lệ tương ứng như công bố, (kết quả điểm bộ phận × trọng số điểm bộ phận+điểm thi × trọng số thi)/100= kết quả học phần.

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Thi tự luận | H1<br>H2<br>H3 | 70% |

*Ngày ….. tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương | ThS. Phạm Đoàn Phú Quốc |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: SẢN LƯỢNG RỪNG**
**Mã học phần: NL216127**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 2.0; Số tín chỉ lý thuyết: 1.5; Số tín chỉ thực hành: 0.5

Loại môn học: Bắt buộc.

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học song hành: ……..

Học phần học trước: Điều tra rừng.

Học phần tiên quyết: ……..

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Thanh Tân; Số điện thoại: 0914.581199; Email: nttan@ttn.edu.vn

Giảng viên n: Họ và tên:……; Số điện thoại:……..; Email:……

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:** (ít nhất 150 từ)

Sản lượng rừng là học phần kiến thức chuyên ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành đào tạo đại học Lâm sinh. Sản lượng rừng là môn học chuyên nghiên cứu về cơ sở lý luận và phương pháp xác định, dự đoán tăng trưởng và sản lượng cây rừng và lâm phần, đồng thời cung cấp các giải pháp nâng cao năng suất và sản lượng rừng.

Nội dung kiến thức của học phần bao gồm:

- Sinh trưởng cây cá thể và lâm phần: Làm rõ quy luật sinh trưởng và tăng trưởng cây cá thể và lâm phần, mô hình hoá quy luật sinh trưởng cây các thể bằng các hàm lý thuyết, phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sinh trưởng và hình thái của cây, quy luật cấu trúc lâm phần.
- Phân chia cấp đất: Phương pháp phân chia cấp đất rừng trồng và đánh giá mức độ phù hợp của biểu cấp đất. Cách tiếp cận dựa vào hiệu quả của sinh trưởng rừng để phân chia cấp đất. Việc phân chia cấp đất làm cơ sở cho việc đánh giá sinh trưởng, sản lượng rừng đối với các điều kiện lập địa khác nhau.
- Dự đoán tăng trưởng và sản lượng rừng: Đặc điểm sinh trưởng lâm phần, quá trình sinh trưởng và quá trình lợi dụng, phương pháp xây dựng các mô hình tăng trưởng và sản lượng, các phương pháp lập biểu sản lượng.
- Thiết kế ô mẫu, thu thập số liệu cho nghiên cứu tăng trưởng và sản lượng.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1: Hiểu quy luật sinh trưởng cây cá thể và có thể mô hình hoá chúng bằng các hàm lý thuyết.

MT2: Nắm được đặc điểm cấu trúc và các nhân tố ảnh hưởng đến sinh trưởng lâm phần.

MT3: Xây dựng được biểu cấp đất rừng trồng.

MT4: Thiết kế được các ô thí nghiệm và thu thập số liệu trong ô.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Trình bày được được quy luật sinh trưởng cây cá thể và có thể mô hình hoá chúng bằng các hàm lý thuyết. Hiểu và giải thích được các nhân tố ảnh hưởng đến sinh trưởng và hình thái của cây.

H2. Xây dựng được biểu cấp đất cho rừng trồng.

H3. Hiểu đặc điểm cấu trúc, quy luật sinh trưởng của lâm phần cùng các nhân tố ảnh hưởng và những phương pháp mô tả động thái cũng như ứng dụng vào điều tra, dự đoán sản lượng lâm phần.

H4. Có ý thức tổ chức kỷ luật trong lao động sản xuất, sinh hoạt; chấp hành tốt mọi chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nội quy quy định của các cấp quản lý.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | C6 | C9 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | |
| H2 | | x | | | |
| H3 | | x | | | |
| H4 | | | | x | |

## 4. Cấu trúc học phần

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1: SINH TRƯỞNG CÂY CÁ THỂ**<br>1.1 Khái niệm về sinh trưởng cây cá thể<br>1.2 Mô tả sinh trưởng cây cá thể<br>1.3 Tốc độ sinh trưởng và tăng trưởng<br>1.4 Một số hàm sinh trưởng thường dùng<br>1.5 Quy luật biến đổi theo tuổi của một số loại tăng trưởng<br>1.6 Các nhân tố ảnh hưởng đến sinh trưởng và hình thái của cây | LT: 4 tiết<br>TH: 3 tiết | [1]. Mục 1.1; 1.2; 1.3; 1.4; 1.5; 1.6 - Chương 1 |
| 2 | **Chương 2: SINH TRƯỞNG LÂM PHẦN**<br>2.1 Đặc điểm sinh trưởng lâm phần<br>2.2 Công thức xác định tăng trưởng trữ lượng lâm phần<br>2.3 Quá trình sinh trưởng và lợi dụng<br>2.4 Quy luật cấu trúc lâm phần | LT: 3 tiết<br>TH: 3 tiết | [1]. Mục 2.1; 2.2; 2.3; 2.4 - Chương 2 |
| 3 | **Chương 3: PHÂN CHIA CẤP ĐẤT**<br>3.1 Khái niệm cấp đất<br>3.2 Chỉ tiêu phân chia cấp đất<br>3.3 Một số khái niệm thường dùng khi lập biểu cấp đất<br>3.4 Xác định số cấp đất cần phân chia<br>3.5 Phương pháp xác lập đường cong cấp đất<br>3.6 Đánh giá mức độ phù hợp của biểu cấp đất | LT: 5 tiết<br>TH: 3 tiết | [1]. Mục 3.1; 3.2; 3.3; 3.4; 3.5; 3.6 - Chương 3 |
| 4 | **Chương 4: DỰ ĐOÁN TĂNG TRƯỞNG VÀ SẢN LƯỢNG** 4.1 Khái niệm về tăng trưởng và sản lượng<br>4.2 Mô hình tăng trưởng và sản lượng<br>4.3 Mô hình mật độ lâm phần<br>4.4 Mô hình sinh trưởng cây bình quân<br>4.5 Mô hình tổng tiết diện ngang<br>4.6 Mô hình trữ lượng lâm phần | LT: 6 tiết<br>TH: 3 tiết | [1]. Mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4; 4.5; 4.6 - Chương 4 |
| 5 | **Chương 5: THIẾT KẾ THÍ NGHIỆM, THU THẬP SỐ LIỆU**<br>5.1 Thiết kế thí nghiệm cho nghiên cứu tăng trưởng và sản lượng<br>5.2 Thu thập số liệu cho việc xây dựng mô hình tăng trưởng và sản lượng | LT: 3 tiết<br>TH: 3 tiết | [1]. Mục 5.1; 5.2 – Chương 5 |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | | | |
| 6 | **Kiểm tra giữa kỳ** | 1,5 tiết | |
| 7 | **Thực hành** | 15 tiết | |
| | **Tổng:** | **30 tiết** | |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| LT: 4 tiết<br>TH: 3 tiết | **Chương 1: SINH TRƯỞNG CÂY CÁ THỂ**<br>1.1 Khái niệm về sinh trưởng cây cá thể<br>1.2 Mô tả sinh trưởng cây cá thể<br>1.3 Tốc độ sinh trưởng và tăng trưởng<br>1.4 Một số hàm sinh trưởng thường dùng<br>1.5 Quy luật biến đổi theo tuổi của một số loại tăng trưởng<br>1.6 Các nhân tố ảnh hưởng đến sinh trưởng và hình thái của cây | H1<br>H2<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: ghi rõ chủ đề/nội dung thảo luận<br>- Thực hành: Mô hình hóa quy luật sinh trưởng bằng các hàm toán học trên máy tính.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Nắm vững kiến thức lý thuyết trước khi thực hành.<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)<br>- Phòng máy tính (cho các giờ thực hành) | -Liệt kê các bài đánh giá liên quan:<br>Kết quả mô phỏng sinh trưởng cây cá thể bằng các hàm toán học.<br>- Hình thức đánh giá của từng bài: Sinh viên viết kết quả nộp tại phòng máy tính. |
| LT: 3 tiết<br>TH: 3 tiết | **Chương 2: SINH TRƯỞNG LÂM PHẦN**<br>2.1 Đặc điểm sinh trưởng lâm phần<br>2.2 Công thức xác định tăng trưởng trữ lượng lâm phần<br>2.3 Quá trình sinh trưởng và lợi dụng<br>2.4 Quy luật cấu trúc lâm phần | H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thực hành: Mô hình hóa các quy luật phân bố lâm hần trên máy tính.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu, hiểu nội dung lý thuyết.<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)<br>- Phòng máy tính (cho các giờ thực hành) | -Liệt kê các bài đánh giá liên quan<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) (bản cứng, file, …)<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp (nếu đánh giá qua thảo luận) |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| LT: 5 tiết<br>TH: 3 tiết | **Chương 3: PHÂN CHIA CẤP ĐẤT**<br>3.1 Khái niệm cấp đất<br>3.2 Chỉ tiêu phân chia cấp đất<br>3.3 Một số khái niệm thường dùng khi lập biểu cấp đất<br>3.4 Xác định số cấp đất cần phân chia<br>3.5 Phương pháp xác lập đường cong cấp đất<br>3.6 Đánh giá mức độ phù hợp của biểu cấp đất | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thực hành: Lập biểu cấp đất rừng trồng.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu, hiểu kiến thức lý thuyết. Xây dựng được biểu cấp đất.<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)<br>- Phòng máy tính (cho các giờ thực hành) | -Liệt kê các bài đánh giá liên quan<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) (bản cứng, file, …)<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp (nếu đánh giá qua thảo luận) |
| LT: 6 tiết<br>TH: 3 tiết | **Chương 4: DỰ ĐOÁN TĂNG TRƯỞNG VÀ SẢN LƯỢNG**<br>4.1 Khái niệm về tăng trưởng và sản lượng<br>4.2 Mô hình tăng trưởng và sản lượng<br>4.3 Mô hình mật độ lâm phần<br>4.4 Mô hình sinh trưởng cây bình quân<br>4.5 Mô hình tổng tiết diện ngang<br>4.6 Mô hình trữ lượng lâm phần | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Xây dựng biểu sản lượng<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)<br>- Phòng máy tính (cho các giờ thực hành) | -Liệt kê các bài đánh giá liên quan<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp (nếu đánh giá qua thảo luận) |
| LT: 3 tiết<br>TH: 3 tiết | **Chương 5: THIẾT KẾ THÍ NGHIỆM, THU THẬP SỐ LIỆU**<br>5.1 Thiết kế thí nghiệm cho nghiên cứu tăng trưởng và sản lượng<br>5.2 Thu thập số liệu cho việc xây dựng mô hình tăng trưởng và sản lượng | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Điều tra, thu thập số liệu.<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết) | -Liệt kê các bài đánh giá liên quan<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) (bản cứng, file, …)<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | | - Thực địa (cho các giờ thực hành) | (nếu đánh giá qua thảo luận) |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Vũ Tiến Hinh (2008). Sản lượng rừng, Nhà xuất bản Nông nghiệp.

*(Sách, giáo trình chính trong giảng dạy và học tập thường chiếm 50% nội dung sử dụng trở lên)*

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2] Nguyễn Thanh Tân (2020). Bài giảng Sản lượng rừng. Trường đại học Tây Nguyên.

[3] Nguyễn Thanh Tân (2014). Nghiên cứu xây dựng mô hình dự đoán tăng trưởng và sản lượng rừng Khộp phục vụ kinh doanh rừng ở Tây Nguyên. Báo cáo đề tài cấp Bộ Giáo dục & Đào tạo.

[4]. Bảo Huy và Đào Công Khanh (2008). Biểu sản lượng rừng trồng Trám trắng tại các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang, Quảng Ninh. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận.

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)*

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;

Bài 1: Mô hình hóa sinh trưởng cây cá thể bằng các hàm lý thuyết trên máy tính.

Bài 2: Mô hình hóa các quy luật phân bố lâm hần trên máy tính.

Bài 3: Xây dựng biểu cấp đất rừng trồng.

Bài 3: Xây dựng biểu sản lượng rừng trồng.

- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;

*7.4. Phần khác (nếu có):*

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu:* đọc và nghiên cứu tài liệu ở nhà trước khi lên lớp với thời lượng 02 giờ nghiên cứu ở nhà/01 tiết dự lớp.

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

(Trọng số điểm bộ phận <=30%; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 33.33% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 2 | Thực hành | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua bài viết kết quả thực hành. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 33.33% |
| 3 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 33.33% |
| | | | **Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận** | | **100%** |

* Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể có đầy đủ các hình thức đánh giá trên, hoặc có thể thêm hay bớt cho phù hợp, nhưng đảm bảo tổng tỷ lệ điểm bộ phận là 100%. Việc đánh giá điểm bộ phận gồm các thành phần và tỷ lệ tương ứng như công bố, (kết quả điểm bộ phận × trọng số điểm bộ phận+điểm thi × trọng số thi)/100= kết quả học phần.

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá:<br>Thi tự luận. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 70% |

*Ngày … tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương | TS. Nguyễn Thanh Tân |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: DỊCH VỤ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG RỪNG**
**Mã học phần: NL213219**

## 1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1.5; Số tín chỉ thực hành: 0.5
Loại môn học: Bắt buộc
Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Đặng Thành Nhân; Số điện thoại: 0914142319
Email: dtnhan@ttn.edu.vn;
Giảng viên 1: Họ và tên: Võ Hùng; Số điện thoại: 0914069919
Email: vohung@ttn.edu.vn

## 2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Cùng với việc khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên của con người là việc suy giảm cả số lượng và chất lượng của tài nguyên cùng với các vấn đề sinh thái (bão, lũ, hạn hán, ô nhiễm ..) ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của tất cả người dân trên toàn Trái Đất. Đứng trước những vấn đề đó đòi hỏi phải nhìn nhận lại vai trò cũng như đánh giá các lợi ích của hệ sinh thái rừng đã đem lại cho chúng ta. Chính vì những lý do trên, Học phần Dịch vụ sinh thái môi trường Rừng là một học phần chuyên ngành bắt buộc của ngành Quản lý tài nguyên rừng.

Dịch vụ sinh thái môi trường rừng là môn học gắn liền với thực tiễn và có liên quan đến nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau như sinh thái rừng; khí tượng – thủy văn rừng; Bảo tồn đa dạng sinh học, GIS – viễn thám trong quản lý tài nguyên rừng…Đây là học phần kiến thức ngành bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản lý tài nguyên rừng. Nội dung chủ yếu của môn học đề cập đến các nội dung kiến thức về các giá trị hàng hóa - dịch vụ hệ sinh thái cung cấp cho người, các phương pháp định giá các giạ trị tài nguyên rừng, Chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Học phần Dịch vụ sinh thái môi trường rừng cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng phân tích để nắm bắt được các vấn đề suy thoái rừng hiện nay, cũng nhu các nhu cầu về thực tiễn và khoa học của việc cần thiết phải tính toán các giá trị của rừng dựa trên quan điểm kinh tế, xã hội, môi trường. Đồng thời, học phần Dịch vụ sinh thái môi trường rừng cũng trang bị cho sinh viên kiến thức về các phương pháp đang được áp dụng hiện nay để tính toán các giá trị trực tiếp – gián tiếp của rừng cung cấp cho con người và các hoat động Chi trả dịch vụ môi trường rừng

## 3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1: Sinh viên hiểu được các cơ sở khoa học cũng như cơ sơ thực tiễn phải tính toán các giá trị của dịch vụ môi trường sinh thái đem lại cho con người

MT2: Sinh viên hiểu và áp dụng được các phương pháp định giá trực tiếp hoặc gián tiếp các giá trị dịch vụ sinh thái đem lại

MT3: Sinh viên hiểu được các cơ chế Chi trả dịch vụ môi trường trên thế giới và ở Việt Nam

MT4: Sinh viên có khả năng áp dụng các phương pháp định giá để xác định các giá trị dịch vụ môi trường rừng cung cấp cho con người

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1: Sinh viên có khả năng giải thích các cơ sở khoa học và thực tiễn của các giá trị dịch vụ sinh thái rừng cung cấp cho con người

H2: Sinh viên có kiến thức và có khả năng áp dụng các phương pháp định giá giá trị tà nguyên rừng vào các chương trình quản lý rừng, quản lý rừng bền vững, chi trả dịch vụ môi trường

H3: Sinh viên có khả năng hiểu các thực thi Chi trả dịch vụ môi trường hiện nay trên thế giới và Việt Nam

H4: Sinh viên có khả năng phân tích, tổng hợp vấn đề, khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm

H5: Có thái độ học tập nghiêm túc, tự tìm tòi, học hỏi sáng tạo

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | x | x | | | | | | | | | | | |
| H2 | | | | x | | | | | x | | | | | | |
| H3 | | | | x | | | | | x | | | | | x | x |
| H4 | | | | x | | | | | | | | | | | |
| H5 | | | x | | | | | | | | | | | | x |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1: Cơ sở khoa học học thực tiễn trong phân tích các dịch vụ môi trường của rừng**<br>1.1. Khái niệm giá trị và định giá giá trị rừng<br>1.2. Lý do phải định giá giá trị dịch vụ môi trường rừng<br>1.3. Các phạm trù cơ bản trong định giá DVMT rừng<br>1.4. Cơ sở thực tiễn của định giá DVMT rừng<br>1.5. Những nguyên tắc chủ yếu trong định giá DVMT rừng | LT: 8 tiết<br>BT: 2 tiết | [1] chương 1<br>[2] chương 1,2<br>[3] chương 2, 4 |
| 2 | **Chương 2: Các phương pháp định giá - phân tích các lợi ích của dịch vụ rừng**<br>2.1.Các hậu quả của việc mất rừng<br>2.2.Các nguyên nhân gây mất rừng<br>2.3.Vì sao phải định giá rừng<br>2.4.Định giá – Các thuật ngữ cơ bản của định giá<br>2.5.Tổng quan các phương pháp định giá giá trị môi trường rừng<br>2.6.Một số kỹ thuật, phương pháp đánh giá – định giá giá trị môi trường rừng | LT: 8 tiết<br>BT: 2 tiết | [1] chương 1<br>[2] chương 2 |
| 3 | **Chương 3: Chi trả dịch vụ môi trường rừng**<br>3.1.Tầm quan trọng của rừng đối với việc phát triển kinh tế - văn hóa- xã hội của Việt Nam.<br>3.2.Khái niệm chi trả dịch vụ môi trường<br>3.3.Các cơ hội của chi trả dịch vụ môi trường để xóa đói giảm nghèo<br>3.4.Xây dựng chính sách và thể chế thúc đẩy kế hoạch chi trả dịch vụ môi trường ở cấp địa phương, quốc gia và quốc tế<br>3.5.Liên kết người cung cấp dịch vụ môi trường với người sử dụng dịch vụ môi trường trong thử nghiệm cơ chế chi trả<br>3.6.Một số phương pháp tính dịch vụ môi trường tại Việt Nam<br>3.7.Tương lai tổ chức thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng của Việt Nam. | LT: 8 tiết<br>BT: 2 tiết | 1] chương 3<br>[2] chương 2<br>[3] chương 1 |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Buổi:<br>1 – 3<br>Tiết:<br>1 – 10 | **Chương 1: Cơ sở khoa học học thực tiễn trong phân tích các dịch vụ môi trường của rừng**<br>1.1. Khái niệm giá trị và định giá giá trị rừng<br>1.2. Lý do phải định giá giá trị dịch vụ môi trường rừng<br>1.3. Các phạm trù cơ bản trong định giá DVMT rừng<br>1.4. Cơ sở thực tiễn của định giá DVMT rừng<br>1.5. Những nguyên tắc chủ yếu trong định giá DVMT rừng | H1<br>H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học:**<br>Phương pháp thuyết trình kết hợp gợi mở, vấn đáp, thảo luận có sự tham gia của người học<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- GV đặt vấn đề, gợi ý, sinh viên trả lời<br>- Sinh viên thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời<br>- Bài tập nhóm<br>- GV nhận xét, góp ý.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu tham khảo<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị bài trình bày, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | + Câu hỏi đánh giá<br>+ Bài tập nhóm<br>-Hình thức đánh giá:<br>+ Sinh viên trả lời câu hỏi<br>+ Các nhóm trình bày kết quả chuẩn bị tại lớp và lắng nghe chia sẻ từ nhóm bạn |
| Buổi:<br>3 – 5<br>Tiết:<br>11 – 20 | **Chương 2: Các phương pháp định giá - phân tích các lợi ích của dịch vụ rừng**<br>2.1.Các hậu quả của việc mất rừng<br>2.2.Các nguyên nhân gây mất rừng<br>2.3.Vì sao phải định giá rừng<br>2.4.Định giá – Các thuật ngữ cơ bản của định giá<br>2.5.Tổng quan các phương pháp định giá giá trị môi trường rừng<br>2.6.Một số kỹ thuật, phương pháp đánh giá – định giá giá trị môi trường rừng | H1<br>H2<br>H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học:**<br>Phương pháp thuyết trình kết hợp gợi mở, vấn đáp, thảo luận có sự tham gia của người học<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- GV đặt vấn đề, gợi ý, sinh viên trả lời<br>- Sinh viên thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời<br>- Bài tập nhóm<br>- GV nhận xét, góp ý.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu tham khảo<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị bài trình bày, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | + Câu hỏi đánh giá<br>+ Bài tập nhóm<br>-Hình thức đánh giá:<br>+ Sinh viên trả lời câu hỏi<br>+ Các nhóm trình bày kết quả chuẩn bị tại lớp và lắng nghe chia sẻ từ nhóm bạn |
| Buổi:<br>6 – 8 | **Chương 3: Chi trả dịch vụ môi trường rừng** | H1<br>H2 | **Phương pháp dạy học:** | + Câu hỏi đánh giá |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Tiết:<br>21 – 30 | 3.1.Tầm quan trọng của rừng đối với việc phát triển kinh tế - văn hóa-xã hội của Việt Nam.<br>3.2.Khái niệm chi trả dịch vụ môi trường<br>3.3.Các cơ hội của chi trả dịch vụ môi trường để xóa đói giảm nghèo<br>3.4.Xây dựng chính sách và thể chế thúc đẩy kế hoạch chi trả dịch vụ môi trường ở cấp địa phương, quốc gia và quốc tế<br>3.5.Liên kết người cung cấp dịch vụ môi trường với người sử dụng dịch vụ môi trường trong thử nghiệm cơ chế chi trả<br>3.6.Một số phương pháp tính dịch vụ môi trường tại Việt Nam<br>**3.7.**Tương lai tổ chức thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng của Việt Nam. | H3<br>H4<br>H5 | Phương pháp thuyết trình kết hợp gợi mở, vấn đáp, thảo luận có sự tham gia của người học<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- GV đặt vấn đề, gợi ý, sinh viên trả lời<br>- Sinh viên thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời<br>- Bài tập nhóm<br>- GV nhận xét, góp ý.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu tham khảo Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị bài trình bày, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | + Bài tập nhóm<br>-Hình thức đánh giá:<br>+ Sinh viên trả lời câu hỏi<br>+ Các nhóm trình bày kết quả chuẩn bị tại lớp và lắng nghe chia sẻ từ nhóm bạn |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Hoàng Trọng Khánh. 2018. Bài giảng "*Dịch vụ sinh thái môi trường rừng”*. Trường Đại học Tây Nguyên

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[1] WWF (2010) Bộ công cụ đánh giá rừng có giá trị bảo tồn cao
[2] Bao Huy (2008): Estimating CO2 sequestration in Natural Forests in Vietnam. APANews, FAO.
[3] Basque Centre For Climate Change (2010): Economic Assesment of Foét Ecosystem Services
[4] USAID (2011): Payment for Forest Envionment Services, A case study on Pilot Implemntation in Lam Dong Province, Vietnam 2006 - 2010

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận

- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)*

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;

*7.4. Phần khác (nếu có):* Ví dụ như tham quan thực tế

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận: …..; Trọng số thi kết thúc học phần: ……***

(Trọng số điểm bộ phận <=30%; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H4<br>H5 | 20% |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5 | 20% |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5 | 20% |
| 5 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm. | H1<br>H4 | 40% |
| Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | | | | 100% |

* Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể có đầy đủ các hình thức đánh giá trên, hoặc có thể thêm hay bớt cho phù hợp, nhưng đảm bảo tổng tỷ lệ điểm bộ phận là 100%. Việc đánh giá điểm bộ phận gồm các thành phần và tỷ lệ tương ứng như công bố, (kết quả điểm bộ phận × trọng số điểm bộ phận+điểm thi × trọng số thi)/100= kết quả học phần.

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Thi tự luận | H1; H2; H3 H4; H5 | 80% |

*Ngày ….. tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | TS. Võ Hùng | TS. Đặng Thành Nhân |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: QUẢN LÝ LƯU VỰC**
**Mã học phần: NL213230**

## 1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 03; Số tín chỉ lý thuyết: 2,5; Số tín chỉ thực hành: 0,5

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học song hành:

Học phần học trước: Ứng dụng viễn thám và GIS trong quản lý tài nguyên rừng, Tin học thống kê trong lâm nghiệp

Học phần tiên quyết:

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Hồ Đình Bảo; Số điện thoại:0935331551;
Email: dinhbao.frem@gmail.com

Giảng viên n: Họ và tên:……; Số điện thoại:……..; Email:……

## 2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Quản lý lưu vực dành cho sinh viên chính quy năm thứ tư chuyên ngành Quản lý tài nguyên rừng và Lâm sinh nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về lưu vực, đặc điểm tự nhiên, đặc điểm hình thành của lưu vực cũng như các phương pháp nghiên cứu, quản lý lưu vực; ứng dụng GIS và viễn thám trong nghiên cứu và quy hoạch lưu vực. Ngoài ra học phần còn cung cấp các kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa rừng và các chế độ thủy văn trong lưu vực qua đó thấy được tầm quan trọng của việc quản lý tài nguyên rừng gắn với quản lý và sử dụng các loại tài nguyên khác trong lưu vực.

Để nắm rõ được các kiến thức của học phần này đòi hỏi sinh viên phải nắm rõ các kiến thức cơ bản về Khí tượng thủy văn rừng, Kỹ thuật lâm sinh, Bản đồ và hệ thống thông tin địa lý (GIS), Thống kê ứng dụng. Đây là các học phần học trước mà sinh viên cần phải học trước khi đăng ký học phần Quản lý lưu vực.

## 3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

### *3.1. Mục tiêu học phần*

Sau khi hoàn thành học phần sinh viên có khả năng:

- Trình bày khái niệm về lưu vực, vai trò, chức năng của lưu vực.
- Giải thích được chu trình nước trong lưu vực vai trò của rừng đối với chu trình nước trong lưu vực.
- Các phương pháp tiếp cận nghiên cứu lưu vực.
- Lập kế hoạch quản lý tài nguyên rừng trong lưu vực.
- Ứng dụng ảnh viễn thám và GIS trong phân cấp xung yếu lưu vực và quản lý lưu vực.

### *3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

- Có khả năng xác định được ranh giới lưu vực thông qua bản đồ địa hình và các phần mềm GIS (H1).
- Có khả năng giải thích được vai trò của rừng đối với chu trình thủy văn, cung cấp dịch vụ môi trường rừng trong lưu vực (H2)
- Ứng dụng được các phương pháp nghiên cứu và quản lý lưu vực trong từng hoàn cảnh cụ thể (H3).
- Xác định, phân tích và giải quyết vấn đề, tham gia thiết kế các phương án, dự án quản lý tài nguyên trong lưu vực (H4).

- Ứng dụng được công nghệ thông tin và GIS trong phân tích, đánh giá và lập kế hoạch quản lý lưu vực (H5).

- Có khả năng vận động, thúc đẩy cộng đồng về sử dụng bền vững các loại tài nguyên trên lưu vực (H6).

- Có khả năng tiếp cận với cộng đồng bản địa, thiểu số, hợp tác, học hỏi và sẵn sàng chia sẻ với cộng đồng, đồng nghiệp và các bên liên quan trong quản lý tài nguyên rừng và môi trường (H7).

- Nhận thức được những tác động của hoạt động lâm nghiệp đến môi trường rừng và phát triển bền vững (H8).

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | x | | | | | | x | | | | | | |
| H2 | | | x | | | | | | x | | | | | | |
| H3 | | | | | | | | | x | | | | | | |
| H4 | | | x | | | | | | x | | | | | | |
| H5 | | | | | | | | | | | | | | | x |
| H6 | | | | x | | | | | | | | | | x | |
| H7 | | | | | | | | | | | | | | x | |
| H8 | | | | x | | | | | | | | | | | |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. Các khái niệm về lưu vực**<br>1.1 Khái niệm<br>1.2 Phân loại lưu vực<br>1.3 Các đặc trưng hình học của lưu vực<br>1.4 Quá trình hình thành lưu vực<br>1.5 Các thành phần trong lưu vực<br>1.6 Vai trò, chức năng của lưu vực<br>1.7 Mối quan hệ giữa các thành phần trong lưu vực<br>1.8 Chu trình nước trong lưu vực<br>1.9 Cân bằng nước trong lưu vực | LT: 9 tiết<br>BT: 1 tiết | Chương 1 Giáo trình quản lý tổng hợp lưu vực sông; Phần 7 Watershed hydrology; Chương 1 Bài giảng quản lý lưu vực |
| 2 | **Chương 2. Tài nguyên trên lưu vực**<br>2.1 Định nghĩa tài nguyên<br>2.2 Các loại tài nguyên trên lưu vực<br>2.3 Các ảnh hưởng của việc khai thác và sử dụng tài nguyên trên lưu vực<br>2.4 Tài nguyên nước và năng lượng | LT: 03 tiết<br>BT: 0 tiết | Chương 2 bài giảng Quản lý lưu vực; Chương 2 Giáo trình quản lý tổng hợp LVS |
| 3 | **Chương 3: Quản lý lưu vực và vai trò của quản lý lưu vực trong quản lý tài nguyên thiên nhiên**<br>3.1 Khái niệm | LT: 07 tiết<br>BT: 02 tiết | Bài giảng Quản lý lưu vực; Forestry |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 3.2 Lịch sử tiếp cận quản lý lưu vực<br>3.3 Tại sao cần quản lý tài nguyên thiên nhiên theo hướng tiếp cận quản lý lưu vực<br>3.4 Mục tiêu quản lý lưu vực<br>3.5 Các phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu và quản lý lưu vực<br>3.6 Thực tiễn quản lý lưu vực<br>3.7 Quản lý nguồn ô nhiễm không tập trung trong lưu vực | | Chương 2 Giáo trình quản lý tổng hợp LVS; Best Management Practices in Watersheds; Water Education in Integrated Watershed Management |
| 4 | **Chương 4. Lập kế hoạch quản lý lưu vực**<br>4.1 Xác định vấn dề<br>4.2 Xác định mục tiêu quản lý<br>4.3 Lập kế hoạch theo ma trận khung logic<br>4.4 Giám sát và đánh giá<br>4.5 Nguồn tài chính<br>4.6 Quản lý lưu vực dựa vào cộng đồng | LT: 02 tiết<br>BT: 02 tiết | Chương 3 Giáo trình quản lý tổng hợp LVS; Bài giảng quản lý dự án bảo tồn tài nguyên thiên nhiên |
| 5 | **Chương 5. Ứng dụng GIS và viễn thám trong phân cấp xung yếu và quản lý lưu vực**<br>5.1 Ứng dụng GIS và viễn thám trong nghiên cứu và quản lý lưu vực<br>5.2 Phân cấp xung yếu lưu vực<br>5.3 Phân cấp xung yếu đầu nguồn<br>5.4 Cơ sở dữ liệu và bản đồ quy hoạch quản lý lưu vực | LT: 04 tiết<br>BT: 03 tiết | GIS và viễn thám trong quản lý tài nguyên rừng và môi trường |
| 6 | **Chương 6. Biến đổi khí hậu và quản lý lưu vực**<br>6.1 Tổng quan về biến đổi khí hậu<br>6.2 Các tác động của biến đổi khí hậu<br>6.3 Giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu | LT: 05 tiết<br>BT: 00 tiết | Chương 6 Bài giảng Quản lý lưu vực; Impact of climate change on natural resource management |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Tiết: 1-10 | **Chương 1. Các khái niệm về lưu vực**<br>**Nội dung:** | H1<br>H2 | **Phương pháp dạy học:**<br>Thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập thực hành | - Kết quả bài tập nhóm, bài |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 1.1 Khái niệm<br>1.2 Phân loại lưu vực<br>1.3 Các đặc trưng hình học của lưu vực<br>1.4 Quá trình hình thành lưu vực<br>1.5 Các thành phần trong lưu vực<br>1.6 Vai trò, chức năng của lưu vực<br>1.7 Mối quan hệ giữa các thành phần trong lưu vực<br>1.8 Chu trình nước trong lưu vực<br>1.9 Cân bằng nước trong lưu vực | | **Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: Tác động của việc xây dựng các công trình thủy điện, khai thác rừng quá mức, canh tác nông nghiệp đến lưu vực<br>- Thực hành: xác định ranh giới lưu vực trên bản đồ địa hình<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi, tham gia thảo luận nhóm và báo cáo…<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | trình bày thảo luận nhóm<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Kết quả bài tập tại lớp<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp |
| Tiết: 11-13 | **Chương 2. Tài nguyên trên lưu vực**<br>2.1 Định nghĩa tài nguyên<br>2.2 Các loại tài nguyên trên lưu vực<br>2.3 Các ảnh hưởng của việc khai thác và sử dụng tài nguyên trên lưu vực<br>2.4 Tài nguyên nước và năng lượng | H2<br>H4<br>H8 | **Phương pháp dạy học:**<br>Thuyết trình, thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: Tác động của khai thác và sử dụng tài nguyên trên lưu vực<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi, tham gia thảo luận nhóm và báo cáo…<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | - Kết quả bài trình bày thảo luận nhóm<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp |
| Tiết 14 - 22 | **Chương 3: Quản lý lưu vực và vai trò của quản lý lưu vực trong quản lý tài nguyên thiên nhiên**<br>3.1 Khái niệm<br>3.2 Lịch sử tiếp cận quản lý lưu vực<br>3.3 Tại sao cần quản lý tài nguyên thiên nhiên theo hướng tiếp cận quản lý lưu vực<br>3.4 Mục tiêu quản lý lưu vực | H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>Thuyết trình, thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận trên lớp: các thuận lợi và khó khăn trong quản lý lưu vực<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi, tham gia thảo luận nhóm và báo cáo… | - Kết quả bài trình bày thảo luận nhóm<br>- Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Mức độ tham gia thảo luận trên lớp |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 3.5 Các phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu và quản lý lưu vực<br>3.6 Thực tiễn quản lý lưu vực<br>3.7 Quản lý nguồn ô nhiễm không tập trung trong lưu vực | | **Địa điểm học:** Giảng đường | |
| Tiết 23-26 | **Chương 4. Lập kế hoạch quản lý lưu vực**<br>4.1 Xác định vấn dề<br>4.2 Xác định mục tiêu quản lý<br>4.3 Lập kế hoạch theo ma trận khung logic<br>4.4 Giám sát và đánh giá<br>4.5 Nguồn tài chính<br>4.6 Quản lý lưu vực dựa vào cộng đồng | H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>Thuyết trình, thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: Lựa chọn tiểu lưu vực quan tâm và lập kế hoạch quản lý luuw vực 5 năm<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi, tham gia thảo luận nhóm và báo cáo…<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | - Kết quả bài tập nhóm, bài trình bày thảo luận nhóm<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp |
| Tiết 27-33 | **Chương 5. Ứng dụng GIS và viễn thám trong phân cấp xung yếu và quản lý lưu vực**<br>5.1 Ứng dụng GIS và viễn thám trong nghiên cứu và quản lý lưu vực<br>5.2 Phân cấp xung yếu lưu vực<br>5.3 Phân cấp xung yếu đầu nguồn<br>5.4 Cơ sở dữ liệu và bản đồ quy hoạch quản lý lưu vực | H5 | **Phương pháp dạy học:**<br>Thuyết trình, bài tập thực hành<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Bài tập: Xác định mối quan hệ giữa xói mòn đất lưu vực với các nhân tố sinh thái và nhân tác.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi, thực hiện bài tập thực hành<br>**Địa điểm học:** Giảng đường, phòng máy tính | - Kết quả bài tập nhóm, bài trình bày thảo luận nhóm<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Kết quả bài tập thực hành trên máy tính |
| Tiết 34-38 | **Chương 6. Biến đổi khí hậu và quản lý lưu vực**<br>6.1 Tổng quan về biến đổi khí hậu<br>6.2 Các tác động của biến đổi khí hậu | H7<br>H8 | **Phương pháp dạy học:**<br>Thuyết trình, thảo luận nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày | - Kết quả bài trình bày thảo luận nhóm<br>- Hình thức đánh |

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 6.3 Giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu | | - Thảo luận trên lớp: các nguyên nhân của biến đổi khí hậu và biện pháp giải quyết.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi, tham gia thảo luận nhóm và báo cáo…<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | giá của từng bài:<br>+ Mức độ tham gia thảo luận trên lớp |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Nguyễn Văn Thắng (2010). Giáo trình quản lý tổng hợp lưu vực sông, Trường Đại học Thủy Lợi Hà Nội.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2] Hồ Đình Bảo (2020). Bài giảng Quản lý lưu vực, Trường Đại học Tây Nguyên.

[3] Peter E. Black (1996). Watershed hydrology, Lewis Publishers

[4] Hà Văn Khối (2005). Giáo trình Quy hoạch và Quản lý nguồn nước, Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội.

[5] Bảo Huy (2006). Bài giảng Quản lý dự án bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, Trường Đại học Tây Nguyên.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành*

- Hoàn thành các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành: Thực hiện đầy đủ các bài tập, có kết quả thực hiện bài tập.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;

*7.4. Phần khác (nếu có):*

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

(Trọng số điểm bộ phận <=30%; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H3<br>H8 | 10% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | H5 | 20% |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H4 | 20% |
| 4 | Tiểu luận/Thí nghiệm, thực hành | Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên. | H4<br>H5 | 20% |
| | | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra. | | |
| 5 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, bài tập thực hành. | H2<br>H3 | 30% |
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: thi tự luận | H2; H3; H4 H5; H8 | 70% |

*Ngày ….. tháng 10 năm 2020*

**Trưởng khoa (biên soạn)** | **Trưởng Bộ môn (biên soạn)** | **Người biên soạn**

ThS. Lê Đình Nam PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương ThS. Hồ Đình Bảo

**COURSE PROPOSAL**
**COURSE'S NAME: ENGLISH IN FORESTRY (TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH)**
**Course's code: NL213760**

**1. General information about the course and lecturers:**
Total credit: 03; class credit: 03; experimental credit: 0
Course type: Compulsory - Bắt buộc (Bắt buộc (Compulsory), Tự chọn (Audit) hay Điều kiện (Condition))
Course requirement (if any):
Parallel course: no
Previous course: no
Prerequisite course: no
Lecturers:
Lecturer 1: Nguyễn Thị Thanh Hương; Tel: 0914141188; Email: huongthanh.frem@ttn.edu.vn
Lecturer 2: Hồ Đình Bảo; Tel: 0935331551; Email: hdbao@ttn.edu.vn
Lecturer 3: Trần Thị Xuân Phấn; Tel: 0334 939 800 Email: phantrandhtn@gmail.com

**2. Abstract of Course's content**

The curriculum is compiled on the basis that students have learned the basic English program and obtained some knowledge of English grammar. A course of English for students in forestry is designed for the fourth undergraduate students of forestry including 5 modules. Each module consists of different topics such as techniques, statistics applications, plantation silviculture, forest health, and bio-ecological forest. Learning English in Forestry helps forestry students to understand useful terms and common expressions in their daily professional duties or situation-based classroom activities. When students finish this unit, they can acquire practical skills in reading, writing, and translating basic English for the forestry area. Therefore, this unit enables learners to get familiar with the tech-sci English style, practice reading comprehension skills of scientific documents, provide students with specialized vocabulary and terminology, and practice writing and translating some substaintially common grammatical structures.

English for Forestry is a fundamental course targeting to the learner's ability to use useful terms and common expressions in their daily professional duties or situation- based classroom activities. At the end of the course, students can acquirenecessary professional terminologies that can be useful in their both daily profession and researches. Hence, the course of English in Forestryis designed for. .

**3. Course's objectives and output standards**

*3.1. Course's objectives*

This course has three main objectives o providing forestry students with language skills which enable them to:

- Obj.1. Read comprehensively reading texts of both intensive and extensive purposes: report summary, journal abstracts, learticles of forestry fields;

- Obj.2. Also, they can improve some reading-related sub-skills such as guessing word meaning or sentence meaning from context clues; inferring and referring;
- Obj. 3. Write a summary of relevant topics and a cover letter.

*3.2. Course output standards*

H1. Comprehensively reading the summary, journal abstracts, learticles of forestry fields

H2. reading-related sub-skills such as guessing word meaning or sentence meaning from context clues; inferring and referring; => Chuẩn này e thấy là sinh viên có thể chi ra đâu là topic sentences/ main ideas cho 1 bài đọc liên quan nào đó hoặc là phải biết được đâu là supporting sentences trong 1 đoạn văn. Mục đích cuối cùng sẽ là nam được ý nào quan trọng và không bỏ sót key words của bài.

H3. Having the capacity of outlining a topic, writing resumes cover letter, and translating a paragraph.

*3.3. Course's output standard and program's output standard matrix*

| **Course's output standards** | **Program's output standards** | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C6 | C7 | C10 | C13 | | | | |
| H1 | x | x | | | | | | |
| H2 | | x | x | | | | | |
| H3 | | | x | x | | | | |

**4. Course structure**

| **No.** | **Contents** | **Teaching period** | **Studying materials** |
|---|---|---|---|
| 1 | Unit 1: Forest Resources and Types | 10 | |
| 2 | Unit 2: Biological and Ecological Processes | 12 | |
| 3 | Unit 3: Environmental Interactions | 12 | |
| 4 | Unit 4: Social and Human Interface | 11 | |
| | **Total** | **45** | |

**5. Plan and method of teaching**

| **Periods** | **Contents** | **Course's output standards** | **Teaching and studying activities** | **Assessment** |
|---|---|---|---|---|
| Period 1-10 | Unit 1: Forest Resources and Types<br>1.1 Global Forest Resources: History and Dynamics<br>1.2 Forest Types and Classification | H1<br>H2<br>H3 | **Teaching method:**<br>Reading<br>Watching video<br>Group discussion<br>**Teaching organization**<br>Small Groups<br>**Request for student:** | Reading and writing summary of specific topics |

| Periods | Contents | Course's output standards | Teaching and studying activities | Assessment |
|---|---|---|---|---|
| | 1.3 Biological and Ecological Processes | | - Preparing materials<br>**Classroom** | |
| 11-22 | Unit 2: Biological and Ecological Processes<br><br>2.1 Genetics and Speciation in the World's Forests<br><br>2.2. Structural Dynamics of Forest Stands and Natural Processes<br>2.3 Biological Interactions and Disturbance: Plants Reading comprehension papers, articles and thesis related to tropical forest<br>Writing summary of specific topics | H1<br>H2<br>H3 | **Teaching method:**<br>Reading<br>Watching video<br>Group discussion<br>**Teaching organization**<br>Small Groups<br>**Request for student:**<br>- Preparing materials<br>**Classroom** | Reading and writing summary of specific topics |
| 23-34 | Unit 3: Environmental Interactions<br><br>3.1. Forest Soils<br>3.2 Ecophysiology of Forests,<br>3.3 Models for Pure and Mixed Forests<br>3.4 Forests and the Atmosphere<br>3.5. Environmental Stresses to Forests | H1<br>H2<br>H3 | **Teaching method:**<br>Reading<br>Watching video<br>Group discussion<br>**Teaching organization**<br>Small Groups<br>**Request for student:**<br>- Preparing materials<br>**Classroom** | Reading and writing summary of specific topics |
| 35-45 | Unit 4: Social and Human Interface<br><br>4.1 The Importance of Social Values<br><br>4.2. Non-timber Forest Products and Rural Poverty: an Economic Analysis | H1<br>H2<br>H3 | **Teaching method:**<br>Reading<br>Watching video<br>Group discussion<br>**Teaching organization**<br>Small Groups<br>**Request for student:**<br>- Preparing materials<br>**Classroom** | Reading and writing summary of specific topics |

**6. Studying materials**

*6.1. Workbook*

[1] *Julian Evans. 2001. The forests handbook.* Blackwell Science Ltd.

[2] Florencia M, and Carl F. J. 2005. Tropical forest ecology. Springer.

*6.2. References*

1. [1]. Annika Kangas and Matti Maltamo. 2006. Forest inventory: Methodology and Applications. Published by Springer, P.O. Box 17, 3300 AA Dordrecht, The Netherlands
2. Daniel manDallaz. 2008. Sampling Technique for forest inventory. Chapman & Hall/CRC Applied Environmental Statistics.
3. Erkki Tomppo, Markus Haakana, Matti Katila, and Jouni Peräsaari. 2008. Multi-Source National Forest Inventory. Springer Science.
4. K.M. Reynolds, A.J. Thomson, M. Köhl, M.A. Shannon, D. Ray and K. Rennolls. 2007. Sustainable forestry: from monitoring and modelling to knowledge management and policy science. Ama DataSet Ltd, UK
5. Evert W. Johnson. 2000. Forest Sampling Desk Reference. Boca Raton London New York Washington, D.C.
6. Richard Primack and Richard Corlett. 2005. Tropical rain forests. Blackwell Science Ltd.
7. Nguyen Thi Thanh Huong. 2011. Forestry Remote Sensing: Using multi-data source for inventory of natural broach-leaved evergreen forests in the Central Highlands of Vietnam. Lambert Academic Publishing.
8. Nguyen Thi Thanh Huong. 2016. Mapping tropical forest for suitainable management using SPOT 5 satellite image. Int. Arch. Photogramm. Remote Sens. Spatial Inf. Sci., XLI-B7, 335-340.
9. Wim H. Bakker, Lucas L. F. Janssen, Colin V. Reeves, Ben G. H. Gorte, Christine Pohl, Michael J. C. Weir, John A. Horn, Anupma Prakash, and Tsehaie Woldai. 2001. Principles of Remote Sensing. The International Institute for Aerospace Survey and Earth Sciences (ITC), The Netherlands.
10. Jens Friis Lund, 2015. Paradoxes of participation: The logic of professionalization in participatory forestry. Forest Policy and Economics 62, 1-6.
11. Bob Baulch, Hoa Thi Minh Nguyen, Phuong Thu Thi, Phuong, Hung Thai Pham. 2010. Ethnic minority poverty in Vietnam. Chronic Poverty Research Centre.

**7. Students tasks:**

*7.1. Exercise and discussion sections*

- At classroom ≥ 2/3 total period time: 30%
- Preparing group's presentation: 20%
- Completed exercise: 50%

*7.2. Experiment and practice sections (if any):*

*7.3. Great exercise and essay (if any)*

*7.4. Others section (if any):*

*7.5. Students' selfstudy (15 hours):* reading materials as listed above and other resources from internet, library, etc.

**8. Testing and assessing methods**

***8.1. Partial mark:* 0%; *Final exam: 100%***

***8.2. Component, aim and ratio of partial mark***

| No. | Component | Aims | Evaluating methods | Course's output standards | Ratio |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Diligent assessment | Evaluating of student's activeness in learning, participating in class activities. | Evaluating through observing and monitoring the improvement of students in class and study preparation. | H1<br>H6 | 20% |
| 2 | Group working | Evaluating of student's activeness in learning, participating in class activities. | Based on group's result, observation of activities. Presentation | | 40% |
| 3 | Individual assessment | Evaluate students' ability to identify and solve problems, and complete the assignments required by the faculty. | Total ratio of section mark | | 40% |

**8.3. Final exam**

| Aim | Evaluating method | Course's output standards | Ratio |
|---|---|---|---|
| Evaluate the achievement level of skills, attitude and tolerance of students after studying the module. | Writing | H4<br>H5 | 100 % |

*Ngày ..... tháng 10 năm 2020*

**Dean of Faculty (compile)** **Head of Deparment (compile)** **Compiler**

**Ass.Prof.Dr. Nguyễn Thị Thanh Hương**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: TTGT ĐẤT VÀ VI SINH VẬT RỪNG**
**Mã học phần: NL212205**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**
Tổng số tín chỉ: 1,0; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 1,0
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần:
Học phần học song hành: Đất và vi sinh vật đất rừng
Học phần học trước: Không
Học phần tiên quyết: Không
Giảng viên giảng dạy:
Họ và tên: Nguyễn Hải Đăng; Số điện thoại: 0914413444;
Email: nhdang@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**
Đây là một môn học cơ sở cơ sở nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về điều tra đất và điều tra vi sinh vật đất rừng. Qua đó nâng cao kỹ năng điều tra ngoài thực địa, vận dụng được các kiến thức của môn học vào trong thực tiễn.

Để học tốt môn TTGT Đất và vi sinh vật rừng cần có những kiến thức của các môn học cơ bản và cơ sở khác như: Hóa học, vật lý, sinh vật, khí tượng, Đất và VSV Rừng. Các kiến thức cung cấp trong môn học này cũng có nhiều liên hệ với các môn học chuyên môn khác trong ngành lâm nghiệp.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**
*3.1. Mục tiêu học phần*
MT1: Nắm được những kỹ năng về tổ chức điều tra đất lâm nghiệp.
MT2: Có được những kỹ năng về lập tuyến điều tra, mô tả hình thái phẫu diện đất.
MT3: Sinh viên vận dụng được những kiến thức về đất phục vụ cho việc thực hiện các biện pháp kỹ thuật cụ thể.
*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*
H1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về điều tra đất và vi sinh vật đất rừng.
H2: Có được những kỹ năng về lập tuyến điều tra đất, mô tả các chỉ tiêu hình thái phẫu diện đất, điều tra vi sinh vật đất rừng.
H3: Sinh viên tham gia học đầy đủ, tích cực, nghiêm túc, có tư duy sáng tạo trong học tập. Sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, phương pháp học tập môn học, khả năng làm việc nhóm.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | | x | | | | | x | | | | | | |
| H2 | | | | x | | | | | x | | | | | | |
| H3 | | | | | | | | | x | | | | | | x |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | Bài 1: Họp đoàn thực tập<br>- Triển khai chương trình, nội dung của đợt thực tập | LT:0 tiết<br>TH:5 tiết | |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | - Hướng dẫn công tác chuẩn bị hậu cần | | |
| 2 | Bài 2: Giới thiệu đặc điểm khu vực điều tra<br>- Giới thiệu đặc điểm về điều kiện tự nhiên, điều kiện đất đai tại thực địa<br>- Chuẩn bị vật liệu, dụng cụ điều tra đất tại thực địa | LT:0 tiết<br>TH: 5 tiết | |
| 3 | Bài 3: Điều tra đất và vi sinh vật đất rừng<br>3.1. Điều tra đất<br>3.1.1. Lập tuyến điều tra<br>3.1.2. Các bước tiến hành điều tra<br>3.2. Điều tra vi sinh vật đất rừng<br>3.2.1. Lập ô điều tra<br>3.2.2. Các bước tiến hành điều tra | LT:0 tiết<br>TH:15 tiết | [1]C12 |
| 4 | Bài 4: Xử lý số liệu, viết báo cáo<br>- Tổng kết số liệu điều tra theo nhóm, xử lý và viết báo cáo thực tập. | LT:0 tiết<br>TH:5 tiết | [1]C12 |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/ số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 1/5 | Bài 1: Họp đoàn thực tập | H1 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, lớp, PP gợi mở-vấn đáp...<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | |
| 2/5 | Bài 2: Giới thiệu đặc điểm khu vực điều tra | H1, H2 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, lớp, PP gợi mở-vấn đáp...<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Báo cáo viên tại cơ sở<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi<br>**Địa điểm học:**<br>- Thực địa | |
| 3/5;<br>4/5;<br>5/5 | Bài 3: Điều tra đất và vi sinh vật đất rừng<br>3.1. Điều tra đất<br>3.1.1. Lập tuyến điều tra | H1,H2,H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, lớp, PP gợi mở-vấn đáp, hướng dẫn<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Thực hành tại thực địa<br>**Yêu cầu sinh viên:** | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 3.1.2. Các bước tiến hành điều tra<br>3.2. Điều tra vi sinh vật đất rừng<br>3.2.1. Lập ô điều tra<br>3.2.2. Các bước tiến hành điều tra | | - Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi<br>- Hoàn thành nội dung thực hành<br>**Địa điểm học:**<br>Thực địa | |
| 6/5 | Bài 4: Xử lý số liệu, viết báo cáo | | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết minh, PP gợi mở-vấn đáp<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Gợi mở- vấn đáp<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Ghi chép<br>- Vấn đáp<br>- Viết báo cáo<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | Báo cáo thực tập |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1]. Nguyễn Hải Đăng (2020), *Bài giảng Đất và vi sinh vật rừng*, ĐHTN – Lưu hành nội bộ

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2]. Đặng Văn Minh, Nguyễn Thế Đặng, Dương Thanh Hà, Hoàng Hải, Đỗ Thị Lan, (2006), *Giáo trình Đất lâm nghiệp*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp 100% tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)*

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

*7.4. Phần khác (nếu có):*

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận: 0%; Trọng số thi kết thúc học phần: 100%***

(Trọng số điểm bộ phận <=30%; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H2<br>(Liệt kê các chuẩn đầu ra được đánh giá) | 100% |
| 2 | Bài thực hành | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực | H1<br>H2 | |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| | | hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. | hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra. | (Liệt kê các chuẩn đầu ra được đánh giá) | |
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

* Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể có đầy đủ các hình thức đánh giá trên, hoặc có thể thêm hay bớt cho phù hợp, nhưng đảm bảo tổng tỷ lệ điểm bộ phận là 100%. Việc đánh giá điểm bộ phận gồm các thành phần và tỷ lệ tương ứng như công bố, (kết quả điểm bộ phận × trọng số điểm bộ phận+điểm thi × trọng số thi)/100= kết quả học phần.

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: thi tự luận | H1<br>H2 | 70% |

*Ngày ..... tháng 10 năm 2020*

| **Trưởng khoa**<br>(Biên soạn) | **Trưởng Bộ môn**<br>(Biên soạn) | **Người biên soạn** |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | TS. Trần Ngọc Duyên | ThS. Nguyễn Hải Đăng |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: TTGT CÂY RỪNG VÀ KỸ THUẬT LÂM SINH.**
**Mã học phần: NL213114**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 2

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học song hành: Cây rừng; Kỹ thuật Lâm sinh

Học phần học trước:

Học phần tiên quyết:

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Đức Định; Số điện thoại: 0914484068;
Email: nddinh@ttn.edu.vn ….

Giảng viên 2: Họ và tên: Võ Hùng; Số điện thoại: 0914069919
Email: vhung@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần thực tập giáo trình Cây rừng và Kỹ thuật lâm sinh là học phần thực hành sau khi sinh viên đã học xong lý thuyết học phần Cây rừng và Kỹ thuật lâm nhằm cũng cố kiến thức ở phần lý thuyết đồng thời rèn luyện kỹ năng thực tế của 2 học phần này. Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nguồn tài nguyên thực vật rừng và những phương pháp xác định, đánh giá đặc điểm lâm học của các lâm phần làm cơ sở để đề xuất biện pháp quản lý rừng theo hướng bền vững.

Khi học học phần này sinh viên sẽ vận dụng những kết thức từ học phần cây rừng để nhận biết, thu thập mẫu, xác định, tra cứu các loài cây rừng cũng như các kiểu rừng ở nơi đến thực tập, đồng thời vận dụng kiến thức học phần Kỹ thuật lâm sinh để điều tra đánh giá xác định các đặc điểm của cấu trúc lâm phần như tổ thành loài, mật độ, độ tàn che, kết cấu tầng tán…của các kiểu trạng thái rừng, từ đó có cơ sở đề xuất và thực hiện các biện pháp lâm sinh để quản lý, sử dụng và phát triển rừng bền vững.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

Sau khi học xong học phần này sinh viên có thể:

- MT1: Điều tra xác định được đặc điểm lâm học của các kiểu rừng và và trang thái rừng nơi đã đến thực tâp.
- MT2: Nhận biết và xác định được các loài cây rừng có ý nghĩa về mặt lâm sinh, kinh tế, môi trường và bảo tồn tại nơi thực tế cũng như một số nơi khác.
- MT3: Có khả năng tra cứu xác định vị trí của một loài thực vật rừng trong hệ thống phân loại: bộ, họ, chi,..
- MT4: Có khả năng tổ chức nhóm, sử dụng các công cụ để lập ô tiêu chuẩn xác định các chỉ tiêu, tính toán, tổng hợp, viết báo cáo đánh giá về hiện trạng đặc điểm cấu trúc rừng, cấu trúc tổ thành, mật độ, độ tàn che rừng với các loài cây rừng hiện có

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

Sau khi học xong học phần này sinh viên đạt được một số kiến thức và kỹ năng sau:

H1: Mô tả được các kiểu trạng thái rừng với những loài cây đại diện tại địa phương đến

H2: Nhận biết xác định được các loài cây rừng chủ yếu tham gia trong tổ thành rừng tại địa phương.

H3: Tổ chức thực hiện được việc thu thập mẫu, phơi sấy khô hoàn thành bộ sưu tập mẫu các loài đã gặp

H4: Tổ chức được nhóm, sử dụng thành thạo các công cụ thực hiện việc lập ô tiêu chuẩn để xác định các chỉ tiêu lâm học của các lâm phần và viết báo cáo đánh giá

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra HP** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | x | | | | | | | | | | | | |
| H2 | | | x | | | x | | | | | | | | | |
| H3 | | | x | | | x | | | | | | x | | | |
| H4 | | | x | | | x | | | x | | | x | | x | x |

## 3. Cấu trúc học phần

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| | Phần 1: **Thực tập giáo trình học phần Cây rừng** | TH:20 tiết<br>(8 ngày) | |
| 1 | 1.1 Xác định các kiểu rừng và các trạng thái rừng tại những nơi thực tập | TH: 2,5 tiết | [1][2] chương 5 |
| 2 | 1.2 Xác định, nhận biết các loài cây trong các kiểu rừng | TH: 10 tiết | [1][2] chương 2, 3, 4 |
| 3 | 1.3 Định danh các loài cây rừng | TH: 2,5 tiết | [4][7]<br>[5] chương 2 |
| 4 | 1.4 Thu thập mẫu và làm tiêu bản | TH: 2,5 tiết | [1][2] chương 1 |
| 5 | 1.5 Ôn tập và Kiểm tra mẫu tươi ngoài thực tế | TH: 2,5 tiết | |
| | **Phần 2: Thực tập Giáo trình học phần Kỹ thuật Lâm sinh** | TH:10 tiết<br>(4 ngày) | |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 1 | 2.1 Lập ô tiêu chuẩn, điều tra các chỉ tiêu lâm học trong ô như:<br>- Xác định tên loài cây gỗ, cây tái sinh (tên phổ thông, tên latinh)<br>- Đường kính thân cây gỗ tại vị trí 1,3m, đường kính gốc (Do)<br>- Đường kính tán lá theo 4 hướng,<br>- Chiều cao cây (vút ngọn, dưới tán)<br>- Xác định chất lượng cây (a, b, c),<br>- Xác định khoảng cách giữa 2 cây gần nhất….<br>- Thành phần và mức độ che phủ các loài cây bụi, thảm tươi, dây leo<br>- Đặc điểm đất đai dưới tán rừng: màu sắc, độ dày tầng đất, độ xốp, % kết von tầng mặt, đá mẹ; độ dốc, địa hình, địa thế…<br>- Mức độ tác động của lửa rừng, của con người….<br>Từ đó có số liệu để tính toán các phản ánh đặc điểm cấu trúc lâm học của lâm phần như độ tàn che của rừng, độ che phủ, thành phần dạng sống thực vật, tổ thành loài cây gỗ, cây tái sinh, mật độ, số tầng tán rừng…Mức độ tác động của lửa rừng, của con người | TH: 7,5 tiết | [3] chương 1, 2, 4 và 5.<br>[10] |
| 2 | 2.2 *Tổng hợp các số liệu* đã điều tra được ở phần trên, theo các công thức đã được học để tính toán ra các chỉ tiêu phản ánh đặc điểm cấu trúc lâm phần như:<br>- Độ tàn che tán rừng, độ che phủ.<br>- Tỷ lệ tổ thành cây gỗ, cây tái sinh, xác định các loài cây ưu thế<br>- Mật độ cây gỗ, cây tái sinh<br>- Cấu trúc số cây theo cấp kính (N/D)<br>- Cấu trúc số cây theo cấp chiều cao (N/H)<br>- Tương quan Chiều cao – đường kính (H – D)<br>- Tổng tiết diện ngang của rừng, phân bố cây theo mặt đất rừng…<br>Từ các kết quả trên làm cơ sở xác định được trạng thái rừng của một kiểu rừng cụ thể.<br>*Viết báo cáo*: với hiện trạng rừng đã điều tra xác định được, sinh viên viết báo cáo phản ánh các đặc điểm đã được phát hiện ở trên và đề xuất được các biện pháp kỹ thuật lâm sinh cụ thể, thích hợp để tác động cho trạng thái, kiểu rừng này nhằm phục hồi, làm giàu rừng…hướng để quản lý, sử dụng rừng hiệu quả và bền vững. | TH: 2,5 tiết | [3] chương 5 [9],[10] và [11] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 8 ngày | **Phần 1: Thực tập giáo trình học phần Cây rừng** | | | |
| Ngày 1 (2,5 tiết) | 1.1 Xác định các kiểu rừng và các trạng thái rừng tại những nơi thực tập | H1 | Cán bộ VQG, khu BTTN giới thiệu về tài nguyên ở đơn vị. Đi vào rừng theo tuyến:<br>GV giới thiệu hiện trạng rừng, xác định các kiểu rừng.<br>SV quan sát ghi chép vào sổ tay | Kiểm tra từng sinh viên khi đi đến các khu rừng về xác định kiểu rừng |
| Ngày 2 đến ngày 5<br><br>(10 tiết) | 1.2 Xác định, nhận biết các loài cây trong các kiểu rừng | H1<br>H2<br>H4 | Đi theo tuyến xuyên qua các kiểu rừng: GV chỉ các loài cây bắt gặp; SV tự mô tả, trao đổi thảo luận để xác định loài. GV sẽ đưa ra kết quả cuối cùng Kết hợp lấy mẫu | Kiểm tra khả năng nhận biết của SV thông qua kiểm tra miệng những loài đã gặp lập đi lặp lại |
| Ngày 6 (2,5 tiết) | 1.3 Định danh các loài cây rừng | H1<br>H2<br>H4 | GV hướng dẫn cách lấy mẫu, mô tả chi tiết loài, cách dùng khóa tra<br>SV thực hiện theo hướng dẫn | Kết quả xác định loài của từng cá nhân |
| Ngày 7 (2,5 tiết) | 1.4 Thu thập mẫu và làm tiêu bản | H1<br>H2<br>H4 | GV hướng dẫn cách làm mẫu tiêu bản, SV thực hiện theo | Đánh giá kết quả làm được tiêubản theo nhóm học tập |
| Ngày 8 (2,5 tiết) | 1.5 Ôn tập và Kiểm tra mẫu tươi ngoài thực tế | H1<br>H2 | SV tổ chức ôn tập theo nhóm: vào rừng xem lại các cây đã học, xem lại mẫu khô lưu trữ<br>Gv chuẩn bị thu hái mẫu tươi cây rừng.<br>SV sẽ nhận diện mô tả trả lời trên giấy | Mỗi nhóm SV nhận diện 10 loài<br>Đánh giá qua bài trả lời trên giấy nộp lại theo thang điểm 10 |
| 4 ngày (10 tiết) | Phần 2: **Thực tập Giáo trình học phần Kỹ thuật Lâm sinh** | | | |
| Ngày 9 đến ngày 11 | 2.1. Lập ô tiêu chuẩn, điều tra thu thập các | H1<br>H2 | GV hướng dẫn trên hiện trường, | Đánh giá thông qua việc kiểm tra ô tiêu |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| (7,5 tiết) | thông tin, số liệu trên các ô mẫu, ghi chép vào các biễu mẫu. | H4 | SV dùng các dụng cụ lập ô, điều tra đo đếm các chỉ tiêu lâm học ghi vào biểu | chuẩn mỗi nhóm đã lập, phương pháp sử dụng công cụ để điều tra cây rừng, kết quả ghi chép số liệu của mỗi nhóm. Kiểm tra vấn đáp cá nhân tại hiện trường |
| Ngày 12 (2,5 tiết) | 2.2. Xử lý số liệu, tổng hợp và viết báo cáo | H4 | GV hướng dẫn SV làm việc theo nhóm tổng hợp, tính toán số liệu và viết báo cáo | Chấm điểm các báo cáo theo nhóm, có thể kiểm tra vấn đáp từng cá nhân |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Lê Mộng Chân, Lê Thị Huyên (2000). Thực vật rừng. Nhà xuất bản Nông Nghiệp.
[2] Nguyễn Đức Định (2011). Bài giảng Cây rừng. Đại học Tây Nguyên
[3] Võ Hùng (2015). Bài giảng Kỹ thuật Lâm sinh. Đại học Tây Nguyên

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[4] Phạm Hoàng Hộ (1992) .Cây cỏ Việt nam. Nhà xuất bản Trẻ
[5] Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ hạt kín ở việt nam - Viện sinh thái và tài nguyên sinh vật.
[6]Võ văn Chi, Trần Hợp (1999). Cây có ích ở Việt Nam. Nhà xuất bản Giáo dục.
[7] Trần Hợp (2000) Tài nguyên cây gỗ rừng Việt Nam. Nhà xuất bản Nông nghiệp
[8] Bộ Lâm nghiệp (1988). Quy phạm tạm thời về các giải pháp lâm sinh áp dụng cho rừng sản xuất. Nxb, Nông nghiệp, Hà Nội.
[9] Bảo Huy (2008): Hướng dẫn kỹ thuật Quản lý rừng cộng đồng: Hướng dẫn Kỹ thuật lâm sinh đơn giản cho rừng tự nhiên. Dự án Hỗ trợ dân làng quản lý rừng bền vững ở Tây Nguyên.
[10] Lê Đình Nam (2014). Bài giảng Điều tra rừng. Đại học Tây Nguyên.
[11] Nguyễn Văn Trương (1983). Quy luật cấu trúc rừng gỗ hỗn loài, Nxb. Khoa học và Kỹ Thuật, Hà Nội

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần thực hành, thực tế hiện trường*

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi thực hành của học phần (vắng không quá 2/3 số buổi (số tiết)
- Thực hiện đầy đủ các nội dung, các bài tập được giao trong thời gian thực hành theo nhóm hay cá nhân.
- Yêu cầu mỗi sinh viên sau khi thực hành thực hiện bài đánh giá kiểm tra phải đạt trên 50% số điểm.

*7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

- Trong thời gian thực hành thực tế sinh viên phải nghiên cứu kỹ đề cương thực tập học phần, các tài liệu liên quan cho việc tra cứu, học tập
- Đọc và ghi chú lại các tài liệu đã được chỉ ra trong đề cương cho từng nội dung.

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 0%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 100%***

**8.2. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá:<br>-. Đối với cây rừng: kiểm tra việc nhận biết mẫu cây tươi tại nơi đến thực tập để lấy điểm (thang điểm 10)<br>- Đối với Kỹ thuật Lâm sinh: chấm điểm báo cáo tổng hợp và điểm vấn đáp (theo thang 10)<br>- Lấy điểm trung bình cộng của 2 phần trên | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 100% |

*Ngày … tháng … năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | TS. Võ Hùng | ThS. Nguyễn Đức Định |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: TTGT GIỐNG, TRỒNG RỪNG, NLKH**
**Mã học phần: NL213153**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 2

Loại môn học: Bắt buộc

**Giảng viên giảng dạy:**

Giảng viên 1: Trần Đình Thế: Số điện thoại: 0987263351
Email: the.tnu@gmail.com
Giảng viên 2: Đặng Thành Nhân; Số điện thoại: 0914142319
Email: dangthanhnhan2319@gmail.com
Giảng viên 3: Trần Thị Xuân Phấn; Số điện thoại: 0334939800
Email: phantrandhtn@gmail.com

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**:

Học phần thực tập giáo trình Giống, Trồng rừng & NLKH là học phần thực hành được thực hiện sau khi sinh viên đã học xong lý thuyết bắt buộc của các môn học tương trong trong chương trình đào tạo kĩ sư lâm nghiệp ứng nhằm củng cố những kiến thức ở phần lý thuyết đồng thời trang bị cho người học những kĩ năng cần thiết của môn học được ứng dụng thực tế trong sản xuất lâm nghiệp. Học phần này có liên quan chặt chẽ với một số môn học: Cây rừng, sinh thái thực vật, kĩ thuật lâm sinh, và khuyến nông lâm.

Sau khi học xong học phần TTGT Giống, Trồng rừng & NLKH, sinh viên có khả năng phát triển và ứng dụng được các kĩ năng chuyên môn về xác định cây trội và xây dựng chuyển hóa rừng giống; thực hiện các thao tác kiểm kê, đánh giá chất lượng cây con trong vườn ươm và rừng trồng; Đề xuất và lập hồ sơ thiết kế rừng trồng; Đánh giá hiệu quả kinh tế và xã hội của các mô hình nông lâm kết hợp tại địa phương.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1: Trang bị kĩ năng xác định cây trội trong lâm phần và phương pháp đánh giá chuyển hóa rừng giống.
MT2: Có khả năng kiểm kê, tính toán và đánh giá chất lượng cây con trong vườn ươm và rừng trồng.
MT3: Có khả năng khảo sát, đánh giá điều kiện lập địa rừng và xây dựng hồ sơ thiết kế rừng trồng.
MT4: Hiểu và nắm được các bước đánh giá hiệu quả kinh tế-xã hội của các mô hình nông lâm kết hợp.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

Sau khi học xong học phần này sinh viên đạt được một số kiến thức và kỹ năng sau:
H1: Điều tra và xác định được các bước đánh giá cây trội và nắm được các bước yêu cầu chuyển hóa rừng giống.
H2: Thực hiện được quy trình kiểm kê vườn ươm và rừng trồng
H3: Đề xuất và xây dựng được hồ sơ thiết kế rừng trồng
H4: Nắm được các nội dung và phương pháp để đánh giá hiệu quả mô hình nông lâm kết hợp
H5: Sử dụng được các dụng cụ cơ bản trong điều tra, khảo sát thực địa và tổ chức được hoạt động nhóm và tổng hợp số liệu viết báo cáo đánh giá.
H6: Vận dụng được các kĩ năng mềm như làm việc nhóm, giao tiếp, truyền thông và thúc đẩy cộng đồng; đồng thời có thái độ làm việc nghiêm túc và ý thức tích cực đối với nguồn tài nguyên rừng.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo:*

| Chuẩn đầu ra học phần | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | C6 | C7 | C9 | C10 | C11 | C12 |
| H1 | x | | | | | |
| H2 | x | | | | | x |
| H3 | x | | x | x | | |
| H4 | | | x | | x | |
| H5 | | | x | | | |
| H6 | | x | | | x | x |

**4. Cấu trúc học phần**

| Stt | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | **Phần 1: Thực tập giáo trình học phần Giống** | | |
| 1 | 1.1 Chọn lọc cây trội<br>- Xác định trạng thái rừng và lập ô tiêu chuẩn<br>- Khảo sát các yếu tố điều kiện tự nhiên của lâm phần | 7.5 tiết | [1],[2] |
| | 1.2. Khảo sát, đánh giá xây dựng rừng giống tạm thời | | |
| | 1.3. Điều tra kỹ thuật về nguồn giống cây trồng lâm nghiệp | | |
| 2 | **Phần 2: Thực tập Giáo trình học phần Trồng rừng** | | |
| | 2.1. Kiểm kê vườn ươm | 10.0 tiết | [1],[2] |
| | 2.2. Tìm hiểu kỹ thuật sản xuất cây con | | |
| | 2.3. Kiểm kê rừng trồng<br>- Lập ô tiêu chuẩn xác định các yếu tố điều kiện tự nhiên của lâm phần<br>- Điều tra đo đếm rừng trồng | | |
| | 2.4. Điều tra thiết kế rừng trồng<br>- Điều tra khảo sát trạng thái hoàn cảnh và điệu kiện lập địa nơi trồng<br>- Phân chia diện tích đất trồng theo đơn vị thiết kế trồng rừng<br>- Xác định hệ thống các biện pháp kĩ thuật trồng rừng cho từng đơn vị trồng<br>-Xây dựng các bản đồ thiết kế và báo cáo thuyết minh phương án trồng rừng | | |
| 3 | **Phần 3: Thực tập giáo trình nông lâm kết hợp** | | |
| | 3.1. Điều tra và khảo sát mô hình NLKH | 7.5 tiết | [1],[2] |
| | 3.2. Xây dựng ma trận đánh giá cho điểm các loại cây trồng NLKH | | |
| | 3.3. Đánh giá hiệu quả KTXH của mô hình NLKH | | |
| 4 | **Xử lý nội nghiệp** | 5 tiết | [1],[2] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| **Phần 1 : Thực tập giáo trình học phần Giống cây rừng** | | | | |
| 3 ngày | 1.1 Xác định chọn lọc cây trội | H1<br>H5<br>H6 | PP dạy học:<br>PP thuyết trình, thảo luận, gọi mở-vấn đáp<br>Hình thức tổ chức: SV nghe giảng viên trình bày, thảo luận và thực hành<br>Yêu cầu: Sinh viên phải đọc tài liệu hướng dẫn | Hình thức đánh giá:<br>+Trình bày chia sẻ, thảo luận, kết quả<br>+Báo cáo thực tập theo từng cá nhân và nhóm -<br>Hình thức đánh giá: Báo cáo thực tập theo từng cá nhân |
| | 1.2 Khảo sát, đánh giá xây dựng rừng giống tạm thời | | | |
| | 1.3. Điều tra kỹ thuật về nguồn giống cây trồng lâm nghiệp | | | |
| **Phần 2: TTGT Trồng rừng** | | | | |
| 4 ngày | 2.1. Kiểm kê vườn ươm | H2<br>H3<br>H5<br>H6 | PP dạy học:<br>PP thuyết trình, thảo luận, gọi mở-vấn đáp<br>Hình thức tổ chức: SV nghe giảng viên trình bày và thực hành nội dung<br>Yêu cầu: Sinh viên phải đọc tài liệu hướng dẫn | Hình thức đánh giá:<br>+Trình bày chia sẻ, thảo luận, kết quả<br>+Báo cáo thực tập theo từng cá nhân và nhóm |
| | 2.2. Tìm hiểu về quy trình kĩ thuật sản xuất cây con | | | |
| | 2.3. Kiểm kê rừng trồng | | | |
| | 2.4 Điều tra và khảo sát thiết kế rừng trồng | | | |
| **Phần 3: TTGT NLKH** | | | | |
| 3 ngày | 3.1. Điều tra và khảo sát mô hình NLKH | H4<br>H5<br>H6 | PP dạy học:<br>PP thuyết trình, thảo luận, gọi mở-vấn đáp<br>Hình thức tổ chức: SV nghe giảng viên trình bày, thảo luận và thực hành nội dung<br>Yêu cầu: Sinh viên phải đọc tài liệu hướng dẫn | -Hình thức đánh giá:<br>+Trình bày chia sẻ, thảo luận, kết quả<br>+Báo cáo thực tập theo nhóm |
| | 3.2. Xây dựng ma trận đánh giá cho điểm các loại cây trồng NLKH | | | |
| | 3.3. Đánh giá hiệu quả kinh tế và xã hội của các mô hình NLKH | | | |
| 2 ngày | Xử lý nội nghiệp | H1,H2, H3, H4, H5 | Yêu cầu: SV đọc tài liệu và hoàn thành báo cáo | Đánh giá theo nhóm hoặc cá nhân |

**6. Tài liệu học tập**

1. Bảo Huy, 2009. Bài giảng Tin học Thống kê trong quản lý tài nguyên rừng và môi trường. Đại học Tây Nguyên
2. Đặng Thành Nhân, Trần Đình Thế, Trần Thị Xuân Phấn, 2020. Hướng dẫn thực tập giáo trình môn học Giống, Trồng rừng và NLKH. Trường Đại học Tây Nguyên

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

- Tham gia đầy đủ thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị dụng cụ, tài liệu, thảo luận.
- Hoàn thành báo cáo thực tập.

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

Đánh giá báo cáo thực tập giáo trình

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua đợt thực tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập, thực tập. | Phương pháp đánh giá thông qua báo cáo thực tập | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5<br>H6 | 100% |

*Ngày ... tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | TS. Võ Hùng | ThS. Trần Thị Xuân Phấn |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: TTGT BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC, ĐỘNG VẬT RỪNG**
**Mã học phần: NL213149**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**
Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 2.0
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học song hành: Bảo tồn đa dạng sinh học, Động vật rừng
Học phần học trước:
Học phần tiên quyết:
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Cao Thị Lý; Số điện thoại: 0905 411 867; Email: caoly@ttn.edu.vn
Giảng viên 2: Họ và tên: Hồ Đình Bảo; Số điện thoại: 0935331551; Email: hdbao@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**
Học phần này được dạy vào học kỳ 5 của chương trình đào tạo kỹ sư Lâm sinh, sau khi sinh viên học các môn Động vật rừng, bảo tồn đa dạng sinh học. Học phần nhằm củng cố kiến thức lý thuyết đã học của các môn và cung cấp một số kỹ năng nhận diện động vật hoang dã, điều tra giám sát đa dạng sinh học trên thực địa; cũng như thu thập mẫu trong điều tra, nghiên cứu động vật để sử dụng và phát triển các nguồn tài nguyên này trong kinh doanh, quản lý rừng bền vững.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng

MT1. Nhận diện được một số loại dấu vết của động vật hoang dã trên thực tế

MT2. Có khả năng bố trí các ô tiêu chuẩn, tuyến điều tra để điều tra đa dạng loài động thực vật trên hiện trường, đánh giá, giám sát đa dạng loài trên thực tế

MT3. Độc lập triển khai các đánh giá về đa dạng loài trên hiện trường.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Biết cách nhận dạng, đo vẽ dấu vết của các loài động vật hoang dã trên hiện trường

H2. Biết cách bố trí các ô tiêu chuẩn, các tuyến điều tra và lựa chọn phương pháp điều tra phù hợp với mục tiêu nghiên cứu đa dạng sinh học cho từng loại sinh cảnh cụ thể.

H3. Thái độ tôn trọng và hợp tác trong giao tiếp, làm việc với các bên liên quan, đặc biệt là người dân địa phương trong hợp tác triển khai các nghiên cứu liên quan đến tri thức bản địa

H4. Biết cách ứng xử phù hợp trong sử dụng và phát triển bền vững nguồn tài nguyên rừng.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | x | | | | | | | | | | | | |
| H2 | | | x | x | | x | | | x | | | | | | |
| H3 | | | x | | x | x | | | x | | | | | | |
| H4 | | | x | x | | x | | | x | | | x | x | x | x |

**4. Cấu trúc học phần**

| STT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 1 | - Phát hiện các loài giám sát có sự tham gia<br>- Đánh giá nhu cầu sử dụng Động vật rừng và các sản phẩm của nó trong đời sống cộng đồng<br>- Đề xuất của các bên liên quan về sử dụng, bảo tồn, phát triển đối với ĐVR (hoặc các nội dung khác – linh hoạt tùy theo thực tế địa điểm thực tập) | 10 | [1], [2], [3], [4], [7], [8] |
| 2 | - Xác định dấu chân các loài thuộc một số bộ thú: Guốc chẵn, Ăn thịt, Linh trưởng<br>- Xác định các dấu vết khác của các loài động vật (Linh hoạt tùy theo điều kiện thực tế)<br>- | 15 | [1], [2], [3], [5], [6] |
| 3 | - Thu thập mẫu các loài động vật (nếu có)<br>- Thu thập mẫu các loài thực vật<br>- Các nội dung khác (Linh hoạt tùy theo điều kiện thực tế) | 15 | [1], [2], [3], [4], [5], [6], [7] |
| 4 | - Lập hệ thống ô tiêu chuẩn mở rộng, xác định diện tích biểu hiện loài<br>- Điều tra thú rừng theo tuyến<br>- Điều tra giám sát tác động của con người<br>- Các phương pháp khác (nếu có thiết bị và dụng cụ bổ sung) | 20 | [1], [3], [4], [5] [6], [7], [8] |
| | **Tổng cộng** | **60** | |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 4 tiết | Phát hiện các loài giám sát có sự tham gia | H1 | **Phương pháp dạy học:** Làm việc nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** Tổ chức thành các nhóm nhỏ làm việc cùng người dân địa phương/cán bộ kiểm lâm<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Chuẩn bị các tài liệu kiến thức liên quan, chủ động thực hiện các yêu cầu của bài tập<br>**Địa điểm học:** Các trạm quản lý bảo vệ rừng, thôn buôn gần rừng | Kết quả thảo luận nhóm có sự tham gia |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 4 tiết | Đánh giá nhu cầu sử dụng Động vật rừng và sản phẩm của chúng | H1<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>Làm việc nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>Tổ chức thành các nhóm nhỏ làm việc cùng người dân địa phương/cán bộ kiểm lâm<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Chuẩn bị các tài liệu kiến thức liên quan, chủ động thực hiện các yêu cầu của bài tập<br>**Địa điểm học:** Các trạm quản lý bảo vệ rừng, thôn buôn gần rừng | Kết quả thảo luận nhóm có sự tham gia |
| 2 tiết | Đề xuất của các bên liên quan về sử dụng, bảo tồn, phát triển đối với ĐVR (hoặc các nội dung khác – linh hoạt tùy theo thực tế địa điểm thực tập) | H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>Làm việc nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>Tổ chức thành các nhóm nhỏ làm việc cùng người dân địa phương/cán bộ kiểm lâm<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Chuẩn bị các tài liệu kiến thức liên quan, chủ động thực hiện các yêu cầu của bài tập<br>**Địa điểm học:** Các trạm quản lý bảo vệ rừng, thôn buôn gần rừng | Kết quả thảo luận nhóm có sự tham gia<br>Các đề xuất của cộng đồng địa phương |
| 15 tiết | - Xác định dấu chân các loài thuộc mốt số bộ thú: Guốc chẵn, Ăn thịt, Linh trưởng<br>- Xác định các dấu vết khác của các loài động vật (Linh hoạt tùy theo điều kiện thực tế) | H1<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>Hướng dẫn trên hiện trường<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>Tổ chức thành các nhóm nhỏ thực hiện việc điều tra hiện trường.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Chuẩn bị các tài liệu kiến thức liên quan, chủ động thực hiện các yêu cầu của bài tập<br>**Địa điểm học:** Các kiểu rừng có phân bố động vật móng guốc | Kết quả điều tra |
| 15 tiết | - Thu thập mẫu các loài động vật (nếu có) | H1<br>H2 | **Phương pháp dạy học:**<br>Hướng dẫn trên hiện trường<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** | Kết quả điều tra |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | - Thu thập mẫu các loài thực vật, động vật<br>- Các nội dung khác (Linh hoạt tùy theo điều kiện thực tế) | | Tổ chức thành các nhóm nhỏ thực hiện việc điều tra hiện trường.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Chuẩn bị các tài liệu kiến thức liên quan, chủ động thực hiện các yêu cầu của bài tập<br>**Địa điểm học:** Các kiểu rừng có phân bố động vật móng guốc | |
| 10 tiết | - Lập hệ thống ô tiêu chuẩn mở rộng, xác định diện tích biểu hiện loài<br>- Điều tra đa dạng thực vật theo ô tiêu chuẩn | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>Hướng dẫn trên hiện trường<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>Tổ chức thành các nhóm nhỏ thực hiện việc điều tra hiện trường.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Chuẩn bị các tài liệu kiến thức liên quan, chủ động thực hiện các yêu cầu của bài tập<br>**Địa điểm học:** Các kiểu rừng có phân bố động vật móng guốc | Kết quả điều tra |
| 10 tiết | - Điều tra thú rừng theo tuyến<br>- Điều tra giám sát tác động của con người<br>- Các phương pháp khác (nếu có thiết bị và dụng cụ bổ sung) | H1<br>H2<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>Hướng dẫn trên hiện trường<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>Tổ chức thành các nhóm nhỏ thực hiện việc điều tra hiện trường.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Chuẩn bị các tài liệu kiến thức liên quan, chủ động thực hiện các yêu cầu của bài tập<br>**Địa điểm học:** Các kiểu rừng có phân bố động vật móng guốc | Kết quả điều tra |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1]. Cao Thị Lý (2014): *Bài giảng Bảo tồn đa dạng sinh học*, Trường Đại học Tây Nguyên, Đăk Lăk.

[2]. Phạm Nhật (1998): Động Vật rừng, Giáo trình, Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[3]. Tilo Nadler, Nguyễn Xuân Đặng (2008): *Các loài động vật được bảo vệ ở Việt Nam, phần Động vật ở cạn*. Hội động vật Frankfurt và Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Hà Nội.
[4]. Douglas B, Hendric, Bùi Đăng Phong, Tim McCormack, Hoàng Văn Hà, Peter Paul van Dijk (2010): *Sách hướng dẫn thi hành Luật về định dạng các loài rùa cạn nước ngọt Việt Nam*. Trung tâm giáo dục thiên nhiên (ENV), Trung tâm bảo tồn Rùa Cúc Phương (TCC) và Chương trình bảo tồn rùa Châu Á (ATP) thuộc Vườn thú Cleveland Metroparks.

[5]. Các trang web:
(4.1) http://www.vnppa.org.vn
(4.2) http://www.un.org.vn/undp/projects
(4.3) http://www.bachma.vnn.vn
(4.4) http://www.kiemlam.org.vn
[6]. Các văn bản pháp quy có liên quan (cập nhật)

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần bài tập, thảo luận*

- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thực tập*

- Có báo cáo kết quả thực tập cuối đợt

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận: 0%; Trọng số thi kết thúc học phần: 100%***

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | 0 |
| | | | | | 0 |

* Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể có đầy đủ các hình thức đánh giá trên, hoặc có thể thêm hay bớt cho phù hợp, nhưng đảm bảo tổng tỷ lệ điểm bộ phận là 100%. Việc đánh giá điểm bộ phận gồm các thành phần và tỷ lệ tương ứng như công bố, (kết quả điểm bộ phận × trọng số điểm bộ phận+điểm thi × trọng số thi)/100= kết quả học phần.

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Viết báo cáo thực tập giáo trình toàn bộ đợt thực tập | Báo cáo | H3<br>H4 | 100 % |

*Ngày ... tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| | | **ThS. Hồ Đình Bảo** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: TTGT LỬA RỪNG, CÔN TRÙNG RỪNG VÀ BỆNH CÂY RỪNG**
**Mã học phần: NL213173**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 2

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học song hành: Lửa rừng, Bệnh cây rừng, Côn trùng rừng

Học phần học trước:

Học phần tiên quyết:

Giảng viên giảng dạy:

| TT | Giảng viên | Điện thoại | Email |
|---|---|---|---|
| 1 | ThS. Ngô Đăng Duyên | 0913496642 | ndduyen@ttn.edu.vn |
| 2 | ThS. Trần Thị Lệ Trà | 0974741770 | tranletra@gmail.com |
| 3 | ThS. Chung Như Anh | 0973794488 | cnanh@ttn.edu.vn |

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Thực tập giáo trình lửa rừng, côn trùng rừng và bệnh cây rừng là một học phần được giảng dạy ở các trường Đại học thuộc lĩnh vực Lâm nghiệp, là phần kiến thức bắt buộc của chuyên ngành Lâm sinh và Quản lý tài nguyên rừng. Đó là một môn khoa học cũng cấp những kỹ năng điều tra rừng cơ bản cho sinh viên về nguyên nhân gây bệnh cây rừng (còn gọi là tác nhân gây bệnh) và triệu chứng bệnh, sự lưu tồn và lan truyền của tác nhân gây bệnh, các yếu tố có liên quan đến sự bộc phát dịch bệnh và các nguyên lý trong quản lý bệnh cây rừng. Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về các giai đoạn sinh trưởng phát triển của côn trùng rừng, đặc điểm phân biệt của một số bộ côn trùng có liên quan đến rừng, mối quan hệ tương hỗ giữa côn trùng và môi trường rừng, những loài sâu hại rừng chủ yếu và biện pháp quản lý côn trùng rừng.

Đây là học phần chuyên ngành và bắt buộc dành cho sinh viên học kỳ 6 (năm thứ 3), học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về côn trùng rừng như điều tra công tác quản lý sâu bệnh hại vườn ươm và rừng trồng, điều tra công tác quản lý sâu bệnh hại ở bãi gỗ, rừng khai thác và rừng tái sinh, điều tra tình hình lửa rừng và các biện pháp phòng chống cháy rừng trên các đối tượng rừng, xây dựng phương pháp quản lý dịch hại tổng hợp IPM. Học phần sử dụng các kiến thức của các học phần cơ bản và cơ sở khác như: Côn trùng rừng, Bệnh cây rừng, Lửa rừng, Điều tra rừng, khí tượng thủy văn rừng, Sinh thái rừng, Thực vật rừng. Đồng thời môn học còn kiến thức cơ sở để phục vụ cho các học phần chuyên ngành như: trồng rừng, nông lâm kết hợp, điều tra quy hoạch sinh thái cảnh quan.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

- M1: Cung cấp những kiến thức cơ bản về được phương pháp quản lý sâu bệnh hại và lửa rừng cho từng đối tượng kinh doanh trong Lâm nghiệp.
- M2: Cung cấp kiến thức về các nhân tố sinh thái liên quan đến sự phát sinh, phát triển sâu bệnh hại và lửa rừng để xây dựng được phương pháp Quản lý dịch hại tổng hợp IPM và quản lý lửa rừng
- M3: Hướng dẫn những kỹ năng về điều tra rừng, giải thích quy luật của lửa rừng và sâu bệnh hại.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

- H1: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về côn trùng rừng, bệnh cây rừng, lửa rừng để phân tích được sự phát sinh phát triển của sâu bệnh hại rừng và nguyên lý phát sinh cháy rừng.
- H2: Có kỹ năng về điều tra, tìm hiểu quy luật của lửa rừng và sâu bệnh hại. Trên cơ sở đó sinh viên xây dựng được phương án quản lý cháy rừng và sâu bệnh hại cho một đơn vị chủ rừng.
- H3: Có nhận thức đúng đắn vai trò của rừng. Ứng xử tốt với việc bảo vệ tài nguyên rừng và môi trường. Yêu nghề nghiệp, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, trung thực, có tinh thần làm việc hợp tác tốt với đồng nghiệp và cộng đồng, có ý thức học tập, tự học và học tập suốt đời

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | | | | X | | | | | | | | | |
| H2 | | | | | | | | | X | | | | | | |
| H3 | | | | | | | | | | | | X | | | X |

**4. Cấu trúc học phần**

| **Ngày** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | Sáng: GV hướng dẫn đề cương thực tập.<br>Chiều: Chuẩn bị dụng cụ, tài liệu và hậu cần đi thực tế. | 4 tiết | [1]<br>[2-1]<br>[2-2]<br>[2-4] |
| 2 | Sáng: Đến địa điểm thực tập, ôn định chỗ ăn ở.<br>Chiều: Nghe báo cáo đặc điểm ĐKTN, kinh tế -xã hội…nơi thực tập | 2,5 tiết | [1]<br>[2-3] |
| 3 | Sáng: Điều tra sơ bộ khu vực nghiên cứu<br>Chiều: SV tổng hợp số liệu và báo cáo kết quả theo nhóm | 2,5 tiết | [1]<br>[2-3] |
| 4 | Sáng: Điều tra SBH rừng tự nhiên (đầu nguồn, đặc dụng, sản xuất)<br>- Điều tra, thu thập thành phần sâu bệnh hại, nấm mục gỗ, tỷ lệ hại, mức độ phổ biến, chỉ số hại ….<br>- Xác định các đối tượng gây hại chính<br>- Xử lý mẫu, làm tiêu bản<br>chiều: Thảo luận, đề xuất BPPT | 2,5 tiết | [1]<br>[2-3] |
| 5 | Sáng: Tìm hiểu và nghe giảng về công tác PCCC rừng tại thực địa<br>Chiều:<br>- Điều tra thảm thực bì và xác định khả năng xảy cháy rừng<br>- Tìm hiểu các công trình PCCC ở rừng, băng cản lửa<br>- Hướng dẫn phương pháp xây dựng phương án PCCCR cho chủ rừng. | 2,5 tiết | [1]<br>[2-1]<br>[2-3] |
| 6 | Sáng: Kiểm tra lý thuyết về phương pháp điều tra sâu bệnh hại vườn ươm. Điều tra thành phần sâu hại trên cây con.<br>Chiều: Tổng hợp số liệu và xử lý mẫu sâu bệnh hại vườn ươm | 2,5 tiết | [1]<br>[2-3] |
| 7 | Sáng: Điều tra SBH bãi gỗ<br>- Điều tra, thu thập thành phần sâu bệnh hại, nấm mục gỗ, tỷ lệ hại, mức độ phổ biến, chỉ số hại …. | 2,5 tiết | [1]<br>[2-3] |

| Ngày | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | - Xác định các đối tượng gây hại chính<br>Chiều: xử lý mẫu, thảo luận, đề xuất BPPT | | |
| 8 | Sáng: Điều tra thành phần sâu hại rừng trồng, thiên địch<br>- Điều tra đánh giá mức độ sâu ăn lá.<br>- Điều tra mật độ sâu ăn lá các loài cây chính.<br>- Điều tra sâu đục thân<br>Chiều: Điều tra mối mọt, sâu dưới đất<br>- Tìm hiểu các biện pháp phòng trừ sâu hại<br>- Tổng hợp, xử lý số liệu | 2,5 tiết | [1]<br>[2-3] |
| 9 | Sáng: điều tra mức độ và thành phần nấm mục cây đứng và gỗ trong rừng tự nhiên. Thu thập mẫu vật.<br>Chiều: Di chuyển về trường | 2,5 tiết | [1] |
| 10 | Hướng dẫn và xử lý mẫu sâu bệnh hại thu từ đợt thực tế tại PTN | 2,0 tiết | [1] |
| 11 | Sáng: -Xử lý số liệu, tổng hợp kết quả điều tra sâu bệnh hại.<br>- Hướng dẫn viết báo cáo thu hoạch<br>Chiều: Viết báo cáo thu hoạch | 4,0 tiết | [1] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Số tiết 04 LT | Lên lớp đề cương các nội dung trong đợt thực tập | H1<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, mô tả qua hình ảnh<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị dụng cụ điều tra<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | - Liệt kê các bài đánh giá liên quan: Tham gia học lý thuyết trên lớp<br>-Hình thức đánh giá:<br>+ Bằng kết quả tham gia của các thành viên tại lớp |
| 2,5 tiết | Nghe báo cáo đặc điểm ĐKTN, kinh tế -xã hội…nơi thực tập | | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, mô tả qua hình ảnh<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe cán bộ nơi thực tập trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Ghi chép và phân tích số liệu<br>**Địa điểm học:** hội trường | - nắm được nội dung của báo cáo<br>-Hình thức đánh giá: kết quả tham gia của các thành viên lớp. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 2,5 tiết | Sáng: Điều tra sơ bộ khu vực nghiên cứu<br>Chiều: SV tổng hợp số liệu và báo cáo kết quả theo nhóm | | **Phương pháp dạy học:** Hướng dẫn nội dung điều tra và biểu mẫu thu thập số liệu<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Điều tra, tổng hợp, phân tích số liệu.<br>**Địa điểm học:** hiện trường | Báo cáo kết quả theo nhóm |
| 2,5 tiết | Sáng: Điều tra SBH rừng tự nhiên (đầu nguồn, đặc dụng, sản xuất)<br>- Điều tra, thu thập thành phần sâu bệnh hại, nấm mục gỗ, tỷ lệ hại, mức độ phổ biến, chỉ số hại ….<br>- Xác định các đối tượng gây hại chính<br>- Xử lý mẫu, làm tiêu bản<br>chiều: Thảo luận, đề xuất BPPT | | **Phương pháp dạy học:** Hướng dẫn nội dung điều tra và biểu mẫu thu thập số liệu<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Điều tra, tổng hợp, phân tích số liệu.<br>**Địa điểm học:** hiện trường | Báo cáo kết quả theo nhóm |
| 2,5 tiết | Sáng: Tìm hiểu và nghe giảng về công tác PCCC rừng tại thực địa<br>Chiều:<br>- Điều tra thảm thực bì và xác định khả năng xảy cháy rừng<br>- Tìm hiểu các công trình PCCC ở rừng, băng cản lửa<br>- Hướng dẫn phương pháp xây dựng phương án PCCCR cho chủ rừng. | | **Phương pháp dạy học:** Hướng dẫn nội dung điều tra và biểu mẫu thu thập số liệu<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Điều tra, tổng hợp, phân tích số liệu.<br>**Địa điểm học:** hiện trường | Báo cáo kết quả theo nhóm |
| 2,5 tiết | Sáng: Kiểm tra lý thuyết về phương pháp điều tra sâu bệnh hại vườn ươm. Điều tra thành phần sâu hại trên cây con.<br>Chiều: Tổng hợp số liệu và xử lý mẫu sâu bệnh hại vườn ươm | | **Phương pháp dạy học:** Hướng dẫn nội dung điều tra và biểu mẫu thu thập số liệu<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Điều tra, tổng hợp, phân tích số liệu.<br>**Địa điểm học:** hiện trường | Báo cáo kết quả theo nhóm |
| 2,5 tiết | Sáng: Điều tra SBH bãi gỗ | | **Phương pháp dạy học:** | Báo cáo kết quả theo nhóm |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | - Điều tra, thu thập thành phần sâu bệnh hại, nấm mục gỗ, tỷ lệ hại, mức độ phổ biến, chỉ số hại ….<br>- Xác định các đối tượng gây hại chính<br>Chiều: xử lý mẫu, thảo luận, đề xuất BPPT | | Hướng dẫn nội dung điều tra và biểu mẫu thu thập số liệu<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Điều tra, tổng hợp, phân tích số liệu.<br>**Địa điểm học:** hiện trường | |
| 2,5 tiết | Sáng: Điều tra thành phần sâu hại rừng trồng, thiên địch<br>- Điều tra đánh giá mức độ sâu ăn lá.<br>- Điều tra mật độ sâu ăn lá các loài cây chính.<br>- Điều tra sâu đục thân<br>Chiều: Điều tra mối mọt, sâu dưới đất<br>- Tìm hiểu các biện pháp phòng trừ sâu hại<br>- Tổng hợp, xử lý số liệu | H1<br>H2<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>Hướng dẫn nội dung điều tra và biểu mẫu thu thập số liệu<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Điều tra, tổng hợp, phân tích số liệu.<br>**Địa điểm học:** hiện trường | Báo cáo kết quả theo nhóm |
| 2,5 tiết | Sáng: điều tra mức độ và thành phần nấm mục cây đứng và gỗ trong rừng tự nhiên. Thu thập mẫu vật.<br>Chiều: Di chuyển về trường | H1<br>H2<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>Hướng dẫn nội dung điều tra và biểu mẫu thu thập số liệu<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Điều tra, tổng hợp, phân tích số liệu.<br>**Địa điểm học:** hiện trường | Báo cáo kết quả theo nhóm |
| 2,0 tiết | Hướng dẫn và xử lý mẫu sâu bệnh hại thu từ đợt thực tế tại PTN | H1<br>H2<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>Hướng dẫn phương pháp xử lý số liệu<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép,<br>**Địa điểm học:**<br>- phòng thí nghiệm | Bộ mẫu đã được xử lý |
| 4,0 | Sáng: -Xử lý số liệu, tổng hợp kết quả điều tra sâu bệnh hại.<br>- Hướng dẫn viết báo cáo thu hoạch<br>Chiều: Viết báo cáo thu hoạch | | **Phương pháp dạy học:**<br>Hướng dẫn phương pháp xử lý số liệu<br>**Yêu cầu sinh viên:** Tổng hợp và xử lí số liệu<br>**Địa điểm học:**<br>- phòng thí nghiệm. | Báo cáo hoàn chỉnh của từng cá nhân |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Ngô Đăng Duyên, Trần Thị Lệ Trà, Chung Như Anh (2019). *Đề cương thực tập giáo trình Côn trùng, bệnh cây, lửa rừng* – Trường Đại học Tây Nguyên

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2-1] Lê Văn Liễu, Trần Văn Mão (1974). *Bệnh cây rừng*. NXB Nông nghiệp

[2-2] Trần Văn Mão (1992). *Quản lý bảo vệ rừng*. NXB Nông nghiệp

[2-3] Nguyễn Thế Nhã, Trần Công Loanh, Trần Văn Mão (2001): *Điều tra, dự tính, dự báo sâu bệnh trong Lâm Nghiệp*. Nxb NN Hà Nội.

[2-4] Quản lý sâu bệnh hại rừng trồng (2006). *Cẩm nang ngành lâm nghiệp*. Bộ NN &PTNT.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị dụng cụ thực tập

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)*

- Điều tra ngoài thực địa
- Viết báo cáo thực tập

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận: 0%; Trọng số thi kết thúc học phần: 100%***

(Trọng số điểm bộ phận <=30%; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các buổi thực tế, việc chuẩn bị bài của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3 | 0% |
| Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | | | | 0% |

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: báo cáo cuối đợt thực tập. | H1<br>H2<br>H3 | 100 % |

*Ngày … tháng … năm 20…*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | TS. Đỗ Thị Kiều An | ThS. Ngô Đăng Duyên |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: TTGT ĐIỀU TRA QUY HOẠCH RỪNG VÀ ĐIỀU CHẾ RỪNG**
**Mã học phần: NL213166**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 2

Loại môn học: Bắt buộc

Học phần song hành: Quy hoạch và điều chế rừng; Điều tra rừng

Giảng viên giảng dạy:

Họ và tên: Nguyễn Thị Tình; Số điện thoại: 0385857887; Email: nguyentinhtyr@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần TTGT Điều tra quy hoạch rừng được giảng dạy ở năm thứ 4 trong chương trình đào tạo kỹ sư lâm nghiệp, liên quan chặt chẽ các môn: Thống kê trong lâm nghiệp, Điều tra rừng, Quản lí dự án LNXH, Ứng dụng tin học trong lâm nghiệp.

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng về xây dựng, tổ chức thực thi phương án quy hoạch lâm nghiệp; tổ chức rừng theo không gian và thời gian của luân kỳ, chu kỳ khép kín nhằm có thể thu được sản lượng lâm sản liên tục – ổn định và các giải pháp tác động vào rừng nhằm nâng cao sản lượng, lợi dụng tốt tiềm năng lập địa - được gọi là phương án điều chế rừng. Cả hai đều nhằm vào mục đích quản lý rừng bền vững. Quản lý rừng bền vững là phương thức quản lý tài nguyên rừng đạt được sự bền vững cả ba khía cạnh: Sinh thái-môi trường, kinh tế và văn hóa xã hội.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1: Phân chia khu rừng thành các đơn bị điều chế

MT2: Xây dựng các chỉ tiêu kỹ thuật, mô hình cho điều chế rừng

MT3: Lập kế hoạch điều chế rừng

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1: Kiến thức về QHLN - ĐCR ở các đối tượng, cấp quản lý tài nguyên rừng khác nhau.

H2: Kiến thức, kỹ thuật, kỹ năng, thái độ cần thiết trong tiến trình QHLN - ĐCR để góp phần quản lý sử dụng tài nguyên rừng theo hướng bền vững.

H3: Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong quản lý tài nguyên rừng để tổ chức các phương án quy hoạch và điều chế rừng.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | | x | x | x | | | x | x | | x | x | x | x |
| H2 | | | | x | x | x | | | x | x | | x | x | x | x |
| H3 | | | | x | x | x | | | x | x | | x | x | x | x |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | - Phân chia đơn vị điều chế<br>- Điều tra rừng xác định các chỉ tiêu lâm phần<br>- Lập các tương quan, hồi quy, mô hình rừng chuẩn<br>- Tổng hợp và xây dựng cơ sở dữ liệu cho điều chế rừng | 90 tiết | [1] chương 1, 2, 3, 4<br>[2] chương 1, 2, 3, 4 |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 14 ngày | - Phân chia đơn vị điều chế<br>- Điều tra rừng xác định các chỉ tiêu lâm phần<br>- Lập các tương quan, hồi quy, mô hình rừng chuẩn<br>- Tổng hợp và xây dựng cơ sở dữ liệu cho điều chế rừng | H1<br>H2<br>H3 | Phương pháp dạy học:<br>PP thuyết trình, PP thảo luận , PP gợi mở-vấn đáp, …<br>Hình thức tổ chức dạy học:<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày, thảo luận, thực hành. | - Liệt kê các bài đánh giá liên quan<br>- Hình thức đánh giá:<br>Bài báo cáo thực tập |

**6. Tài liệu học tập**


1. Bảo Huy (2009). Bài giảng Tin học Thống kê trong quản lý tài nguyên rừng và môi trường. Trường Đại học Tây Nguyên
2. Bảo Huy (2009). Bài giảng Quy hoạch lâm nghiệp và Điều chế rừng. Đại học Tây Nguyên


**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

- Dự lớp đầy đủ thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị dụng cụ, tài liệu, thảo luận.
- Hoàn thành báo cáo thực tập.

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

Đánh giá báo cáo thực tập giáo trình

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua đợt thực tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập, thực tập. | Phương pháp đánh giá thông qua báo cáo thực tập | H1<br>H2<br>H3 | 100% |

*Ngày … tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương | ThS. Nguyễn Thị Tình |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: TTGT BẢN ĐỒ VÀ VIỄN THÁM LÂM NGHIỆP**
**Mã học phần: NL213167**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**
Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 0 ; Số tín chỉ thực hành: 2.0
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học song hành: Bản đồ và đo đạc lâm nghiệp; Viễn thám và GIS đại cương
Học phần học trước: không
Học phần tiên quyết: không
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Hương; Số điện thoại: 0914141188; Email: huongthanh.frem@ttn.edu.vn
Giảng viên 2: Họ và tên: Phạm Đoang Phú Quố; Số điện thoại: 098416602 ; Email: phuquoc@ttn.edu.vn
Giảng viên 3: Hồ Đình Bảo Email: hdbao@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:** (ít nhất 150 từ)
Học phần nhằm củng cố kiến thức lý thuyết của các môn học cho sinh viên thông qua thực tế; rèn luyện kỹ năng, thái độ cần thiết để nhận dạng địa hình trên thực tế dựa vào bản đồ, sử dụng các công cụ đo đạc để thực hiện việc đo đạc trên hiện trường. Kết hợp kỹ năng đo đạc và nhận dạng đối tượng trên ảnh vệ tinh, giải đoán thực địa và xây dựng bản đồ lớp phủ rừng từ ảnh vệ tinh. Người học sẽ được cung cấp các kỹ năng một cách hệ thống và trau dồi thái độ tiếp cận trogn học tập thông qua các bài thực hành có tính bổ trợ và ảnh hưởng lẫn nhau để giải quyết trong thực tế tại địa điểm thực tập với các đối tượng cụ thể, có đối chứng để nâng cao được nhận thức về vai trò tạo lập, phân tích, xây dựng và ứng dụng dữ liệu khác nhau trong thực tiễn.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng

MT1. Củng cố lại kiến thức đã học của các môn liên quan như: Đo đạc và bản đồ, Viễn thám và GIS đại cương

MT2. Thiết lập lưới đường chuyền mặt bằng bằng máy đo đạc lâm nghiệp thông thường

MT3. Sử dụng các phương pháp khác nhau để phân tích và xây dựng bản đồ thảm phủ dựa vào ảnh vệ tinh và dữ liệu đo đạc.

MT4: Xác định rõ về vai trò của độ chính xác trong tạo lập dữ liệu đo đạc phục vụ công tác quản lý giám sát, bảo tồn rừng.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Biết cách sử dụng bản đồ trên thực địa với các dạng địa hình khác nhau

H2. Biết cách sử dụng phối hợp bản đồ và GPS để xác định vị trí và phạm vi không gian trên thực địa.

H3. Biết cách lập kế hoạch để giải đoán và phân loại ảnh vệ tinh để thành lập bản đồ

H4. Phân tích tầm quan trọng của độ chính xác bản đồ và đưa ra giải pháp cải thiện

H5. Giám sát tài nguyên rừng thông qua phối hợp đo đạc và kỹ thuật viễn thám

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C9 | C10 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | x | x | | | | | |
| H2 | x | x | x | | | | | |
| H3 | x | x | x | x | x | | | |
| H4 | x | x | x | x | x | x | | |
| H5 | x | x | x | x | x | x | x | x |

## 4. Cấu trúc học phần

| STT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 1 | - Nhận diện địa hình trên bản đồ và hiện trường<br>- Đo đạc đường chuyền bằng máy địa bàn và GPS<br>- Thiết lập bản vẽ từ dữ liệu đo đạc | 10 | |
| 2 | - Thu thập và chuẩn hóa cơ sở dữ liệu không gian bản đồ sô, ảnh vệ tinh,...<br>- Bố trí và thu thập điểm mẫu ngẫu nhiên<br>- Giải đoán mẫu ở các kiểu lớp phủ khác nhau | 10 | |
| 3 | - Tổng hợp dữ liệu hiện trường<br>- Phân tích và đánh giá độ chính xác phân loại<br>- Xây dựng bản đồ hoàn chỉnh<br>- Viết báo cáo | 10 | |
| | **Tổng cộng** | **30** | |

## 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

| **Buổi học/số tiết** | **Nội dung** | **Chuẩn đầu ra học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
|---|---|---|---|---|
| 10 tiết | - Nhận diện các loại địa hình<br>- Đo đạc diện tích rừng/không rừng<br>- Tổng hợp dữ liệu, hiệu chỉnh và lên bản vẽ<br>- Nhập dữ liệu đã hiệu chỉnh vào GIS | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>Làm việc nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>Tổ chức thành các nhóm nhỏ làm việc trên hiện trường thực tập<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Chuẩn bị các tài liệu kiến thức liên quan, chủ động thực hiện các yêu cầu của bài tập<br>**Địa điểm học:** Các đơn vị lâm nghiệp /tại nhà | Báo cáo kết quả |
| 10 tiết | - Thu thập và xử lý ảnh vệ tinh | H1<br>H2 | **Phương pháp dạy học:**<br>Làm việc nhóm | Báo cáo kết quả |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | - Thu thập và chuẩn hóa dữ liệu không gian liên quan ở khu vực thực tập<br>- Bố trí điểm mẫu ngẫu nhiên và lấy mẫu thực địa<br>- Giải đoán mẫu trên thực địa | H3<br>H4 | **Hình thức tổ chức dạy học:**<br>Tổ chức thành các nhóm nhỏ làm việc trên hiện trường thực tập<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Chuẩn bị các tài liệu kiến thức liên quan, chủ động thực hiện các yêu cầu của bài tập<br>**Địa điểm học:** Các đơn vị lâm nghiệp /tại nhà | |
| 10 tiết | - Tổng hợp cơ sở dữ liệu hiện trường<br>- Phân loại ảnh vệ tinh dựa vào các điểm mẫu thực địa và điểm mẫu có sẵn từ Google Earth<br>- Đánh giá kết quả phân loại dựa vào các giải pháp khác nhau<br>- Xây dựng bản đồ hoàn chỉnh<br>- Viết báo cáo kết quả | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học:**<br>Làm việc nhóm<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>Tổ chức thành các nhóm nhỏ làm việc trên hiện trường thực tập<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Chuẩn bị các tài liệu kiến thức liên quan, chủ động thực hiện các yêu cầu của bài tập<br>**Địa điểm học:** Các đơn vị lâm nghiệp /tại nhà | Báo cáo kết quả |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[1]. Vũ Tiến Hinh, Vũ Văn Nhâm, Phạm Ngọc Giao, Lê Kế Việt, Ngô Sĩ Bích, Chu Thị Bình. (2009). Trường Đại Học Lâm Nghiệp. Giáo trình Điều tra - Quy hoạch điều chế rừng - Học phần I - Đo đạc lâm nghiệp, Đại Học Lâm Nghiệp.

[2]. Nguyễn Thị Thanh Hương. 2015. Ứng dụng Viễn thám và GIS trong quản lý tài nguyên rừng. NXB Thông tấn.

[3] Nguyễn Thị Thanh Hương và Đoàn Minh Trung(2020), Hưỡng dẫn ứng dụng Viễn thám và GIS trogn lâm nghiệp, Đại học Tây Nguyên

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần bài tập, thảo luận*

- Chuẩn bị, thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thực tập*

- Có báo cáo kết quả thực tập cuối đợt

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 0%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 100%***

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H6 | 0% |
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 0% |

* Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể có đầy đủ các hình thức đánh giá trên, hoặc có thể thêm hay bớt cho phù hợp, nhưng đảm bảo tổng tỷ lệ điểm bộ phận là 100%. Việc đánh giá điểm bộ phận gồm các thành phần và tỷ lệ tương ứng như công bố, (kết quả điểm bộ phận × trọng số điểm bộ phận+điểm thi × trọng số thi)/100= kết quả học phần.

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Viết báo cáo thực tập giáo trình toàn bộ đợt thực tập | Báo cáo | H4<br>H5 | 100% |

*Ngày … tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | ThS. Phạm Đoàn Phú Quốc | PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương |

# ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
## TÊN HỌC PHẦN: TTGT LÂM NGHIỆP XÃ HỘI VÀ LÂM SẢN NGOÀI GỖ
## Mã học phần: NL213168

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 0,0; Số tín chỉ thực hành: 2,0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học song hành: Lâm nghiệp xã hội (LNXH), Lâm sản ngoài gỗ (LSNG)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: ThS. Ngô Thế Sơn;

Số điện thoại: 0935821627; Email: ngotheson@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: ThS. Nguyễn Đức Định;

Số điện thoại: 0914484068; Email: nddinh@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:** (ít nhất 150 từ)

Thực tập giáo trình môn học lâm nghiệp xã hội và lâm sản ngoài gỗ sẽ giúp sinh viên thực hành những kiến thức về lâm sản ngoài gỗ, lâm nghiệp xã hội; rèn luyện các kỹ năng trong điều tra, giám sát, đánh giá mức độ phong phú của các loại lâm sản ngoài gỗ; thực hành các kỹ năng để phát triển lâm sản ngoài gỗ trong cộng đồng; thực hành các phương pháp tiếp cận có sự tham gia trong từng hoạt động LNXH cụ thể, các kỹ năng trong làm việc với cộng đồng; có thái độ thân thiện, cầu thị trong công việc, trong giao tiếp và làm việc với người dân của các cộng đồng… đề xuất các giải pháp phát triển lâm nghiệp dựa trên sự tác động tương hỗ giữa con người với môi trường trong một bối cảnh cụ thể, dựa trên nền tảng của hệ sinh thái nhân văn qua đó có thể giúp sinh viên thực hiện tốt công việc chuyên môn sau này.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1: Điều tra, đánh giá các tác động của con người đến đến việc quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững nguồn tài nguyên. Điều tra, đánh giá mức độ đa dạng lâm sản ngoài gỗ.

MT2: Vận dụng các công cụ tiếp cận có sự tham gia trong đánh giá nông thôn, xây dựng các thử nghiệm PTD.

MT3: Tổng hợp, đánh giá, phân tích số liệu và viết báo cáo thực tập đảm bảo nội dung, yêu cầu đặt ra.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1: Thực hành thành thạo các phương pháp điều tra, đánh giá các tác động của con người đến đến việc quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững nguồn tài nguyên. Điều tra, đánh giá mức độ đa dạng lâm sản ngoài gỗ.

H2: Vận dụng được kiến thức đã học vào thúc đẩy phát triển bền vững trong lâm nghiệp xã hội trên cơ sở hiểu rõ được mối quan hệ giữa các cấu phần trong hệ sinh thái nhân văn. Thực hành thành thục các công cụ tiếp cận có sự tham gia trong đánh giá nông thôn, xây dựng các thử nghiệm PTD.

H3: Tổng hợp, phân tích số liệu, nhận xét đánh giá các thông tin thu thập được và viết báo cáo học phần, báo cáo đề xuất các mô hình phát triển kỹ thuật mới nhằm quản lý rừng bền vững, phát triển sinh kế, phát triển cộng đồng.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| Chuẩn đầu ra học phần | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C3 | C5 | C6 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | X | | X | X | X | X | X | X |
| H2 | | X | | X | X | X | X | X |
| H3 | X | X | X | X | X | X | X | X |

**4. Cấu trúc học phần**

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 1 | ĐIỀU TRA, NHẬN DIỆN CÁC LOÀI LÂM SẢN NGOÀI GỖ | TH: 7,5 tiết | [1], [3], [4] |
| 2 | ĐIỀU TRA ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐA DẠNG CÁC LOÀI LSNG | TH: 5 tiết | [1], [3], [4] |
| 3 | ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO TỒN NGUỒN GEN LSNG | TH: 2,5 tiết | [1], [3], [4] |
| 4 | ĐÁNH GIÁ NHANH MỘT SỐ MÔ HÌNH NLKH<br>THIẾT KẾ XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH NLKH | TH: 5 tiết | [2], [3], [6] |
| 5 | LƯỢC SỬ THÔN BUÔN<br>SƠ ĐỒ VENN VỀ CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP<br>LÁT CẮT, VẼ SƠ ĐỒ SỬ DỤNG ĐẤT | TH: 5 tiết | [9] |
| 6 | PHÂN TÍCH SWOT VỀ PHÁT TRIỂN CÁC LOẠI LSNG<br>MA TRẬN CÂY NGẮN NGÀY<br>MA TRẬN CÂY DÀI NGÀY<br>MA TRẬN LÂM SẢN NGOÀI GỖ | TH: 2,5 tiết | [8], [9] |
| 7 | XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH PTD | TH: 2,5 tiết | [8], [9] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học / số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra HP | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| TH: Buổi học 1-3/tiết số: 0 – 7,5 | ĐIỀU TRA, NHẬN DIỆN CÁC LOÀI LSNG | H1<br>H2 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Hướng dẫn thực địa<br>**Tổ chức dạy học:**<br>- Giảng viên hướng dẫn<br>- Sinh viên thực hành ngoài thực địa<br>- Hỗ trợ của cán bộ lâm nghiệp, người dân<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi<br>**Địa điểm học:**<br>- Thực địa | Hình thức đánh giá của từng bài:<br>- Kết quả tham gia của các thành viên tại lớp;<br>- Số liệu điều tra. |
| TH: Buổi học 4-5/tiết số: | ĐIỀU TRA ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐA DẠNG CÁC LOÀI LSNG | H1<br>H2 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Hướng dẫn thực địa<br>**Tổ chức dạy học:**<br>- Giảng viên hướng dẫn<br>- Sinh viên thực hành ngoài thực địa | Hình thức đánh giá của từng bài:<br>- Kết quả tham gia của các |

| Buổi học / số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra HP | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 7,5 – 12,5 | | | - Hỗ trợ của cán bộ lâm nghiệp, người dân<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi<br>**Địa điểm học:**<br>- Thực địa | thành viên tại lớp;<br>- Số liệu điều tra. |
| TH: Buổi học 6/tiết số: 12,5 - 15 | ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO TỒN NGUỒN GEN LSNG | H1<br>H2 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Hướng dẫn thực địa<br>**Tổ chức dạy học:**<br>- Giảng viên hướng dẫn<br>- Sinh viên thực hành ngoài thực địa<br>- Hỗ trợ của cán bộ lâm nghiệp, người dân<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi<br>**Địa điểm học:**<br>- Thực địa | Hình thức đánh giá của từng bài:<br>- Kết quả tham gia của các thành viên tại lớp;<br>- Số liệu điều tra. |
| TH: Buổi học 7-8/tiết số: 15 - 20 | ĐÁNH GIÁ NHANH MỘT SỐ MÔ HÌNH NLKH;<br>THIẾT KẾ XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH NLKH | H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Hướng dẫn thực địa<br>**Tổ chức dạy học:**<br>- Giảng viên hướng dẫn<br>- Sinh viên thực hành ngoài thực địa<br>- Hỗ trợ của cán bộ lâm nghiệp, người dân<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi<br>**Địa điểm học:**<br>- Thực địa | Hình thức đánh giá của từng bài:<br>- Kết quả tham gia của các thành viên tại lớp;<br>- Số liệu điều tra. |
| TH: Buổi học 9-10/tiết số: 20 - 25 | LƯỢC SỬ THÔN BUÔN;<br>SƠ ĐỒ VENN VỀ CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP;<br>LÁT CẮT, VẼ SƠ ĐỒ SỬ DỤNG ĐẤT | H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Hướng dẫn thực địa<br>**Tổ chức dạy học:**<br>- Giảng viên hướng dẫn<br>- Sinh viên thực hành ngoài thực địa<br>- Hỗ trợ của cán bộ lâm nghiệp, người dân<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi<br>**Địa điểm học:**<br>- Thực địa | Hình thức đánh giá của từng bài:<br>- Kết quả tham gia của các thành viên tại lớp;<br>- Số liệu điều tra. |

| Buổi học / số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra HP | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| TH: Buổi học 11/tiết số: 25 – 27,5 | PHÂN TÍCH SWOT VỀ PHÁT TRIỂN CÁC LOẠI LSNG; MA TRẬN CÂY NGẮN NGÀY; MA TRẬN CÂY DÀI NGÀY; MA TRẬN LSNG | H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Hướng dẫn thực địa<br>**Tổ chức dạy học:**<br>- Giảng viên hướng dẫn<br>- Sinh viên thực hành ngoài thực địa<br>- Hỗ trợ của cán bộ lâm nghiệp, người dân<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi<br>**Địa điểm học:**<br>- Thực địa | Hình thức đánh giá của từng bài:<br>- Kết quả tham gia của các thành viên tại lớp;<br>- Số liệu điều tra. |
| TH: Buổi học 12/tiết số: 27,5 - 30 | XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH PTD | H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>- Hướng dẫn thực địa<br>**Tổ chức dạy học:**<br>- Giảng viên hướng dẫn<br>- Sinh viên thực hành ngoài thực địa<br>- Hỗ trợ của cán bộ lâm nghiệp, người dân<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>- Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi<br>**Địa điểm học:**<br>- Thực địa | Hình thức đánh giá của từng bài:<br>- Kết quả tham gia của các thành viên tại lớp;<br>- Số liệu điều tra. |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] *Lâm sản ngoài gỗ*, Giáo trình đại học lâm nghiệp, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội, 2006.

[2] *Lâm nghiệp xã hội đại cương*, Giáo trình đại học lâm nghiệp, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội, 2006.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[3] Võ Hùng, Bài giảng Nông Lâm kết hợp – Trường Đại học Tây Nguyên.

[4] Nguyễn Đức Định, Bài giảng Lâm sản ngoài gỗ – Trường Đại học Tây Nguyên.

[5] Nguyễn Đức Định, Bài giảng Cây rừng – Trường Đại học Tây Nguyên.

[6] Ngô Thế Sơn (2011). Bài giảng Lâm nghiệp xã hội – Trường Đại học Tây Nguyên.

[7] Dương Viết Tình, *Bài giảng Lâm nghiệp cộng đồng*, Đại học Nông lâm Huế, 2006.

[8] Bảo Huy, *Tài liệu hướng dẫn bộ công cụ/thẻ Kỹ năng áp dụng trong phát triển công nghệ có sự tham gia PTD*, Gia Lai, 2004.

[9] Bộ công cụ PRA – NXB Nông nghiệp, 1999.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Tham gia 100% tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)*

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

- Báo cáo kết quả thực tập

*7.4. Phần khác (nếu có):*

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 0%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 100%***

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

***8.3. Thi kết thúc học phần***

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Chấm điểm báo cáo kết quả thực tập | H1<br>H2<br>H3 | 100% |

*Đắk Lắk, ngày 16 tháng 10 năm 2020*

| TRƯỞNG KHOA | TRƯỞNG BỘ MÔN | NGƯỜI BIÊN SOẠN |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | TS. Võ Hùng | ThS. Nguyễn Đức Định |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: RỪNG VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**
**Mã học phần: NL216229**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**
Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 2.0; Số tín chỉ thực hành: 0
Loại môn học: Tự chọn
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương
Số điện thoại:0914141188; Email: nguyenthithanhhuong@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Hiện nay, chúng ta đang phải đối mặt với nhiều hiện tượng biến đổi khí hậu - sự ấm lên toàn cầu như băng tan, hiệu ứng nhà kính, mưa bão,... Các ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp của con người đã gây nên các hiện tượng khí hậu cực đoan ảnh hưởng đến cuộc sống của con người. Tài nguyên rừng là yếu tố quan trọng trong biến đổi khí hậu, góp phần chính trong việc giảm thiểu các hiện tượng khí hậu cực đoan. Chính vì vậy, Học phần Rừng và biến đổi khí hậu là một học phần chuyên ngành bắt buộc của ngành Quản lý tài nguyên rừng

Rừng và biến đổi khí hậu là môn học gắn liền với thực tiễn và có liên quan đến nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau như sinh thái rừng; khí tượng – thủy văn rừng; lập kế hoạch dự án, nông lâm kết hợp, GIS – viễn thám trong quản lý tài nguyên rừng…Đây là học phần kiến thức ngành bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản lý tài nguyên rừng. Nội dung chủ yếu của môn học đề cập đến các nội dung kiến thức về rừng và biến đổi khí hậu, rừng và giảm thiểu biến đổi khí hậu, rừng và thích ứng về biến đổi khí hậu, REDD và thị trường carbon.

Học phần Rừng và biến đổi khí hậu nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng phân tích để giải thích tác động qua lại giữa biến đổi khí hậu với sinh thái, sinh trường và phát triển rừng từ đó chỉ ra được sự tác động của suy thoái và mất rừng đến quá trình biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, học phần Rừng và biến đổi khí hậu cũng trang bị cho sinh viên kiến thức, khả năng đánh giá được ảnh hưởng của các nhân tố khí hậu thay đổi chính đến hệ sinh thái rừng, từ đó có hướng nghiên cứu, đề xuất giảm thiểu tác động của rừng đến biến đổi khí hậu và ngược lại.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1: Sinh viên nắm được kiến thức về mối quan hệ giữa sự thay đổi hệ sinh thái rừng và biến đổi khí hậu

MT2: Sinh viên hiểu và phân tích được các tác động của suy thoái và mất rừng đến biến đổi khí hậu và tác động của biến đổi khí hậu đến sinh trưởng phát triển rừng

MT3: Sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức môn học để phân tích, đánh giá được tác động qua lại giữa biến đổi khí hậu và suy thoái, mất rừng

MT4: Sinh viên có khả năng đề xuất được những giải pháp giảm thiểu tác động của rừng đến biến đổi khí hậu và ngược lại. Đồng thời có được quan điểm quản lý tài nguyên rừng để giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1: Sinh viên có được các kiến thức về rừng và biến đổi khí hậu góp phần quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững

H2: Sinh viên có kiến thức và kỹ năng tham gia phân tích đánh giá được tác động qua lại giữa biến đổi khí hậu và rừng làm cơ sở cho việc xây dựng và thực hiện các phương án, dự án quản lý tài nguyên rừng và các chức năng, dịch vụ môi trường từ rừng

H3: Vận dụng được kĩ năng làm việc nhóm, thuyết trình

H4: Có thái độ học tập tích cực,trung thực, độc lập, sáng tạo và có ý thức trách nhiệm cao và có quan điểm quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | x | x | | | | | | | | | | | |
| H2 | | | | | | | | | x | | | | | x | |
| H3 | | | | | | | | | x | | | | | x | |
| H4 | | | | | | | | | x | | | | | x | |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1: Giới thiệu về biến đổi khí hậu và rừng**<br>1.1 Biến đổi khí hậu<br>1.2. Tính phức tạp của biến đổi khổi khí hậu và tác động của chúng<br>1.3. Rừng - hệ sinh thái và tác động của Biến đổi khí hậu<br>1.4. Vai trò của rừng và biến đổi khí hậu<br>1.5. Mở rộng quy mô cho cộng đồng<br>1.6. Thách thức về phản hồi phân phối mô hình để biến đổi khí hậu.<br>1.7. Sự quan tâm của quốc tế về biến đổi khí hậu | LT: 8 tiết | [1] chương 1<br>[2] chương 1,2<br>[3] chương 2, 4 |
| 2 | **Chương 2: Rừng và Giảm thiểu biến đổi khí hậu**<br>2.1. Giảm thiểu<br>2.2. Hệ sinh thái rừng<br>2.3. Làm thế nào rừng có thể giảm thiểu được biến đổi khí hậu | LT: 8 tiết | [1] chương 2<br>[2] chương 3<br>[3] chương 2 |
| 3 | **Chương 3: Rừng và thích ứng với Biến đổi khí hậu**<br>3.1 Thích ứng là gì<br>3.2 Tại sao thích ứng là quan trọng<br>3.3 Lập kế hoạch cho khả năng thích ứng của rừng<br>3.4 Tăng cường khả năng thích ứng của rừng | LT: 8 tiết | [1] chương 3<br>[2] chương 3<br>[3] chương 2, 3 |
| 4 | Chương 4: REDD+ và thị trường carbon<br>4.1 Vị sao cần quản trị carbon<br>4.2 Thị trường carbon<br>4.3 CDM – Cơ chế phát triển sạch<br>4.4 Cơ chế REDD + | LT: 6 tiết | [1] chương 4<br>[2] chương 3,4,5<br>[3] chương 3 |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| **Buổi học/số tiết** | **Nội dung** | **Chuẩn đầu ra học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
|---|---|---|---|---|
| B1/T1-4 | **Chương 1: Giới thiệu về biến đổi khí hậu và rừng**<br>1.1 Biến đổi khí hậu | H1<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>Phương pháp thuyết trình kết hợp gợi mở, vấn đáp, thảo luận có sự tham gia của người học | + Câu hỏi đánh giá<br>+ Bài tập nhóm |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 1.1.1.Biến đổi khí hậu là gì<br>1.1.2. Làm thế nào để chúng ta biết được đang biến đổi khí hậu<br>1.2. Tính phức tạp của biến đổi khỏi khí hậu và tác động của chúng<br>1.2.1Các mặt của biến đổi khí hậu<br>1.3. Rừng - hệ sinh thái và tác động của Biến đổi khí hậu | | **Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- GV đặt vấn đề, gợi ý, sinh viên trả lời<br>- Sinh viên thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời<br>- Bài tập nhóm<br>- GV nhận xét, góp ý.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu tham khảo Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị bài trình bày , chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | -Hình thức đánh giá:<br>+ Sinh viên trả lời câu hỏi<br>+ Các nhóm trình bày kết quả chuẩn bị tại lớp và lắng nghe chia sẻ từ nhóm bạn |
| B2:T5 – T8 | **Chương 1: Giới thiệu về biến đổi khí hậu và rừng**<br>1.4. Vai trò của rừng và biến đổi khí hậu<br>1.4.1. Hệ sinh thái và biến đổi khí hậu<br>1.4.2. Làm thế nào rừng có thể làm giảm biến đổi khí hậu<br>1.4.3. Sự phức tạp dựa trên những phản hồi cơ bản đối với biến đổi khí hậu<br>1.4.4. Nhiều phương pháp tiếp cận đối với một mục tiêu khó nắm bắt: Hiểu biết cơ chế về phản hồi<br>1.4.5. Nhiệt độ nóng lên và kiến thức sinh lý học của chúng ta<br>1.4.6. Biến đổi khí hậu như một nguồn gốc của stress<br>1.4.7. Sự hiểu biết hạn chế của chúng ta về những biến cố đồng thời và tương tác | H1<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>Phương pháp thuyết trình kết hợp gợi mở, vấn đáp, thảo luận có sự tham gia của người học<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- GV đặt vấn đề, gợi ý, sinh viên trả lời<br>- Sinh viên thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời<br>- Bài tập nhóm<br>- GV nhận xét, góp ý.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu tham khảo Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị bài trình bày , chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | + Câu hỏi đánh giá<br>+ Bài tập nhóm<br>-Hình thức đánh giá:<br>+ Sinh viên trả lời câu hỏi<br>+ Các nhóm trình bày kết quả chuẩn bị tại lớp và lắng nghe chia sẻ từ nhóm bạn |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 1.5. Mở rộng quy mô cho cộng đồng<br>1.6. Thách thức về phản hồi phân phối mô hình để biến đổi khí hậu.<br>1.7. Sự quan tâm của quốc tế về biến đổi khí hậu | | | |
| B3: T9-T12 | **Chương 2: Rừng và Giảm thiểu biến đổi khí hậu**<br>2.1. Giảm thiểu<br>2.2. Hệ sinh thái rừng<br>2.3. Làm thế nào rừng có thể giảm thiểu được biến đổi khí hậu | H1, H2, H3, H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>Phương pháp thuyết trình kết hợp gợi mở, vấn đáp, thảo luận có sự tham gia của người học<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- GV đặt vấn đề, gợi ý, sinh viên trả lời<br>- Sinh viên thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời<br>- Bài tập nhóm<br>- GV nhận xét, góp ý.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu tham khảo Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị bài trình bày , chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | + Câu hỏi đánh giá<br>+ Bài tập nhóm<br>-Hình thức đánh giá:<br>+ Sinh viên trả lời câu hỏi<br>+ Các nhóm trình bày kết quả chuẩn bị tại lớp và lắng nghe chia sẻ từ nhóm bạn |
| B4: T13 –T16 | **Chương 2: Rừng và Giảm thiểu biến đổi khí hậu**<br>2.2.Hệ sinh thái rừng (tt)<br>2.3.Làm thế nào rừng có thể giảm thiểu được biến đổi khí hậu | H1, H2, H3, H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>Phương pháp thuyết trình kết hợp gợi mở, vấn đáp, thảo luận có sự tham gia của người học<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- GV đặt vấn đề, gợi ý, sinh viên trả lời<br>- Sinh viên thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời<br>- Bài tập nhóm<br>- GV nhận xét, góp ý.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu tham khảo | + Câu hỏi đánh giá<br>+ Bài tập nhóm<br>-Hình thức đánh giá:<br>+ Sinh viên trả lời câu hỏi<br>+ Các nhóm trình bày kết quả chuẩn bị tại lớp và lắng nghe chia sẻ từ nhóm bạn |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | | Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị bài trình bày, chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | |
| B5:T17-T20 | **Chương 3: Rừng và thích ứng với Biến đổi khí hậu**<br>3.1 Thích ứng là gì<br>3.2 Tại sao thích ứng là quan trọng<br>3.2.1 Thích ứng đối với rừng<br>3.2.2 Khả năng thích ứng của hệ sinh thái | H1, H2, H3, H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>Phương pháp thuyết trình kết hợp gợi mở, vấn đáp, thảo luận có sự tham gia của người học<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- GV đặt vấn đề, gợi ý, sinh viên trả lời<br>- Sinh viên thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời<br>- Bài tập nhóm<br>- GV nhận xét, góp ý.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu tham khảo Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị bài trình bày , chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | + Câu hỏi đánh giá<br>+ Bài tập nhóm<br>-Hình thức đánh giá:<br>+ Sinh viên trả lời câu hỏi<br>+ Các nhóm trình bày kết quả chuẩn bị tại lớp và lắng nghe chia sẻ từ nhóm bạn |
| B6: T21-T24 | **Chương 3: Rừng và thích ứng với Biến đổi khí hậu**<br>3.3 Lập kế hoạch cho khả năng thích ứng của rừng<br>3.3.1 Khả năng thích ứng của xã hội<br>3.3.2 Rừng có khả năng làm giảm các áp lực của BDKH lên xã hội<br>3.3.3 Vai trò của rừng trong các chính sách thích ứng<br>3.4 Tăng cường khả năng thích ứng của rừng | H1, H2, H3, H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>Phương pháp thuyết trình kết hợp gợi mở, vấn đáp, thảo luận có sự tham gia của người học<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- GV đặt vấn đề, gợi ý, sinh viên trả lời<br>- Sinh viên thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời<br>- Bài tập nhóm<br>- GV nhận xét, góp ý.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu tham khảo Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị bài trình bày , chuẩn bị câu hỏi … | + Câu hỏi đánh giá<br>+ Bài tập nhóm<br>-Hình thức đánh giá:<br>+ Sinh viên trả lời câu hỏi<br>+ Các nhóm trình bày kết quả chuẩn bị tại lớp và lắng nghe chia sẻ từ nhóm bạn |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | | **Địa điểm học:** - Giảng đường | |
| B7:T25-T28 | Chương 4: REDD+ và thị trường carbon<br>4.1 Vị sao cần quản trị carbon<br>4.2 Thị trường carbon<br><br>4.2.1 Nguồn gốc của thị trường carbon<br>4.2.2 Các loại thị trường carbon<br>4.3 CDM – Cơ chế phát triển sạch | H1, H2, H3, H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>Phương pháp thuyết trình kết hợp gợi mở, vấn đáp, thảo luận có sự tham gia của người học<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- GV đặt vấn đề, gợi ý, sinh viên trả lời<br>- Sinh viên thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời<br>- Bài tập nhóm<br>- GV nhận xét, góp ý.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu tham khảo Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị bài trình bày , chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | + Câu hỏi đánh giá<br>+ Bài tập nhóm<br>-Hình thức đánh giá:<br>+ Sinh viên trả lời câu hỏi<br>+ Các nhóm trình bày kết quả chuẩn bị tại lớp và lắng nghe chia sẻ từ nhóm bạn |
| B8:T29-T30 | Chương 4: REDD+ và thị trường carbon<br>4.4 Cơ chế REDD+ | H1, H2, H3, H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>Phương pháp thuyết trình kết hợp gợi mở, vấn đáp, thảo luận có sự tham gia của người học<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- GV đặt vấn đề, gợi ý, sinh viên trả lời<br>- Sinh viên thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời<br>- Bài tập nhóm<br>- GV nhận xét, góp ý.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu tham khảo Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị bài trình bày , chuẩn bị câu hỏi …<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | + Câu hỏi đánh giá<br>+ Bài tập nhóm<br>-Hình thức đánh giá:<br>+ Sinh viên trả lời câu hỏi<br>+ Các nhóm trình bày kết quả chuẩn bị tại lớp và lắng nghe chia sẻ từ nhóm bạn |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Hoàng Trọng Khánh. 2018. Bài giảng "*Rừng và biến đổi khí hậu"*. Trường Đại học Tây Nguyên

[2] Ben Vickers et al. 2013. Forests and Climate Change in the Asia-Pacific Region. FAO. 2010.

[3]. Rosário Alves et al. 2013. Climate change guidelines for forest managers. FAO.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[1] Bảo Huy, Võ Hùng 2013 Biến đổi khí hậu – Giải pháp giảm nhẹ và thích ứng thông qua Nông lâm kết hợp. Mạng lưới Giáo dục Nông lâm kết hợp Việt Nam.

[2] IPCC:

- IPCC Fourth Assessment Report. 2007 Synthesis Report. http://www.ipcc.ch/pdf/assessment-report/ar4/syr/ar4_syr_spm.pdf
- Working Group I Report "The Physical Science Basis". http://www.ipcc.ch/ipccreports/ar4-wg1.htm
- Working Group II Report "Impacts, Adaptation and Vulnerability. http://www.ipcc.ch/ipccreports/ar4-wg2.htm
- Working Group III Report "Mitigation of Climate Change". http://www.ipcc.ch/ipccreports/ar4-wg3.htm

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần: 30%
- Hoàn thành các bài tập được giao: 30%
- Điểm thứ 3: Hoàn thành bài kiểm tra: 40%

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)*

*7.4. Phần khác (nếu có):*

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 20%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 80%***

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H4 | 20% |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 20% |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 20% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 4 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 40% |
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Thi tự luận | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 80% |

*Ngày ….. tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | ThS. Phạm Đoàn Phú Quốc | PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN LÂM NGHIỆP**
**Mã học phần: NL216125**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**
Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1,5; Số tín chỉ thực hành: 0,5
Loại môn học: Tự chọn
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học song hành: Không
Học phần học trước: Không
Học phần tiên quyết: Không
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Cao Thị Lý; Số điện thoại: 0905 411 867; Email: caoly@ttn.edu.vn
Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Thị Tình ; Số điện thoại: 0385857887 ; Email:

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:** (ít nhất 150 từ)
Học phần này được dạy vào học kỳ 7 của chương trình đào tạo kỹ sư Quản lý tài nguyên rừng (QLTNR), sau khi sinh viên học các môn Lâm nghiệp xã hội, truyền thông thúc đẩy. Học phần nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về dự án và chu trình quản lý dự án lâm nghiệp (chú trọng các dự án lâm nghiệp xã hội – LNXH). Kiến thức của học phần có liên quan đến các môn chuyên ngành ở những học kỳ tiếp theo như: Quản lý rừng bền vững, Nông lâm kết hợp, thực tập tốt nghiệp (khóa luận hoặc chuyên đề). Tất cả kiến thức chuyên môn có liên quan giúp sinh viên QLTNR có thể liên hệ với thực tế và vận dụng tham gia trong đề xuất, xây dựng và quản lý các dự án lâm nghiệp.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**
*3.1. Mục tiêu học phần*
Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng
MT1. Trình bày được các khái niệm về dự án, dự án lâm nghiệp/ dự án LNXH, các giai đoạn của chu trình dự án
MT2. Trình bày và áp dụng được các kỹ thuật, công cụ PRA để thu thập và tổng hợp thông tin, dữ liệu phục vụ phân tích vấn đề và đề xuất dự án
MT3. Trình bày phương pháp lập kế hoạch định hướng mục tiêu (ZOOP), vận dụng đề có thể tham gia phân tích, xây dựng kế hoạch chiến lược của một dự án.
MT4. Phân biệt được giám sát và đánh giá có sự tham gia

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*
H1. Nhớ và hiểu được các khái niệm về về dự án, dự án LNXH, các giai đoạn của chu trình dự án
H2. Biết và vận dụng được các kỹ thuật, công cụ PRA để thu thập và tổng hợp thông tin
H3. Mô tả chu trình dự án và tham gia tiến trình phân tích tình huống, lập kế hoạch dự án
H4. Thái độ tôn trọng và hợp tác trong giao tiếp, làm việc với các bên liên quan, đặc biệt là người dân địa phương
H5. Cách ứng xử phù hợp với cộng đồng và nguồn tài nguyên rừng trong toàn bộ chu trình quản lý dự án.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C3 | C4 | C5 | C11 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | | | |
| H2 | | x | | x | | x | x |
| H3 | | | x | | x | x | |
| H4 | | | | | | x | x |
| H5 | | | | | | x | x |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. Khái niệm và đặc điểm của dự án LNXH**<br>**Nội dung:** Gồm 03 mục chính<br>1.6 Khái niệm dự án<br>1.7 Phân loại dự án<br>1.8 Dự án quản lý TNTN dựa vào cộng đồng | LT: 4 tiết<br>BT: 12 tiết<br>TH: 2 tiết | [1] Chương1;<br>[2]<br>[3][4] |
| 2 | **Chương 2. Tiếp cận có sự tham gia trong chu trình quản lý dự án LNXH**<br>**Nội dung:** Gồm 03 mục chính<br>2.1. Tiếp cận có sự tham gia<br>2.2. Phương pháp kỹ thuật PRA trong quản lý dự án<br>2.3. Phương pháp phân tích và tổng hợp thông tin | LT: 6 tiết<br>BT: 20 tiết<br>TH: 5 tiết | [1] Chương 2<br>[2]<br>[3];<br>[4]; |
| 3 | **Chương 3. Lập kế hoạch dự án định hướngl mục tiêu**<br>**Nội dung:** Gồm 05 mục chính<br>3.1. Giới thiệu phương pháp ZOOP<br>3.2. Giai đoạn phân tích<br>3.3. Giai đoạn lập kế hoạch<br>3.4. Phân tích rủi ro<br>3.5. Cấu trúc văn bản dự án | LT: 8 tiết<br>BT: 30 tiết<br>TH: 6 tiết | [1] Chương 3<br>[2];<br>[3];<br>[4] |
| 4 | **Chương 4. Tổ chức thực thi, giám sát và đánh giá dự án quản lý TNTN**<br>**Nội dung:** Gồm 03 mục chính<br>4.1. Thẩm định dự án<br>4.2. Tổ chức thực thi dự án<br>4.3. Giám sát, đánh giá có sự tham gia | LT: 4 tiết<br>BT: 12 tiết<br>TH: 2 tiết | [1] Chương 4, 5, 6<br>[2];<br>[3]<br>[4]<br>[5] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| **Buổi học/số tiết** | **Nội dung** | **CĐR học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
|---|---|---|---|---|
| Buổi học/số tiết<br><br>1 buổi/ 4,0 tiết | **Chương 1. Khái niệm và đặc điểm của dự án LN, LNXH**<br>**Nội dung:** Gồm 03 mục chính | H1<br>H3 | **Phương pháp dạy học: T**huyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập, …<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày | - Các câu trả lời tại lớp để củng cố các khái niệm<br>- Bài viết liên quan đến 03 nội dung, ví dụ minh |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | CĐR học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 1.1.Khái niệm dự án<br>1.2.Phân loại dự án<br>1.3.Dự án quản lý lâm nghiệp, LNXH | | - Thảo luận/ bài tập nhóm: Chủ đề xác dịnh dự án / dự án lâm nghiệp/ LNXH<br>- Thực hành: Chia sẻ kết quả thảo luận, trao đổi<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, thảo luận, chuẩn bị bài trình bày (PP) và chia sẻ, chuẩn bị câu hỏi trao đổi<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết + chia sẻ kết quả bài tập nhóm/ thảo luận)<br>- Sinh viên tự học ở nhà, thư viện,... | họa (gửi qua email hoặc nộp bản viết tay – linh hoạt tùy điều kiện sinh viên – nếu có)<br>- Bài trình bày chia sẻ của nhóm trước lớp và trao đổi về dự án lâm nghiệp, dự án LNXH |
| 1,5 buổi/ 6 tiết | **Chương 2. Tiếp cận có sự tham gia trong chu trình quản lý dự án**<br>**Nội dung:** Gồm 03 mục chính<br>2.1. Tiếp cận có sự tham gia<br>2.2. Phương pháp kỹ thuật PRA trong quản lý dự án<br>2.3. Phương pháp phân tích và tổng hợp thông tin | H1<br>H3<br>H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học: T**huyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập, …<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày các nội dung chính<br>- Thảo luận/ bài tập nhóm hoặc cá nhân: Chủ đề sử dụng bộ công cụ PRA và các phương pháp phân tích/tổng hợp<br>- Thực hành: Chia sẻ kết quả thảo luận, trao đổi<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>-Ghi chép, thảo luận, chuẩn bị bài trình bày (PP) và chia sẻ, chuẩn bị câu hỏi trao đổi<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết + chia sẻ kết quả bài tập nhóm/ thảo luận)<br>- Sinh viên tự học ở nhà, thư viện,... | - Các câu trả lời tại lớp để hiểu biết chung về tiếp cận có sự tham gia<br>- Bài viết liên quan đến tiếp cận có sự tham gia, ví dụ minh họa (gửi qua email hoặc nộp bản viết tay – linh hoạt tùy điều kiện sinh viên – nếu có)<br>- Bài trình bày chia sẻ của nhóm trước lớp và trao đổi về kết quả sử dụng công cụ PRA và các công cụ tổng hợp, phân tích thông tin |
| 2 buổi/ 8 tiết | **Chương 3. Lập kế hoạch dự án định hướng mục tiêu**<br>**Nội dung:** Gồm 05 mục chính | H3<br>H5 | **Phương pháp dạy học: T**huyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập, …<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày | - Các câu trả lời tại lớp về phương pháp ZOOP<br>- Bài viết liên quan đến giai |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | CĐR học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 3.1. Giới thiệu phương pháp ZOOP<br>3.2. Giai đoạn phân tích<br>3.3. Giai đoạn lập kế hoạch<br>3.4. Phân tích rủi ro<br>3.5. Cấu trúc văn bản dự án | | - Thảo luận/ bài tập nhóm: Chủ đề Phân tích tình huống và lập kế hoạch dự án BTTN có sự tham gia<br>- Thực hành: Chia sẻ kết quả thảo luận, trao đổi<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, thảo luận, chuẩn bị bài trình bày (PP) và chia sẻ, chuẩn bị câu hỏi trao đổi<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết + chia sẻ kết quả bài tập nhóm/ thảo luận)<br>- Sinh viên tự học ở nhà, thư viện,... | đoạn phân tích, phân tích rủi ro, ví dụ minh họa (gửi qua email hoặc nộp bản viết tay – linh hoạt tùy điều kiện sinh viên)<br>- Bài trình bày chia sẻ của nhóm trước lớp và trao đổi về chọn lựa ý tưởng dự án dựa trên thực tế; phân tích tình huống; lập kế hoạch |
| 1 buổi/ 4 tiết | **Chương 4. Tổ chức thực thi, giám sát và đánh giá dự án LNXH**<br>**Nội dung:** Gồm 03 mục chính<br>4.1. Thẩm định dự án<br>4.2. Tổ chức thực thi dự án<br>4.3. Giám sát, đánh giá có sự tham gia | H2<br>H4 | **Phương pháp dạy học: T**huyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập, …<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận/ bài tập nhóm: Chủ đề giám sát, đánh giá dự án bảo tồn TNTN<br>- Thực hành: Chia sẻ kết quả thảo luận, trao đổi<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, thảo luận, chuẩn bị bài trình bày (PP) và chia sẻ, chuẩn bị câu hỏi trao đổi<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết + chia sẻ kết quả bài tập nhóm/ thảo luận)<br>- Sinh viên tự học ở nhà, thư viện,... | - Các câu trả lời tại lớp về thẩm định, tổ chức thực thi dự án<br>- Bài trình bày chia sẻ của nhóm trước lớp và trao đổi về Giám sát, đánh giá có sự tham gia |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1]. Bảo Huy (2004): *Bài giảng Quản lý dự án Lâm nghiệp xã hội*, Trường Đại học Tây Nguyên, Đăk Lăk.

***- Sách tham khảo***

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2]. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2012): Dự án chương trình bảo tồn rừng – Forest Preservation Programme (FPP), Hà Nội.

[3]. Nguyễn Ngọc Lung (2013): Quản lý rừng bền vững tại Việt Nam-Cơ hội và thách thức, Viện quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng, Hà Nội.

[4]. Các trang web:

http://www.kent.ac.uk/courses/postgraduate/274/conservation-project-management

http://www.conservationmeasures.org/initiatives/standards-for-project-management

http://www.pmc.edu.vn/ (đào tạo và tư vấn quản lý dự án)

http://www.kiemlam.org.vn

[5]. Các văn bản pháp quy có liên quan (cập nhật)

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)*

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;

*7.4. Phần khác (nếu có):* Vận dụng để thực tập giáo trình cùng môn động vật rừng tại các khu bảo tồn hoặc các địa phương

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

(Trọng số điểm bộ phận <=30%; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1 – H5 | 50% |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | H2<br>H3<br>H4 | 10% |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan | H1 – H5 | 20% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| | | nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | | |
| 4 | Tiểu luận/Thí nghiệm, thực hành | Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên. | H2<br>H3<br>H5 | 10% |
| | | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra. | | |
| 5 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm. | H1<br>H2<br>H3 | 10% |
| Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | | | | 100% |

* Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể có đầy đủ các hình thức đánh giá trên, hoặc có thể thêm hay bớt cho phù hợp, nhưng đảm bảo tổng tỷ lệ điểm bộ phận là 100%. Việc đánh giá điểm bộ phận gồm các thành phần và tỷ lệ tương ứng như công bố, (kết quả điểm bộ phận × trọng số điểm bộ phận+điểm thi × trọng số thi)/100= kết quả học phần.

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Thi tự luận hoặc vấn đáp | H2<br>H3<br>H5 | 70% |

*Ngày … tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| | | **TS. Cao Thị Lý** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: NGHIỆP VỤ HÀNH CHÍNH LÂM NGHIỆP**
**Mã học phần: NL213200**

## 1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: **2**; Số tín chỉ lý thuyết: **2.0**; Số tín chỉ thực hành: **0.0**
Loại môn học: **Tự chọn**
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học song hành:
Học phần học trước:
Học phần tiên quyết:
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên: Họ và tên: **Trần Đình Thế**; Số điện thoại: **0913434357**;
Email: **tdthe@ttn.edu.vn**

## 2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Môn học sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ hành chính lâm nghiệp như: Tổ chức và hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp, cơ quan kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng; xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp; Quy chế quản lý búa bài và búa kiểm lâm; Quy chế kiểm tra, kiểm soát lâm sản...
Các nội dung trên được giới thiệu cho sinh viên thông qua nhiều phương pháp khác nhau như là thuyết trình, thảo luận nhóm, đóng vai, bài tập tình huống, tự nghiên cứu/tự học . . . do đó sinh viên cũng có thể tiếp cận môn học bằng nhiều cách khác nhau

## 3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1. Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản trên cơ sở quy định của pháp luật nói chung và pháp luật về Lâm nghiệp nói riêng để thực thi các công việc liên quan đến quản lý hành chính nhà nước về Lâm nghiệp; cụ thể là các hoạt động: quản lý, bảo vệ, sử dụng, phát triển rừng và chế biến, thương mại lâm sản.

MT2. Giúp người học có những kiến thức cơ bản về kỹ năng hành chính nhà nước nói chung; đọc và hiểu được các văn bản quy phạm pháp luật về các hoạt động hành chính Lâm nghiệp để vận dụng vào thực tiễn công việc khi giải quyết các mối quan hệ xã hội thuộc lĩnh vực hành chính Lâm nghiệp.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Người học được trang bị những kiến thức và kỹ năng hành chính cơ bản theo quy định của pháp luật Lâm nghiệp trong quản lý tài nguyên rừng, bảo vệ tài nguyên rừng.

H2. Người học có thể đọc và hiểu được các văn bản pháp luật về Lâm nghiệp; biết vận dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động hành chính Lâm nghiệp theo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền.

H3. Người học có ý thức công dân, tôn trọng pháp luật; tự giác, độc lập trong học tập; có tinh thần tự học, tự đào tạo; có tinh thần trách nhiệm, trung thực trong nghiên cứu khoa học

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | | | | | | | | | | | |

| Chuẩn đầu ra học phần | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H2 | x | | | | x | | | | | | | | | x | |
| H3 | | | | | | | | | | | | | | x | x |

**4. Cấu trúc học phần**

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. Phân loại rừng và quản lý các loại rừng.**<br>**Nội dung:**<br>Tiêu chí xác định các loại rừng<br>Trình tự, thủ tục thành lập và quản lý rừng đặc dụng.<br>Trình tự, thủ tục thành lập và quản lý rừng phòng hộ.<br>Bảo vệ, phát triển và khai thác lâm sản trong rừng sản xuất.<br>Đóng, mở cửa rừng tự nhiên. | LT: 6 tiết | [1], [2], [4] |
| 2 | **Chương 2. Quản lý hành chính nhà nước về Lâm nghiệp.**<br>**Nội dung:**<br>Các cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp.<br>Trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng.<br>Trình tự, thủ tục chuyển loại rừng; chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.<br>Trình tự, thủ tục thu hồi rừng.<br>Kiểm lâm.<br>Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng. | LT: 8 tiết<br>BT: 2 tiết | [1], [2], [4], [5] |
| 3 | **Chương 3. Xử lý vi phạm pháp luật hành chính về Lâm nghiệp**<br>**Nội dung:**<br>Những quy định chung về vi phạm pháp luật hành chính và xử lý vi phạm pháp luật hành chính.<br>Hành vi vi phạm pháp luật hành chính về lâm nghiệp.<br>Hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả.<br>Thẩm quyền xử phạt vi phạm pháp luật hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả.<br>Thủ tục xử phạt, thi hành quyết định xử phạt và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt.<br>Các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm pháp luật hành chính. | LT: 8 tiết<br>BT: 8 tiết | [1], [3], [6] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 6 tiết | **Chương 1. Phân loại rừng và quản lý các loại rừng.**<br>Tiêu chí xác định các loại rừng<br>Trình tự, thủ tục thành lập và quản lý rừng đặc dụng. | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày | - Đánh giá bằng bài thu hoạch của từng sinh viên và của nhóm. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | Trình tự, thủ tục thành lập và quản lý rừng phòng hộ.<br>Bảo vệ, phát triển và khai thác lâm sản trong rừng sản xuất.<br>Đóng, mở cửa rừng tự nhiên. | | - Thảo luận nhóm: sinh viên chia thành từng nhóm nhỏ 2 -3 người để trao đổi, thảo luận những nội dung của tiết học<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi về các vấn đề liên quan đến nội dung môn học<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | - Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp của từng sinh viên<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp |
| 10 tiết | **Chương 2. Quản lý hành chính nhà nước về Lâm nghiệp.**<br>Các cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp.<br>Trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng.<br>Trình tự, thủ tục chuyển loại rừng; chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.<br>Trình tự, thủ tục thu hồi rừng.<br>Kiểm lâm.<br>Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng. | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp.<br>PP giải các bài tập tình huống<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: sinh viên chia thành từng nhóm nhỏ 2 -3 người để trao đổi, thảo luận những nội dung của tiết học<br>- Giải các bài tập tình huống<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi để trao đổi trong lớp nhằm lĩnh hội tốt những nội dung của tiết học<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường | - Đánh giá bằng bài thu hoạch của từng sinh viên và của nhóm.<br>- Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp của từng sinh viên<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 16 tiết | **Chương 3. Xử lý vi phạm pháp luật hành chính về Lâm nghiệp**<br>Những quy định chung về vi phạm pháp luật hành chính và xử lý vi phạm pháp luật hành chính.<br>Hành vi vi phạm pháp luật hành chính về lâm nghiệp.<br>Hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả.<br>Thẩm quyền xử phạt vi phạm pháp luật hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả.<br>Thủ tục xử phạt, thi hành quyết định xử phạt và cưởng chế thi hành quyết định xử phạt.<br>Các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm pháp luật hành chính. | H1<br>H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp.<br>PP Giải các bài tập tình huống.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: sinh viên chia thành từng nhóm nhỏ 2 -3 người để trao đổi, thảo luận những nội dung của tiết học<br>- Làm các bài tập tình huống<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi để trao đổi trong lớp nhằm lĩnh hội tốt những nội dung của tiết học<br>**Địa điểm học:**<br>- Giảng đường<br>- Cơ sở Kiểm lâm | - Đánh giá bằng bài thu hoạch của từng sinh viên và của nhóm.<br>- Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp của từng sinh viên<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Trần Đình Thế (2020). Bài giảng Nghiệp vụ hành chính lâm nghiệp, Trường ĐHTN.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2] Quốc hội (2017). Luật Lâm nghiệp, NXB.Chính trị Quốc gia.

[3] Quốc hội (2013). Luật xử lý vi phạm pháp luật hành chính, NXB.Chính trị Quốc gia.

[4] Chính phủ (2018). Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

[5] Chính phủ (2019). Nghị định số 01/2019/NĐ-CP về kiểm lâm và lượng chuyên trách bảo vệ rừng.

[6] Chính phủ (2013, 2015, 2017). Nghị định số 157/2013, số 40/2015. Số 41/2017 Quy định về xử phạt vi phạm pháp luật hành chính trong quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 20 /30 tiết.

- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)*

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;

*7.4. Phần khác (nếu có):* Tham dự và viết thu hoạch về xử phạt vi phạm pháp luật hành chính một vụ việc tại Hạt kiểm lâm

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu:* cứ một tiết học ở lớp, sinh viên tự nghiên cứu tài liệu 3 tiết ở nhà.

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 20%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 80%***

(Trọng số điểm bộ phận <=30%; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H3 | 60% |
| 2 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H1<br>H2<br>H3 | 30% |
| 3 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, | H1<br>H2<br>H3 | 10% |
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

* Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể có đầy đủ các hình thức đánh giá trên, hoặc có thể thêm hay bớt cho phù hợp, nhưng đảm bảo tổng tỷ lệ điểm bộ phận là 100%. Việc đánh giá điểm bộ phận gồm các thành phần và tỷ lệ tương ứng như công bố, (kết quả điểm bộ phận × trọng số điểm bộ phận+điểm thi × trọng số thi)/100= kết quả học phần.

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá:<br>Thi tự luận | H1<br>H2<br>H3 | 100% |

*Ngày … tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | TS. Võ Hùng | ThS. Trần Đình Thế |

# ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
## TÊN HỌC PHẦN: KINH TẾ LÂM NGHIỆP
## Mã học phần: NL213163

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học trước:

Giảng viên giảng dạy:

1) TS. Tuyết Hoa Niê Kdăm; Số điện thoại: 0914028732
   Email: hoaniekdam@gmail.com
2) GVC.ThS. Bùi Ngọc Tân

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Kinh tế lâm nghiệp là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành lâm sinh. Học phần trang bị một cách hệ thống những kiến thức lý thuyết kinh tế học ngành lâm nghiệp và vận dụng vào thực tiễn phát triển lâm nghiệp Việt Nam. Các nội dung cụ thể bao gồm:

- Tổng quan về lâm nghiệp và phát triển lâm nghiệp;
- Hệ thống kinh tế lâm nghiệp;
- Các nguồn lực kinh tế trong lâm nghiệp;
- Hiệu quả kinh tế trong lâm nghiệp.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

Sau khi học xong học phần này, người học

- MT1: Có kiến thức cơ bản về đặc điểm, vai trò của sản xuất lâm nghiệp và phát triển lâm nghiệp bền vững;
- MT2: Hiểu rõ cơ cấu kinh tế lâm nghiệp gồm những bộ phận nào, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế lâm nghiệp hiện nay;
- MT3: Có kiến thức nền tảng về kinh tế sử dụng các nguồn lực (đất đai, lao động, vốn và khoa học công nghệ) trong lâm nghiệp;
- MT4: Có kiến thức nền tảng về hiệu quả kinh tế. Hiểu rõ lý thuyết thị trường lâm sản và cách xây dựng giá cây đứng lâm sản
- MT5: Có khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc lĩnh vực kinh tế và quản lý nông nghiệp.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

- H1: Nhận thức được vai trò của ngành lâm nghiệp đối với nền kinh tế và phát triển kinh tế - xã hội;
- H2: Dự đoán được xu hướng phát triển của ngành lâm nghiệp, các hình thức chuyển dịch chính trong cơ cấu kinh tế lâm nghiệp.
- H3: Phân tích được các vấn đề kinh tế chủ yếu trong sử dụng các nguồn lực lâm nghiệp (đất đai, lao động, vốn, khoa học công nghệ);
- H4: Vận dụng được lý thuyết hiệu quả kinh tế để so sánh và ra các quyết định nhằm lựa chọn phương án tối ưu trong điều kiện thị trường cạnh tranh;

***3.3.****Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C5 | … | C15 |
| H1 | | | X | | |
| H2 | | | X | | |

| Chuẩn đầu ra học phần | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C5 | … | C15 |
| H3 | | | X | | |
| H4 | | | X | | |

**4. Cấu trúc học phần**

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. Tổng quan về lâm nghiệp và phát triển kinh tế lâm nghiệp**<br>1.1. Khái niệm về lâm nghiệp<br>1.2. Đặc điểm và vai trò của sản xuất lâm nghiệp<br>1.3. Phát triển kinh tế lâm nghiệp<br>1.4. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn học | LT: 05 tiết<br>TL: 0 tiết | [1] chương 1<br>[2] chương 1<br>[3] chương 1<br>[4] chương 2<br>[7] phần I,II,III,IV |
| 2 | **Chương 2. Hệ thống Kinh tế Lâm nghiệp Việt Nam**<br>2.1. Khái niệm và đặc trưng của hệ thống kinh tế lâm nghiệp<br>2.2. Quản lý nhà nước về kinh tế trong lâm nghiệp<br>2.3. Cơ cấu kinh tế lâm nghiệp tại Việt Nam | LT: 05 tiết | [1] chương 1<br>[2] chương 2<br>[3] chương 3,4<br>[5] chương 2,3<br>[6] Hành chính và thể chế ngành lâm nghiệp; Định hướng và phát triển lâm nghiệp |
| 3 | **Chương 3. Các nguồn lực kinh tế trong lâm nghiệp**<br>3.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của các nguồn lực<br>3.2. Các nguồn lực chính trong sản xuất lâm nghiệp và mối quan hệ giữa các nguồn lực | LT:09 tiết | [1] chương 4<br>[2] chương 4<br>[4] chương 3 |
| 4 | **Chương 4. Hiệu quả kinh tế trong lâm nghiệp**<br>4.1. Lý thuyết về hiệu quả kinh tế<br>4.2. Tiêu chuẩn, chỉ tiêu và phương pháp đánh giá hiệu quả kinh tế trong lâm nghiệp.<br>4.3 Định giá tài nguyên rừng | LT: 10 tiết<br>TL: 0 tiết | [1] chương 5<br>[2] chương 2,4<br>[5] chương 5<br>[6] Kinh tế lâm nghiệp và đầu tư; Thương mại và tiếp thị lâm sản |
| 5 | **Kiểm tra** | 01 tiết | |
| **Tổng cộng** | | **1 tiết** | |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra HP | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Buổi thứ nhất (4 tiết) | **Chương 1. Tổng quan về lâm nghiệp** | H1 | **Phương pháp dạy học:** PP thuyết trình (GV và SV); PP gợi mở-vấn đáp. | **Đánh giá**: Chuyên cần; Mức |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra HP | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | **và phát triển kinh tế lâm nghiệp**<br>1.1. Khái niệm về lâm nghiệp<br>1.2. Đặc điểm và vai trò của sản xuất lâm nghiệp<br>1.3. Phát triển kinh tế lâm nghiệp | | **Hình thức tổ chức dạy học:** GV thuyết trình; SV thuyết trình; Phản biện giữa SV-SV; SV trả lời câu hỏi của GV<br>**Yêu cầu sinh viên:** Tham gia tích cực<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | độ tham gia phản biện<br>**Hình thức đánh giá**: Điểm danh; Số lượng câu trả lời (xung phong), số ý kiến phản biện. |
| Buổi thứ 2<br>(4 tiết) | **Chương 1. Tổng quan về lâm nghiệp và phát triển kinh tế lâm nghiệp (tiếp theo)**<br>1.3. Phát triển kinh tế lâm nghiệp<br>1.4. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn học<br>**Chương 2. Hệ thống Kinh tế Lâm nghiệp Việt Nam**<br>2.1. Khái niệm và đặc trưng của hệ thống kinh tế lâm nghiệp<br>2.2. Quản lý nhà nước về kinh tế trong lâm nghiệp | H1<br>H2 | **Phương pháp dạy học:** PP thuyết trình (GV và SV); PP gợi mở-vấn đáp.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** GV thuyết trình; Phản biện giữa SV-SV; SV trả lời câu hỏi của GV<br>**Yêu cầu sinh viên:** Đọc tài liệu trước buổi học; Tham gia tích cực.<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | **Đánh giá**: Chuyên cần; Mức độ tham gia phản biện<br>**Hình thức đánh giá**: Điểm danh; Số lượng câu trả lời (xung phong), số ý kiến phản biện. |
| Buổi thứ 3<br>(4 tiết) | **Chương 2. Hệ thống Kinh tế Lâm nghiệp Việt Nam (tiếp theo)**<br>2.2. Quản lý nhà nước về kinh tế trong lâm nghiệp<br>2.3. Cơ cấu kinh tế lâm nghiệp tại Việt Nam<br>**Chương 3. Các nguồn lực kinh tế trong lâm nghiệp**<br>3.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của các nguồn lực. | H2<br>H3 | **Phương pháp dạy học:** PP thuyết trình (GV và SV); PP gợi mở-vấn đáp.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** GV thuyết trình; Phản biện giữa SV-SV; SV trả lời câu hỏi của GV<br>**Yêu cầu sinh viên:** Đọc tài liệu trước buổi học; Tham gia tích cực.<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | **Đánh giá**: Chuyên cần; Mức độ tham gia phản biện<br>**Hình thức đánh giá**: Điểm danh; Số lượng câu trả lời (xung phong), số ý kiến phản biện. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra HP | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Buổi thứ 4<br>(4 tiết) | **Chương 3. Các nguồn lực kinh tế trong lâm nghiệp (tiếp theo)**<br>3.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của các nguồn lực.<br>3.2. Các nguồn lực chính trong sản xuất lâm nghiệp và mối quan hệ giữa các nguồn lực. | H3 | **Phương pháp dạy học:** PP thuyết trình (GV và SV); PP gợi mở-vấn đáp.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** GV thuyết trình; Phản biện giữa SV-SV; SV trả lời câu hỏi của GV<br>**Yêu cầu sinh viên:** Đọc tài liệu trước buổi học; Tham gia tích cực.<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | **Đánh giá**: Chuyên cần; Mức độ tham gia phản biện<br>**Hình thức đánh giá**: Điểm danh; Số lượng câu trả lời (xung phong), số ý kiến phản biện. |
| Buổi thứ 5<br>(4 tiết) | **Chương 3. Các nguồn lực kinh tế trong lâm nghiệp (tiếp theo)**<br>3.2. Các nguồn lực chính trong sản xuất lâm nghiệp và mối quan hệ giữa các nguồn lực<br>**Chương 4. Hiệu quả kinh tế trong lâm nghiệp**<br>4.1. Lý thuyết về hiệu quả kinh tế | H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:** PP thuyết trình (GV); PP gợi mở-vấn đáp<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** GV thuyết trình; SV trả lời câu hỏi của GV<br>**Yêu cầu sinh viên:** Đọc tài liệu trước buổi học; Tham gia tích cực<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | **Đánh giá**: Chuyên cần; Mức độ tham gia phản biện<br>**Hình thức đánh giá**: Điểm danh; Số lượng câu trả lời (xung phong), số ý kiến phản biện. |
| Buổi thứ 6<br>(4 tiết) | **Chương 4. Hiệu quả kinh tế trong lâm nghiệp**<br>4.2. Tiêu chuẩn, chỉ tiêu và phương pháp đánh giá hiệu quả kinh tế trong lâm nghiệp. | H3 | **Phương pháp dạy học:** PP thuyết trình (GV); PP gợi mở-vấn đáp<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** GV thuyết trình; SV trả lời câu hỏi của GV<br>**Yêu cầu sinh viên:** Đọc tài liệu trước buổi học<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | **Đánh giá**: Chuyên cần; Mức độ tham gia phản biện<br>**Hình thức đánh giá**: Điểm danh; Số lượng câu trả lời (xung phong), số ý kiến phản biện. |
| Buổi thứ 7<br>(4 tiết) | **Chương 4. Hiệu quả kinh tế trong lâm nghiệp (tiếp theo)**<br>4.3 Định giá tài nguyên rừng | H4 | **Phương pháp dạy học:** PP thuyết trình (GV); PP gợi mở-vấn đáp<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** GV thuyết trình; SV trả lời câu hỏi của GV<br>**Yêu cầu sinh viên:** Đọc tài liệu trước buổi học | **Đánh giá**: Chuyên cần; Mức độ tham gia phản biện<br>**Hình thức đánh giá**: Điểm danh; Số lượng câu trả lời (xung phong), |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra HP | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | | **Địa điểm học:** Giảng đường | số ý kiến phản biện. |
| Buổi thứ 8 (2 tiết) | **Chương 4. Hiệu quả kinh tế trong lâm nghiệp (tiếp theo)**<br>4.3 Định giá tài nguyên rừng<br>**Kiểm tra** | H4 | **Phương pháp dạy học:** PP thuyết trình (GV); PP gợi mở-vấn đáp<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** GV thuyết trình; SV trả lời câu hỏi của GV<br>**Yêu cầu sinh viên:** Đọc tài liệu trước buổi học<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | **Đánh giá**: Chuyên cần; Mức độ tham gia phản biện<br>**Hình thức đánh giá**: Điểm danh; Số lượng câu trả lời (xung phong), số ý kiến phản biện. |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Bùi Minh Vũ (2001), *Kinh tế lâm nghiệp*. NXB Thống kê.

[2] Nguyễn Xuân Đệ (Chủ biên, 2005), *Kinh tế lâm nghiệp*. NXB Nông nghiệp.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[3] Nguyễn Văn Tuấn – Trần Hữu Dào (2002), *Quản lý doanh nghiệp Lâm nghiệp*. NXB Nông nghiệp

[4] Phạm Xuân Hoàn (2003), *Lâm học*. NXB Nông nghiệp

[5] Phan Huy Đường (2015), Quản lý nhà nước về kinh tế. NXB Đại học Quốc gia. Hà Nội.

[6] Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2006), *Cẩm nang ngành lâm nghiệp*. Chương trình Hỗ trợ Ngành Lâm nghiệp và Đối tác (FSSP&P)

[7] Thủ tướng Chính phủ (2007), *Quyết định số 18/2007/QĐ-TTgngày 05 tháng 02 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020.*

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị bài giảng và nội dung thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)*

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận: Bạn hãy chọn một trong số các nguồn lực kinh tế trong lâm nghiệp từ đó phân tích hiệu quả sử dụng nguồn lực đó tại Việt Nam trong giai đoạn từ….đến….

*7.4. Phần khác (nếu có):*

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

(Trọng số điểm bộ phận <=30%; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | **Đánh giá thông qua:**<br>- Điểm danh;<br>- Mức độ chuẩn bị bài trước buổi học;<br>- Mức độ tham gia thảo luận và phản biện trên lớp | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 30% |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra | **Đánh giá thông qua:**<br>Chấm bài tập của sinh viên | H2<br>H3 | 30% |
| 4 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | **Đánh giá thông qua:**<br>Kiểm tra tự luận | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 40% |
| **Tổng** | | | | | **100%** |

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Thi tự luận | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 100% |

*Ngày … tháng … năm 20…*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: SINH KHỐI VÀ CARBON RỪNG**
**Mã học phần: NL216231**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1.5; Số tín chỉ thực hành: 0.5

Loại môn học: Tự chọn

Giảng viên giảng dạy:

Họ và tên: Nguyễn Thị Tình; Số điện thoại: 0385857887; Email: nguyentinhtyr@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Sinh khối và carbon rừng được giảng dạy ở năm thứ 4 trong chương trình đào tạo kỹ sư Lâm sinh, liên quan chặt chẽ các môn: Dịch vụ sinh thái môi trường rừng, rừng và biến đổi khí hậu, Ứng dụng tin học trong lâm nghiệp. Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng về phương pháp thu thập số liệu trên hiện trường, xử lý số liệu trong phòng thí nghiệm để lập mô hình ước tính sinh khối, phương pháp thiết lập mô hình sinh khối cây rừng tự nhiên, phương pháp xây dựng các mô hình thích hợp cho vùng sinh thái, hệ thống phân loại thực vật, thay đổi dưới sự ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái môi trường, lâm phần.

Ước tính được sinh khối và trữ lượng carbon tích lũy, $CO_2$ hấp thụ là thông tin và dữ liệu đầu vào cho việc giám sát biến động hấp thụ hay phát thải $CO_2$ ở các bể chứa carbon cho từng trạng thái của các kiểu rừng, vùng sinh thái khác nhau. Trong giai đoạn hiện nay cũng như trong tương lai, xác định lượng phát thải và hấp thụ $CO_2$ của rừng là một nhu cầu cấp thiết để tham gia vào chương trình của Liên Hiệp Quốc: "Giảm phát thải khí nhà kính từ mất rừng và suy thoái rừng – UN-REDD".

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1: Kiến thức về nhu cầu ước tính sinh khối, carbon rừng và chương trình REDD

MT2: Kiến thức tổng quan về tính toán, ước tính phát thải, hấp thụ CO2 rừng theo 5 bể chứa, thiết lập mô hình ước tính sinh khối, carbon rừng.

MT3: Kiến thức về nghiên cứu sinh khối và trữ lượng carbon của các trạng thái, kiểu rừng.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1: Vận dụng phương pháp lựa chọn, thiết lập và thu thập số liệu ô mẫu.

H2: Vận dụng phương pháp lựa chọn, chặt hạ và thu thập số liệu cây mẫu và lấy mẫu.

H3: Vận dụng phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm và xử lý số liệu các biến lập mô hình sinh khối.

H4: Vận dụng được phương pháp thiết lập các mô hình ước tính sinh khối cây rừng tự nhiên.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C3 | C4 | C6 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | x | | | | | | |
| H2 | x | | | | x | | | | | | |
| H3 | | | | | x | | | | | | |
| H4 | x | | | | x | | | | | | |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | Chương 1: Sinh khối rừng và chương trình giảm phát thải từ suy thoái và mất rừng tại các quốc gia đang phát triển – REDD | 8 tiết<br>LT: 4 tiết | [1] chương 1 |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 1.1. Sinh khối rừng<br>1.2. Chương trình REDD | BT: 4 tiết | [3] chương 1,2 |
| 2 | Chương 2: Cơ sở đo tính, giám sát sinh khối, carbon ở các bể chứa carbon<br>2.1. Các bể chứa carbon rừng<br>2.2. Cơ sở đo tính, giám sát sinh khối, carbon ở các bể chứa carbon | 8 tiết<br>LT: 4 tiết<br>BT: 4 tiết | [1] chương 1, 2<br>[3] chương 1,2,3 |
| 3 | Chương 3: Đo tính và giám sát sinh khối và carbon ở các bể chứa carbon<br>3.1. Bể chứa carbon của sinh khối trên mặt đất (AGB)<br>3.1.1. Thiết lập hệ thống ô mẫu điều tra sinh khối<br>3.1.2. Xây dựng mô hình sinh trắc ước tính sinh khối, carbon cho cây cá thể và lâm phần<br>3.1.3. Ước tính sinh khối, carbon trên mặt đất của lâm phần<br>3.2. Bể chứa carbon của sinh khối dưới mặt đất (BGB)<br>3.3. Bể chứa carbon của thảm mục (Litter), thảm tươi (Herb)<br>3.4. Bể chứa carbon của gỗ chết (Dead wood)<br>3.5. Bể chứa carbon của đất rừng (SOC) | 21.5 tiết<br>LT: 14.5 tiết<br>BT: 7 tiết | [1] chương 1,2,3<br>[2] chương 2,3<br>[3] chương 4,5,6,7 |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| 2 buổi/8 tiết | Chương 1: Sinh khối rừng và chương trình giảm phát thải từ suy thoái và mất rừng tại các quốc gia đang phát triển – REDD<br>1.1. Sinh khối rừng<br>1.2. Chương trình REDD | H4 | Phương pháp dạy học:<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, …<br>Hình thức tổ chức dạy học:<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm<br>- Thực hành<br>Yêu cầu sinh viên:<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>Địa điểm học:<br>- Giảng đường (cho các tiết lý thuyết) | - Liệt kê các bài đánh giá liên quan<br>- Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi file qua email)<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp (nếu đánh giá qua thảo luận) |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | | - Thực địa (cho các giờ thực hành) | |
| 2 buổi/8 tiết | Chương 2: Cơ sở đo tính, giám sát sinh khối, carbon ở các bể chứa carbon<br>2.1. Các bể chứa carbon rừng<br>2.2. Cơ sở đo tính, giám sát sinh khối, carbon ở các bể chứa carbon | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | Phương pháp dạy học:<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, …<br>Hình thức tổ chức dạy học:<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>-Thảo luận nhóm<br>- Thực hành<br>Yêu cầu sinh viên:<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi …<br>Địa điểm học:<br>- Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)<br>- Thực địa (cho các giờ thực hành) | - Liệt kê các bài đánh giá liên quan<br>- Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi file qua email)<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp (nếu đánh giá qua thảo luận) |
| 5.5 buổi/21.5 tiết | Chương 3: Đo tính và giám sát sinh khối và carbon ở các bể chứa carbon<br>3.1. Bể chứa carbon của sinh khối trên mặt đất (AGB)<br>3.1.1. Thiết lập hệ thống ô mẫu điều tra sinh khối<br>3.1.2. Xây dựng mô hình sinh trắc ước tính sinh khối, carbon cho cây cá thể và lâm phần<br>3.1.3. Ước tính sinh khối, carbon trên mặt đất của lâm phần | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | Phương pháp dạy học:<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, …<br>Hình thức tổ chức dạy học:<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>-Thảo luận nhóm<br>- Thực hành | - Liệt kê các bài đánh giá liên quan<br>- Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi file qua email)<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp (nếu đánh giá qua thảo luận) |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 3.2. Bể chứa carbon của sinh khối dưới mặt đất (BGB)<br>3.3. Bể chứa carbon của thảm mục (Litter), thảm tươi (Herb)<br>3.4. Bể chứa carbon của gỗ chết (Dead wood)<br>3.5. Bể chứa carbon của đất rừng (SOC) | | | |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

1. Bảo Huy (2017). Phương pháp thiết lập và thẩm định chéo mô hình ước tính sinh khối cây rừng tự nhiên. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

2. Bảo Huy (2017). Tin học thống kê trong lâm nghiệp. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
3. Đặng Thịnh Triều, Vũ Tấn Phương, Phùng Văn Khoa (2012). Sinh khối và trữ lượng carbon rừng tự nhiên. Nxb. Nông Nghiệp.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thực hành*

- Các bài thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thực hành.

*7.3. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 20% |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 20% |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm | H1<br>H2 | 20% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| | | nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H3<br>H4 | |
| 4 | Thực hành | Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 25% |
| | | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành của sinh viên, đánh giá qua bài tập thực hành của sinh viên. | | |
| 5 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, thực hành. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 15% |
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Thi tự luận. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 100% |

*Ngày … tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương | ThS. Nguyễn Thị Tình |

# ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
# TÊN HỌC PHẦN: CÔNG TRÌNH LÂM NGHIỆP
# Mã học phần: NL213162

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 1,5; Số tín chỉ thực hành: 0,5

Loại môn học: Tự chọn.

Giảng viên giảng dạy:

Họ và tên: Đào Xuân Thu;

Số điện thoại: 0914130031; Email: dxthudhtn63@gmail.com.

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Công trình lâm nghiệp cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cấu tạo, thiết kế sơ bộ, dự toán giá thành xây dựng cho một số công trình cơ bản: nhà ở dân dụng, đập giữ nước, đường ô tô lâm nghiệp, cầu, cống, đường tràn, đường thấm… Giới thiệu và tìm hiểu tính chất, công dụng của một số vật liệu xây dựng cơ bản.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

- Cung cấp các kiến thức cơ bản về vật liệu xây dựng, thiết kế dự toán cho các công trình xây dựng: nhà cửa, cầu cống, đường ô tô lâm nghiệp… (M1).
- Sinh viên về cơ bản vẽ được thiết kế, dự toán được giá thành cho một số công trình lâm nghiệp: nhà cửa, cầu cống, đường ô tô lâm nghiệp (M2).
- Sử dụng được ở mức cơ bản một số các công cụ và thiết bị trong xây dựng: máy trộn bê tông, máy đo lưu lượng nước, máy đo vận tốc dòng chảy (M3).
- Rèn luyện thái độ, quan điểm và cách nhìn nhận tích cực trong học tập, làm việc sau này. Đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng các công trình Lâm nghiệp (M4).

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

| **Mã CĐR** | **Nội dung chuẩn đầu ra** |
|---|---|
| Về kiến thức | |
| H1 | *Hiểu được một số nguyên tắc trong xây dựng cơ bản và những yêu cầu đối với công trình lâm nghiệp.* |
| H2 | *Hiểu và nhớ được các loại vật liệu xây dựng.* |
| H3 | *Hiểu và nhớ được cách thiết kế và dự toán nhà ở dân dụng.* |
| H4 | *Hiểu và nhớ được cấu tạo tính toán đập đất, trạm thủy điện nhỏ.* |
| H5 | *Hiểu và nhớ được cấu tạo, đặc điểm, bình đồ, trắc dọc, nền đường, áo đường* |
| H6 | *Hiểu và nhớ được cấu tạo của các công trình vượt dòng trên đường ô tô lâm nghiệp.* |
| Về kỹ năng | |
| H7 | *Phân tích và áp dụng được các loại vật liệu xây dựng cơ bản.* |
| H8 | *Phân tích và áp dụng được các loại đá tự nhiên, đá nhân tạo trong xây dựng.* |
| H9 | *Phân tích và áp dụng được các loại bê tông.* |
| H10 | *Phân tích và áp dụng được các loại vữa.* |
| H11 | *Vẽ được các bản vẽ Thiết kế một số công trình xây dựng cơ bản trong lâm nghiệp.* |
| H12 | *Dự toán được giá thành xây dựng một số công trình xây dựng cơ bản trong lâm nghiệp.* |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| H13 | *Tự phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị.* |

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | *C1* | *C2* | *C3* | *C4* | *C5* | *C6* | *C7* | *C8* | *C9* | *C10* | *C11* | *C12* | *C13* | *C14* | *C15* |
| H1 | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | | x | x | x |
| H2 | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | | | x | | x |
| H3 | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | | | x | | x |
| H4 | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | | | x | | x |
| H5 | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | | | x | | x |
| H6 | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | | | x | | x |
| H7 | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | | | x | | x |
| H8 | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | | x | x | x |
| H9 | x | x | x | x | x | x | x | x | | | | | | | x |
| H10 | x | x | x | x | x | x | x | x | | | | | | | x |
| H11 | x | x | x | x | x | x | x | x | | | | | | | x |
| H12 | x | x | x | x | x | x | x | x | | | | | | | x |
| H13 | x | x | x | x | x | x | x | x | | | | | | | |

## 4. Cấu trúc học phần

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. Những khái niệm cơ bản về Công trình Nông thôn**<br>. Khái niệm<br>. Một số nguyên tắc trong xây dựng cơ bản<br>. Những yêu cầu đối với công trình Nông thôn<br>Câu hỏi ôn tập chương 1 | LT: 2 tiết | [1] chương 1 |
| 2 | **Chương 2. Vật liệu xây dựng**<br>2.1. Đất xây dựng<br>2.1.1. Khái niệm<br>2.1.2. Tính phân tán của đất<br>2.1.3. Các loại nước trong đất<br>2.1.4. Các loại khí trong đất<br>2.1.5. Các tính chất cơ bản của đất xây dựng<br>2.2. Các loại vật liệu xây dựng khác<br>2.2.1. Đá tự nhiên<br>2.2.2. Bê tông<br>2.2.3. Xi măng<br>2.2.4. Vữa xây dựng<br>Câu hỏi ôn tập chương 2 | LT: 4 tiết | [1] chương 2 |
| 3 | **Chương 3. Nhà dân dụng**<br>3.1. Khái niệm, phân loại nhà dân dụng<br>3.2. Các bộ phận chính của nhà dân dụng<br>Câu hỏi ôn tập chương 3 | LT: 4 tiết<br>BT: 3 tiết | [1] chương 3 |
| 4 | **Chương 4. Đập giữ nước và trạm thuỷ điện nhỏ**<br>4.1. Khái niệm công dụng của đập giữ nước | LT: 6 tiết<br>BT: 2 tiết | [1] chương 4 |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 4.2. Cấu tạo và tính toán đập đất<br>4.3. Trạm thuỷ điện nhỏ<br>Câu hỏi ôn tập chương 4 | | |
| 5 | **Chương 5. Đường ô tô Lâm nghiệp**<br>5.1. Khái niệm, phân loại đường ô tô Lâm nghiệp<br>5.2. Bình đồ tuyến đường<br>5.3. Trắc dọc tuyến đường<br>5.4. Nền đường<br>5.5. Áo đường<br>Câu hỏi ôn tập chương 5 | LT: 4 tiết<br>BT: 1 tiết | [1] chương 5 |
| 6 | **Chương 6. Công trình vượt dòng trên đường ô tô Lâm nghiệp**<br>6.1. Xác định vị trí công trình và lưu lượng dòng chảy<br>6.2. Cầu<br>6.3. Cống<br>6.4. Đường tràn<br>6.5. Đường thấm<br>Câu hỏi ôn tập chương 6 | LT: 2,5 tiết<br>BT: 1,5 tiết | [1] chương 6 |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Buổi học 1/số tiết: 2 | Chương 1. Những khái niệm cơ bản về Công trình Nông thôn | *H1. Hiểu được một số nguyên tắc trong xây dựng cơ bản và những yêu cầu đối với công trình lâm nghiệp.*<br>*H13. Tự phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị.* | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, **Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu,<br>Ghi chép<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | |
| Buổi học 2/số tiết: 4 | Chương 2. Vật liệu xây dựng | *H2. Hiểu và nhớ được các loại vật liệu xây dựng.*<br>*H.7 Phân tích và áp dụng được các loại vật liệu xây dựng cơ bản.*<br>*H8. Phân tích và áp dụng được các loại đá tự nhiên, đá nhân tạo trong xây dựng.*<br>*H9. Phân tích và áp dụng được các loại bê tông.* | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, **Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | . |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | *H9. Phân tích và áp dụng được các loại vữa.*<br>*H13. Tự phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị.* | | |
| Buổi học 3/số tiết: 4 | Chương 3. Nhà dân dụng | *H3. Hiểu và nhớ được cách thiết kế và dự toán nhà ở dân dụng.*<br>*H11. Vẽ được các bản vẽ Thiết kế một số công trình xây dựng cơ bản trong lâm nghiệp.*<br>*H12. Dự toán được giá thành xây dựng một số công trình xây dựng cơ bản trong lâm nghiệp.*<br>*H13. Tự phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị.* | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình,<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>- Thực hành: Hướng dẫn thiết kế nhà ở dân dụng.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi.<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)<br>- Phòng thí nghiệm (cho các giờ thực hành) | + Báo cáo của nhóm trước lớp về các nội dung thực hành. |
| Buổi học 4/số tiết: 4 | Chương 4. Đập giữ nước và trạm thuỷ điện nhỏ | *H4. Hiểu và nhớ được cấu tạo tính toán đập đất, trạm thủy điện nhỏ.*<br>*H10. Phân tích và áp dụng được kỹ thuật vận xuất gỗ.*<br>*H11. Vẽ được các bản vẽ Thiết kế một số công trình xây dựng cơ bản trong lâm nghiệp.*<br>*H12. Dự toán được giá thành xây dựng một số công trình xây dựng cơ bản trong lâm nghiệp.*<br>*H13. Tự phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị.* | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình,<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>- Thực hành: tìm hiểu cấu tạo đập đất. Phương pháp tính thấm đập<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi.<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)<br>- Phòng thí nghiệm (cho các giờ thực hành) | + Báo cáo của nhóm trước lớp về các nội dung thực hành. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Buổi học 5/số tiết: 4 | Chương 5. Đường ô tô Lâm nghiệp | *H5. Hiểu và nhớ được cấu tạo, đặc điểm, bình đồ, trắc dọc, nền đường, áo đường*<br>*H11. Vẽ được các bản vẽ Thiết kế một số công trình xây dựng cơ bản trong lâm nghiệp.*<br>*H12. Dự toán được giá thành xây dựng một số công trình xây dựng cơ bản trong lâm nghiệp.*<br>*H13. Tự phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị.* | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình,<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>- Thực hành: tìm hiểu cấu tạo đường. Phương pháp tính khối lượng đất đắp đập.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi.<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)<br>- Phòng thí nghiệm (cho các giờ thực hành) | + Báo cáo của nhóm trước lớp về các nội dung thực hành. |
| Buổi học 6/số tiết: 4 | Chương 6. Công trình vượt dòng trên đường ô tô Lâm nghiệp | *H6. Hiểu và nhớ được cấu tạo của các công trình vượt dòng trên đường ô tô lâm nghiệp.*<br>*H11. Vẽ được các bản vẽ Thiết kế một số công trình xây dựng cơ bản trong lâm nghiệp.*<br>*H12. Dự toán được giá thành xây dựng một số công trình xây dựng cơ bản trong lâm nghiệp.*<br>*H13. Tự phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị.* | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình,<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>- Thực hành:<br>+ Vẽ thiết kế đập.<br>+ Thực hành tính thấm đập.<br><br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi.<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)<br>- Phòng thí nghiệm (cho các giờ thực hành) | + Báo cáo của nhóm trước lớp về các nội dung thực hành. |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Đào Xuân Thu (2018). Công trình Lâm nghiệp. Bài giảng Đại học Tây nguyên.

*6.2. Tài liệu tham khảo*

[2] Nguyễn Tấn Quỳnh (2012). Công trình Lâm nghiệp, nhà xuất bản Nông nghiệp.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành*

- Tham gia đầy đủ các buổi thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

*7.3. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận: 15; Trọng số thi kết thúc học phần: 85***

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1 đến H13 | 30% |
| 2 | Thực hành | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra. | H2; H4 H6; H7; H9; H10; H11; H12 | 20% |
| 3 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận. | H1 đến H13 | 50% |
| Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | | | | 100% |

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Thi tự luận. | H1 đến H13 | 85% |

*Ngày ... tháng 10 năm 202*

| Trưởng khoa | Trưởng Bộ môn | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | TS. Hoàng Văn Chuyển | TS. Đào Xuân Thu |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: LÂM NGHIỆP ĐÔ THỊ**
**Mã học phần: NL216144**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**
Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 1,5; Số tín chỉ thực hành: 0,5.
Loại môn học: Tự chọn
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học trước:
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Đức Định; Số điện thoại: 0914484068;
Email: nddinh@ttn.edu.vn
Giảng viên 2: Họ và tên:……; Số điện thoại:……..; Email:……

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Lâm nghiệp đô thị có thể được định nghĩa là các mạng hoặc hệ thống bao gồm tất cả các khu rừng, các nhóm cây và các cây riêng lẻ nằm trong khu vực đô thị và vùng ven đô; do đó, chúng bao gồm các mảng rừng, cây đường trên đường phố, cây trong công viên và khuôn viên, Lâm nghiệp đô thị là xương sống của cơ sở hạ tầng xanh, cầu nối giữa khu vực nông thôn và thành thị và cải thiện điều kiện môi trường của thành phố.

Học phần giới thiệu tổng quan về lâm nghiệp đô thị, vai trò, chức năng, môi trường sống, các loại hình cây xanh và rừng đô thị, các nguyên lý lâm sinh và các giải pháp kỹ thuật áp dụng cho các loại hình rừng và cây xanh đô thị chủ yếu, giới thiệu chung về quản lý và quy hoạch cây xanh đô thị

Học phần là môn học tự chọn, là môn học cơ sở của chuyên ngành lâm nghiệp có liên quan đến một số học phần chuyên môn khác như cây rừng, kỹ thuật lâm sinh, điều tra rừng, bệnh cây, trồng rừng

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng:

MT1: Có những kiến thức cơ bản về lâm nghiệp đô thị

MT2: Hiểu được những lợi ích của rừng và cây xanh trong đô thị

MT3: Vận dụng được các giải pháp kỹ thuật, quản lý và quy hoạch các loại hình rừng và cây xanh đô thị, vai trò của chúng trong các đô thị hiện nay

MT4: Xây dựng phẩm chất nhân cách của người kỹ sư và lòng yêu thiên nhiên từ đó có hướng sử dụng, gieo trồng và bảo vệ cây xanh đô thị

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

Năng lực sinh viên đạt được sau khi học xong học phần:

H1: Nắm vững những vấn đề cơ bản về lâm nghiệp đô thị

H2: Phân biệt được lâm nghiệp đô thị với lâm nghiệp truyền thống.

H3: Nắm vững các giải pháp kỹ thuật áp dụng cho các loại hình cây xanh và rừng đô thị.

H4: Vận dụng được các kỹ thuật để tạo cây con, trồng và chăm sóc bảo dưỡng chúng trên cơ sở hiểu biết về đặc điểm hình thái, đặc tính sinh lý sinh thái của cây xanh đô thị.

H5: Bồi dưỡng phẩm chất nhân cách của người kỹ sư và lòng yêu thiên nhiên từ đó có hướng sử dụng, gieo trồng và bảo vệ cây xanh đô thị

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | x | | | | | | | | | | | | |
| H2 | | | x | | | | | | | | | | | | |
| H3 | | | | | | | | | x | | | | | | |
| H4 | | | x | | | | | | x | | | | | | |
| H5 | | | | | | | | | | | | | | | x |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. Những vấn đề cơ bản của lâm nghiệp đô thị**<br>1.1 Khái niệm về cảnh quan đô thị<br>1.2 Đối tượng và mục đích môn học Lâm nghiệp đô thị<br>1.3 Nội dung môn học<br>1.4 Phương pháp luận nghiên cứu môn học<br>1.5 Lịch sử phát triển khoa học về lâm nghiệp đô thị<br>1.6 Quan hệ giữa lâm nghiệp đô thị với các môn học khác<br>1.7 Nhiệm vụ của lâm nghiệp đô thị ở Việt Nam | LT: 2 tiết | [1] chương 1<br>[2] chương 1&2<br>[5] chương 1 |
| 2 | **Chương 2. Những lợi ích của rừng và cây xanh trong môi trường đô thị**<br>2.1Tác dụng cải thiện khí hậu của cây xanh<br>2.2 Công dụng trong kỹ thuật học môi sinh<br>2.3 Công dụng trang trí cảnh quan và kiến trúc<br>2.4 Công dụng khác | LT: 3 tiết | [1] chương 2<br>[5] chương 2 |
| 3 | **Chương 3. Môi trường sống của rừng và cây xanh đô thị**<br>3.1 Không gian sinh trưởng của cây xanh đô thị<br>3.2 Đất trồng cây<br>3.3 Tiểu khí hậu<br>3.4 Ô nhiễm<br>3.5 Tác động của con người | LT: 3 tiết | [1] chương 3<br>[2] chương 3<br>[5] chương 3 |
| 4 | **Chương 4. Phân loại hệ thống rừng và cây xanh đô thị**<br>4.1 Khái niệm về mảng xanh đô thị<br>4.2 Mục đích của việc phân loại<br>4.3 Các thành phần cây xanh đô thị<br>4.4 Các loại rừng đô thị | LT: 2 tiết | [1] chương 4<br>[2] chương 3<br>[5] chương 4 |
| 5 | **Chương 5: Các giải pháp kỹ thuật áp dụng cho cây xanh đường phố**<br>5.1 Các tiêu chuẩn chọn cây trồng đường phố<br>5.2 Các yếu tố tham gia trong quá trình chọn cây trồng ở đường phố<br>5.3 Thiết kế trồng cây trên đường phố.<br>5.4 Kỹ thuật trồng câyải tạo và thay thế cây đường phố. | LT: 5 tiết | [1] chương 5<br>[2] chương 3<br>[4]<br>[5] chương 5 |
| 6 | **Chương 6:Các giải pháp kỹ thuật áp dụng cho cây xanh công viên, lâm viên**<br>6.1 Các kỹ thuật dưỡng cây | LT: 4 tiết | [1] chương 6<br>[2] chương 3<br>[4] |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 6.2 Các kỹ thuật dưỡng lâm<br>6.3 Các nguyên tắc thiết kế và chọn loài cho một công viên | | [5] chương 5 |
| 7 | **Chương 7:Các hình thức trồng cây trong chậu ở đô thị**<br>7.1 Bố trí chậu cây<br>7.2 Các hình thức bố trí chậu cây<br>7.3 Các kiểu vườn cây với các chậu<br>7.4 Thiết kế một chậu cây và vườn từ cây trong chậu<br>7.5 Các kỹ thuật áp dụng cho cây trồng trong chậu | LT: 3 tiết | [1] chương 7<br>[5] chương 5 |
| 8 | **Phần thực hành**<br>8.1 Thực tế các công việc trong vườn ươm cây cảnh quan<br>8.2 Điều tra hiện trạng một tuyến đường<br>8.3 Điều tra hiện trạng một công viên, hoa viên<br>8.4 Điều tra đánh giá một khu rừng cảnh quan | TH :15 tiết | [[5] chương 5<br>[2] chương 3 |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Tiết 1-2 | **Chương 1. Những vấn đề cơ bản của lâm nghiệp đô thị**<br>1.1 Khái niệm về cảnh quan đô thị<br>1.2 Đối tượng và mục đích môn học Lâm nghiệp đô thị<br>1.3 Nội dung môn học<br>1.4 Phương pháp luận nghiên cứu môn học<br>1.5 Lịch sử phát triển khoa học về lâm nghiệp đô thị<br>1.6 Quan hệ giữa lâm nghiệp đô thị với các môn học khác<br>1.7 Nhiệm vụ của lâm nghiệp đô thị ở Việt Nam | H1<br>H2 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, và PP gợi mở-vấn đáp, trao đổi thảo luận<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày có hình ảnh minh họa<br>- Đặt các câu hỏi liên quan đến các nội dung của tiết học cho sinh viên trao đổi trả lời.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc trước tài liệu<br>- Nghe giảng và trả lời các câu hỏi cùng việc trao đổi thảo luận những nội dung cần làm rõ với giảng viên.<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | + Đánh giá thái độ tích cực và độ chính xác tham gia trả lời câu hỏi của sinh viên trong giờ giảng |
| Tiết 3-5 | **Chương 2. Những lợi ích của rừng và cây xanh trong môi trường đô thị**<br>2.1Tác dụng cải thiện khí hậu của cây xanh<br>2.2 Công dụng trong kỹ thuật học môi sinh<br>2.3 Công dụng trang trí cảnh quan và kiến trúc | H1<br>H2<br>H5 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, và PP gợi mở-vấn đáp, trao đổi thảo luận<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày có hình ảnh minh họa | + Báo cáo của nhóm trước lớp được giảng viên theo dõi đánh giá |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 2.4 Công dụng khác | | - Đặt các câu hỏi liên quan đến các nội dung của tiết học cho sinh viên trao đổi trả lời.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc trước tài liệu<br>- Nghe giảng và trả lời các câu hỏi cùng việc chia nhóm trao đổi thảo luận những nội dung của bài giảng<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | |
| Tiết 6 - 8 | **Chương 3. Môi trường sống của rừng và cây xanh đô thị**<br>3.1 Không gian sinh trưởng của cây xanh đô thị<br>3.2 Đất trồng cây<br>3.3 Tiểu khí hậu<br>3.4 Ô nhiễm<br>3.5 Tác động của con người | H3<br>H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, và PP gợi mở-vấn đáp, trao đổi thảo luận<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày có hình ảnh minh họa<br>- Đặt các câu hỏi liên quan đến các nội dung của tiết học cho sinh viên trao đổi trả lời.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc trước tài liệu<br>- Nghe giảng và trả lời các câu hỏi cùng việc chia nhóm trao đổi thảo luận những nội dung của bài giảng<br>**Địa điểm học:** Giảng đường<br>- | + Đánh giá thông qua trao đổi trả lời của sinh viên<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp được giảng viên theo dõi đánh giá |
| Tiết 9 - 10 | **Chương 4. Phân loại hệ thống rừng và cây xanh đô thị**<br>4.1 Khái niệm về mảng xanh đô thị<br>4.2 Mục đích của việc phân loại<br>4.3 Các thành phần cây xanh đô thị<br>4.4 Các loại rừng đô thị | H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, và PP gợi mở-vấn đáp, trao đổi thảo luận<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày có hình ảnh minh họa<br>- Đặt các câu hỏi liên quan đến các nội dung của tiết học cho sinh viên trao đổi trả lời.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc trước tài liệu<br>- Nghe giảng và trả lời các câu hỏi cùng việc chia nhóm | + Báo cáo của nhóm trước lớp được giảng viên theo dõi đánh giá |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | | trao đổi thảo luận những nội dung của bài giảng<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | |
| Tiết 11 - 15 | **Chương 5: Các giải pháp kỹ thuật áp dụng cho cây xanh đường phố**<br>5.1 Các tiêu chuẩn chọn cây trồng đường phố<br>5.2 Các yếu tố tham gia trong quá trình chọn cây trồng ở đường phố<br>5.3 Thiết kế trồng cây trên đường phố.<br>5.4 Kỹ thuật trồng câyải tạo và thay thế cây đường phố. | H3<br>H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, và PP gợi mở-vấn đáp, trao đổi thảo luận<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày có hình ảnh minh họa<br>- Đặt các câu hỏi liên quan đến các nội dung của tiết học cho sinh viên trao đổi trả lời.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc trước tài liệu<br>- Nghe giảng và trả lời các câu hỏi cùng việc chia nhóm trao đổi thảo luận những nội dung của bài giảng<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | + Báo cáo của nhóm trước lớp được giảng viên theo dõi đánh giá<br>+ Mỗi sinh viên làm một bài viết thu hoạch về cây đường phố nộp lại cho giáo viên (có thể bản cứng A4 hoặc qua email) |
| Tiết 16 - 19 | **Chương 6:Các giải pháp kỹ thuật áp dụng cho cây xanh công viên, lâm viên**<br>6.1 Các kỹ thuật dưỡng cây<br>6.2 Các kỹ thuật dưỡng lâm<br>6.3 Các nguyên tắc thiết kế và chọn loài cho một công viên | H3<br>H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, và PP gợi mở-vấn đáp, trao đổi thảo luận<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày có hình ảnh minh họa<br>- Đặt các câu hỏi liên quan đến các nội dung của tiết học cho sinh viên trao đổi trả lời.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc trước tài liệu<br>- Nghe giảng và trả lời các câu hỏi cùng việc chia nhóm trao đổi thảo luận những nội dung của bài giảng<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | + Đánh giá thông qua trao đổi trả lời của sinh viên<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp được giảng viên theo dõi đánh giá<br>+ Mối sinh viên làm một bài thu hoạch về việc lựa chọn cây trồng trong công viên để nộp đánh giá. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Tiết 20 - 22 | **Chương 7:Các hình thức trồng cây trong chậu ở đô thị**<br>7.1 Bố trí chậu cây<br>7.2 Các hình thức bố trí chậu cây<br>7.3 Các kiểu vườn cây với các chậu<br>7.4 Thiết kế một chậu cây và vườn từ cây trong chậu<br>7.5 Các kỹ thuật áp dụng cho cây trồng trong chậu | H3<br>H4<br>H5 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, và PP gợi mở-vấn đáp, trao đổi thảo luận<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày có hình ảnh minh họa<br>- Đặt các câu hỏi liên quan đến các nội dung của tiết học cho sinh viên trao đổi trả lời.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc trước tài liệu<br>- Nghe giảng và trả lời các câu hỏi cùng việc chia nhóm trao đổi thảo luận những nội dung của bài giảng<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | + Đánh giá thông qua trao đổi trả lời của sinh viên<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp được giảng viên theo dõi đánh giá |
| | **8. Phần thực hành** | | | |
| Tiết 1-4 | 8.1 Thực tế các công việc trong vườn ươm cây cảnh quan | H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình và hướng dẫn cụ thể công việc<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày, thực hiện các thao tác trên hiện trường<br>- trao đổi thảo luận về công việc<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc trước tài liệu hướng dẫn<br>- chuẩn bị bảng biểu dụng cụ đo đếm<br>**Địa điểm học:** Ngoài hiện trường | + Sinh viên được đánh giá thông qua các công việc tại vườn ươm |
| Tiết 5-8 | 8.2 Điều tra hiện trạng cây xanh trên một tuyến đường | H2<br>H3<br>H4 | | + Báo cáo nhóm trình bày trước lớp |
| Tiết 9-12 | 8.3 Điều tra hiện trạng một công viên, hoa viên | H2<br>H3<br>H4 | | +Báo cáo nhóm trình bày trước lớp |
| Tiết 13-15 | 8.4 Điều tra đánh giá một khu rừng cảnh quan | H2<br>H3<br>H4 | | +Báo cáo nhóm trình bày trước lớp |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Nguyễn Đức Định (2015). Bài giảng Lâm Nghiệp đô thị, Trường Đại học Tây nguyên.

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2] - Hàn Tất Ngạn (1996) Kiến trúc cảnh quan đô thị– Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội – Nhà xuất bản Xây dựng.

[3] Chế Đình Lý (1997). Cây xanh- Quản lý và phát triển trong môi trường đô thị. Nxb Nông nghiệp chi nhánh TP.HCM

[4] Lê Phương Thảo và Phạm kim Chi, (1980). Cây trồng đô thị, tập 1. NXB Xây dựng – Hà Nội

[5] Trương Mai Hồng (2010 ) Bài giảng cảnh quan đô thị - (file PDF)

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Tham dự trên lớp đầy đủ với ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị đầy đủ các bài thảo luận theo nhóm được phân công theo chủ đề
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập được giao, các bài kiểm tra đánh giá

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành*

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi thực hành của học phần (vắng không quá 2/3 số buổi (số tiết)
- Chuẩn bị và thực hiện đầy đủ các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành: Trong các bài thực hành sinh viên phải đạt trên 50% yêu cầu đặt ra.

*7.3. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

*- Trước các buổi học lý thuyết hay thực hành sinh viên phải tự đọc, nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị các câu hỏi và phần trình bày cho các thảo luận trên lớp (phần tài liệu đã chỉ ra trong đề cương)*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3<br>H4<br>H5 | 20% |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên | H2<br>H3<br>H4 | 15% |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua kết quả chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình bày của nhóm trước lớp. | H3<br>H4 | 15% |
| 4 | Thí nghiệm, thực hành | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thực tế của sinh viên, đánh giá qua các báo cáo thực hành các sản phẩm do sinh viên tạo ra. | H3<br>H4<br>H5 | 20% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 5 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua các bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận hay vấn đáp ở mỗi cuối các chương trong phần học | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 30% |
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Tùy vào điều kiện, số lượng sinh viên có thể Thi tự luận, vấn đáp, hoặc trắc nghiệm | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 70% |

*Ngày … tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | TS. Võ Hùng | ThS. Nguyễn Đức Định |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: KHAI THÁC GỖ TÁC ĐỘNG THẤP**
**Mã học phần: NL216292**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**
Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 1,5; Số tín chỉ thực hành: 0,5
Loại môn học: Tự chọn.
Giảng viên giảng dạy:
Họ và tên: Đào Xuân Thu;
Số điện thoại: 0914130031; Email: dxthudhtn63@gmail.com.

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Khai thác gỗ tác động thấp là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công nghệ, kỹ thuật khai thác gỗ**;** kỹ thuật chăm sóc và bảo dưỡng các máy móc, thiết bị dùng trong khai thác; các kiến thức về lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khai thác rừng nhằm đạt được mục tiêu nâng cao năng suất lao động, giảm giá thành để thu được lợi nhuận cao; đảm bảo an toàn và giảm nhẹ sức lao động cho công nhân đồng thời giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường nhằm sử dụng bền vững nguồn tài nguyên rừng.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

- Cung cấp các kiến thức cơ bản về khai thác gỗ như kỹ thuật trong khai thác, lập kế hoạch trong khai thác, đánh giá được tác động trong khai thác (M1).
- Sinh viên về cơ bản lập được thiết kế khai thác cho các diện tích khai thác trong đó thực hiện được cơ bản việc điều tra tài nguyên và các điều kiện lập địa liên quan, tính toán trữ, sản lượng khai thác, lựa chọn được phương án khai thác phù hợp, tính toán chi phí sản suất và hiệu quả kinh tế khai thác (M2).
- Sử dụng được ở mức cơ bản một số các công cụ và thiết bị trong khai thác lâm sản để thực hện các kỹ thuật khai thác gỗ như: chuẩn bị rừng trước khai thác, chặt hạ cây, vận xuất gỗ, bốc xếp gỗ (M3).
- Tự đánh giá được ở mức cơ bản các tác động môi trường, sức khỏe của người lao động do các hoạt động khai thác gây ra (M4).
- Rèn luyện thái độ, quan điểm và cách nhìn nhận tích cực trong học tập, làm việc sau này. Đặc biệt trong lĩnh vực khai thác rừng để góp phần vào việc quản lý tài nguyên bền vững.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

| **Mã CĐR** | **Nội dung chuẩn đầu ra** |
|---|---|
| | Về kiến thức |
| H1 | *Phân tích và đánh giá được các công nghệ khai thác gỗ ở Việt Nam và trên thế giới.* |
| H2 | *Hiểu và nhớ được các kỹ thuật chặt hạ cây.* |
| H3 | *Hiểu và nhớ được cấu tạo, đặc điểm, bình đồ, trắc dọc, nền đường, áo đường* |
| H4 | *Hiểu và nhớ được các kỹ thuật vận xuất gỗ.* |
| H5 | *Hiểu và nhớ được khái niệm và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của bãi gỗ, kỹ thuật các khâu công việc trên bãi gỗ.* |
| H6 | *Hiểu và nhớ được trình tự và các bước thiết kế kỹ thuật khu khai thác.* |
| H7 | *Hiểu và nhớ được các biện pháp kỹ thuật nhằm giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.* |
| | Về kỹ năng |
| H8 | *Phân tích và áp dụng được các công nghệ khai thác phù hợp.* |

| | |
|---|---|
| H9 | *Phân tích và áp dụng được các kỹ thuật chặt hạ gỗ.* |
| H10 | *Phân tích và áp dụng được kỹ thuật vận xuất gỗ.* |
| H11 | *Phân tích và áp dụng được các bước thiết kế kỹ thuật khu khai thác.* |
| H12 | *Phân tích và áp dụng được các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động xấu đến môi trường của các hoạt động khai thác.* |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | |
| H13 | *Tự phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị.* |

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | | | x | | | | | | | | | | | | |
| H2 | | | x | | | | | | | | | | | | |
| H3 | | | x | | | | | | | | | | | | |
| H4 | | | x | | | | | | | | | | | | |
| H5 | | | x | | | | | | | | | | | | |
| H6 | | | x | | | | | | | | | | | | |
| H7 | | | x | | | | | | | | | | | | |
| H8 | | | | | | x | | | x | | | | | | |
| H9 | | | | | | x | | | x | | | | | | |
| H10 | | | | | | x | | | x | | | | | | |
| H11 | | | | | | x | | | x | | | | | | |
| H12 | | | | | | x | | | x | | | | | | |
| H13 | | | | | | x | | | | | | | | x | x |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| **1** | Chương 1. Các loại hình công nghệ khai thác gỗ<br>.Khái niệm cơ bản về dây chuyền công nghệ khai thác gỗ.<br>Khái niệm về công nghệ sản xuất<br>Khái niệm về công nghệ khai thác gỗ<br>Các khâu sản xuất chủ yếu trong quá trình khai thác gỗ<br>.Các hình thức công nghệ khai thác gỗ.<br>Hình thức công nghệ khai thác gỗ ngắn<br>Hình thức công nghệ khai thác gỗ dài<br>Hình thức công nghệ khai thác gỗ nguyên cây<br>Câu hỏi ôn tập chương I | LT: 2 tiết | [1] chương 1 |
| **2** | Chương 2. Chặt hạ gỗ<br>2.1. Lý thuyết cắt gỗ<br>2.1.1. Cắt đơn giản<br>2.1.2. Lực cắt, lực cản cắt, hệ số cản cắt, công suất cắt<br>2.2. Công cụ và thiết bị chặt hạ gỗ<br>2.2.1 Công cụ thủ công<br>2.2.2 Công cụ chặt hạ cơ giới<br>2.3. Kỹ thuật chặt hạ gỗ và cắt khúc cành ngọn | LT: 4 tiết<br>BT: 3 tiết | [1] chương 2 |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 2.3.1. Chọn hướng cây đổ<br>Hạ cây<br>Kỹ thuật cắt cành ngọn, cắt khúc<br>2.4 Năng suất trong chặt hạ<br>2.5. An toàn trong khai thác<br>Câu hỏi ôn tập chương II | | |
| **3** | Chương 3. Đường ô tô lâm nghiệp<br>3.1. Khái niệm đường ô tô lâm nghiệp<br>3.2. Các bộ phận cơ bản của đường ô tô lâm nghiệp<br>3.3. Những đặc điểm cơ bản của đường ô tô lâm nghiệp<br>3.4. Bình đồ tuyến đường<br>3.4.1 Khái niệm, cấu tạo<br>3.4.2 Các hướng tuyến đường<br>3.4.3 Các phương pháp vạch hướng tuyến đường<br>3.4.4 Những nguyên tắc khi thiết kế bình đồ tuyến đường<br>3.4.5 Những chỉ tiêu kỹ thuật của bình đồ tuyến đường<br>3.5. Trắc dọc tuyến đường<br>3.5.1. Những khái niệm về trắc dọc<br>3.5.2 Nguyên tắc thiết kế trắc dọc<br>3.5.3 Chỉ tiêu kỹ thuật trắc dọc tuyến đường<br>3.6. Nền đường<br>3.6.1 Khái niệm<br>3.6.2 Phân loại<br>3.6.3 Các kích thước cơ bản của nền đường<br>3.6.3.1 Bề rộng nền đường (B):<br>3.6.3.2 Độ dốc mái ta luy<br>3.7. Áo đường<br>3.7.1 Khái niệm<br>3.7.2 Phân loại<br>3.7.3. Kết cấu áo đường<br>Câu hỏi ôn tập chương III | LT: 4 tiết | [1] chương 3 |
| **4** | Chương 4. Vận xuất gỗ<br>4.1 Khái niệm chung<br>4.2. Vận xuất gỗ bằng máy kéo<br>4.2.1. Các loại máy kéo dùng trong vận xuất gỗ<br>4.2.2. Các phương pháp vận xuất gỗ bằng máy kéo<br>4.2.3. Tính tải trọng chuyến máy kéo<br>4.2.4. Sơ đồ vận xuất bằng máy kéo<br>4.2.5. Năng suất và biện pháp tăng năng suất của máy kéo<br>4.2.6. An toàn lao động<br>Câu hỏi ôn tập chương IV | LT: 4 tiết<br>BT: 3 tiết | [1] chương 4 |
| **5** | Chương 5. Kho gỗ và lâm sản<br>5.1. Khái niệm về kho gỗ<br>5.1.1. Bãi bốc gỗ<br>5.1.2 Kho gỗ I<br>5.1.3. Kho gỗ II | LT: 4 tiết | [1] chương 5 |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 5.2. Phân loại kho lâm sản<br>5.3. Các chỉ tiêu kỹ thuật của kho lâm sản<br>5.3.1. Khả năng chứa của kho<br>5.3.2. Khả năng lưu thông của kho<br>5.3.3. Hệ số sử dụng khả năng lưu thông của kho<br>5.3.4. Hệ số biến động của kho lâm sản<br>5.3.5. Hệ số sử dụng diện tích của kho lâm sản<br>5.3.6. Dung tích riêng của kho lâm sản<br>5.3.7 Năng suất lao động<br>5.3.8 Tỷ lệ cơ giới hóa<br>Câu hỏi ôn tập chương V | | |
| **6** | Chương 6. Thiết kế kỹ thuật khu khai thác<br>6.1. Khái niệm chung<br>6.2. Mục đích, yêu cầu thiết kế kỹ thuật khu khai thác<br>6.3. Trình tự và nội dung thiết kế kỹ thuật khu khai thác<br>*6.3.1. Công tác ngoại nghiệp*<br>*6.3.2. Công tác nội nghiệp*<br>Câu hỏi ôn tập chương VI | LT: 2 tiết<br>BT: 5 tiết | [1] chương 6 |
| **7** | Chương 7. Một số biện pháp kỹ thuật nhằm giảm thiểu tác động xấu của các hoạt động khai thác đến môi trường<br>7.1. Khâu chuẩn bị và thiết kế khai thác<br>7.2. Khâu chặt hạ<br>7.3. Khâu vận xuất<br>7.4. Khâu thiết kế, thi công đường và kho bãi<br>Câu hỏi ôn tập chương VII | LT: 2,5 tiết<br>BT: 4 tiết | [1] chương 7 |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Buổi học 1/số tiết: 2 | Chương 1. Các loại hình công nghệ khai thác gỗ | *H1. Phân tích và đánh giá được các công nghệ khai thác gỗ ở Việt Nam và trên thế giới.*<br>*H8. Phân tích và áp dụng được các công nghệ khai thác phù hợp.*<br>*H13. Tự phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị.* | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, **Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu,<br>Ghi chép<br>**Địa điểm học:** Giảng đường | |
| Buổi học 2/số tiết: 4 | Chương 2. Chặt hạ gỗ | *H2. Hiểu và nhớ được các kỹ thuật chặt hạ cây.*<br>*H9. Phân tích và áp dụng được các kỹ thuật chặt hạ gỗ.* | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, **Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày. | + Báo cáo của nhóm trước lớp về |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | *H13. Tự phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị.* | - Thực hành: tìm hiểu cấu tạo và nguyên lý làm việc của cưa xăng; Cách vận hành cưa xăng.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi.<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)<br>- Phòng thí nghiệm (cho các giờ thực hành) | các nội dung thực hành. |
| Buổi học 3/số tiết: 4 | Chương 3. Đường ô tô lâm nghiệp | *H3. Hiểu và nhớ được cấu tạo, đặc điểm, bình đồ, trắc dọc, nền đường, áo đường*<br>*H13. Tự phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị.* | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình,<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>- Thảo luận nhóm.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi.<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết) | + Báo cáo của nhóm trước lớp. |
| Buổi học 4/số tiết: 4 | Chương 4. Vận xuất gỗ | *H4. Hiểu và nhớ được các kỹ thuật vận xuất gỗ.*<br>*H10. Phân tích và áp dụng được kỹ thuật vận xuất gỗ.*<br>*H13. Tự phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị.* | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình,<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>- Thực hành: tìm hiểu cấu tạo và nguyên lý làm việc của máy vận xuất gỗ. Cách vận hành máy vận xuất gỗ.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi.<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)<br>- Phòng thí nghiệm (cho các giờ thực hành) | + Báo cáo của nhóm trước lớp về các nội dung thực hành. |
| Buổi học 5/số tiết: 4 | Chương 5. Kho gỗ và lâm sản | *H5. Hiểu và nhớ được khái niệm và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của bãi gỗ, kỹ thuật các khâu công việc trên bãi gỗ.*<br>*H13. Tự phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo, có* | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình,<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>- Thảo luận nhóm.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu | + Báo cáo của nhóm trước lớp. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | *trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị.* | Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi.<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết) | |
| Buổi học 6/số tiết: 4 | Chương 6. Thiết kế kỹ thuật khu khai thác.<br>Chương 7. Một số biện pháp kỹ thuật nhằm giảm thiểu tác động xấu của các hoạt động khai thác đến môi trường | *H6. Hiểu và nhớ được trình tự và các bước thiết kế kỹ thuật khu khai thác.*<br>*H7. Hiểu và nhớ được các biện pháp kỹ thuật nhằm giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.*<br>*H11. Phân tích và áp dụng được các bước thiết kế kỹ thuật khu khai thác.*<br>*H12. Phân tích và áp dụng được các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động xấu đến môi trường của các hoạt động khai thác.*<br>*H13. Tự phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị.* | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình,<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.<br>- Thực hành:<br>+ Nội dung thiết kế kỹ thuật khu khai thác.<br>+ Biện pháp kỹ thuật giảm thiểu tác động xấu đến môi trường của các hoạt động khai thác.<br><br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi.<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)<br>- Phòng thí nghiệm (cho các giờ thực hành) | + Báo cáo của nhóm trước lớp về các nội dung thực hành. |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Đào Xuân Thu (2018). Khai thác tác động thấp. Bài giảng Đại học Tây nguyên.

*6.2. Tài liệu tham khảo*

[2] Nguyễn văn Quân (2012). Khai thác lâm sản, nhà xuất bản Nông nghiệp.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành*

- Tham gia đầy đủ các buổi thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

*7.3. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận: 15; Trọng số thi kết thúc học phần: 85***

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1 đến H13 | 30% |
| 2 | Thực hành | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra. | H2; H4 H6; H7; H9; H10; H11; H12 | 20% |
| 3 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận. | H1 đến H13 | 50% |
| | | | Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | 100% |

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: Thi tự luận. | H1 đến H13 | 85% |

*Ngày ... tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa | Trưởng Bộ môn | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | TS. Hoàng Văn Chuyển | TS. Đào Xuân Thu |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: KIẾN THỨC SINH THÁI ĐỊA PHƯƠNG**
**Mã học phần: NL216131**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**
Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thực hành: 0
Loại môn học: Tự chọn
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học song hành: Không
Học phần học trước: Không
Học phần tiên quyết: Không
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: ThS. Cao Thị Hoài; Số điện thoại: 0984.486.838; Email: caohoai.tnu@gmail.com

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**
Hệ thống kiến thức sinh thái của các cộng đồng người đồng bào dân tộc thiểu số bản địa có ý nghĩa rất lớn đối với việc sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, nơi cộng đồng đó sinh sống. Đặc biệt, do đặc thù của công tác lâm nghiệp, thì vai trò của hệ thống kiến thức sinh thái của cư dân vùng cao có ý nghĩa rất lớn trong sự nghiệp bảo vệ và phát triển tài nguyên thiên nhiên.

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về khái niệm, vai trò và sự cần thiết của kiến thức sinh thái địa phương (LEK) trong lâm nghiệp. Vận dụng các phương pháp thích hợp để nghiên cứu; hệ thống hóa và vận dụng lồng ghép với tiến bộ kỹ thuật để thử nghiệm, phát triển các giải pháp kỹ thuật lâm nghiệp thích ứng với nhu cầu và nguồn lực của cộng đồng

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1: Có kiến thức về vai trò và các khái niệm liên quan đến kiến thức sinh thaí địa phương.

MT2: Điều tra, phát hiện và lồng ghép kết hợp kiến thức sinh thái địa phương của cộng đồng để phát triển các giải pháp lâm nghiệp phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

MT3: Ứng dụng phần mềm Win AKT để tài liệu hóa, lưu trữ và cập nhật kiến thức sinh thái địa phương trong lâm nghiệp để phục vụ cho mục đích phát triển lâm nghiệp.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1: Nhận thức cụ thể về tầm quan trọng của ứng dụng kiến thức sinh thái địa phương trong lâm nghiệp.

H2: Vận dụng một cách linh hoạt các phương pháp điều tra phát hiện kiến thức sinh thái địa phương.

H3: Sử dụng thành thạo phần mềm Win AKT để tài liệu hóa, lưu trữ và cập nhật kiến thức sinh thái địa phương.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | C1 | C2 | C3 | C4 | C5 | C6 | C7 | C8 | C9 | C10 | C11 | C12 | C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | x | | x | | | | | | | | |
| H2 | x | | | | x | | x | | | | | | | | |
| H3 | x | | | | x | | x | | | | | | | | |

**4. Cấu trúc học phần**

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| 1 | **CHƯƠNG 1: KHÁI NIỆM KIẾN THỨC SINH THÁI ĐỊA PHƯƠNG TRONG QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN RỪNG**<br>1.1. Vai trò của kiến thức sinh thái địa phương trong quản lý và phát triển rừng<br>1.2. Khái niệm kiến thức sinh thái địa phương - LEK | LT: 4 tiết<br>BT: 0 tiết | [1] Chương 1 bài giảng và tài liệu tham khảo<br>[2-1]<br>[2-2]<br>[2-3]<br>[2-4] |
| 2 | **CHƯƠNG 2: PHƯƠNG PHÁP THU THẬP KIẾN THỨC SINH THÁI ĐỊA PHƯƠNG TRONG (LEK) TRONG QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN RỪNG**<br>2.1. Phương pháp luận và tiếp cận nghiên cứu kiến thức sinh thái địa phương.<br>2.2. Phương pháp nghiên cứu kiến thức sinh thái địa phương<br>2.3. Kiến thức sinh thái địa phương cơ sở của cộng đồng dân tộc thiểu số bản địa Jrai | LT: 4 tiết<br>BT: 5 tiết | [1] Chương 2 bài giảng và tài liệu tham khảo<br>[2-3]<br>[2-4]<br>[2-6] |
| 3 | **CHƯƠNG 3: NHẬP VÀ QUẢN LÝ KIẾN THỨC SINH THÁI ĐỊA PHƯƠNG (LEK) TRONG PHẦN MỀM WinAKT**<br>3.1. Các kiểu kiến thức LEK<br>3.2. Các kiểu dạng mối quan hệ giữa các thành tố kiến thức và các loại mệnh đề tuyên bố về kiến thức sinh thái địa phương<br>3.3. Nhập lệnh trong phần mềm<br>3.3.1. Sơ đồ hóa và hệ thống kiến thức sinh thái địa phương về quản lý sử dụng gỗ và lâm sản ngoài gỗ<br>3.3.2. Sơ đồ hóa và hệ thống kiến thức sinh thái địa phương về quản lý sử dụng nguồn nước<br>3.3.3. Sơ đồ hóa và hệ thống kiến thức sinh thái địa phương về quản lý sử dụng đất và canh tác nương rẫy<br>3.4. Các ý tưởng thử nghiệm phát triển kỹ thuật trong quản lý rừng cộng đồng dựa vào kiến thức sinh thái địa phương đã phát hiện | LT: 5 tiết<br>BT: 12 tiết | [1] Chương 3 bài giảng và tài liệu tham khảo<br>[2-5]<br>[2-6] |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| Số tiết: 4 tiết | **CHƯƠNG 1: KHÁI NIỆM KIẾN THỨC SINH THÁI ĐỊA PHƯƠNG TRONG QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN RỪNG**<br>1.1. Vai trò của kiến thức sinh thái địa phương trong quản lý và phát triển rừng | H1 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP giảng dạy có minh họa, PP động não.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** | - Liệt kê các bài đánh giá liên quan: Tham gia hoạt động động não. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 1.2. Khái niệm kiến thức sinh thái địa phương - LEK | | - Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Phương pháp động não về các đặc trưng của kiến thức sinh thái địa phương.<br>- So sánh và cho ví dụ phân biệt các khái niệm liên quan đến kiến thức sinh thái địa phương.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu, tham gia các hoạt động.<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | -Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng kết quả tham gia của các thành viên tại lớp |
| Số tiết: 9 tiết | **CHƯƠNG 2: PHƯƠNG PHÁP THU THẬP KIẾN THỨC SINH THÁI ĐỊA PHƯƠNG TRONG (LEK) TRONG QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN RỪNG**<br>2.1. Phương pháp luận và tiếp cận nghiên cứu kiến thức sinh thái địa phương.<br>2.2. Phương pháp nghiên cứu kiến thức sinh thái địa phương<br>2.3. Kiến thức sinh thái địa phương cơ sở của cộng đồng dân tộc thiểu số bản địa Jrai | H2 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, thực hành, đúc rút.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày qua lá bài.<br>- Thực hành: làm việc nhóm về các phương pháp thu thập kiến thức sinh thái địa phương.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu, tham gia các hoạt động, tích cực tìm hiểu ý nghĩa.<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường | - Liệt kê các bài đánh giá liên quan: tham gia thực hành.<br>-Hình thức đánh giá:<br>+ Bằng kết quả tham gia của các thành viên tại lớp<br>+ Kết quả thực hành trước lớp. |
| Số tiết: 17 tiết | **CHƯƠNG 3: NHẬP VÀ QUẢN LÝ KIẾN THỨC SINH THÁI ĐỊA PHƯƠNG (LEK) TRONG PHẦN MỀM WinAKT**<br>3.1. Các kiểu kiến thức LEK<br>3.2. Các kiểu dạng mối quan hệ giữa các thành tố kiến thức và các loại mệnh | H3 | **Phương pháp dạy học:**<br>- PP thuyết trình, PP giảng có minh họa, thực hành.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** | - Liệt kê các bài đánh giá liên quan: tham gia thực hành. |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | đề tuyên bố về kiến thức sinh thái địa phương<br>3.3. Nhập lệnh trong phần mềm<br>3.3.1. Sơ đồ hóa và hệ thống kiến thức sinh thái địa phương về quản lý sử dụng gỗ và lâm sản ngoài gỗ<br>3.3.2. Sơ đồ hóa và hệ thống kiến thức sinh thái địa phương về quản lý sử dụng nguồn nước<br>3.3.3. Sơ đồ hóa và hệ thống kiến thức sinh thái địa phương về quản lý sử dụng đất và canh tác nương rẫy<br>3.4. Các ý tưởng thử nghiệm phát triển kỹ thuật trong quản lý rừng cộng đồng dựa vào kiến thức sinh thái địa phương đã phát hiện | | - Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thực hành: thực hành viết các câu lệnh và sử dụng phần mềm WinAKT.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Ghi chép, tham gia tích cực thực hành, chuẩn bị câu hỏi<br>**Địa điểm học:**<br>- Phòng máy | -Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng kết quả tham gia của các thành viên tại lớp<br>+ Kết quả thực hành sử dụng Win AKT |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). Tên tài liệu, nhà xuất bản.

(Sách, giáo trình chính trong giảng dạy và học tập thường chiếm 50% nội dung sử dụng trở lên)

Võ Hùng (2012): *Bài giảng Kiến thức sinh thái địa phương trong lâm nghiệp*. Trường Đại học Tây Nguyên

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2] Tên tác giả (năm xuất bản). Tên tài liệu, nhà xuất bản.

(Liệt kê khoảng 3-5 tài liệu)

[2-1]. Võ Hùng (2001): *Một số kinh nghiệm quản lý đất bỏ hóa của người M'Nông ở Đak Lak*. Tạp chí Nông lâm kết hợp ngày nay, Số 4 - Quý 1 , 2001.

[2-2]. Vo Hung (2004): *Systematizing the local ecological knowledge of M'Nongs in Vietnam's central highlands*. Asia-Pacific Agroforestry Newsletter - APANews, No 24, July 2004, pp. 3-4

[2-3]. Bảo Huy và Võ Hùng (2003): *Kiến thức sinh thái địa phương trong canh tác nương rẫy và quản lý tài nguyên rừng của cộng đồng dân tộc thiểu số Tây Nguyên*. Mạng lưới giáo dục Nông lâm kết hợp Việt Nam/SEANAFE.

[2-4]. Bảo Huy & CTV (2004) *Kiến thức sinh thái địa phương trong quản lý tài nguyên rừng của cộng đồng dân tộc thiểu số Jrai và Bahnar*. Đề tài NCKH Mã số KX GL 06 (2002). UBND tỉnh Gia Lai.

[2-5]. ICRAF (2001): *Tài liệu về LEK và sử dụng phần mềm WinAKT 5.0*

[2-6]. Chiang Mai University, Thailand. (2001): *Hand out of the training course in local ecological knowledge (LEK) & Knowledge - based systems approaches*.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)*

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;

*7.4. Phần khác (nếu có):* Ví dụ như tham quan thực tế

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

(Trọng số điểm bộ phận <=30%; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá chuyên cần | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H1<br>H2<br>H3 | 30% |
| 2 | Bài tập cá nhân | Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên trên lớp và bài làm trên máy | H3 | 40% |
| 3 | Bài tập nhóm | Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. | Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm. | H2 | 30% |
| Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận | | | | | 100% |

* Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể có đầy đủ các hình thức đánh giá trên, hoặc có thể thêm hay bớt cho phù hợp, nhưng đảm bảo tổng tỷ lệ điểm bộ phận là 100%. Việc đánh giá điểm bộ phận gồm các thành phần và tỷ lệ tương ứng như công bố, (kết quả điểm bộ phận × trọng số điểm bộ phận+điểm thi × trọng số thi)/100= kết quả học phần.

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá: tự luận | H1<br>H2<br>H3 | 100% |

*Ngày … tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | TS. Võ Hùng | ThS. Cao Thị Hoài |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**
**TÊN HỌC PHẦN: CÔNG CỤ VÀ MÁY LÂM NGHIỆP**
**Mã học phần: NL213143**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 2.0; Số tín chỉ lý thuyết: 1.5; Số tín chỉ thực hành: 0.5

Loại môn học: Tự chọn.

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học song hành: ……..

Học phần học trước: ……...

Học phần tiên quyết: ……..

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Thanh Tân; Số điện thoại: 0914.581199; Email: nttan@ttn.edu.vn

Giảng viên n: Họ và tên:……; Số điện thoại:……..; Email:……

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:** (ít nhất 150 từ)

(Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần, kiến thức trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần khác trong chương trình đào tạo.)

Là học phần kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của Ngành đào tạo đại học Lâm sinh. Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các khái niệm, cấu tạo và nguyên lý làm việc của động cơ đốt trong, các loại máy điện và các loại thiết bị sản xuất lâm nghiệp. Các kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng, bảo dưỡng và an toàn trong lao động sản xuất.

Nội dung kiến thức của học phần bao gồm:

Khái niệm động cơ đốt trong; nhiệm vụ, phân loại động cơ đốt trong; Sơ đồ cấu tạo và nguyên lý làm việc của các loại động cơ đốt trong; Cấu tạo và nguyên lý làm việc của các bộ phận chính của động cơ đốt trong; Cấu tạo và nguyên lý làm việc của hệ thống truyền lực của ô tô bánh hơi và máy kéo xích; Cấu tạo và nguyên lý làm việc của các loại máy điện: Máy phát điện, động cơ điện, máy biến đổi điện; Các loại máy móc, thiết bị phổ biến dùng trong sản xuất lâm nghiệp; Kỹ thuật sử dụng, bảo dưỡng máy móc thiết bị; An toàn trong vận hành máy móc thiết bị.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

(Mô tả mong muốn, kỳ vọng của giảng viên đối với sinh viên sau khi học xong học phần. Viết khoảng 4 đến 5 mục tiêu).

Nhằm cung cấp cho người học:

MT1: Kiến thức cơ bản nhất về cấu tạo và nguyên lý làm việc của động cơ đốt trong.

MT2: Cấu tạo và nguyên lý l;àm việc của các bộ phận chính của động cơ đốt trong.

MT3: Cấu tạo và nguyên lý làm việc của các loại máy điện thông dụng.

MT4: Cấu tạo và nguyên lý làm việc của các loại máy móc, thiết bị dùng trong sản xuất lâm nghiệp

MT5: Kiến thức cơ bản về kỹ thuật sử dụng, bảo dưỡng máy móc thiết bị; An toàn trong vận hành máy móc thiết bị.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

(Mô tả các năng lực bao gồm kiến thức, kỹ năng, thái độ mà sinh viên đạt được sau khi học xong học phần. Viết khoảng 3 đến 5 chuẩn đầu ra).

H1. Trình bày được các khái niệm cơ bản về động cơ đốt trong, hệ thống truyền lực, phân loại được động cơ đốt trong, trình bày được chu trình làm việc của các loại động cơ đốt trong.

H2. Hiểu và giải thích được cấu tạo và nguyên lý làm việc của các bộ phận chính của động cơ đốt trong, cấu tạo và nguyên lý làm việc của các loại máy điện.

H3. Nắm vững các kỹ năng cơ bản về kỹ thuật sử dụng, vận hành, bảo quản máy móc thiết bị dung trong sản xuất lâm nghiệp. Bố trí máy móc thiết bị hợp lý trong các khâu sản xuất

H4. Có ý thức tổ chức kỷ luật trong lao động sản xuất, sinh hoạt; chấp hành tốt mọi chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nội quy quy định của các cấp quản lý.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

| **Chuẩn đầu ra học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | C6 | C9 | C10 - C13 | C14 | C15 |
| H1 | x | | | | |
| H2 | | x | | | |
| H3 | | | x | | |
| H4 | | | | x | |

**4. Cấu trúc học phần**

| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Tài liệu học tập** |
|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1: ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG CỦA MÁY LÂM NGHIỆP**<br>1.1 Khái niệm về động cơ đốt trong<br>1.2 Nguyên lý làm việc của động cơ đốt trong<br>1.3 Cấu tạo và nguyên lý làm việc các bộ phận chính của động cơ đốt trong | LT: 7 tiết<br>TH: 4 tiết | [1]. Mục 1.1; 1.2; 1.3; Chương 1 |
| 2 | **Chương 2: HỆ THỐNG TRUYỀN LỰC VÀ ĐIỀU KHIỂN**<br>2.1 Côn nối<br>2.2 Hộp số<br>2.3 Cầu chủ động của ô tô máy kéo bánh hơi<br>2.4 Cơ cấu lái<br>2.5 Hệ thống phanh | LT: 3 tiết<br>TH: 3 tiết | [1]. Mục 2.1; 2.2; 2.3; 2.4; 2.5 - Chương 2 |
| 3 | **Chương 3: CÁC LOẠI MÁY ĐIỆN VÀ PHỤ TẢI THÔNG DỤNG**<br>3.1 Máy phát điện<br>3.2 Động cơ điện<br>3.3 Máy biến thế | LT: 4 tiết<br>TH: 0 tiết | [1]. Mục 3.1; 3.2; 3.3 - Chương 3 |
| 4 | **Chương 4: CÔNG CỤ VÀ MÁY DÙNG TRONG SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP**<br>4.1 Cưa xăng<br>4.2 Máy liên hợp chặt hạ gỗ<br>4.3 Máy vận xuất gỗ<br>4.4 Máy phun thuốc sâu | LT: 4 tiết<br>TH: 4 tiết | [1]. Mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 - Chương 4 |
| 5 | **Chương 5: KỸ THUẬT SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ TRONG LÂM NGHIỆP**<br>5.1 Kỹ thuật vân hành máy<br>5.2 Chăm sóc kỹ thuật<br>5.3. Bảo quản máy<br>5.4 Kỹ thuật an toàn khi sử dụng máy | LT: 3 tiết<br>TH: 4 tiết | [1]. Mục 5.1; 5.2; 5.3; 5.4; 5.5 – Chương 5 |

| TT | Nội dung | Số tiết | Tài liệu học tập |
|---|---|---|---|
| | 5.5 Sử dụng các loài máy vận xuất và các thiết bị chuyên dùng | | |
| 6 | **Kiểm tra giữa kỳ** | 1,5 tiết | |
| 7 | **Thực hành** | 15 tiết | |
| | **Tổng:** | **30 tiết** | |

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| LT: 07 tiết + TH: 04 tiết | **Chương 1: ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG CỦA MÁY LÂM NGHIỆP**<br>1.1 Khái niệm về động cơ đốt trong.<br>1.2 Nguyên lý làm việc của động cơ đốt trong. 1.3 Cấu tạo và nguyên lý làm việc các bộ phận chính của động cơ đốt trong. | H1<br>H2<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: ghi rõ chủ đề/nội dung thảo luận<br>- Thực hành: Quan sát cấu tạo và nguyên lý làm việc trên mô hình động cơ đốt trong.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Nắm vững kiến thức lý thuyết trước khi thực hành.<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)<br>- Phòng thí nghiệm (cho các giờ thực hành) | -Liệt kê các bài đánh giá liên quan: Bài thực hành cấu tạo các bộ phận của động cơ đốt trong.<br>- Hình thức đánh giá của từng bài: Giảng viên hướng dẫn cấu tạo các bộ phận động cơ và sv viết kết quả nộp tại phòng TN. |
| LT: 03 tiết + TH: 03 tiết | **Chương 2: HỆ THỐNG TRUYỀN LỰC VÀ ĐIỀU KHIỂN**<br>2.1 Côn nối<br>2.2 Hộp số<br>2.3 Cầu chủ động của ô tô máy kéo bánh hơi<br>2.4 Cơ cấu lái<br>2.5 Hệ thống phanh | H1<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: Nguyên nhân dẫn đến dính côn, trượt côn; Nguyên lý vào các số.<br>- Thực hành: Quan sát cấu tạo và nguyên lý làm việc của các hệ thống.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu, ghi chép phần kiến thức minh họa nguyên lý làm việc của các hệ thống **Địa** | -Liệt kê các bài đánh giá liên quan<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) (bản cứng, file, …)<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp (nếu đánh giá qua thảo luận) |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | | | **điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)<br>- Phòng thí nghiệm (cho các giờ thực hành) | |
| LT: 04 tiết + TH: 0 tiết | **Chương 3: CÁC LOẠI MÁY ĐIỆN VÀ PHỤ TẢI THÔNG DỤNG**<br><br>3.1 Máy phát điện<br>3.2 Động cơ điện<br>3.3 Máy biến thế | H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>- Thảo luận nhóm: Quan hệ dòng điện và điện áp trong cách mắc hình sao và tam giác.<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu, ghi chép các ví dụ mẫu về giải thích cấu tạo động cơ điện; Hiểu được cách nối mạng điện hình sao và tam giác.<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết) | -Liệt kê các bài đánh giá liên quan<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) (bản cứng, file, …)<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp (nếu đánh giá qua thảo luận) |
| LT: 04 tiết + TH: 04 tiết | **Chương 4: CÔNG CỤ VÀ MÁY DÙNG TRONG SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP**<br>4.1 Cưa xăng<br>4.2 Máy liên hợp chặt hạ gỗ<br>4.3 Máy vận xuất gỗ<br>4.4 Máy phun thuốc sâu | H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:**<br>- Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Thao tác, vận hành, bảo dưỡng một số thiết bị thực hành<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)<br>- Phòng thí nghiệm (cho các giờ thực hành) | -Liệt kê các bài đánh giá liên quan<br>-Hình thức đánh giá của từng bài:<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp (nếu đánh giá qua thảo luận) |
| LT: 03 tiết + TH: 04 tiết | **Chương 5: KỸ THUẬT SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ TRONG LÂM NGHIỆP** | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | **Phương pháp dạy học:**<br>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp.<br>**Hình thức tổ chức dạy học:** | -Liệt kê các bài đánh giá liên quan<br>-Hình thức đánh giá của từng bài: |

| Buổi học/số tiết | Nội dung | Chuẩn đầu ra học phần | Hoạt động dạy và học | Bài đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| | 5.1 Kỹ thuật vân hành máy<br>5.2 Chăm sóc kỹ thuật<br>5.3. Bảo quản máy<br>5.4 Kỹ thuật an toàn khi sử dụng máy<br>5.5 Sử dụng các loài máy vận xuất và các thiết bị chuyên dùng | | - Nghe giảng do giảng viên trình bày<br>**Yêu cầu sinh viên:**<br>- Đọc tài liệu<br>Thao tác, vận hành, bảo dưỡng một số thiết bị thực hành<br>**Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)<br>- Phòng thí nghiệm (cho các giờ thực hành) | + Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) (bản cứng, file, …)<br>+ Báo cáo của nhóm trước lớp (nếu đánh giá qua thảo luận) |

**6. Tài liệu học tập**

*6.1. Giáo trình học phần*

[1] Nguyễn Nhật Chiêu (năm xuất bản). Công cụ và máy lâm nghiệp, nhà xuất bản.

*(Sách, giáo trình chính trong giảng dạy và học tập thường chiếm 50% nội dung sử dụng trở lên)*

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo*

[2] Nguyễn Thanh Tân (2019). Công cụ và máy lâm nghiệp. Trường đại học Tây Nguyên.

[3]. Hà Văn Chiến và Vũ Đức Hải (2008). Cơ khí Nông nghiệp. Nhà xuất bản Nông nghiệp.

*(Liệt kê khoảng 3-5 tài liệu))*

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:**

*7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận.

*7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)*

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;

Bài 1: quan sát cấu tạo các bộ phận chính của động cơ đốt trong

Bài 2: quan sát cấu tạo các bộ phận chính của hệ thống truyền lực

Bài 3: Thực hành kỹ thuật vận hành, sử sụng một số máy móc thiết bị

- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

*7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)*

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;

*7.4. Phần khác (nếu có):*

*7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu:* đọc và nghiên cứu tài liệu ở nhà trước khi lên lớp với thời lượng 02 giờ nghiên cứu ở nhà/01 tiết dự lớp.

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

***8.1. Trọng số điểm bộ phận:* 30%; *Trọng số thi kết thúc học phần: 70%***

(Trọng số điểm bộ phận <=30%; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

***8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận***

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đánh giá | Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt | Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các | H1<br>H2<br>H3 | 33.33% |

| TT | Thành phần | Mục đích | Phương thức kiểm tra, đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| | chuyên cần | động trong giờ học của sinh viên | giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. | H4 | |
| 2 | Thực hành | Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. | Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua bài viết kết quả thực hành. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 33.33% |
| 3 | Bài kiểm tra định kỳ | Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. | Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 33.33% |
| **Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận** | | | | | **100%** |

**8.3. Thi kết thúc học phần**

| Mục đích | Phương pháp kiểm tra đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. | Phương pháp đánh giá:<br>Thi tự luận. | H1<br>H2<br>H3<br>H4 | 70% |

*Ngày … tháng 10 năm 2020*

| Trưởng khoa (biên soạn) | Trưởng Bộ môn (biên soạn) | Người biên soạn |
|---|---|---|
| ThS. Lê Đình Nam | TS. Hoàng Văn Chuyển | TS. Nguyễn Thanh Tân |

**MỤC LỤC**

Trang


1. **Mục tiêu đào tạo** ..... Error! Bookmark not defined.
2. **Chuẩn đầu ra** ..... 2
3. **Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo** ..... 2
4. **Khối lượng kiến thức toàn khóa: 150 tín chỉ (TC)** ..... 3
5. **Đối tượng tuyển sinh:** ..... 3
6. **Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp** ..... 3
7. **Cách thức đánh giá** ..... 3
8. **Nội dung chương trình** ..... 3
9. **Kế hoạch giảng dạy** ..... 7
10. **Ma trận quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo** .. 10
12. **Cở sở vật chất** ..... 14
13. **Danh sách giảng viên cơ hữu** ..... 15
14. **Hướng dẫn thực hiện chương trình** ..... 23
15. **Đề cương chi tiết các học phần** ..... 23

**TÊN HỌC PHẦN: TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN** ..... 25
**TÊN HỌC PHẦN: KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN** ..... 31
**TÊN HỌC PHẦN: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC** ..... 39
**TÊN HỌC PHẦN: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH** ..... 49
**TÊN HỌC PHẦN: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** ..... 60
**TÊN HỌC PHẦN: XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG** ..... 68
**TÊN HỌC PHẦN: PHÁP LUẬT VIỆT NAM ĐẠI CƯƠNG** ..... 74
**TÊN HỌC PHẦN: TIẾNG ANH 1** ..... 85
**TÊN HỌC PHẦN: TIẾNG ANH 2** ..... 95
**TÊN HỌC PHẦN: TIẾNG ANH 3** ..... 104
**TÊN HỌC PHẦN: TIẾNG ANH 4** ..... 114
**TÊN HỌC PHẦN: TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG** ..... 124
**TÊN HỌC PHẦN: HOÁ HỌC ĐẠI CƯƠNG** ..... 134
**TÊN HỌC PHẦN: THỰC HÀNH HÓA HỌC ĐẠI CƯƠNG** ..... 141
**TÊN HỌC PHẦN: SINH HỌC ĐẠI CƯƠNG** ..... 149
**TÊN HỌC PHẦN: THỰC HÀNH SINH HỌC ĐẠI CƯƠNG** ..... 160
**TÊN HỌC PHẦN: TOÁN CAO CẤP CHO NÔNG LÂM** ..... 172
**TÊN HỌC PHẦN: KỸ NĂNG MỀM** ..... 178
**TÊN HỌC PHẦN: KHỞI NGHIỆP** ..... 186
**TÊN HỌC PHẦN: THỂ DỤC CƠ BẢN VÀ ĐIỀN KINH** ..... 193
**TÊN HỌC PHẦN: BÓNG CHUYỀN CƠ BẢN** ..... 196
**TÊN HỌC PHẦN: BƠI LỘI CƠ BẢN** ..... 200
**TÊN HỌC PHẦN: CẦU LÔNG CƠ BẢN** ..... 206
**TÊN HỌC PHẦN: BÓNG BÀN CƠ BẢN** ..... 210
**TÊN HỌC PHẦN: THỂ DỤC NHỊP ĐIỆU CƠ BẢN** ..... 214
**TÊN HỌC PHẦN: TAEKWONDO CƠ BẢN** ..... 220
**TÊN HỌC PHẦN: BÓNG ĐÁ CƠ BẢN** ..... 224
**TÊN HỌC PHẦN: BÓNG RỔ CƠ BẢN** ..... 229
**TÊN HỌC PHẦN: CỜ VUA 1** ..... 233
**TÊN HỌC PHẦN: CỜ VUA 2** ..... 237
**TÊN HỌC PHẦN: CỜ VUA 3** ..... 240

**TÊN HỌC PHẦN: ĐƯỜNG LỐI QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** ..... 243
**TÊN HỌC PHẦN: CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH** ..... 251
**TÊN HỌC PHẦN: QUÂN SỰ CHUNG** ..... 258
**TÊN HỌC PHẦN: KỸ THUẬT CHIẾN ĐẤU BỘ BINH VÀ CHIẾN THUẬT** ..... 265
**TÊN HỌC PHẦN: SINH THÁI MÔI TRƯỜNG** ..... 272
**TÊN HỌC PHẦN: HÓA SINH THỰC VẬT** ..... 281
**TÊN HỌC PHẦN: DI TRUYỀN THỰC VẬT** ..... 288
**TÊN HỌC PHẦN: KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN RỪNG** ..... 295
**TÊN HỌC PHẦN: CÂY RỪNG** ..... 306
**TÊN HỌC PHẦN: SINH LÝ THỰC VẬT** ..... 316
**TÊN HỌC PHẦN: SINH THÁI RỪNG** ..... 327
**TÊN HỌC PHẦN: ĐẤT VÀ VI SINH VẬT ĐẤT RỪNG** ..... 336
**TÊN HỌC PHẦN: PHÂN BÓN LÂM NGHIỆP** ..... 349
**TÊN HỌC PHẦN: BẢN ĐỒ VÀ ĐO ĐẠC LÂM NGHIỆP** ..... 355
**TÊN HỌC PHẦN: CÔNG NGHỆ SINH HỌC** ..... 361
**TÊN HỌC PHẦN: THỐNG KÊ ỨNG DỤNG** ..... 368
**TÊN HỌC PHẦN: GIỐNG CÂY RỪNG** ..... 373
**TÊN HỌC PHẦN: ĐỊA LÝ THỰC VẬT** ..... 381
**TÊN HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC** ..... 389
**TÊN HỌC PHẦN: KỸ THUẬT LÂM SINH** ..... 396
**TÊN HỌC PHẦN: ĐIỀU TRA RỪNG** ..... 402
**TÊN HỌC PHẦN: CÔN TRÙNG RỪNG** ..... 406
**TÊN HỌC PHẦN: BỆNH CÂY RỪNG** ..... 417
**TÊN HỌC PHẦN: LỬA RỪNG** ..... 426
**TÊN HỌC PHẦN: VIỄN THÁM VÀ GIS ĐẠI CƯƠNG** ..... 432
**TÊN HỌC PHẦN: ỨNG DỤNG VIỄN THÁM VÀ GIS TRONG QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN RỪNG** ..... 438
**TÊN HỌC PHẦN: TRỒNG RỪNG** ..... 445
**TÊN HỌC PHẦN: ĐỘNG VẬT RỪNG** ..... 458
**TÊN HỌC PHẦN: BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC** ..... 464
**TÊN HỌC PHẦN: LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH LÂM NGHIỆP** ..... 470
**TÊN HỌC PHẦN: LÂM NGHIỆP XÃ HỘI** ..... 477
**TÊN HỌC PHẦN: NÔNG LÂM KẾT HỢP** ..... 482
**TÊN HỌC PHẦN: KHUYẾN NÔNG LÂM** ..... 489
**TÊN HỌC PHẦN: GỖ VÀ CÔNG NGHỆ GỖ** ..... 497
**TÊN HỌC PHẦN: LÂM SẢN NGOÀI GỖ** ..... 504
**TÊN HỌC PHẦN: QUY HOẠCH LÂM NGHIỆP VÀ ĐIỀU CHẾ RỪNG** ..... 511
**TÊN HỌC PHẦN: TIN HỌC THỐNG KÊ TRONG LÂM NGHIỆP** ..... 521
**TÊN HỌC PHẦN: SẢN LƯỢNG RỪNG** ..... 525
**TÊN HỌC PHẦN: DỊCH VỤ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG RỪNG** ..... 531
**TÊN HỌC PHẦN: QUẢN LÝ LƯU VỰC** ..... 537
**COURSE'S NAME: ENGLISH IN FORESTRY (TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH)** ..... 544
**TÊN HỌC PHẦN: TTGT ĐẤT VÀ VI SINH VẬT RỪNG** ..... 549
**TÊN HỌC PHẦN: TTGT CÂY RỪNG VÀ KỸ THUẬT LÂM SINH.** ..... 553
**TÊN HỌC PHẦN: TTGT GIỐNG, TRỒNG RỪNG, NLKH** ..... 559
**TÊN HỌC PHẦN: TTGT BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC, ĐỘNG VẬT RỪNG** ..... 563
**TÊN HỌC PHẦN: TTGT LỬA RỪNG, CÔN TRÙNG RỪNG VÀ BỆNH CÂY RỪNG** 568

**TÊN HỌC PHẦN: TTGT ĐIỀU TRA QUY HOẠCH RỪNG VÀ ĐIỀU CHẾ RỪNG 574**
**TÊN HỌC PHẦN: TTGT BẢN ĐỒ VÀ VIỄN THÁM LÂM NGHIỆP ..... 576**
**TÊN HỌC PHẦN: TTGT LÂM NGHIỆP XÃ HỘI VÀ LÂM SẢN NGOÀI GỖ ..... 580**
**TÊN HỌC PHẦN: RỪNG VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ..... 585**
**TÊN HỌC PHẦN: QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN LÂM NGHIỆP ..... 593**
**TÊN HỌC PHẦN: NGHIỆP VỤ HÀNH CHÍNH LÂM NGHIỆP ..... 599**
**TÊN HỌC PHẦN: KINH TẾ LÂM NGHIỆP ..... 605**
**TÊN HỌC PHẦN: SINH KHỐI VÀ CARBON RỪNG ..... 611**
**TÊN HỌC PHẦN: CÔNG TRÌNH LÂM NGHIỆP ..... 616**
**TÊN HỌC PHẦN: LÂM NGHIỆP ĐÔ THỊ ..... 622**
**TÊN HỌC PHẦN: KHAI THÁC GỖ TÁC ĐỘNG THẤP ..... 630**
**TÊN HỌC PHẦN: KIẾN THỨC SINH THÁI ĐỊA PHƯƠNG ..... 637**
**TÊN HỌC PHẦN: CÔNG CỤ VÀ MÁY LÂM NGHIỆP ..... 642**

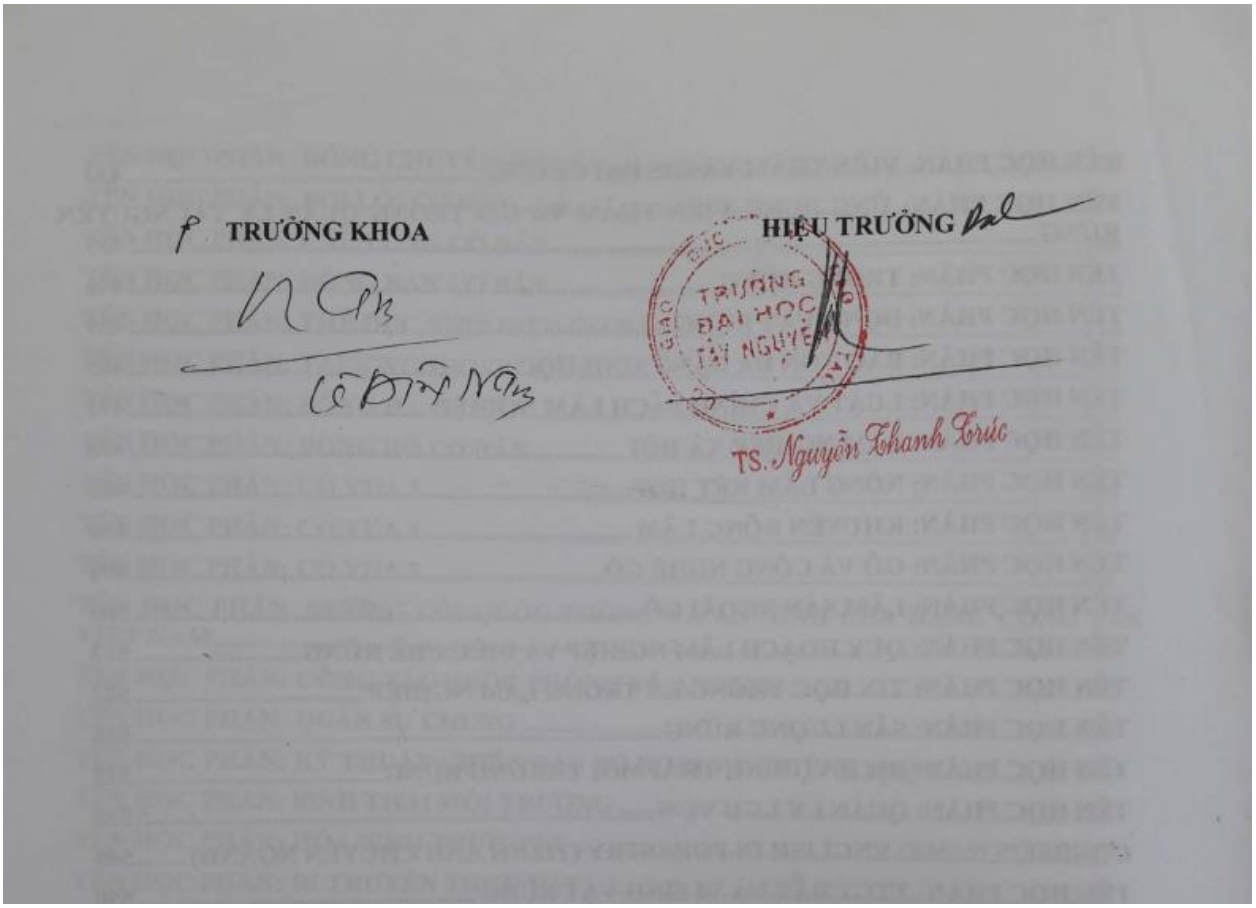

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Địa chỉ: 567 Lê Duẩn, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Điện thoại: (0262)3825185 . Fax: (0262)3825184
Website: www.ttn.edu.vn